

04.10.11

Vận Hành Của Nghiệp Tập II

Kính Dâng:

-HT Hộ Tông

-HT Hộ Nhân

Cùng các Bậc Trưởng Lão PGNT

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
*(Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri.)*

Vận Hành của Nghiệp

Tập II



Thiền Sư Pa-Auk Tawya Sayadaw

TK Pháp Thông dịch

Mục Lục

Mục Lục Cuốn II

- Nhiệm Vụ Của Quả..... 383
- Sanh Nghiệp.....383
 - ❖ Các Loại Tâm Quả
 - ❖ Các Pháp Tương Ứng
 - ❖ Sắc Thân của Chúng Ta
- Con Voi Sung Túc.....386
- Giàu Có Nhờ Tà Mạng.....388
- Chuyện Thiên Nữ Kaṇṇamunda...390
- Trì Nghiệp.....392
- Chương Nghiệp.....394
- Vua Tần-bà-sa-la.....395
- Các Vị Tỳ Kheo Tái Sanh Làm Nhạc Công Trên Cõi Trời.....396
- Vua A-xà-thế.....397
- Nữ Tỳ Khujjuttarā.....398
- Chương Nghiệp Trong Cuộc Sống...399
- Một Số Nghiệp Làm Mất Tác Dụng
 - Số Nghiệp Khác Cùng Cố Trì Nghiệp...400
- Hoàng Hậu Mallikā và Bốn Câu Hỏi.....401
- Đoạn Nghiệp.....404
- Các Chư Thiên Thối Đoạ... 405
- Vua A-xà-thế.....405
- Đề-bà-đạt-đa.....406
- Bāhiya Dārucīriya.....407
- Tôn Giả Aṅgulimāla.....410
- Thọ Săn Sunakhavājika.....411

- Cắt Đứt—Không Tạo Ra Quả—Ngăn Cấm.....412
- Tôn Giả Mục Kiền Liên..... 412
- Tôn Giả Cakkhupāla.....413
- Cắt Đứt—Không Tạo Ra Quả—Cho Phép..... 415
- Hoàng Hậu Sāmāvātī..... 415
- Năm Trăm Vị Tỳ Kheo.....417
- Cắt Đứt—Cho Quả Riêng.....422
- Ác Ma Dūsī..... 422
- Vua Kalābu..... 426
- Nguyên Tắc Đồng Nhất..... 428
- Tôn Giả Đề-bà-đạt-đa.....431
- Sự Giải Thích Của Đại Trưởng Lão Ledī.....432
- Đoạn Nghiệp Có Tính Đồng Nhất.....434
- Ba Vị Tỳ Kheo.....434
- Nga Quý Nandaka.....438
- Kết Luận.....440
- Thành Tựu hay Thuận Lợi.....447
 - ❖ Sanh Thú Thành Tựu
 - ❖ Sanh Y Thành Tựu
 - ❖ Thời Kỳ Thành Tựu
 - ❖ Sở Hành Thành Tựu
- Thất Bại hay Bất Lợi...443
 - ❖ Sanh Thú Thất Bại
 - ❖ Sanh Y Thất Bại
 - ❖ Thời Kỳ Thất Bại
 - ❖ Sở Hành Thất Bại
- Những Vận Hành Của Thành Tựu Và Thất Bại...449
- Sự Thành Tựu Ngăn Những Nghiệp Bất Thiện....449
- Sanh Thú Thành Tựu Ngăn Những Nghiệp Bất

Thiện...nt	
▪ Đao Phủ Tambadṭhika.....	450
▪ Sanh Y Thuận Lợi Ngăn Những Nghiệp Bất Thiện.....	451
▪ Thời Kỳ Thành Tựu Ngăn Những Nghiệp Bất Thiện.....	452
▪ Bạn Tốt và Bạn Xấu.....	453
▪ Chuyển Luân Vương.....	455
▪ Ví Dụ Điển Hình về Một Nhà Cai Trị Tốt...	456
▪ Sự Sa Đọa Của Kiếp Người.....	457
▪ Tội Thượng Bạn Hữu.....	459
▪ Tôn Giả Kiều Trần Như.....	461
▪ Tôn Giả Xá-Lợi-Phất và Tôn Giả Mục Kiền Liên...	461
▪ Vua A-Xà-Thế.....	462
▪ Cận Sự Nam Gavesī.....	464
▪ Sở Hành Thành Tựu Ngăn Những Nghiệp Bất Thiện.....	465
▪ Pukkusāti.....	467
▪ Đao Phủ Tambadāṭhika.....	468
▪ Tôn Giả Aṅgulimāla.....	469
▪ Sở Hành Thành Tựu Tội Thượng.....	469
▪ Tôn Giả Mục Kiền Liên.....	471
▪ Sở Hành Thành Tựu Chỉ Tạo Ra Quả An Vui...	472
▪ Sự Thất Bại Cho Phép Những Bất Thiện Nghiệp...	473
▪ Sanh Thú Thất Bại Cho Phép Những Bất Thiện Nghiệp.....	473
▪ Sanh Y Thất Bại Cho Phép Những Bất Thiện Nghiệp.....	474
▪ Thời Kỳ Thất Bại Cho Phép Những Bất Thiện Nghiệp.....	475

▪ Sớ Hành Thất Bại Cho Phép Những Bất Thiện Nghiệp.....	475
▪ Sùng Thần Của Vua.....	477
▪ Sự Thất Bại Ngăn Những Thiện Nghiệp...	480
▪ Sanh Thú Thất Bại Ngăn Những Bất Thiện Nghiệp.....	480
▪ Vua A-Xà-Thế.....	481
▪ Sanh Y Thất Bại Ngăn Những Bất Thiện Nghiệp...	482
▪ Vua Tiểu Đảo.....	482
▪ Thời Kỳ Thất Bại Ngăn Những Bất Thiện Nghiệp...	483
▪ Sớ Hành Thất Bại Ngăn Những Bất Thiện Nghiệp.....	484
▪ Trưởng Giả Mahādhana.....	485
▪ Làm Thế Nào Để Tránh Thất Bại.....	487
▪ Sự Thành Tựu Cho Phép Các Thiện Nghiệp...	494
▪ Sanh Thú Thành Tựu cho Phép Những Thiện Nghiệp.....	494
▪ Tôn Giả Pañcasīla Samādaniya.....	495
▪ Sanh Y Thành Tựu Cho Phép Những Thiện Nghiệp.....	495
▪ Thời Kỳ Thành Tựu Cho Phép Những Thiện Nghiệp.....	495
▪ Tôn Giả Mahāsoṇa.....	497
▪ Tôn Giả Vattabaka Nigrodha.....	500
▪ Sớ Hành Thành Tựu Cho Phép Những Thiện Nghiệp.....	501
▪ Tôn Giả Cūlasuddhamma.....	502
▪ Quan Cận Thân Vô Tội.....	503
▪ Ghi Chú Cuối Chương III (từ [62]-[240])... 	506-577
▪ Chương IV-‘Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’... 	578

▪ Người Hạ Liệt Kế Ưu Thắng.....	578
▪ Mười Bốn Cách.....	581
▪ Là Người Sát Sanh.....	582
▪ Nghiệp Quá Khứ Của Tôn Giả Mục Kiên Liên.....	583
▪ Là Người Không Sát Sanh.....	588
▪ Các Vị Tỳ Kheo Trường Thọ.....	591
▪ Tôn Giả PañcaSīla Giới Đức.....	591
▪ Āyu-Vaḍḍhana Kumāra Trường Thọ.....	594
▪ Người Hay Nãi Hại.....	598
▪ Nanda Tinh Quái.....	598
▪ Người Bẫy Chim Độc Ác.....	599
▪ Người Không Hay Nãi Hại.....	601
▪ Tôn Giả Bakula Vô Bệnh.....	603
▪ Là Người Phẫn Nộ Cấu Kinh.....	611
▪ Pañcapāpi Cau Có.....	612
▪ Suppabuddha Lãng Mạ.....	614
▪ Gái Điểm Báo Thủ.....	616
▪ Người Không Phẫn Nộ.....	618
▪ Tôn Giả Subhuti Từ Bi.....	618
▪ Tôn Giả Mahākaccāna Giống Như Vàng.....	627
▪ Người Ôm Lòng Đố Kỵ.....	632
▪ Trưởng Lão Tissa Đố Kỵ.....	632
▪ Người Không Ôm Lòng Đố Kỵ.....	639
▪ Uruvela Kassapa Hoan Hỷ.....	639
▪ Người Không Bố Thí.....	645
▪ Bà La Môn Todeyya Keo Kiệt.....	646
▪ Người Hay Bố Thí.....	648
▪ Tôn Giả Sīvali.....	649
▪ Người Ngạo Nghễ Kiêu Mạn.....	655
▪ Người Quét Rác Sunīta.....	657

▪ Thọ Cạo Tóc Upali.....	659
▪ Người Không Ngạo Nghễ Kiêu Mạn.....	663
▪ Tôn-giả Bhaddiya Thọ Sanh Cao Quý.....	664
▪ Không Phải Là Người Hay Hỏi.....	668
▪ Hoàng Tử Suppabuddha Thiếu Trí.....	671
▪ Là Người Hay Hỏi.....	675
▪ Tôn-giả Mahā-Koṭṭhika Hay Hỏi	679
▪ Kết Luận.....	684
▪ Ghi Chú Cuối Chương-Chương IV.....	688
▪ Chương V: Tạo Ra Một Con Người	695
▪ Giới Thiệu.....	
▪ Ví Như, Đây Các Tỷ-Kheo, Một Người Hoạ Sĩ...	698
▪ Bức Tranh Của Tôn Giả Jimbuka Đổ Kỵ.....	701
▪ Bức tranh của Ciñcamāṇavikā.....	705
▪ Bức Tranh của Cūlasubbhaddā Hiềm Hận.....	708
▪ Bức Tranh Của Đức Phật Độc Giác Mahāpaduma.....	714
▪ Bức Tranh của Công Chúa Sumanā.....	719
▪ Kết Luận.....	722
▪ Chương VI:	
▪ Sự Không Vận Hành Của Nghiệp.....	725
▪ Sắc Là Thường Hay Vô Thường.....	725
▪ Vô Thường.....	726
▪ Khổ.....	727
▪ Vô Ngã.....	728
▪ Chấp Thủ Năm Uẩn.....	728
▪ Do Đó, Đây Các Tỷ Kheo, Phàm Có Sắc Gì...	729
▪ Sắc.....	730
▪ Thọ.....	736

▪ Trí Hiểu Rõ Tam Tướng.....	741
▪ Trí Quán Sự Sanh & Diệt.....	742
▪ Trí Quán Sự Hoại Diệt.....	743
▪ Thấy Như Vậy, Này các Tỳ Kheo.....	744
▪ Vị Đa Văn Thánh Đệ Tử Nhàm Chán.....	745
▪ Sự Nguy Hiểm Nằm Trong Những Vận Hành Của Nghhiệp.....	749
▪ Xả Đồi Với Năm Uẩn.....	752
▪ Bốn Điên Đảo.....	753
▪ Quán Tính Chất Rỗng Không.....	754
▪ Năm Ảnh Dụ Về Sự Rỗng Không.....	755
▪ Rỗng Không Tự Ngã và Những Gì Thuộc Về Tự Ngã (Ngã Sở).....	757
▪ Này Mogharāja, Hãy Nhì Đòi Rỗng Không.....	758
▪ Ly Dị Năm Uẩn.....	760
▪ Tâm Người Ấy Rút lại.....	760
▪ Thấy Niết Bàn Là Tịnh Lạc.....	761
▪ Đạo Và Quả.....	762
▪ Bốn Đạo Trí.....	764
▪ Sự Không Vận Hành Của Nghiệp.....	769
▪ Bảng ‘5e: Tiến Trình Tâm Đạo’	772
▪ 1e: ‘Tâm Quả Siêu Thế’	775
▪ Hai Loại Niết Bàn.....	780
▪ Thức An Trú và Thức Không Trú.....	784
▪ Thức An Trú.....	784
▪ Ngũ, Tứ, và Nhất Uẩn Hữu.....	785
▪ Dòng Tâm Thức.....	788
▪ Thức Không An Trú.....	789

-
- | | |
|---|-----|
| ▪ Không Có Sự An Trú Trong Niết Bàn..... | 790 |
| ▪ 3e ‘Duyên Sanh Từ Kiếp Này Sang Kiếp Khác...’ | 791 |
| ▪ Những Điều Không Thể Xảy Ra Đối Với Thức...’ | 793 |
| ▪ Vị A-La-Hán Đi Về Đâu..... | 795 |
| ▪ Kết Luận..... | 796 |
| ▪ Ví Như, Này Các Tỷ Kheo, Một Hoa Sen Xanh, Đỏ,
hoặc Trắng..... | 797 |
| ▪ Những Ghi Chú Cuối Chương—Chương VI | |
| ▪ Phụ Lục 1: Bốn Mươi Đề Mục Thiên..... | 829 |
| ▪ Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật..... | 833 |
| ▪ Danh Sách Hùn Phước | |

NHIỆM VỤ CỦA QUẢ

Nghiệp bốn loại thứ hai mà chúng ta sẽ bàn đến được phân theo nhiệm vụ (*kiicca*). Khi nghiệp chín mùi, nó có thể làm một trong bốn nhiệm vụ⁴⁶³:

1. Sanh nghiệp (*janaka-kamma*)
2. Trì nghiệp (*upatthambhaka-kamma*)
3. Chương nghiệp (*upapīḷaka-kamma*)
4. Đoạn nghiệp (*upaghātaka-kamma*)

Như ở trước chúng ta đã nói, một bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp chỉ được hoàn thành khi có đủ một số yếu tố: trong đó bao gồm tư bất thiện hay tư thiện để hoàn thành một nghiệp. Nó được gọi là tư quyết định (*sannitṭhāna cetanā*). Những tư đến trước và sau tư quyết định thì được gọi là tư tiền và tư hậu (*pubb-āpara-cetanā*)⁴⁶⁴

Chỉ một mình **tư quyết định** làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh, trong khi đó các tư tiền và tư hậu

⁴⁶³ VsM.xix.687 (và VsMṬ) ‘*Kaṅkhā-Vitarāṇa-Visuddhi-Niddeso*’ (‘Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh’) PP.xix.16, và AbS.v.50 ‘*Kamma-Catukkam*’ (‘Bốn Loại Nghiệp’) CMA.v.18. Những giải thích ở đây được rút ra từ AA/AT.III.I.iv.4 ‘*Nidāna-Suttam*’ (‘Kinh Duyên’); đã trích dẫn ở ghi chú cuối chương 237, trang 575.

⁴⁶⁴ Về tư quyết định (hay tư cuối cùng), cũng xem “Một Bất Thiện Nghiệp Đạo” trang 256/Tập I. Về tư tiền và tư hậu, xem dưới mục ‘Hạ Liệt/Cao Thượng’ trang 119/Tập I.

làm nhiệm vụ như trì nghiệp, chướng nghiệp và đoạn nghiệp, cũng như sanh nghiệp khác.

SANH NGHIỆP

Nhiệm vụ của sanh nghiệp (*janaka-kamma*) là để tạo ra năm uẩn⁴⁶⁵ (danh-sắc),⁴⁶⁶ vào lúc tái sanh (*paṭisandhi-Thời Tục Sanh*), và trong suốt kiếp sống đó (*pavatti-Thời Bình Nhạt*).⁴⁶⁷ Sanh nghiệp có thể là thiện hoặc bất thiện.

Sanh nghiệp tạo ra tái sanh chỉ khi quả của nó xuất hiện ngay sau tâm tử trong kiếp trước.⁴⁶⁸ Sự tái sanh là sự xuất hiện cùng một lúc của ba pháp:⁴⁶⁹

1. Tâm hay thức tục sanh (*paṭisandhi-citta*): đó là thức uẩn.

⁴⁶⁵ Ở đây, phải hiểu là Ngài Pa Auk đang đề cập đến các chúng sanh trong cõi dục và sắc giới. Những chúng sanh trong cõi vô sắc chỉ có bốn danh uẩn (không có sắc uẩn), và các chúng sanh vô tưởng chỉ có sắc uẩn (không có danh uẩn) (VsM.xvii.638 '*Paññā-Bhūmi-Niddesa*' ('Giải Thích Về Đất Cho Tuệ Sanh') PP. xvii.192).

⁴⁶⁶ Năm uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn. Sắc uẩn là Sắc và bốn uẩn còn lại là Danh.

⁴⁶⁷ Sắc do thời tiết sanh có nghiệp là nhân được kể trong sắc uẩn (xem ghi chú 251/252, trang 201): chẳng hạn, một vài toà thiên cung trên cõi chư thiên (xem '*Kaṇṇamunda Devī*' trang 390), và Bảo Luân của một vị Chuyển Luân Vương (e.g. M.III.iii.9 '*Bāla-Paṇḍita-Suttaṃ*' ('Kinh Hiền-Ngu'))

⁴⁶⁸ Chi tiết, xem bảng '5a: Chết và Tái Sanh' trang 101/Tập I.

⁴⁶⁹ VsM.xvii.638 '*Paññā-Bhūmi-Niddesa*' ('Giải Thích Về Đất Cho Tuệ Sanh') PP. xvii. 188-196

2. Tâm sở tục sanh (*paṭisandhi-cetasika*):⁴⁷⁰ đó là các tâm sở của tâm tục sanh: thọ uẩn, tưởng uẩn, và hành uẩn.
3. Sắc thân của chúng sanh mới, hay sắc uẩn, một loại sắc do nghiệp sanh (*kamma-ja-rūpa*).

Vào lúc thụ thai, chỉ có ba loại tổng hợp mười sắc xuất hiện, đó là tổng hợp thân mười sắc (đoàn thân), tổng hợp tâm mười sắc (đoàn tâm), và tổng hợp tánh mười sắc (đoàn tánh). Sau khi thụ thai (trong suốt thời kỳ thai nghén) các loại sắc còn lại mới xuất hiện, bao gồm nhãn sắc, nhĩ sắc, tỷ sắc, và thiệt sắc, vốn cũng do nghiệp sanh.⁴⁷¹

Năm uẩn được tạo ra vào lúc tái sanh là kết quả của một nghiệp nào đó trong mười bất thiện nghiệp đạo hay mười thiện nghiệp đạo (*kamma-patha*). Chúng ta đã nói về những nghiệp đạo này ở một phần trước: sát sanh hay tránh xa sự sát sanh; trộm cắp hay tránh xa sự trộm cắp, tà dâm hay tránh xa sự tà dâm, ...⁴⁷²

Ngoài việc tạo ra năm uẩn vào lúc tái sanh, sanh nghiệp cũng còn tạo ra năm uẩn trong suốt kiếp sống. Nhưng không cùng một nghiệp như nghiệp đã tạo ra thức tái sanh,

⁴⁷⁰ Cũng gọi *paṭisandhi-nāma* (danh tục sanh)

⁴⁷¹ Chi tiết về các tổng hợp mười sắc, xem ‘Sắc Chân Đế’, trang 182/Tập I.

⁴⁷² Xem thêm ‘Các Nghiệp Đạo’, trang 234/Tập I

mà nó luôn luôn là nghiệp khác.⁴⁷³ Và, ở đây cũng vậy, nó là sự xuất hiện của ba pháp:

1. Các loại tâm quả (*vipāka citta*): đó là thức uẩn, vốn do nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, và thân thức, cũng như tiếp thọ tâm, suy đặc tâm, và đăng ký tâm làm thành.⁴⁷⁴
2. Các pháp tương ưng (*sampayutta dhamma*), các tâm sở (*cetasikas*) phối hợp với các loại tâm quả khác của chúng: đó là thọ uẩn, tưởng uẩn, và hành uẩn.
3. Sắc thân của chúng sanh: đó là sắc uẩn, vốn là sự tương tục của sắc do nghiệp sanh: sáu căn xứ,...

Bất kỳ loại bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp nào, không ngoại lệ, đều có thể tạo ra quả trong thời bình nhật (*pavatti*) của kiếp đó.

CONVOISUNG TÚC

Nghiệp như vậy đã được Đức Phật giải thích, chẳng hạn như trong Kinh Jāṇussoṇi, Đức Phật kể lại việc một người tái sanh làm voi:⁴⁷⁵

⁴⁷³ Tuy nhiên, nó vẫn có thể là nghiệp khác của cùng tính đồng nhất (TiG.xvi.1 ‘Sumedhā-Therī-Gāthā’ (‘Những Bài Kệ của Trưởng Lão Ni Sumedhā’). Xem ‘Nguyên Tác Đồng Nhất’, trang 421.

⁴⁷⁴ Chi tiết, xem bảng ‘5b: Tiến Trình Ngũ Môn’ trang 295/Tập I.

⁴⁷⁵ A.X.IV.ii.11 ‘Jāṇussoṇi-Suttam’ (‘Kinh Jāṇussoṇi’)

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến, nhưng người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.

Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài voi. Tại đây, con voi ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác. Vì rằng, ở đây, này Bà-la-môn, có sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến, do vậy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các loài voi. Nhưng vì rằng vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; do vậy, tại đây vị ấy được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác.

Ở đây, nghiệp bất thiện của người đó làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, tạo ra sự tái sanh của cô ta hay anh ta như một con voi. Nhưng thiện nghiệp mà người này tích tạo đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp trong đời sống bình nhật, đó

là giúp cho con voi được khoẻ mạnh, tạo ra cuộc sống hạnh phúc, và duy trì cuộc sống hạnh phúc của con voi ấy⁴⁷⁶.

GIÀU CÓ NHỜ TÀ MẠNG

Tương tự như vậy, một người được tái sinh làm người và có thể trở nên giàu có nhờ tà mạng: chẳng hạn, có người làm giàu nhờ sát sanh, trộm cắp, và mua bán vũ khí... Và quý vị có thể hỏi: *‘Nhưng làm thế nào nghiệp bất thiện lại có thể tạo ra một quả đáng mong ước, vừa lòng và khả ý được, Đức Phật nói đó là điều bất khả cơ mà?’*⁴⁷⁷

Ở đây, không phải nghiệp bất thiện của người ấy cho quả thiện, mà vẫn chỉ có thiện nghiệp làm công việc đó. Trong một kiếp trước cô ta hay anh ta từng làm ra tiền và hoạch đắc tài sản nhờ sát sanh, trộm cắp, và mua bán vũ khí... Rồi dùng tiền đó cô ta hay anh ta tạo tác những thiện nghiệp, chẳng hạn như cúng dường đến các sa-môn và Ba-la-môn. Trong khi làm những thiện nghiệp ấy, cũng có thể cô ta hay anh ta đã nguyện được thành công trong việc làm ăn buôn bán. Và một trong những thiện nghiệp đó bây giờ làm nhiệm vụ như sanh nghiệp tạo ra sự tái sinh của cô ta hay anh ta như con người. Nhưng những nghiệp khác trong số ‘nghiệp cúng dường’ ấy làm nhiệm vụ như sanh nghiệp chỉ

⁴⁷⁶ PaD.145 ‘vīthi-Mutta Saṅgaha Param-Attha-Dīpaṇī’

⁴⁷⁷ Xem trích dẫn ở mục ‘Những Quả Có Thể Xây Ra và Không Thể Xây Ra’, trang 83/Tập I.

khi cô ta hay anh ta hoàn thành những bất thiện nghiệp như trước, có nghĩa là cô ta hay anh ta chỉ trở nên giàu có nhờ làm ăn bất chánh (tà mạng). Chúng ta có thể bắt gặp những trường hợp như vậy ở bất kỳ đất nước nào: một người làm ăn chân chánh (Chánh Mạng) thì không thành công, nhưng nếu làm ăn bất chánh họ lại rất thành công.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng họ sẽ không phải gánh chịu những bất thiện nghiệp mà họ đã làm: Nghiệp bất thiện của họ trong một kiếp sau nào đó có thể sẽ làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra một sự tái sanh bất hạnh, cũng như sẽ làm nhiệm vụ như trì nghiệp bất thiện trong cuộc sống bình nhật của họ kiếp đó.

Ví dụ khác về cách sanh nghiệp làm nhiệm vụ trong đời sống bình nhật được thấy trong tích chuyện gọi là ngọc quý có lâu đài (*vimāna-peta*):⁴⁷⁸ sanh nghiệp thiện tạo ra một thân hình đẹp đẽ, ... và những thiên lạc cho một người như vậy, nhưng sanh nghiệp bất thiện lại tạo ra một loại hành hạ nào đó liên quan đến bất thiện nghiệp họ đã tạo.

CHUYỆN THIÊN NỮ KANĀMUNDA

⁴⁷⁸ PaD.Ibid.

Một ví dụ về điều này là trường hợp của nàng thiên nữ và con chó bị cắt tai (kaṇṇa-muṇḍa sunakha).⁴⁷⁹ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa⁴⁸⁰, có một nhóm thiện tín, là những cặp vợ chồng, đã thực hành pháp bố thí (*dāna*), trì giới (*sīla*) và tu thiền (*bhāvanā*) cùng nhau. Ngày kia, một gã cờ bạc đã đánh cược với đám bạn bè của hắn rằng hắn có thể làm cho một trong những người vợ giới đức ấy phá giới, và khiến cô ta phạm tội tà dâm. Và hắn đã thành công. Đám bạn trả tiền cho gã cờ bạc, và kể lại chuyện đó cho chồng của cô ta nghe. Khi người chồng hỏi cô ta về việc có phải cô ta đã phạm tội tà dâm hay không, cô ta chối bỏ việc ấy. Và, chỉ vào một con chó, cô thề: *‘Nếu em có làm một hành động tội lỗi như vậy, thì bất cứ khi nào em được sanh ra, cầu cho con chó đen bị cắt tai này sẽ cắn em đi!’*

Người phụ nữ này sau đó qua đời, với tâm tràn ngập hối hận. Bất thiện nghiệp nói dối (về chuyện tà dâm) của cô ta đã khiến cô tái sanh như một nga quý có lâu đài (*vimāna-peti*). Nhưng nhờ thiện nghiệp, cô ta xinh đẹp và có nhiều lâu đài làm bằng vàng và bằng bạc,⁴⁸¹ trên bờ hồ Kaṇṇamuṇḍa ở

⁴⁷⁹ PvA.ii.12 ‘Kaṇṇamuṇḍa-Peti-Vatthu-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả về Trường Hợp của Nga Quý Kaṇṇamuṇḍa’), ở đây Kaṇṇamuṇḍa vừa là tên của một cái hồ, và cũng vừa có nghĩa là ‘bị cắt tai’.

⁴⁸⁰ Đức Phật Kassapa (Ca-diếp): vị Phật xuất hiện trước Đức Phật Thích Ca (Buddha Gotama). Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dối Chư Phật’ cuối Tập II.

⁴⁸¹ Đây là sắc do thời tiết sanh có nghiệp là nhân: xem ghi chú 467, trang 384.

Himalayas.⁴⁸² Và cô ta có năm trăm nữ tỳ.⁴⁸³ Cô được hưởng các lạc thú cõi trời (thiên lạc) qua năm căn: thiên y, châu ngọc, vòng hoa, hương liệu, các món ăn thức uống của cõi trời, sàng toạ làm bằng vàng và bạc, lầu đài của cô có những bậc cấp bằng vàng, những bông hoa thơm xinh đẹp, và những hàng cây trĩu nặng đủ các loại quả, và tiếng hót của các loài chim, cũng như mùi hương thơm dễ chịu từ các loài hoa lá lan toả ra ở khắp mọi nơi. Nói chung cảnh vật xung quanh rất là xinh đẹp. Nhưng bên cạnh toà lầu đài của cô ta, một nghiệp bất thiện đã tạo ra một hồ sen. Và hằng đêm, cứ giữa khuya cô lại bật dậy khỏi giường và đi xuống hồ sen. Ở đó, nghiệp tà dâm và nghiệp nói dối của cô sẽ tạo ra một con chó đen to lớn với đôi tai bị cắt, hiện tướng đáng sợ nhất. Con chó tấn công và ăn ngấu nghiến cô ta. Khi cô ta chỉ còn lại bộ xương, con chó sẽ quăng nó xuống hồ, và biến mất. Lúc đó cô ta trở lại trạng thái bình thường của mình, và quay lại lầu đài. Sự việc như vậy cứ xảy ra hàng ngày: những phước nghiệp giống nhau (*puñña-kamma*) sẽ tạo ra các thiên lạc, và những ác nghiệp giống nhau sẽ tạo ra sự hành hạ dưới hình thức bị tấn công và ngấu nghiến bởi con chó đen.⁴⁸⁴

⁴⁸² Hồ Kaṇṇamuṇḍa: một trong những hồ được Đức Phật nhắc đến trong A.VII.vii.2 (*Satta-Sūriya-Suttam*) ('Kinh Bảy Mặt Trời'): xem ghi chú 21, trang 9.

⁴⁸³ Những người vợ khác trong nhóm, khi được hỏi, cũng phủ nhận việc biết (chuyện tà dâm của cô ta), và còn thề rằng nếu họ biết việc ấy, họ sẽ làm nô tỳ cho cô ta trong những kiếp sống tương lai.

⁴⁸⁴ những nghiệp giống nhau: xem 'Nguyên Tắc Đồng Nhất' trang 424.

TRÌ NGHIỆP

Nhiệm vụ của trì nghiệp (*upatthambhaka-kamma*) không phải để tạo ra quả riêng của nó, mà là để củng cố cho quả của một sanh nghiệp.⁴⁸⁵ Nói đúng hơn nhiệm vụ của trì nghiệp là để củng cố cho tính chất (lạc hay khổ) của quả đã sanh, hoặc để củng cố cho thời gian của quả (tức làm cho quả được kéo dài ra). Trì nghiệp cũng có trì nghiệp thiện và bất thiện: trì nghiệp bất thiện củng cố cho nghiệp bất thiện, và trì nghiệp thiện củng cố cho nghiệp thiện.

Chẳng hạn như các tốc hành cận tử (*maraṇa-sanna-javana*). Chúng ta biết trong các tiến trình tâm cận tử (*maraṇ-āsanna-vīthi*) tốc hành tâm chỉ có năm, thay vì bảy như bình thường: điều đó có nghĩa là chúng quá yếu để tạo ra tái sanh.⁴⁸⁶ Như vậy chúng chỉ củng cố cho sanh nghiệp tạo ra tái sanh, bằng cách giúp cho nó tạo ra một sự tái sanh thích hợp. Nếu sanh nghiệp là bất thiện, các tốc hành của tiến trình cận tử cũng sẽ là bất thiện: chúng sẽ củng cố tính chất bất thiện cho sanh nghiệp, để tạo ra sự tái sanh như một ngựa quý, súc sanh, hay tái sanh trong địa ngục. Nếu sanh nghiệp là thiện, các tốc hành của tiến trình cận tử cũng sẽ là thiện và

⁴⁸⁵ AA.III.iv.4 'Nidāna-Suttaṃ' ('Kinh Duyên'), và VsM.xix.687 'Kaṅkhā-Vitaraṇa-Visuddhi-Niddeso' ('Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh') PP.xix.16

⁴⁸⁶ Chi tiết, xem bảng '5a: Chết và Tái Sanh', trang 101/Tập I.

chúng sẽ củng cố tính chất thiện cho sanh nghiệp, để tạo ra tái sanh như một con người hay một chư thiên. Trì nghiệp củng cố cho một sanh nghiệp theo cách đó.

Trì nghiệp cũng củng cố cho quả của sanh nghiệp, nghĩa là chúng củng cố cho những cảm thọ quả lạc hay khổ, và làm cho những cảm thọ này tồn tại lâu hơn. Chẳng hạn,⁴⁸⁷ khi một thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như một sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người, thì trì nghiệp thiện sẽ giúp duy trì những pháp quả, hay giúp cho sự tương tục của năm uẩn: ở đây phải hiểu trợ giúp bằng cách giữ cho con người ấy được khoẻ mạnh, có một cuộc sống an vui,... chẳng hạn, nhờ hoàn thành những thiện nghiệp như bố thí, giữ giới, tu thiền, một người có thể kéo dài được tình trạng sức khoẻ, và thọ mạng của mình theo phước thiện đó. Ngược lại, khi một bất thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp trong đời sống bình nhật, bằng cách tạo ra một chứng bệnh đau đớn cho một người, thì trì nghiệp bất thiện có thể ngăn hiệu quả của việc chữa trị thuốc men, vì vậy khiến cho bệnh tình của họ phải kéo dài ra. Chẳng hạn, do hoàn thành những bất thiện nghiệp như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu và bia..., một người có thể giúp làm suy yếu các căn (mắt kém, tai điếc, tâm trí u ám..), huỷ hoại sức khoẻ, và rút ngắn tuổi thọ của mình nhanh hơn.

⁴⁸⁷ PaD.145 'Vīthi-Mutta Saṅgaha Param-Attha-Dīpanī'.

Tương tự, khi bất thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như một sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm một con vật, thì trì nghiệp bất thiện có thể củng cố cho bất thiện nghiệp khác nhờ thế nó chín mùi và làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra những quả khổ. Trì nghiệp bất thiện cũng có thể kéo dài cuộc sống bất hạnh của con vật, theo đó tính chất liên tục của các quả bất thiện sẽ kéo dài ra thêm.

CHƯƠNG NGHIỆP

Nhiệm vụ của chương nghiệp (*upapīḷaka-kamma*) là để làm mất tác dụng và cản trở (sanh nghiệp). Nó làm cho kết quả của nghiệp khác mất tác dụng nhưng không tạo ra một quả nào của riêng nó. Chương nghiệp cũng có thể là bất thiện hoặc thiện: bất thiện nghiệp làm mất tác dụng thiện nghiệp, và thiện nghiệp làm mất tác dụng bất thiện nghiệp.

Chẳng hạn, khi thiện nghiệp của một người làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người, chương nghiệp bất thiện có thể làm phát sanh những chứng bệnh thích hợp để ngăn không cho người ấy hưởng những quả an vui mà sanh nghiệp thiện đúng lẽ sẽ tạo ra nếu không có nó. Như vậy, ngay cả những quả của sanh nghiệp mạnh mẽ cũng có thể bị mất tác dụng bởi nghiệp được xem là đối nghịch trực tiếp với nó.

Bất thiện nghiệp có thể làm mất tác dụng thiện nghiệp vốn tạo ra tái sanh trong một cảnh giới cao hơn vì thế một

người phải bị tái sanh vào cảnh giới thấp hơn, và thiện nghiệp có thể làm mất tác dụng bất thiện nghiệp tạo ra tái sanh trong địa ngục lớn vì thế một người chỉ còn tái sanh vào một địa ngục nhỏ hơn hay trong ngạ quỷ giới mà thôi. Bất thiện nghiệp cũng có thể làm mất tác dụng một thiện nghiệp tạo ra tái sanh trường thọ, vì thế, một người chỉ còn một cuộc sống ngắn ngủi. Bất thiện nghiệp có thể làm mất tác dụng thiện nghiệp tạo ra tái sanh đẹp đẽ vì thế một người phải có một diện mạo xấu xí hoặc bình thường.⁴⁸⁸ Cuối cùng, bất thiện nghiệp có thể làm mất tác dụng thiện nghiệp tạo ra tái sanh trong một gia đình thượng lưu vì thế một người phải bị tái sanh vào một gia đình hạ đẳng.

VUA TÀN-BÀ-SA-LA (*BIMBISĀRA*)

Một ví dụ về trường hợp bất thiện nghiệp làm mất tác dụng cảnh giới tái sanh là Đức Vua Tàn-bà-sa-la, cha của Vua A-xà-thế. Vua Tàn-bà-sa-la là một bậc Thánh Nhập Lưu và là một đại hộ pháp cho Đức Phật và Tăng Chúng: rất được thần dân của ông yêu quý. Với tất cả những thiện nghiệp đã tạo, lẽ ra vua có thể tái sanh làm một vị chư thiên cõi cao. Nhưng do bị dính mắc vào cuộc sống như một vị chư thiên, nên đức vua đã phải tái sanh làm một vị chư thiên cấp thấp, trong nhóm chư thiên tùy tùng của Tỳ-Sa-Môn

⁴⁸⁸ Về ví dụ, có thể xem tích chuyện ‘Pañcapāpi’, trang 612

Thiên Vương (*Vessavaṇa*), một trong Tứ Đại Thiên Vương (*Cātu-Mahā-Rājikā*).⁴⁸⁹

CÁC VỊ TỖ-KHEO TÁI SANH LÀM NHẠC CÔNG TRÊN CỖ TRỜI

Một ví dụ về nghiệp bất thiện làm mất tác dụng cảnh giới tái sinh là câu chuyện về ba vị Tỳ-kheo giới đức đề cập trong Kinh Đế Thích Sở Vấn (*Sakka-Pañhā-Sutta*)⁴⁹⁰. Kinh nói rằng, dựa trên giới trong sạch của mình, ba vị Tỳ-kheo này đã hành thiền chỉ và thiền Minh sát thành công, nhưng các vị không đắc một tầng Thánh nào cả. Tuy nhiên giới của các vị trong sạch đến mức nếu muốn sanh về cõi chư thiên nào các vị chắc chắn sẽ được sanh về đó. Ngoài ra, vì các vị đã đắc các bậc thiền, nên các vị cũng có thể được tái sinh vào một trong những Phạm Thiên giới. Nhưng vào lúc chết, các vị đã không tái sinh về Phạm Thiên giới, mà lại tái sinh như những nhạc công và vũ công trong cõi chư thiên Càn-thát-bà (*Gandhabba*). Tại sao? Bởi vì trong nhiều kiếp quá khứ các vị đã từng nhìn thấy những vị chư thiên như vậy. Vì thế những thiện nghiệp cao thượng của các vị đã bị sự luyến ái đối với cuộc sống của các nhạc công và vũ công trong cõi

⁴⁸⁹ Đức Vua đã giải thích điều này cho Đức Phật trong Trường Bộ Kinh II ('Janavasabha-Suttam' – 'Kinh Xa-ni-sa')

⁴⁹⁰ D.ii.8 'Kinh Đế Thích Sở Vấn'. Trường hợp của ba vị Tỳ-kheo này được bàn đến chi tiết hơn ở mục 'Ba Vị Tỳ-kheo', trang 433 sau.

Tứ Đại Thiên Vương (*Cātu-Mahā-Rājikā*) này làm cho mất tác dụng.

VUA A-XÀ-THẾ

Kế tiếp, chúng ta có thể đề cập đến Vua A-xà-thế (*Ajātasatu*) như một ví dụ về thiện nghiệp làm mất tác dụng cảnh giới tái sinh (xấu). A-xà-thế đã giết chết cha của mình: Đức vua Tần-bà-sa-la, người mà chúng ta vừa đề cập ở trên. Như đã nói, giết cha là một trong sáu trọng nghiệp bất thiện (*akusala-garuka kamma*).⁴⁹¹ Những trọng nghiệp này sẽ tạo ra tái sinh trong A-tỳ Địa Ngục. Tuy nhiên, sau đó Vua A-xà-thế đã kiến tạo được đức tin rất lớn nơi Đức Phật và Giáo Pháp của ngài. Đức tin này có sức mạnh thiện đến độ nó đã làm cho trọng nghiệp bất thiện mất tác dụng, và thay vì phải bị tái sinh trong A-tỳ Địa Ngục, vua đã tái sinh trong một địa ngục nhỏ hơn (*ussada*), và trong một thời gian cũng ngắn hơn.⁴⁹² Trong tương lai, vua sẽ trở thành một vị Phật Độc Giác với tên Vijitāvī. Vào lúc Bát-Niết-Bàn, vua sẽ thoát khỏi mọi khổ đau.

NỮ TỶ KHUJJUTTARĀ

⁴⁹¹ Xem ‘Trọng Nghiệp Bất Thiện’, trang 348/Tập I.

⁴⁹² DA.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Sutta-Vañṇanā’ (‘Mô Tả Về Kinh Sa-Môn Quả’) giải thích rằng sau sáu mươi ngàn năm vua sẽ thoát khỏi địa ngục này, thay vì phải chịu nhiều trăm ngàn năm theo thông thường.

Đối với trường hợp nghiệp bất thiện làm mất tác dụng địa vị của con người, chúng ta có thể kể đến nữ tỳ Khujjuttarā, như một ví dụ: cô là nữ tỳ của Hoàng Hậu Sāmāvati.⁴⁹³

Có lần, trong một kiếp quá khứ, cô đã nhại một Vị Phật Độc Giác vì vị này hơi bị gù lưng. Nghiệp bất thiện đó đã làm chướng ngại việc tái sanh làm người của cô, vì thế mà cô bị gù lưng.

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Ca-diếp, cô là con gái của một viên trưởng khó, cô có một người bạn gái là Tỳ-kheo ni đã đắc A-la-hán. Ngày nọ, trong khi Khujjuttarā đang ngồi trang điểm, vị Tỳ-kheo ni bạn tới thăm. Do người hầu gái của Khujjuttarā không có ở đó, nên Khujjuttarā đã nhờ vị Tỳ-kheo Ni này lấy giùm cho mình chiếc giỏ đựng đồ trang sức. Vị Thánh Ni này biết rằng nếu cô từ chối, Khujjuttarā sẽ mang lòng oán hận, mà điều này sẽ đưa cô ta xuống địa ngục khi tái sanh. Ngược lại, nếu cô nghe lời, Khujjuttarā sẽ phải tái sanh làm nữ tỳ. Trong hai sự chọn lựa, cách sau vẫn tốt hơn, vì thế Thánh Ni này đã trao cái giỏ trang sức cho Khujjuttarā. Nghiệp bất thiện nhờ một vị Thánh A-la-hán phục vụ mình này đã làm chướng ngại việc

⁴⁹³ Câu chuyện của Khujjuttarā đã được liên hệ lại ở phần cuối câu chuyện của Hoàng Hậu Sāmāvati, DhPA.ii.1 ‘Sāmāvati-Vatthu’ (‘Câu Chuyện Của Sāmāvati’).

tái sinh làm người của cô ta, và cô ta phải sinh làm một nữ tỳ.⁴⁹⁴

CHƯƠNG NGHIỆP TRONG CUỘC SỐNG

Cũng vậy, trong đời sống hàng ngày, có vô số những trường hợp chương nghiệp can thiệp vào cuộc sống của chúng ta.⁴⁹⁵ Chẳng hạn, nghiệp bất thiện trong cõi người sẽ làm chương ngại thiện nghiệp tạo ra năm uẩn, nghĩa là nó sẽ giúp cho nghiệp bất thiện chín mùi sớm hơn để tạo ra khổ đau và thất bại trong các lãnh vực sức khoẻ, tài sản, gia đình và bè bạn...⁴⁹⁶ Ngược lại, trong cõi ngạ quỷ và súc sanh, chương nghiệp thiện có thể làm mất tác dụng sanh nghiệp bất thiện vốn đã tạo ra sự tái sinh bất hạnh của chúng sanh này, và góp phần tạo ra cho họ những cơ hội thanh thản và an vui hơn.

⁴⁹⁴ Về những trường hợp bất kính đối với các bậc trưởng lão hay những người tốt hơn khác, xem 'Người Ngạ Quỷ và Kiêu Mạn', trang 657.

⁴⁹⁵ MA.III.iv.5 'Cūḷa-Kamma-Vibhaṅga-Suttaṃ' ('Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt').

⁴⁹⁶ Chẳng hạn, xem hành động tàn ác đối với các loài thú vật trong quá khứ đã gây chương ngại cho sức khoẻ của một người như thế nào trong '*Chuyện Người Bầy Chim Độc Ác*', trang 599, hay nghiệp xấu do ganh tỵ tác động đối với một bậc A-la-hán đã làm chương ngại (trong việc tìm kiếm) thức ăn, thức uống trong '*Chuyện Trưởng Lão Tissa Đổ Kỵ*' trang 634, và hành động tà dâm trước đây đã làm chương ngại trong những mối quan hệ với gia đình và người phối ngẫu ra sao trong '*Bức Tranh của Đức Phật Độc Giác Mahāpaduma*' trang 715.

MỘT SỐ NGHIỆP LÀM MÁT TÁC DỤNG (CHƯƠNG NGHIỆP)-SỐ NGHIỆP KHÁC CÙNG CỐ (TRÌ NGHIỆP)

Chúng ta có thể đề cập đến Hoàng Hậu Mallikā như một ví dụ cho chương nghiệp và trì nghiệp cùng làm việc trong một kiếp sống. Nguồn gốc ban đầu nàng là một cô gái chuyên bán vòng hoa nghèo nàn với dung sắc bình thường.⁴⁹⁷ Một hôm, nàng đi đến công viên, mang theo mấy món tráng miệng để ăn. Trên đường, nàng gặp Đức Phật đang đi khát thực. Đức tin mãnh liệt khởi lên, ngay lập tức nàng đặt hết tất cả những món tráng miệng ấy vào bát của Ngài, với tâm tràn đầy hoan hỷ.⁴⁹⁸ Rồi nàng cung kính đánh lễ Đức Phật. Sau đó, Đức Phật mỉm cười. Và ngài nói với Ānanda rằng do quả của việc cúng dường này, ngay ngày hôm nay Mallikā sẽ trở thành chánh cung hoàng hậu của Vua Pasenadi.

Lúc bấy giờ Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đang trên lưng ngựa trở về Sāvatti sau trận đánh thất bại với Vua Ajātasattu (A-xà-thế), và không được vui. Trong khi đó, Mallikā ngồi trong công viên, hát vì hoan hỷ với việc cúng dường vừa làm của mình. Vua Pasenadi nghe tiếng hát của

⁴⁹⁷ JA.vii.10 (451) ‘Kummāsa-Piṇḍi-Jātaka-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Về Chuyện Tiên Thân Cúng Dường Món Ăn Tráng Miệng’)

⁴⁹⁸ Điều này làm cho nghiệp trở thành vô trợ (a-saṅkhārika): xem ‘Vô Trợ và Hữu Trợ’ trang 106.

cô, và đi tới gần. Đức Vua trò chuyện với cô, và khám phá ra là cô ta chưa có chồng. Thế là vua ở lại với cô một lúc để được cô an ủi. Sau đó, Đức Vua, được sự cho phép của cha mẹ Mallikā, đã cưới cô về làm vợ, và ngay ngày hôm đó, Vua đã phong cho cô làm chánh cung hoàng hậu. Việc cúng dường với tâm hoan hỷ và việc cung kính đánh lễ của Mallikā đối với Đức Phật đã làm nhiệm vụ như hiện báo nghiệp (nghiệp cho quả ngay trong hiện tại).⁴⁹⁹

Một hôm, Hoàng Hậu Mallikā đi đến Đức Phật để hỏi Ngài bốn câu hỏi về những vận hành của nghiệp:⁵⁰⁰

1. Thứ nhất, Hoàng Hậu Mallikā hỏi tại sao có một số người nữ lại xấu xí, nghèo hèn, và không có thể lực. Đức Phật giải thích rằng nghiệp sân hận và cấu kính trong quá khứ của một người đã khiến cho họ bị xấu xí; nghiệp quá khứ không bố thí, cúng dường, và keo kiệt, bòn xén của một người đã khiến cho họ nghèo khó; và nghiệp quá khứ ganh tỵ với những lợi đắc và danh vọng của người khác đã khiến cho họ không có thể lực. Ở đây, tất cả những nghiệp bất thiện ấy đã làm mất hiệu lực thiện nghiệp cho quả tái sanh làm người.⁵⁰¹

⁴⁹⁹ Về những cúng dường cho quả tức thì khác, xem ghi chú cuối chương 196, trang 562.

⁵⁰⁰ A.IV.IV.v.7 (197) ‘Māllikā-Devī-Suttam’ (‘Kinh Hoàng Hậu Mallikā’)

⁵⁰¹ Những giải thích này đã được Đức Phật đưa ra chi tiết hơn trong ‘Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’.

Qua câu chuyện của Mallikā chúng ta có thể thấy rằng bất thiện nghiệp đã gây chướng ngại việc tái sanh làm người của cô ta, vì thế cô đã được sinh ra với dung sắc tầm thường, trong một gia đình của người thợ làm vòng hoa nghèo khó, và không có thế lực.

2. Thứ hai, Hoàng Hậu Mallikā hỏi tại sao có một số người nữ tuy xấu xí, nhưng lại giàu sang và có thế lực lớn. Đức Phật giải thích rằng nghiệp sân hận và cấu kinh trong quá khứ của một người khiến cho họ xấu xí, trong khi nghiệp cúng dường và bố thí khiến họ được giàu sang, nghiệp không ganh tỵ với lợi đắc, danh vọng của người khác (hoan hỷ-muditā, với thành công của người khác) khiến cho họ là người có thế lực. Ở đây, bất thiện nghiệp sân hận và cấu kinh đã gây chướng ngại cho thiện nghiệp cho quả tái sanh làm người, trong khi thiện nghiệp bố thí và không ganh tỵ thì củng cố cho sanh nghiệp.

Chúng ta có thể thấy điều này trong trường hợp của Mallikā, thiện nghiệp cúng dường Đức Phật tất cả phần thức ăn của cô đã củng cố cho thiện nghiệp vốn đã cho cô được tái sanh làm người, nhờ vậy cô trở thành chánh cung hoàng hậu của đức Vua Pasenadi, với thế lực rất lớn.

3. Thứ ba, Hoàng Hậu Mallikā hỏi tại sao một số người nữ xinh đẹp, nhưng lại nghèo khó và không có thể lực. Đức Phật giải thích rằng nghiệp quá khứ không sân hận và cấu kinh của một người đã khiến cho họ được xinh đẹp, trong khi sự keo kiệt, bủn xỉn đã làm cho họ nghèo khó, và sự ganh tỵ làm cho họ không có thể lực. Ở đây, thiện nghiệp không sân hận và cấu kinh đã củng cố thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người (xinh đẹp), trong khi những bất thiện nghiệp bủn xỉn và ganh tỵ đã làm chướng ngại thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người.
4. Thứ tư, Hoàng Hậu Mallikā hỏi tại sao một số người nữ được xinh đẹp, giàu sang, và có thể lực lớn. Đức Phật giải thích rằng nghiệp quá khứ không sân hận và cấu kinh của một người làm cho họ được xinh đẹp, bổ thí làm cho họ giàu sang, và không ganh tỵ làm cho họ có quyền thế. Ở đây, tất cả những thiện nghiệp đã củng cố thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người của họ.

Sau khi nghe xong lời dạy của Đức Phật, Hoàng Hậu Mallikā đã nguyện sẽ không bao giờ sân hận và cấu kinh, đồng thời sẽ luôn luôn bố thí, và không bao giờ ganh tỵ đối với những người khác về lợi đắc và danh vọng của họ. Và bà xin quy y nơi Đức Phật.

ĐOẠN NGHIỆP

Đoạn nghiệp (*upaghātaka-kamma*) làm nhiệm vụ theo ba cách:⁵⁰²

1. Nó chặn đứng nghiệp yếu hơn, không tạo ra quả, và không cho phép nghiệp khác tạo ra quả của nó.
2. Nó chặn đứng nghiệp yếu hơn, không tạo ra quả, và cho phép nghiệp khác tạo ra quả của nó.
3. Nó chặn đứng nghiệp yếu hơn, và tạo ra quả của chính nó.

Đoạn nghiệp cũng có bất thiện và thiện. Có thể nói đoạn nghiệp giống như một lực làm dừng lại một mũi tên đang bay, và làm cho mũi tên ấy phải rơi xuống. Chẳng hạn, sanh nghiệp thiện có thể tạo ra tái sanh làm một vị chư thiên, nhưng một đoạn nghiệp bất thiện nào đó thành linh có thể chín mùi khiến cho vị chư thiên ấy phải chết, và tái sanh làm một con thú, hay tái sanh như ngựa quý, hoặc tái sanh trong địa ngục.

Đôi khi, đoạn nghiệp làm việc y như cách chương nghiệp làm việc, nghĩa là nó chặn đứng quả của một nghiệp yếu hơn chỉ trong một kiếp sống. Điều đó có nghĩa rằng nghiệp yếu hơn này vẫn có thể tạo ra quả trong một kiếp sau nào đó.

⁵⁰² MA.III.iv.5 ‘Cūḷa-Kamma-Vibhaṅga-Sutta-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Về Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’) & AA.III.I.iv.4 ‘Nidāna-Sutta-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Về Kinh Duyên’)

CÁC CHƯ THIÊN THỐI ĐOẠ

Chẳng hạn, những chư thiên đọa lạc từ thiên giới là những chư thiên mà tâm của họ đã bị hư hỏng do hưởng thụ quá mức hoặc ganh tỵ quá mức.[212] Những chư thiên thối đọa do chơi (khiḍḍa-padosika), nghĩa là do tham dự vào những cuộc chơi và hưởng thụ thái quá. Do chơi thái quá như vậy, họ trở thành như những kẻ say sưa, không còn kiểm soát được mình. Vì lý do đó, một nghiệp bất thiện sẽ chặn đứng thiện nghiệp tạo ra sự tái sinh chư thiên của họ, vì vậy họ phải chết và chịu một sự tái sinh bất hạnh. Và những chư thiên thối đọa do tâm (mano-padosika) trở nên rất ganh tỵ khi nhìn thấy chư thiên khác xinh đẹp hơn, hay thấy những toà thiên cung khác lộng lẫy hơn, ... Và trong trường hợp này cũng vậy, một nghiệp bất thiện sẽ chặn đứng thiện nghiệp vốn tạo ra tái sinh chư thiên của họ, vì vậy họ chết và chịu một sự tái sinh bất hạnh.

VUAA-XÀ-THẾ

Một lần nữa chúng ta có thể đề cập đến Vua Ajātaātta (A-xà-thế) như một ví dụ. Vua là người đã được Đức Phật dạy cho một bài kinh quan trọng, đó là Kinh Sa-Môn Quả

(Sāmañña-Phala-Sutta).⁵⁰³ Và đức Vua có đủ Ba-la-mật để đắc Nhập Lưu ngay lúc đó.⁵⁰⁴ Nhưng trọng nghiệp bất thiện giết cha đã chặn đứng các ba-la-mật của vua, vì thế ông vẫn còn là một phàm nhân (puthujjana). Tuy nhiên, trong tương lai xa, những ba-la-mật ấy sẽ giúp vua trở thành một vị Phật Độc Giác gọi là Vijitāvī.⁵⁰⁵

TÔNG GIẢ ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Trường hợp của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) có thể được đề cập lại ở đây.⁵⁰⁶ Chúng ta biết Đề-bà-đạt-đa rất thiện xảo trong tám thiện chứng: bốn thiện sắc giới và bốn thiện vô sắc. Ông cũng rất thiện xảo trong năm thần thông hiệp thể.⁵⁰⁷ Mặc dù vậy, ông vẫn chưa đắc một Đạo Quả nào, và còn là một phàm nhân. Và khi ông khởi lên ý định muốn thay thế địa vị của Đức Phật như người lãnh đạo Tăng Chúng, nghiệp bất thiện đó đã chặn đứng thiện nghiệp thiện của ông, vì thế ông mất hết thiện và các năng lực thần thông.[213] Tuy nhiên, trong tương lai xa thiện nghiệp thiện này của ông sẽ tạo ra hay củng cố cho sự tạo ra các bậc thiện

⁵⁰³ D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’

⁵⁰⁴ Xem những lời của Đức Phật, đã trích dẫn trang 172

⁵⁰⁵ Xem chú giải bài Kinh Sa Môn Quả.

⁵⁰⁶ Xem ‘Tôn giả Devadatta’, trang 306/Tập I.

⁵⁰⁷ Về các thần thông: xem ghi chú 207, trang 162/Tập I.

của ông trở lại, và nhất là nó còn giúp ông trở thành một vị Phật Độc Giác (Pacceka Buddha).

BĀHIYA DĀRUCĪRIYA

Lại nữa, đoạn nghiệp còn có thể cắt đứt hoàn toàn một nghiệp khác, khiến nghiệp này không còn tạo ra quả của nó được nữa. Ở đây, trường hợp của Bāhiya Dārucīriya có thể xem là một ví dụ.⁵⁰⁸ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, ông và sáu vị Tỳ-kheo khác đã trèo lên chóp một ngọn núi để hành thiền. Họ đã xô bỏ cái thang mà họ đã dùng để trèo lên để không ai còn có thể trèo xuống. Ngày đầu tiên, một người trong họ đắc A-la-hán, ngày thứ hai một người khác trở thành bậc Thánh Bất lai, trong khi năm người còn lại (gồm luôn Bāhiya) chết mà không đắc một Đạo Quả nào. Họ được tái sinh thiên giới, và đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca chúng ta, cả năm đều tái sinh làm người.

Bāhiya trở thành một thương buôn, và trong một chuyến đi buôn ông bị đắm tàu, nhưng tấp được vào bờ nhờ một miếng ván. Sau khi đã mất hết cả quần áo, ông che thân bằng một tấm vỏ cây, và đi đây đó xin ăn. Người ta nghĩ ông chắc phải là một bậc Thánh A-la-hán (vì cách ăn mặc này), và cuối cùng ông cũng định ninh mình là bậc A-la-hán. Cứ

⁵⁰⁸ U.i.10 'Bāhiya Suttaṃ' ('Kinh Bāhiya')

thế, ông nghiệm nhiên trở thành một nhà tu khổ hạnh được nhiều người tôn kính. Tuy nhiên, một vị Thánh A-na-hàm là bạn của ông trong tiền kiếp thời Đức Phật Kassapa (người đã được tái sanh Phạm Thiên Giới) đã nói ông không phải là bậc A-la-hán, cũng không phải đang thực hành trên con đường trở thành A-la-hán. Lúc đó Bāhiya Dārucīriya mới hỏi vị Phạm Thiên xem trên thế gian này có ai là bậc A-la-hán, và đang dạy con đường để đạt đến A-la-hán không. Vị Phạm Thiên đã bảo ông nên đi đến gặp Đức Phật.

Nghe lời, Bāhiya đi đến chùa Kỳ Viên (*Jetavana*) ở Sāvatti (Xá-vệ), nơi đây Đức Phật đang trú ngụ. Nhưng Đức Phật đã đi khát thực. Vì thế Bāhiya lại phải đi vào thành Xá-vệ để tìm Đức Phật. Khi tìm được Đức Phật, ông đã thỉnh cầu Ngài dạy Pháp cho ông. Nhưng Đức Phật thấy rằng Bāhiya lúc ấy đang quá phấn khích không thể hiểu Pháp được. Vì thế Ngài nói rằng đó không phải lúc (để giảng Pháp), và từ chối. Bāhiya lại thỉnh cầu trở lại, và nói rằng Đức Phật có thể chết trước khi Bāhiya có được lời dạy (của ngài), hoặc Bāhiya này có thể chết (trước khi nghe được Pháp). Đức Phật thấy rằng quả thực Bāhiya sẽ chết trong ngày hôm ấy, nhưng ngài lại từ chối. Và lần thứ ba Bāhiya thỉnh cầu Đức Phật. Lúc đó, biết rằng tâm của Bāhiya đã lắng yên, và Đức Phật dạy cho ông bài pháp ngắn gọn và nổi tiếng này:

"Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ

là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri ". Như vậy, này Bāhiya, Ông cần phải học tập.

Vì rằng, này Bāhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Thời, này Bāhiya, ông không là cái (thấy, nghe,...) ấy. Vì rằng, này Bāhiya, ông không phải là cái ấy, do đó không có Bāhiya ở đó; vì rằng Bāhiya không có ở đó, nên Bāhiya cũng chẳng là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy, đây là sự đoạn tận khổ đau.

Quý vị có hiểu lời dạy này không? [214] Bāhiya Dārucīriya không những hiểu được lời dạy ngắn gọn này, mà thậm chí ngay lúc đó, ông còn đắc A-la-hán Thánh Quả nữa: điều đó cho thấy các ba-la-mật của ông mạnh mẽ như thế nào.[215] Nhưng không lâu sau đó (như Đức Phật đã biết trước) Bāhiya bị một con bò húc chết. Mặc dù có đủ ba-la-mật như vậy, nghiệp tạo ra tái sinh làm người của ông cũng vẫn bị cắt đứt bởi bất thiện nghiệp giết chết một cô gái điếm trong quá khứ, do đó mà thọ mạng của ông bị ngắn lại.⁵⁰⁹ Tuy nhiên nhờ đắc A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-*

⁵⁰⁹ Chi tiết, xem ‘Gái Điếm Trả Thù’, trang 616.

Magga-Nāṇa), tất cả phiền não đã bị tiêu diệt và ông nhập vào Vô Dư Niết Bàn (*Parinibbāna*).⁵¹⁰

TÔNG GIẢ ANĠULIMĀLA

Một ví dụ khác cho thấy đoạn nghiệp có thể cắt đứt hoàn toàn nghiệp khác như thế nào là trường hợp của Tông giả Anġulimāla.⁵¹¹ Trước khi xuất gia làm Tỳ kheo, ông đã giết rất nhiều người, như vậy ông đã hoàn thành vô số nghiệp bất thiện. Nhưng sau khi xuất gia làm Tỳ kheo, ông thọ trì tăng thượng giới học của vị Tỳ kheo (*227 giới của Tỳ kheo*). Kế đó, theo sự chỉ dạy của Đức Phật, ông thực hành tăng thượng tâm học (*hành thiền đĩnh*), và tăng thượng tuệ học (*hành thiền minh sát*), và đắc A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Nāṇa*) cũng như A-la-hán Thánh Quả Trí (*Arahatta-Phala-Nāṇa*). A-la-hán Thánh Đạo Trí đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp thiện cho quả ngay trong hiện tại, để cắt đứt tất cả những bất thiện nghiệp và thiện nghiệp có khả năng tạo ra quả tái sanh mà ngài đã hoàn thành trong kiếp đó cũng như trong vô lượng kiếp trước: tất cả những nghiệp này đều trở thành vô hiệu lực. Điều đó có nghĩa rằng ngài sẽ không bao giờ phải tái sanh trở lại nữa.

⁵¹⁰ Xem ‘Hai Loại Parinibbāna’, trang 781.

⁵¹¹ M.II.iv.6 ‘Anġulimāla Suttam’ (Kinh Anġulimāla’)

THỢ SĂN SUNAKHAVĀJKA

Ví dụ khác được trích từ một câu chuyện xảy ra ở Tích Lan cổ xưa (Sri Lanka).⁵¹² Có một người thợ săn tên là Sunakhavājika: ông thường đi săn với những con chó. Con trai ông là một vị Tỷ kheo tên Soṇa, đã đắc A-la-hán. Suốt cuộc đời, ngài không thể nào làm cho cha mình sống theo Chánh Mạng. Nhưng khi cha ngài đã già, ngài khéo léo thuyết phục được ông xuất gia làm Tỷ kheo. Sau đó, khi vị Tỷ kheo già này nằm trên giường bệnh sắp chết, một thú tướng (*gati-nimitta*, điềm báo cảnh giới sẽ tái sanh)⁵¹³ xuất hiện: những con chó to lớn và hung dữ vây quanh ông như thể muốn ăn thịt ông vậy. Vị Tỷ kheo già rất sợ hãi, và kêu la trong hoảng loạn.

Biết chuyện, Tôn giả Soṇa bèn nhờ các vị sa-di đem đến những bông hoa để cúng dường Tượng Phật và rải quanh điện thờ cũng như Cây Bồ Đề. Sau đó ngài nhờ các vị khiêng giường của cha mình đến. Ngài nói với người cha rằng tất cả những bông hoa này đã được cúng dường đến Đức Phật nhân danh ông, và xin ông hãy đánh lễ Đức Phật để cho tâm được an nghỉ. Người cha làm theo những gì đã được chỉ dẫn, và tâm ông lắng dịu. Lúc đó một thú tướng mới: các toà thiên

⁵¹² VbhA.XVI.x.809 “Paṭhama-Bala-Niddeso” (‘Giải Thích Về Sức Mạnh (lực) Thứ Nhất’) DD.XVI.x.2194-6

⁵¹³ Ví dụ này sẽ trở nên rõ ràng nếu quý vị liên hệ lại bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 102.

cung, và những vườn hoa xinh đẹp trên thiên giới,...xuất hiện trong tâm ông. Theo cách đó, thiện nghiệp tôn kính Đức Phật (được các thiện nghiệp khác củng cố) đã cắt đứt bất thiện nghiệp sản bần những chúng sanh vô tội trong rừng của ông.

Đến đây chúng ta sẽ bàn đến ba cách làm nhiệm vụ của đoạn nghiệp.

CẮT ĐỨT—KHÔNG TẠO RA QUẢ—NGĂN CẢN

Cách thứ nhất đoạn nghiệp có thể làm nhiệm vụ là chỉ cắt đứt nghiệp yếu hơn, không tạo ra quả, và ngăn nghiệp khác tạo ra quả của nó.

TÔN GIẢ MỤC-KIÊN-LIÊN

Một ví dụ trong trường hợp này là Tôn giả Mục-kiên-liên (Mahāmoggallāna). Trong một kiếp quá khứ, ngài đã đánh đập cha mẹ mình, với ý định giết chết họ. Trải qua nhiều kiếp sống, nghiệp bất thiện đó đã cho quả của nó: nó cũng tạo ra quả trong kiếp cuối cùng này của ngài. Suốt bảy ngày, nhóm cướp được mướn đã tìm đến chỗ ở của ngài để giết ngài. Nhưng, bằng năng lực thần thông, Tôn giả Mục-kiên-liên biết trước ý định của họ, và với thần thông ngài đã biến mất khỏi nơi trú ngụ bằng cách chui qua lỗ khoá. Tuy nhiên vào ngày thứ bảy, ngài không biến mất nữa: nghiệp

giết cha giết mẹ đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp ngăn không cho ngài nhập thiền, và ngài cũng không thể vận dụng thần thông được nữa. Rồi một nghiệp giống vậy (nghiệp có tính đồng nhất) đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để bọn cướp đánh chết ngài, cho tới khi xương của ngài dập nát hoàn toàn. Và chúng bỏ ngài ở đó. Nhưng ngài không chết. Đoạn nghiệp đã không cắt đứt năm uẩn và nghiệp tạo ra tái sanh hiện tại của ngài. Ngài nhập thiền trở lại, và vận dụng thần thông như trước. Dùng thần thông của mình, ngài có thể đi về gặp Đức Phật và thỉnh cầu Đức Phật cho phép nhập Vô Du Niết-Bàn (Parinibbāna). Sau khi được Đức Phật cho phép ngài mới quay trở lại trú xứ và nhập Parinibbāna tại đó.

TÔNG GIẢ CAKKHUPĀLA

Một ví dụ khác từ thời Đức Phật là chuyện vị Tỳ-kheo tên gọi Cakkhupāla.[216] Ngài là một bậc A-la-hán. Thiện nghiệp ngài hoàn thành trong một kiếp quá khứ đã tạo ra năm uẩn của ngài như một con người vào lúc tái sanh, cũng như trong thời bình nhật của kiếp cuối này. Chúng ta biết, sắc uẩn bao gồm năm căn: chúng là những yếu tố tịnh sắc qua đó mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi,...⁵¹⁴ Một người có thể thấy, nghe, ngửi ... được chính là nhờ thiện nghiệp quá khứ. Nhưng trong một kiếp quá khứ, như một

⁵¹⁴ Chi tiết, xem bảng '1: Tâm Quả' trang 90/Tập I.

thầy thuốc, Tôn-giả Cakkhupāla đã tạo một nghiệp rất bất thiện. Đó là, trong số những bệnh nhân của ngài có một người phụ nữ bị bệnh đau mắt không nhìn thấy gì. Người phụ nữ này đã hứa với ngài rằng nếu ngài chữa cho bà lành mắt, bà và con cái sẽ trở thành những nô tỳ làm việc cho ngài. Tuy nhiên khi mắt bà phục hồi, bà liền đổi ý, và giả bộ như đôi mắt còn tệ hơn trước. Để trả thù, người thầy thuốc đã đưa cho bà một thứ thuốc nhỏ mắt ý định làm cho bà mù hẳn. Khi người phụ nữ này tra thuốc vào mắt, bà đã bị mù hoàn toàn.

Sự việc đó xảy ra ở một trong những tiền kiếp của Tôn giả Cakkhupāla. Hiện tại, trong kiếp cuối cùng này, là một vị Tỳ kheo, ngài đã nguyện chỉ giữ ba oai nghi: đi, đứng và ngồi, trong mùa an cư. Ngài sẽ không đặt lưng xuống nằm suốt ba tháng: đây là một trong mười ba pháp khổ hạnh được Đức Phật cho phép. Sau một tháng thực hành hành đầu đà này, đôi mắt của Tôn giả Cakkhupāla bắt đầu làm phiền ngài. Và ngay cái đêm ngài đắc A-la-hán Thánh Quả, mắt ngài cũng bị mù. Sanh nghiệp bất thiện làm mù mắt người phụ nữ trong quá khứ giờ đây chín mùi và làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp cắt đứt nhãn căn của ngài. Nhưng nó không tạo ra quả riêng của nó, và cũng không ngăn cấm nghiệp khác tạo ra quả của nó. Như vậy không một thiện nghiệp nào có thể làm cho mắt của ngài thấy đường trở lại được.

CẮT ĐỨT, KHÔNG TẠO RA QUẢ, CHO PHÉP

Cách thứ hai đoạn nghiệp có thể làm nhiệm vụ là cắt đứt nghiệp yếu hơn, không tạo ra quả, nhưng cho phép nghiệp khác tạo ra quả của nó.

HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ

Ở đây, chúng ta có thể lấy trường hợp của Sāmāvati, Hoàng Hậu của Vua Udena, làm ví dụ.⁵¹⁵ Trong một kiếp quá khứ Sāmāvati và những người bạn của cô từng là hầu thiếp trong hậu cung của đức vua xứ Bārāṇasī. Một hôm, sau khi tắm chung với đức vua trong một con sông nọ, họ cảm thấy lạnh, và đã châm lửa vào đám cỏ khô kế bên sông (để sưởi ấm). Khi đám cỏ cháy hết, họ phát hiện một vị Phật Độc Giác đang toạ thiền trong đó. Vì không có ý định đốt ngài nên đó không phải là một bất thiện nghiệp. Nhưng họ biết đức vua rất tôn kính vị Phật Độc Giác này, và ông có thể sẽ trừng phạt họ vì đã thiêu chết đức Phật Độc Giác. Do sợ như vậy nên Sāmāvati và những bạn bè của cô đã gom góp cỏ khô, chất quanh người vị Phật Độc Giác, rồi đổ dầu lên đó và châm lửa đốt với ý định thủ tiêu mọi dấu vết của tội ác họ đã làm. Hành động đốt cháy vị Phật Độc Giác với ác ý này là một bất thiện nghiệp. Tuy nhiên Đức Phật Độc Giác thực sự

⁵¹⁵ DhPA.ii.1 ‘Sāmāvati-Vatthu’ (‘Chuyện Hoàng Hậu Sāmāvati’); UA.vii.10 ‘Udena-Suttaṃ’ (Kinh Udena)

đã nhập Diệt Thọ Tướng Định (nirodha-samāpatti), một định chứng diệt tạm thời tâm và sắc do tâm tạo, và do đó không gì có thể làm hại được ngài.⁵¹⁶ Mặc dù Đức Phật Độc Giác không chết, song do hành động này, Sāmāvātī và bạn bè của cô cũng đã hoàn thành nhiều bất thiện nghiệp, và họ đã cảm thọ quả trong kiếp kế.⁵¹⁷

Trong thời Đức Phật của chúng ta, một thiện nghiệp quá khứ đã cho họ tái sinh làm người. Và Sāmāvātī trở thành Hoàng Hậu của vua Udena, còn những người bạn của cô trước đây trở thành tỳ thiếp của vua. Họ cũng trở thành những Phật tử thuần thành, đã cúng dường rất nhiều tư vật dụng đến Đức Phật và Chúng Tăng, đã học hỏi Giáo Pháp, và hành thiền chỉ cũng như thiền minh sát thành công. Do việc thực hành này Sāmāvātī trở thành một bậc Thánh Nhập Lưu, và những nữ tỳ kia cũng chứng đắc những Thánh Quả khác. Nhưng một hôm, nghiệp hoả thiêu Đức Phật Độc Giác đã chín mùi như một đoạn nghiệp để cắt đứt mạng căn của họ: Hoàng Hậu và những tỳ nữ của bà bị thiêu chết trong chính cung điện của họ.[217] Quả riêng của đoạn nghiệp đó không phát sanh, nhưng cho phép những thiện nghiệp mà

⁵¹⁶ diệt thọ tướng định hay diệt tận định: xem ghi chú 389, trang 318/Tập I.

⁵¹⁷ Yếu tố thứ năm làm cho tội sát sanh thành một bất thiện nghiệp đạo đầy đủ là chúng sanh ấy phải chết: song điều đó không có trong trường hợp này (Đức Phật Độc Giác không chết). Tuy vậy, họ đã có ý định giết chết Đức Phật Độc Giác, và đã hoàn thành bốn yếu tố khác, có nghĩa là họ đã hoàn thành rất nhiều bất thiện nghiệp. Chi tiết, xem ‘Một Bất Thiện Nghiệp Đạo’ trang.255/Tập I.

mỗi người trong họ đã hoàn thành trong thời Đức Phật của chúng ta tạo ra sự tái sinh trong cõi chư thiên hoặc Phạm Thiên tương ứng.

NĂM TRĂM VỊ TỖ-KHEO

Ví dụ khác là năm trăm vị Tỳ-kheo bị giết chết, hoặc do tự họ hoặc do người khác.⁵¹⁸ Đức Phật biết rằng tất cả họ đều gánh chịu một nghiệp bất thiện chung: trong quá khứ xa xưa, họ từng là những người đi săn trong cùng một khu rừng. Dùng bẫy và khí giới, họ đã hành nghề săn bắn để nuôi mạng. Với tâm vui thích, họ đã giết không biết bao nhiêu muông thú trong suốt cuộc đời họ. Sau khi chết, nghiệp đó đã tạo ra tái sinh trong địa ngục. Rồi sau đó, một thiện nghiệp cho họ tái sinh làm người. Và, nhờ một người bạn tốt (thiện tri thức), họ được gặp Đức Phật và xuất gia làm Tỳ-kheo. Một số trong họ trở thành các bậc A-la-hán, một số thành Thánh Bất-lai, một số thành Thánh Nhất-lai, một số thành Thánh Nhập Lưu, trong khi một số vẫn còn là phàm nhân.

Một buổi sáng, khi Đức Phật dùng Phật Nhãn (*Buddha-Cakkhupāla*) quán sát thế gian, ngài thấy rằng trong hai tuần nữa năm trăm vị Tỳ-kheo này sẽ chết: hậu báo

⁵¹⁸ Vin.Pāṭi.3 ‘Tatiya-Pārājikam’ (‘Tội Bất Cộng Trụ Thứ Ba’) & S.V.X.i.9 ‘Vesālī-Suttam’ (‘Kinh Vesālī’) và các bản chú giải khác.

nghiệp ‘nuôi mạng bằng săn bắn’ sẽ cắt đứt thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người của họ. Đức Phật cũng thấy trước được việc ngăn không cho quả này sinh là điều bất khả. Và ngài thấy rằng các vị Thánh A-la-hán sẽ không còn tái sinh; các Bậc Thánh khác sẽ có được một sự tái sinh an vui; nhưng những vị vẫn còn là phàm nhân (*puthu-jjana*) sẽ chết với dục tham (*chanda-rāga*), với tâm dính mắc vào kiếp sống làm người của họ, và sẽ chết với sự sợ hãi: chính điều này sẽ tạo ra một sự tái sinh xấu. Tuy nhiên, nếu Ngài dạy cho họ hành thiền quán bất tịnh, họ sẽ loại trừ được sự dính mắc và sợ chết. Và với thiện nghiệp ấy, họ sẽ đạt được tái sinh trong thế giới chư thiên: Đức Phật thấy rằng Ngài chỉ giúp được họ tới mức ấy. Và theo cách đó, sự thọ giới làm Tỳ-kheo của họ ít ra vẫn có lợi ích cho họ. Vì thế Đức Phật dạy các vị lấy đề tài bất tịnh (quán ba mươi hai thân phần hay ba mươi hai thể trước: *dva-ttims-ākāra*) làm đề tài thiền chính, và bằng nhiều cách, Ngài đã tán dương thiền này⁵¹⁹.

Đức Phật cũng biết rằng trong hai tuần ấy, các vị Tỳ-kheo sẽ đến và báo cáo: ‘Hôm nay một vị Tỳ-kheo chết’, ‘Hôm nay hai vị Tỳ-kheo chết’... Dù biết nhưng Đức Phật không thể ngăn được điều đó, dù biết nhưng ngài không có ý định muốn nghe những điều ấy, và bảo vệ những người có thể chỉ trích ngài vì đã không ngăn chặn điều ấy, vì thế trong

⁵¹⁹ Chú giải nói rõ rằng ở đây Đức Phật không có ý định ca ngợi sự chết.

hai hai tuần lễ đó, Đức Phật đã đi vào tịnh cư. Và hai tuần sau, cả năm trăm vị Tỳ kheo đều chết.

Có một vị sa-môn được mọi người biết đến như Migalaṇḍika, sa môn giả dạng (*samaṇa-kuttaka*): sa-môn giả này sống nhờ đồ ăn tàn thực (đồ ăn dư) của các vị Tỳ kheo. Và những vị Tỳ kheo còn là phạm nhân ấy, đã nhờ vị sa-môn giả này giết hoặc nhờ một vị Tỳ kheo chưa giác ngộ khác giết mình, hoặc tự sát. Tại sao? Bởi vì mặc dù Đức Phật nói: đối với những vị chưa phải là Thánh A-la-hán, việc tự sát là có tội (*sāvajja*), song họ nghĩ điều đó là vô tội (*anāvajja*); và dù đó là bất thiện nghiệp họ nghĩ đó là thiện nghiệp.⁵²⁰[218]

Ngay cả Migalaṇḍika, vị sa-môn giả cũng nghĩ việc (giết giùm) đó là thiện nghiệp. Vì sao? Đầu tiên ông giết một số vị Tỳ kheo bởi vì họ yêu cầu ông làm điều đó, và bởi vì các vị Tỳ kheo này nói với ông rằng sau khi họ chết ông có thể lấy hết những món vật dụng của họ. Và khi ông cảm thấy hối hận, một vị chư thiên đã bảo ông không nên hối hận, vì điều ông làm chỉ là đang làm ơn cho các vị Tỳ kheo mà thôi. Và vì ông tin vị chư thiên này, nên sau đó ông quay trở lại để giết thêm nhiều vị Tỳ kheo nữa, trong số đó có cả các bậc Thánh A-la-hán, những người không yêu cầu ông

⁵²⁰ Trong Kinh ‘Xa-Nặc’ (‘Channa Suttam’), Đức Phật tuyên bố hành vi tự sát của một bậc Thánh A-la-hán là vô tội, còn nếu một người không phải là Thánh A-la-hán thì có tội. Nhưng sau biến cố năm trăm vị Tỳ kheo này, Đức Phật tuyên bố rằng đó là điều không thích hợp,...

giết giùm.⁵²¹ Đó là lý do vì sao cả năm trăm vị Tỳ-kheo đều chết.

Khi tất cả các vị Tỳ-kheo này đã chết, Đức Phật quay trở lại. Và ngài hỏi Tôn-giả Ānanda tại sao Tăng Chúng giảm bớt đi như vậy. Tôn-giả Ānanda bạch với Phật rằng chính vì các vị Tỳ-kheo này đã hành thiền quán bất tịnh. Ngài Ānanda cũng đề nghị Đức Phật nên dạy một đề tài thiền khác (để tránh việc tự sát như trên). Nhân đó Đức Phật bảo Ānanda tập trung hết các vị Tỳ-kheo lại, và ngài đã giải thích cũng như tán dương thiền niệm hơi thở (*ān-āpāna-ssati*).

Ở đây chúng ta cần phải rất thận trọng để hiểu câu chuyện này một cách đúng đắn. Vừa rồi chúng tôi có đề cập việc Tôn-giả Bāhiya Dārucīriya bị giết bởi một con bò, và Tôn-giả Mục-kiền-liên bị những tên cướp đánh chết như thế nào. Con bò và những tên cướp đó đã hoàn thành bất thiện nghiệp theo ý riêng của chúng. Nhưng nạn nhân chết là do bất thiện nghiệp quá khứ cắt đứt thiện nghiệp cho quả tái sanh làm người của họ.

Quý vị hãy nhớ rằng nếu một người bị người khác tấn công, hay một người bị chết trong một tai nạn nào đó, ... người ấy đang thọ lãnh quả của một nghiệp quá khứ của mình. Còn người tấn công hay tai nạn xảy ra, ... chỉ đơn

⁵²¹ Chú giải chỉ ra cho thấy rằng các Bậc Thánh không bao giờ tự giết, không yêu cầu người khác giết và cũng không giết bất kỳ chúng sanh nào. Và phụ chú giải (*vimativinodanī*) giải thích rằng tất cả các Bậc Thánh đã bị giết bởi sa-môn giả Migalaṇḍika.

thuần là công cụ qua đó nghiệp bất thiện quá khứ (có cơ hội) cắt đứt thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người của họ mà thôi.⁵²²

Điều này có lẽ khó hiểu, tuy nhiên hãy nhớ rằng theo Đức Phật, những vận hành của nghiệp không thể hiểu bằng lý luận đơn thuần được. Chỉ khi quý vị phân biệt những vận hành của duyên khởi lúc đó quý vị mới có thể hiểu được những vận hành của nghiệp một cách đúng đắn. Và cho tới lúc đó quý vị phải dựa vào đức tin: không hoài nghi những gì Đức Phật dạy.

Bằng cách này hay cách khác, các vị Tỳ-kheo chưa giác ngộ cũng phải chết trong hai tuần lễ ấy. Đó là vì nghiệp bất thiện quá khứ của họ. Tuy nhiên họ không chết như cách họ đã làm do nghiệp bất thiện quá khứ của họ. Mà họ chết (tự sát, hay nhờ người khác giết) do nhòm góm đối với cuộc sống, một sự nhòm góm được phát triển do hành thiện bất tịnh, và do họ không hiểu rằng những gì họ muốn làm đó là có tội.⁵²³ Tương tự, như chúng tôi vừa nói, Migalaṇḍika, vị sa-môn giả, không làm đúng như ông đã làm bởi vì nghiệp bất thiện quá khứ của các vị Tỳ-kheo. Và Đức Phật cũng vậy, tất cả là vì nghiệp bất thiện quá khứ của các vị Tỳ-kheo đó

⁵²² Liên quan đến điều này, xem luận về cái chết hợp thời và phi thời trong Thanh Tịnh Đạo, ghi chú cuối chương 241, trang 689.

⁵²³ Phụ chú giải cho Tạng Luật (Điều Bất Cộng Trụ Thứ Ba .Vin.Pār.i.3 ‘Tatiya-Pārāṇikam’) giải thích rằng các vị Tỳ-kheo còn là phạm nhân đã làm những gì họ làm với tướng vô tội (anavajjana-saññino).

mà thôi. Ngài lánh mặt vì biết nghiệp quá khứ của các vị bằng cách này hay cách khác sẽ cắt đứt thiện nghiệp tái sinh làm người của các vị, và các vị sẽ chết, không ai có thể thay đổi được. Tuy nhiên ngài biết cách tốt nhất để các vị Tỳ kheo chưa giác ngộ này chết là làm sao để họ chết không có tâm tham ái đối với cuộc sống, và do nhờ thiện nghiệp này họ sẽ được tái sinh trong thế giới chư thiên.⁵²⁴[219]

CẮT ĐỨT—CHO QUẢ RIÊNG

Cách thứ ba đoạn nghiệp có thể làm nhiệm vụ là cắt đứt nghiệp yếu hơn, và tạo ra quả riêng của nó.

ÁCMADŪSĪ

Một ví dụ trong trường hợp này là Māra Dūsī (Ác ma Đu-si), trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn Phật).⁵²⁵ Hai vị Thượng Thủ Thánh Văn của Đức Phật này là Tôn giả Vidhura và Tôn giả Sañjīva.⁵²⁶[220] Một hôm, Tôn giả Sañjīva đang ngồi dưới một bóng cây và

⁵²⁴ Giải thích thêm để hiểu được câu chuyện năm trăm vị Tỳ kheo này, Ngài Pa auk đã liên hệ lại nghiệp mà do đó đức Bồ-tát của chúng ta đã phải hành khổ hạnh suốt sáu năm: xem ghi chú 219, trang 570.

⁵²⁵ Kakusandha là vị Phật thứ ba trước đức Phật Gotama của chúng ta. Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập I&II

⁵²⁶ M.I.v.10 ‘Mara-Tajjanīya-Suttaṃ’ (‘Kinh Hàng Ma’) và chú giải.

nhập diệt thọ tướng định (nirodha-samāpatti). Một số những người chăn bò, chăn dê, và những người nông dân đi ngang qua, nhìn thấy ngài ngồi dưới bóng cây, nghĩ rằng ngài đã chết. Vì thế chúng chất cỏ khô và củi quanh thân ngài, châm lửa đốt. Rồi chúng bỏ đi.

Chúng ta biết, khi một người nhập thiền diệt, không gì có thể làm hại người này được, kể cả những vật dụng cá nhân của họ cũng không bị hư hoại.⁵²⁷ Do đó sáng sớm ngày hôm sau, Tôn giả Sañjīva xuất thiền mà không bị tổn hại gì. Ngài giữ sạch y, và mang bát đi vào làng khát thực. Khi, cũng những người chăn bò, chăn dê và nông dân ấy, nhìn thấy ngài đi bát, họ nghĩ vị Tỳ kheo chết nay đã sống trở lại: tâm họ tràn đầy kinh ngạc và đức tin.

Lúc bấy giờ Māra có tên là Māra Dūsī. Giống như mọi Ác ma khác, ông không thích những vị Tỳ kheo giới đức như vậy, bởi vì ông không biết việc đến và đi (*āgatiṃ vā gatiṃ vā*) của các vị; không biết sau khi chết các vị sẽ tái sanh về đâu. Tại sao ông không biết? Bởi vì các bậc A-la-hán nhập Parinibbāna (Vô-Dur Niết-bàn) với thức (*viññāṇa*) không an trú (*appatiṭṭhita*) ở đâu cả.⁵²⁸ Vì lẽ các bậc Thánh A-la-hán đã dập tắt tham ái và vô minh, nên không còn tái sanh nữa.

⁵²⁷ Về thiền diệt, xem ghi chú 389, trang 318/Tập I

⁵²⁸ Việc Māra không biết các vị A-la-hán đi về đâu được thảo luận tại ‘Thức Không An Trú’, trang 345.

Để cố ngăn chặn điều này, Ác-ma Dūsī đã tạo ra hình ảnh các vị Tỳ kheo với những hành vi cư xử xấu để cho các gia chủ Bà-la-môn nhìn thấy. Và Ác Ma khích động các bà-la-môn này chỉ trích, phi báng, chửi rủa, và gây khó chịu các vị Tỳ kheo giới đức. Ác-ma Dūsī nghĩ những cảm giác khó chịu lúc ấy sẽ khởi lên trong tâm các vị Tỳ kheo, phối hợp với ác ý, sân hận, bất mãn, chán nản, ...[221] và điều này sẽ ngăn việc tu tập của các vị. Bằng cách đó, Ác-ma nghĩ rằng ông ta sẽ biết được sự đến và đi của các vị Tỳ kheo. Nhưng khi các Bà-la-môn gia chủ này chỉ trích, phi báng, chửi rủa, và gây khó chịu các vị Tỳ kheo, Đức Phật Kakusandha nói các vị Tỳ kheo hãy thực hành bốn Phạm trú (*cattāro brahma vihāra*), đó là hành thiền tâm từ (*mettā*), bi (*karuṇā*), hỷ (*muditā*) và xả (*upekkhā*). Và ngài dạy các vị dùng bốn phạm trú này làm căn bản để hành thiền minh sát, nhằm đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Nghe lời Đức Phật, các vị Tỳ kheo đi vào rừng hoặc vào một nơi trống trải để hành thiền như đã được chỉ dẫn. Tình trạng đó khiến cho dự tính của Māra Dūsī thất bại: ông vẫn không biết được sự đến đi của các vị Tỳ kheo. Rồi ông lại khích động các Bà-la-môn gia chủ làm ngược lại, nghĩa là ông bảo họ hãy đến tán thán, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường các Tỳ-kheo có giới đức. Māra Dūsī nghĩ rằng làm như vậy những cảm giác dễ chịu sẽ khởi lên trong tâm các vị Tỳ kheo, phối hợp với sự thích thú, hài lòng, hãnh diện của tâm, ...[222] và điều này sẽ cản trở việc thực hành của các vị. Nhưng một lần nữa, Đức Phật Kakusandha đã có cách

chữa. Ngài khuyên các vị Tỳ kheo thay vì hành bốn phạm trú hãy hành bốn loại tướng (*saññā*)⁵²⁹, đó là 1. tướng bất tịnh (*asubha-saññā*); 2. tướng vật thực bất tịnh (*āhāre-paṭikūla-saññā*); 3. tướng nhàm chán đối với tất cả thế gian (*sabba-loke an-abhirati-saññā*); 3. tướng vô thường (*anicca-saññā*). Một lần nữa, các vị Tỳ kheo cũng đi vô rừng,... và hành theo sự chỉ dẫn của Đức Phật, các vị dùng bốn đề mục thiền này đề đề kháng tham, sân và si, rồi phát triển minh sát, và đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Dự định của Māra Dūsī một lần nữa thất bại: ông không thể biết được sự đến đi của các vị Tỳ kheo.

Thế rồi một hôm, khi Đức Phật Kakusandha đi khát thực cùng với Tôn giả Vidhura, một thượng thủ thanh văn của ngài. Māra Dūsī nhập vào một đứa bé trai. Đứa bé này nhặt một miếng mề sành và ném vào Tôn giả Vidhura. Miếng mề sành này làm loã đầu ngài và chảy máu. Ngay lúc ấy, Đức Phật Kakusandhi quay đầu lại với cái nhìn voi chúa của một vị Phật (*nāgā-palotika*). Ngài nói: **‘Māra Dūsī này thật không biết giới hạn** (*na vāyam dūsī māro matta-maññāsi*). Và lập tức Māra Dūsī chết tại chỗ ấy và tái sinh trong Đại Địa Ngục A-tỳ. Tại đó ông bị nấu sôi trong nhiều ngàn năm. Thậm chí ông còn bị tái sinh vào địa ngục khổ nhất trong các địa ngục (một địa ngục nhỏ gắn liền với Đại

⁵²⁹ Chú giải trích dẫn A.VII.,v.6 (49) ‘Dutiya-Saññā-Suttam’ (‘Kinh Tướng Thứ Hai’): kinh này đã được giải thích ở ghi chú cuối chương 281, trang 807.

Địa Ngục A-tỳ), nơi đây ông bị nấu vạc dầu trong mười ngàn năm, và ở đó ông là một chúng sanh với thân người đầu cá.

Nghiệp tấn công một vị Thượng Thủ Thanh Văn của Māra Dūsī đã cắt đứt thiện nghiệp vốn cho ông được tái sinh trong thiên giới. Và nó tạo ra quả riêng của nó, đó là tái sinh trong Đại Địa Ngục A-tỳ, thậm chí trong một địa ngục tồi tệ nhất trong số các địa ngục ở đó.

Chúng ta cần hiểu rằng việc tái sinh địa ngục của Māra Dūsī không phải do cái nhìn voi chúa của Đức Phật gây ra, hay do lời nói của ngài gây ra. Mà chính là do bất thiện nghiệp tấn công một vị Thượng Thủ Thanh Văn của Đức Phật gây ra mà thôi.⁵³⁰ Vận hành của nghiệp là như vậy.

VUAKALĀBU

Ví dụ khác là Vua Kalābu, một vị vua của xứ Bārāṇasi, nhiều đại kiếp trước thời Đức Phật của chúng ta.⁵³¹ Ông có được năm uẩn của một con người là nhờ thiện nghiệp quá khứ. Và ông được làm vua cũng là nhờ thiện nghiệp quá khứ. Nhưng một hôm, ông nổi giận với đạo sĩ Khantivādī, người dạy pháp kham nhẫn (*khanti*) và là đức Bồ Tát của chúng ta. Để thử đức kham nhẫn của Đạo Sĩ Khantivādī, Vua Kalābu đã ra lệnh cắt mũi, rồi xẻo tai, và chặt đứt tay chân

⁵³⁰ Điểm này cũng được bàn đến ở trang 614.

⁵³¹ JA.III.IV.ii.3 (313) ‘Khanti-Vādī-Jātaka-Vaṇṇanā (‘Mô tả Về Tiền Thân Khantivādī <Người Nói Lời Kham Nhẫn>’)

của Khantivādī. Những bất thiện nghiệp ấy đã chín mùi ngay trong lập tức, vì quả đất đã nứt ra và rút Kalābu xuống A-tỳ Địa Ngục. Như vậy, bất thiện nghiệp hiện tại đã cắt đứt thiện nghiệp vốn tạo ra năm uẩn của ông như Đức Vua Kalābu, và tạo ra quả riêng của nó, đó là năm uẩn của một chúng sanh trong địa ngục.⁵³² Vì thế chúng ta có thể nói rằng nghiệp giết vị đạo sĩ vừa làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp và vừa làm nhiệm vụ như sanh nghiệp. Theo một cách khác, chúng ta cũng có thể nói rằng nghiệp giết vị đạo sĩ đã cắt đứt nghiệp tạo ra năm uẩn của ông ta như Vua Kalābu, và nghiệp đồng nhất khác tạo ra năm uẩn của ông ta như một chúng sanh trong A-tỳ Địa Ngục.⁵³³ đó là, đoạn nghiệp và sanh nghiệp có cùng tính đồng nhất (*ek-attanaya*).⁵³⁴

Bây giờ chúng ta sẽ bàn về nguyên tắc đồng nhất:

⁵³² Để biết thêm những trường hợp tương tự khác, xem ‘Nanda Tinh Quái’, trang 598, và ‘Bức Tranh của Cīncamānavikā’ trang 706.

⁵³³ VsMT. 687 ‘Kaṅkhā-Vitarāṇa-Visuddhi-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh’) phủ nhận rằng đoạn nghiệp có thể tạo ra quả riêng của nó: ‘Nếu đoạn nghiệp tác hành theo cách này, nó không phải là đoạn nghiệp, mà là sanh nghiệp.’ Ở đây, Thiền Sư Pa Auk Sayadaw giải thích rằng mặc dù bằng cách phủ nhận, cách giải thích của Visuddhi Magga xem ra có vẻ như mâu thuẫn, song điều này tùy thuộc vào quan điểm của mỗi người. Trong khi chính xác phải nói rằng một nghiệp cắt đứt và nghiệp khác tạo ra, chúng vẫn có thể bảo là cùng một nghiệp, vì lẽ chúng có cùng tính đồng nhất vậy. Sự khác nhau chỉ là quan điểm.

⁵³⁴ VsM.xvii ‘Paññā-Bhūmi-Niddesa’ (‘Giải Thích Về Đất Cho Tuệ Sanh’) PP.xvii.309

NGUYÊN TẮC ĐỒNG NHẤT

Theo nguyên tắc đồng nhất, chuỗi nghiệp tạo thành một hành động hoàn tất là như nhau, nghĩa là tất cả các tố hành tâm khác đều có cùng một tính đồng nhất.⁵³⁵

Chúng ta có thể hiểu được nguyên tắc này nếu chúng ta nhìn vào tiến trình duyên sanh (*paṭicca-samuppaada*):[223]

- [1] Do vô minh, hành (sanh);
- [2] do hành, thức sanh;
- [3] do thức, danh và sắc sanh;
- [4] do danh sắc, lục nhập sanh.

Tiến trình này giống như tiến trình của một hạt giống trải qua những giai đoạn: mầm chồi, cây con, cây non, ..., cuối cùng trở thành một cây già. Hạt giống, mầm chồi, cây con, cây non, ... không giống như cây già, nhưng tính liên tục là như nhau, nghĩa là các giai đoạn khác nhau có cùng một tính đồng nhất.

Khi chúng ta hoàn tất thiện nghiệp bố thí (*dāna*), thiện nghiệp giữ giới, thiện nghiệp tu thiền chỉ và minh sát, thì theo nguyên tắc đồng nhất, mỗi hành động như vậy được xem là một nghiệp. Cũng vậy, khi một người hoàn tất bất thiện nghiệp sát sanh, bất thiện nghiệp trộm cắp, bất thiện nghiệp tà dâm, bất thiện nghiệp nói dối, bất thiện nghiệp

⁵³⁵ Điều này phù hợp với định đề lô-gic: $A = B$. A không phải là B, và B cũng không phải là A, tuy vậy chúng có sự giống nhau hay có tính đồng nhất

uống rượu, bia và các chất say,... mỗi hành động như vậy được xem như một nghiệp. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng một trong những hành động ấy chỉ bao gồm một tư (*cetanā*), vì trong quá trình của chỉ một trong những hành động ấy, nhiều tử tiến trình tâm bất thiện hoặc thiện đã sanh lên và diệt. Như chúng tôi đã giải thích trước đây, trong cõi dục (*kāma-āvacara-bhūmi*) của chúng ta, chỉ một cái búng tay rất nhiều ngàn triệu tâm đã sanh lên và diệt: chúng bao gồm nhiều ngàn triệu tiến trình tâm (*citta-vīthi*)⁵³⁶ Mỗi trong các tiến trình tâm ấy có bảy tốc hành tâm (*javana*)⁵³⁷ Vì thế, khi chúng ta nói về một nghiệp, thực sự là chúng ta đang nói đến những chuỗi nghiệp nằm trong hành động đã hoàn tất, như hành động bố thí chẳng hạn. Nếu chúng ta xem xét những hành động theo cách này, chúng ta sẽ hiểu ra rằng một nghiệp có thể làm nhiệm vụ theo nhiều cách.

Trước khi bàn thêm về nguyên tắc đồng nhất, tôi xin tóm tắt lại những nhiệm vụ khác nhau mà nghiệp có thể thực hiện trước đã.⁵³⁸

1. Khi một nghiệp tạo ra danh sắc quả vào thời tục sanh và trong thời bình nhật, nó đã làm nhiệm vụ như **sanh nghiệp** (*janaka-kamma*).

⁵³⁶ Đề có một con số ước lượng, xem ghi chú 86, trang 80/Tập I.

⁵³⁷ Ở đây Ngài Pa Auk sayadaw chỉ nói đến những tiến trình tâm dục giới: xem ghi chú 87, trang 81/Tập I.

⁵³⁸ VsMṬ.680-681 ‘Kaṅkhā-Vitaraṇa-Visuddhi-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh’)

2. Khi một nghiệp làm cho sự chín mùi của quả (của) một sanh nghiệp bất thiện hay sanh nghiệp thiện nào đó dễ dàng hơn, và làm cho quả ấy kéo dài thêm, nó đã làm nhiệm vụ như **trì nghiệp** (*upatthambhaka-kamma*).
3. Khi một nghiệp cản trở quả của một sanh nghiệp bất thiện hay sanh nghiệp thiện, nó đã làm nhiệm vụ như **chướng nghiệp** (*upapīḷaka-kamma*).
4. Khi một nghiệp thay thế, và cắt đứt quả của một sanh nghiệp bất thiện hay sanh nghiệp thiện, nó đã làm nhiệm vụ như **đoạn nghiệp** (*upaghātaka-kamma*).

Cả bốn nhiệm vụ này đều có thể được thực thi bởi một nghiệp, có nghĩa là, những nghiệp khác nhau có cùng tính đồng nhất có thể thực thi những nhiệm vụ khác nhau. Chẳng hạn, khi quý vị bố thí đến một người giới đức, lúc ấy nhiều tỷ tiền trình ý môn đã sanh lên và diệt trong tương tục danh và sắc của quý vị: trước khi quý vị bố thí, trong khi quý vị bố thí và sau khi quý vị bố thí. Trong mỗi tiền trình tâm ấy có bảy tốc hành tâm thiện: một số tốc hành tâm trong đó sẽ làm nhiệm vụ như sanh nghiệp; một số sẽ làm nhiệm vụ như trì nghiệp; một số sẽ làm nhiệm vụ như chướng nghiệp; một số sẽ làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp; và một số hoàn toàn không làm nhiệm vụ gì cả, bởi vì chúng sẽ vô hiệu lực.

TÔNG GIẢ ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Một ví dụ điển hình về bốn nhiệm vụ hoạt động trong một tiến trình danh-sắc đồng nhất là Tôn giả Đề-bà-đạt-đa.⁵³⁹ Một thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra sự tái sanh của ông trong một hoàng tộc. Thiện nghiệp đó cũng đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp và trì nghiệp để tạo ra hạnh phúc liên tục trong cuộc sống vương giả của ông, và sau đó như một vị Tỳ kheo. Nhưng về sau, khi làm Tỳ kheo bị Tăng Đoàn trục xuất vì những hành động ác của ông, ông đã đánh mất lòng tôn kính của mọi người và còn bị khinh miệt: lúc đó thiện nghiệp của ông đã bị cản trở bởi một bất thiện nghiệp làm nhiệm vụ như chướng nghiệp. Và do gây ra một sự chia rẽ trong Tăng, ông đã bị tái sanh trong địa ngục: trọng nghiệp bất thiện chia rẽ Tăng (phá hoà hợp Tăng) của ông đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp cắt đứt những sanh nghiệp thiện và trì nghiệp thiện vốn đã tạo ra và duy trì cuộc sống của ông như một con người.

Ở đây, không phải một nghiệp vừa làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp và sanh nghiệp. Mà khi Đề-bà-đạt-đa gây ra một sự chia rẽ trong Tăng, rất nhiều tỷ tiến trình ý môn bất thiện đã sanh khởi trong ông, mỗi tiến trình có bảy tốc hành tâm, điều đó có nghĩa là từ một hành động chia rẽ Tăng, hàng tỷ tỷ tốc hành tâm bất thiện đã sanh. Những tỷ tốc hành tâm bất thiện ấy đều có cùng tính đồng nhất, tuy vậy chúng

⁵³⁹ Xem ‘Tôn giả Đề-bà-đạt-đa’ trang 150

lại thực thi những nhiệm vụ khác nhau: một nghiệp chia rẽ Tăng làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để cắt đứt nghiệp vốn tạo ra tái sinh làm người của ông,⁵⁴⁰ và nghiệp chia rẽ Tăng khác làm nhiệm vụ như sanh báo nghiệp (nghiệp tạo ra quả tái sinh ngay kiếp kế) để tạo ra quả tái sinh trong địa ngục A-tỳ của ông. Những nghiệp ‘chia rẽ Tăng’ khác, cũng như những trọng nghiệp bất thiện khác từ hành động với ác ý làm chảy máu một vị Phật của ông, cộng với những bất thiện nghiệp khác có cùng tính đồng nhất sau đó đã làm nhiệm vụ như những trì nghiệp để tăng thêm khổ đau của ông trong địa ngục, và kéo dài sự khổ đau ấy cho đến kiếp hoại của quả đất.⁵⁴¹

SỰ GIẢI THÍCH CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO LEDĪ

Ví dụ khác về chuỗi nghiệp có cùng tính đồng nhất thực thi cả bốn nhiệm vụ là sự giải thích của Đại Trưởng Lão Ledī Sayadaw⁵⁴² về sự cố sát.

Ngài giải thích rằng khi một người đoạt mạng sống của người khác, những tư (*cetanā*) của hành động sát sanh ấy

⁵⁴⁰ Cũng trong trường hợp của ông, quả đất đã nứt ra và hút ông xuống Địa Ngục A-tỳ.

⁵⁴¹ Những trọng nghiệp bất thiện đã được giải thích tại ‘Trọng Nghiệp Bất Thiện’ trang 168.

⁵⁴² Đại Trưởng lão Ledī Sayadaw (1846-1923) là một bậc thầy nổi tiếng đã viết rất nhiều cuốn sách về Pháp. Sự giải thích này được rút ra từ PaD của ngài.

có đủ sức mạnh để làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, có nghĩa là chúng có đủ sức mạnh để tạo ra những kết quả trong quá trình của một kiếp sống (*nư hiện báo nghiệp*), hay để tạo ra danh - sắc tục sanh của một chúng sanh trong địa ngục (*nư sanh báo nghiệp hoặc hậu báo nghiệp*). Nhưng điều này sẽ chỉ xảy ra khi chúng gặp được những điều kiện thoả đáng để chín mùi. Tuy nhiên, cho đến lúc ấy, những tư (*cetanā*) của hành động sát sanh này vẫn có thể (*nư sanh báo nghiệp hoặc hậu báo nghiệp*) thực thi một trong ba nhiệm vụ khác:

1. Chúng có thể củng cố (*trì nghiệp*) cho những quả của nghiệp bất thiện khác.
2. Chúng có thể làm mất tác dụng (*chướng nghiệp*) những quả của thiện nghiệp.
3. Chúng có thể cắt đứt (*đoạn nghiệp*) những thiện nghiệp.

Có thể nói tư (*cetanā*) của một hành động bất thiện hoặc thiện có thể thực thi một trong những nhiệm vụ này cho đến một trăm ngàn đại kiếp hoặc lâu hơn trong tương lai.

Đến đây, sau khi đã giải thích xong về nguyên tắc đồng nhất, chúng tôi sẽ giải thích tiếp việc một nghiệp có thể làm nhiệm vụ như những gì được gọi là đoạn nghiệp có tính đồng nhất (*ekatta-naya-upaghātaka-kamma*) như thế nào.

ĐOẠN NGHIỆP CÓ TÍNH ĐỒNG NHẤT

BA VỊ TỠ-KHEO

Đoạn nghiệp thiện mạnh mẽ và đầy năng lực không những có thể cắt đứt quả của bất thiện nghiệp yếu hơn, mà nó cũng còn cắt đứt quả của thiện nghiệp yếu hơn nữa. Một ví dụ điển hình trong trường hợp này là Thiên Tử Gopaka (*Deva Gopaka*) và ba vị Tỳ kheo.⁵⁴³

Thiên Tử Gopaka là con của vua trời Đê Thích (*Sakka*). Trong một tiền kiếp Thiên Tử Gopaka là công chúa dòng Thích Ca tên là Gopika, có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo. Cô giữ ngũ giới trọn đời, và hằng ngày có ba vị Tỳ kheo đến nhà cô để khát thực, các vị cũng dạy Pháp cho cô. Kết quả là, dựa trên giới, và trí hiểu biết về Pháp, cô có thể hành thiền chỉ và thiền minh sát thành công đến độ cô trở thành một bậc Thánh Nhập Lưu (*Sot-Āpanna*) sau đó. Do nhầm chán với kiếp sống người nữ của mình, cô đã hoàn thành nhiều thiện nghiệp với ước nguyện được tái sinh làm người nam. Vào lúc chết, cô được tái sinh lên cõi trời Đạo Lợi (*Tāvātimsā*) làm con trai của Vua Trời Đê Thích: tên của cô lúc này là Thiên Tử Gopaka.

Ba vị Tỳ kheo cô thường đặt bát khi còn là công chúa Gopikā cũng là những người có giới đức: các vị đã hành giới của vị Tỳ kheo một cách trong sạch. Dựa trên giới các vị cũng hành thiền chỉ và thiền minh sát thành công, ngoại trừ

⁵⁴³ Họ cũng được đề cập trong phần ‘Các Vị Tỳ Kheo Tái Sinh Làm Những Nhạc Công Trên Cõi Trời’, trang 394. Những gì nêu ra ở đây được rút từ D.ii.8 ‘*Sakka-Pañhā-Suttam*’ (‘Kinh Đê Thích Sở Vấn’), và chú giải của bài kinh này.

việc họ không đắc một đạo quả nào. Tuy nhiên giới, định và tuệ của các vị trở thành thân y duyên (*upanissaya-paccaya*) mạnh mẽ cho sự chứng đạt một Thánh Đạo nếu có cơ hội.⁵⁴⁴ Giới của họ trong sạch đến mức họ chắc chắn sẽ được tái sinh vào bất kỳ cảnh giới chư thiên nào họ muốn. Hơn nữa, vì đã đắc thiền, nên họ cũng có thể tái sinh vào một cõi Phạm Thiên tương ứng. Nhưng vào lúc chết, họ lại không tái sinh vào một trong những cõi Phạm Thiên, mà tái sinh như những chư thiên Càn-thát-bà (*Gandhabba*), làm nhạc công, và

⁵⁴⁴ Thân y duyên (trợ giúp bằng cách nương nhờ): các danh pháp và sắc pháp quá khứ đóng một phần quyết định trong sự sinh khởi của danh pháp sinh sau, mà nếu không (có nó) sẽ không sinh. Các bất thiện pháp có thể là một thân y duyên cho danh pháp bất thiện hoặc danh pháp thiện, và ngược lại, các thiện pháp cũng có thể là một thân y duyên cho danh pháp bất thiện hoặc danh pháp thiện (P.I.423 ‘*Upanissaya-Paccayo*’ (‘Thân-Y Duyên’) Chẳng hạn, việc thực hành ba phước nghiệp sự (bố thí, trì giới, tu thiền) có thể được thúc đẩy bởi đức tin (thiện), bởi ước nguyện muốn chứng ngộ Niết Bàn (thiện); bởi ước nguyện muốn thành Phật, thành một loại A-la-hán đặc biệt nào đó, thành một vị chư thiên, một người giàu sang, một người nữ hay một người nam (bất thiện); do luyến ái hay dính mắc (bất thiện), chẳng hạn, các bậc cha mẹ có thể bị luyến ái đối với con trai hay con gái đã xuất gia của mình, và đi đến thăm họ nhiều lần, thực hành ... (về những ví dụ, xem ghi chú cuối chương 291, trang 813. Ngược lại, những bất thiện pháp có thể phát sinh khi một người thực hành ba phước nghiệp sự, chẳng hạn như tranh cãi xem ai sẽ là người điều khiển cuộc lễ bố thí hay cúng dường, so sánh phẩm vật cúng dường, so sánh việc hành thiền,...(xem lại ‘Sự Đa Dạng Của Tính Khí’ trang 65/Tập I). Từ (thân y duyên) này được dùng rất rộng, và bao gồm nhiều nhân tố, như bạn tốt, đức tin, sức khỏe, thành thật, tinh tấn, và tri kiến dẫn đến sự thực hành thành công, và những đối nghịch của chúng dẫn đến thất bại (xem ‘Bạn Tốt và Bạn Xấu’ trang 448).

vũ công ở đó. Vì sao? Bởi vì họ đã từng là những chư thiên Càn-thát-bà trong nhiều kiếp quá khứ, điều này có nghĩa là họ có khuynh hướng về lối sống (*chư thiên Càn-thát-bà*) đó. Chúng ta biết, chư thiên Càn-thát-bà thuộc về cõi Tứ Đại Thiên Vương (*Cātu-Mahā-Rājika*), cõi chư thiên thấp nhất trong sáu cõi trời dục giới.

Một hôm, ba vị trời Càn-thát-bà này đến hội trường để giúp vui cho các vị chư thiên, trong đó có Thiên Tử Gopaka. Khi nhìn thấy ba vị này Gopaka nghĩ: *‘Các vị chư thiên này sáng chói và xinh đẹp quá. Không biết nghiệp quá khứ của họ là gì?’* ông thấy rằng họ đã từng là ba vị Tỳ kheo hàng ngày đến nhà ông khát thực! Quán xét thêm, ông cũng khám phá ra rằng giới, định và tuệ của các vị đã được thực hành rất cao. Vì thế ông nói: *‘Khi các vị nghe Pháp và thực hành Pháp, mắt và tai của các vị hướng về cái gì? Các vị là những Tỳ kheo đã được thực hành tăng thượng tam học dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, vậy mà giờ đây các vị lại phải tái sanh làm các chư thiên Càn-thát-bà, thấp kém hơn các vị chư thiên cõi Đạo Lợi. Chúng tôi nghĩ rằng điều đó thật là không tốt đẹp.’*

Nghe những lời quở trách, mà âm thanh của nó như một lời cảnh báo đối với ba vị chư thiên Càn-thát-bà này, hai vị trong họ đã nhớ lại được những pháp hành cao quý của mình, và cảm thấy hổ thẹn. Ngay lập tức, các vị phát triển thiên định và đạt đến sơ thiên, dựa trên thiên này các vị hành minh sát, trở thành Thánh Bất Lai (*An-Āgāmi*), và chết. Họ

được tái sinh về cõi Phạm Phụ Thiên (*Brahmā Purohita*), một trong ba cõi sơ thiên. Còn lại vị thứ ba, do không biết hổ thẹn, nên vẫn làm chư thiên Càn-thát-bà như cũ.

Vậy thì giải thích những vận hành của nghiệp đối với hai vị Càn-thát-bà trở thành Thánh Bất Lai này là như thế nào? Trong tiền kiếp làm Tỳ kheo của họ, các vị đã hoàn thành thiện nghiệp tạo ra tái sinh trong cõi chư thiên như những nam Càn-thát-bà. Nhưng nghiệp đó đã bị cắt đứt bởi nghiệp sơ thiên mạnh hơn (đây là một trọng nghiệp), và với nghiệp này họ đã đạt đến Bất Lai Thánh Quả. Và đoạn nghiệp cho quả riêng của nó, là sự tái sinh trong cõi Phạm Phụ Thiên.

Như vậy, theo nguyên tắc đồng nhất, thiện nghiệp sơ thiên của các vị đã làm nhiệm vụ vừa như một đoạn nghiệp và vừa như một sanh nghiệp. Chính xác hơn, trong khoảng thời gian rất ngắn các vị đắc sơ thiên ấy, các vị đã hoàn thành hàng tỷ nghiệp sơ thiên⁵⁴⁵, và trong số những nghiệp ấy, một đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp, một nghiệp khác như sanh nghiệp, và hàng tỷ nghiệp còn lại trở thành vô hiệu nghiệp.

NGẠ QUỲNANDAKA

⁵⁴⁵ Xem thêm bảng ‘5d: Tiến Trình Chứng Thiên’, trang 360/Tập I.

Nếu một đoạn nghiệp thiện có thể cắt đứt sanh nghiệp thiện yếu hơn như thế nào, thì một đoạn nghiệp bất thiện cũng có thể cắt đứt sanh nghiệp bất thiện yếu hơn như vậy. Đoạn nghiệp thiện cũng có thể tạo ra quả riêng của nó, và những trì nghiệp bất thiện có tính đồng nhất khác có thể kéo dài thêm quả ấy. Một ví dụ điển hình là nga quý Nandaka.⁵⁴⁶

Trong kiếp làm người trước, ông là tướng của đức Vua Piṅgala ở Suratt̥ha. Nandaka chấp chặt những gì Đức Phật gọi là Đại Tà Kiến (*Mahā-Diṭṭhi*). Theo Đại Tà Kiến này thì không có nhân hay duyên cho sự thanh tịnh của các chúng sanh (sự thanh tịnh không do tu tập mà thành); mà thời gian của mỗi chúng sanh trong Luân Hồi (*Samsāra*) là cố định, hạnh phúc hay khổ đau của mỗi người đã được tiền định: ví như một cuộn chỉ cứ tháo ra cho đến khi không còn chỉ nữa như thế nào, thời gian của mỗi con người trong luân hồi (*Samsāra*) cũng cứ tháo ra cho đến một thời hạn nhất định thì họ huỷ diệt y như vậy. Như vậy, Đại Tà Kiến là một quan kiến không tương với những yếu tố vừa như một thường kiến, vừa như một đoạn kiến.[224] Vì lẽ vị tướng này chấp chặt quan kiến ấy, ông đã hoàn thành hàng tỷ bất thiện nghiệp trong suốt cuộc đời của ông. Chúng ta không biết vào lúc chết ông ta chấp giữ quan kiến này mãnh liệt như thế

⁵⁴⁶ Pv.iv.3 ‘Nandaka-Peta-Vatthu’ (‘Chuyện Nga Quý Nandaka’)

nào, nhưng theo Kinh Điền, ông ta đã bị tái sanh làm ngựa quý.⁵⁴⁷

Tuy nhiên, Uttarā, con gái của vị tướng này lại giữ Chánh Kiến, vì cô là một bậc Thánh Nhập Lưu. Và sau cái chết của người cha, cô đã cúng dường vật thực đến một vị A-la-hán thường đi bát trong ngôi làng cô ở, và hồi hướng phước của nghiệp cúng dường ấy đến người cha đã quá cô của cô. Khi tác sự cúng dường hoàn thành, Nandaka không thể thốt lên lời Sādhu! (‘Lành thay!’). Mặc dù thiện nghiệp đó quá yếu để cắt đứt sanh nghiệp bất thiện vốn duy trì cuộc sống bất hạnh của ngựa quý, nó lại đủ mạnh để tạo ra những lạc thú của một *vemānika* (một loại chúng sanh giống như chư thiên). Nhưng nó cũng chỉ kéo dài sáu tháng, vì lúc đó một nghiệp tà kiến mạnh hơn (thuộc cùng tính đồng nhất như sanh nghiệp bất thiện vốn giữ ông trong ngựa quý giới) đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp bất thiện, và làm cho quả riêng của nó phát sanh, khiến cho ngựa quý Nandaka phải tái sanh vào A-tỳ Địa Ngục. Những nghiệp tà kiến khác lúc đó tác hành như trì nghiệp để làm cho sự sống của ông trong A-tỳ Địa Ngục kéo dài hơn.

Câu chuyện đó đã kết thúc phần giải thích của chúng tôi về đoạn nghiệp, và cũng kết thúc phần giải thích của

⁵⁴⁷ Chấp giữ quan kiến phủ nhận những vận hành của nghiệp được xem là nặng nhất trong sáu trọng nghiệp bất thiện, nó chắc chắn sẽ dẫn đến tái sanh trong địa ngục. Về chi tiết, xem ‘Trọng Nghiệp Bất Thiện’, trang 343/Tập I.

chúng tôi về mười hai loại nghiệp mà Đức Phật thường dùng để giải thích những vận hành của nghiệp.

KẾT LUẬN

Chúng tôi sẽ kết luận bằng cách tóm tắt lại mười hai loại nghiệp. Trước tiên chúng ta bàn về những vận hành của nghiệp theo thời gian cho quả, nghĩa là theo cách khi nào thì nghiệp sẽ cho quả. Phần này chúng ta bàn đến bốn loại:⁵⁴⁸

1. Hiện báo nghiệp (*diṭṭha-dhamma-vedanīya-kamma*): nghiệp có hiệu lực hay cho quả trong cùng kiếp sống của cá nhân ấy (*atta-bhāva*).
2. Sanh báo nghiệp (*upapajja-vedanīya-kamma*): nghiệp có hiệu lực hay cho quả trong kiếp sống kế.
3. Hậu báo nghiệp (*apar-āpariya-vedanīya-kamma*): nghiệp có hiệu lực hay cho quả trong một kiếp nào đó sau kiếp kế (từ kiếp thứ hai trở đi).
4. Vô hiệu nghiệp (*ahosi-kamma*): nghiệp không còn hiệu lực. Nó chính là hiện báo nghiệp hay sanh báo nghiệp được xem như không còn tồn tại nữa, hay là nghiệp chỉ theo tên gọi. Sau khi một người Bát Niết Bàn (*Parinibbāna*), tất cả nghiệp (hiện báo-, sanh báo-, và hậu báo nghiệp) đều trở thành

⁵⁴⁸ Xem ‘Thời Gian Của Quả’ trang 292/Tập I.

vô hiệu, bởi vì (sau sự kiện này) họ không còn tái sinh lại nữa.

Kế tiếp chúng ta bàn về những vận hành của nghiệp theo thứ tự cho quả, nghĩa là theo cách nghiệp nào sẽ có hiệu lực hay cho quả trước. Ở đây, chúng ta cũng bàn về bốn loại nghiệp:⁵⁴⁹

1. Trọng nghiệp (*garuka-kamma*): có sáu trọng nghiệp bất thiện:
 - i. giết mẹ
 - ii. giết cha
 - iii. giết một bậc Thánh A-la-hán
 - iv. với ác ý làm cho một vị Phật chảy máu
 - v. phá hoà hợp Tăng
 - vi. cố chấp một tà kiến (phủ nhận những vận hành của nghiệp).

Những trọng nghiệp này chắc chắn sẽ đưa đến tái sinh trong địa ngục ngay kiếp sau. Đó là lý do vì sao chúng cũng được gọi là vô gián nghiệp. Về trọng nghiệp thiện, có tám: bốn thiện sắc giới và bốn thiện vô sắc giới. Nếu các thiện này được duy trì cho đến lúc chết, chúng chắc chắn sẽ đưa đến tái sinh trong Phạm Thiên giới.

2. Thường nghiệp (*āciṇṇa-kamma*): đó là những bất thiện nghiệp hoặc thiện nghiệp được làm thành thói quen, được làm thường xuyên, và liên tục.

⁵⁴⁹ Xem ‘Thứ Tự Của Quả’ trang 342/Tập I

Chẳng hạn, một người đồ tể giết các chúng sanh thành thói quen, và một tên trộm ăn cắp thành thói quen, một người hộ Tăng đặt bát thành thói quen, và một người hành thiền chỉ và thiền minh sát thành thói quen.

3. Cận tử nghiệp (*āsanna-kamma*): đó là một nghiệp bất thường mà vào lúc chết được nhớ lại một cách sinh động. Chẳng hạn, một người giới đức bất chợt có thể nhớ đến một hành động bất thiện nào đó một cách sinh động vào lúc chết, và một người không giới đức bất chợt có thể nhớ đến một hành động thiện bất thường nào đó một cách sinh động vào lúc chết.
4. Tích lũy nghiệp (*katattā-kamma*): đó là bất kỳ nghiệp nào khác đã được hoàn thành, như mười bất thiện nghiệp đạo (sát sanh, trộm cắp, tà dâm...), hay mười thiện nghiệp đạo (tránh xa sự sát sanh, trộm cắp, tà dâm...).

Cuối cùng, chúng ta bàn đến những vận hành của nghiệp theo nhiệm vụ của quả, nghĩa là theo cách nghiệp làm nhiệm vụ. Và cũng có bốn loại:

1. Sanh nghiệp (*janaka-kamma*): đó là bất thiện nghiệp tạo ra danh - sắc của một súc sanh, ngựa quỳ, hay một chúng sanh trong địa ngục vào lúc tái sanh, và trong thời bình nhật của chúng sanh ấy, hay thiện nghiệp tạo ra danh-sắc của một con

- người, một chur thiên vào lúc tái sinh và thời bình nhật của chúng sanh ấy.
2. Trì nghiệp (*upatthambhaka kamma*): đó là bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp củng cố cho một sanh nghiệp. Chẳng hạn, thiện nghiệp cho một chúng sanh tái sinh làm người có thể được củng cố để người đó được khoẻ mạnh, và sống một cuộc sống không có khó nhọc. Cũng vậy, bất thiện nghiệp đã cho một chúng sanh tái sinh như một con vật có thể được củng cố thêm để con vật ấy bệnh hoạn, và sống một cuộc sống khó khăn.
 3. Chướng nghiệp (*upapīḷaka kamma*): đó là một bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp làm thất bại và cản trở quả của nghiệp khác. Chẳng hạn, thiện nghiệp cho một chúng sanh tái sinh làm người có thể bị chướng nghiệp làm mất tác dụng để người ấy phải gặp nhiều vấn đề với sức khoẻ, tài sản, hoặc gia đình và bè bạn... Đối với nghiệp bất thiện đã cho một chúng sanh làm một con vật cũng vậy, có thể bị chướng nghiệp làm mất tác dụng để con vật ấy được hưởng những thoáng thoải mái và an vui hơn.
 4. Đoạn nghiệp (*upaghātaka-kamma*): đó là bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp cắt đứt nghiệp yếu hơn. Chẳng hạn, thiện nghiệp cho một chúng sanh làm người có thể bị cắt đứt khiến người ấy phải chết

trước khi hết thọ mạng. Nếu đó là một bất thiện nghiệp, người ấy có thể tái sinh làm một con thú, một ngạ quỷ hay tái sinh trong địa ngục; còn nếu đó là thiện nghiệp, người ấy có thể tái sinh trong thiên giới hay Phạm Thiên giới.

Đến đây kết thúc phần tóm tắt của chúng tôi về mười hai loại nghiệp mà Đức Phật thường dùng để giải thích về nghiệp. Kế tiếp, chúng ta sẽ bàn đến những vận hành của sự thành tựu (*thường dịch là thuận lợi*) và thất bại (*thường dịch là bất lợi*)

THÀNH TỰU VÀ THẤT BẠI

Để giải thích những vận hành của nghiệp, chúng ta đã bắt đầu bằng việc luận bàn về hai bài ‘Kinh Dây Trói Buộc’ (*‘Gaddula-Baddha Suttam’*). Trong hai bài kinh đó, Đức Phật đã giải thích lý do tại sao các chúng sanh không thể tìm được lối giải thoát khỏi khổ: do chấp thủ vào năm uẩn xem đó như tự ngã, họ cứ liên tục tạo ra các uẩn mới hết kiếp này sang kiếp khác. Các uẩn sanh vào sát-na tục sanh, và chúng được quyết định bởi nghiệp chín mùi vào lúc chết trong kiếp trước. Trong bài ‘Kinh Dây Trói Buộc’ thứ hai, Đức Phật cũng bàn về sự đa dạng của nghiệp và sự đa dạng của quả tạo ra sự đa dạng của các chúng sanh trong những cõi giới khác nhau như thế nào. Và sự đa dạng của nghiệp quá khứ

đó cũng tạo ra một sự đa dạng của quả suốt kiếp sống trong những cõi giới ấy ra sao.

Chúng ta có được sự hiểu biết này nhờ những gì Đức Phật gọi là Như Lai Lực Thứ Hai (*Tri tam thế nghiệp báo lực*) của Ngài. Chúng ta sẽ nghe lại sự giải thích của Đức Phật về trí ấy:⁵⁵⁰

Lại nữa, này Xá-lợi-phất (*Sāriputta*), Như Lai như thật tuệ tri quả báo (*Vipāka*) của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại đã được làm, theo sự kiện có thể xảy ra (*thāna*) và theo nhân (*hetu*).⁵⁵¹

Và, này Xá-lợi-phất (*Sāriputta*), quả báo của bất cứ nghiệp quá khứ, vị lai, và hiện tại nào đã được làm Như Lai như thực tuệ tri đúng theo theo sự kiện có thể xảy ra và theo nhân. Như vậy, này Xá-lợi-phất, đây là một Như Lai Lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình tư thế **Nguru Vương**, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyển Phạm luân.⁵⁵²

⁵⁵⁰ Xem trích dẫn ‘Nghiệp Quả Trí của Đức Phật’, trang 76/Tập I.

⁵⁵¹ *thāna* (sự kiện có thể xảy ra): chú giải giải thích rằng điều này muốn nói tới những trường hợp mà dựa vào đó một nghiệp có thể tạo ra quả của nó. Hoặc đó là sự thành tựu (thuận lợi) hoặc đó là sự thất bại (không thuận lợi) liên quan đến bốn loại trường hợp: 1) sanh thú (*gati*); 2) sanh y (*upadhi*); 3) thời kỳ (*kāla*); và 4) sở hành (*payoga*). Nhân(*hetu*): Nghiệp (*kamma*) là nhân của quả.

⁵⁵² Nguru Vương (*āsabham*) Tư Thế (*thānam*): tư thế là đáng điệu của bốn chân trên mặt đất, và tư thế nguru vương là tư thế vững chắc không thể lay chuyển, tư thế cao nhất, được sử dụng bởi thủ lĩnh của các loài trâu (nguru vương). Bốn chân của Như Lai là Bốn Vô Sở Úy (*vesārajja*), Phạm Luân (*Brahma-cakka*) ở đây muốn nói tới Bánh Xe Pháp (Dhamma Cakka, Pháp Luân); chữ Phạm (*Brahma*) có nghĩa là tối tôn, cao nhất, trên hết.

Đức Phật nói về sự kiện có thể xảy ra (*thānaso*) và nhân (*hetuso*) của quả (*vipāka*). Nhân của quả là nghiệp đã hoàn thành. Và chúng ta đã bàn đến sự đa dạng của nghiệp cũng như sự đa dạng của quả theo mười hai loại nghiệp ở trên rồi. Bây giờ, chúng ta sẽ bàn đến sự kiện có thể xảy ra (*thānaso*) dựa vào đó nghiệp tạo ra quả của nó. Điều này có nghĩa là gì?

Như chúng ta đã bàn luận ở trên, những vận hành căn bản của nghiệp là bất thiện nghiệp (*bất nguồn từ vô minh, ái, và thủ*) tạo ra quả khổ, trong khi thiện nghiệp (*cũng bắt nguồn từ vô minh, ái và thủ*) tạo ra quả an vui. Nhưng không phải trong mọi trường hợp bất thiện nghiệp và thiện nghiệp đều tạo ra quả của chúng: chúng chỉ tạo ra quả tùy theo những tình huống. Những tình huống ấy là sự kiện có thể hoặc không thể xảy ra mà dựa vào đó nghiệp tạo ra quả của nó; nếu những tình huống không có mặt, nghiệp không tạo ra quả của nó. Như vậy, mặc dù Đức Phật tuyên bố rõ ràng rằng chúng ta là chủ nhân của nghiệp tốt hoặc xấu của chúng ta, song sự chín mùi của nghiệp ấy vẫn dựa vào các điều kiện. Cũng như sự hoàn thành của nghiệp tốt hoặc xấu cần phải có một vài điều kiện như thế nào, sự chín mùi của nghiệp ấy cũng cần có một vài điều kiện như vậy.

Để giải thích phương diện thuộc về Như lai Lực Thứ Hai của Đức Phật này, Kinh Điển Pāli nói đến bốn loại thành tựu (*sampatti*, thường dịch *thuận lợi*),⁵⁵³ và bốn loại thất bại,

⁵⁵³ *Sampatti*: đây là sự đối nghịch của thất bại (*vipatti*, thường dịch không thuận lợi) mà đúng lý sẽ dịch là **‘thành công’**. Nhưng ‘nơi đến (sinh thú) thành công’, ‘diện mạo (sinh y) thành công’ hay ‘sự thành công của nơi đến’, ‘sự

hay *bất lợi* (*vipatti*). Sự thành tựu hay thuận lợi ngăn nghiệp xấu, và cho phép nghiệp tốt hoạt động, trong khi sự thất bại hay bất lợi thì ngăn nghiệp tốt và cho phép nghiệp xấu hoạt động.

THÀNH TỰU hay THUẬN LỢI

Bốn loại thành tựu (*sampatti*) là:

1. Sanh thú thành tựu (*gati-sampatti*): đó là được tái sanh trong một sanh thú an vui, như sanh trong cõi trời hoặc cõi người.
2. Sanh y thành tựu (*upadhi sampatti*): đó là có một thân hình và diện mạo đẹp đẽ, mẫu mực, và không hư khuyết.
3. Thời kỳ thành tựu (*kāla sampatti*): đó là tái sanh trong thời kỳ có sự cai trị sáng suốt và con người hiền thiện.
4. Sở hành thành tựu (*payoga sampatti*): đó là có những năng lực chính đáng, điều này Đức Phật cũng gọi là nghiệp thành tựu (*kammanta sampatti*), thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, và ý nghiệp thiện [225]: thân không những không sát sanh mà còn có hành động từ ái và bi mẫn đối với các chúng sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu bia; khẩu không nói dối, không

thành công của diện mạo',...nghe có vẻ không hợp nếu không muốn nói là thứ ngôn ngữ không thể chấp nhận được. Vì vậy chúng tôi dùng 'sự thành tựu' hay đôi khi 'sự thuận lợi', cũng có nghĩa 'thành công', và có vẻ phù hợp với từ Pāli hơn.

nói lời chia rẽ, mà nói năng một cách nhã nhặn, từ hoà, không nói chuyện phù phiếm; ý không tham muốn, không ôm ấp oán thù, và giữ chánh kiến.

Bốn loại thành tựu này có thể ngăn không cho một số nghiệp bất thiện tạo ra quả của chúng, và ngược lại bốn sự thành tựu này còn có thể cho phép một số thiện nghiệp tạo ra quả của chúng. Nói khác hơn, dựa vào sự thành tựu, một số bất thiện nghiệp không tạo ra quả của chúng, và một số thiện nghiệp tạo ra quả của chúng.

THẤT BẠI hay BẤT LỢI

Bốn loại thất bại là:

1. Sanh thú thất bại (*gati-vipatti*): đó là tái sanh trong một ác thú: như sanh trong một địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc A-tu-la.
2. Sanh y thất bại (*upadhi vipatti*): đó là có một thân hình và diện mạo không đẹp đẽ, thô kệch, và hư khuyết.
3. Thời kỳ thất bại (*kāla vipatti*): đó là tái sanh trong một thời kỳ đen tối, với sự cai trị hôn ám và con người xấu xa, đồi bại.
4. Sở hành thất bại (*payoga vipatti*): đó là có những phương tiện tà vạy, điều này Đức Phật cũng gọi là nghiệp làm lỗi và ác hại (*kammanta-sandosabyāpatti*), tức thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý

ngiệp hợp theo mười bất thiện nghiệp đạo (sát sanh, trộm cắp...chấp giữ tà kiến).

Bốn loại thất bại này có thể ngăn không cho một số thiện nghiệp tạo ra quả của chúng và ngược lại cho phép một số bất thiện nghiệp tạo ra quả của chúng. Nói cách khác, dựa vào sự thất bại này, một số bất thiện nghiệp tạo ra quả của chúng, và một số thiện nghiệp không thể tạo ra quả của chúng được.

NHỮNG VẬN HÀNH CỦA THÀNH TỰU VÀ THẤT BẠI

Bây giờ chúng tôi sẽ giải thích bốn loại thành tựu và bốn loại thất bại theo tuần tự. Trước tiên, bốn loại thành tựu này ngăn không cho một số nghiệp bất thiện tạo ra quả của chúng như thế nào, trong khi bốn loại thất bại cho phép chúng ra sao⁵⁵⁴.

⁵⁵⁴ VbhA.xvi.810 ‘Dutiya-Bala-Niddeso’ (‘Giải Thích về (Như Lai) Lực Thứ Hai’) DD.xvi.2202-2205

SỰ THÀNH TỰU NGĂN NHỮNG NGHIỆP BẤT THIỆN

SANH THỨ THÀNH TỰU NGĂN NHỮNG NGHIỆP BẤT THIỆN

Có một số nghiệp xấu sau khi đã làm sẽ không chín mùi (hay cho quả), do bị sanh thú thành tựu (gati sampatti) ngăn lại⁵⁵⁵.

Nghiệp bất thiện của một người có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong một ác thú: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... Đó là sanh thú thất bại (*gati vipatti*). Dựa vào sự thất bại đó, một số bất thiện nghiệp của cô ta hay anh ta được phép tạo ra quả của chúng. Nhưng nhờ một thiện nghiệp nào đó cô ta hay anh ta được tái sanh trong một thiện thú: cõi người hay cõi trời. Đó là sanh thú thành tựu (*gati sampatti*). Dựa vào sự thành tựu ấy, những bất thiện nghiệp bị ngăn lại, và những thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

ĐAO PHỦ TAMBADĀṬHIKA

Một ví dụ điển hình là đao phủ Tambadāṭhika, mà câu chuyện của ông ta đã được đề cập ở một phần trước.⁵⁵⁶ Ông có thâm niên năm mươi lăm năm hoàn thành bất thiện

⁵⁵⁵ Tất cả những câu trích dẫn khởi ở đây được rút từ sự giải thích của Đức Phật trong Vbh.XVI.x.810 ‘Nāṇa-Vibhaṅgo’ (‘Trí Phân Tích’).

⁵⁵⁶ Xem ‘Tambadāṭhika, Người Đao Phủ’, trang 370/Tập I.

nghiệp chặt đầu tội nhân theo thói quen. Nếu vào lúc chết ông tái sinh vào một đoạ xứ, như địa ngục, thì sanh thú thất bại ấy sẽ cho phép những nghiệp bất thiện của ông ta tạo ra quả của chúng. Nhưng, vào lúc chết, một thiện nghiệp thuộc nghiệp đắc Hành Xả Trí (*Saṅkhā-Upekkhā-Nāna*) đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sinh trong thế giới chư thiên: sanh thú thành tựu. Dựa vào sự thành tựu ấy, những bất thiện nghiệp của ông bị ngăn lại, chỉ những thiện nghiệp được phép cho quả.

SANHY THÀNH TỰU NGĂN NHỮNG BẤT THIỆN NGHIỆP

Có một số nghiệp xấu sau khi đã làm, không chín mùi, do bị sanh y thành tựu chặn lại.

Một người có thể sanh ra với sự khiêm khuyết về tứ chi và có một diện mạo xấu xí, không xinh đẹp: đó là sanh y thất bại (*upadhi-vipatti*, *sanh y bất lợi*). Dựa vào sự thất bại ấy, một số nghiệp bất thiện của người ấy được phép tạo ra quả của chúng. Nhưng do một thiện nghiệp nào đó, cô ta hay anh ta có được tứ chi lành lặn và một diện mạo xinh đẹp, tươi sáng giống như Phạm Thiên (*Brahma*): đó là sanh y thành tựu (*upadhi sampatti*). Dựa vào sự thành tựu này, những nghiệp bất thiện của người ấy bị chặn lại và những thiện nghiệp được phép cho quả.

Chú giải giải thích rằng nếu một người như vậy có bị sanh làm tội tở, nô lệ, họ sẽ không phải làm công việc của

một người giữ voi, một người giữ ngựa, hay một người giữ bò. Do sự xinh đẹp của anh ta, người chủ sẽ nghĩ: *‘Không nên để một người như vậy làm công việc như bản.’* Và họ mặc cho anh ta áo quần đẹp đẽ, và cho anh ta làm công việc của một người giữ kho, hay một công việc gì khác tương tự như vậy. Nếu đó là một người nữ, họ sẽ không bắt cô ta làm công việc lo liệu thức ăn (cắt cỏ) cho voi,...: mà họ cho cô ta những quần áo và đồ trang sức thích hợp với cô ta, và có khi còn cho cô ta làm ái thiếp...

Chú giải đưa hình ảnh Hoàng Hậu Sāmā ra làm ví dụ. Thời đức Vua Bhātiya, có lần người ta bắt được một số người phạm tội ăn thịt bò, và họ bị đưa lên cho vua xét xử. Do không có tiền nộp phạt, họ bị bắt làm công việc của những người lau nhà trong hoàng cung. Tuy nhiên, một trong số những người con gái của họ nhờ xinh đẹp, nên được Đức Vua đưa vào hậu cung và phong cho làm ái thiếp. Do ảnh hưởng của thiện nghiệp này, cô ta và gia đình được sống một cuộc sống an vui.

THỜI KỲ THÀNH TỰU NGĂN ĐƯỢC NHỮNG BẤT THIỆN NGHIỆP

Một người có thể bị tái sanh vào thời kỳ hôn quân cai trị, và con người xấu xa: đó là thời kỳ thất bại (kāla vipatti). Dựa vào sự thất bại ấy, một số thiện nghiệp của anh ta hay cô ta không được phép cho quả. Nhưng do một thiện nghiệp nào đó, cô ta hay anh ta được tái sanh vào một thời kỳ có sự

cai trị anh minh, và con người hiền thiện, chẳng hạn, như khi loài người bắt đầu xuất hiện vào lúc khởi đầu của một kiếp,⁵⁵⁷ Khi có một vị Chuyển Luân Vương⁵⁵⁸, hay khi có một Đức Phật: đó là thời kỳ thành tựu (*kāla-sampatti*). Dựa vào sự thành tựu này, những bất thiện nghiệp bị ngăn lại, và những thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

Kế đến chúng ta sẽ bàn về việc tái sinh vào thời kỳ hôn quân cai trị và thời kỳ anh minh cai trị, vào thời kỳ mà con người xấu xa và con người hiền đức có ý nghĩa như thế nào, và cách người xấu và tốt ảnh hưởng đến hạnh kiểm của chúng ta ra sao, đặc biệt những là những người đồng sự, thầy tổ, và các nhà lãnh đạo.

BẠN TỐT VÀ BẠN XẤU

Một lần, Tôn-giả Ānanda suy xét về vấn đề làm thế nào để một người có thể thành công trong đời phạm hạnh (*brahma-cariya*).⁵⁵⁹ Ngài xác định rằng sự thành công trong đời phạm hạnh (tu tập giải thoát) một nửa tùy thuộc vào bạn tốt (thiện bạn hữu), và một nửa tùy thuộc vào nỗ lực cá nhân. Nhưng khi Tôn-giả trình bày điều này với Đức Phật, Đức Phật đã sửa lại như vậy:

⁵⁵⁷ Khởi đầu của một kiếp: trong D.iii.4 ‘Agga-Añña-Suttam’ (Khởi Thế Nhân Bốn Kinh’)

⁵⁵⁸ Xem bên dưới, ‘Chuyển Luân Vương’, trang 455.

⁵⁵⁹ S.V.I.i.2 ‘Upaḍḍha-Suttam’ (‘Kinh “Một Nửa”’)

Không phải vậy, này Ānanda, không phải vậy, này Ānanda!

Toàn bộ đời phạm hạnh, chỉ là thể này, đó là: thiện bạn hữu (kalyāṇa-mittatā), thiện kết hợp (kalyāṇa-sahāyatā), thiện giao du (kalyāṇa-sampavaṅkatā).

Với một thiện bạn hữu, này Ānanda, điều này được chờ đợi nơi vị Tỳ-kheo: đó là vị ấy với một thiện bạn hữu, với một thiện kết hợp, với một thiện giao du, Bát Thánh Đạo sẽ được tu tập, Bát Thánh Đạo sẽ được thực hành thường xuyên.

Đây là nguyên tắc của thiện bạn hữu. Khi chúng ta có những người bạn tốt, những sự giao du tốt, những sự kết hợp tốt, chúng ta có thể thực hành Bát Thánh Đạo (*Ariya aṭṭhaṅgika Magga*): đó là, những phước nghiệp sự, tam học (giới, định, và tuệ), minh và hạnh,... Nói chung, dựa vào thiện bạn hữu, chúng ta có thể thực hành những thiện pháp này, để hoàn thành những thiện nghiệp. Tuy nhiên, dựa vào bạn xấu ác, thì việc hành những pháp này sẽ là điều bất khả.[226] Nếu chúng ta có những bạn xấu, chúng ta sẽ thực hành những pháp ác, và như vậy chúng ta chỉ hoàn thành những bất thiện nghiệp mà thôi.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho người cai trị và chính phủ của một quốc gia: nếu người cai trị có đức hạnh, và chính phủ làm việc phù hợp với Pháp (dựa trên Chánh Kiến) chúng ta có thể nói đó là một nhà cai trị và chính phủ

anh minh. Được sinh vào một thời kỳ như vậy là thời kỳ thành tựu (*kāla sampatti*).

CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Một ví dụ về chính phủ anh minh và khi người cai trị là một vị Chuyển Luân Vương, sẽ ngăn được những bất thiện nghiệp không cho chín mùi như thế nào. Trong Kinh ‘Mahā-Sudassana’,⁵⁶⁰ Đức Phật tả lại việc có lần Ngài làm Vua Chuyển Luân có tên là Mahāsudassana. Thọ mạng của ngài lúc đó là ba trăm ba mươi sáu ngàn tuổi. Đối với một vị vua như vậy Luân Báu (*cakka-ratana*, một thứ vũ khí bằng bánh xe báu) sẽ xuất hiện, và nó giúp vua thiết lập được một đại đế chế cai trị theo pháp (*Dhamma*). Tại sao một bánh xe như vậy lại xuất hiện cho một vị vua như vậy? Bởi vì nghiệp quá khứ và nghiệp hiện tại. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ Luân Báu xuất hiện cho Đức Vua Mahāsudassana là vì thiện nghiệp bố thí trong quá khứ và hiện tại của vua, vì thiện nghiệp tiết chế (giữ ngũ giới) trong quá khứ và hiện tại của vua, vì thiện nghiệp giữ bát quan trai giới trong quá khứ và hiện tại của vua, và nhất là vì sự cai trị đúng theo Pháp (*Dhamma*) của vua. Nghiệp quá khứ cũng giải thích cho sắc đẹp, tuổi thọ, sức khỏe thù thắng của vua, cũng như sự hâm mộ mà vua nhận được từ thân dân của ngài. Trong một phần

⁵⁶⁰ D.ii.4 ‘Mahā-Sudassana-Suttam’ (‘Kinh Đại Thiện Kiến Vương’)

tư cuộc đời còn lại, một vị Chuyển Luân Vương bao giờ cũng thực hành bốn phạm trú (*cattāro brahma-vihārā*), đó là thực hành thiền tâm từ (*mettā*), bi (*karunā*), hỷ (*muditā*) và xả (*upekkhā*): như vậy, đối với Đức Vua Mahāsudassana, thời gian một phần tư cuộc đời của ngài là tám mươi bốn ngàn năm. Do việc thực hành đó, một vị Chuyển Luân Vương lúc chết sẽ tái sanh trong Phạm Thiên giới.

VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH CỦA MỘT NHÀ CAI TRỊ TỐT

Đức Phật cũng bàn về nguyên tắc này với Đức Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của Xứ Kosala.⁵⁶¹ Ngài nói vua nên tu tập để có được những thiện bạn hữu, thiện giao du, và thiện kết hợp. Và sau khi đã có những thiện bạn hữu, vua nên sống không dễ dãi trong các thiện pháp (*appamādo kusalesu dhmmesu*): bổ thí, giữ giới và tu thiền.[227]

Kế tiếp Đức Phật giải thích tấm gương mà Đức Vua nêu lên này sẽ ảnh hưởng đến thần dân của đất nước như thế nào: những thê thiếp của vua, những quan lại trong triều, những binh lính, và tất cả thần dân trong kinh thành và ở ngoại biên sẽ thấy được Đức Vua là người chuyên cần trong các thiện pháp ra sao, và chắc chắn họ cũng sẽ có được nguồn cảm hứng để chuyên cần trong các thiện pháp như vua đã làm. Đức Phật giải thích rằng khi mọi người chuyên cần

⁵⁶¹ S.I.III.ii.8 ‘Kalyāṇa-Mitta-Suttaṃ’ (‘Kinh Bạn Lành’)

làm các điều thiện theo cách này, vua, các thê thiếp của vua, và tài sản cũng như quốc độ của vua sẽ được khéo bảo vệ.

Sanh vào thời kỳ của những vị vua đức hạnh như vậy là có được thời kỳ thành tựu (*kāla sampatti*), bởi vì vào thời kỳ như vậy, mọi người được dạy không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất say, và họ cũng được dạy biết tiết độ trong ăn uống.⁵⁶² Và nhờ thấy người cai trị của họ là người có giới đức, họ cũng cố gắng để trở thành những người giới đức; thấy người cai trị của họ thực hành bố thí, trì giới... họ cũng sẽ cố gắng thực hành những thiện pháp ấy.[228] Theo đó, dựa vào thời kỳ thành tựu và có những phương tiện (sở hành) thành tựu, một số những bất thiện nghiệp sẽ không tạo ra quả của chúng được.[229]

SỰ SA ĐOẠ CỦA KIẾP NGƯỜI

Trong Kinh Chuyển Luân Vương Sư Tử Hống ‘*Cakka-Vatti-Sīha-Nāda Sutta*’,⁵⁶³ Đức Phật mô tả thời kỳ thành tựu có thể trở thành thời kỳ thất bại do vua không cai trị đúng pháp như thế nào. Đức Phật giải thích rằng có một dòng các vị Chuyển Luân Vương, dưới sự cai trị của các Vua này người dân được thịnh vượng và sống ấm no hạnh phúc.

⁵⁶² Để có một ví dụ khác về một vị vua như vậy, xem ghi chú cuối chương 111, trang 238.

⁵⁶³ D.i.8 ‘*Cakka-Vatti-Sīha-Nāda-Suttam*’

Nhưng sau bảy thế hệ, điều này thay đổi. Đời vua thứ bảy đã không hỏi các hiền thần về những phận sự quân vương (vương pháp), mà cai trị theo tư ý của mình. Lúc đó, do không giúp đỡ những người dân cần được giúp đỡ, nên tình trạng nghèo đói phát sanh trong nước. Kết quả là, ngày càng nhiều ác pháp xuất hiện: trộm cắp, sử dụng hung khí, đoạt mạng sống (sát sanh), nói dối, nói lời thô ác, nói chuyện phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến, loạn luân, tà hạnh trong các dục, bất kính đối với các bậc cha mẹ, sa-môn, Bà-la-môn, và các vị trưởng tộc. Tất cả những ác pháp này phát sanh do vua (nhà cai trị) không chuyên cần trong các thiện pháp: vua không còn là một người bạn lành của dân chúng. Đây là những gì mà chú giải Vi-diệu-pháp nói đến như bị sanh vào thời kỳ chính phủ hôn ám, và con người xấu xa, hiểm ác, nhu nhược,⁵⁶⁴ một thời kỳ thất bại (*kāla vipatti*).

Sự sa đọa này vẫn tiếp diễn. Và vào thời kỳ những ác pháp này phát sanh, thọ mạng của con người càng ngày càng giảm đi, và con người cũng ngày càng trở nên ít xinh đẹp hơn. Cũng vậy, chất lượng của đồ ăn suy giảm: những thức ăn giàu dưỡng chất ngày càng trở nên khó kiếm. Sự sa đọa này xảy ra qua hơn nhiều ngàn năm.

Đức Phật giải thích rằng sự sa đọa sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn toàn không còn lại chút đạo đức nào nữa, và thọ

⁵⁶⁴ Xem ‘Thời Kỳ Thất Bại Cho Phép Những Nghiệp Bất Thiện’, trang 219

mạng của con người lúc đó chỉ còn mười tuổi. Lúc bấy giờ, mọi người nhìn nhau như kẻ thù, và sẽ đoạt mạng sống lẫn nhau. Nhưng một số người sẽ chạy thoát vào những nơi hoang vu, sống nhờ vào các loại rễ, và trái cây. Nhận thức được rằng tất cả những ác pháp này xuất hiện là do tình trạng vô đạo đức gây ra, những người này sẽ thọ trì giới, ... trở lại. Khi họ giữ giới trở lại như vậy, thọ mạng của con người sẽ dần dần tăng lên cho tới nhiều ngàn năm, và con người cũng trở nên xinh đẹp hơn. Theo đó, dựa vào giới, ... thời kỳ thất bại một lần nữa sẽ trở thành thời kỳ thành tựu. Rồi thọ mạng của con người sẽ giảm lại. Khi thọ mạng của con người còn tới mức tám mươi ngàn năm tuổi, một vị Chuyển Luân Vương sẽ xuất hiện trở lại, và Đức Phật cuối cùng của kiếp địa cầu này, Đức Phật Di-Lạc (*Metteya*) xuất hiện. Như vậy một vị Phật được xem là Người Bạn Lành Tối Thượng (*Tối Thượng Thiện Bạn Hữu*).

TỐI THƯỢNG THIỆN BẠN HỮU

Đức Phật giải thích điều này cho Ngài Ānanda.⁵⁶⁵

Này Ananda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu làm thế nào toàn bộ Phạm hạnh này lại là thiện bạn hữu, thiện giao du, thiện kết hợp. Do (lấy) Ta như thiện bạn hữu, này Ananda,

⁵⁶⁵ S.V.I.i.2 ‘Upaḍḍha Suttaṃ’ (‘Kinh Phân Nửa’)

các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Ananda, các Ông cần phải hiểu làm thế nào toàn bộ Phạm hạnh này chỉ có vậy: đó là thiện bạn hữu, thiện giao du, thiện kết hợp.

Khi có một Đức Phật Giác Ngộ Tối Thượng xuất hiện, các chúng sanh có thể thực hành dưới sự chỉ dẫn của ngài. Nếu Ba-la-mật của họ đã được phát triển đầy đủ, họ có thể đắc các Thánh Đạo và Thánh Quả, như vậy họ sẽ thoát khỏi sanh, già và chết, ngay trong kiếp đó. Trong thời Đức Phật chúng ta, con số những người thành tựu được những lợi ích tối thượng như vậy là rất nhiều, và con số các vị chư thiên, Phạm Thiên thành tựu nó cũng không thể tính kể. Đó là lý do vì sao Đức Phật giải thích rằng sự xuất hiện của một vị Phật là vì hạnh phúc của số đông (*bahujana hitāya*), vì sự an lạc của số đông (*bahujana sukhāya*), vì lòng bi mẫn cho đời (*lok-ānukampāya*), vì sự lợi ích (*atthāya*), vì hạnh phúc (*hitāya*), và an lạc (*sukhāya*) của các hàng chư thiên và con người (*Deva-manussānam*).⁵⁶⁶

Nếu một Vị Phật không xuất hiện, không thể có sự giải thoát khỏi sanh, già, và chết. Nhiều người có đủ Ba-la-

⁵⁶⁶ A.I.xiii ‘Eka-Puggala-Vaggo’ (‘Chương Một Người’)

mật để hoàn thành thiện nghiệp của một Thánh Đạo Trí, nhưng một mình họ không thể làm được điều đó: họ cần nhận được sự chỉ dẫn từ một vị Phật Chánh Đẳng Giác, hay từ một vị đệ tử đa văn và thành thạo của Đức Phật.[230]

TÔN GIẢ KIỀU-TRẦN-NHƯ

Một ví dụ điển hình là Tôn-giả Kiều-trần-như (*Aññāsikoṇḍañña*).^[231] Khi Đức Phật của chúng ta sanh ra đời thì ngài *Aññāsikoṇḍañña* vẫn còn trẻ. Và ngài là người đầu tiên chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Trí và Nhập Lưu Thánh Quả Trí trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta: đó là khi Đức Phật giảng dạy bài Kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhamma- Cakka-Ppavattana*). Kiều Trần Như đã thực hành như một vị đạo sĩ trong nhiều năm nhưng ngài vẫn không thể đắc được một Đạo Quả Trí nào. Chỉ đến khi có sự giúp đỡ của Đức Phật điều này mới trở thành khả dĩ.

TÔN GIẢ XÁ-LỢI-PHẬT VÀ TÔN GIẢ MỤC-KIỀM-LIÊN

Cũng vậy, Tôn-giả Xá-lợi-phất và Tôn-giả Mục-kiền-liên đã hành đạo trong nhiều năm, nhưng không có kết quả.⁵⁶⁷ Tôn-giả Xá-lợi-phất chỉ đắc Nhập Lưu khi được Tôn-

⁵⁶⁷ Vin.Mv.i.14 ‘Sāriputta-Moggallāna-Pabbajjā-Kathā’ (‘Mô Tả Về Sự Xuất Gia của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên’)

giả A-sà-chí (*Assaji*) giải thích Pháp cho ngài. Và Tôn-giả Mục-kiền-liên cũng đăc Nhập Lưu chỉ khi được Tôn-giả Xá-lợi-phất lập lại lời giải thích ấy cho nghe. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho các vị đệ tử khác của Đức Phật: nói chung các vị không thể học Pháp, hành Pháp, và đăc một Đạo Quả nào nếu không có sự trợ giúp của một thiện bạn hữu (*kalyāna-mitta*).

VUA A-XÀ-THẾ

Ở đây cũng vậy, Vua A-xà-thế là một ví dụ điển hình. Khi vua kết hợp với Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa, ông đã làm nhiều việc ác.⁵⁶⁸ Chính dưới ảnh hưởng của Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa mà vua đã khởi lên ước muốn giết cha mình là Đức Vua Tà-bà-sa-la, để đoạt ngôi. Rồi, khi người cha giao vương quốc cho vua, thì cũng vậy, một lần nữa chính dưới ảnh hưởng của Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa mà Vua A-xà-thế đã giam cha mình vào ngục thất, hành hạ, và giết chết. Và sau đó, cũng do ảnh hưởng của Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa mà vua đã sắp đặt để một người lính đi giết Đức Phật, và khi sự việc bất thành vua lại cho một con voi đi giết Đức Phật. Như vậy, đối với Vua A-xà-thế, Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa không phải là một người bạn tốt (thiện bạn hữu).

⁵⁶⁸ Về nguồn tham khảo, vui lòng xem ghi chú 370, trang 307/Tập I.

Tuy nhiên, sau đó Vua A-xà-thế đã làm được rất nhiều việc tốt dưới ảnh hưởng của Đức Phật. Điều đó xảy ra như thế nào? Điều này xảy ra do sự kết thân của vua với Jīvaka Komārabhacca.⁵⁶⁹ Jīvaka là lương y chăm sóc sức khoẻ cho hoàng tộc, Đức Phật và Chúng Tăng. Và ông còn là một bậc Thánh Nhập Lưu (Sot-Āpanna). Một đêm nọ, theo lời yêu cầu của Vua A-xà-thế, ông đã đưa vị này đến Vườn Xoài (Amba-Vanna) của mình. Đức Phật đang cư trú tại đó cùng với một Hội Chúng lớn các vị Tỳ kheo. Đức Phật đã dạy cho Vua A-xà-thế bài Kinh Sa Môn Quả. Sau khi nghe xong bài kinh ấy, Vua A-xà-thế có được niềm tin mãnh liệt nơi Đức Phật. Ông xin quy y Đức Phật, Giáo Pháp và Chúng Tăng, và thú tội giết cha với Đức Phật. Từ ngày đó trở đi, Vua A-xà-thế đã mở rộng lòng mến mộ đối với Tam Bảo như một người cận sự nam (upāsaka, người nam có giới đức và phục vụ Tam Bảo). Và khi Hội Đồng (kết tập Tam Tạng) Lần Thứ Nhất triệu tập, nó đã được tổ chức tại Thành Vương Xá (Rājagaha), dưới sự bảo trợ của Vua A-xà-thế. Như vậy, đối với vua A-xà-thế, lương y Jīvaka là một người bạn lành. Và thông qua ông, vua A-xà-thế được gặp Đức Phật, người Bạn Lành Tối Thượng.

CẬN SỰ NAM GAVESĪ

⁵⁶⁹ Xem DA.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttaṃ’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’)

Ví dụ khác là cận sự nam tên gọi Gavesī.⁵⁷⁰ Ông là cận sự nam của Đức Phật Kassapa, và là người lãnh đạo của một nhóm năm trăm nam cư sĩ. Nhưng ông không giữ ngũ giới: ông chỉ quy y Tam Bảo. Và những người cư sĩ theo ông cũng làm y như vậy, nghĩa là họ cũng chỉ thọ Tam Quy.

Rồi một hôm, Gavesī quyết định là ông muốn vượt trội hơn những người theo ông. Vì thế, ông tuyên bố kể từ nay trở đi ông sẽ giữ ngũ giới.^[232] Khi những người theo ông nhận ra rằng ông đang giữ ngũ giới, họ cũng thọ trì ngũ giới. Vì thế ông quyết định giữ phạm hạnh (Brahma-cārī: hạnh trong sạch không dâm dục). Và họ cũng theo gương ông giữ phạm hạnh. Rồi ông quyết định giữ hạnh không ăn phi thời (viratam vikālabhojana): và họ cũng theo ông không ăn phi thời. Sau đó ông đi đến Đức Phật Kassapa và xin xuất gia Tỳ kheo, để được thọ giới cao hơn (upasampadā), những người theo ông cũng làm y như vậy. Cuối cùng, ông ra sức tinh tấn, với ý định sẽ đắc A-la-hán Thánh Quả ngay trong kiếp này, và những người theo ông cũng ra sức tinh tấn như vậy. Rốt cuộc là, tất cả mọi người trong họ đều đắc A-la-hán, thoát khỏi sanh, già, và chết tương lai.

Theo cách đó, Gavesī là một người bạn lành (kalyāṇamitta) đối với năm trăm người theo ông. Và tất nhiên, tất cả những điều này trở thành khả dĩ chỉ khi có sự hiện diện của

⁵⁷⁰ A.V.IV.iii.10 ‘Gavesī Suttam’ (‘Kinh Gavesī’)

người bạn lành tối thượng, Đức Phật Kassapa: họ bắt đầu bằng việc thọ trì Tam Quy (ti-sarāṇa).

Câu chuyện trên đã kết thúc phần giải thích của chúng tôi về việc những người khác có thể gây ảnh hưởng trên cách cư xử của chúng ta như thế nào: đó là bạn bè, đồng nghiệp, đặc biệt các vị thầy tổ và người lãnh đạo của chúng ta. Rất nhiều nơi trong Kinh Điển, Đức Phật giải thích rằng những bạn lành như vậy là yếu tố cần thiết cho việc hoàn thành thiện nghiệp của một người; và với những bạn lành như vậy chắc chắn một số bất thiện nghiệp sẽ bị ngăn lại không thể tạo ra quả của chúng được.

Chúng tôi sẽ giải thích tiếp phần bất thiện nghiệp có thể bị ngăn chặn bởi sở hành thành tựu (*payoga-sampatti*) như thế nào.

SỞ HÀNH THÀNH TỰU NGĂN NHỮNG BẤT THIỆN NGHIỆP

Hạnh hay hành vi cư xử của một người có thể là xấu, Chẳng hạn như người đó có thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô ác, nói chuyện phù phiếm, vô ích, ý tham, ý sân và chấp giữ tà kiến. Đó là mười bất thiện nghiệp đạo mà chúng ta đã đề cập đến vài lần ở trước, và điều này được xem như sở hành thất bại (*payoga-sampatti*). Dựa vào sự thất bại ấy, một số bất thiện nghiệp của anh ta hay cô ta được phép tạo ra quả của chúng. Nhưng nhờ kết hợp với những người bạn tốt như Đức Phật và các vị Thánh

Đệ Tử của ngài, cô ta hạnh anh ta có đức tin nơi Tam Bảo, tin nơi những vận hành của nghiệp, và hoàn thành được nhiều thiện nghiệp.⁵⁷¹Theo cách đó, cách cư xử của anh ta hay cô ta trở nên tốt hơn, và điều này được xem là sở hành thành tựu (*payoga sampatti*). Dựa vào sự thành tựu này, những bất thiện nghiệp bị ngăn lại và thay vào đó những thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng. Cô ta hay anh ta có thể tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm..., làm cho giới được thanh tịnh, và dựa trên giới thanh tịnh đó, cô ta hay anh ta có thể thành công trong thiền chỉ và thiền minh sát.[233].

Giả sử người con trai của gia đình hiền lương nợ (*kula-putta*) đã hoàn thành nhiều bất thiện nghiệp trong kiếp trước. Nhưng kiếp này anh ta hoàn thành được nhiều thiện nghiệp: như thanh tịnh giới, và dựa trên giới đó, anh ta thực hành thiền chỉ và thiền minh sát thành công, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Trí hay Bất Lai Thánh Đạo Trí, dưới sự hướng dẫn của một vị thầy thiện xảo. Sự thực hành ấy là sở hành thành tựu (*payoga-sampatti*), và nó ngăn được những nghiệp bất thiện nào mà (nếu không có nó) có thể đã tạo ra sanh thú thất bại (*gati-vipatti*): nói chung một sự thực hành như vậy sẽ ngăn được những nghiệp tạo ra tái sanh trong một cõi khổ. Những nghiệp tạo ra tái sanh bây giờ chỉ là những thiện nghiệp, vì sở hành thành tựu (*payoga sampatti*) của anh ta chỉ tạo ra an vui, hạnh phúc, như sanh thú thành tựu chẳng

⁵⁷¹ Xem ‘Bạn Tốt và Bạn Xấu’ trang 453

hạn. Vào lúc chết anh ta có thể tái sanh trong một cảnh giới chư thiên do một thiện nghiệp thuộc dục giới cho quả⁵⁷², hay trong một Phạm thiên giới do thiện nghiệp thiên như trong trường hợp của Pukkusāti này.

PUKKUSĀTI

Pukkusāti rất thiện xảo trong các thiên chứng. Các thiên chứng này là sở hành thành tựu (*payoga sampatti*),⁵⁷³ nó gồm có Chánh Tinh Tấn (*Sammā-Vāyāma*), Chánh Niệm (*Sammā-Sati*), và Chánh Định (*Sammā Samādhi*). Và trong khi lắng nghe Đức Phật giảng kinh ‘Giới Phân Biệt’ (*Dhātu-Vibhanga Sutta*),⁵⁷⁴ ông đắc Bất Lai Thánh Đạo và Bất Lai Thánh Quả Trí, ở đây Bất lai Thánh Đạo Trí được xem là sở hành thành tựu cao thượng nhất.

Sau đó, ông đi kiếm y và bát để được thọ đại giới (Tỳ-kheo) với Đức Phật. Nhưng ông đã bị dạ xoa dưới lột một con bò húc chết.⁵⁷⁵ Vào lúc chết, Bất Lai Thánh Đạo Trí dựa trên tứ thiên của Pukkusāti, đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong cõi Phạm Thiên Vô Phiền

⁵⁷² Về những quả của thiện nghiệp dục giới, thiện nghiệp thiên sắc giới và thiện nghiệp thiên vô sắc giới, xem bảng ‘1: Tâm Quả’, trang 90

⁵⁷³ Chúng cũng được xem là những trọng nghiệp thiện, và đại hành nghiệp (*mahaggata-kamma*).

⁵⁷⁴ M.III.iv.10 ‘Dhātu-Vibhanga-Suttam’

⁵⁷⁵ Về bối cảnh liên quan đến những hành động của dạ-xoa này, xem ‘Giải Điểm Báo Thủ’, trang 616.

(*Avihā*), cõi thấp nhất trong năm Cõi Tịnh Cư (*Suddha-Āvāsa*).⁵⁷⁶Thánh Đạo Trí của ông đã ngăn vô số những bất thiện nghiệp không để cho chúng tạo ra quả, và cũng ngăn vô số những thiện nghiệp nào có thể tạo ra tái sinh trong cõi dục giới, bởi vì, là một bậc Thánh Bất lai, ông sẽ không bao giờ còn phải tái sinh trong bốn cõi khổ, cũng như trong cõi người và chư thiên dục giới nữa. Đó là tất cả những kết quả của sở hành thành tựu (*payoga-sampatti*) của ông.

ĐAO PHỦ TAMBADĀṬHIKA

Ở đây, Tambadāṭhika, người đao phủ⁵⁷⁷ một lần nữa được xem là ví dụ điển hình. Ông đã hoàn thành bất thiện nghiệp chặt đầu phạm nhân theo thói quen trong suốt năm mươi lăm năm: đó là sở hành thất bại. Nếu nghiệp đó cho quả vào lúc chết, ông chắc chắn sẽ phải tái sinh vào một cõi thấp, như địa ngục chẳng hạn. Nhưng khi Tôn-giả Xá-lợi-phất đi ngang qua nhà ông, Tambadāṭhika đã mời ngài vào và dâng món cháo sữa, sau đó ông đã lắng nghe Pháp của Tôn-giả Xá-lợi-phất với lòng tôn kính, và đắc Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*): tất cả những việc làm đó là sở hành thành tựu. Và dựa vào sự chứng đắc Hành Xả Trí này, những bất thiện nghiệp của Tambadāṭhika bị chặn lại, vì nó (hành

⁵⁷⁶ Ibid.A

⁵⁷⁷ Xem ‘Đao Phủ Tambadāṭhika’, trang 181.

xả trí) làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong cõi chư thiên: sanh thú thành tựu (*gati-sampatti*).

TÔN GIẢ ANĠULIMĀLA

Ví dụ khác là Tôn giả Anġulimāla mà câu chuyện của ngài chúng ta cũng đã đề cập ở trước.⁵⁷⁸ Ngài không chỉ hoàn thành vô số những bất thiện nghiệp trong những kiếp quá khứ, mà trong kiếp cuối cùng này, như một tướng cướp khét tiếng, Anġulimāla đã giết rất nhiều người. Sau đó ngài xuất gia làm Tỳ kheo dưới sự hướng dẫn của Đức Phật (*Bạc Điều Ngự Vô Song Những Người Đáng Được Điều Ngự- Anuttaro Purisa-Damma-Sārathi*). Dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, Anġulimāla đã giữ tăng thượng giới của một vị Tỳ kheo: đó là sở hành thành tựu (*payoga-sampatti*). Dựa trên giới đó, ngài đã hành thiền chỉ và minh sát: đó cũng là sở hành thành tựu. Và ngài hành thành công tới mức đắc được A-la-hán Thánh Đạo Trí: đó là sở hành thành tựu tối thượng.

SỞ HÀNH THÀNH TỰU TỐI THƯỢNG

Vì sao A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Nāṇa*) được xem là sở hành thành tựu tối thượng? Bởi vì mặc dù, trong đời sống bình nhật của một vị A-la-hán, một số bất

⁵⁷⁸ Xem ‘Tôn giả Anġulimāla’ trang 159

thiện nghiệp và thiện nghiệp vẫn làm nhiệm vụ như trì nghiệp, chướng nghiệp hoặc đoạn nghiệp, song không có bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp nào có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra một ngũ uẩn mới sau tâm tử của kiếp này. A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Ñāṇa*) đã ngăn hoàn toàn mọi nghiệp không cho tạo ra tái sanh nữa: dù đó là những nghiệp tạo ra một sự tái sanh bất hạnh (sanh thú thất bại <*gati-vipatti*>), hay đó là những nghiệp tạo ra một sự tái sanh an vui (sanh thú thành tựu <*gati-sampatti*>). Và vào lúc Bát Niết-Bàn (*Parinibbāna-sự diệt tối hậu*) của một bậc A-la-hán, tất cả mọi nghiệp đều vô hiệu lực: tất cả mọi nghiệp đều bị ngăn không cho làm nhiệm vụ dưới bất cứ cách thức nào. Vị A-la-hán sẽ không bao giờ còn tái sanh lại nữa, dù trong bất kỳ cảnh giới nào, điều này có nghĩa rằng vị ấy đã vĩnh viễn thoát khỏi khổ. Đó là lý do tại sao A-la-hán Thánh Đạo Trí được xem là sở hành thành tựu tối thượng.

Nếu Thánh Đạo Trí của một người là một trong ba thánh đạo thấp hơn (*từ Bất-lai Thánh Đạo đổ xuống*), nguyên tắc này cũng áp dụng ở một mức độ thấp hơn. Mặc dù, trong suốt kiếp sống của một bậc Thánh (*Ariya Puggala*), một số bất thiện nghiệp và thiện nghiệp vẫn làm nhiệm vụ như trì nghiệp, chướng nghiệp và đoạn nghiệp, song lúc này không nghiệp bất thiện nào có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra ngũ uẩn mới sau tâm tử của kiếp sống này được nữa. Thánh Đạo Trí đã tuyệt đối ngăn không cho bất thiện nghiệp tạo ra tái sanh. Nói chung, đối với các bậc Thánh,

vĩnh viễn sẽ không còn một sự tái sinh bất hạnh hay sanh thú thất bại nào nữa: các vị sẽ không bao giờ phải tái sinh trong nạ quỷ giới, súc sanh giới và địa ngục trở lại. Các vị, sẽ chỉ còn một số kiếp tái sinh an vui (*sanh thú thành tựu*) giới hạn, và chỉ những thiện nghiệp là được phép tạo ra tái sinh, hoặc trong nhân giới hoặc trong thiên giới hay Phạm thiên giới mà thôi. Trong một số kiếp nhất định nữa các vị chắc chắn sẽ đắc A-la-hán Thánh Quả.

TÔN GIẢ MỤC-KIỀN-LIÊN

Một ví dụ của nguyên tắc này là Tôn giả Mục-kiền-liên (*Mahāmoggallāna*). Trong một kiếp quá khứ, ngài đã cố gắng giết chết cha mẹ của mình.⁵⁷⁹ Trong kiếp cuối cùng (*là Tôn giả Mục-kiền-liên*), nghiệp đó đã tạo ra quả của nó, khiến thân của ngài bị bọn cướp đập vỡ ra từng mảnh. Sau đó, ngài nhập Vô Dư Niết-Bàn (*Bát-Niết-Bàn*). Với việc Bát-Niết-Bàn này, nghiệp giết cha mẹ của ngài, cùng với những bất thiện nghiệp khác từ quá khứ vô tận, và những thiện nghiệp từ quá khứ vô tận, trở thành vô hiệu lực: A-la-hán Thánh Đạo Trí của ngài đã cắt đứt chúng hoàn toàn.

SỞ HÀNH THÀNH TỰU CHỈ TẠO RA QUẢ AN VUI

⁵⁷⁹ Chi tiết về sự kiện này được đưa ra ở mục ‘Nghiệp Quá Khứ của Tôn giả Mục-kiền-liên’, trang 583

Từ những gì chúng tôi giải thích, có lẽ bây giờ quý vị đã hiểu được rằng sở hành thành tựu chỉ tạo ra quả an vui như thế nào.

Khi giải thích về Như Lai Lực Thứ Nhất⁵⁸⁰, chúng tôi cũng đã giải thích điều này rồi.

[1] Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây thân hành thiện có thể tạo ra quả không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là thân làm thiện có thể tạo ra quả khả lạc, khả hỷ, khả ý: sự kiện này có xảy ra.

[2] Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây miệng nói thiện có thể tạo ra quả không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là miệng nói thiện có thể tạo ra quả khả lạc, khả hỷ, khả ý: sự kiện này có xảy ra.

[1] Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây ý nghĩ thiện có thể tạo ra quả không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là ý nghĩ thiện có thể tạo ra quả khả lạc, khả hỷ, khả ý: sự kiện này có xảy ra.

⁵⁸⁰ A.I.xv.3 ‘Aṭṭhāna-Pāḷi’

Những trích dẫn trên đây đã kết thúc phần giải thích của chúng tôi về việc những bất thiện nghiệp bị ngăn không cho quả do bốn loại thành tựu: sanh thú thành tựu, sanh y thành tựu, thời kỳ thành tựu và sở hành thành tựu như thế nào.

SỰ THẤT BẠI CHO PHÉP NHỮNG BẤT THIỆN NGHIỆP

Đến đây chúng ta sẽ bàn đến việc những bất thiện nghiệp được phép (cho quả) như thế nào do sự đối nghịch của bốn pháp thất bại.⁵⁸¹

SANH THÚ THẤT BẠI CHO PHÉP NHỮNG BẤT THIỆN NGHIỆP

Có nghiệp xấu đã làm chín mùi sau khi đi đến sanh thú thất bại (gati-vipatti).⁵⁸²

Thiện nghiệp của một người có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong một thiện thú: cõi người, hay một cõi trời. Đó là sanh thú thành tựu (*gati sampatti*). Dựa vào sự thành tựu ấy, một số bất thiện nghiệp của cô ta hay anh ta bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng do một bất thiện nghiệp nào đó, cô ta hay anh ta phải tái sanh

⁵⁸¹ VbhA.xvi.810 ‘Dutiya-Bala-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Sức Mạnh Thứ Hai’) DD.xvi.2206-2210.

⁵⁸² Tất cả những trích dẫn khai mở ở đây được lấy từ sự giải thích của Đức Phật trong Vbh.XVI.x.810 ‘Ñāṇa-Vibhaṅgo’ (‘Trí Phân Tích’)

vào một ác thú: địa ngục, súc sanh, hay ngạ quỷ giới. Đó là sanh thú thất bại (*gati-vipatti*). Dựa vào sanh thú thất bại này, những bất thiện nghiệp được phép, hết nghiệp này đến nghiệp khác, tạo ra quả của chúng.

Một thời chúng tạo ra tái sanh trong địa ngục; vào một thời khác chúng tạo ra tái sanh trong thế giới ngạ quỷ; vào một thời khác nữa chúng tạo ra tái sanh trong thế giới của A-tu-la (*Asura*). Trong một thời gian dài những bất thiện nghiệp này không cho phép một người như vậy cất đầu lên khỏi những ác thú. Một ví dụ điển hình là Tôn-giả Losaka Tissa. Do ganh tỵ quá mức, ông đã quăng bỏ thức ăn của một vị A-la-hán. Nghiệp quăng bỏ thức ăn của một vị A-la-hán này, được hỗ trợ bởi sự hối hận sau đó trong nhiều năm, đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra sự tái sanh lâu dài trong địa ngục, rồi nhiều lần tái sanh làm A-tu-la⁵⁸³, và nhiều lần tái sanh làm chó⁵⁸⁴.

SANHY THẤT BẠI CHO PHÉP BẤT THIỆN NGHIỆP (*Tạo Quả*)

Có những nghiệp xấu đã làm chín mùi sau khi đi đến sanh y thất bại (upadhi-vipatti).

⁵⁸³ VsM.xiii.411 ‘Cut-Ūpatāta-Ñāṇa-Kathā’ (‘Luận Về Sanh Diệt Trí’) PP.xiii.93

⁵⁸⁴ Một giải thích chi tiết về điều này đã được đưa ra ở mục ‘Trưởng Lão Tissa Đồ Kỳ’ trang 632.

Một người có thể sinh ra với chân tay lành lặn, diện mạo đáng yêu, xinh đẹp và rạng rỡ như Phạm Thiên: đó là sanh y thành tựu (*upadhi-sampatti*). Dựa vào sự thành tựu đó, một số bất thiện nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng nếu do một chướng nghiệp bất thiện nào đó, cô ta hay anh ta có thể bị khiếm khuyết chân tay, diện mạo không hấp dẫn, xấu xí và khó coi giống như chằng tinh: đó là sanh y thất bại (*upadhi-vipatti*). Dựa trên sự thất bại ấy, những bất thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

Chú giải giải thích rằng nếu một người như vậy sanh ra làm nô lệ, họ sẽ bị bắt làm những công việc dơ bẩn, ngay cả việc hốt rác. Bởi vì anh ta xấu xí, nên người chủ sẽ nghĩ: *‘Người như thế này chỉ có thể làm công việc dơ bẩn.*’ Nếu đó là một người nữ, họ sẽ bắt cô ta làm công việc lo liệu thức ăn (cắt cỏ) cho voi... Và thậm chí nếu cô ta có sanh trong một gia đình hiền lương, người thu thuế của vua cũng có thể nghĩ rằng cô ta là một nô lệ của nhà này, và bắt trói cô ta đem đi.. Chú giải nêu ra một trường hợp như vậy ở Tích Lan (*Sri Lanka*), chuyện xảy ra với người vợ xấu xí của một lãnh chúa.

THỜI KỲ THẤT BẠI CHO PHÉP CÁC BẤT THIỆN NGHIỆP (Tạo Quả)

Có những nghiệp xấu đã làm sẽ chín mùi do gặp thời kỳ thất bại (kāla-vipatti).

Một người có thể được sanh ra trong thời kỳ có sự cai trị anh minh, con người hiền lương, chẳng hạn như khi loài người mới bắt đầu xuất hiện vào lúc khởi đầu của một kiếp, khi có một vị Chuyển Luân Vương, hay một vị Phật: đó là thời kỳ thành tựu (*kāla-sampatti*)⁵⁸⁵ Dựa vào sự thành tựu ấy, một số bất thiện nghiệp của cô ta hay anh ta bị ngăn không cho tạo ra quả của nó. Nhưng do một chướng nghiệp bất thiện nào đó, người ấy có thể sanh ra trong thời kỳ của một chính phủ hôn ám, và con người thì xấu xa, hiểm ác, nhu nhược.⁵⁸⁶ Người ấy cũng có thể sanh vào thời kỳ mà tuổi thọ của con người giảm chỉ còn mười tuổi,^[234] khi những thực phẩm chế biến từ sữa⁵⁸⁷ không còn nữa, và những loại hạt kudrūsaka? trở thành thực phẩm tốt nhất để dùng. Lúc đó, mặc dù người ta được tái sanh làm người, họ cũng sống giống như trâu bò, hoặc các loài dã thú. Nói chung, tái sanh vào một thời kỳ như vậy là thời kỳ thất bại. Dựa vào sự thất bại đó, những bất thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

⁵⁸⁵ Những chi tiết liên quan đến vấn đề này, xem ‘Bạn Xấu và Bạn Tốt’ trang 453.

⁵⁸⁶ hiểm ác (*kasape*); nhu nhược (*niroje*): ni (không có) + oje (đinh dưỡng). Như vậy, (con người ấy) không có sinh lực (nhựa sống), nhu nhược, không có chí khí, suy đồi.

⁵⁸⁷ sản phẩm chế biến từ sữa (nấm sản phẩm lấy ra từ bò (*pañca gorasā*): sữa (*khīra*), sữa đông dùng làm phó-mát (*dadhi*), bơ lỏng (*ghata*), sữa nước (*takka*), bơ đặc (*navanīta*).

SỞ HÀNH THẤT BẠI CHO PHÉP NHỮNG BẤT THIỆN NGHIỆP

Có những nghiệp xấu đã làm chín mùi sau khi có sở hành thất bại (payoga-vipatti).

Hạnh của một người có thể là tốt. Người này biết tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm... nói chung, thực hành mười thiện nghiệp đạo đã đề cập nhiều lần ở trước. Đó là sở hành thành tựu (*payoga-sampatti*). Dựa vào sự thành tựu đó, một số bất thiện nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng sau đó người này có thể làm một hạnh xấu, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm...: mười bất thiện nghiệp đạo. Đó là sở hành thất bại. Dựa vào sự thất bại này, những bất thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng. Chú giải giải thích rằng một người với sở hành như vậy sẽ bị bắt, bị đem đến trước mặt vua, bị hành hạ và bị xử tử. [235]

Tôn giả Đề-bà-đạt-đa, người chúng ta đã đề cập ở trước, là một ví dụ điển hình.⁵⁸⁸

SỪNG THÀNH CỦA VUA

Đến đây đã kết thúc phần giải thích của chúng tôi về bốn loại thành tựu (sanh thú-, sanh y-, thời kỳ- và sở hành thành tựu) ngăn một số bất thiện nghiệp không cho tạo ra

⁵⁸⁸ Xem ‘Tôn giả Đề-bà-đạt-đa’, trang 431.

quả của chúng, trong khi bốn loại thất bại lại cho phép những bất thiện nghiệp ấy.

Để giải thích điều này, chú giải đưa ra một ví dụ. Giả sử người kia làm hài lòng đức vua bằng một hành động nào đó, và vua thưởng cho người ấy một chức vụ và một lãnh địa để cai trị. Sau đó người đàn ông này đối xử tàn nhẫn với nhân viên của mình, phá huỷ lãnh địa ông cai trị. Bằng vũ lực, ông tịch thu tài sản của người khác: xe cộ, trâu, bò, nô lệ nữ, ruộng đất... Nhưng do là sủng thần của nhà vua, không ai dám ta thán việc đó.

Rồi một ngày kia, ông xúc phạm vị tể tướng của vua. Vị tể tướng này đang là một đại sủng thần trong triều, nên đã ra lệnh bắt người đàn ông ấy và cho quân lính đánh đập. Chưa hết, vị tể tướng còn đi đến vua và kể lại chuyện người đàn ông này đã làm cho lãnh địa của mình tan hoang như thế nào cho vua biết. Thế là người đàn ông bị bắt và bị cùm trong tù. Sau đó nhà vua cho đánh trống trong kinh thành và công bố: ‘Ai có tài sản bị tịch thu bởi người như vậy như vậy?’ Và mọi người đi đến đồng thanh kêu lên: ‘Tài sản như thế này của tôi đã bị tịch thu!’ ‘Tài sản như thế nọ của tôi đã bị tịch thu!’ Và vị vua, lúc bấy giờ vô cùng giận dữ, đã cho tra tấn người đàn ông này bằng nhiều cách, và sau đó đem xử trảm, vua nói: ‘Hãy ném xác người này vào nghĩa địa, thu hồi lại sợi xích.’

Trong câu chuyện này, mới đầu người đàn ông làm được một hành động nào đó khiến vua hài lòng, và nhận

được một chức vụ và lãnh địa cai quản đáp lại: điều này giống như khi một thiện nghiệp nào đó cho một kẻ phạm phước được tái sinh lên thiên giới. Dân chúng không dám ta thán về sở hành bất chính của người đàn ông này vì lúc đó ông đang là sủng thần của đức vua: điều này giống như khi những bất thiện nghiệp không thể tạo ra quả của chúng do kẻ phạm phước này đang ở trên thiên giới. Rồi người này xúc phạm một người đang có ân sủng lớn đối với vua, và bị thất sủng rồi bị cùm trong tù: điều này giống như khi kẻ phạm phước hết phước ở cõi trời, và tái sinh vào địa ngục. Từ khi người đàn ông này bị thất sủng với đức vua, bị bỏ tù, rồi dân chúng la ó: ‘Tài sản như thế này của tôi đã bị tịch thu!’ ‘Tài sản như thế nọ của tôi đã bị tịch thu!’ Điều này cũng giống như từ khi kẻ phạm phước hết phước ở cõi trời, bị tái sinh vào địa ngục, lúc đó tất cả những bất thiện nghiệp của người này gom lại, và tạo ra quả của chúng. Xác của người đàn ông này bị quăng vào nghĩa địa, chỉ sợi xích được thu hồi lại: điều này giống như nỗi thống khổ của kẻ phạm phước suốt kiếp trong địa ngục, không thể cất đầu lên khỏi địa ngục, vì mỗi lần một quả nghiệp (bất thiện) hết tác dụng, thì nghiệp bất thiện khác lại tạo ra quả của nó.[236]

Chú giải kết luận bằng cách giải thích rằng không chỉ một, hoặc hai, hoặc một trăm, hoặc một ngàn chúng sanh đã hoàn thành những bất thiện nghiệp có thể liên tục tạo ra quả trong suốt một đại kiếp ở địa ngục như thế mà những chúng sanh chịu khổ trong một thời gian dài như vậy cũng nhiều

không thể tính kể. Đó là lý do vì sao nếu gặp bốn pháp thất bại này sẽ nguy hiểm như thế nào vậy.

SỰ THẤT BẠI NGĂN NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến bốn loại thất bại này sẽ ngăn không cho những thiện nghiệp tạo ra quả của chúng như thế nào.⁵⁸⁹

SANH THỨ THẤT BẠI NGĂN NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những thiện nghiệp đã làm bị sanh thú thất bại ngăn không cho chín mùi (hay không cho tạo ra quả).⁵⁹⁰

Thiện nghiệp của một người có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong một thiện thú: cõi người hay cõi trời. Đó là sanh thú thành tựu (*gati-sampatti*). Dựa vào sự thành tựu ấy, một số thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng. Nhưng do một bất thiện nghiệp nào đó, cô ta hay anh ta có thể bị tái sanh vào một ác thú: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là sanh thú thất bại (*gati-vipatti*). Dựa vào

⁵⁸⁹ VbhA.xvi.810 ‘Dutiya-Bala-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Sức Mạnh Thứ Hai’) DD.xvi.2211-2216

⁵⁹⁰ Tất cả những trích dẫn khai mở ở đây được lấy từ sự giải thích của Đức Phật trong Vbh.XVI.x.810 ‘Ñāṇa-Vibhaṅgo’ (‘Trí Phân Tích’)

sự thất bại ấy, những thiện nghiệp bị ngăn lại không cho tạo ra quả của chúng.

VUA A-XÀ-THẾ

Một ví dụ điển hình là Vua A-xà-thế (*Ajātasattu*): chúng ta đã đề cập đến ông trong phần liên quan đến minh (*viññā*) và hạnh (*carana*).⁵⁹¹ Ông là con của Đức Vua Tần-bà-sa-la (*Bimbisāra*), một bậc Thánh Nhập Lưu, và là đại hộ pháp của Đức Phật và Tăng Chúng. Để có được vương vị, A-xà-thế đã giết chết cha của mình. Sau đó, một đêm nọ, ông đi đến gặp Đức Phật, và Đức Phật đã thuyết cho ông nghe bài Kinh Sa-Môn Quả.⁵⁹² Mặc dù đức Vua đã hoàn thành đủ thiện nghiệp (*pāramī*) để đắc Nhập Lưu giống như cha. Nhưng chỉ vì một nghiệp bất thiện (*giết cha: sở hành thất bại*) mà thiện nghiệp nghe Pháp đã bị ngăn không cho tạo ra quả của nó: vua đã không đắc Một Đạo Quả nào, và vẫn còn là một phàm nhân (*puthu-jjana*). Lại nữa, sau khi nghe xong bài pháp của Đức Phật, Vua A-xà-thế có được niềm tin mãnh liệt nơi Đức Phật, và trở thành một đại hộ pháp của Ngài và chư Tăng. Nhưng sau khi chết tất cả thiện nghiệp ông làm bị ngăn lại không cho tạo ra quả của nó, hiển nhiên là vì nghiệp giết cha của ông đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra

⁵⁹¹ Xem ‘Vua A-xà-thế’, trang 290/Tập I

⁵⁹² D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’)

tái sanh trong địa ngục. Một khi ông đã tái sanh trong địa ngục (*sanh thú thất bại*), thì tất cả thiện nghiệp của ông cũng sẽ tiếp tục bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng.

SANHY THẤT BẠI NGĂN NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những thiện nghiệp đã làm không thể chín mùi do bị sanh y thất bại ngăn chặn.

Một người có thể sanh ra với tay chân lành lặn, diện mạo đáng yêu, đẹp đẽ, và rạng rỡ như Phạm Thiên: đó là sanh y thành tựu (*upadhi-sampatti*). dựa vào sự thành tựu này, một số thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng. Nhưng do một chương nghiệp bất thiện nào đó, người này có thể bị chân tay khiếm khuyết và một giện mạo xấu xí, không hấp dẫn: đó là sanh y thất bại. Dựa vào sự thất bại đó, những thiện nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng.

Chẳng hạn, nếu người ấy được sanh ra trong một gia đình hoàng tộc, người ấy sẽ không được phong vương theo nghi lễ quán đảnh, bởi vì họ nghĩ: *Điều gì sẽ xảy ra với vương quốc của một ông vua bất hạnh đến thế?* Và nếu người ấy sanh trong một gia đình của tể tướng, người ấy cũng không đảm nhận được chức vụ của cha mình, và...

VUA TIỂU ĐẢO

Chú giải đưa ra một ví dụ từ Tích Lan (*Sri-lanka*) cổ xưa. Có lần đức vua xứ này đã ban một đặc ân cho hoàng hậu vào ngày bà sanh cho ông một hoàng tử. Bà đã giữ đặc ân ấy cho ngày sau. Rồi một lần, khi được bảy, tám tuổi, hoàng tử chơi đá gà trong sân triều: đó là một sở hành thất bại (*payoga-vipatti*). Một con gà chọi nhảy chồm lên và làm mù một mắt của hoàng tử. Sau đó, khi hoàng tử mười sáu tuổi, người mẹ muốn cai trị vương quốc thông qua con trai của mình. Vì thế bà đã yêu cầu đức vua ban đặc ân cho bà bằng cách trao vương quốc cho hoàng tử. Nhưng đức vua từ chối với lý do hoàng tử chỉ có một mắt. Hoàng hậu oán trách đức vua, và để làm vui lòng bà, vua đã cho hoàng tử cai trị tiểu đảo Nāgadīpa. Lẽ ra, nếu còn đủ hai mắt, hoàng tử đã trở thành vua của toàn cõi Tích Lan này rồi.

THỜI KỲ THẤT BẠI NGĂN NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những nghiệp thiện đã làm không chín mùi được do bị ngăn chặn bởi thời kỳ thất bại (kāla vipatti).

Một người có thể được sanh ra trong thời kỳ của chính phủ anh minh, và con người hiền thiện, chẳng hạn như khi con người mới bắt đầu xuất hiện vào lúc khởi đầu của một kiếp, khi có một vị Chuyển Luân Vương, hay một vị Phật ra đời: đó là thời kỳ thành tựu (*kāla-sampatti*). Dựa vào sự thành tựu này một số thiện nghiệp của cô ta hay anh ta được

phép tạo ra quả của chúng. Nhưng do một chương nghiệp bất thiện nào đó, cô ta hay anh ta có thể phải sanh ra trong thời kỳ của chính phủ hôn ám, và con người thì xấu xa, hiểm ác, nhu nhược. Người ấy cũng có thể bị tái sanh trong thời kỳ mà thọ mạng của con người giảm xuống chỉ còn mười tuổi,⁵⁹³ khi những thực phẩm chế biến từ sữa⁵⁹⁴ không còn nữa, và những loại hạt kudrūsaka? trở thành thực phẩm tốt nhất để dùng. Lúc đó, mặc dù người ta được tái sanh làm người, họ sống cũng giống như trâu bò, hoặc các loài dã thú vậy. Nói chung tái sanh vào một thời kỳ như vậy là thời kỳ thất bại. Dựa vào sự thất bại đó, những thiện nghiệp bị ngăn lại.

SỞ HÀNH THẤT BẠI NGĂN NHỮNG THIỆN NGHIỆP

***Có một số nghiệp tốt sau khi đã làm không chín mùi
(cho quả) do bị sở hành thất bại ngăn lại.***

Hạnh của một người có thể là tốt. Cô ta hay anh ta biết tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm...: mười bất thiện nghiệp đạo. Đó là sở hành thành tựu (*payoga-sampatti*). Dựa

⁵⁹³ thọ mạng giảm xuống còn mười tuổi: xem ‘Sự Sa Đọa Của Kiếp Người’, trang 457.

⁵⁹⁴ sản phẩm chế biến từ sữa (năm sản phẩm lấy ra từ bò (pañca gorasā): sữa (khīra), sữa đông dùng làm phó-mát (dadhi), bơ lỏng (ghata), sữa nước (takka), bơ đặc (navanīta).

vào sự thành tựu ấy, một số thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng. Nhưng sau đó cô ta hay anh ta có thể tạo những hạnh xấu, nghĩa là cô ta hay anh ta có thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm,...: mười bất thiện nghiệp đạo. Đó là sở hành thất bại. Dựa vào sự thất bại này, những thiện nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng.

Chú giải giải thích rằng một người như vậy những gia đình đồng đẳng không ai muốn gả con gái cho. Họ nghĩ: *‘Con người xấu xa này thực là quá độ với phụ nữ, quá độ với rượu chè, quá độ với cờ bạc,’* và họ tránh xa người ấy.

TRƯỜNG GIẢ MAHĀDHANA

Một ví dụ điển hình là Trường Giả Mahādhana, con trai của một trường khổ: chúng ta đã đề cập đến ông ta ở phần nói về mình và hạnh (*vijjā-carana*).⁵⁹⁵ Ông ta được sanh ra trong một gia đình rất giàu ở Bārāṇasī, và kết hôn với một người con gái cũng thuộc gia đình cự phú. Nhưng ông ta đã phung phí hết toàn bộ gia sản của mình vào việc rượu chè, hương, hoa (*vật trang điểm*), ca nhạc, nhảy múa,...: đó là sở hành thất bại. Nó cho phép một số bất thiện nghiệp tạo ra quả của chúng, và ông ta khánh tận trong cảnh cực kỳ nghèo đói, phải đi xin ăn. Đức Phật nói với Tôn-giả Ānanda rằng nếu Mahādhana khi còn thanh niên biết chí thú làm ăn, ông

⁵⁹⁵ Xem lại ‘Trường Giả Mahādhana’, trang 289

sẽ trở thành một trưởng khố ở Bārāṇasī. Và nếu khi còn thanh niên, Mahādhana xuất gia, ông sẽ trở thành một bậc A-la-hán, và vợ ông một bậc Bất-lai. Trong cả hai trường hợp, chúng ta thấy đó đều là sở hành thành tựu, và nó sẽ cho phép một số thiện nghiệp tạo ra quả của chúng. Tương tự, nếu khi ở tuổi trung niên, Mahādhana biết chí thú làm ăn, ông có thể đã trở thành đệ nhị trưởng khố trong kinh thành Bārāṇasī này, và nếu là một vị sư ông sẽ trở thành một bậc Bất-lai, và vợ ông sẽ là một bậc Nhất-lai: một lần nữa đây cũng là sở hành thành tựu, cho phép những thiện nghiệp tạo ra quả của chúng. Và nếu ông ta làm được những điều này khi đã lão niên, ông sẽ trở thành đệ tam trưởng khố trong kinh thành, hoặc nếu là người xuất gia ông sẽ trở thành một bậc Nhất-lai, và vợ ông là bậc Nhập-lưu: đây cũng là sở hành thành tựu, cho phép những thiện nghiệp tạo ra quả của chúng. Nhưng do sở hành thất bại, những thiện nghiệp đó bị ngăn lại không cho tạo ra quả của chúng, và ông hoàn toàn chẳng được gì: không có tài sản của một người tại gia cũng không có thánh sản của một người xuất gia. Và vào lúc chết, số phận của ông ta là phải tái sinh vào địa ngục, đó là sanh thú thất bại (*gati-vipatti*), ngăn những thiện nghiệp không cho tạo ra quả của chúng, và cho phép những bất thiện nghiệp, nối tiếp theo nhau hết nghiệp này đến nghiệp khác, tạo ra quả của chúng.

Cả hai vợ chồng đã hoàn thành đủ thiện nghiệp để trở thành một người giàu hơn họ đã từng, và thậm chí còn trở thành những bậc Thánh. Nhưng, chỉ khi có sở hành thành

tự, chứ không phải sở hành thất bại, những thiện nghiệp ấy mới tạo ra quả của chúng được vậy.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÁNH THẤT BẠI

Bây giờ tôi sẽ giải thích bốn loại thất bại ngăn một số thiện nghiệp không cho tạo ra quả như thế nào. Hãy ghi nhớ những điều này trong tâm, quý vị sẽ hiểu được bốn loại thất bại này nguy hiểm như thế nào. Làm thế nào để tránh chúng? Muốn tránh chúng chỉ có cách là tránh những bất thiện nghiệp. Bởi vì những bất thiện nghiệp sẽ chỉ giúp quý vị gặp bốn loại thất bại trong những kiếp sống tương lai của quý vị mà thôi. Chúng luôn luôn sẵn sàng để cho quý vị một sự chào đón nồng nhiệt nhất, và cung cấp một mảnh đất phì nhiêu để những bất thiện nghiệp của quý vị có cơ hội tạo ra quả của chúng: những quả không mong muốn, không khả lạc và không khả ý.^[237] Vậy thì, làm thế nào để quý vị tránh được những bất thiện nghiệp? Chỉ bằng cách làm những thiện nghiệp. Vì những thiện nghiệp sẽ giúp quý vị gặp bốn loại thành tựu trong những kiếp sống tương lai. Bốn loại thành tựu này cũng cung cấp mảnh đất phì nhiêu cho những thiện nghiệp của quý vị tạo ra quả của chúng: những quả đáng mong ước, khả lạc và khả ý.

Tất nhiên có ba loại thành tựu hoặc thất bại mà trong bất cứ kiếp nào cũng nằm ngoài quyền hạn của quý vị, đó là, sanh thú thành tựu hay thất bại, sanh y thành tựu hay thất

bại, và thời kỳ thành tựu hay thất bại. Trong một kiếp sống, **chỉ sở hành thành tựu** là nằm trong quyền hạn của quý vị. Tuy nhiên, đối với hầu hết chúng ta, ba pháp nằm ngoài quyền hạn đều là những sự thành tựu. Trong kiếp này, quý vị đã có được sự tái sinh làm người: đó là sự thành tựu thứ nhất, sanh thú thành tựu. Kế tiếp, mặc dù quý vị có thể không xinh đẹp hay rạng rỡ như các vị Phạm Thiên, song quý vị có chân tay lành lặn, các căn đầy đủ: quý vị có thể thấy, nghe, ... Đó là sự thành tựu thứ hai, sanh y thành tựu. Cuối cùng, hiện tại Giáo Pháp của Đức Phật vẫn tồn tại trên thế gian; đó là sự thành tựu thứ ba, thời kỳ thành tựu. Quý vị có được ba sự thành tựu này là nhờ sở hành thành tựu trong quá khứ và hiện tại. Và sau khi đã có được ba phương tiện ấy quý vị kể như đã có được rất nhiều cơ hội để tiếp tục với sở hành thành tựu. Như vậy chúng tôi có thể nói quý vị đang sống với bốn sự thành tựu, và chúng sẽ đón chào tất cả thiện nghiệp mà quý vị đã hoàn thành trong vô lượng kiếp quá khứ cũng như trong kiếp hiện tại này với lòng mến khách nồng nhiệt nhất. Quả của những thiện nghiệp ấy sẽ chỉ là những quả đáng mong ước, khả lạc, và khả ý. Vì thế, hãy cố tránh sở hành thất bại, và chỉ sống với sở hành thành tựu. Làm thế nào để quý vị sống được như vậy?

Quý vị hãy nhớ những gì Đức Phật nói trong bài ‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’ (*Gaddula-Bhadda Sutta*):

Do vậy, này các Tỳ kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: ‘Trong một thời gian dài tâm này đã bị ô nhiễm bởi tham, bởi sân, và bởi si.’ Do những phiền não của tâm, này các Tỳ kheo, các chúng sanh bị ô nhiễm; do sự thanh tịnh của tâm, các chúng sanh được thanh tịnh.

Tham, sân, và si làm ô nhiễm tâm, trong khi vô-tham, vô-sân, và vô-si làm cho nó thanh tịnh. Khi có vô-tham, vô-sân, và vô-si, tư (*cetanā*) của hành động sẽ là tư thiện và tất nhiên đó là một thiện nghiệp. Vì thế quý vị cần phải tịnh hoá những hành động của mình bằng cách chỉ hoàn thành mười thiện nghiệp đạo (*dasa kusala-kamma-patha*), đã đề cập ở trên⁵⁹⁶.

1. Ba thân nghiệp thiện (*kāya kamma*)
 - i. Không sát sanh, có lòng từ ái và bi mẫn.
 - ii. Không trộm cắp
 - iii. Không tà dâm
2. Bốn khẩu nghiệp thiện (*vacī kamma*)
 - i. Không nói dối
 - ii. Không nói lời chia rẽ
 - iii. Không nói lời thô ác, mà nói một cách lễ độ.
 - iv. Không nói chuyện phù phiếm
3. Ba ý nghiệp thiện (*mano kamma*)

⁵⁹⁶ Về chi tiết, xem ‘Mười Thiện Nghiệp Đạo’, trang 261/Tập I

- i. Ý không tham
- ii. Không ôm ấp oán thù, sân hận
- iii. Không chấp giữ tà kiến, mà luôn giữ vững chánh kiến (*Sammā Ditṭhi*)

Để có được niềm tin trọn vẹn nơi những vận hành của nghiệp, ý nghiệp cuối cùng này được xem là quan trọng nhất.

Mười nghiệp đạo này là thiện nghiệp hiệp thể. Bằng một số cách, chúng tôi đã giải thích việc làm thế nào để hoàn thành những thiện nghiệp ấy. Chẳng hạn, như những gì Đức Phật gọi là phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*).⁵⁹⁷

1. Bố thí (*dāna*)
2. Trì giới (*sīla*): đối với các vị sư là các giới theo Luật Tạng (*Vinaya*), đối với các tu nữ là tám hay mười giới, và đối với người tại gia là năm, tám hay mười giới.
3. Tu Thiền (*bhāvanā*): thiền chỉ nhằm đắc cận định hoặc bậc thiền, và thiền minh sát, là để thấy tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của danh chơn đế (*paramattha-nāma*) và sắc chơn đế (*paramattha-rūpa*) thuộc quá khứ, vị lai, và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, cao thượng và hạ liệt, xa và gần.

⁵⁹⁷ Về chi tiết, xem ‘Phước Nghiệp Sự’, trang 128/Tập I.

Đức Phật cũng có khi giải thích ba phước nghiệp sự này như minh và hạnh (*vijjā-carana*), và điều này chúng ta cũng đã bàn đến ở trên.⁵⁹⁸

1. Hạnh (*carana*) có mười lăm pháp: đầy đủ giới hạnh, chế ngự các căn, tiết độ trong ăn uống, luôn luôn tỉnh thức, tín (bao gồm cả việc thực hành thường xuyên pháp bố thí), niệm, tâm, quý, đa văn, tinh tấn, trí tuệ, và bốn bậc thiền (*jhānas*).
2. Minh (*vijjā*) là minh sát trí (*Vipassanā Ñāṇa*), lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa*).

Như đã nói trước đây, thiền minh sát tạo ra tái sinh được gồm trong yếu tố tuệ của hạnh (*carana*), và thiền minh sát không tạo ra tái sinh thì được gồm trong nhóm minh (*vijjā*).

Minh và hạnh cũng là tam học giới (*sīla*), định (*samādhi*) và tuệ (*paññā*).⁵⁹⁹ Giới học được tu tập trên ba pháp: [238]

1. Chánh Ngữ (*Sammā-Vācā*)
2. Chánh Nghiệp (*Sammā-Kammanta*)
3. Chánh Mạng (*Sammā-Ājīva*)

Khi chúng ta tu tập trong giới, chúng ta thành tựu được giới thanh tịnh (*sīla-visuddhi*). [239]

⁵⁹⁸ Về chi tiết, xem ‘Minh và Hạnh’, trang 277/Tập I.

⁵⁹⁹ Về những tương đương giữa các phân loại khác nhau này, xem ghi chú 342, trang 285/Tập I.

Kế tiếp, dựa trên giới thanh tịnh này, quý vị có thể tiếp tục tu tập định (*samādhī*). Đó là thiền chỉ, được tu tập trên ba pháp:

1. Chánh Tinh Tấn (*Sammā-Vāyāma*)
2. Chánh Niệm (*Sammā-Sati*)
3. Chánh Định (*Sammā-Samādhī*)

Khi tu tập định, nếu quý vị đắc cận định và tám thiền chứng, kể như quý vị đã thành tựu tâm thanh tịnh (*citta-visuddhi*).⁶⁰⁰

Kế tiếp, dựa trên giới thanh tịnh và tâm thanh tịnh, quý vị có thể tiếp tục việc tu tập tuệ (*paññā*). Đó là thiền minh sát và được tu tập trên hai pháp:

1. Chánh Kiến (*Sammā-Diṭṭhi*)
2. Chánh Tư Duy (*Sammā-Saṅkappa*)

Khi quý vị tu tập tuệ, (tùy theo Ba-la-mật của quý vị) quý vị có thể thành tựu kiến thanh tịnh (*diṭṭhi-visuddhi*): sự chứng đạt Chánh Kiến.

Thế nào là Chánh Kiến? Đức Phật giải thích điều này trong Kinh Đại Niệm Xứ⁶⁰¹ như sau:

⁶⁰⁰ VsM.xviii.587 ‘Diṭṭhi-Visuddhi-Niddesa’ (‘Giải Thích về Kiến Thanh Tịnh’) PP.xviii.1-2 giải thích: ‘giới thanh tịnh, là bốn loại giới bắt đầu với sự chế ngự theo Giới Bốn Ba-la-đề-mộc-xoa (Pāṭimokkha)... đã được tịnh hoá hoàn toàn; tâm thanh tịnh, đó là, tám thiền chứng (tám bậc thiền-jhānas) cùng với cận định... kiến thanh tịnh là cái thấy đúng về danh & sắc.

⁶⁰¹ D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna Suttam’

Này các Tỳ kheo, thế nào là Chánh Kiến? Bất cứ trí nào, này các Tỳ kheo, là:

[1] **trí (biết) về khổ** (*Dukkhe-Nāṇam*),

[2] **trí (biết) về nhân sanh của khổ** (*Dukkha-Samudaye-Nāṇam*),

[3] **trí (biết) về sự diệt của khổ** (*Dukkha-Norodhe Nāṇam*),

[4] **trí (biết) về con đường dẫn đến sự diệt của khổ** (*Dukkha-Nirodha-Gāminiyā Paṭipadāya Nāṇam*)

Trí (biết) đó, này các Tỳ kheo, gọi là Chánh Kiến.

Điều đó có nghĩa là, nếu quý vị biết Tứ Thánh Đế một cách toàn diện, tâm của quý vị cũng được tịnh hoá một cách toàn diện, và quý vị đã đạt đến A-la-hán Thánh Quả.⁶⁰² Đó là vì Thánh Đạo Trí, vốn tuệ trí Tứ Thánh Đế, của quý vị đã đoạn trừ các phiền não theo từng giai đoạn. Khi tâm của quý vị được thanh tịnh hoàn toàn như vậy, thì chúng tôi có thể nói rằng quý vị đang sống trọn vẹn trong bốn loại thành tựu. Sau khi Bát-Niết-Bàn, sẽ không còn bất kỳ mảnh đất nào cho những bất thiện nghiệp và thiện nghiệp của quý vị tạo ra quả của chúng được nữa.

Tất nhiên, có thể quý vị không đạt đến sự thanh tịnh tâm như vậy trong kiếp này. Dầu sao, hễ quý vị còn thực hành tam học với sự chuyên cần và kiên trì đến mức có thể, chúng tôi vẫn có thể nói được rằng quý vị đang sống trọn

⁶⁰² Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 166, trang 550

ven trong bốn loại thành tựu. Và nếu được như vậy, các thiện nghiệp của quý vị sẽ được phép tạo ra quả của chúng, và dĩ nhiên những quả ấy sẽ chỉ là những quả lợi ích mà thôi.

SỰ THÀNH TỰU CHO PHÉP CÁC THIỆN NGHIỆP

Đó là những gì bây giờ chúng ta sẽ bàn đến: bốn loại thành tựu cho phép những thiện nghiệp tạo ra quả của chúng như thế nào?⁶⁰³

SANH THỨ THÀNH TỰU CHO PHÉP NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những thiện nghiệp đã làm chín mùi sau khi đi đến một sanh thú thành tựu (gati sampatti).⁶⁰⁴

Bất thiện nghiệp của một người có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong một ác thú: địa ngục, ngạ quỷ, hay súc sanh. Đó là sanh thú thất bại. Dựa trên sanh thú thất bại ấy, một số thiện nghiệp của anh ta bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng do một thiện nghiệp nào đó, anh ta có thể được tái sanh vào một thiện thú: cõi người, hay cõi trời. Đó là sanh thú thành tựu. Dựa vào sự thành tựu này, hết thiện nghiệp này đến thiện nghiệp khác

⁶⁰³ VbhA.xvi.810 ‘Dutiya-Bala-Niddeso’ (‘Giải Thích về Sức Mạnh Thứ Hai’) DD.xvi.2217-2250

⁶⁰⁴ Tất cả những trích dẫn khai mở ở đây được lấy từ sự giải thích của Đức Phật trong Vbh.XVI.x.810 ‘Ñāṇa-Vibhaṅgo’ (‘Trí Phân Tích’)

được phép tạo ra quả của chúng. Lúc thì nó tạo ra tái sinh trong cõi người, lúc thì nó tạo ra tái sinh trong cõi trời. Có thể nói trong một thời gian dài những thiện nghiệp sẽ không đủ cho một người như vậy cúi đầu xuống thấp hơn thiện thú (nghĩa là họ sẽ chỉ tái sinh các cõi vui của trời và người trong một thời gian dài).

TÔN GIẢ PAÑCASĪLA SAMĀDANIYA

Một ví dụ điển hình là Tôn giả Pañcasīla Samādaniya.⁶⁰⁵ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Anomadassi, ngài đã thọ trì ngũ giới trong một trăm ngàn năm, không phạm một giới nào cả. Dựa trên giới ấy, ngài phát triển định tâm mạnh mẽ, và thực hành thiền minh sát cho đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*). Kết quả, ngài được tái sinh lên thiên giới, đi hết cõi trời này đến cõi trời khác, và chỉ lên xuống giữa hai cõi trời và người này thôi.

SANHY THÀNH TỰU CHO PHÉP NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những thiện nghiệp đã làm chín mùi sau khi có được sanh y thành tựu (upadhi-sampati).

Một người có thể bị khiếm khuyết chân tay, và có một diện mạo không hấp dẫn, xấu xí, khó coi giống như chẳng

⁶⁰⁵ Chi tiết, xem ‘Tôn giả Pañcasīla Samādaniya Giới Đức’, trang 495.

ting: đó là sanh y thất bại. Dựa vào sự thất bại này, một số thiện nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng do một thiện nghiệp nào đó, anh ta hay cô ta có được chân tay lành lặn, và một diện mạo đáng yêu, xinh đẹp và rạng rỡ giống như Phạm Thiên: đó là sanh y thành tựu. Dựa vào sự thành tựu này, các thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

Chú giải giải thích rằng nếu một người như vậy sanh trong một gia đình hoàng gia, mặc dù người này có các bào huynh lớn tuổi hơn, người ta cũng sẽ nói: *‘Chàng ta có nhiều phước báu và may mắn; nếu chiếc dù của chàng ta được dương lên, chắc chắn thế gian sẽ an vui, hạnh phúc.’* Và tất nhiên anh ta sẽ là người được họ làm lễ quán đảnh (xức dầu phong vương), để kế thừa sự nghiệp của cha mình.

Những ví dụ điển hình về một người có sanh y thành tựu như vậy có thể kể đến các vị Chuyển Luân Vương, như Vua Đại Thiện Kiến (*Mahāsudassana*).⁶⁰⁶

THỜI KỲ THÀNH TỰU CHO PHÉP NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những thiện nghiệp đã làm chín mùi sau khi có được thời kỳ thành tựu (kāla sampatti).

⁶⁰⁶ Chuyển Luân Vương Đại Thiện Kiến: xem ‘Chuyển Luân Vương’, trang 455

Một người có thể bị sinh ra trong thời kỳ hôn quân cai trị, và con người thì xấu xa, bạc ác, nhu nhược: đó là thời kỳ thất bại. Dựa vào sự thất bại này, một số thiện nghiệp của anh ta bị ngăn không cho tạo ra quả. Nhưng do một thiện nghiệp nào đó, anh ta có thể được sinh vào thời kỳ có sự cai trị anh minh, và con người hiền thiện, chẳng hạn như khi con người mới bắt đầu xuất hiện lúc khởi đầu của một kiếp, khi có một vị Chuyển Luân Vương, hay một vị Phật: đó là thời kỳ thành tựu (*kāla sampatti*).⁶⁰⁷ Dựa vào sự thành tựu đó, những thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

TÔNG GIẢ MAHĀSONA

Chú giải đưa ra một ví dụ về việc thời kỳ thất bại ngăn không cho thiện nghiệp tạo ra quả của chúng như thế nào, và rồi khi thời kỳ thất bại chuyển sang thời kỳ thành tựu, những thiện nghiệp ấy được phép tạo ra quả của chúng ra sao. Đó là trường hợp của Tôn giả Mahāsona. Câu chuyện xảy ra ở Tích Lan cổ xưa, khi có rất nhiều tình trạng bất ổn do một băng đảng gọi là Brahman Tissa gây ra. Nạn đói và sự xâm lược đã khiến đức vua phải đi lánh nạn. Hầu hết các vị Tỳ-kheo lúc ấy đều chạy qua Ấn-Độ, tuy nhiên một số vị Tỳ-kheo cao niên nhất vẫn ở lại. Hai trong số đó là Tôn giả Isidatta và Tôn giả Mahāsona.

⁶⁰⁷ Xem ‘Bạn Tốt và Bạn Xấu’ trang 453

Trên con đường nay đây mai đó, các vị sống nhờ vào các loại trái cây và ngó sen do mọi người dâng cúng. Và tại một ngôi làng nọ, người con gái của một gia đình có tín tâm đã thỉnh các vị tới nhà thọ thực. Do không có thức ăn thích hợp, cô đã giã một số vỏ cây và lá cây làm thành vật thực, và chia thành ba nhúm. Một nhúm cô đặt vào bát của Trưởng lão Isidatta, một nhúm cô bỏ vào bát của Trưởng lão Mahāsoṇa. Rồi, khi cô chia tay ra tính đặt nhúm thứ ba vào bát của Trưởng lão Isidatta, tay của cô lại chuyển sang đặt nó vào bát của Tôn giả Mahāsoṇa. Lúc đó Tôn giả Isidatta nói, *‘Trong thời kỳ Phiến Loạn Brahman Tissa, nghiệp còn tạo ra những nhúm thức ăn bằng vỏ và lá cây như quả của nó như vậy, nếu gặp thời kỳ thành tựu và nơi chốn thành tựu (desa-kāla-sampati) nó sẽ tạo ra một quả to lớn biết dường nào!’* gia đình tín chủ lúc đó đã thỉnh hai vị đến một nơi trú ngụ nọ và chăm sóc hai vị trong suốt thời kì phiến loạn: bao lâu còn bị thời kỳ thất bại.

Khi tướng cướp Brahman Tissa chết, đức vua từ nơi lánh nạn trở về, Tăng Chúng cũng từ nước ngoài quay trở lại, và năm trăm vị Tỳ-kheo đưa Tôn giả Mahāsoṇa đến tu viện Maṅḍalārāma.

Đêm hôm đó, các vị chư thiên mách bảo cho bảy trăm gia đình cư trú trong ngôi làng ấy rằng ngày hôm sau họ nên để bát cúng dường Tăng chúng: mỗi người cúng một lượng thực phẩm đáng giá một kahāpana, và một miếng vải dài chín hắc tay. Và hôm sau, khi các vị Tỳ-kheo đi khát thực,

họ được mời ngồi và thọ nhận món cháo sữa. Vị Tỳ-kheo cao niên nhất của tu viện Maṅḍalārāma này là Tôn giả Tissabhūti. Một người cận sự nam có tên tuổi đến đánh lễ ngài và hỏi, ‘*Bạch ngài, vị nào là Trưởng lão Mahāsoṇa?*’ Lúc bấy giờ Tôn giả Mahāsoṇa, vì là một vị Tỳ-kheo thấp hạ hơn, nên ngồi ở cuối hàng. Vị Tỳ-kheo Trưởng lão đưa tay chỉ ngài, và nói: ‘*Vị ấy được gọi là Mahāsoṇa đây, này cư sĩ.*’

Người cận sự nam đánh lễ Tôn giả Mahāsoṇa, và muốn thỉnh bát của ngài. Nhưng Tôn giả tự nghĩ: ‘*Làm thế nào người này lại biết ta? Có lẽ ai đó đã nói một điều gì chẳng,*’ và ngài không đưa bát ra. Là một vị Tỳ-kheo nhỏ hạ ngài không muốn được đặc chọn như thế.

Vị Tỳ-kheo trưởng lão, Tôn giả Tissabhūti thấy vậy nói với ngài: ‘*Hiền giả Soṇa, cũng như đệ không biết tại sao, chúng tôi cũng đâu biết tại sao. Các vị chư thiên đã khiến cho phước chín mùi (trở quả) đối với những người có phước đây. Hãy đưa bát ra đi, và giúp cho các huynh đệ của mình trong đời phạm hạnh.*’ Nghe thế Tôn giả Mahāsoṇa đưa bát của mình ra. Người cận sự nam nhận bát, đem đi và bỏ đầy vào đó những món thức ăn đáng giá một kahāpaṇa, và đặt miếng vải vào một chân bát, ông mang nó đến trao tận tay Tôn giả Mahāsoṇa. Và một người cận sự nam khác cũng làm như vậy, rồi người khác, và người khác nữa... cứ nối nhau làm như vậy cho đến khi một mình Tôn giả Mahāsoṇa

nhận đủ bảy trăm phần ăn. Ngài đem chia nó với các vị Tỳ-kheo khác.

Sau đó, khi Tôn-giả Mahāsoṇa trở lại kinh đô Anurādhapura, ngài đi bát cùng với Chúng Tỳ-kheo Tăng, và nhận được rất nhiều vật thực cũng như sự cung kính.

Như vậy, khi gặp thời kỳ thất bại, ngay cả vỏ của loại trái cây madhuka, và ngó sen trắng cũng khó kiếm, nhưng khi gặp thời kỳ thành tựu, thì lại được rất nhiều.

TÔN GIẢ VATTABBAKA NIGRODHA

Chú giải đưa ra một ví dụ khác cũng vào thời phiến loạn Brahman Tissa ở Tích Lan ngày xưa. Đó là trường hợp của vị Trưởng-lão Vattabbaka Nirodha, lúc bấy giờ còn là một Sa-di. Cũng giống như Tôn-giả Mahāsoṇa, vị này và thầy tế độ của mình không rời khỏi nước Tích Lan. Trên con đường rày đây mai đó, họ sống nhờ vào những loại trái cây mà thỉnh thoảng họ có được, và cuối cùng họ tìm được một tu viện bỏ hoang trong xứ của những người ăn lá cây. Tại đó, họ ở lại, và được những người cư sĩ hộ độ các loại củ, rễ, trái, và lá cây để sống qua ngày. Khi tình trạng rối loạn qua đi, vị sa-di được thọ đại giới (làm Tỳ-kheo), và trở thành Tôn-giả Vattabbaka Nirodha, ngài nhận được rất nhiều tứ vật dụng và lòng kính trọng.

Như vậy, khi gặp thời kỳ thất bại (*kāla-vipatti*), các loại trái cây, củ, rễ, và lá cũng còn khó có, do nhiều thiện

nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng khi thời kỳ thất bại chuyển sang thời kỳ thành tựu, Tôn-giả Vattabbaka Nirodha đã nhận được rất nhiều tứ vật dụng, do thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng vậy.

SỞ HÀNH THÀNH TỰU CHO PHÉP NHỮNG THIỆN NGHIỆP

Có những thiện nghiệp đã làm chín mùi sau khi có sở hành thành tựu (payoga sampatti).

Hạnh hay hành vi cư xử của một người có thể là xấu. Người này có thể là người sát sanh, trộm cắp, tà dâm,..., hay nói khác hơn, người này có thể tạo tác mười bất thiện nghiệp đạo. Đó là sở hành thất bại. Dựa trên sự thất bại này, một số thiện nghiệp bị ngăn không cho tạo ra quả của chúng. Nhưng rồi người này cố gắng làm những hạnh tốt. Anh ta có thể thọ trì ngũ giới, bát giới, thập giới... và anh ta tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm,...: mười thiện nghiệp đạo mà chúng ta đã nói đến nhiều lần. Đó là sở hành thành tựu. Dựa trên sự thành tựu này những thiện nghiệp được phép tạo ra quả của chúng.

Anh ta có thể được tái sanh vào thời kỳ có sự cai trị anh minh và một vị vua giới đức: đó là thời kỳ thành tựu. Rồi, nhờ những hạnh lành của anh ta, đức vua giới đức sẽ cảm thấy hài lòng, và nghĩ: ‘*Con gái ta thật thích hợp cho người này.*’ Vua sẽ cho gởi cho anh ta những vật trang điểm

để trang điểm. Nghĩ: ‘*Chúng sẽ thích hợp cho anh ta*’, vua sẽ tặng anh ta các món quà đặc biệt khác như xe ngựa, súc vật để kéo (xe), ngọc ngà, vàng, bạc,... Và nếu anh ta trở thành một vị sư, anh ta sẽ rất nổi tiếng và xuất chúng.

TÔN GIẢ CŪLASUDDHAMMA

Ở đây cũng vậy, chú giải đưa ra một ví dụ từ Sri-Lanka. Thời đó có một vị vua gọi là Kūṭakaṇṇa. Ông là người hết lòng với Tôn giả Cūlasuddhamma. Một hôm đức vua cho triệu mời mẹ của vị Tỳ kheo, lúc bấy giờ đang trú ngụ ở một tu viện kế bên, đến. Đức Vua hỏi mẹ của vị Tỳ kheo là ngài thích gì. Bà nói (ngài thích) một loại nấm Kanda. Đức Vua cho người mang nấm tới và cùng đi đến tu viện. Nhưng khi vua cúng dường nấm cho vị Tỳ kheo, ông không thể thấy được mặt của ngài. Khi trở về ông hỏi hoàng hậu: ‘*Ngài Trưởng-lão trông giống như thế nào nhỉ?*’ Hoàng hậu trả lời: ‘*Bệ hạ, là đàn ông, mà còn không thể nhìn thấy ngài; làm sao thiếp có thể thấy được chứ?*’ Đức Vua nói: ‘*Trong vương quốc của trẫm, thậm chí trẫm còn không thể ngược nhìn người con trai của một gia chủ có trả thuế (bali-kāra-gahapati-putta); ôi vĩ đại thay là Giáo Pháp của Đức Phật!*’ Và ngài vỗ tay vì sung sướng.

Tại sao Đức Vua lại không thể thấy được mặt của Tôn giả Cūlasuddhamma? Bởi vì lòng kính trọng cực kỳ của vua đối với ngài vậy; bởi vì Tôn giả Cūlasuddhamma là một bậc

xuất chúng (*mahesakka*), một con người đáng kính nhất. Và theo những vận hành của nghiệp, người ta không nên ngược nhìn vào mặt một người như vậy.⁶⁰⁸

QUAN CẬN THÂN VÔ TỘI

Điều đó đã kết thúc phần giải thích của chúng tôi về bốn loại thất bại (*sanh thú, sanh y, thời kỳ, và sở hành thất bại*) ngăn một số thiện nghiệp không cho tạo ra quả của chúng như thế nào, trong khi bốn loại thành tựu cho phép chúng ra sao.

Để giải thích việc này, chú giải đưa ra một ví dụ. Giả sử đức vua nổi giận với một vị quan cận thân, và ra lệnh cách chức ông ta, tống giam vào ngục. Quyển thuộc của viên quan này biết vua làm điều đó vì nóng giận, nên không nói gì. Khi cơn giận của đức vua đã dịu đi, họ mới cho vua biết

⁶⁰⁸ Đây là một dấu chỉ mà một thời được xem là hạnh đáng kính ở cả Phương Đông lẫn Phương Tây: không nhìn vào mặt những người nổi tiếng. Điều này phù hợp với Dhamma-Vinaya (Pháp-Luật), và nó vẫn còn được áp dụng ở một số nước phương Đông. Khi nói đến thầy mình, một vị Tỷ kheo Miến có lẽ phép không bao giờ gọi thầy bằng tên riêng, cũng không bằng ngôi thứ hai số ít (chỉ dùng ngôi thứ ba); không ngồi gần; luôn luôn chấp tay lại và nói với thái độ đứng đắn và tôn kính nhất; không nhìn vào mặt thầy. Về việc làm thế nào để trở thành một mahesakka (bậc xuất chúng), xem giải thích của Đức Phật ở mục ‘Người Không Ôm Lòng Đố Kỵ’, trang 639. Trưởng Lão Pa Auk cũng nhắc đến bài kệ trong Pháp Cú được trích dẫn ở mục ‘Āyuvaddhana Kumāra Trừng Thọ’, trang 594, và sự giải thích của Đức Phật về quả của sự cúng dường với tâm cung kính: xem ghi chú cuối chương 61, trang 75/Tập I.

rằng quan cận thần không có tội. Đức vua truyền lệnh thả quan cận thần và phục hồi chức vụ cho ông ta. Sau đó, viên quan này nhận được quà cáp từ khắp nơi gửi về không dứt: nhiều đến nỗi mà người ta không thể giải quyết hết những món quà ấy.

Ở đây, trước tiên vị vua nổi giận với viên quan cận thần, nên cách chức và bỏ tù ông ta: điều này giống như khi một bất thiện nghiệp nào đó khiến cho một phạm nhân tái sinh trong địa ngục. Quyền thuộc của quan cận thần không tuyên bố sự vô tội của ông ta liền vì lúc đó đức vua đang giận: điều này giống như khi những thiện nghiệp không thể tạo ra quả của chúng do người kia đang ở trong địa ngục. Rồi cơn giận của đức vua dịu xuống, quyền thuộc của vị quan cận thần cho vua biết rằng vị ấy vô tội, và viên quan này được phóng thích khỏi nhà tù, phục hồi lại chức vụ: điều này cũng giống như khi người kia thoát khỏi địa ngục và được tái sinh lên cõi trời. Khi viên cận thần lấy lại được sự quý mến của vua, và được phục hồi lại chức vụ, ông đã nhận được nhiều quà đến nỗi không thể giải quyết chúng: điều này giống như, khi người kia đã thoát khỏi địa ngục, và tái sinh lên cõi trời, lúc đó tất cả thiện nghiệp của anh ta tập trung lại, và tạo ra quả của chúng. Người ấy đi từ tái sinh an vui này đến tái sinh an vui khác, lên xuống giữa hai cõi nhân thiên, mỗi lần như vậy lại đạt được bốn loại thành tựu. Và điều này cứ tiếp tục cho đến cả trăm ngàn kiếp. Cuối cùng, thiện nghiệp của anh ta sẽ giúp tạo ra những nghiệp siêu thế,

và anh ta đạt được sở hành thành tựu tối thượng, đó là A-la-hán Thánh Quả.[240]

Đến đây kết thúc phần giải thích của chúng tôi về những điều có thể xảy ra và không thể xảy ra của nghiệp: các loại có thể xảy ra dựa vào đó nghiệp tạo ra quả của nó. Sinh thú thành tựu, sanh y thành tựu, thời kỳ thành tựu và sở hành thành tựu ngăn nghiệp xấu, và cho phép nghiệp tốt, trong khi sinh thú thất bại, sanh y thất bại, thời kỳ thất bại ngăn nghiệp tốt, và cho phép nghiệp xấu.

Kế tiếp chúng ta sẽ bàn đến một bài kinh trong đó Đức Phật giải thích bảy loại thiện nghiệp và quả của chúng, bảy loại bất thiện nghiệp và quả của chúng. Cho tới đây, chúng tôi đã giải thích các phương diện có tính kỹ thuật về những vận hành của nghiệp, với sự giải thích của Đức Phật, và những ví dụ chúng tôi đưa ra, hy vọng sẽ giúp cho sự hiểu biết của quý vị về bài kinh này được dễ dàng hơn. Bài kinh đó là ‘Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’ (*‘Cūḷa-Kamma-Vibhaṅga Sutta’*)

GHI CHÚ CUỐI CHƯƠNG III*(NHỮNG THAM KHẢO KINH ĐIỂN...)*

[62] Cũng trong S.III.I.viii.6 ‘Sīha-Suttam’ (*Kinh Sư Tử*), Đức Phật giải thích rằng lời dạy này là tiếng rống Con Sư Tử của Ngài. Và trong A.IV.I.iv.3 ‘Sīha-Suttam’ (*Kinh Sư Tử*) Đức Phật giải thích nó như thân thể (sakkāya), thân tập khởi, thân đoạn diệt, và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân.

[63] Trong S.II.I.iv.7 ‘Na-Tumha-Suttam’ (*Kinh Không Phải Của Các Ông*), Đức Phật giải thích cách vị Thánh Đệ Tử quán để thấy rằng thân là do duyên sanh bởi nghiệp quá khứ: Đây các Tỷ-kheo, thân này không phải của các Ông, không phải của người khác. Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do nghiệp quá khứ tạo thành, do sự cố ý, do sự cảm thọ trong quá khứ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đa văn khéo léo chân chánh suy nghiệm định lý duyên khởi như sau: "Cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt." Tức là do duyên vô minh có các hành. Do duyên hành có thức... như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt... như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này." Còn trong S.IV.I.xv.1 ‘Kamma-Nirodha-Suttam’ (*Kinh Nghiệp Đoạn Diệt*), Đức Phật giải thích rằng sáu căn, theo phép ẩn dụ, có thể được xem như ‘Nghiệp Cũ’, vì lẽ nghiệp là nhân cho sự sanh khởi của chúng (sáu căn): ‘Và

thế nào, này các Tỳ-kheo, là nghiệp cũ? Con mắt là nghiệp cũ, cái thấy được hoàn thành, được cố ý, được cảm thọ. Tai...mũi...lưỡi...thân...tâm...Đây gọi là nghiệp cũ.’

[64] Chẳng hạn, trong Phẩm Song Đối của Pháp Cú, câu kệ 1 và 2 (DhP.i.1&2 ‘Yamaka-Vagga’), Đức Phật giải thích: ‘Tâm đi trước các pháp; tâm là chủ, tâm tạo tác (ra các pháp). Nếu với tâm ô nhiễm, nói năng hay hành động, khổ sẽ theo sau người đó, như bánh xe (bò) lăn theo chân con bò...Nếu với tâm thanh tịnh, nói năng hay hành động, an lạc sẽ theo sau người đó, như bóng không rời hình.’

[65] Đức Phật giải thích điều này, chẳng hạn, trong A.III.II.iii.6 ‘Paṭhama-Bhava-Suttaṃ’ (‘Kinh Hữu Thứ Nhất’) (xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 313, trang 821), và trong A.VI.vi.9 ‘Nibbedhika-Suttaṃ’ (‘Thế Nhập Kinh’): ‘Ở đây, này các Tỳ kheo, có nghiệp được cảm thọ trong địa ngục...được cảm thọ trong cõi súc sanh...được cảm thọ trong cõi ngạ quỷ...được cảm thọ trong cõi người...có nghiệp được cảm thọ trong cõi chư thiên. Này các Tỳ kheo, đây gọi là sự đa dạng của nghiệp.’

[66] Đức Phật giải thích điều này, chẳng hạn, trong A.III.I.iii.3 ‘Saṅkhāra-Suttaṃ’ (‘Các Hành-Kinh’): ‘Ở đây, này các Tỳ kheo, có người, sau khi đã hoàn thành thân hành có hại...khẩu hành có hại...ý hành có hại tái sanh vào một thế giới ác hại. Khi người ấy tái sanh vào một thế giới ác hại, các xúc ác hại xúc chạm người ấy. Do bị các xúc ác hại xúc chạm, người ấy cảm thọ những cảm thọ ác hại, hoàn toàn khổ đau, như trường hợp các chúng sanh trong địa ngục...Có

người sau khi đã hoàn thành thân hành vô hại... khẩu hành vô hại... ý hành vô hại được tái sinh trong một thế giới vô hại... người ấy cảm thọ những cảm thọ vô hại, hoàn toàn lạc, như trường hợp của các chư thiên quang âm (có ánh sáng rực rỡ). Có người sau khi đã hoàn thành các hành vô hại & có hại được tái sinh vào một thế giới vô hại & có hại... như trường hợp của con người, của một số chư thiên (chư thiên dục giới), và một số chúng sanh trong các cõi khổ.' Cũng xem những trích dẫn ở ghi chú 92, trang 82/Tập I, và ghi chú cuối chương 206, trang 566.

[67] Đức Phật giải thích điều này trong A.VI.I.iv.9 'Nidāna-Suttam' ('Kinh Duyên'): 'Này các Tỷ-kheo, không phải từ tham, không tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ tham, chỉ có tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ sân, không sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ sân, chỉ có sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ si, không si khởi lên.'

[68] Vô tâm (*a-hiri*) và vô quý (*an-ottappa*): VsM.xiv.478 'Sāṅkhā-Kkhandha-Kathā' ('Luận Về Hành Uẩn') PP.xiv.160 giải thích: 'Ở đây, nó không có sự cân nhắc về mặt đạo đức, hay nó bất chấp đạo đức, như vậy nó là vô tâm. Nó không biết hổ thẹn (điều ác), như vậy nó là vô quý. Trong hai pháp này, vô tâm có đặc tính của sự không biết ghê tởm những thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác, hoặc nó có đặc tính của sự vô liêm sỉ. Vô quý có đặc tính của sự không biết sợ hãi những thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác, hay nó có đặc tính của sự không biết lo sợ điều ác đã làm. Đây là nói vắn tắt. Tuy nhiên, chi tiết thì nó là đối nghịch của những gì

được nói ở trên dưới mục tâm và quý. Như vậy, nhân gần cho vô tâm là không biết tự trọng; cho vô quý là không biết trọng người khác.’ Cũng xem những phân tích đã dẫn ở mục ‘Tâm’, cuối sách.

[69] phóng dật (*uddhacca*): VsM.xiv.482 “Saṅkhā-Kkhandha-Kathā” (*Luận Về Hành Uẩn*) PP.xiv.165 giải thích: ‘Trạo cử là sự giao động. Nó có đặc tính của sự không yên, như nước bị gió đập vào. Nhiệm vụ của nó là không vững vàng, như cờ hay phướn bị gió thổi. Nó được thể hiện bằng tình trạng lộn xộn, như tro bắn toé khi bị đá ném vào. Nhân gần của nó là phi như lý tác ý đến trạng thái tâm bất an. Nó được xem như sự phân tán của tâm.’

[70] Chú giải D.II.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’ (*Kinh Đại Niệm Xứ*) mô tả điều này với một bài kệ:

*‘Cái họ thấy, không phải là thấy;
 Những gì cần thấy, họ không thấy;
 Do không thấy, người làm lần bị trói buộc,
 Và, bị trói buộc, nên không giải thoát.’*

[71] Đức Phật giải thích điều này trong A.III.III.i.9 ‘Paṭhama-Nidāna-Suttaṃ’ (*Kinh Duyên Thứ Nhất*): Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba? Tham, sân, và si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi. Phạm nghiệp nào do tham, sân, và si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, sân và si, do tham, sân và si làm nhân duyên, do tham, sân và si tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khô dị thực, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến

nghiệp đoạn diệt.’ Về các nhân (căn) của những hành động bất thiện, xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 159, trang 547 sau.

[72] Chẳng hạn, xem A.X. IV.v.5 ‘*Na-Sevitabb-ādi-Suttam*’ (‘*Kinh “Không-Nên-Theo”*’), và A.III.III.v. ‘*Paṭhama-Khata-Suttam*’ (‘*Kinh Mất Góc Thứ Nhất*’).

[73] Xem A.I.xv.3 ‘*Aṭṭhāna-Pāḷi*’ (‘*Kinh Không Thể Xảy Ra*’): đã được trích dẫn trang 84/Tập I.

[74] Đức Phật dùng từ này trong S.II.I.vi.1 ‘*Pari-Vimamsana-Suttam*’ (‘*Kinh Thẩm Sát Thấu Đáo*’): ‘Nếu do vô minh quyết định, này các Tỷ-kheo, một người hoàn thành một phước hành, thức sẽ đi đến (cõi) phước; nếu người ấy hoàn thành một phi phước hành, thức sẽ đi đến (cõi) phi phước; nếu người ấy hoàn thành một bất động hành (thiền vô sắc), thức sẽ đi đến (cõi bất động) [ở đây là cõi vô sắc].’

[75] Đức Phật giải thích điều này, chẳng hạn trong A.VI.iv.9. Đây các Tỷ-kheo, không phải do nghiệp từ tham sanh, không phải do nghiệp từ sân sanh, không phải do nghiệp từ si sanh, chư Thiên được nêu rõ, loài Người được nêu rõ, hay những loài khác đang ở trong thiện thú. Đây các Tỷ-kheo, chính do nghiệp từ tham sanh, chính do nghiệp từ sân sanh, chính do nghiệp từ si sanh, địa ngục được nêu rõ, các loài bàng sanh được nêu rõ, các loại ngạ quỷ được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong ác thú.’

[76] Trong S.II.I.iii.5 ‘*Bhūmija-Suttaṃ*’ (‘*Kinh Bhūmija*’) (Cũng trong A.IV.IV.iii.1 ‘*Cetanā-Suttaṃ*’ (‘*Kinh Tư*’)), Đức Phật giải thích: ‘Do tự mình, này các Tỳ-kheo, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc do những người khác, này các Tỳ-kheo, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc với ý thức rõ ràng, này các Tỳ-kheo, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Hoặc không với ý thức rõ ràng, này các Tỳ-kheo, làm các thân hành; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Đối với việc thực hiện khẩu hành và ý hành cũng vậy. Những pháp này, này các Tỳ-kheo, đều xảy ra cùng với vô minh. Chú giải giải thích rằng ‘do tự mình’ (*sāmaṇ*) muốn nói đến nghiệp vô trợ, trong khi ‘do người khác’ (*pare*) nói đến nghiệp hữu trợ (có sự thúc đẩy bởi người khác hay tự thân). ‘có ý thức (*sampajāna*)’ muốn nói đến nghiệp phối hợp với Nghiệp Sở Hữu Trí, trong khi ‘không với ý thức rõ ràng’ (*a-sampajāna*) nói đến nghiệp không phối hợp với Nghiệp Sở Hữu Trí.

[77] Ví dụ, trong VsM.xiv.453 ‘*Khandha-Niddesa*’ (‘Giải Thích Về Các Uẩn’) PP.xiv.91 giải thích tâm tham vô trợ/hữu trợ như sau: ‘*Khi một người sung sướng và hài lòng, đặt tà kiến lên hàng đầu cho rằng: “dục lạc không có gì nguy hiểm”* [xem đoạn cuối của ghi chú cuối chương], *hoặc hưởng thụ các dục lạc với tâm ham muốn theo tính chất tự nhiên của nó không cần thúc đẩy, hoặc tin những cảnh tượng có điềm lành, ... có một cốt lõi, thời loại tâm vô trợ thứ nhất phát sanh* [tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ]. *Khi nó được làm với tâm chậm chạp, cần thúc đẩy, đó là loại tâm thứ hai* [tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ]. *Nhưng khi một*

người chỉ có sung sướng và hài lòng, không đặt tà kiến lên hàng đầu, và thọ hưởng nhục dục, hay thèm muốn vận may của người khác, hay trộm cắp tài sản của người khác, với tâm ham muốn theo tính chất tự nhiên của nó không bị thúc đẩy, đó là loại tâm thứ ba [tâm tham thọ hỷ, ly tà, vô trợ]. Khi nó được làm với tâm được xem là chậm chạp và có thúc đẩy, nó là loại thứ tư [tâm tham thọ hỷ, ly tà, hữu trợ]. Nhưng khi chúng hành động như thế này do bị thúc đẩy bởi những quyền thuộc của chúng, “Bố thí đi; đánh lễ đi”, thời loại tâm thứ tư phát sanh [như trước nhưng hữu trợ]. ‘Không có sự nguy hiểm trong các các dục lạc’ đề cập trong M.I.v. ‘Cūḷa-Dhamma-Samādāna-Suttam’ (‘Tiểu Kinh Pháp Hành’). Trong bài kinh này Đức Phật giải thích việc một số sa-môn và Bà-la-môn tin việc thọ hưởng các dục lạc với nữ sa-môn, bà-la-môn của họ là không có hại như thế nào, và không tin những người nói (việc làm đó) là có hại ra sao: chỉ khi họ bị tái sanh vào địa ngục họ mới nhận ra sự tai hại của nó. Xem Bảng 2a/2b/2c.

[78] Đức Phật giải thích vì sao con người bị tái sanh giữa những chủng loại súc sanh khác nhau, chẳng hạn, trong M.III.iii.9 ‘Bāla-Paṇḍita-Suttam’ (‘Kinh Hiền-Ngu’). Rồi ngài đưa ra ví dụ một cái ách được ném vào đại dương, và một con rùa mù cứ mỗi một trăm năm nổi lên một lần. Và ngài giải thích: Còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào cái ách (khúc cây có lỗ hổng) kia; nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng còn khó hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ. Vì sao vậy? Vì ở đây, này các Tỷ-kheo, không có pháp hành, an

tịnh hành, thiện hành, phước hành. Nay các Tỷ-kheo, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu.’

[79] Đức Phật điều này trong S.V.XII.xi.1 ‘Manussa-Cuti-Niraya-Suttam’, ibid.8 ‘-Tiracchāna-Suttam, ibid. ‘-Petti Visaya-’. Ngài lấy một ít đất trên đầu ngón tay và so sánh nó với đất địa cầu. Dùng sự so sánh này như một ví dụ, Ngài nói: *‘Cũng vậy, nay các Tỷ kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục... súc sanh... ngạ quỷ...’*

[80] Chẳng hạn như trong S.V.XII.xi.7 ‘Deva-Cuti-Nirayādi-Suttam’, (*‘Kinh Chư Thiên Chết Tái Sanh Địa Ngục’*); ibid. ‘-Tiracchāna-Suttam’ (*‘Kinh — Tái Sanh Súc Sanh’*); ibid. ‘-Petti Visaya-’, Đức Phật giải thích rằng ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư Thiên, được tái sanh giữa chư Thiên. Còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư Thiên, phải tái sanh trong địa ngục... phải tái sanh trong loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ: về ví dụ ngài đưa ra, xem lại ghi chú cuối chương trước. Trong những bài kinh tiếp theo cũng vậy, Đức Phật giải thích rằng chỉ một số ít chư thiên sau khi chết được tái sanh làm người, trong khi hầu hết phải tái sanh vào những cảnh giới thấp hơn.

[81] Đức Phật giải thích một trường hợp như vậy trong M.I.v.9 ‘Brahma-Nimantanika-Suttam’ (*‘Kinh Phạm Thiên Cầu Thỉnh’*), trong bài kinh này ngài nói: "-- Thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, khi cái vô thường lại nói là

thường, cái không thường hằng lại nói là thường hằng, cái không thường tại lại nói là thường tại, cái không toàn diện lại nói là toàn diện, cái bị biến hoại lại nói là không biến hoại, và tại chỗ có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; có một giải thoát khác hơn lại nói là không có một giải thoát nào khác hơn." Và trong D.i.1 'Brahma-Jāla-Suttam' ('Kinh Phạm Võng'), Ngài giải thích vì sao vào lúc khởi đầu của thế gian, khi các vị Phạm Thiên (Brahma) bắt đầu xuất hiện, vị Phạm Thiên đầu tiên xuất hiện sẽ nghĩ sự có mặt của các Phạm Thiên khác là công việc (sáng tạo) của ông ta. Vị ấy nghĩ: "Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ [MA giải thích: *'Ta là chúa tể của thế gian, Ta là đấng sáng tạo thế gian, địa cầu, Núi Himalayas, Núi Tu Di, biển cả, mặt trăng, mặt trời đều do ta tạo ra.'*], Chúa tể mọi định mạng [MA: *'Ta là Chúa Tể và Đấng Quyết Định (luật lệ) của thế gian: "Người được gọi là một bậc thánh, người được gọi là một Bà-la-môn, một phàm phu, một người đầy tớ, một gia chủ, một sa môn. Ngay cả người được gọi là lạc đà, là bò,..(cũng do ta quyết định)'. Tô phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.'* Rồi, khi một trong những vị Phạm Thiên ấy tái sanh làm người, vị ấy nhớ lại được kiếp sống trong cõi Phạm Thiên ấy, và kết luận vị phạm thiên đầu tiên có mặt ở đó là đúng như vậy. Là một con người, vị ấy dạy tà kiến đó.

[82] Một Tâm Đạo là một tâm nghiệp, tâm này có quả của nó là Tâm Quả, ngay trong sát-na tâm kế: cả hai tâm (Đạo và Quả) cùng lấy Niết Bàn làm đối tượng. Do đó, Một Tâm Đạo

không thể tạo ra một tâm tục sanh hay bất cứ một tâm ngoài tiến trình nào khác.

Trong AbS.iii.58-59&62 ‘Ālambaṇa-Saṅgaho’ (‘’) CMA.iii.18 I (tóm tắt những phân tích của Đức Phật trong DhS) là một phân tích về loại tâm nào lấy hoặc Niết Bàn hoặc một tâm siêu thể làm đối tượng: 1) (tâm) thiện dục giới hợp trí (*Ñāṇa-sampayutta-kāmāvacara-kusalāni*), và 2) (tâm) thắng trí do thiện thứ năm tạo thành (*pañcama-jjhāna-saṅkhātāni abhiññā-kusalāñ-ceti*), lấy tất cả các đối tượng ngoại trừ Đạo & Quả A-la-hán (*Arahatta-Magga-Phalavajjita-sabb-ārammaṇāni*). 3) Tâm duy tác dục giới hợp trí (*Ñāṇa-sampayutta-kām-āvacara-kiriyāni*), 4) (tâm) thắng trí duy tác và 5) quyết định tâm (*kiriy-ābhiññā-voṭṭhabbañ-ceti*) tất cả cũng (*sabbath-āpi*) lấy mọi đối tượng. 6) Tâm siêu thể (*lokuttara-cittāni*) lấy Niết-Bàn làm đối tượng.’ (xem ‘Tiến Trình Đạo’ trang 336, và những ghi chú).

Như vậy, tâm lấy Niết-Bàn làm đối tượng là bốn tâm Đạo và Quả siêu thể (xem ghi chú 6 ở trên); Tâm Chuyển Tộc hiệp thể (*Gotrabhu-Citta*) đi trước Nhập Lưu Đạo (xem số 1), và tâm Tịnh hoá (*Vodāna*) đi trước Nhất Lai Đạo/Quả Tâm, Bất Lai Đạo/Quả Tâm và A-la-hán Đạo/Quả Tâm; ý môn hướng (*mano-dvār-āvajjana*) đi trước (xem số 5), và tốc hành tâm (*javana-citta*) (xem số 1 và 3) thực hiện nhiệm vụ Phán Khán Trí (*Paccavekkhaṇa-Ñāṇa*) hiệp thể của một người về Niết-Bàn; tâm thắng trí hiệp thể (xem số 2/4) qua đó một Bậc Thánh có thể đợc đợc Đạo / Quả của người khác (không cao hơn Đạo Quả của mình).

Tâm duy nhất có một tâm siêu thể là đối tượng là tâm hướng ý môn đi trước (xem số 5), và các tâm tốc hành (xem Số 1/3) thực hiện Phán Khán Trí (*Paccavekkhaṇa-Ñāṇa*) hiệp

thể về Niết-Bàn; các tâm thắng trí hiệp thể (*abhiññā-citta*) (xem Số 2/4) qua đó một Bậc Thánh đọa đọa Đạo? Quả của người khác (không cao hơn của mình).

Tâm tục sanh của Bậc Thánh là một tâm quả dục giới hợp trí; hoặc một tâm thiền sắc giới/vô sắc giới, với một nghiệp/nghiệp tướng/thú tướng làm đối tượng, không một tâm nào trong số đó bao gồm trong chín pháp siêu thế: bốn đạo+bốn quả+Niết Bàn).

[83] VsM.xiv.455 ‘Ahetuka-Kusala-Vipaako’ (*‘Quả Thiện Vô Nhân’*) PP.xiv.123 giải thích rằng cùng với sự diệt của kiết sanh thức (*tâm tục sanh*), tâm hữu phần (*bhavaṅga-viññānam*) sanh lên như kết quả của cùng một nghiệp và với cùng một đối tượng như kiết sanh thức. Và dòng tương tục ấy không bị bất cứ một sự gián đoạn nào do sự sanh khởi của một loại tâm khác, kế tiếp tâm hữu phần thuộc *aparimāṇa-saṅkhyampi* (không thể đếm kể được) cứ tiếp tục khởi lên (*pavattatiyena*). VsMT giải thích rằng tâm hữu phần sở dĩ được gọi như vậy là vì sự khởi lên của nó như một yếu tố liên tục (*aṅga-bhāvena*) của sanh hữu (*upapatti-bhavassa*) hay như một yếu tố duy trì sự tương tục của tâm và xen vào giữa các loại tiến trình tâm khác nhau suốt một hiện hữu. VsM giải thích rằng trong một hiện hữu (kiếp sống), tâm hữu phần cuối cùng được gọi là tử (*cuti*), bởi vì sự chuyển (tương tục danh sắc) sang (*cavanattā*) một hiện hữu khác.

[84] tùy miên: Đức Phật giải thích bảy pháp tùy miên này trong A.VII.ii.1 ‘Paṭhama Anusaya Suttam’ (*‘Kinh Tùy Miên Thứ Nhất’*): ‘*Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên. Thế nào là bảy? Dục tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi*

tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên. Nay các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên này.’

[85] Đức Phật giải thích điều này trong A.VI.I.iv.9 ‘Nidāna-Suttam’ (*‘Kinh Duyên’*): ‘Này các Tỷ-kheo, không phải từ không tham, tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ không tham, chỉ có không tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ không sân, sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ không sân, chỉ có không sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ không si, si khởi lên. Này các Tỷ-kheo, chính từ không si, chỉ có không si khởi lên.’

[86] Trong S.II.I.iii.5 ‘Bhūmija-Suttam’ (*‘Kinh Bhūmija’*), Đức Phật phân biệt rất rõ điều này: xem trích dẫn ghi chú cuối chương 78, trang 512.

[87] Trong M.III.iii.9 ‘Bāla-Paṇḍita-Suttam’ (*‘Kinh Hiền Ngụ’*), Đức Phật dùng bốn từ để chỉ thiện nghiệp: 1) như pháp hành (*Dhamma-cariyā*), 2) chánh đạo hành (*sama-cariyā*), 3) thiện tác hành (*kusala-kiriyā*), 4) phước tác hành (*puñña-kiriyā*). Xem trích dẫn ghi chú cuối chương 78, trang 512.

[88] Đức Phật giải thích điều này trong A.III.III.i.9 ‘Paṭhama-Nidāna-Suttam’ (*‘Kinh Duyên Thứ Nhất’*): ‘Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba? Vô tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi. Phạm nghiệp nào do vô tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô tham,

do vô tham làm nhân duyên, do vô tham tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thực, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi.’ Về chi tiết, xem ‘Sự Không Vận Hành Của Nghiệp’, trang 769.

[89] Trong S.III.I.vi.5 ‘*Satta-Tṭhāna-Suttam*’) (‘*Kinh Bảy Xứ*’), Đức Phật giải thích cái thấy liên tục của vị A-la-hán chỉ (thấy) sự sanh và diệt của các hành: ‘Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là vị Tỷ-kheo quán sát theo ba cách (*tividh-ūpaparikkhī*)? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát theo giới (*dhātuso-upaparikkhāti*), quán sát theo xứ (*āyatanaso-upaparikkhāti*), quán sát theo duyên khởi (*paṭicca-samuppaadaso-upaparikkhāti*). SA giải thích rằng đây là sự an trú liên tục (*satata-vihāra*) của vị A-la-hán. Vị A-la-hán không thấy một chúng sanh (*satto*) hay một người (*puggalo*), mà chỉ thấy theo tự tánh của các giới (*dhātu-sabhāvena*),... và chỉ thấy rằng sau khi đã làm một nghiệp như vậy, như vậy, người ta đi đến một hiện hữu như vậy. Đức Phật cũng giải thích sự an trú này, chẳng hạn trong A.IV.IV.v.5 ‘*Vappa-Suttam*’ (Kinh Vappa): ‘Như vậy, do vị Tỷ-kheo chứng được tâm giải thoát (*vimutta-citassa*), này Vappa, lúc đó sáu an trú liên tục (*cha satata-vihāra*) được đạt đến. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp (*sumano*), không có ý xấu (*dumano*): với xả vị ấy trú (*upekkhako viharati*), chánh niệm tỉnh giác (*sato sampajāno*). Khi tai nghe tiếng, khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có ý xấu, với xả vị ấy trú, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân".

Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh". Trong AA sự an trú này được gọi là thường trú (*nicca-vihāra*), liên tục trú (*nibaddha-vihāra*). Và trong S.II.I.vi.1 ‘Pari-Vimamsana-Suttam’ (‘Kinh Tư’), Đức Phật giải thích: ‘Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, thọ ấy được cảm giác với niệm thoát ly (*visamyutto nam vedayati*). VsM.xii.375 ‘Dasa-Iddhi-Kathā’ (‘Luận Về Mười Loại Thành Công’) PP.xii.36-38 bàn đến sự an trú này và trích dẫn lời giải thích của Tôn giả Xá-lợi-phất trong PsM.III.xxii.17 ‘Dasa-Iddhi-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Mười Loại Thành Công’): ‘Thế nào là sự thành công của bậc Thánh (*Ariyā iddhi*)? Ở đây nếu một vị Tỳ kheo ước nguyện: “Mong rằng ta nhận thức được tính chất không đáng ghê tởm (*appaṭikkūla-saññī*) trong cái đáng ghê tởm (*paṭikkūle*),” vị ấy an trú tưởng không ghê tởm trong vật đó...vị ấy trú xả (*upekkhako*), chánh niệm (*sato*) và tỉnh giác (*sampajāno*) đối với vật đó.’ Và VsM giải thích: ‘Bởi vì điều này chỉ xảy ra nơi các Bậc Thánh đã đạt đến sự làm chủ tâm (*ceto-vasippattānam*), nó được gọi là “sự thành công của Bậc Thánh”’, và VsM giải thích rằng vị A-la-hán nhận thức tính chất không đáng ghê tởm khi vị ấy thực hành (*karonto*) biến mãn tâm từ (*mettā-pharaṇam*) hay tác ý giới (*dhātu-manasikāram*) đối với một vật đáng ghê tởm (*paṭikkūle*) và không đẹp ý (*anittthe*); vị ấy nhận thức tính chất đáng ghê tởm, khi vị ấy thực hành tưởng bất tịnh biến mãn (*asubha-pharaṇam*) hay

tướng vô thường (*aniccanti-manasikāram*) đối với một vật không đáng ghê tởm (*appaṭikkūle*), đẹp đẽ (*iṭṭhe*); và vị ấy nhận thức theo cách thích hợp khi vị ấy đang thực hành đối với một vật hoặc đáng ghê tởm hoặc không đáng ghê tởm. Và vị ấy cũng có thể không tác ý đến tính chất đáng ghê tởm cũng không tác ý đến tính chất không đáng ghê tởm, mà chỉ an trú với xả sáu chi (*chaḷ-aṅg-upekkham*) đề cập ở trên, chánh niệm và tỉnh giác.

[90] Luận về sự khác nhau giữa sự hiểu biết có được bằng tưởng, thức, và tuệ, VsMT. xiv.423 '*paññā-Kathā-Vaṇṇanā*' giải thích rằng cũng như người ta có thể đọc một đoạn Kinh quen thuộc mà không cần chú ý đến ý nghĩa như thế nào, thì cũng vậy, do một người đã thể nhập đi thể nhập lại nhiều lần ba đặc tính của đối tượng minh sát của mình, họ sẽ tinh thông trong sự xuất hiện của chúng, và trở nên quen thuộc, điều này có nghĩa rằng đôi khi họ có thể biết đối tượng dù không thực sự thể nhập (*paṭivijjhanam*) vào những đặc tính (*lakkhaṇānam*) của chúng.

[91] Chú giải nhắc đến bài kinh 'Người Dân Sālā', M.I.v.1 ('*Sāleyyaka-Suttam*'), ở đây Đức Phật trích dẫn mười bất thiện nghiệp đạo và mười thiện nghiệp đạo, với quan niệm này như là chánh Kiến: xem trích dẫn 'Nuôi Dưỡng Chánh Kiến', trang 272/Tập I.

[92] Trong A.VII.v.9 '*Dāna-Maha-Pphala-Suttam*' ('Quả Lớn của Bồ Thí'), Đức Phật mô tả những động cơ khác nhau của bồ thí: từ hạ liệt nhất đến cao thượng nhất: (bồ thí) để có được các dục lạc → bởi vì bồ thí là một điều tốt đẹp nên làm

→ bởi vì đó là một truyền thống gia đình → bởi vì người thọ nhận không tự mình nấu nướng được → bởi vì các vị đại ân sĩ thời xưa đã thọ nhận của bố thí → bởi vì nó làm cho tâm an tịnh → và nó làm phát sanh hoan hỷ và an lạc → để trang nghiêm tâm, để chuẩn bị tâm cho việc hành thiền định và thiền minh sát.

[93] Điều này được Đức Phật đề cập trong DhP.xxv.13 ‘Bhikkhu-Vagga’ (‘Phẩm Tỳ-Kheo’): **‘Không có thiền (jhāna) cho người không trí tuệ, không có trí tuệ cho người không có thiền, Người có thiền và tuệ, nhất định gần Niết-Bàn.’** Bàn về các nhân của thức tái sanh, chú giải PsM.I.6 ‘Gati-Kathā’ (‘Luận về Sanh Thú’) PD.271 giải thích rằng đối với một người mà thức tái sanh nhị nhân (*duhetuka-paṭisandhikassa*) jhana (thiền) không sanh (*na-uppajjati*), và trích dẫn câu đầu của bài kệ này: ‘Không có thiền cho người không tuệ.’

[94] Xem ghi chú cuối chương 248, trang 808.

[95] Trong A.VIII.I.iv.6 ‘Puñña-Kiriya-Vatthu-Suttam’ (‘Kinh Phước Nghiệp Sự’) Đức Phật giải thích: *‘Này các Tỳ-kheo, có ba căn bản làm phước. Thế nào là ba? Căn bản làm phước do bố thí, căn bản làm phước do giới đức, căn bản làm phước do tu tập.’*

[96] DhSA.i.156-9 ‘Puñña-Kiriya-Vatth-Ādi-Kathā’ (‘Luận Về Phước Nghiệp Sự’) E.212 mở rộng ba phước nghiệp sự ra thành mười phước nghiệp sự: 1) Bố thí (*dāna*); (2) trì giới (*sīla*); (3) tu thiền (*bhāvanā*); (4) cung kính (*apaciti*); (5) phục

vụ (*veyyāvacca*); (6) hồi hương phước (*pattānuppadāna*); (7) tùy hỷ phước (*abbhanumodana*); (8) thuyết pháp (*desanā*); (9) thính pháp (*savana*); (10) cải chính tri kiến (*diṭṭh-ijukamma*). Nếu sắp theo ba loại, chúng ta có: bố thí = 1/6/7; trì giới = 2/4/5; tu thiện = 3/8/9/10

[97] Đức Phật bàn về những pháp này ở rất nhiều chỗ (những chi tiết sau được rút ra từ một số những nguồn ấy): chẳng hạn, những yếu tố khiến cho bố thí trở thành hạ liệt/cao thượng, và người thọ nhận hạ liệt/cao thượng trong ‘Dakkhiṇā-Vibhaṅga-Suttam’ (‘Kinh Phân Biệt Cúng Đường’), A.IV.II.iv.8 ‘Dakkhiṇa Sutta’ (‘Kinh Cúng Đường’), A.V.III.v.7 ‘A-Sa-Ppurisa-Dāna-Suttam’ (Kinh ‘Bố Thí của Người Phi Chân Nhân’) & A.V.III.v.8 ‘Sa-Ppurisa-āna Suttam’ (‘Kinh Bố Thí của Bạc Chân Nhân’); cũng xem trong M.III.i.10); làm phước cho dù không thích ý trong A.IV.III.ii.5 ‘Thāna Suttam’ (‘Kinh Những Trường Hợp’); người bố thí những vật khả ái sẽ nhận được những vật khả ái trong A.V.V.3 ‘Manāpa-Dāyī-Suttam’ (‘Người Bố Thí Vật Khả Ái’); những yếu tố giúp cho bố thí được vô lượng phước báu trong A.VI.iv.7 ‘Chaḷ-Āṅga-Dāna-Suttam’ (Kinh Bố Thí Sáu Chi’); ví dụ về cách bố thí với tâm thanh tịnh trong A.VIII.I.iii.2 ‘Dutiya-Ugga-Suttam’ (‘Kinh Ugga Thứ Hai’); gia đình không thích hợp/thích hợp cho vị Tỷ-kheo thân cận trong A.IX.I.ii.7 ‘Kula-Suttam’ (Kinh Gia Đình’); Những quả chính của bố thí với tâm cung kính trong Dh.p.viii.9 ‘Sahassa-Vaggo’ (‘Phẩm Ngàn’); và DhSA.i.156-9 ‘Puñña-Kiriya-Vatthu-Ādi-Kathā’ (‘Luận Về Phước Nghiệp Sự’) E.209-215. Cũng xem ghi chú cuối chương 194, trang 248, những câu hỏi của Công Chúa Sumana với Đức

Phật, đề cập ở mục ‘Bức Tranh của Công Chúa Sumana’, trang 719.

[98] Như vậy, trong M.III.iv.12 ‘Dakkhiṇā-Vibhaṅga-Suttam’ (‘*Kinh Phân Biệt Cúng Dường*’) Đức Phật liệt kê những phước báo có được từ việc bố thí một bữa ăn tùy thuộc vào người thọ nhận: nếu thí chủ hoàn thành tất cả những yếu tố cao thượng, và bố thí đến một con vật, nó có thể tạo ra quả báo một trăm lần (nghĩa là, theo MA. Người ấy sẽ được sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh, và có trí tuệ trong một trăm kiếp, cũng xem thêm ở cuối của ghi chú này); đến một phàm nhân không giới đức, một ngàn lần; đến một phàm nhân có giới, một trăm ngàn lần; đến một người ngoài Giáo Pháp của Đức Phật có chứng thiên, một trăm ngàn một trăm ngàn lần; đến một Bạc Thánh số lượng công đức tăng lên không thể tính kể được, tột đỉnh là cúng dường đến một vị Phật Chánh Đẳng Giác, một cúng dường chỉ thua cúng dường đến Tăng Chúng mà thôi. Trong Pháp Cú, ‘Phẩm Ngàn’ (‘*Sahassa-Vaggo*’, Dh.p. VIII.9) Đức Phật cũng giải thích: bốn pháp này luôn tăng trưởng: tuổi thọ (*āyu*), sắc đẹp (*vaṇṇo*), an vui (*sukham*), và sức mạnh (*balam*) cho một người hằng phục vụ với tâm cung kính. Và bài kệ này luôn được Chư Tỳ-kheo tụng khi thọ nhận cúng dường.

[99] Chú giải bài ‘*Kinh Phân Biệt Cúng Dường*’ giải thích rằng một vị Sa-di trẻ là đủ để hoàn thành yếu tố này. Xem lại ghi chú cuối chương trước.

[100] Chẳng hạn, trong A.IV.II.v.9 ‘*Sikkhā-Pada-Suttam*’ (‘*Kinh Học Giới*’), Đức Phật giải thích rằng người thọ trì

ngũ giới thực hành vì lợi ích bản thân. Và người khuyến khích người khác thọ trì ngũ giới là thực hành vì lợi ích của người khác.

[101] Điều này có nghĩa rằng người ta nên biết lúc nào nên nói sự thực và lúc nào nên giữ thái độ im lặng. Như vậy, trong M.II.i.8 “Abhaya-Rāja-Kumāra-Sutta” (‘Kinh Vương Tử Abhaya’) Đức Phật giải thích rằng: ‘Cũng vậy, này Vương tử, 1) lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thì Như Lai không nói lời nói ấy. 2) Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thì Như Lai không nói lời nói ấy. 3) Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy. 4) Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy. 5) Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy. 6) Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy. Tương tự, trong A.IV.ii.5.10 ‘Potaliya-Suttam’ (‘Kinh Potaliya’), Đức Phật giải thích rằng những người ít được kính trọng là những người: người chỉ trích cái đáng bị chỉ trích nhưng không khen ngợi cái đáng được khen ngợi;

người khen ngợi cái đáng được khen ngợi nhưng không chỉ trích cái đáng bị chỉ trích; và người không khen ngợi cái đáng được khen ngợi cũng không chỉ trích cái đáng bị chỉ trích. Ngài giải thích rằng người đáng được kính trọng là người biết đúng thời chỉ trích cái đáng bị chỉ trích và khen ngợi cái đáng được khen ngợi.

[102] Đức Phật giải thích sự tai hại của uống rượu trong D.III.8 ‘*Siṅgāḷaka-Suttam*’ (‘Kinh *Siṅgāḷaka*’): đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản hiện tại bị tổn thất, đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ âm tàng, và thứ sáu là trí lực tổn hại. Nay Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

[103] DA.i.2 ‘*Sāmañña-Phala-Suttam*’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’), trích lại lời giải thích của Đức Phật trong A.V.IV.iii.5 ‘*Vañijjā-Suttam*’ (Năm Nghề Buôn Bán’): ‘Này các Tỷ-kheo, có năm nghề mà người tại gia cư sĩ không được làm. Thế nào là năm? Buôn bán vũ khí, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán chất độc.’ Chi tiết xem AA.ibid.

[104] DA.ibid. trích dẫn S.V.XI.iv.7 ‘*Mahānāma Suttam*’ (‘Kinh *Mahānāma*’) Trong bài kinh này, Đức Phật giải thích rằng một người cận sự Tam Bảo là người đi đến nương nhờ (quy y) Đức Phật, Giáo Pháp, và Chúng Tăng. Và ngài xác định bốn pháp của người cận sự Tam bảo: đầy đủ giới hạnh (*sīla sampanna*), nhờ giữ ngũ giới; đầy đủ niềm tin (*saddhā-sampanna*) nhờ có đức tin nơi sự giác ngộ của Đức Phật; đầy đủ thí xả (*cāga-sampanna*) nhờ vui thú trong việc bố thí/chia

xẻ; và đầy đủ trí tuệ (*paññā-sampanna*) nhờ Trí Quán Sanh & Diệt. DA.ibib. cũng trích dẫn A.V.IV.iii.5 ‘Caṇḍāla-Suttam’ (‘Kinh Bị Vất Bỏ’). Trong Kinh này Đức Phật nói về người cận sự nam như sau: ‘Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một cận sự nam là hòn ngọc trong giới cận sự nam, là hoa sen hồng trong giới cận sự nam, là hoa sen trắng trong giới cận sự nam. Thế nào là năm? Có lòng tin; có giới; không đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; không tin tưởng điềm lành; tin tưởng ở nghiệp; không tìm kiếm người xứng đáng tôn trọng ngoài Giáo Pháp của Đức Phật và tại đây phục vụ trước. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một cận sự nam là hòn ngọc trong giới cận sự nam, là hoa sen hồng trong giới cận sự nam, là hoa sen trắng trong giới cận sự nam. Cũng trong kinh này Đức Phật nói về người cận sự nam bị vất bỏ, bị cấu uế, và xấu xa hạ liệt. Đó là người cận sự nam không có đức tin; ác giới; đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; tin tưởng điềm lành; không tin nghiệp; tìm kiếm người xứng đáng tôn trọng ngoài Giáo Pháp của Đức Phật và tại đây phục vụ trước. Người như vậy kể như đã phá bỏ địa vị cận sự nam của mình và như vậy cũng phá bỏ tam quy. Cũng xem ghi chú 54, trang 32/Tập I.

[105] Đức Phật giải thích quả của phá giới, chẳng hạn trong ‘Du-Ccarita-Vipāka-Suttam’ (‘Kinh Quả của Ác Hạnh’). Xem ghi chú cuối chương 164, trang 549.

[106] Ở đây, chú giải phân biệt hai loại tội (*vajja*): 1) tội phổ thông (*loka-vajja*), như phạm vào ngũ giới, nằm trong mười bất thiện nghiệp đạo (xem lại ‘Mười Bất Thiện Nghiệp Đạo’), và cũng là bất thiện nghiệp cho dù có những quan

kiến trái ngược như thế nào; 2) tội theo chế định (*paññatti-vajja*), đó là phạm những quy định, như trong những giới thứ ba, thứ sáu, và thứ tám của bát giới, hoặc những giới Đức Phật ban hành cho các vị Tỳ-kheo. Như vậy, trong MiP.V.ii.3 ‘Khīṇ-Āsava-Sati-Sammoha-Pañho’, Tôn-già Nāgasena giải thích rằng một vị A-la-hán không thể phạm một tội phổ thông, mặc dù các vị có thể phạm một tội chế định. Chẳng hạn, các vị có thể ăn sau Ngọ, nghĩ rằng đó là trước Ngọ, trong trường hợp này các vị chỉ phạm một tội theo luật Tỳ-kheo mà thôi.

[107] Trong M.III.iii.9 ‘Bāla-Paṇḍita-Suttaṃ’ (‘Kinh Hiền-Ngu’) chẳng hạn, Đức Phật giải thích rằng vị Chuyển Luân Vương (người có thể xuất hiện khi không có Giáo Pháp của một Đức Phật) thường khuyên thân dân của mình như sau: ‘Các người không nên sát sanh; ...lấy của không cho;...tà dâm;...nói dối;...uống rượu...’ Rất nhiều ví dụ cũng được tìm thấy trong sự giải thích của Đức Phật về tiền kiếp của ngài, gọi là những chuyện Tiền Thân (Jātaka).

[108] Các giới kiêng tránh xuất phát từ ba bất thiện ngữ này được bao gồm trong hoạt mạng đệ bát giới (*ājīv-atṭha-maka-sīla*): đó là tránh 1) sát sanh; 2) trộm cắp; 3) tà dâm (bao gồm luôn cả việc uống rượu, bia); 4) nói dối; 5) nói hai lưỡi; 6) nói lời thô ác; 7) nói lời vô ích; 8) tà mạng. Nhưng đây là loại giới được giữ trong đời sống hàng ngày, chứ không phải Bát Quan trai giới (*Uposatha-Sīla*) chỉ giữ vào những ngày đặc biệt: loại giới như vậy luôn luôn bao gồm không ăn sau Ngọ.

[109] Đức Phật giải thích việc thọ trì tám giới này trong A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttam’ (‘Kinh Uposatha’).

[110] Chẳng hạn, trong S.V.vi.1 ‘Āhāra-Suttam’ (‘Kinh Thức Ăn’), Đức Phật nói về những pháp được xem là thức ăn cho các thiên cái (tham dục, sân hận, hôn trầm-thụy miên, trạo cử-hối hận, hoài nghi), và những pháp được phục vụ như ‘không phải thức ăn’ (*an-āhāra*) cho chúng.

[111] Đức Phật giải thích điều này trong M.II.iv.3 ‘Maghadeva-Suttam’ (‘Kinh Maghadeva’): ‘Vua Maghadeva là một vị vua chánh trực cai trị đúng theo pháp (Dhamma), một vị đại vương đã được an trú trong Pháp. Vua hành xử theo Pháp, giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8 của mỗi nửa tháng [và sau hai trăm năm mươi hai ngàn năm] vua sống đời phạm hạnh...’ Đức Phật cũng giải thích rằng Ngài chính là vị vua ấy trong quá khứ. Và chú giải giải thích rằng đức vua đã được an trú trong mười thiện nghiệp đạo (xem ‘Mười Thiện Nghiệp Đạo’ trang 261/Tập I) cũng xem ghi chú cuối chương 198, trang 563, và “Chuyển Luân Vương”, trang 455.

[112] Trong A.X.I.v.6 ‘Sakka-Suttam’ (‘Kinh Sakka’), Đức Phật hỏi một số các người họ Thích xem họ giữ Bát Quan trai giới như thế nào. Họ nói rằng có khi họ giữ có khi họ không giữ. Và Đức Phật giải thích cho họ biết rằng việc không giữ bát giới đều đặn như vậy là một sự tổn hại cho họ. Sau khi Đức Phật giải thích những lợi ích có được từ việc giữ Bát Quan, họ đã nguyện thọ trì nó một cách đều đặn.

[113] Ở Miến (Myanmar), việc thọ Uposatha truyền thống thường là thọ Uposatha chín chi phần. Theo A.IX.I.ii.8 ‘Nav-Aṅg-Uposatha-Suttaṃ’ (‘Kinh Upoātha Chín Chi Phần’), thì chín chi gồm tám giới theo bát quan cộng với thiền tâm từ (mettā-bhāvanā).

[114] Đức Phật giải thích điều này trong A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttaṃ’ (‘Kinh Uposatha’).

[115] Đức Phật giải thích điều này trong A.X.I.v.6 ‘Sakka-Suttaṃ’ (‘Kinh Sakka’).

[116] Điều này được giải thích trong KhPA.ii.47 (&63) ‘Dasa-Sikkhā-Padam’ (‘Mười Học Giới’) ‘Vàng là một kim loại quý, và bạc là một kahāpaṇa [một đơn vị tiền tệ căn bản], hoặc nó cũng có thể là một māsaka kim loại [đơn vị nhỏ hơn], hay một māsaka gỗ, một māsaka đất sét, và..., thuộc bất cứ loại nào đã được dùng trong quan hệ mua bán ở khắp nơi... Nhận là sự chấp nhận nó dưới bất cứ hình thức nào; và đó là điều không được phép.]

[117] Đức Phật giải thích điều này trong S.IV.viii.10 ‘Maṇicūḷaka-Suttaṃ’ (‘Kinh Maṇicūḷaka’): ‘Này Thôn trưởng, các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc. Đối với ai được dùng vàng bạc, người ấy cũng được phép dùng năm dục trưởng dưỡng. Đối với ai được phép

dùng năm dục trường dưỡng, người ấy hoàn toàn thọ trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp.’

[118] Giới chế ngự các căn: Ngài Pa’ Auk Sayadaw nhắc lại tích chuyện Trưởng lão Mahātissa đề cập trong VsM.i.5 ‘Indriya-Samvara-Sīlam’ (‘Giới Chế Ngự Các Căn’) PP.i.55, người chỉ tác ý đến đề mục thiền bộ xương khi đi khát thực, như một ví dụ về vị Tỷ-kheo chế ngự tâm bằng cách tác ý đến đề mục thiền của mình. Cũng xem trích dẫn và phần bàn luận về sự chế ngự các căn, ghi chú cuối chương 45, trang 51/Tập I.

[119] Đức Phật giải thích điều này trong A.IV.I.v.10 ‘Upakkilesa-Suttaṃ’ (‘Kinh Casc Uế Nhiễm’): ‘Này các Tỷ-kheo, có bốn uế nhiễm của các Sa-môn, Bà-la-môn, do uế nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Thế nào là bốn?’

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn uống rượu men, uống rượu nấu, không có từ bỏ rượu men, rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ nhất của Sa-môn, Bà-la-môn, do uế nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn, không có cháy sáng... không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn, hưởng thọ dâm dục, không từ bỏ dâm dục. Này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ hai... không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn chấp nhận vàng và bạc, không từ bỏ nhận lấy vàng và bạc. Này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ ba... không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn sinh sống với tà mạng, không từ bỏ tà mạng. Này các Tỷ-kheo, đây là ứề nhiệm thứ tư của các Sa-môn, Bà-la-môn, do ứề nhiệm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ứề nhiệm này của các Sa-môn, Bà-la-môn, do những ứề nhiệm này làm ô nhiễm, nên các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.’

[120] tà mạng: trong M.III.ii.7 ‘Mahā-Cattārīsaka-Suttam’ (‘Đại Kinh Bốn Mươi’), Đức Phật giải thích (những phân tích này xuất phát từ VsM.i.16-17 ‘Ājīva-Pārisuddhi-Sīlam’ (‘Giới Nuôi Mạng Thanh Tịnh’) PP.i.60-84): ‘Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là tà mạng?’ [1] **murū đề**. [một người nói và hành động cốt để lôi cuốn sự ngưỡng mộ và sùng kính của tín đồ, bằng cách khoác cho mình một uy nghi nào đó, và nói về việc thực hành của mình.] [2] **Nói**. [Một người muốn làm hài lòng người thế tục, nên nói một cách bừa bãi, nói đề cao về mình, thậm chí nói những chuyện tầm phào, vuột ve trẻ con,...] [3] **gợi ý**. [Một người đưa ra những gợi ý không được phép cốt để nhận được những món vật dụng.] [4] **Làm giảm giá trị, xem thường**. [Một người trách cứ, chỉ trích, chế giễu người thế tục, nói những chuyện xấu về họ....] [5] **Lấy lợi câu lợi**. [Một người cho thức ăn, bông hoa, ...đến người thế tục, để có được lòng sùng kính.]’ VsM.ibid. cũng nhắc đến lời giải thích của Đức Phật trong D.i.2 ‘Samañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’), trong bài kinh này Đức Phật giải thích, chẳng hạn: “Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín

thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng,... tìm đất tốt để làm nhà, để cầu phước cho nhà mới...bố trí ma trong nghĩa địa...soạn thơ, và suy đoán về thế gian...tụng chú để làm cho người ta được may mắn hay không được may mắn...câu thần tài...thực hiện những nghi lễ tắm...làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít...cấp thuốc chữa những bệnh về thân, cho thuốc uống để ngăn ngừa công hiệu của thuốc, trong khi vị Tỳ-kheo thì tránh xa các tà mạng kể trên.’ Cũng trong DhSA.i.301 ‘Lokuttara-Kusala-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Về Thiện Siêu Thế’) E.299 giải thích tà mạng đối với một vị Tỳ-kheo: “Việc thọ hưởng bốn món vật dụng có được đưa vào ba loại lừa đảo là tà mạng.” nhưng đây là tột đỉnh của tà mạng, tránh những điều ấy là Chánh Mạng.’ Phụ chú giải giải thích ba loại lừa đảo ở đây như phô bày những năng lực không thực, mặc những lá y thô,...(như một mảnh khoe để gọi lên sự ít muốn), và nói bóng gió là có hay làm bộ có những phẩm chất của một Bạc Thánh.

[121] Đức Phật giải thích điều này trong A.III.II.iv.6 ‘Paṭhama-Sikkhā-Suttam’ (‘Học Giới Thứ Nhất’): Đây các Tỳ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Đây các Tỳ-kheo, tất cả được thâm nhiếp làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học pháp này, này các Tỳ-kheo, thâm nhiếp tất cả.’ (Sau đó Đức Phật chế định Pātimokkha với hai trăm hai

mười bảy giới) Cũng xem trích dẫn ghi chú cuối chương 40, trang 50/Tập I, và ghi chú cuối chương 284, trang 808.

[122] Đức Phật giải thích việc tu tập giới của một vị Tỳ-kheo cần phải tuyệt đối cẩn thận như thế nào trong M.I.i.6 ‘Ākaṅkheyya-Suttam’ (‘Kinh Ước Nguyện’): ‘Này các Tỳ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới.’

[123] Trong A.X.I.IV.1 ‘Upāli-Suttam’ (‘Kinh Upāli’), Đức Phật giải thích điều này cho Trưởng lão Upāli, đệ tử tối thắng về luật Tỳ-kheo của ngài: ‘Vì mười lý do, này Ưu-ba-li, các học giới được Như Lai ban hành, và Giới Bổn (Pāṭimokkha) được thiết lập cho các vị đệ tử. Thế nào là mười? : 1) để tăng chúng được an lạc, 2) để Tăng chúng được an ổn, 3) để kiểm soát những người ác-tâm, 4) để các thiện Tỳ-kheo được sống an ổn, 5) để chế ngự các lậu hoặc ngay trong hiện tại, 6) để chặn đứng các lậu hoặc trong tương lai, 7) để đem lại niềm tin cho những người chưa tin, 8) để tăng trưởng đức tin cho những người có lòng tin, 9) để diệu pháp được trường tồn, 10) để luật được tốt đẹp.’

[124] Trong D.ii.3 ‘Mahā-Pari-Nibbāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Bát Niết Bàn’), Đức Phật giải thích năm nguy hiểm tức thì của việc không giữ giới: 1) Thất thoát tài sản do sống phóng dật; 2) tiếng xấu đồn xa; 3) thiếu tự tin và tự trọng; 4) Chết với tâm tán loạn; và 5) sau khi chết tái sanh địa ngục. Và

Đức Phật cũng đưa ra năm lợi ích ngược lại của việc giữ giới.

[125] Trong A.X.I.i.1 ‘Kimatthiya-Suttaṃ’ (‘Kinh Với Mục Đích Gì’), Đức Phật giải thích những mục đích và phần thưởng của thiện giới: ‘Các thiện giới có mục đích không hối tiếc. Không hối tiếc có mục đích hân hoan. Hân hoan có mục đích hoan hỷ. Hoan hỷ mục đích khinh an. Khinh an có mục đích an lạc. An lạc có mục đích định. Định có mục đích biết và thấy đúng như thực [minh sát trí]. Biết và thấy đúng như thực có mục đích nhằm chán [Yêm ly trí] (xem trang 745) và ly tham (A-la-hán Thánh Đạo Trí). Nhằm chán ly tham có mục đích giải thoát tri kiến (A-la-hán Thánh Quả Trí và Phản Khán Trí). Và trong A.X.I.i.3 ‘Cetanā-Karaṇīya-Suttaṃ’ (‘Kinh Tư-Cần Thiết’) Đức Phật giải thích rằng, người thực hành giới không cần phải ước nguyện cho những pháp này khởi lên theo tuần tự, mà chúng chắc chắn sẽ khởi. Và trong A.X.I.i.3 ‘Paṭhama-Upanisa-Suttaṃ’ (‘Kinh Hiện Hữu Thứ Nhất’), Đức Phật giải thích rằng không có sự (diễn ra) nối tiếp của các yếu tố (trên), không thể có sự thành công trong thiền. Cũng xem trích dẫn từ kinh ‘Bhikkhu’, ghi chú 331, trang 273/Tập I.

[126] Trong M.III.iii.10 ‘Deva-Dūta-Suttaṃ’ (‘Kinh Thiên Xứ’), Đức Phật mô tả cũng mô tả Diêm Vương (Yama), người cai quản các địa ngục, giải thích nghiệp sở hữu cho người làm điều ác như thế nào: ‘Này người kia, do phóng dật nên Ngươi đã không làm điều thiện về thân, khẩu, ý. Chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của Ngươi. Nhưng chắc chắn rằng đây là một

ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, nên chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy.’ Cũng xem ghi chú 612, trang 580.

[127] Đức Phật giải thích này trong D.i.4 ‘*Soṇaḍanda Suttam*’ (‘Kinh *Soṇaḍanda*’) như sau: ‘Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ; người có trí tuệ nhất định có giới hạnh.’

[128] Đức Phật giải thích điều này trong S.V.I.i.1 ‘*Avijjā-Suttam*’ (‘Kinh Vô-minh’): ‘Nơi một người có trí đã đạt được minh, này các Tỷ-kheo, Chánh Kiến sanh. Nơi một người có Chánh Kiến, Chánh Tư Duy sanh. Nơi một người có Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ sanh. Nơi một người có Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp sanh. Nơi một người có Chánh Nghiệp, Chánh Mạng sanh. Nơi một người có Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn sanh. Nơi một người có Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm sanh. Nơi một người có Chánh Niệm, Chánh Định sanh.’

[129] Đức Phật giải thích điều này trong M.III.ii.7 ‘*Mahā-Cattārīsaka-Suttam*’ (‘Đại Kinh Bốn Mươi’): ‘Nơi một người có Thánh Tâm, có vô lậu tâm, có đầy đủ Thánh Đạo, đang tu tập Thánh Đạo, trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi,

chánh kiến, tu tập chi đạo Chánh Kiến (Sammā-Diṭṭhi), Chánh kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

[130] Xem lại phần ‘Tu Tập Đoạn Trừ’, trang 18/Tập I, và phần trích dẫn trong S.II.I.ii.5 ‘Kaccānagotta-Suttaṃ’ (‘Kinh Kaccānagotta’), ghi chú cuối chương 51, trang 55/Tập I.

[131] Trong M.I.i.6 ‘Ākaṅkheyya-Suttaṃ’ (‘Kinh Ước Nguyện’), Đức Phật giải thích rằng nếu một vị Tỷ kheo ước nguyện trở thành một Bậc Thánh, một bậc A-la-hán, vị ấy cần phải làm bốn điều: ‘[1] thành tựu giới luật, [2] kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không xao lãng Thiên định, [3] thực hành đầy đủ thiền minh sát (vipassanā), [4] sống ở những nơi thanh vắng’. Chú giải giải thích: 1= tu tập tăng thượng giới; 2 = tu tập tăng thượng tâm, thiên định (samatha); 3 = tu tập tăng thượng tuệ; 4 = một nơi ở đây hành giả có thể hoàn thành thiên định và thiền minh sát. Trong S.V.I.vi.13 ‘Āgantuka-Suttaṃ’ (‘Kinh Khách’), Đức Phật giải thích: ‘Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là những pháp cần phải tu tập nhờ thắng trí? Chỉ (samatha) và quán (vipassanā), này các Tỷ-kheo, những pháp này cần phải tu tập nhờ thắng trí.’ Và trong DhP.xxv.13 ‘Bhikkhu Vagga’ (‘Phẩm Tỷ Kheo’), ngài nói: ‘Nơi người nào có thiền (jhana) và tuệ, người ấy nhất định gần Niết-Bàn.’

[132] Trong M.I.v.4 ‘Cūḷa-Vedalla-Suttaṃ’ (‘Tiểu Kinh Vân Đáp [Phương Quảng]’), A-la-hán Dhammadinnā giải thích: ‘Nhất tâm (*citassa-ekaggatā*), là định.’

[133] Đức Phật giải thích điều này trong A.IV.III.v.3 ‘Āloka-Suttaṃ’ (‘Kinh Ánh Sáng’): ‘Này các Tỷ kheo, có bốn loại ánh sáng. Thế nào là bốn? Ánh sáng của mặt trăng; ánh sáng của mặt trời; ánh sáng của lửa; ánh sáng của trí tuệ.’ Cũng xem mười tùy phiền não của mình sát được bàn luận dưới tiêu đề ‘Thiền Minh Sát Hạ Liệt’, trang 225/Tập I, và ghi chú cuối chương 151, trang 542.

[134] Đức Phật giải thích sự cần thiết phải phát triển định để thực hành minh sát (vipassanā) trong S.III.I.i.5 ‘Samādhi-Suttaṃ’ (‘Kinh Định’). Cũng xem trích dẫn trang 172/Tập I, và ghi chú cuối chương 151, trang 542.

[135] Sự hiểu lầm này phát sanh do đọc sai sự chỉ dẫn của Đức Phật trong phần niệm hơi thở: ‘ ***Cảm giác toàn thân (sabba-kāya-paṭisaṃvedī), tôi sẽ thở vô...ra, vị ấy tập như vậy. An tịnh thân hành (passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ), tôi sẽ thở vô...ra” vị ấy tập như vậy***’. Tuy nhiên, chữ kāya ở đây không muốn nói tới thân (thể), mà là ‘thân’ của hơi thở. Chẳng hạn, Đức Phật giải thích điều này trong M.III.ii.9 ‘Ānāpāna-Ssati-Suttaṃ’ (‘Kinh Niệm Hơi Thở’): ‘Này các Tỷ-kheo, khi một vị Tỷ kheo...tu tập như vậy: “ Cảm giác toàn thân (*sabba-kāya-paṭisaṃvedī*)..., An tịnh thân hành (*passambhayaṃ kāya-saṅkhāraṃ*)... tôi sẽ thở vô...” lúc đó vị Tỷ kheo đang sống quán thân trong thân... đối với các thân, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra (*kāyesu kāya-aññatarāhaṃ, bhikkhave, evaṃ vadāmi yadidaṃ, assāsa-passāsā*)’. Và trong S.IV.vii.6 ‘Dutiya-Kāmaḥhū-Suttaṃ’, Trưởng lão A-la-hán Kāmaḥhū giải thích cho nam cư sĩ Citta: ‘Hơi thở vô và ra, này gia chủ, là thân hành (*kāya-*

saṅkhāro).’ Điều đó cũng được giải thích trong chú giải Kinh Đại Niệm Xứ (‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’).

[136] Trong S.II.ii.1 ‘Nakha-Sikhā-Suttaṃ’ (‘Kinh Đầu Móng Tay’), Đức Phật so sánh ít đất trên đầu móng tay với đất địa cầu. Và Ngài nói rằng cũng như vậy (đối với một vị Thánh Nhập Lưu với tôi đa bảy kiếp tái sanh), cái khổ còn lại như ít đất trên đầu móng tay, và cái khổ đã được đoạn trừ nhiều như đất địa cầu. Ngài kết luận: ‘Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỷ-kheo, là sự thể nhập Pháp (Dhamma); như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhãn.

[137] Trong M.III.i.9 ‘Mahā-Puṇṇama-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Mãn Nguyệt’), một vị Tỷ kheo hỏi Đức Phật tại sao các uẩn lại được gọi là các uẩn, và Đức Phật giải thích rằng vì có mười một loại tạo thành uẩn của mỗi uẩn.

[138] Đức Phật giải thích điều này trong M.I.iv.3 ‘Mahā-Gopālaka Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Người Chăn Bò’): ‘Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết rõ các sắc? Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với sắc pháp như thật biết tất cả loại sắc thuộc bốn đại và sắc do bốn đại hợp thành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rõ các sắc.’

[139] Đức Phật giải thích điều này trong S.II.I.i.2 ‘Vibhaṅga-Suttaṃ’ (‘Kinh Phân Tích’): “Có bốn đại chủng, này các Tỷ kheo. Thế nào là bốn? địa đại, thủy đại, hỏa đại, và phong đại.”

[140] Trong D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’, Đức Phật giải thích: ‘Và thế nào, này các Tỳ kheo, một vị Tỳ kheo sống quán pháp như các pháp dưới dạng sáu nội và ngoại xứ? ở đây, này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc...tuệ tri tai, và tuệ tri các tiếng [v.v...].’ Và trong M.III.ii.5 ‘Bahu-Dhātuka-Suttam’ (‘Kinh Đa Giới’), ngài giải thích: ‘Có mười tám giới, này Ananda, đó là, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về giới". Ở đây, nhãn-/nhĩ-/tỷ-/thiệt/thân tịnh sắc (pasāda-rūpa) tương ứng với nhãn-/nhĩ-/tỷ-/thiệt/thân xứ (āyatana): năm nội xứ là sắc. Chúng cũng còn được gọi là năm môn (dvāra).

[141] M.I.iv.5 ‘Cūla-Saccaka-Sutta’ (‘Tiểu Kinh Saccaka’) mô tả một cuộc luận chiến giữa Đức Phật và Saccaka, một luận sư chủ trương quan niệm này. Xem mục ‘Luận sư Saccaka’, trang 287/Tập I.

[142] Điều này thường được đề cập đến trong Kinh Điển, chẳng hạn như khi du sĩ ngoại đạo Upaka gặp Đức Phật lúc ngài vừa mới giác ngộ đã thốt lên: ‘Ồ! các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết.’ M.I.iii.6 Ariya-Pariyesanā-Suttam’ (‘Kinh Thánh Cầu’).

[143] Đức Phật giải thích tính đồng nghĩa này trong S.II.I.vii.1 ‘Assutavā-Suttaṃ’ (‘Kinh Vô Văn’) ‘Vị như một con khỉ trong khi đi lại trong rừng núi, nắm lấy một nhánh cây, bỏ nhánh cây ấy xuống, nó nắm giữ một nhánh khác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gọi là tâm (citta), là ý (mana), là thức (viññāṇa) này, khởi lên là một thứ, diệt đi là một thứ khác, cả ngày lẫn đêm.’ Chú giải giải thích rằng cả ba là những từ đồng nghĩa trở ‘ý xứ’ (man-āyatana), nội xứ thứ sáu.

[144] Đức Phật giải thích điều này trong S.II.I.i.2 ‘Vibhaṅga-Suttaṃ’ (‘Kinh Phân Tích’).

[145] Thủ tục này đã được Đức Phật giải thích trong S.II.I.iv.4 ‘Dutiya-Nāṇa-Vatthu-Suttaṃ’. Trong bài kinh này Đức Phật giải thích rằng có trí hiểu biết về mỗi trong các chi phần duyên khởi hoạt động hợp theo Pháp trong hiện tại, quá khứ, và vị lai như thế nào. Và: Và cũng như khi nào có trí về trú pháp (*Dhamma-tṭhiti-nāṇam*), thời cũng có trí về tận pháp (*khaya-dhammam*), hoại pháp (*vaya-dhammam*), ly tham pháp (*virāga-dhammam*), và diệt pháp (*nirodha-dhammam*).’ SA mô tả điều này như minh sát ngược lại (trí) minh sát (*vipassanā-paṭi-vipassanā*).

[146] Chẳng hạn, xem trích dẫn ở ghi chú 5, trang 3/Tập I, và M.II.iii.10 ‘Vekhanasa-Suttaṃ’ (‘Kinh Vekhanasa’): ‘*Nếu, Này Kaccana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết về quá khứ, không thấy được tương lai, mà tuyên bố: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa", thời với lời tuyên bố như vậy*

bác bỏ là hợp với pháp. Cũng xem ghi chú cuối chương kế tiếp.

[147] Trong rất nhiều bài kinh (chẳng hạn như trong M.III.iv.1 ‘Bhaddeka-Ratta-Suttam’ (‘Kinh Nhất Dạ Hiền Giả’), Đức Phật khuyên các vị Tỳ kheo không nên truy tìm năm uẩn quá khứ và tương lai. Trong những trường hợp như vậy ngài muốn nói tới kẻ vô văn phạm phu, hoài vọng quá khứ và tương lai với tham ái và tà kiến, do chấp giữ thân kiến, dĩ nhiên họ cũng làm như vậy đối với năm uẩn hiện tại. Ở đây Đức Phật không nói đến thiên minh sát trên các uẩn quá khứ và tương lai mà ngài chỉ nói đến thiên minh sát được xem là cần thiết cho sự đoạn trừ ái và kiến.

[148] Trong S.III.I.viii.7 ‘Khajjanīya-Suttam’ (‘Kinh Đàng Được Ăn’), Đức Phật bàn đến các vị sa-môn và bà-la-môn (đang thực hành dưới một vị Phật hay đệ tử của một vị Phật) nhớ được năm uẩn của các đời quá khứ. Chú giải giải thích rằng họ không phải nhớ bằng năng lực thần thông (bằng thần thông ấy một người cũng có thể thấy những khái niệm,...) mà bằng năng lực minh sát (*vipassanā-vasena*).

[149] Trong S.IV.I.xv.1 ‘Kamma-Nirodha-Suttam’ (‘Kinh Nghiệp-Diệt’, Đức Phật giải thích một cách rõ ràng rằng sáu căn là sản phẩm của nghiệp quá khứ; đã trích dẫn ở ghi chú cuối chương 63, trang 506. Và trong A.IV.V.iv.2 ‘Vitthāra-Suttam’ (‘Kinh Với Chi Tiết’), Ngài giải thích rằng xúc và thọ là quả của nghiệp quá khứ: xem ghi chú cuối chương 282, trang 807.

[150] Trong A.III.II.iii.6 *‘Paṭhama-Bhava-Suttam’* (‘Kinh Hiện Hữu Thứ Nhất’), Đức Phật giải thích rằng với quả nghiệp, và nghiệp (đã hoàn thành do vô minh và tham ái), có sự hiện hữu của thức tái sinh trong tam hữu. Xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 313, trang 821.

[151] Trong D.i.3 *‘Ambaṭṭha-Suttam’* Đức Phật giải thích tâm của vị Tỷ kheo được tịnh hoá bằng thiền định, và có đầy đủ ánh sáng như thế nào, sau đó vị ấy hướng tâm đến nāṇa-dassana (trí và kiến): vị ấy phân biệt sự tập khởi và sự diệt của sắc chính là thân của vị ấy, và rồi đến thức, vốn bị trói buộc với thân của vị ấy. Điều này muốn nói đến minh sát trí về danh-sắc và các nhân của chúng. Và trong S.V.III.i.10 *‘Bhikkhun-Upassaya-Suttam’* (‘Kinh Trú Xứ của Tỷ Kheo Ni’), Đức Phật giải thích cách một người sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng (*uḷāram-pubben-āparam visesam sañjānissati*) như thế nào. SA giải thích sự rõ biết quảng đại là sự rõ biết về bốn đại chủng → về sắc y đại sanh; rõ biết về tất cả sắc → về danh; rõ biết về danh và sắc → về nhân; rõ biết về danh và sắc và về các nhân của danh sắc → thuộc tính của tam tướng (vô thường, khổ và vô ngã).

[152] Trong M.III.ii.5 *‘Bahu-Dhātuka-Suttam’* (‘Kinh Đa Giới’), Đức Phật giải thích các pháp cần phải được biết cho minh sát trí sanh khởi: ‘Cho đến khi, này Ananda, Tỷ-kheo thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiện trí, biết suy tư tìm hiểu". Và ngài giải thích rằng sự thiện xảo trong

giới là biết và thấy mười tám giới (nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới.); ba giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới); ; và hai giới (tất cả các hành: hữu vi giới; Niết Bàn: vô vi giới). Ngài giải thích rằng khi một vị Tỳ kheo biết và thấy các giới này, vị ấy được nói là ‘một vị Tỳ kheo thiện xảo trong giới’. Về thiện xảo trong xứ, Đức Phật giải thích là phải biết và thấy sáu nội xứ và sáu ngoại xứ (mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp). Thiện xảo trong duyên khởi ngài giải thích, vị Tỳ kheo phải biết và thấy: ***‘Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt’***. Hay nói khác hơn: biết và thấy mười hai chi phần duyên khởi theo chiều thuận và theo chiều nghịch. Và thiện xảo trong xứ và phi xứ ngài giải thích như hiểu rõ một số pháp nào là không thể xảy ra, mặc dù sự trái ngược của chúng là có thể xảy ra. Xem ghi chú 96, trang 84/Tập I.

[153] Trong DA.ii.9 ***‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ*** (‘Kinh Đại Niệm Xứ’) có giải thích là ở xứ Kuru (nơi Đức Phật dạy bài kinh này), người dân có trí tuệ đến độ nếu một người phụ nữ được một người phụ nữ khác hỏi niệm xứ nào cô đang hành, và cô trả lời không hành niệm xứ nào cả, thời cô sẽ bị người kia sẽ khiển trách như thế nào.

[154] Trong A.XI.i.7 ***‘Saññā-Suttaṃ*** (‘Kinh Tưởng’), Đức Phật giải thích rằng với sự chứng đắc Niết-Bàn, có tưởng và trí về Niết-Bàn: ‘Ở đây, này Ānanda, vị Tỳ kheo tưởng như

vậy: "Đây là an tịnh (*Santam*), đây là thù thắng (*pañitam*), tức là sự tịnh chỉ tất cả hành (*sabba-saṅkhāra-samatho*), sự từ bỏ tất cả sanh y (*sabb-ūpadhi-paṭinissago*), sự đoạn diệt khát ái, ly tham (*virāgo*), đoạn diệt, Niết bàn". Như vậy, này Ānanda, vị Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ, không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau. Và phạm điều gì được thấy (*ditṭham*), được nghe (*sutam*), được cảm giác (*mutam*), được thức tri (*viññātam*), được đạt đến (*pattam*), được tầm cầu đến (*pariyesitam*), được ý suy nghĩ đến (*anuvicaritam manasā*), trong ấy vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.'

[155] Trong S.V.I.iii.6 'Dutiya A-Sa-Ppurisa-Suttam' ('Kinh Không Phải Chân Nhân Thứ Hai'), Đức Phật luận bàn về người có mười loại tà đạo: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, và tà giải thoát.

[156] Trong A.I.XVI.iii 'Eka-Dhamma-Pāli: Tatiya Vaggo' ('Kinh Một Pháp: Phẩm Ba'), Đức Phật dùng những ảnh dụ rất mạnh mẽ để làm sáng tỏ điều này. Chẳng hạn: ***'Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít phân thôi cũng có mùi hôi thúi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về hiện***

hữu dầu chỉ thoáng chốc thôi, nói chi đến trong thời gian một cái búng tay.'

[157] Trong Vin.Pār.II.v.303 ‘Sañcaritta-Sikkhā-Padam’ (‘Học Giới Làm Mai Mối’), Đức Phật có liệt kê mười loại phụ nữ đã có chồng: 1. Người nữ được mua bằng tiền (*dhana-kkītā*); 2. Người nữ có ước muốn sống chung (*chanda-vāsini*): cô ta sống với người đàn ông theo ước muốn của cô ta và theo sự đồng ý của anh ta: ‘người yêu sống với người yêu (*biyo piyam vāseti*)’ (với sự bằng lòng của cha mẹ); 3. Người nữ sống chung vì của cải (*bhoga-vāsini*): người phụ nữ quê mùa trở thành vợ của một người đàn ông do nhận được một số tài sản nào đó; 4. Người nữ sống chung vì y phục (*paṭa-vāsini*): người phụ nữ cơ cực trở thành vợ của một người đàn ông chỉ do nhận một tấm vải choàng; 5. Người nữ đã được neo buộc bằng nước (*oda-pattakini*): các bậc gia trưởng (thực hiện nghi thức) nhúng tay của cô và tay của anh ta vào một bát nước, ước nguyện rằng họ sẽ kết hợp với nhau giống như nước, không rời xa; 6. Người nữ đã bỏ đi tấm đệm lót (*obhata-cumbatā*): cô ta trở thành vợ của anh ta do đã được anh ta lấy đi tấm đệm lót trên đầu (để đội các vật nặng); 7. Người nữ vừa là nô lệ vừa là vợ (*dāsī ca bhariyā ca*): cô ta vừa là nô lệ của anh ta và vừa là vợ của anh ta; 8. Người nữ vừa làm công vừa làm vợ (*kammakārī ca bhariyā ca*); 9. Người nữ đã chiếm được bằng lá cờ (*dhaj-āhatā*): một nữ tù đoạt được trong lãnh thổ bị chinh phục, nơi đây lá cờ (chiến thắng) đã được dựng lên; người nữ làm vợ trong chốc lát (*muhuttikā*): một cô gái điếm. DhSA.I.iii.1 ‘Akusala-Kamma-Patha-Kathā’ (‘Luận Về Bất Thiện Nghiệp Đạo’) E.133 cũng liệt

kê mười loại vợ này kể như những đôi tượng không được đến gần (*agamanīya-vatthu*).

[158] Trong M.I.i.4 ‘Bhaya-Bherava-Suttam’ (‘Kinh Sợ Hãi & Khiếp Đám’) , Đức Phật giải thích việc (vào đêm giấc ngộ, với thiên nhân) ngài đã thấy những hậu quả của sự chấp giữ tà kiến như thế nào: ‘Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.’ (Cũng xem trích dẫn ghi chú cuối chương 14, trang 43/Tập I, 168, trang 551, và rất nhiều giải thích của Đức Phật, chẳng hạn, trong S.V.XII. ‘Sacca-Saṃyutta’ (‘Tương Ứng Sự Thực’). Người chấp giữ tà kiến chắc chắn sẽ làm điều sai trái. Chẳng hạn trong M.II.i.10 ‘Apañṇaka-Suttam’ (‘Kinh Không Gì Chuyên Hướng’) Đức Phật giải thích: ‘Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có kết quả của bố thí, không có kết quả của lễ hy sinh, không có kết quả của tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, ...". Đối với những vị ấy, được chờ đợi là họ sẽ tránh ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và chấp nhận thực hành ba ác pháp này, đó là thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác. Vì sao vậy? Vì những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế trong các bất thiện pháp, và sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các

thiện pháp’. Và trong S.V.I.i.1 ‘Avijjā Suttam’ (‘Kinh Vô Minh’), ngài giải thích: ‘Với kẻ vô trí bị vô minh chi phối, này các Tỷ-kheo, tà kiến sanh. Đối với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh. Đối với kẻ có tà tư duy, tà ngữ sanh. Đối với kẻ có tà ngữ, tà nghiệp sanh. Đối với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh. Đối với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh. Đối với kẻ có tà tinh tấn, tà niệm sanh. Đối với kẻ có tà niệm, tà định sanh.’ Trong S.V.I.iii.6 “Dutiya-A-Sa-Ppurisa-Suttam’ (‘Kinh Không Phải Chân Nhân Thứ Hai’, Ngài cũng giải thích rằng ngoài tám tà pháp trên, người ta còn có tà trí và tà giải thoát.

[159] Đức Phật giải thích căn nguyên của mười bất thiện nghiệp đạo trong A.X.IV.ii.8 ‘Kamma-Nidāna-Suttam’ (‘Kinh Nghiệp-Duyên’): ‘Ta nói, này các Tỷ kheo, sát sanh có ba loại: do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Lấy của không cho... Tà hạnh trong các dục ... Nói dối... Nói lời chia rẽ.... Nói lời thô ác... Nói lời phù phiếm..., Ý tham... Ý sân... Tà kiến có ba: do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Như vậy, này các Tỷ kheo, tham là một nhân duyên cho nghiệp sanh khởi, sân là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi, si là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi.’

[160] Đức Phật nói về chúng như bất thiện trong A.X.IV.iii.4 ‘Kusala-Suttam’ (‘Kinh Thiện’); như vô ích trong A.X.IV.iii.4 ‘Attha-Suttam’; như đáng khiển trách trong A. *ibid.* 7 ‘Vajja-Suttam’ (‘Kinh Đáng Khiển Trách’); như những pháp đem lại quả khổ trong A.X.IV.iv.11 ‘Vipāka-Suttam’ (‘Kinh Quả’), như hắc đạo trong A. *ibid.* 2 ‘Kaṇha-Magga-Suttam’ (‘Kinh Hắc Đạo’), và như dẫn đến địa ngục

trong A.X.V.i.1&2 ‘Paṭhama [&Dutiya]-Niraya-Sagga-Suttam’ (‘Kinh Địa Ngục & Thiên Giới Thứ Nhất [&Thứ Hai]’).

[161] Đức Phật giải thích điều này trong A.X.V.ii.222 ‘Sāmañña-Vaggo’ (‘Phẩm Sa-Môn’): ‘Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai mươi? Tự mình sát sanh, khuyến khích người khác sát sanh; tự mình lấy của không cho, khuyến khích người khác lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục; khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo và khuyến khích người khác nói láo; tự mình nói hai lưỡi và khuyến khích người khác nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác và khuyến khích người khác nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác nói lời phù phiếm; tự mình tham và khuyến khích người khác tham; tự mình có sân tâm và khuyến khích người khác có sân tâm; tự mình có tà kiến và khuyến khích người khác có tà kiến.’

[162] Đức Phật giải thích điều này trong ibid.223 (cùng phẩm và sách trên): ‘Thành tựu ba mươi pháp, này các Tỷ kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba mươi? Tự mình sát sanh, khuyến khích người khác sát sanh, và là người tán thành việc sát sanh;... Tự mình có tà kiến, khuyến khích người khác có tà kiến; và là người tán thành tà kiến.’

[163] Đức Phật giải thích điều này trong *ibid.*224 (cùng phẩm và sách trên): “Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỳ kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Tự mình sát sanh, khuyến khích người khác sát sanh, là người tán thành việc sát sanh, và nói lời khen ngợi việc sát sanh...Tự mình có tà kiến, khuyến khích người khác có tà kiến; là người tán thành việc có tà kiến; và nói lời khen ngợi tà kiến.”

[164] Trong M.III.iii.9 ‘*Bāla-Paṇḍita-Suttam*’ (‘Kinh Hiền&Ngu’), Đức Phật mô tả người ngu là người nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác, và làm những hành động ác. Và rồi ngài mô tả một người ngu như vậy phải chịu khổ như thế nào khi nghe người ta nói về sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, , và uống rượu, bia..., bởi vì chính nó là người làm những điều đó. Người ngu cũng chịu khổ như thế nào khi nó nhớ lại những loại tà hạnh bằng thân, bằng lời nói, và bằng ý nghĩ mà nó đã làm. Như vậy, trong kinh này, Đức Phật bao gồm cả việc uống rượu và bia,...trong thân hành ác và tà hạnh bằng thân. Thêm nữa, khi giải thích những quả của bất thiện nghiệp trong A.VIII.I.iv.10 ‘*Du-Ccarita-Vipāka-Suttam*’ (‘Kinh Quả Của Tà Hạnh’), Đức Phật bao gồm những quả không đáng kể (rất là nhẹ) của những nghiệp như vậy: ‘Sát sanh...trộm cắp...tà dâm...nói dối...nói hai lưỡi (chia rẽ)...nói lời thô ác...nói phù phiếm...uống rượu & bia, này các Tỳ kheo, được theo đuổi, được thực hành, được làm thường xuyên, đưa đến địa ngục, đưa đến loại bàng sanh, đưa đến cõi nga quý. ‘Quả không đáng kể (rất nhẹ) của sát sanh là được làm người với tuổi thọ ngắn...Quả không đáng kể (rất nhẹ) của uống rượu & bia là được làm người với tâm điên loạn (ummatta).’ (cũng xem trích dẫn, ghi chú cuối

chương 14, trang 43/Tập I) Tám nghiệp đạo này khác với mười nghiệp đạo thông thường được Đức Phật đưa ra mà trong đó chúng chỉ bao gồm những bất thiện nghiệp đạo thuộc thân và lời nói, không có ba bất thiện nghiệp đạo thuộc về ý. Và ở đây bất thiện nghiệp đạo của uống rượu & bia đặc biệt được đưa vào, trong khi ở phần liệt kê mười bất thiện nghiệp đạo, nó chỉ được ngụ ý mà thôi. Vì vậy, giải thích về những nghiệp đạo phải được tránh với năm giới, VbhA.xiv.704 ‘Sikkhā-Pada-Vibhaṅgo’ (‘Giải Thích các Học Giới’) DD.xiv.1912-1916 giải thích rằng uống rượu & bia là một nghiệp đạo (kamma-patha), là một thân nghiệp có gốc (căn) trong tham/si. Và VbhT.ibid. trích dẫn kinh này để giải thích rằng mặc dù uống rượu & bia không được đề cập một cách đặc biệt trong mười thân nghiệp đạo bất thiện, nó vẫn được kể trong đó, và tạo ra những quả dị thực y như vậy. Và phụ chú giải thì giải thích rằng cả mười bất thiện nghiệp đạo là đồng phân (sabhāga) cho uống rượu & bia: nó là một trợ duyên (*upakāra*) cho cả mười bất thiện nghiệp đạo. Và vì lẽ nó một dục lạc (*kāma-guṇa*), nên nó phải được kể dưới mục ‘tà hạnh trong các dục’ (*kāmesu-micchā-cārā*) vậy.

[165] Đức Phật đưa ra những liệt kê này trong M.III.2 ‘Mahā-Suññata-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Không’), và S.V.XII.i.10 ‘Tiracchā-Kathā-Suttaṃ’ (‘Kinh Nói Chuyện Thấp Hèn’).

[166] Đức Phật giải thích điều này trong S.II.I.ii.5 ‘Kaccānagotta-Suttaṃ’ (‘Kinh Kaccānagotta’): ‘Nhưng, này Kaccāyana, ai thấy (với chánh trí tuệ thấy đúng như thực) thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có.

Này Kaccàyana, ai thấy (với chánh trí tuệ thấy đúng như thực) thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có...vị (Thánh) ấy không có nghĩ: "Đây là tự ngã của tôi". Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, này Kaccàyana, là chánh tri kiến.' Và Ngài cũng giải thích rằng đối với một người có (chánh) kiến như vậy xem bất cứ hành nào như tự ngã (của tôi) là điều không thể xảy ra: xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 52, trang 55/Tập I. Cũng xem 'Nhập Lưu' trang 764.

[167] Đức Phật giải thích điều này trong M.III.ii.7 'Mahā-Cattārīsaka-Suttam' ('Đại Kinh Bốn Mươi'): 'Một người tuệ tri tà kiến là tà kiến, tuệ tri chánh kiến là chánh kiến. Như vậy là chánh kiến của vị ấy.'

[168] Trong M.I.i.4 'Bhaya-Bherava-Suttam' ('Kinh Sợ Hãi&Khiếp Đám'), Đức Phật giải thích (vào cái đêm giác ngộ, với thiên nhãn) ngài đã thấy quả của việc giữ Chánh Kiến: 'Ta tuệ tri các chúng sanh sau khi chết đi theo nghiệp của họ như thế nào... "Những chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phi báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp dựa trên chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này." Cũng xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 14, trang 43/Tập I, và 158, trang 546.) Và trong A.X.III.ii.9 'Pubbañ-Gama-Suttam' ('Kinh Điem Đi Trước'), Ngài giải thích: 'Đối với mặt trời

mọc, này các Tỳ kheo, đây là dấu hiệu đi trước, đây là điềm báo trước, đó là, hừng đông. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, đối với các thiện pháp, đây là dấu hiệu đi trước, đây là điềm báo trước, đó là, Chánh Kiến. Với Chánh Kiến, này các Tỳ kheo, Chánh Tư Duy xuất hiện; với Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ xuất hiện; với Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp xuất hiện; với Chánh Nghiệp, Chánh Mạng xuất hiện; với Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn xuất hiện; với Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm xuất hiện; với Chánh Niệm, Chánh Định xuất hiện; với Chánh Định, Chánh Trí xuất hiện; với Chánh Trí, Chánh Giải Thoát xuất hiện.’ (Hai chi sau cùng là các chi thứ chín và thứ mười của Thập Thánh Đạo của Bậc A-la-hán).

[169] Đức Phật nói về chúng như thiện trong A.X.IV.iii.3 ‘*Kusala-Suttam*’ (‘Kinh Thiện’); hữu ích trong A. *ibid.* 4 ‘*Attha-Suttam*’ (‘Kinh Hữu Ích’); như vô tội trong A. *ibid.* 7 ‘*Vajja-Suttam*’ (‘Kinh “Có Tội”’); như các pháp cho quả lạc trong A.X.IV.iv.11 ‘*Vipāka-Suttam*’ (‘Kinh Quả’); như bạch đạo trong A.X.IV.iv.2 ‘*Kaṇha-Magga-Suttam*’ (‘Hắc Đạo’), và như dẫn đến thiên giới trong A.X.V.i.1&2 ‘*Paṭhama [& Dutiya] –Niraya-Sagga-Suttam*’ (‘Kinh Địa Ngục và Thiên Giới Thứ Nhất & Thứ Hai’).

[170] Đức Phật giải thích điều này trong A.X.V.ii.222 ‘*Sāmañña-Vaggo*’: ‘*Thành tựu hai mươi pháp này, này các Tỳ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới. Thế nào là hai mươi?...Tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh;...tự mình có Chánh Kiến, và khuyến khích người khác giữ Chánh Kiến.*’

[171] Đức Phật giải thích điều này trong ibid 223: *‘Thành tựu ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới. Thế nào là ba mươi?...Tự mình từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, và là người tán thành việc từ bỏ sát sanh;...tự mình có Chánh Kiến, khuyến khích người khác giữ Chánh Kiến, và là người tán thành việc giữ Chánh Kiến.’*

[172] Đức Phật giải thích điều này trong ibid.224: *‘Thành tựu bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới. Thế nào là bốn mươi?...Tự mình từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, là người tán thành việc từ bỏ sát sanh, và nói lời khen ngợi việc từ bỏ sát sanh;...tự mình có Chánh Kiến, khuyến khích người khác giữ Chánh Kiến, là người tán thành việc giữ Chánh Kiến, và nói lời khen ngợi việc giữ Chánh Kiến.’*

[173] Đức Phật giải thích điều này trong S.IV.IX.i.2 *‘Samatha-Vipassanā-Suttam’* (‘Kinh Thiền Chỉ-Thiền Quán’): *‘Này các Tỷ kheo, ta sẽ dạy cho các người vô vi và con đường dẫn đến vô vi,...Và thế nào là Vô Vi? Sự đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si. Và thế nào, này các Tỷ kheo, là con đường dẫn đến Vô Vi? Chỉ (Samatha) và Quán (Vipassanā)...’*

[174] Giải thích chín đức của một vị Phật Chánh Đẳng Giác (*Sammā-Sam-Buddha*), Đức Phật nêu minh và hạnh là thứ ba: *‘Đầy đủ Minh và Hạnh (Vijjā-Caraṇa Sampanno-Minh Hạnh Túc)’*. Điều này được giải thích trong VsM.vii.133 *‘Buddh-Ānussati’* (‘Tuỳ Niệm Phật’) PP.vii.30. Và Đức Phật cũng

giải thích minh và hạnh này trong D.i.3 ‘Ambaṭṭha-Suttam’ (‘Kinh Ambaṭṭha’).

[175] Trong D.i.3 ‘Ambaṭṭha-Suttam’ (‘Kinh Ambaṭṭha’), khi giải thích về hạnh (*Carana*) Đức Phật đưa ra một bảng liệt kê chi tiết hơn về giới của vị Tỷ kheo: giống như trong Kinh Sa-Môn Quả (D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’).

[176] Tôn giả Ānanda nói vị Thánh Đệ Tử là bậc đa văn (*bahu-ssuto*), những Kinh đã được miệng tụng đọc, được ý suy xét, và được kiến khéo thể nhập. ApA.I.3-1 (366) ‘Sāriputta-Tthera-Apadāna-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả về Câu Chuyện Trưởng Lão Xá-lợi-phất’) giải thích rằng có hai loại người đa văn (*bahu-sutto-puggalo*): là người đa văn trong pháp học (*pariyatti*), là người đa văn trong sự thông đạt hay thể nhập (*paṭivedha*). Theo sự mô tả trong kinh, những Kinh đã được miệng tụng đọc (*vacasā paricitā*), được ý suy xét (*manasānupekkhitā*), môn nói đến pháp học. Và sau khi đã được khéo thể nhập bằng kiến (*ditṭhiyā su-paṭiveddhā*) muốn nói đến sự thông đạt. Đa văn như sự thông đạt này được giải thích trong chú giải bài kinh ‘Sot-Ānugata-Suttam’ (‘Nghe Với Tai’) A.IV.IV.v.1: ‘kết quả (*atthato*) và nhân/duyên (*karaṇato*) [năm uẩn&tập khởi của năm uẩn], với trí tuệ khéo thể nhập (*paññāya suttu paṭiveddhā*), làm cho hiển hiện (*paccakkham katā*).’ Sự giải thích này cũng được đưa ra trong chú giải của một bài kinh trong M.I.iv.2 ‘Mahā-Gosiṅga Suttam’ (‘Đại Kinh Rừng Sừng Bò’), ở đây phụ chú giải thêm: ‘với sự thích thú trong thiền (*nijjhāna-kkhamtibhūtāya*), sau khi đã xác định (*vavatthapetvā*) các pháp danh và sắc bằng cái biết của trí thể nhập (*ñāta-pariññā-saṅkhātāya*): “sắc

là như vậy, sắc là nhiều chùng ấy” (*‘iti rūpam, ettakam rūpan’ ti ādinā*) (đây là năm uẩn, tập khởi và sự đoạn diệt của năm uẩn, xem trích dẫn dưới mục ‘Tiếng Rống Sư Tử’, trang 37).’ Cũng vậy, VbhA.iv.205 ‘Magga-Sacca-Niddesa-Vaṇānā’ (‘Mô Tả Sự Giải Thích Về Đạo Đệ’) DD.iv.551 giải thích: ‘Như vậy đối với vị ấy, trong giai đoạn ban đầu (*pubba-bhāge*), liên quan đến hai đế [1st & 2nd], có sự thể nhập do thu nhận-*(uggaha-)*, thể nhập do hỏi-*(paripucchā-)*, thể nhập do nghe/vấn-*(savana-)*, thể nhập do ghi nhớ-*(dhāraṇa-)*, thể nhập do hiểu-*(sammasana-paṭivedho)* [minh sát trí], liên quan đến hai đế [3rd và 4th] chỉ có sự thể nhập do nghe-*(savana-paṭivedhoy-eva)* [Niết-Bàn và Đạo chỉ được thể nhập ở giai đoạn sau đó (*aparabhāge*)].’

[177] Trong M.I.iv.3 ‘Mahā-Gopālaka-Suttam’ (‘Đại Kinh Người Chăn Bò’), Đức Phật giải thích mười một pháp nhờ đó một vị Tỷ kheo có khả năng lớn mạnh, tăng trưởng, và hoàn thành trong pháp và luật (*Dhamma và Vinaya*) này.’ Pháp thứ sáu là: ‘Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tinh thoảng có đến gặp những Tỷ-kheo đa văn, thông thạo giáo điển, bậc nắm vững Pháp, bậc nắm vững Luật, bậc nắm vững các matika (các Mẫu Đê, ở đây là Luật của Tỷ kheo và thực hành Ni) có hỏi, có trả lời các vị ấy: “Thưa Tôn giả, điểm này là thế nào? Ý nghĩa này là gì? Những bậc Tôn giả ấy làm cho hiển lộ những điều chưa được hiển lộ, làm cho rõ ràng những điều chưa được rõ ràng, và đối với những nghi vấn về Chánh pháp, các vị đoạn trừ nghi hoặc.’

[178] Đức Phật giải thích điều này trong A.IV.I.ii.4 ‘Samvara-Suttam’ (‘Kinh Chế Ngự’): ‘Này các Tỷ-kheo, có

bốn tinh cần này. Thế nào là bốn? Tinh cần chế ngự, tinh cần đoạn tận, tinh cần tu tập, tinh cần hộ trì.’ Chi tiết hơn, xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 26, trang 46/Tập I.

[179] Tôn giả Ānanda nói vị Thánh Đệ Tử là vị có đầy đủ trí tuệ (*paññavā*): ‘Vị ấy có đầy đủ trí tuệ đối với sự sanh và diệt (*uday-atthagāminiyā*) được xem là Thánh (*Ariyāya*) thể nhập (*nibbedhikāya*), dẫn đến sự đoạn trừ hoàn toàn của khổ (*sammā dukkha-kkhaya-gāminiyā*).’ MA giải thích rằng điều này có nghĩa là vị ấy có thể chọc thủng hay thể nhập vào sự sanh&diệt của năm uẩn, bằng cách đè nén (*vikkhambhana-vasena*) với minh sát tuệ (*vipassanā paññā*), và bằng cách bứng gốc (*samuccheda-vasena*) với Đạo Tuệ (*Magga-Paññā*).

[180] Đức Phật giải thích điều này trong S.II.I.iv.8 ‘*Cetanā-Suttam*’ (‘Kinh Tư’) : ‘Nếu, này các Tỳ kheo, một người không có ý muốn, không có hoạch định, nhưng điều đó vẫn ngầm ngầm, đây là một đối tượng cho thức nghiệp [*kamma*] trú (*viññānassa ṭhitiyā*). Khi có một đối tượng, thời có sự thiết lập của [*kamma*] thức (*paṭiṭṭhā viññānassa hoti*). Khi thức thiết lập phát triển, thời có sự phát sanh của tái-(hiện) hữu trong tương lai.’ SA.ibib. giải thích rằng bao lâu các pháp tùy miên còn hiện hữu, thời không thể ngăn được nghiệp thức (*kamma-viññāṇa*) phát sanh. SṬ.ibid. giải thích rằng thiên minh sát của người hành thiền dù đã đạt đến Trí (thấy sự) Nguy Hiểm vẫn tạo ra nghiệp, do các năng lực tùy miên gây ra. Nghiệp thức chỉ dừng lại không sanh khi các năng lực tùy miên bị đoạn trừ bằng A-la-hán Thánh Đạo Trí: trước đó thì không. Đức Phật cũng giải thích như vậy trong

hai kinh kế tiếp. Về các pháp tùy miên, xem ghi chú 122 trang 109/Tập I.

[181] Trong M.III.i.6 ‘Āneñjasappāya-Suttaṃ’ (‘Kinh Bất Động Lợi Ích’), Đức Phật giải thích vị Tỳ-kheo hành thiền minh sát (*vipassanā*) trên thiền thứ tư, và các bậc thiền vô sắc, theo đó sẽ tái sanh vào một trong những cõi thiền ấy như thế nào. Đức Phật cũng giải thích rằng một vị Tỳ-kheo với Hành Xả Trí có thể không đạt đến Niết-Bàn, bởi vì vị ấy có sự thích thú trong đó và trở nên dính mắc vào xả đó: do vậy, minh sát trí của vị ấy sẽ tạo ra tái sanh. Tiến trình như vậy cũng được Đức Phật giải thích trong M.II.ii.4 ‘Mahā-mālukya-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Mālukya’) ở đây Đức Phật đề cập đến sự thích thú đối với thiền chỉ và thiền minh sát là Tham Pháp (*Dhamma-rāga*), và Hỷ Pháp (*Dhamma-nandi*). PsM.I.ix.56 ‘Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Hành Xả Trí’) PD.I.ix.318 giải thích: ‘Sự hoan hỷ (*abhinandato*) của phạm nhân trong hành-xả làm ô nhiễm tâm, là một chướng ngại đối với thiền, là một sự cản trở cho việc thể nhập (*paṭivedha*) xa hơn, là một nhân cho sự tái sanh trong tương lai (*ayatim paṭisandhiyā paccayo hoti*).’ Đối với bậc thánh hữu học cũng vậy. PsA giải thích rằng sanh nghiệp là thiện, và sự ô nhiễm chỉ là một trợ duyên (*upatthambhaka-paccaya*): và điều này chỉ nói đến các bậc thánh hữu học/Nhập Lưu/Nhất Lai/Bất Lai không có thiền (*jhāna*). Một vị Bất Lai có thiền sẽ tái sanh trong Phạm Thiên giới, với hữu ái (*bhava-taṇhā*) như một trợ duyên.

[182] Đức Phật giải thích điều này trong D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’): ‘Này các Tỷ kheo,

thế nào là Chánh định? Nay các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh định.’

[183] Trong A.V.I.iii.5 ‘Anuggahita-Suttam’ (‘Kinh “Trợ Giúp”’), Đức Phật cô đọng mười lăm pháp hạnh (*carana*) vào năm pháp: 1. giới (*sīla*); 2. học (*suta*); 3. thảo luận (*sākacca*); 4. thiền chỉ (*samatha*); và 5. thiền quán (*vipassanā*). Cũng vậy, xem các pháp cần thiết để đắc tứ tuệ phân tích, chẳng hạn như trong ‘Tôn giả Mahākaccāna Giống Như Vàng’, trang 627.

[184] Trong D.iii.7 ‘Lakkhaṇa Suttam’ (‘Kinh Tướng’), Đức Phật giải thích về Nghiệp đã tạo ra ba mươi hai tướng tốt của thân Ngài. Phụ chú giải giải thích rằng sự thực hành hạnh (*carana*) của ngài dẫn đến những sanh thú tốt đẹp (cõi an vui), gặp được giáo pháp của Đức Phật. Sự thực hành minh (*vijjā*) có nghĩa là hiểu được các Pháp (*Dhamma*).

[185] Đức Phật nói với ông: ‘Này kẻ mê mờ kia, do sự chấp thủ sai lạc của ông, không những ông đã xuyên tạc Ta, mà ông còn tự làm hại mình, và tạo nên nhiều tổn đức; vì điều

này sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho ông.’ Và Đức Phật hỏi các vị Tỷ-kheo: ‘Các ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Pháp (*Dhamma*), Luật (*Vinaya*) này không?’.

[186] Trong M.I.iv.5 ‘Cūla-Saccaka-Suttam’ (‘Tiểu Kinh Saccaka’), Saccaka đã thách thức Đức Phật bằng cách tuyên bố rằng năm uẩn là tự ngã. Nhưng khi được Đức Phật hỏi lại, ông buộc phải thừa nhận rằng điều này là không thể. Mặc dù ông thừa nhận sự thất bại nhưng ông vẫn không đi theo giáo lý của Đức Phật. Saccaka cũng được bàn đến ở ghi chú cuối chương 262, trang 799.

[187] Cũng xem trong D.iii.2 ‘Udumbarika-Suttam’ (‘Kinh Udumbarika’). Trong bài kinh này, một du sĩ ngoại đạo tên Nigrodha và những người theo ông đã kính cẩn lắng nghe Đức Phật giải thích cách ngài huấn luyện các vị đệ tử của ngài. Họ đều nhìn nhận rằng sự huấn luyện của Đức Phật là cao thượng hơn của họ. Nhưng mặc dù Đức Phật mời họ tham gia tu tập, không ai trong họ hưởng ứng. Trái lại, đạo sĩ thờ lửa Uruvela Kassapa và những đệ tử của ông đã từ bỏ cách tu tập của họ và chấp nhận tu tập dưới sự hướng dẫn của Đức Phật (xem ‘Uruvela Kassapa Hoan Hỷ’, trang 639)

[188] Đức Phật giải thích nghiệp theo cách khi nào thì nó có hiệu lực hay cho quả, trong A.VI.vi.9 ‘Nibbedhika-Suttam’ (‘*Kinh Pháp Môn Thế Nhập*’): ‘Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quả của nghiệp? Đây các Tỷ-kheo, có ba loại quả của nghiệp, Ta tuyên bố: có hiệu lực (cho quả) như một pháp hiện tại [ngay đời hiện tại], có hiệu lực hay cho quả vào lúc

tái sanh [ở đời sau], hay có hiệu lực ở một đời sau nữa [một kiếp nào đó sau kiếp thứ hai]. Như vậy bốn loại nghiệp đưa ra trong VsM/AbS: 1. Hiện Báo Nghiệp (*ditṭha-dhamma-vedanīya-kamma*): *ditṭha* (có thể thấy được/rõ ràng/hiện tại)+*dhamma* (pháp)+*vedanīya* (có hiệu lực/được cảm thọ); 2. Sanh Báo Nghiệp (*upapajja-vedanīya-kamma*): *upapajja* (tái sanh)+*dhamma-vedanīya*; 3. Hậu Báo Nghiệp (*apar-āpariya-vedanīya-kamma*- nghiệp cho quả kế sau kiếp kế hay từ kiếp thứ hai đổ đi): *apara* (tiếp sau đó/kế tiếp/tiếp theo sau)+*apara* (kế sau cái kế)+*vedanīya-kamma*; 4. Vô Hiệu (Lực) Nghiệp (*ahosi-kamma*): *ahosi* (đã hiện hữu/đã có). Vô hiệu nghiệp (*ahosi kammaṃ*) bao hàm những nghiệp phi quả thuộc quá khứ, hiện tại, và tương lai: ‘Đã có nghiệp (*ahosi kammaṃ*), đã không có quả của nghiệp (*n-āhosi kamma-vipāko*)... không có quả của nghiệp (*n-atthi kamma-vipāko*)... sẽ không có quả của nghiệp (*na bhavissati kamma-vipāko*).’ Xem thêm dưới mục ‘Những Vận Hành của Nghiệp Quá Khứ—Hiện Tại—Tương Lai’, trang 327/Tập I.

[189] Bài kệ Pháp Cú nói về trường hợp của Đề-bà-đạt-đa như sau:

*"Nay khổ, đời sau khổ,
Kẻ ác, hai đời khổ,
khổ vì: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, khổ hơn."*

[190] Bàn về lời giải thích của Đức Phật cho rằng một Vị Thánh Đệ Tử với ác ý làm cho Đức Phật chảy máu là điều không thể xảy ra, VbhA.XVI.x.809 ‘Paṭhama-Bala-Niddeso’

(‘Giải Thích về Lục Thứ Nhất’) DD.XVI.x.2152 giải thích rằng (dù) Đứ Đức Như Lai có bị tấn công cũng không bị rách da chảy máu. Như vậy, mặc dù cú va (của hòn đá) mạnh như búa bổ, máu cũng chỉ chảy ở bên trong, hay nói theo ngôn ngữ thời nay là bị bầm máu (*bruise*), vậy thôi.

[191] Đứ Đức Phật giải thích điều này trong S.II.I.iii.5 ‘*Bhūmija-Suttaṃ*’ (‘Kinh *Bhūmija*’), cũng như trong A.IV.IV.iii.1 (171) ‘*Cetanā-Suttaṃ*’ (‘Kinh *Tư*’): ‘Này Ananda, với lý tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, thân... khẩu... ý, do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ, không còn nữa. Lãnh vực của nó không còn nữa, căn cứ của nó không còn nữa, xứ của nó... không còn nữa, sự kiện của nó; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ, không còn nữa.’ Cũng xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 312, trang 820; và 315, trang 822.

[192] Xem S.I.iii.10 ‘*Dutiya-Aputtaka-Suttaṃ*’ (‘Kinh “*Không Con*” Thứ Hai’): ‘Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh, vì (muốn chiếm đoạt) tài sản của người ấy. Do kết quả hành động của vị ấy, vị ấy bị nung nấu ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm. Do kết quả dư hưởng còn lại, gia tài không con bảy lần phải nhập vào công khố của vua. Thưa Đại vương, đối với người triệu phú gia chủ này, các công đức cũ bị đoạn diệt và công đức mới chưa được chứa cất thêm. Và nay, thưa Đại vương, người triệu phú gia chủ đang bị nung nấu trong địa ngục *Mahāruruva*.’

[193] Trong A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttam’ (‘Kinh Các Lễ Uposatha’), Đức Phật giải thích rằng nếu một người giữ Bát Quan Trai Giới (giữ tám giới vào ngày rằm, mùng Một...), họ sẽ hưởng được lạc tối thượng như chư thiên, với thọ mạng, từ 9 triệu, 36 triệu, 576 triệu, cho đến 9,216 triệu năm cõi người, như quả của việc giữ giới ấy.

[194] Đó là sắc do thời tiết sanh (*utuja-rūpa*) như tiền, vàng, bạc,...(xem ‘Bốn Nguồn Gốc của Sắc’), trang 95. Đức Phật cũng giải thích các loại quả tức thì khác của việc bố thí (*sandiṭṭhika dāna-phala*) như trong A.VII.vi.4 ‘Sīha-Senāpati-Suttam’ (‘Kinh Tướng Quân Sīha’): thí chủ là người 1. được các bậc A-la-hán có lòng bi mẫn trước; 2. đến thăm trước; 3. giảng dạy Pháp trước; 4. nhận đồ ăn khát thực trước; 5. thí chủ có được danh thơm tiếng tốt; 6. Thí chủ có được sự tự tin khi ở giữa chúng đông người; 7. (sau khi chết) sanh trong một cõi an vui, cõi trời.

[195] Bốn loại thành tựu đã được phân tích trong DhPA.x.17 ‘Sukha-Sāmaṇera-Vatthu’ (‘Trường Hợp của Sa-di Sukha’). Pháp Cú liên hệ lại câu chuyện của một người nhà quê làm công ba năm cho một người đàn ông giàu có để đổi lấy một tô com thượng vị và đất giá nhất. Tuy nhiên, khi ông hoàn tất công việc, một vị Phật Độc Giác xuất hiện, và thay vì ăn tô com ấy ông đã cúng dường nó đến Đức Phật Độc Giác. Khi người đàn ông giàu có kia nghe được sự việc, ông đã chia cho người nhà quê một nửa tài sản của mình, chỉ mong nhận được một nửa phần phước của người nhà quê. Và khi đức Vua hay biết sự việc, ngài cũng ban cho ông rất nhiều của cải, và còn cho ông chức vị trưởng khố.

[196] MiP.V.iii.3 ‘Kusal-Ākusala-Balavatara-Parṇho’ (‘Hỏi Về Sự Ưu Thắng của Thiện và Bất Thiện’) liệt kê một số trường hợp trong đó bố thí cho quả tức thì: 1. Puṇṇa (đã được đề cập ở trên; cũng gọi Puṇṇaka (AA/DPA)); 2. Hoàng Hậu Gopālamātā (bà đã bán mái tóc của mình, và dùng số tiền ấy cúng dường vật thực đến Tôn giả Mahākaccāna và các vị A-la-hán khác, sau đó trở thành chánh cung Hoàng Hậu của Vua Udena (AA)); 3. Tín nữ Suppiyā (bà đã cắt một miếng thịt đùi của mình để nấu cháo cho một vị sư bị bệnh), và ngày hôm sau vết thương khỏi hoàn toàn (Vin.Mv.); 4. Mallikā, cô gái bán hoa lài (cô đã cúng dường vật thực đến Đức Phật, và ngày hôm đó cô trở thành chánh cung hoàng hậu của vua Pasenadi (xem ‘Hoàng Hậu Mallikā’ trang 400)); 5. Sumana, người thợ làm vòng hoa (ông đã cúng dường tám vốc (tay) hoa đến Đức Phật, và ngày hôm đó trở thành một người giàu có (DPA)); 6. Ba-la-môn Ekasātaka (ông chỉ cúng dường tám y choàng duy nhất của mình cho Đức Phật, và ngày hôm đó trở nên giàu có (DPA)).

[197] Hiện tượng này được Đức Phật giải thích trong các bản kinh của S.II.viii ‘Lakkhaṇa-Saṃyutta’ (‘Trương Ưng Tướng’). Xem ‘Thường Nghiệp Bất Thiện’ trang 365/Tập I.

[198] Trong M.II.iii.1 ‘Te-Vijja-Vacchagotta-Suttaṃ’ (‘Kinh Tam-Minh Vacchagotta’), Đức Phật giải thích cho du sĩ ngoại đạo Vacchagotta” ‘Này Vaccha, dầu cho ta có nhớ đến 91 kiếp, Ta không biết một Ājīvaka [một người thuộc phái đạo sĩ tin vào thuyết định mệnh hay còn gọi tà mạng ngoại đạo] nào đã sanh Thiên, trừ một vị, và vị này thuyết về

nghiệp (*kamma-vāḍī*) và thuyết về tác dụng của nghiệp (*kiriya-vāḍī*).’ Cũng vậy, trong M.II.iv.3 ‘Maghadeva-Suttam’ (‘Kinh-Maghadeva’), Đức Phật mô tả việc hành thiện của Vua Maghadeva (ngoài Giáo Pháp của Đức Phật) đã đưa đến tái sinh trong Phạm Thiên giới như thế nào: ‘Vua là một vị vua chánh trực cai trị đúng theo Pháp...vua sống đời phạm hạnh...Bằng cách tu tập bốn phạm trú [thiền tâm từ, bi, hỷ và xả]...vua được tái sinh Phạm Thiên giới...Nhưng loại pháp hành thiện ấy không đưa đến Niết-Bàn, chỉ đưa tới tái sinh trong thế giới Phạm Thiên mà thôi.’

[199] Vua A-xà-thế nhắc đến vị thầy trong D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’). Đức Phật cũng bàn về tà kiến này M.II.iii.6 ‘Sandaka-Suttam’ (‘Kinh Sandaka’).

[200] Trong sự giải thích của ông ta về lời dạy này, Vua A-xà-thế gồm thêm hai lời tuyên bố ở đây: ‘Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác.’ (D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’)).

[201] Vua A-xà-thế nhắc đến vị thầy trong D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’). Đức Phật cũng bàn về tà kiến này M.II.iii.6 ‘Sandaka-Suttam’ (‘Kinh Sandaka’).

[202] Từ Pāḷi ở đây là *padāni*, theo chú giải có nghĩa: 1. thiện giới hay thiện hạnh (*su-sīla*) và ác giới hay ác hạnh (*du-ssīla*), 2. thân (*sarīra*).

[203] Trong phần kiến thủ (*ditṭh-upādāna*), DhSA.iii.1221 ‘Duka-Nikkhepa-Kaṇḍam’ E.493f giải thích rằng chấp giữ

kiến này, người ta biết họ có thể thực hiện việc cúng dường, đặt bát, tế lễ, nhưng họ tin không có quả (của nghiệp), hay làm như vậy không có kết quả gì hết, họ biết mười thiện nghiệp đạo và mười bất thiện nghiệp đạo hiện hữu (xem ‘Các Nghiệp Đạo’, trang 324/Tập I), nhưng họ tin chúng không tạo ra quả; nói cách khác, họ chấp thủ quan kiến cho rằng đời này không hiện hữu; và ở đời này họ chấp thủ quan kiến cho rằng đời khác không có; họ biết có mẹ, có cha, nhưng tin rằng đối xử với cha mẹ như thế nào cũng chẳng có gì khác; họ tin không có tái sanh; họ không tin rằng có những sa-môn hay bà-la-môn chân chánh thực hành; và họ không tin rằng có việc một vị Phật với trí tuệ của mình có thể giải thích đời này và đời khác. DA.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’) giải thích rằng không tin có đời này hay đời khác, hàm ý rằng họ tin tất cả chúng sanh đều bị huỷ diệt ngay tại thế gian họ hiện hữu. DT.ibid. giải rằng họ tin nghiệp chẳng đưa đến một nơi nào khác, tất cả chúng sanh hiện hữu ở đâu huỷ diệt ở đó, không tái sanh nơi đâu khác. Họ tin sự xuất hiện của một chúng sanh cũng giống như sự xuất hiện của một bong bóng, nghĩa là họ không đến đây, sau khi đã chết ở nơi nào khác. Và họ tin rằng chỉ kẻ ngu mới giảng dạy bố thí: người ngu bố thí, trong khi kẻ trí nhận.

[204] Chẳng hạn, trong M.III.ii.7 ‘Mahā-Cattārīsaka-Suttam’ (‘Đại Kinh Bốn Mươi’), Đức Phật giải thích rằng với Chánh Kiến người ta biết rằng quan kiến này là tà kiến: ‘Và thế nào là Chánh Kiến đi trước? Tuệ tri tà kiến là tà kiến, và Chánh Kiến là Chánh Kiến: đây là Chánh Kiến. Và, này các Tỳ-

kheo, thế nào là tà kiến? [xem trích dẫn ở mục ‘Chấp Giữ Tà Kiến’, trang 124]

[205] Đức Phật giải thích những khe hở trong S.V.XII.v.6 ‘*Andhakāra-Suttaṃ*’ (‘Kinh Tối Tăm’): ‘Này các Tỳ-kheo, có những khe hở thế gian, những khoảng trống, chỗ tối tăm, u ám giữa các thế giới không thể sờ chạm được; ở đấy ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy cũng không ảnh hưởng tới được.’ Và trong D.ii.1 ‘*Mahā-Padāna-Suttaṃ*’ (‘Kinh Đại Bồn’), Ngài giải thích rằng theo quy luật tự nhiên, khi một vị Bồ Tát (kiếp chót) từ cung trời Đâu Suất (*Tusitā*) giáng sanh vào thai mẹ, một hào quang vô lượng, thần diệu, thẳm xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới,... Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thẳm xa oai lực của chư Thiên hiện ra.’ Chú giải cho bài kinh giải thích điều này như sau: cũng như giữa ba bánh xe bò đầu lại có một khe hở như thế nào, giữa mỗi ba (hệ thống) thế gian cũng có một khe hở như vậy, và nó tối tăm đến nỗi nhãn thức không thể thấy được.

[206] Trong M.III.iv.6 ‘*Mahā-Kamma-Vibhaṅga-Suttaṃ*’ (‘Kinh Đại Nghiệp Phân Biệt’), Đức Phật giải thích rằng người tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói chuyện nhảm nhí, và ý không tham, sân, tà kiến vẫn có thể bị tái sanh vào một sanh thú bất hạnh, thậm chí địa ngục: ‘Hoặc là một ác nghiệp do người ấy hoàn thành

từ trước cho quả khổ, hay một ác nghiệp do người ấy làm sau đó cho quả khổ, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.’ Cũng vậy, Ngài giải thích rằng một người đã hoàn thành những ác nghiệp và chấp giữ tà kiến vẫn có thể được tái sanh vào một sanh thú an vui do nghiệp trước đó, hay vào lúc mệnh chung người ấy từ bỏ được tà kiến (đã chấp trước đó).

[207] Đức Phật đưa ra một giải thích chi tiết về bốn phương tiện để (có được) sức mạnh trong S.V.VII.ii.10 ‘Vibhaṅga-Suttam’ (‘Kinh Phân Tích’). Ngài cũng giải thích rằng bốn như ý túc này được dùng như căn bản cho sự phát triển các thần thông (*abhiññā*): đi trên nước, bay trên hư không, thiên nhãn, nhớ được nhiều trăm ngàn kiếp sống quá khứ, thiên nhĩ,... Và chúng cũng dùng như căn bản cho (việc chứng đắc) A-la-hán thánh quả.

[208] Đức Phật giải thích điều này trong M.I.iii.6 ‘Pāsa-Rāsi-Suttam’ hay còn gọi là ‘Ariya-Pariyesanā-Suttam’ (‘Kinh Thánh Cầu’). Nơi tái sanh của hai vị thầy này được đưa ra trong chú giải của bài kinh ấy.

[209] Ngài chính là vị Phạm Thiên đã khích lệ Đức Phật lúc mới thành đạo lên đường đi thuyết pháp (M.I.iii.6 ‘Pāsa-Rāsi-Suttam’ hay còn gọi là ‘Ariya-Pariyesanā-Suttam’ (‘Kinh Thánh Cầu’)). Vào những dịp sau ngài cũng đã xuất hiện trước Đức Phật (xem các kinh, M.II.ii.7 ‘Cātumā-Suttam’, và S.V.III.ii.8 ‘Brahma-Suttam’ (‘Kinh Phạm Thiên’)).

[210] Cả trong Vin (Tạng Luật) và S (Tương Ưng Kinh), việc này được giới thiệu như đã xảy ra một số lần, nhưng chú giải giải thích rằng nó chỉ là một lần duy nhất. Các chúng sanh khác đã được thấy và giới thiệu trong các bản kinh riêng biệt chỉ vì muốn làm sáng tỏ hơn mà thôi.

[211] DhPA.i.11 ‘Dhammika-Upāsaka-Vatthu’ (‘Chuyện Người Thiện Nam Dhammika’). Bài kệ được Đức Phật nói lên là:

*Idha socati pecca socati,
pāpakārī ubhayattha socati;
so socati so vihaññati,
disvākammakiliṭṭhamattano.*

(Nay vui,đời sau vui, Làm phước, hai đời vui, Nó vui, nó an vui,Thấy nghiệp tịnh mình làm.).

[212] Đức Phật mô tả những chư thiên này trong D.i.1 ‘Brahma-Jāla-Suttam’ (‘Kinh Phạm Võng’).

[213] Trong A.V.II.V.10 (100) ‘Kakuda-Thera-Suttam’ (‘Kinh Trưởng Lão Kakuda’), một vị trước đây là Tỳ kheo, sau khi chết tái sanh làm một chư thiên, thông báo cho Tôn giả Mục-kiền-liên biết ý muốn lãnh đạo Tăng Chúng của Tôn giả Đề-bà-đạt-đa, và đã mất hết tất cả năng lực thần thông của mình (việc này cũng được đề cập trong Vin.Cv.vii.333 ‘Devadatta-Vatthu’ (‘Trưởng Họp của Đề-bà-đạt-đa’)).

[214] Đức Phật cũng dạy giáo pháp này cho Tôn giả Mālukyaputta trong S.IV.I.x.2 “Mālukyaputta Suttam” (‘Kinh Mālukyaputta’). Tôn giả Mālukyaputta đã triển khai lời dạy tóm tắt này và được Đức Phật tán dương và lập lại. Nó cũng được Tôn giả Mahācunda giải thích trong S.IV.I.ix.4 ‘Channa-Suttam’ (‘Kinh Channa’).

[215] Trong A.I.XIV.iii.216 ‘Etad-Agga Vagga: Tatiya-Vaggo’ (‘Chương Người Tối Thắng’) Đức Phật tuyên bố Bàhiya Dāructriya là tối thắng trong những người hiểu được lời dạy tóm tắt của Đức Phật.

[216] DhPA.1.12 ‘Cakkhupāla-Tthera-Vatthu’ (‘Trường Hợp của Trưởng Lão Cakkhupāla’). Về bài kệ Đức Phật thuyết liên quan đến ngài:

*Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.*

[217] Nữ tỳ Khujjuttarā (xem ‘Nữ Tỳ Khujjuttarā’, trang 398), người thường ở bên cạnh hoàng hậu Sāmavātī, nhưng vào lúc xảy ra biến cố không có mặt. UdA.ibid. giải thích

rằng sở dĩ cô thoát được là nhờ cô không nằm trong nhóm những người đã cố gắng hoả thiêu Đức Phật Độc Giác.

[218] Trong S.IV.I.II.iv.4 ‘Channa Suttam’ (‘Kinh Channa’) Đức Phật bàn luận với Tôn giả Xá-lợi-phất về việc tự tử của Tôn giả Channa. Đức Phật nói: ‘Khi một người, này Xá-lợi-phất, bỏ thân này và chấp thủ thân khác (*aññañ-ca-kāyam upādiyati*); người ấy, Ta nói là có lỗi (*tam-ahaṃ sa-upavajjoti vadāmi*). Và Ngài thêm: ‘Vô tội (*anupavajjam*) là việc Tỳ kheo Channa sử dụng cây dao (để tự tử).’ Nhưng sau biến cố năm trăm vị Tỳ kheo (tự giết hoặc nhờ người khác giết), Đức Phật nói: ‘Điều đó không đúng đắn (*ananucchavikam*), này các Tỳ kheo, đối với các vị Tỳ kheo ấy, điều đó không hợp lẽ (*ananulomika*), điều đó không thích hợp (*appaṭirūpaṃ*), đó không phải là cách (giải quyết) của vị sa-môn (*a-ssāmaṇakam*), điều đó không được phép (*akappiyam*), điều đó không được làm (*a-karaṇīyam*). Làm thế nào các vị Tỳ kheo đó có thể tự mình tước đi mạng sống của mình, và tước đi mạng sống của nhau như vậy?’

[219] Trong M.II.iv.1 ‘Ghaṭikāra-Suttam’ (‘Kinh Ghaṭikāra’), Đức Phật mô tả lại việc trong một kiếp quá khứ ngài là thanh niên Bà-la-môn tên Jotipāla, và bạn của ngài là thợ gốm Ghaṭikāra, một bậc Thánh Bất Lai. Một hôm, Ghaṭikāra tám lần đề nghị họ nên đi đến và viếng thăm Đức Phật Kassapa. Và bảy lần Jotipāla nói: ‘Đủ rồi, này bạn thân.

Thực sự, ích gì khi đến yết kiến sa-môn đầu trọc ấy chứ (*Alam, samma . Kim pana tena munḍakena samaṇakena diṭṭhena*)?’

Ap.XXXIX.x.92-93 ‘Pubba-Kamma-Pilotika-Buddha-Apadānaṃ’ giải thích rằng chính do lời nói khinh thường này, Bồ Tát Gotama đã phải hành khổ hạnh (*dukkaram*) với nỗ lực lớn trong sáu năm ở Uruvelā. Trong M.I.iv.6 ‘Mahā-Saccaka-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Saccaka’), Đức Phật mô tả những đau khổ cùng cực mà Ngài đã nếm trải khi thực hành khổ hạnh. Và phụ chú giải nhắc lại lời giải thích trong Ap.XXXIX.x.92-93, vừa đề cập ở trên.

[220] Ở đây, Māra (Ác Ma) đang quấy rối Tôn-giả Mục-kiền-liên. Để cảnh báo Ác Ma về sự nguy hiểm của việc quấy rối một bậc A-la-hán, Tôn-giả Mục-kiền-liên kể lại những gì đã xảy ra với ngài khi ngài còn là một Ác Ma, tên Dūsi: những chi tiết này lấy từ chú giải.

[221] Trong M.I.iii.2 ‘Alagadd-Ūpama-Suttaṃ’ (‘Kinh Ví Dụ Con Rắn’), Đức Phật cũng cảnh báo các vị Tỳ-kheo không được phản ứng theo những cách này trước lối cư xử tương tự của kẻ khác.

[222] Đức Phật giải thích duyên khởi trong S.II.I.i.10 ‘Gotama-Suttaṃ’ (‘Kinh Gotama’).

[223] Tà kiến này được Đức Phật mô tả trong S.III.III.i.8 ‘Mahā-Diṭṭhi-Suttam’ (‘Đại Tà Kiến’): ‘Vị như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi tới một lúc nào đó sẽ đoạn tận khổ đau’. Nó cũng được Vua A-xà-thế mô tả trong D.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’).

[224] A.III.III.ii.7 ‘Kammanata-Suttam’ (‘Kinh Tác Nghiệp’) Đức Phật liệt kê ba loại thất bại: 1. Thất bại về nghiệp, đó là phạm vào mười bất thiện nghiệp đạo: sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. 2. Thất bại về sanh kế (sống bằng tà mạng). 3. Thất bại về tri kiến (không tin những vận hành của nghiệp, tái sanh, những cõi hiện hữu khác, và không tin có những Sa-môn, Bà-la-môn (như Đức Phật) dạy những giáo lý (về nghiệp) này sau khi đã tự mình chứng ngộ chúng. Đức Phật cũng liệt kê ba loại ngược lại, đó là sự thành tựu về nghiệp, sanh kế và tri kiến.

[226] Trong A.VI.vii.3 ‘Mitta-Suttam’ (‘Kinh Bạn’), Đức Phật giải thích rằng đối với một người có bạn xấu mà thành tựu giới, hoàn thành việc tu tập, và từ bỏ dục ái, sắc ái và vô sắc ái là sự kiện không thể xảy ra. Ngược lại, với bạn tốt, những điều này có thể xảy ra.

[227] Nhiều bản Kinh Pāḷi đề cập đến thập vương pháp (*dasa rāja-dhamme*): 1. bố thí; 2. trì giới; 3. xả ly; 4. chánh trực; 5. nhu hoà; 6. khắc chế; 7. không sân; 8. không hại; 9. nhẫn nại; 10. không đối nghịch (biết hoà hợp).

[228] Trong A.IV.II.ii.10 ‘A-Dhammika-Suttaṃ’ (‘Kinh Không Chánh Trực’), Đức Phật giải thích sự bất chánh của người cai trị dẫn đến sự bất chánh trong hàng quan lại, dẫn đến sự bất chánh trong các Bà-la-môn và gia chủ, dẫn đến sự bất chánh trong dân chúng ở thị thành và làng quê như thế nào. Và ngài giải thích rằng một ảnh hưởng của tình trạng bất chánh đó là: các mùa mưa nắng thất thường, và vụ gặt chín cũng bất thường. Ngược lại nếu trên chánh trực, thì dưới cũng sẽ chánh trực... và ảnh hưởng cũng sẽ ngược lại.

[229] Trong D.ii.5 ‘Janavasabha-Suttaṃ’ (‘Kinh Janavasabha’), có nói rằng vào lúc băng hà của Vua Tần-bà-sa-la (*Bimbisāra*), dân chúng khóc thương cái chết của vua, bởi vì vua đã đem lại an vui hạnh phúc cho họ và sự cai trị chánh trực của vua đã làm cho cuộc sống cả họ được thoải mái.

[230] Trong A.I.x ‘Dutiya-Pamād-Ādi-Vaggo’ (‘Chương Dễ Duôi...Thứ Hai’), Đức Phật giải thích rằng khi các vị Tỷ kheo dạy Phi Pháp là Pháp, và Pháp là Phi Pháp; Phi Luật là Luật, và Luật là phi Luật; và những điều không phải Đức

Phật dạy cho là do Đức Phật dạy; những điều Đức Phật dạy cho là không phải Đức Phật dạy; lời dạy của họ đem lại sự bất hạnh và khổ đau,... cho đa số. Ngược lại, là trường hợp vị Tỷ kheo dạy Phi Pháp là Phi Pháp, Pháp là Pháp,...

[231] Vin.Mv.i.6 ‘Pañca-Vaggiya-Kathā’ (‘Luận Về Nhóm Năm (Tỳ Kheo)’). Bộ luật này giải thích rằng sau khi Đức Phật dạy xong bài Kinh Chuyển Pháp Luân (‘*Dhamma-Cakka-Ppavattana-Suttam*’, S.V.XII.ii.1), Ngài đã sung sướng kêu lên: ‘Quả thực ông đã hiểu (*aññāsi vata*), hồi này Koṇḍañña (*bho Koṇḍañño*); quả thực ông đã hiểu, hồi này Koṇḍañña.’ Điều này là vì Tôn-giả đã đắc Nhập Lưu. Trong các bản chú giải ngài còn được gọi là Aññākoṇḍañña (Kiều-trần-như Đã Hiểu) và Aññātakoṇḍañña.

[232] Trong S.V.XI.iv.7 ‘Mahānāma-Suttam’ (‘Kinh Mahānāma’), Đức Phật giải thích rằng một người trở thành một người cận sự nam (*upāsaka*) bằng cách quy y Tam Bảo (Phật-Pháp-Tăng Bảo). Và một người trở thành người có đầy đủ giới hạnh (*sīla-sampanna*) bằng cách thọ trì ngũ giới. Cũng xem ghi chú cuối chương 104, trang 237.

[233] Trong S.IV.viii.8 ‘Saṅkha-Dhama-Suttam’ (‘Kinh Người Thối Tù Và Bằng Vô Ốc’) Đức Phật giải thích việc một người đã tạo (hoàn thành) một trong mười bất thiện nghiệp đạo có thể khắc phục nó bằng cách, trước tiên chấp

nhận rằng đó là một điều sai lầm đã làm, kế tiếp tránh không làm lại điều đó trong tương lai, kế tiếp tu tập tâm giải thoát (*jhāna*) bằng bốn phạm trú: từ, bi, hỷ và xả. Và ngài giải thích: ‘Phàm nghiệp có hạn lượng nào (nghiệp thuộc dục giới), nghiệp ấy sẽ không trú ở đây; nghiệp ấy sẽ không tồn tại ở đây.’ Chú giải giải thích rằng nghiệp sắc giới và nghiệp vô sắc giới (nghiệp vô hạn lượng) không cho phép nghiệp dục giới tạo ra quả của nó, và đồng thời còn tạo quả riêng của nó: tái sanh trong cõi Phạm Thiên.

[234] Thọ mạng giảm xuống còn mười tuổi: muốn biết sự giải thích của Đức Phật về hiện tượng này, xem ‘Sự Sa Đọa Của Kiếp Người’, trang 457.

[235] Đức Phật giải thích điều này trong M.III.iii.9 ‘Bāla-Paṇḍita-Suttaṃ’ (‘Kinh Hiền & Ngu’).

[236] Trong M.III.iii.9 ‘Bāla-Paṇḍita-Suttaṃ’ (‘Kinh Hiền & Ngu’) Đức Phật giải thích lý do vì sao kẻ ngu đi từ địa ngục này sang địa ngục khác, cuối cùng trôi lên, và rồi lại bị ném trở lại vào Đại Địa Ngục.

[237] Đây là một đoạn tham khảo ví dụ của Đức Phật trong A.III.I.iv ‘Nidāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Nhân Duyên’): ‘Ví như, này các Tỷ-kheo, có những hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn tươi tốt

được khéo gieo vào một đồng ruộng tốt, được trồng vào đất khéo sửa soạn. Nếu chư thiên cho trời mưa xuống đều đặn, các hạt giống ấy, này các Tỷ-kheo, được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Phàm nghiệp nào được làm vì tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, tại chỗ nào cá nhân ấy được tái sanh, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thực. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thực, chỗ ấy quả dị thực của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa. Đối với nghiệp được làm vì sân ... nghiệp được làm vì si ... cũng tương tự như vậy. Ngược lại, nếu các hạt giống không thể bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn được tươi tốt, được khéo gieo. Và một người lấy lửa đốt chúng, sau khi lấy lửa đốt, làm cho chúng thành tro, sau khi làm thành tro, quạt chúng trong gió lớn, hay cho vào dòng nước sông chảy nhanh mang cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hạt giống ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai... Tất nhiên đó là kết quả của bốn loại Thánh Đạo Trí, được thực hiện từ vô tham, vô sân và vô si. Cũng xem phép ẩn dụ của Đức Phật về nghiệp đen và nghiệp trắng ở ghi chú cuối chương 282, trang 807.

[238] Trong M.I.v.4 ‘Cūḷa-Vedalla-Suttam’ (‘Tiểu Kinh Phương Quảng’), Tỳ-kheo-ni Dhammadinnā giải thích cho người chồng cũ của bà tam học trong mối liên quan với Bát Thánh Đạo: ‘Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, và Chánh Mạng: những pháp này bao gồm trong nhóm giới (giới uẩn). Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định: những pháp này bao gồm trong nhóm định (định uẩn). Chánh Kiến và Chánh Tư Duy: những pháp này bao gồm trong nhóm tuệ (tuệ uẩn)’. Bà cũng giải thích rằng những pháp này không nhất thiết bao gồm Bát Thánh Đạo (vốn chỉ Bậc Thánh mới có đầy đủ): ‘Ba uẩn không bị Bát thánh Đạo thâm nhiếp, này Hiền giả Visākha, mà Bát Thánh Đạo bị ba uẩn thâm nhiếp.’

[239] Việc chia thành giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh và kiến thanh tịnh được lấy từ M.I.iii.4 ‘Ratha-Vinīta-Suttam’ (‘Kinh Trạm Xa’). Bộ Thanh Tịnh Đạo được sắp đặt theo cách chia ấy.

[240] Trong M.III.iii.9 ‘Bāla-Paṇḍita-Suttam’ (‘Kinh Hiền & Ngu’), Đức Phật giải thích người hiền được tái sinh thiên giới, và khi người ấy tái sinh làm người (sau một thời gian dài trên thiên giới), gia đình đẳng cấp cao là nơi người ấy sẽ tái sinh, với nhiều của cải, đẹp người, hưởng thụ được nhiều thứ xa xỉ, và cách cư xử qua thân, khẩu, ý của người ấy rất tốt. Kết quả, người ấy lại được tái sinh trong một sanh thú an vui, ngay cả trong cõi trời.

Chương IV- **'KINH TIỂU NGHIỆP PHÂN BIỆT'**
(*'Cūḷa Kamma-Vibhaṅga Suttaṃ'*)

NGƯỜI HẠ LIỆT & KẺ ƯU THẮNG

Có một bài kinh trong Trung Bộ (*Majjhima-Nikāya*) gọi là 'Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt'.⁶⁰⁹ Bây giờ chúng tôi sẽ giải thích những vận hành của nghiệp liên quan đến bài kinh ấy. Bài kinh bắt đầu bằng:

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người hạ liệt (hīna), có người ưu thắng (paṇīta)?

[1-2] người đoản thọ, người trường thọ,

[3-4] người nhiều bệnh, người ít bệnh,

[5-6] người xấu sắc, người đẹp sắc,

⁶⁰⁹ M.III.iv.5 "Cūḷa Kamma-Vibhaṅga Suttaṃ" ('Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt')

**[7-8] người quyền thế nhỏ, người quyền thế lớn,
 [9-10] người nghèo, người giàu,
 [11-12] người thuộc gia đình hạ liệt, người thuộc
 gia đình cao quý,
 [13-14] người trí tuệ yếu kém, người có đầy đủ trí
 tuệ.**

**Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì,
 giữa loài Người với nhau, lại thấy có người hạ liệt, có
 người ưu thắng như vậy?⁶¹⁰**

Tại sao thanh niên Subha lại hỏi những câu hỏi này? Theo chú giải,⁶¹¹ Bà-la-môn Todeyya, người cha quá cố của anh ta, từng là quan đại thần của Vua Kosala, và sống vô cùng keo kiệt, bủn xỉn (macchhariya (𑀕𑀲𑀸𑀓): khan, bủn xỉn, keo kiệt). Do tâm keo kiệt này, vào lúc chết ông tái sanh vào bào thai của con chó cái sống ngay trong căn nhà của ông ta. Một hôm, khi Đức Phật đi khát thực ngang qua nhà Subha, con chó sữa ầm ĩ. Đức Phật mắng nó, và gọi nó là Todeyya. Subha vô cùng khó chịu về việc này, nhưng Đức Phật đã chứng minh cho anh ta thấy rằng con chó ấy chính là cha anh ta đã tái sanh: Đức Phật kêu con chó đào kho báu mà

⁶¹⁰ Ở đây, hạ liệt và ưu thắng muốn nói đến mỗi bên của bảy cặp câu hỏi trên: bảy hạ liệt và bảy ưu thắng. VsM.xiv.496 ‘Atīṭ-ādi-Vibhāga-Kathā’ (‘Luận Về Quá Khứ,... Sự Phân Loại’) PP.xiv.193: ‘Nó được xem là hạ liệt ở chỗ nó xuất hiện như một quả bất lợi, và nó là ưu thắng ở chỗ nó xuất hiện như một quả thuận lợi.

⁶¹¹ Về chi tiết, xem chú giải bài kinh.

Todeyya đã chôn lên. Bằng chứng này đã thôi thúc đức tin của Subha nơi Đức Phật, và thúc đẩy anh ta đi đến Đức Phật để hỏi về những vận hành của nghiệp.

Đầu tiên, Đức Phật trả lời câu hỏi của Subha một cách vắn tắt:⁶¹²

Này Thanh niên, các chúng sanh là chủ nhân của nghiệp (kamma-ssakā), là kẻ thừa tự của nghiệp (kamma-dāyādā). Nghiệp là thai tạng (kamma-yonī), nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có hạ liệt, có ưu thắng.

Tất nhiên, Subha không hiểu được lời giải thích vắn tắt này của Đức Phật. Vì thế anh đã thỉnh Đức Phật vui lòng giải thích chi tiết hơn:

Tôi không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi.

⁶¹² Cùng nguyên tắc này đã được Đức Phật giải thích trong M.II.i.7 ‘Kukkuravatika-Suttam’ (‘Kinh Hạnh Con Chó’). Trong bài kinh này, Đức Phật giải thích rằng nghiệp hoàn thành khi một người, như một chúng sanh nào đó trong một kiếp sống, sẽ quyết định sự tái sinh của họ như một chúng sanh khác trong kiếp sống tương lai: ‘Do đó, này Punṇa, “Các chúng sanh là kẻ thừa tự hạnh nghiệp (của mình)”, ta tuyên bố như vậy.’ Đây là những gì chú giải gọi là Nghiệp Sở Hữu Trí (Kamma-Ssakata-Ñāṇa). Xem lại ‘Năm Loại Trí’, trang 114/Tập I. Cũng xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 126, trang 534.

Tại sao Đức Phật lại giải thích theo cách này để cho người nghe không thể hiểu được? Bởi vì những người Bà-la-môn rất kiêu mạn: họ nghĩ họ là những người thông thái nhất thiên hạ. Và Đức Phật biết rằng nếu Ngài đưa ra những câu trả lời chi tiết trước, họ có thể nói rằng họ đã biết được câu trả lời. Để tránh tình trạng này, Đức Phật luôn luôn đưa ra cho họ một câu trả lời vắn tắt trước, để hạ thấp sự kiêu mạn của họ.

Khi Subha đã nhìn nhận việc không hiểu câu trả lời vắn tắt của mình, và thỉnh cầu Đức Phật cho một câu trả lời chi tiết hơn, kiêu mạn của anh ta đã được hạ thấp xuống, và chỉ lúc đó Đức Phật mới đưa ra một lời giải thích chi tiết. Ngài đã giải thích từng nguyên nhân cho mỗi trong mười bốn kết quả theo tuần tự. Ngài nói:

***Vậy này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ:
Ta sẽ nói.***

MƯỜI BỐN CÁCH

LÀ NGƯỜI SÁT SANH

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy,

sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng.

Đây là con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lâm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

Tái sanh làm người luôn luôn phải là kết quả của sanh nghiệp thiện, và tái sanh trong một trạng thái khổ luôn luôn phải là kết quả của sanh nghiệp bất thiện. Vì vậy, nếu tư quyết định (*cetanā*) của (*hành động*) sát sanh làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh, nó sẽ tạo ra tái sanh trong một trạng thái khổ. Nhưng nếu, bất chấp nghiệp sát sanh, một sanh nghiệp thiện làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người, thời những tư tiền và tư hậu (tư đi trước và tư đi sau việc sát sanh) sẽ làm nhiệm vụ như chướng nghiệp trong quá trình của kiếp sống làm người ấy. Chúng sẽ làm mất tác dụng sanh nghiệp vốn tạo ra tái sanh làm người bằng sự đối nghịch trực tiếp, và cuối cùng một nghiệp sẽ chặn đứng nó: sanh nghiệp thiện sẽ không duy trì kiếp sống làm người nữa, và anh ta hay cô ta sẽ phải đoản mạng. Người ấy sẽ gặp những nghịch cảnh y như cách đối

ngịch trực tiếp với trường thọ, và nghịch cảnh ấy bằng cách này hay cách khác đưa đến một cái chết yểu.⁶¹³

Nguyên tắc đối nghịch trực tiếp này cũng có giá trị với tất cả những trường hợp ở đây nghiệp bất thiện chín mùi ngay trong đời sống bình nhật (pavatti) của kiếp đó.

NGHIỆP GIẾT CHA MẸ TRONG QUÁ KHỨ CỦA TÔN GIẢ MỤC-KIỀN-LIÊN

Một ví dụ điển hình về nghiệp sát đưa đến tái sanh trong địa ngục, và chịu một thọ mạng ngắn ngủi khi làm người là trường hợp của Tôn giả Mục-Kiền-Liên.[242] Trong một kiếp quá khứ, ngài sống với vợ và cha mẹ mù của

⁶¹³ MA giải thích rằng với tư quyết định (sannitthāna-cetanā) của nghiệp sát (khi tất cả các yếu tố cho việc sát sanh đã thoả mãn: xem ‘Một Bất Thiện Nghiệp Đạo’, trang 255/Tập I) người ta sẽ tái sanh trong địa ngục (niraye nibbattati) (ở đây nghiệp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, và MṬ giải thích rằng quả chắc chắn phải là (quả) khốc liệt nhất (accanta-kaṭuka). Nhưng với những tư tiền và tư hậu (pubb-āpara-cetanāhi), thọ mạng có thể bị ngắn lại theo hai cách: 1. Những cetanā (tư) đi trước và đi sau hành động sát sanh đích thực có thể làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp (upacchedaka-kamma) (MṬ: upaghātakakamma), chặn đứng thiện nghiệp vốn đã tạo ra kiếp sống làm người khác, dẫn đến một cái chết phi thời. 2. Nếu trước/sau sát sanh thiện nghiệp tạo ra một tái sanh làm người, thiện nghiệp đó sẽ không phải là thiện nghiệp cao thượng (ulāraṃ na hoti), điều này có nghĩa là nó không thể tạo ra một kết sanh trường thọ (dīgh-āyuka-paṭisandhim). Như vậy mặc dù thọ mạng ngắn, cái chết yểu vẫn là hợp thời, bởi vì phước tạo ra kiếp sống làm người ấy đã hết. Đối với sự giải thích của VsM về chết phi thời và hợp thời, xem ghi chú cuối chương 241, trang 688 Cũng xem ‘Sanh Nghiệp’ trang 383.

ngài. Người vợ không muốn săn sóc cha mẹ mù, nên đã bịa ra nhiều chuyện hiểm độc để nói về họ cho ngài nghe, và phàn nàn việc họ đã gây rắc rối như thế nào. Cuối cùng, cô vợ yêu cầu ngài giết chết cha mẹ mù của mình đi, và ngài đã đồng ý.⁶¹⁴ Nói dối rằng mình sẽ đưa cha mẹ đến một ngôi làng khác, ngài dùng xe bò đưa họ đến một khu rừng. Tại đó ngài giả bộ làm một băng cướp, và đánh đập cha mẹ với ý định giết chết họ.

Tuy nhiên, khi ngài thả họ ra, cha mẹ ngài đã la lên rằng họ đang bị băng cướp tấn công, và rằng ngài (con trai của họ) không nên cứu họ mà hãy cố chạy thoát thân đi. Chính lòng yêu thương, bi mẫn không vị kỷ của họ đối với ngài này đã gọi lên mối thương tâm quá lớn nơi ngài đến độ ngài phải ngừng đánh. Sau đó ngài bị tâm hối day dứt không nguôi.

Với hành động này ngài đã hoàn thành bao nhiêu bất thiện nghiệp? Nếu ngài đánh đập cha mẹ chỉ năm phút thôi, hàng tỷ tỷ tiến trình tâm đã sanh, với hàng tỷ, tỷ tốc hành tâm, mỗi tốc hành tâm ấy đi kèm với tư (cetana) ác độc, và đáng khiển trách nhất: mong muốn giết chết cha mẹ mình, điều này có nghĩa rằng hàng tỷ, tỷ bất thiện nghiệp đã được hoàn thành. Và sau khi đánh xong, bất cứ khi nào ngài nhớ lại hành động ác của mình, và bị tràn ngập bởi sự hối hận và

⁶¹⁴ Giết cha giết mẹ là một trong những trọng nghiệp bất thiện: xem ‘Trọng Nghiệp Bất Thiện’ trang 343/Tập I.

buồn khổ, ngài lại hoàn thành hàng tỷ, tỷ bất thiện nghiệp nữa. Sự chín mùi của mỗi tư trong hàng tỷ tốc hành bất thiện ấy sẽ tạo ra những quả nặng nề nhất trong các kiếp sống tương lai.

Vì vậy, vào lúc chết, tư của một tốc hành bất thiện thứ bảy (*thuộc một trong hàng tỷ tiến trình tâm bất thiện ấy*) đã làm nhiệm vụ như sanh báo nghiệp để tạo ra tái sanh trong địa ngục. Tư của năm tốc hành bất thiện giữa trong hàng tỷ tiến trình tâm bất thiện ấy đã làm nhiệm vụ như hậu báo nghiệp để tạo ra tái sanh đi tái sanh lại nhiều lần trong địa ngục, và ngài phải trải qua những thống khổ khủng khiếp nhất trong địa ngục cả hàng triệu năm. Chưa hết, những nghiệp có tính đồng nhất còn tạo ra nhiều nghịch cảnh cho ngài trong những kiếp sống tiếp theo sau. Khi một thiện nghiệp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người, nghiệp cố tình giết cha mẹ của ngài đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp bất thiện đối nghịch trực tiếp, khiến cho ngài phải gặp những nghịch cảnh dẫn đến cái chết yếu. Đôi khi nghiệp bất thiện còn làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp, và ngài đã bị đánh đập đến chết: trong hơn hai trăm kiếp, ngài đã bị giết chết bằng cách bị nghiền nát sọ ra từng mảnh.

Tuy nhiên, từ thời Đức Phật Anumodassī cho đến thời Đức Phật của chúng ta (một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp), ngài đã tích tạo được các ba-la-mật để trở thành một bậc thượng thủ thanh văn thứ hai cho Đức Phật của chúng ta. Những Ba-la-mật ấy là những thiện nghiệp, và khi các Ba-la-

mật của ngài chín mùi, ngài trở thành một bậc Thánh A-la-hán và thượng thủ thanh văn thứ nhì của Đức Phật, tối thắng về thần thông.⁶¹⁵

Ngay cả như vậy, dù là một bậc A-la-hán tối thắng về thần thông, thọ mạng của ngài cũng bị cắt ngắn, và ngài đã nhập Niết Bàn Tối Hậu (Parinibbāna) cũng với đầu và xương bị nghiền nát thành từng mảnh nhỏ. Như thế nào?

Khi Giáo Pháp của Đức Phật mỗi ngày mỗi tăng trưởng, Đức Phật và những đệ tử của ngài nhận được sự kính trọng và mến mộ càng lúc càng nhiều hơn từ dân chúng. Kết quả là, những vị đạo sư khác và đệ tử của họ ngày càng nhận được ít đi. Họ nuôi dưỡng một sự hận thù đối với Tôn giả Mục-Kiền-Liên, bởi vì họ nghĩ chính năng lực thần thông siêu phàm của ngài là nguyên nhân gây ra tình trạng này. Vì thế họ mưu sát những băng cướp để đi đến giết ngài. Như vậy, lòng thù hận của họ là một trợ duyên cho nghiệp giết chết cha mẹ của ngài để tạo ra quả báo của nó.

Suốt bảy ngày, các băng cướp tìm đến chỗ ở của ngài để giết. Nhưng Tôn giả Mục-Kiền-Liên, bằng năng lực thần thông của mình, biết được ý định của chúng, và với năng lực thần thông này, ngài biến mất khỏi nơi trú ngụ: ngài thoát ra ngoài qua lỗ khoá. Tuy nhiên, vào ngày thứ bảy ngài không thể biến mất được nữa: nghiệp giết cha mẹ đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp để ngăn việc nhập thiên của ngài, và ngài

⁶¹⁵ thần thông: xem ghi chú 207 trang 162/ Tập I.

không thể vận dụng những năng lực thần thông của mình được nữa. Rồi một nghiệp có tính đồng nhất đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để bọn cướp đánh chết ngài, cho tới khi xương của ngài bị nghiền nát hoàn toàn. Và rồi chúng bỏ đi. Nhưng ngài không chết. Ngài có thể nhập thiền trở lại, và sử dụng thần thông của mình như trước. Lúc đó, dùng thần thông, ngài đi đến nơi Đức Phật ngự và thỉnh cầu Đức Phật cho phép được nhập Vô Dư Niết Bàn. Ngài quay trở về nơi trú ngụ và nhập Niết-Bàn ở đó.

Khi trở thành một bậc A-la-hán, tâm của Tôn giả Mục-Kiền-Liên đã được tịnh hoá nhờ đoạn trừ mọi phiền não, đó là những phiền não có gốc ở tham, sân và si.⁶¹⁶ Những phiền não này chịu trách nhiệm cho mọi bất thiện nghiệp mà ngài đã hoàn thành. Và do những bất thiện nghiệp này ngài đã trải qua không biết bao nhiêu đau khổ. Những vận hành của nghiệp là thế.

Những vận hành như vậy của nghiệp là lý do khiến Đức Phật phải nói trong kinh “Dây Trói Buộc Thứ Hai”:⁶¹⁷

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm cho ô nhiễm. Do tâm ô nhiễm, này

⁶¹⁶ Các phiền não: về mười phiền não, xem ghi chú 108 trang 91/Tập I.

⁶¹⁷ S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’, đã trích dẫn ở trang 58/Tập I.

các Tỷ-kheo, chúng sanh bị ô nhiễm. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

Chúng tôi sẽ đưa ra thêm nhiều ví dụ khác về cách thọ mạng của một người bị cắt ngắn do nghiệp quá khứ như thế nào, chẳng hạn như chuyện đao phủ Tambadāthika (*người đã được đề cập ở một phần trước*), chuyện Da-xoa Nanda, chuyện Tôn-giả Pūtigattatissa, ... sẽ được chúng tôi bàn đến ở sau.⁶¹⁸

Bây giờ, quý vị hãy lắng nghe lời giải thích thứ hai của Đức Phật cho thanh niên Subha.

LÀ NGƯỜI KHÔNG SÁT SANH

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.

Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ.

⁶¹⁸ Về chi tiết của trường hợp Tambadāthika, xem ‘Chuyện Đao Phủ Tambadāthika’, trang 370/Tập I, và về nghiệp sát sanh làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để cắt đứt mạng sống hiện tại của ông ta, xem ‘Gái Điểm Báo Thù’, trang 616 sau.

Đây là con đường đưa đến trường thọ, này Thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Trong trường hợp này, tránh xa sự sát sanh là một thiện nghiệp có thể trực tiếp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh cõi trời hay một kiếp sống làm người trường thọ.

Thiện nghiệp đề cập ở đây là thiện nghiệp thế gian hay thiện nghiệp hiệp thế, đó là việc thực hành ba phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*), mà chúng ta đã bàn đến ở một phần trước.⁶¹⁹

1. Bố thí (*dāna*).

2. Trì giới (*sīla*): đối với người tại gia là ngũ giới, bát giới hoặc thập giới. Giới đầu tiên luôn luôn là ***‘tránh xa sự sát sanh*** (*pāṇātipātā veramaṇī*). Đối với các vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni, giới là giới luật (*Vinaya*), bao gồm một giới không giết người, và một giới không giết bất kỳ chúng sanh nào khác.

3. Tu thiền (*bhāvanā*): đó là tu tập thiền chỉ cho đến cận định hoặc một bậc thiền (*jhāna*), và tu tập thiền minh sát để biết và thấy tính chất vô thường, khổ và vô ngã của danh chân đế (*paramattha-nāma*) và sắc chân đế (*paramattha-rūpa*) thuộc quá khứ, tương lai và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, cao thượng và hạ liệt, xa và gần.

⁶¹⁹ Chi tiết, xem “Phước nghiệp Sự” trang 128/Tập I.

Việc thực hành thiện nghiệp hiệp thể cao hơn nữa là thực hành minh và hạnh. Chúng ta đã bàn đến việc thực hành này ở trước:⁶²⁰

1. Hạnh (*carana*) có mười lăm pháp: đầy đủ giới hạnh, chế ngự các căn, tiết độ trong ăn uống, tinh giác luôn khi, đức tin (bao gồm luôn việc thực hành thường xuyên pháp bố thí), niệm, tâm, quý, đa văn, tinh tấn, trí tuệ, và bốn thiên sắc giới.
2. Minh (*viijā*) là minh sát trí (*vipassanā-ñāṇa*), cho đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa*).

Như chúng ta đã bàn ở trước, nếu minh sát trí còn tạo ra tái sanh thì được kể trong nhóm hạnh, và minh sát trí không còn tạo ra tái sanh được kể trong nhóm minh.

Những thiện nghiệp như vậy có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra một kiếp sống chư thiên. Nếu tư quyết định của hành động tránh sát sanh tạo ra một kiếp sống con người, nó sẽ là một kiếp người trường thọ và không lo lắng. Những tư tiền và tư hậu (*tư trước và sau sự tránh sát sanh*) cũng có thể làm nhiệm vụ như trì nghiệp để hỗ trợ (*sanh nghiệp*) theo cách tương tự.⁶²¹

⁶²⁰ Về chi tiết, xem ‘Minh và Hạnh’, trang 277/Tập I

⁶²¹ MA giải thích rằng với tư quyết định (*sannitṭhāna cetanāya*) của không sát sanh <hành động tránh sát sanh thực sự: xem những ví dụ ở ghi chú 165/166, trang 138/Tập I.> người ta được tái sanh trong thiên giới (*deva-loke nibbattati*)<ở đây nghiệp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp>. Nhưng với các tư đi trước và sau (*tư tiền và tư hậu-pubb-āpara-cetanāhi*), thọ mạng sẽ trở nên dài hơn theo hai cách: 1) những tư đi trước và sau hành động không sát sanh thực sự có thể làm nhiệm vụ như trì nghiệp (*upatthambhaka-kammaṃ*), củng cố cho thiện nghiệp đã tạo ra kiếp sống làm người, dẫn đến một cuộc sống trường thọ. 2) không sát sanh đi trước/đi sau thiện nghiệp khác tạo ra tái sanh làm người,

Nguyên tắc này cũng có giá trị đối với tất cả những trường hợp ở đây Đức Phật giải thích thiện nghiệp chín mùi trong đời sống bình nhật (*pavatti*) của kiếp đó.

CÁC VỊ TỶ KHEO TRƯỜNG THỌ

Những ví dụ điển hình về bản chất hoà nhã và nhân từ dẫn đến một đời sống trường thọ là một số vị Tỷ kheo sống lâu thời Đức Phật. Chúng ta biết Tôn giả Mahākassapa và Ānanda nhập Vô Du Niết Bàn (*Parinibbāna*) ở tuổi một trăm hai mươi, Tôn giả Anuruddha ở tuổi một trăm năm mươi, và Tôn giả Bākula ở tuổi một trăm sáu mươi.⁶²²

TÔN GIẢ PAÑCASĪLA SAMĀDĀNIYA GIỚI ĐỨC

Ví dụ khác là Tôn giả Pañcasīla Samādāniya:⁶²³ câu chuyện của ngài đã được đề cập ngắn gọn ở một phần trước.⁶²⁴ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ngài đắc A-la-hán Thánh Quả cùng với Tứ Tuệ Phân Tích

thiện nghiệp đó sẽ được cao thượng hơn (*uḷāraṃ hoti*), mà điều này có nghĩa là nó có thể tạo ra một kết sanh thức trường thọ (*diḅh-āyuka-paṭisandhiṃ*). Cũng xem ‘Sanh Nghiệp’ <trang 383>, <Đoạn Nghiệp’ <trang 401>, và ‘Hạ Liệt/Cao Thượng’ <trang 118/Tập I>.

⁶²² DA.ii.1 (§5-7) ‘Mah-āpadāna-Suttaṃ’ (‘Đại Bồn Kinh’) cũng giải thích rằng Visākā, nữ đại hộ pháp của Đức Phật, qua đời ở tuổi một trăm hai mươi.

⁶²³ Ap.I.iii.4 ‘Pañcasīla Samādāniya-Tthera-Apadānam’ (‘Chuyện Trưởng Lão Pañcasīla Samādāniya’).

⁶²⁴ Xem ‘Tôn giả Pañcasīla Samādāniya’, trang 495.

(*paṭisambhidā*).⁶²⁵ Để có thể đắc được những pháp này, ngài đã phải thực hành minh và hạnh (*vijjā-carana*) cao thượng trong Giáo Pháp của các vị Phật trước: như chúng tôi vừa nói, việc thực hành ấy bao gồm hành thiền minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa*).

Chẳng hạn, trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Anomaddassi,⁶²⁶ Pañcasīla Samādāniya là một người đàn ông nghèo khổ. Tuy nghèo như vậy, ngài luôn thanh tịnh giới hạnh của mình bằng cách thọ trì ngũ giới trong khoảng một trăm ngàn năm, không phạm một giới nào cả. Dựa trên giới đó, ngài phát triển được định lực mạnh mẽ, cũng như minh sát lên đến Hành Xả Trí. Điều này làm cho giới của ngài trong sạch và vô lỗi.

Vậy thì, định và tuệ (minh sát) làm cho giới thanh tịnh như thế nào? Các phiền não (*kilesa*) là thân y duyên (*upanissaya*)⁶²⁷ cho thân hành (*kāya-du-ccarita*) và khẩu hành (*vacī-du-ccarita*). Nhưng chúng bị đè nén bởi định mạnh mẽ và đầy năng lực của bậc thiền. Và khi có được định như vậy, người ta cũng có thể có được minh sát trí (*vipassanā-ñāṇa*). Minh sát trí biết và thấy các hành trong tự thân và thế gian bên ngoài, là vô thường, khổ, và vô ngã. Trí minh sát này đè

⁶²⁵ tứ tuệ phân tích hay bốn vô ngại giải: 1) nghĩa vô ngại giải (*attha-pāṭisambhidā*), 2) Pháp vô ngại giải (*Dhamma-pāṭisambhidā*), 3) từ vô ngại giải (*nirutti-pāṭisambhidā*, và 4) trí (*pāṭisambhidā-pāṭisambhidā*: biện tài vô ngại) vô ngại giải, trí hiểu biết về ba trí trước. (VsM. Xiv.428 ‘Paññā-Pabhedakathā’ (‘Luận Về Sự Phân Loại Tuệ’) PP.xiv.21-26).

⁶²⁶ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Đời Chư Phật’, cuối Tập II.

⁶²⁷ Thân y duyên: trợ giúp bằng cách thường nương nhờ, như người thiện tín thường bố thí, trì giới thành thói quen, hoặc người ác thường sát sanh, trộm cắp tà dâm thành cố tật... (VDPNM. Tỳ kheo Giác Chánh, trang 301)

nén các phiền não và làm cho tâm của một người trong sạch, không cấu uế. Với một nội tâm trong sạch và không cấu uế như vậy, nếu người này thực hành bố thí, trì giới..., những hành động ấy cũng trở nên thanh tịnh và vô nhiễm, điều này có nghĩa rằng chúng là mạnh nhất.

Loại thanh tịnh giới mạnh nhất này là những gì Pañcasīla Samādāniya đã làm trong khoảng một trăm ngàn năm. Vào lúc chết, ngài nhớ lại giới đức không lầm lỗi của mình, và tâm ngài tràn ngập một niềm hoan hỷ và hạnh phúc. ‘Nghịệp giữ giới’ đó đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong một thế giới chư thiên. Và những nghịệp đồng nhất đã làm nhiệm vụ như những sanh nghiệp tương tự, nhờ vậy mà ngài đi hết cõi chư thiên này đến cõi chư thiên khác, và chỉ lên xuống giữa hai cõi chư thiên và nhân loại.

Trong mỗi kiếp sống ở các cõi ấy ngài thành tựu ba pháp:

1. Trường thọ (*dīgh-āyu*)
2. Tài sản ngũ dục lớn (*mahā-bhoga*)
3. Trí tuệ nhạy bén (*tikkha-paññā*)

Con người luôn luôn mong mỗi những pháp này. Nhưng làm thế nào để thành tựu được chúng?

1. Bằng cách tu tập giới (*sīla*): ngũ giới, bát giới hay thập giới.
2. Bằng cách tu tập định (*samādhi*): bốn thiền sắc giới, và bốn thiền vô sắc.
3. Bằng cách tu tập tuệ (*paññā*): minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*).

Vận hành của nghiệp là như thế, và nó là lý do vì sao Đức Phật nói trong Kinh Dây Trói Buộc:⁶²⁸

‘Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: “Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô.”

Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị ô nhiễm. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh’.

Vì thế, quý vị nên lấy đây làm nguồn cảm hứng để ra sức tinh tấn thực hành tam học (giới, định và tuệ) trong Giáo Pháp của Đức Phật này.

ĀYU-VADDHANA KUMĀRA TRƯỜNG THỌ

Một ví dụ khác về người sống trường thọ là Āyuvaddhana Kumāra. Đức Phật nói điều này trong Kinh Pháp Cú (*Dhamma-Pada*):⁶²⁹

Thường tôn trọng, kính lễ

Bậc kỳ lão trường thượng,

Bốn pháp được tăng trưởng :

Thọ (*āyu*), sắc (*vaṇṇo*), lạc (*sukha*), sức mạnh (*bala*).

Nếu một người có tâm từ ái và bi mẫn đối với tất cả chúng sanh, và luôn luôn tôn trọng, kính lễ các bậc lớn tuổi, cao quý hơn mình, cuộc sống của họ sẽ được cải thiện trên bốn phương diện:

⁶²⁸ S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’), đã trích dẫn ở trang 58/Tập I.

⁶²⁹ DhP.viii.9 ‘Sahassa-Vagga’ (‘Phẩm Ngàn’) Kinh Pháp Cú.

1. Tuổi thọ (āyu): thọ mạng của họ gia tăng.
2. Sắc đẹp (vaṇṇo): sắc diện của họ trở nên sáng sủa.
3. Hạnh phúc (sukha): sức khoẻ và sự sung túc của họ cải thiện.
4. Sức mạnh (bala): thể chất và thể lực của họ tăng trưởng.

Chú giải Pháp Cú giải thích thọ mạng với một ví dụ.⁶³⁰ Giả sử một người đã hoàn thành một thiện nghiệp tạo ra tái sinh làm người với tuổi thọ năm mươi năm. Và trong kiếp sống làm người ấy anh ta luôn luôn kính lễ, tôn trọng những bậc huynh trưởng (người lớn tuổi hơn) và nhân cách cao quý hơn, đó là cao hơn về giới, định và tuệ. Cung kính theo cách này, anh đã hoàn thành hàng tỷ thiện nghiệp. Rồi nếu, khi anh ta hai mươi lăm tuổi, một chương nghiệp hay đoạn nghiệp bất thiện chín mùi, đe dọa thọ mạng của anh ta, thì những thiện nghiệp ‘cung kính’ ấy sẽ cắt đứt bất thiện nghiệp, và nhờ vậy anh ta sống cho đến hết tuổi thọ của mình. Một ví dụ điển hình trong trường hợp này là Āyuvaddhana Kumāra.

Xưa, có hai vị đạo sĩ tu chung với nhau nhiều năm. Sau đó một người hoàn tục và lấy vợ. Khi vợ anh ta sanh đứa con trai đầu lòng, anh cùng với gia đình đi đến thăm và đánh lễ vị đạo sĩ kia. Vị đạo sĩ chỉ nói, ‘*Cầu mong cho quý vị được sống lâu*’, với hai vợ chồng, mà không nói gì với đứa bé. Cha mẹ đứa bé lấy làm lạ, mới hỏi lý do tại sao ông không nói gì, và vị đạo sĩ nói với họ rằng đứa bé chỉ còn sống có

⁶³⁰ DhPA.viii.8 ‘Āyu Vaḍḍhana Kumāra-Vatthu’, (‘Câu Chuyện Cậu Bé Āyu Vaḍḍhana’)

bảy ngày nữa mà thôi. Và ông cũng nói thêm rằng ông không biết cách làm thế nào để ngăn cái chết của đứa bé, nhưng Đức Phật là người có thể biết.

Vì thế, hai vợ chồng vội đem đứa bé tới Đức Phật. Khi họ đánh lễ Đức Phật, ngài cũng nói, Cầu mong cho thí chủ được sống lâu với hai vợ chồng, mà không nói gì với đứa bé: và ngài cũng tiên đoán cái chết sắp tới của đứa bé. Và để ngăn cái chết khỏi xảy ra, ngài nói với hai vợ chồng cho dựng một cái rạp lớn ngay lối vào nhà họ. Ngài bảo họ đem đặt đứa bé trên một cái giường đặt giữa rạp, để nghe chư Tăng tụng kinh Paritta (Kinh Bảo Hộ). Rồi, trong bảy ngày, Đức Phật cử tám hoặc mười sáu vị Tỳ-kheo đến đó tụng kinh bảo hộ. Đến ngày thứ bảy, Đức Phật thân hành đến và đi cùng với ngài còn có các vị chư thiên trên toàn cõi thế gian: họ đến để nghe Đức Phật dạy Pháp. Lúc bấy giờ, một ác Dạ Xoa tên Avaruddhaka, đứng ở lối vào căn nhà, chờ có dịp để bắt đứa bé đi. Nhưng vì các vị chư thiên có oai lực hơn đã đến, nên Avaruddhaka phải lùi dần cho đến cuối cùng ông cách xa đứa bé cả hai mươi lý (1 lý = 3 hay 4 dặm). Và suốt đêm đó kinh paritta được tụng liên tục để bảo vệ đứa bé. Qua ngày hôm sau, đứa bé được bế xuống khỏi giường, và cho đánh lễ Đức Phật. Lần này Đức Phật nói, **cầu mong cho thí chủ sống lâu**, với đứa bé ấy. Và khi người ta hỏi đứa bé sẽ sống được bao lâu, Đức Phật nói nó sẽ sống đến một trăm hai mươi tuổi. Vì thế đứa bé được đặt tên Āyuvaddhana Kumāra (āyu = tuổi thọ; vaddhana = tăng trưởng; Kumāra = cậu bé)

Nếu phân tích kỹ trường hợp này, chúng ta hiểu rằng một thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để cho Āyuvaddhana được tái sanh làm người. Chúng ta cũng hiểu

rằng một đoạn nghiệp bất thiện mạnh hơn sắp cắt đứt quả của thiện nghiệp tái sanh ấy, vì thế chỉ sau một tuần làm người nữa đứa bé sẽ chết. Nhưng nhờ nghe chư tăng, và sau đó có cả Đức Phật, tụng kinh bảo hộ, nên thiện nghiệp thường kính lễ và tôn trọng các bậc tôn trưởng và giới đức trong quá khứ đã củng cố cho ‘nghiệp tái sanh làm người’ của cậu ta. Nghiệp được củng cố ấy mạnh đến nỗi thọ mạng của nó tăng trưởng từ một tuần theo mong đợi lên đến một trăm hai mươi tuổi. Vận hành của nghiệp là như thế.

Đó là lý do tại sao Đức Phật nói với thanh niên Subha, con trai của Todeyya:⁶³¹

Nghiệp phân biệt các chúng sanh, đó là, có người hạ liệt và người ưu thắng.

Bây giờ, quý vị hãy nghe lời giải thích thứ ba của Đức Phật cho thanh niên Subha.

NGƯỜI HAY NÃO HẠI

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn.

⁶³¹ Đã trích dẫn trang 565.

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến nhiều bệnh hoạn, tức là tánh hay nã hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đá, hay với cây gậy, hay với cây đao.

NANDA TINH QUÁI

Ví dụ điển hình của việc đi xuống địa ngục do đánh người với tay là trường hợp của da-xoa (*yakkha*) Nanda.⁶³² Một lần, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới ánh trăng, và chiếc đầu mới cạo của ngài chói sáng dưới ánh trăng. Khi ngài vừa nhập thiền, thì Nanda, một dạ-xoa, do tinh quái và tức bực đã đánh vào đầu ngài. Lực của cú đánh ấy mạnh đến nỗi nếu dạ-xoa này đánh vào một ngọn núi, ngọn núi ấy sẽ tách đôi. Nhưng do Tôn giả Xá-lợi-phất đã được thiền chứng bảo vệ, ngài chỉ cảm thấy một sự xúc chạm nhẹ trên đầu. Tuy nhiên, bất thiện nghiệp ấy đã làm nhiệm vụ như hiện báo nghiệp (*NGHIỆP CHO QUẢ NGAY TRONG KIẾP HIỆN TẠI*). Dạ xoa ấy la lên, ‘Tôi đang bị thiêu cháy! Tôi đang bị thiêu cháy! Và biến mất khỏi mặt đất, ngay lập tức y xuất hiện ở đại địa ngục.

Ở đây, chúng ta cần phải hiểu rằng điều này không xảy ra do bất kỳ năng lực nào của Tôn giả Xá-lợi-phất:[243] nó chỉ xảy ra do sức mạnh của bất thiện nghiệp mà Nanda đã làm. Vận hành của nghiệp là thế. Đó là lý do tại sao Đức Phật nói trong Kinh Dây Trói Buộc thứ hai:

⁶³² U.iv.4 ‘Yakkha Pahāna-Suttam’ (‘Kinh Cú Đánh của Dạ Xoa’)

‘Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: “Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô.”

Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị ô nhiễm. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh’.

Nanda đã không kiểm soát được tâm của mình, không thể kiềm chế được hành động cố ý làm hại Tôn giả Xá-lợi-phất. Kết quả là y bị tái sanh trong địa ngục. Nếu quý vị muốn tránh tái sanh địa ngục, quý vị phải cố gắng kiểm soát tâm của mình, nhờ vậy quý vị có thể tránh được những bất thiện nghiệp.

NGƯỜI BẦY CHIM ĐỘC ÁC

Ví dụ điển hình khác về việc làm hại chúng sanh là trường hợp của Tôn giả Pūtigattatissa.⁶³³ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa,⁶³⁴ khi mà thọ mạng của con người lên đến nhiều ngàn năm, ngài là một người bầy chim (người đánh chim) tên gọi là Sākuṇika. Bất cứ khi nào ngài bắt được nhiều chim, ngài sẽ không giết chúng. Thay vào đó, ngài bẻ cánh và chân của những con chim ấy để chúng không trốn thoát được. Trải qua nhiều ngàn năm ngài đã làm điều này. Và cũng trong kiếp đó, có lần ngài đã đặt vào bát của một vị A-la-hán những vật thực quý giá, sau đó đánh lễ

⁶³³ DhPA.iii.7 ‘Pūti-Gatta-Tissa-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Pūtigattatissa’).

⁶³⁴ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

(ngũ thể đầu địa)⁶³⁵ dưới chân vị ấy và phát nguyện chứng đắc A-la-hán Thánh Quả.

Vào lúc chết, nghiệp bất thiện hành hạ và giết chim trong nhiều ngàn năm ấy đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong địa ngục, ở đó ngài phải chịu nhiều sự hành hạ qua hàng triệu năm. Tuy nhiên, trong thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, nghiệp để bát của ngài chín mùi như sanh nghiệp để tạo ra quả tái sanh làm người trở lại. Do lời nguyện chứng đắc A-la-hán của ngài trong quá khứ, ngài được xuất gia làm Tỳ kheo. Nhưng bất thiện nghiệp nào hại và giết quá nhiều chúng sanh ấy đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp để làm yếu đi thiện nghiệp để bát của ngài, vì thế nghiệp này không thể duy trì được sức khoẻ và kiếp sống Tỳ kheo của ngài nữa.

Một hôm, ngài đổ bệnh. Những ung nhọt nổi khắp cùng thân ngài. Những ung nhọt ấy mỗi ngày mỗi lớn hơn, và tiết ra chất mũ hôi hám ướt đầm cả thân ngài. Từ đó ngài được gọi là trưởng lão ‘Tissa Thối-Thân’ (Pūti-Gatta-Tissa-Thera). Rồi, sau một thời gian, xương của ngài bắt đầu phân huỷ. Và những vị Tỳ kheo bạn của ngài không thể chăm sóc cho ngài được nữa, bèn bỏ rơi ngài.

Khi Đức Phật khám phá ra sự việc, và với chính tay của mình ngài đã lau sạch sẽ cho Tôn giả Pūtigatta với nước ấm, rồi thay những tấm y dơ cho ngài. Việc làm này đã tạo ra một cảm giác dễ chịu nơi Tôn giả Pūtigatta, và tâm ngài càng lúc càng trở nên an tịnh hơn. Đức Phật lúc đó mới

⁶³⁵ Ngũ thể đầu địa hay năm điểm chạm đất: một hình thức tôn kính theo truyền thống cổ Ấn Độ, với hai tay, hai đầu gối, và trán chạm đất.

thuyết cho ngài một bài Pháp ngắn, và trong khi lắng nghe Pháp, Tôn giả Pūtīgatta có thể quán tính chất vô thường, khổ và vô ngã trong các hành. Cuối thời Pháp, ngài trở thành một bậc Thánh A-la-hán. Tâm ngài thoát khỏi tham, sân, và si. Vận hành của nghiệp là thế. Đó là lý do tại sao Đức Phật nói trong Kinh Dây Trói Buộc thứ hai:

‘Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô."

Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị ô nhiễm. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh’.

Bây giờ, chúng ta sẽ nghe câu trả lời thứ tư của Đức Phật cho thanh niên Subha:

NGƯỜI KHÔNG HAY NÃO HẠI

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đá, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, nếu người ấy sanh trở lại làm Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy không đa bệnh.

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến ít bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh không hay não hại các

loài hữu tình với tay, hay với cục đá, hay với cây gậy, hay với cây đao.

Thiện nghiệp không làm hại và giết chết các chúng sanh có thể trực tiếp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh hoặc một kiếp sống lâu dài trên thiên giới, hoặc một kiếp sống làm người trường thọ không có nhiều bệnh hoạn. Nếu một người còn hoàn thành các thiện nghiệp khác, như ba phước nghiệp sự (*bố thí, trì giới, tu thiền*) hạnh của họ được tịnh hoá thêm nữa. Và nếu thiện của một người còn bao gồm bốn phạm trú (*từ, bi, hỷ và xả*), hạnh của họ thậm chí được làm cho thanh tịnh nhiều hơn nữa. Bốn phạm trú (*cattāro brahma-vihāra*) là:[244]

1. Từ (*mettā*): ước mong rằng mọi chúng sanh đều được an vui.
2. Bi (*karunā*): ước mong rằng mọi chúng sanh không phải khổ.
3. Hỷ (*muditā*): hoan hỷ với hạnh phúc và thành công của người khác.
4. Xả (*upekkhā*): nhìn mọi chúng sanh với thái độ vô tư.

Khi một người hành bốn phạm trú này cho đến cận định hoặc bậc thiền, những nghiệp ấy có thể làm nhiệm vụ như những sanh nghiệp hay trì nghiệp mạnh mẽ nhất để tạo ra tái sanh: hoặc một đời sống lâu dài trên thiên giới, hoặc một kiếp sống làm người trường thọ và khoẻ mạnh. Lý do là vì khi một người tu tập và hoàn thành những nghiệp như vậy, tâm của họ có khuynh hướng thấy các chúng sanh thoát khỏi hiểm nguy; thoát khỏi khổ thân và khổ tâm; được an vui

và hạnh phúc; và có khuynh hướng thấy các chúng sanh được trường thọ... Những nghiệp với thiện ý như vậy (khi chúng chín mùi) có thể tạo ra sức khoẻ và sống lâu trong một kiếp sống làm người. Do đó, nếu quý vị muốn được khoẻ mạnh và sống lâu, hãy thanh tịnh giới của mình, đừng làm hại hay giết hại các chúng sanh, đồng thời cố gắng tu tập bốn phạm trú. Vì như Đức Phật nói:⁶³⁶

Này các Tỳ kheo, ước nguyện trong tâm của một người đức hạnh được thành tựu nhờ sự trong sạch của giới.

TÔN GIẢ BĀKULA VÔ BỆNH

Một ví dụ điển hình về giới thanh tịnh cùng với bốn phạm trú như vừa nêu là trường hợp của Tôn giả Bākula.⁶³⁷ Một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trước, ngài là một Bà-la-môn đa văn. Với ước nguyện muốn thăng hoa hạnh phúc của mình trong những kiếp sống tương lai, ngài chọn sống đời đạo sĩ ở trong rừng. Tại đó, ngài đạt được sự thiện xảo trong tám thiền chứng và năm thần thông hiệp thể.⁶³⁸ Và

⁶³⁶ A.VIII.I.iv.5 ‘Dān-Ūpapatti-Suttaṃ’ (‘Kinh Kinh Thọ Sanh Do Bố Thí’ Đức Phật giải thích ước nguyện tái sanh được thành tựu đối với những người có giới đức làm việc bố thí hay cúng dường. Xem thêm ghi chú cuối chương 59, trang 74/Tập I.

⁶³⁷ M.III.iii.4 ‘Bākula Suttaṃ’ (‘Kinh Bākula’)

⁶³⁸ Tám thiền chứng: bốn thiền sắc giới và bốn thiền vô sắc; năm thần thông: xem ghi chú 207 trang 162/Tập I.

rồi ngài sử dụng ‘thời giờ quý giá’ [245] của mình để hiện tại lạc trú (*hưởng hạnh phúc, an lạc của thiên*).

Lúc bấy giờ, Đức Phật Anomadassī đã xuất hiện trên thế gian.⁶³⁹ Một hôm Bākula có dịp được nghe Đức Phật thuyết pháp, và xin quy y Tam Bảo.

Lần nọ, Đức Phật bị bệnh đau bụng, Bākula đã cúng dường thuốc và trị được bệnh cho ngài. Cúng dường của Bākula đã hoàn thành bốn pháp:

1. Người cúng dường, Bākula, là người giới đức. Hơn nữa, giới của ngài còn được củng cố bằng tám thiền chứng và năm thần thông hiệp thế, vì chúng đè nén những triền cái cho ngài trong một thời gian lâu dài. Và ngài cũng đã quy y Tam Bảo.
2. Người thọ nhận, Đức Phật, được xem là bậc giới đức nhất trong toàn cõi thế gian.
3. Vật cúng dường, thuốc trị bệnh, có được một cách chân chánh, tức là lấy được từ trong rừng.
4. Người cúng dường có một nội tâm hoan hỷ, không ô nhiễm trước lúc cúng dường, trong lúc cúng dường và sau khi cúng dường. Nghĩa là vào lúc đó, tâm ngài thoát khỏi những phiền não. Ngài không tìm kiếm điều gì từ nơi Đức

⁶³⁹ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

Phật, ngoại trừ các Ba-la-mật.⁶⁴⁰ Ngài biết quả của nghiệp này sẽ rất lớn, bởi vì ngài có thiên nhãn thông, biết được những vận hành của nghiệp.

Trong kinh ‘Phân Biệt Cúng Dường’, Đức Phật giải thích rằng nếu một nghiệp được hoàn thành với bốn pháp như vậy sẽ có quả rất lớn, và chắc chắn sẽ tạo ra quả tròn đủ của nó.⁶⁴¹

[1] *Khi một người giới đức cúng dường một vật,*

[2] *kiếm được một cách chân chánh, hay kiếm được*

đúng pháp,

[3] *đến một người giới đức*

[4] *với tấm lòng chân thật, đặt niềm tin nơi quả của nghiệp là rất lớn, vật thí đó sẽ cho quả tròn đủ, Như Lai tuyên bố như vậy.*

Cúng dường của Bākula đã hoàn thành bốn điều kiện này, và điều đó có nghĩa là nó sẽ cho quả tròn đủ.

Sau đó, khi Đức Phật bình phục và khoẻ mạnh trở lại, Bākula đã đi đến gặp Đức Phật và phát nguyện rằng:

Bạch Đức Thế Tôn, nhờ thuốc của con mà Như Lai đã bình phục. Do thiện nghiệp này, cầu mong cho bất kỳ kiếp sống nào con sinh ra, sẽ không có một chứng bệnh nào xuất hiện trên thân con dù chỉ trong vài giây.

⁶⁴⁰ Ba-la-mật: xem ghi chú 123 trang 110/Tập I

⁶⁴¹ M.III.iv.12 ‘Dakkhiṇā-Vibhaṅga Suttaṃ’ (‘Kinh Phân Biệt Cúng Dường’)

Do nghiệp mạnh mẽ và trong sạch của ngài, cùng với lời nguyện này, trong bất kỳ kiếp sống nào sanh ra ngài không bao giờ phải nếm mùi bệnh hoạn, dù chỉ trong vài giây. Vận hành của nghiệp là thế.

Đó là lý do tại sao Đức Phật nói trong ‘Dān-Ūpapatti-Suttam’ (‘Kinh Thọ Sanh Do Bồ Thí’).⁶⁴²

Này các Tỳ kheo, ước nguyện trong tâm của một người đức hạnh được thành tựu nhờ sự trong sạch của giới.

Nếu quý vị muốn hoàn thành những nghiệp cao thượng khi làm việc bố thí hay cúng dường quý vị nên noi theo tấm gương của ngài Bākula.

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Anomadassī, Bākula đã hoàn thành rất nhiều ba-la-mật, kể cả ba-la-mật thiện, trong khoảng một trăm ngàn năm. Ngài đã duy trì được thiện cho đến lúc chết, vì thế nó trở thành một trọng nghiệp thiện, và ngài được tái sanh trong cõi Phạm Thiên.⁶⁴³ Ngài cứ luân phiên lúc tái sanh thiên giới, lúc tái sanh cõi nhân loại như vậy trong khoảng một A-tăng-kỳ kiếp, và không bao giờ bị một chứng bệnh nào cả.

Đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁶⁴⁴ Bākula là một gia chủ trong kinh thành Hamsāvātī. Khi nghe Đức Phật tuyên bố một vị Tỳ-kheo nọ là đệ nhất về sức khoẻ

⁶⁴² A.VIII.I.iv.5 ‘Dān-Ūpapatti-Suttam’ (‘Kinh Thọ Sanh Do Bồ Thí’ Đức Phật giải thích ước nguyện tái sanh được thành tựu đối với những người có giới đức làm việc bố thí hay cúng dường. Xem thêm ghi chú cuối chương 59, trang 80/Tập I.

⁶⁴³ trọng nghiệp thiện: về chi tiết, xem ‘Trọng Nghiệp Thiện’ trang 359/Tập I

⁶⁴⁴ Xem ‘Phụ Lục 2: Đồng Đối Chư Phật’ cuối Tập II.

(vô bệnh đệ nhất), ngài đã phát nguyện được trở thành một vị tỷ kheo đệ nhất như vậy trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật tương lai. Cho đến lúc đó ngài đã hoàn thành được nhiều thiện nghiệp, như cúng dường tứ vật dụng đến Đức Phật và Chúng Tăng. Đức Phật Padumuttara thấy rằng Bākula sẽ hoàn thành được những ba-la-mật cần thiết để thành tựu lời nguyện này, và thọ ký rằng điều này sẽ xảy ra trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Gotama. Suốt kiếp sống trường thọ một trăm ngàn năm ấy, Bākula đã hoàn thành nhiều thiện nghiệp như bố thí, trì giới và tu tập thiền chỉ cũng như minh sát cho đến Hành Xả Trí (*Sankhār-Upekkhā-Nāṇa*).⁶⁴⁵

Trước thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi), ngài tái sanh ở xứ Bandhumatī, ở đây ngài cũng xuất gia đạo sĩ. Khi đức bồ-tát thành Phật, Bākula trong kiếp đó cũng gặp Đức Phật, và quy y Tam Bảo. Tuy nhiên, dù có đức tin nơi Đức Phật, ngài vẫn không thể từ bỏ đời sống đạo sĩ của mình. Mặc dù vậy, ngài cũng lắng nghe những bài Pháp của Đức Phật, và trong khoảng một trăm ngàn năm, ngài đã hành thiền chỉ và thiền minh sát theo những chỉ dẫn của Đức Phật tại nơi trú ngụ của ngài trong rừng. Thêm nữa, với năng lực thần thông, ngài còn đi hái thảo dược ở trong rừng, làm thành thuốc, và dâng cúng cho các vị tỷ kheo bệnh. Khi làm điều này, tư (cetanā) của ngài chỉ là để chữa bệnh cho các Tỷ kheo mà thôi: có lần, ngài đã chữa lành bệnh cho nhiều vị Tỷ kheo do hít phải mùi của những bông hoa độc. Trong kiếp đó, một lần nữa ngài đã duy trì được thiền cho đến lúc chết,

⁶⁴⁵ Hành Xả Trí (*Sankhār-Upekkhā-Nāṇa*): xem trang 222/ Tập I

điều này có nghĩa rằng ngài lại được tái sinh trong cõi Phạm Thiên. Và trong khoảng chín mươi một kiếp, ngài luân lưu hết cõi chư thiên này đến cõi chư thiên khác, với đôi lúc làm người.

Đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa,⁶⁴⁶ ngài sinh làm người, và đã hoàn thành được nhiều thiện nghiệp nhờ tu sửa các tu viện cũ kỹ, hư hỏng, và giúp các vị Tỷ kheo bệnh được khoẻ mạnh. Do thiện nghiệp này, và cũng do thiện nghiệp tiền kiếp đã chữa lành bệnh cho Đức Phật Anomadassī, Bākula đã hưởng được sự trường thọ và sức khoẻ hoàn hảo trong mọi kiếp sống.

Trước khi Đức Phật Gotama của chúng ta xuất hiện, ngài tái sinh ở xứ Kosambī, trong gia đình của một viên hội đồng tỉnh. Một hôm, trong khi người vú đang tắm cho ngài ở bên sông Yamunā, thì bị tuột tay đánh rơi ngài xuống nước, và một con cá lớn đã nuốt lấy ngài: nhưng ngài không chết. Mạng sống của ngài được giữ gìn bằng năng lực của sự thanh tịnh trong kiếp cuối; đó là sự thể hiện của trí biến mãn thần biến (*nāṇa-vipphāra iddhi*).⁶⁴⁷ Năng lực thần thông này xuất hiện là do ba-la-mật của ngài quá nhiều đến nỗi ngài không thể chết mà không đắc A-la-hán Thánh Đạo Trí: điều này là chắc chắn đối với cái chết cuối cùng của ngài.⁶⁴⁸

Con cá sau khi nuốt Bākula đã bị một người đánh cá bắt được, và bán cho vợ của một viên hội đồng tỉnh khác ở

⁶⁴⁶ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’ cuối Tập II.

⁶⁴⁷ Cũng còn gọi là ‘Đạt được nhờ sự Can Thiệp của Trí’. Đây là một trong mười pháp thần thông (*iddhi*).

⁶⁴⁸ VsM.xii.373 ‘Iddhividha-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Các Thần Thông’) PP.xii.27

Bārāṇasī. Khi con cá được mổ ra, người ta phát hiện đứa bé không bị tổn thương gì, và vợ của viên hội đồng đã nhận nuôi đứa bé như con trai của mình. Câu chuyện sau đó lan truyền đến xứ Kosambī, cha mẹ của Bākula đã đi đến Bārāṇasī để đòi lại con của mình. Nhưng người mẹ nuôi từ chối. Trường hợp của họ đã được đưa lên đức vua, và nhà vua ban lệnh cả hai gia đình cùng chia phần nuôi dưỡng Bākula: đó là lý do vì sao tên của ngài được gọi là Bākula (bā = hai; kula = gia đình). Sau khi sống một đời sống vinh hoa, ở tuổi tám mươi, một lần Bākula đi nghe Pháp của Đức Phật chúng ta, và có được niềm tin nơi Tam Bảo, lần này ngài xuất gia làm Tỳ-kheo. Chỉ trong vòng tám ngày sau thọ giới ngài trở thành một bậc Thánh A-la-hán với tứ tuệ phân tích.⁶⁴⁹

Bākula được Đức Phật tuyên bố là vị đệ tử có sức khoẻ tốt đệ nhất. Ngài cũng là một trong bốn vị Tỳ-kheo có đại thần thông (*mah-ābhiññā*)⁶⁵⁰ trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta. Ngài sống đời Tỳ-kheo trong tám mươi năm, và đến tuổi một trăm sáu mươi, ngài nhập Niết Bàn Tối Hậu (*Parinibbāna*) khi đang ngồi trên giàn thiêu. Sự trường thọ và sức khoẻ hoàn hảo của ngài là do thiện nghiệp mà ngài đã hoàn thành trong những kiếp sống trước, dựa trên giới thanh tịnh.

Ở đây, tôi muốn bàn thêm một ít về những vận hành của nghiệp. Khi Bākula cúng dường thuốc trị bệnh đến Đức Phật Anomadassī, ước mong được thấy Đức Phật khoẻ mạnh

⁶⁴⁹ tứ tuệ phân tích: xem ghi chú 625 trang 592.

⁶⁵⁰ Ba vị kia là Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-Kiền-Liên, và Tỳ-kheo Ni Bhaddakaccānā Yasodharā.

của ngài rất mãnh liệt: tư (*cetanā*) của ngài rất mạnh. Và khi ngài chữa bệnh cho các vị Tỳ-kheo trong Giáo Pháp của Đức Phật Vipassī cũng vậy, ước mong được thấy họ khoẻ mạnh rất lớn: như vậy tư của ngài trong trường hợp này cũng rất mạnh. Nói chung, ước mong thấy các con người giới đức được khoẻ mạnh là nghiệp chí thiện, nó làm nhiệm vụ như sanh nghiệp hoặc trì nghiệp để giữ cho một người được khoẻ mạnh trong các kiếp sống tương lai.

Quý vị có muốn được tái sanh cõi trời không? Quý vị có muốn được một kiếp người trường thọ và khoẻ mạnh không? Nếu quý vị muốn như vậy, quý vị nên cố gắng là một người không đả thương và giết hại những chúng sanh khác, và cố gắng học theo những gì Bākula đã làm, đó là:

- Quý vị phải cố gắng làm cho hạnh (*carana*) của mình được thanh tịnh bằng cách giữ giới.
- Quý vị phải bỏ thí thuốc và thuốc trị bệnh đến những người giới đức với tất cả tấm lòng của mình, đó là, bỏ thí mà không mong đợi người thọ nhận đáp trả điều gì.
- Quý vị phải tu tập thiền chỉ (*samatha*) và thiền minh sát (*vipassanā*) cho đến khi thành công, và phải chắc chắn là mình thông thạo bốn phạm trú (tù, bi, hỷ và xả).

Sở dĩ một người đả thương và sát hại những chúng sanh khác là vì phiền não (*tham, sân, si*). Chúng không tạo ra tái sanh trên cõi trời, và cũng không tạo ra một kiếp sống làm người trường thọ và khoẻ mạnh: chúng chỉ tạo ra tái sanh trong bốn cõi khổ, và một kiếp sống làm người đoản thọ và lắm phiền muộn. Vận hành của nghiệp là thế.

Những vận hành của nghiệp như vậy là lý do tại sao Đức Phật nói:⁶⁵¹

Này các Tỳ kheo, ước nguyện trong tâm của một người đức hạnh được thành tựu nhờ sự trong sạch của giới.

Bây giờ chúng ta hãy nghe lời giải thích thứ năm của Đức Phật cho thanh niên Subha.

LÀ NGƯỜI PHẢN NỘ, CÁU KINH

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông hay phản nộ, nhiều phật ý. Bị nói đến một chút thời bất bình, phản nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phản nộ, sân hận, tức tối. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

*Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị xấu sắc.*⁶⁵²

Đây là con đường, này Thanh niên, đưa đến xấu sắc, đó là phản nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phản nộ, sân hận, tức tối.

⁶⁵¹ A.VIII.I.iv.5 ‘Dān-Ūpapatti-Suttam’ (‘Kinh Thọ Sanh Do Bồ Thí’ Đức Phật giải thích ước nguyện tái sanh được thành tựu đối với những người có giới đức làm việc bố thí hay cúng dường. Xem thêm ghi chú cuối chương 59, trang 74/Tập I.

⁶⁵² Đức Phật cúng giải thích điều này cho Hoàng Hậu Mallikā: xem ‘Hoàng Hậu Mallikā’ trang 369/Tập I.

PAÑCAPĀPĪ CAUCÓ

Một ví dụ điển hình của phần nộ dẫn đến xấu sắc là Pañcapāpī.⁶⁵³ Cô là con gái của một người đàn ông nghèo ở Bārāṇasī. Tay, chân, miệng, mắt và mũi của cô rất ư là xấu, đó là lý do vì sao cô lại được gọi là Pañcapāpī (người có năm khuyết điểm). Nhưng bù lại cô có một thứ rất tốt, đó là sự xúc chạm của cô. Xúc giác của cô cực kỳ dễ chịu. Đó là do nghiệp thiện cô đã hoàn thành trong một kiếp trước.

Trong một kiếp quá khứ, cô cũng là con gái của một người đàn ông nghèo ở kinh thành Bārāṇasī. Ngày nọ, một vị Phật Độc Giác (*Paccekabuddha*) đi khất thực ở Bārāṇasī để xin một ít đất sét về vá lại bức vách hư nơi ngài trú ngụ.⁶⁵⁴ Khi nhìn thấy Pañcapāpī đang nhào đất sét (vì nhà cô làm đồ gốm), ngài dừng lại trước cửa nhà và đứng yên lặng. Cô đoán ra điều ngài muốn, và ném cho ngài một cái nhìn giận dữ. Mặc dù vậy, cô vẫn cúng dường cho ngài một cục đất sét. Việc cúng dường này là một thiện nghiệp, nhưng phối hợp với phần nộ. Mặc dù nó làm nhiệm vụ như một sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người, song sự phần nộ của cô ta đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp khiến cho cô nhìn rất xấu. Đồng thời nghiệp cúng dường mang tính đồng nhất cũng làm nhiệm vụ như trì nghiệp khiến cho xúc giác của cô vô cùng êm dịu. Cuối cùng thì nghiệp ấy vẫn cho những kết quả tốt.

⁶⁵³ JA.XXI.iv.4 ‘Kuṇāla-Jātaka-Vaṇṇanā (‘Mô Tả Tiền Thân Kuṇāla’)

⁶⁵⁴ Đối với các vị tu sĩ ở Ấn Độ cổ xưa, đi khất thực phi thời, khi các vị cần đến những vật dụng khác là một thói quen.

Một hôm cô tình cờ chạm vào người Baka, vua của xứ Bārāṇasī. Sự xúc chạm của cô êm dịu đến nỗi đức vua phải điên cuồng với sự thèm muốn. Ngài đã cải dạng thành dân thường để đến viếng nhà cô, và xin cưới cô làm vợ. Nhưng đức vua ngại không dám tấn phong cô làm chánh cung hoàng hậu, vì cô quá xấu; e rằng mọi người sẽ chế giễu mình. Vì thế đức vua khéo sắp đặt cho tất cả đàn ông trong xứ được chạm vào xúc giác của cô, và bọn họ cũng nổi điên với sự thèm muốn như ngài. Sau đó, vua đã có thể an toàn tấn phong cô làm chánh cung hoàng hậu. Tuy nhiên những bà hoàng hậu khác trở nên ganh tỵ, và bí mật cho người bắt cô thả trôi sông trên một chiếc thuyền. Pavariya, vua nước láng giềng, đã cứu được cô và tuyên bố cô thuộc quyền sở hữu của ông. Hai vị vua chuẩn bị chiến tranh nhằm chiếm hữu cô, nhưng sau đó đã đồng ý để Pañcapāpī mỗi tuần sống với một vị vua. Vận hành của nghiệp là thế, đó là lý do tại sao Đức Phật nói với thanh niên Subha:

Nghiệp phân biệt các chúng sanh, nghĩa là, có người hạ liệt và người ưu thắng.

SUPPABUDDHA LẮNG MẠ

Một ví dụ điển hình khác về sự phẫn nộ đưa đến xấu sắc là Suppabuddha, người hủi nghèo ở kinh thành Rājagaha. Ông thực hành tam học dưới sự chỉ dẫn của Đức Phật. Ông đã làm trong sạch hạnh (*carāṇa*) của mình bằng giới, lắng nghe Pháp với tâm cung kính và thực hành thiền chỉ và thiền minh sát thuần thực. Một hôm, khi đang nghe Đức Phật giảng Pháp, ông trở thành bậc Thánh Nhập Lưu (*sot-Āpanna*):

một bậc Nhập Lưu, nhưng là người hủi. Ông bị hủi như thế nào? Loại nghiệp nào là nguyên nhân khiến ông bị như thế?⁶⁵⁵

Các vị Tỳ-kheo đã hỏi Đức Phật câu hỏi này, và được Đức Phật giải thích: Trong một tiền kiếp trước, Suppabuddha là con trai của một viên trưởng khố, một thương gia rất giàu ở Rājagaha. Một hôm, ông cùng với đoàn tùy tùng đi đến một khu vườn khả ái. Ông mong đợi được khoe khoang sự giàu có của mình, và có được nhiều người cung kính. Nhưng khi đi gần đến khu vườn khả ái ấy, ông nhận ra rằng chẳng có người nào chú ý đến ông: mọi người đang tập trung vào Đức Phật Độc Giác Tagarasikhī. Suppabuddha đã tích tạo rất nhiều bất thiện nghiệp trên đường đi bởi vì ông cảm thấy thất vọng. Ông phẫn nộ khi thấy mọi người không ai để ý tới ông, mà chỉ cung kính Đức Phật Độc Giác, mà vị này thì chỉ mặc mỗi một tấm y bá- nạp. Vì thế khi Suppabuddha tiến đến gần Đức Phật Độc Giác, ông đã nhổ nước miếng vào ngài, và nói: ‘Cái đồ hủi này, ăn mặc rách rưới như người hủi mà đi đây đi đó! Rồi ông xoay lưng phía trái, và bỏ đi.

Sau khi lãng mạ Đức Phật Độc Giác như vậy, cả ngày hôm đó và hôm sau, ông cứ nhớ đi nhớ lại cảnh ấy với sự tức tối. Kiêu hãnh vì là con của một vị trưởng khố, ông đã hoàn thành hàng tỷ bất thiện nghiệp theo cách này. Vào lúc chết, một trong những nghiệp ấy đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, và tạo ra tái sanh trong địa ngục. Ở địa ngục, ông đã trải qua những khổ đau khủng khiếp trong hàng triệu năm.

⁶⁵⁵ U.v.3 ‘Suppabuddha-Kuṭṭhi-Suttam’ (‘Kinh Người Cùi Suppabuddha’): và cũng được mô tả trong DhPA.vi.6 ‘Suppabuddha-Kuṭṭhi-Vatthu’ (‘Chuyện Người Cùi Suppabuddha’)

Đến thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, một thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh như một con người. Nhưng hạnh phúc làm người của ông bị chướng ngại bởi ‘những chướng nghiệp làm người hủ’, và ông trở thành một người bất hạnh nhất ở kinh thành Rājagaha. Những vận hành của nghiệp như vậy là lý do khiến Đức Phật phải nói trong ‘Kinh Kokālika’:⁶⁵⁶

‘Phàm con người đã sanh, Sanh với búa trong miệng, Kể ngu khi nói bậy, Tự chặt đứt lấy thân.’

Tuy nhiên, trong kiếp này, Suppabuddha đã đạt được phước báu của Bạc Thánh Nhập Lưu. Ông đi đến Đức Phật, đánh lễ và xin quy y Tam Bảo. Trên đường trở về thành Vương Xá, một dạ-xoa dưới lót con bò đã húc ông chết. Đây cũng chính là dạ-xoa đã giết chết Tambadāthika, người đao phủ, Pukkusāti, và đạo sĩ Bāhiya Dārucīriya, mà chúng tôi đã

⁶⁵⁶ S.I.VI. i.10 ‘Kokālika-Suttam’ (‘Kinh ‘Kokālika’). Kokālika là một vị Tỷ-kheo đã chỉ trích Tôn giả Xá-lợi-Phất và Tôn giả Mục Kiền Liên. Do nghiệp đó ông đã bị một chứng bệnh về da vô cùng khủng khiếp: “Tỷ-kheo Kokālika ra đi không được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụn nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh (mugga). Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn (kalāya). Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng rolatthi (hột cây jujube, cây táo). Từ hột rolatthi, chúng lớn lên bằng hột kolama. Từ hột kolama, chúng lớn lên bằng hột amala (a-ma-la quả). Từ quả amala, chúng lớn lên bằng quả beluva chưa chín. Từ quả beluva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả billa. Từ hình lớn bằng quả billa, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mủ. Rồi Tỷ-kheo Kokālika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokālika sanh trong địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sāriputta và Moggallāna.”

đề cập ở trước.⁶⁵⁷ Tại sao dạ-xoa lại giết chết bốn người này?⁶⁵⁸

GÁI ĐIỂM BÁO THÙ

Bốn người đàn ông bị dạ-xoa này giết từng là bốn quý tử của những thương gia giàu có trong một kiếp quá khứ. Dạ xoa giết họ dưới lót một con bò là một nữ dạ-xoa (*yakkhinī*): trong tiền kiếp đó là một cô gái điểm và bị bốn cậu ấm này dụ đưa đến lạc viên. Sau khi hành lạc với cô ta xong, họ đã giết chết và lấy hết nữ trang của cô, kể cả tiền mà họ đã trả cho cô ta. Vào lúc chết, cô thề sẽ báo thù. Và cô đã giết chết họ trong hơn một trăm kiếp.

Như vậy, Suppabuddha, trong vô lượng kiếp quá khứ đã tích tạo không biết bao nhiêu là nghiệp bất thiện. Lãng mạ một vị Phật Độc Giác, và sau đó nhớ đến sự kiện này với tâm sân hận, cũng như đã tham gia vào vụ giết hại cô gái điểm. Chỉ với hai hành động này thôi, ông đã hoàn thành vô số bất thiện nghiệp: một số trong đó sẽ chín mùi như những sanh nghiệp, một số như trì nghiệp, một số như chương nghiệp, và một số như đoạn nghiệp. Đoạn nghiệp là những nghiệp được cảm thọ quả trong một kiếp về sau nào đó

⁶⁵⁷ Về người đao phủ, xem lại trang 370/Tập I. Về Pukkusāti, xem trang 467, và về Bāhiya Dārucīriya, xem trang 407.

⁶⁵⁸ DhPA.vi.6 ‘Suppabuddha-Kuṭṭhi-Vatthu’ (‘Chuyện Người Húi Suppabuddha’)

(*aparāpariya-vedaniya-kamma: hậu báo nghiệp*): một đoạn nghiệp hiện tại đã cắt đứt sanh nghiệp thiện tạo ra tái sanh làm người của ông ta. Nhưng nó không thể làm cho quả riêng của nó phát sanh, bởi vì tất cả những bất thiện nghiệp tạo ra tái sanh trong bốn ác đạo đã trở thành vô hiệu lực như kết quả của Nhập Lưu Thánh Đạo Trí. Tuy nhiên, ở đây đoạn nghiệp đã cho phép sanh nghiệp thiện khác tạo ra tái sanh trong cung trời Đâu-Suất (*Tāvātimsā*). Vận hành của nghiệp là thế.

Bây giờ, chúng ta hãy nghe lời giải thích thứ sáu của Đức Phật cho thanh niên Subha.

LÀ NGƯỜI KHÔNG PHẢN NỘ, CÁU KINH.

*Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không phản nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phản nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phản nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy đẹp sắc (*pasadika: hoan hỷ*)*

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến đẹp sắc, tức là không phản nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phản nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phản nộ, sân hận, bất mãn.

TÔN GIẢ SUBHŪTI TỪ BI

Một ví dụ điển hình của sự thân thiện đưa đến đẹp sắc là Tôn giả Tu-bồ-đề (*Subhūti*).⁶⁵⁹ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁶⁶⁰ ngài sanh trong một gia đình giàu có và được gọi là Nanda. Về sau ngài trở thành một đạo sĩ, người lãnh đạo tinh thần của bốn mươi-bốn ngàn vị đạo sĩ (*isi*).⁶⁶¹ Họ sống trong một khu rừng gần một ngọn núi lớn, tu tập thiền chỉ, và tất cả đều thiện xảo trong tám thiền chứng và năm thần thông hiệp thế.⁶⁶²

Một hôm Đức Phật và một trăm ngàn vị A-la-hán đến thăm họ bằng đường hư không. Các vị đạo sĩ rất hoan hỷ, chỉ trong ít phút, họ dùng năng lực thần thông của mình đi gom những bông hoa và trái làm chỗ ngồi cho khách. Sau khi ngồi trên chỗ đã soạn, các vị khách nhập vào diệt tận định (*nirodha-samāpatti*), một định chứng diệt tạm thời tâm và sắc do tâm tạo.⁶⁶³ Và trong bảy ngày đó, Nanda đứng đằng sau Đức Phật cầm một tán dù bằng hoa che cho ngài. Ở đây, quý vị thấy sự kiên nhẫn của ngài to lớn biết dường nào! Trong

⁶⁵⁹ AA.I.xix.2 ‘Subhūti-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Tôn giả Subhūti’)

⁶⁶⁰ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

⁶⁶¹ Thân phận đạo sĩ của họ không phải là tình trạng sống cô độc, mà chỉ là sống trong rừng, xa lánh xã hội.

⁶⁶² Tám thiền chứng: bốn thiền vô sắc và bốn thiền vô sắc; các năng lực thần thông: xem ghi chú 207, trang 162/Tập I

⁶⁶³ diệt tận định hay chứng diệt: xem ghi chú 389, trang 318/Tập I

suốt thời gian ngài tích tạo những thiện nghiệp, ngài đã không nhúc nhích trong bảy ngày! Ngài không nằm xuống nghỉ, không ăn uống, không đi vệ sinh. Và tâm ngài hoàn toàn tập trung. Sở dĩ ngài làm được điều này là do ngài đã thuần thục trong tám thiền chứng, và năm thần thông hiệp thể. Với tâm định ngài đứng đằng sau Đức Phật, cầm một tán dù bằng hoa, che cho Đức Phật trong suốt bảy ngày.

Quý vị thử tưởng tượng con số những thiện nghiệp đã phát sanh xem! Ngay cả trong một cái búng tay đã có nhiều ngàn triệu tiến trình ý môn sanh lên và diệt, mỗi tiến trình với bảy tốc hành tâm, mỗi tốc hành tâm đều có tư (*cetanā*) hay sự cố ý vốn tạo thành nghiệp (*kamma*). Như vậy chúng ta có thể hiểu được rằng thiện nghiệp phát sanh trong những tiến trình ý môn của Nanda là không thể tính kể.

Nghiệp của các tiến trình tâm ấy là thiện pháp dục giới (*kāma-āvēcāra kusala dhamma*). Và năm tốc hành tâm giữa trong số bảy tốc hành đó được xem là mạnh nhất, chúng tạo thành những hậu báo nghiệp (*aparāpariya-vedanīya-kamma*), sẽ được cảm thọ trong một kiếp tương lai nào đó sau kiếp kế cho đến lúc Bát-Niết-Bàn (*sự diệt tối hậu*) của một người. Những nghiệp như vậy có thể tạo ra quả thù thắng nhất ở cõi dục trong một thời gian rất dài.

Khi Đức Phật và các vị A-la-hán xuất khỏi diệt tận định, đó là thời gian thuận lợi nhất để cúng dường đến các

vị.⁶⁶⁴ Và các vị đạo sĩ đã cúng dường các loại trái cây cũng như bông hoa có được một cách chân chánh từ trong rừng, đến Đức Phật và Chúng Tăng. Kế đó Đức Phật đã yêu cầu một trong số các vị tỳ-kheo, thuần thực trong việc thọ nhận của cúng dường, và thuần thực trong thiền tâm từ, để thuyết pháp khích lệ (*anumodanā - tùy hỷ pháp*).⁶⁶⁵

Cuối bài pháp khích lệ, các vị đạo sĩ đều trở thành Thánh A-la-hán, ngoại trừ Nanda. Vì sao? Bởi vì tâm vị ấy đang gắn chặt vào sự lỗi lạc của vị tỳ-kheo thuyết pháp. Do đó, vị ấy không đắc một Đạo Quả nào.

Khi khám phá ra những đức tính nổi bật của vị tỳ-kheo ấy, Nanda quyết định rằng mình cũng sẽ đạt được địa vị kiết xuất như vậy. Sự quyết định của ngài được kèm theo bởi năm yếu tố:

1. Giới của ngài trong sạch và toả sáng giống như một viên ngọc trai, nhất là được kèm theo bởi tám thiền chứng và thần thông.

2. Những vật cúng dường của ngài có được một cách chân chánh.

3. Thiền của ngài đã đè nén các phiền não tham, sân và ngã mạn, nhờ vậy tâm ngài được trong sạch và vô nhiễm

⁶⁶⁴ Để có một sự giải thích chi tiết về thời gian thuận lợi nhất cho một cúng dường đến bậc Thánh A-la-hán, xem ‘Quả Hiện Tại của Thiện Nghiệp’, trang 317/Tập I.

⁶⁶⁵ Tùy hỷ pháp, xem ghi chú 398, trang 322/Tập I

trước, trong và sau khi cúng dường: ngài không mong đợi điều gì từ Đức Phật và Tăng Chúng.

4. Vì ngài có thiên nhãn thông nên ngài thấy rõ và hiểu rõ những vận hành của nghiệp: điều đó có nghĩa là ngài có đức tin đầy đủ nơi quả của nghiệp (ngài tin rằng quả của nghiệp ấy sẽ là rất lớn).

5. Người thọ nhận ở đây là một phước điền vô thượng, bởi vì ngoài Đức Phật các vị còn lại đều là Thánh A-la-hán. Hơn nữa cúng dường còn được làm ở thời gian thuận lợi nhất, vì các vị vừa xuất khỏi diệt tận định (*nirodha-samāpatti*).

Với những yếu tố này, chắc chắn quyết định của Nanda sẽ trở thành sự thật. Và quả thực như vậy, Đức Phật Padumuttara đã thọ ký rằng Nanda, trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Gotama, sẽ là một vị Tỳ-kheo tinh thông thiền tâm từ và xuất chúng trong việc thọ nhận của cúng dường.

Trong kiếp ấy Nanda, dù có đức tin nơi Đức Phật, vẫn không trở thành một vị Tỳ-kheo, vì vị ấy quá dính mắc vào đời sống đạo sĩ của mình. Tuy nhiên, ngài thường xuyên đi đến viếng thăm Đức Phật và nghe Pháp. Ngài đã thực hành thiền chỉ và thiền minh sát dưới sự hướng dẫn của Đức Phật. Ngài chú trọng việc hành thiền tâm từ, và dựa trên thiền đó, ngài phát triển minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhā-Upekkhā-Nāṇa*).⁶⁶⁶ Nhờ thiện xảo trong thiền, ngài có thể duy

⁶⁶⁶ Hành Xả Trí: xem trang 223.

trì thiên của mình cho đến lúc chết, điều này có nghĩa rằng một trong những thiện nghiệp thiên của ngài đã trở thành trọng nghiệp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh trong cõi Phạm Thiên.⁶⁶⁷

Ở đây, tôi muốn bàn thêm một ít về những vận hành của nghiệp trong liên quan với pháp duyên sanh (*paṭicca samuppāda*). Sau khi Nanda cúng dường trái cây và bông hoa đến Đức Phật và Tăng Chúng, ngài quyết định trở thành một vị Tỳ-kheo tinh thông trong thiên tâm từ, và xuất sắc trong việc thọ nhận của cúng dường. Sự quyết định này dù cao thượng nhưng vẫn dựa trên vô minh và tham ái. Như thế nào?

Thân và tâm của chúng ta chỉ gồm có danh và sắc chân đế. Nếu chúng ta thấy được như vậy, quan kiến của chúng ta là đúng hay Chánh Kiến (*sammā-ditṭhi*), đây là minh sát trí (*vipassanā-ñāna*). Nhưng nếu chúng ta thấy danh và sắc này như một người đàn ông, đàn bà, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo ni, thì cái thấy đó là sai, là tà kiến (*micchā-ditṭhi*), đi kèm theo bởi vô minh hay si (*moha*). Điều này có nghĩa rằng quan kiến của Nanda về một vị Tỳ-kheo tinh thông trong thiên tâm từ và xuất chúng trong việc thọ nhận của cúng dường là một sự thể hiện của vô minh hay si. Dựa vào quan kiến si mê ấy, ngài quyết định trở thành một vị Tỳ-kheo với những phẩm hạnh như vậy, đây là tham ái (*taṇhā*). Và ái của

⁶⁶⁷ Xem ‘Trọng Nghiệp Thiện’, trang 353.

ngài được lập đi lập lại, chấp chặt vào kiếp sống của một vị Tỳ-kheo, là thủ (*upādāna*). Vô minh, ái và thủ được gọi là vòng phiền não (*kilesa-vatṭa*: *phiền não luân*), bởi vì chúng là những phiền não tạo ra vòng tái sinh luân hồi (*samsāra*).⁶⁶⁸

Nương vô minh, ái và thủ này Nanda đã hoàn thành những thiện nghiệp cao thượng, đó là cúng dường trái cây và bông hoa đến Đức Phật cũng như Tăng Chúng, phước điền vô thượng ở thế gian (*anuttaram puñña-kkhettaṃ lokassa*).⁶⁶⁹ Những thiện nghiệp ấy gọi là hành (*saṅkhāra*). Các hành vốn vô thường, vì ngay khi sinh lên chúng liền diệt. Nhưng trong tương tục danh-sắc của một người, chúng vẫn còn lại như một tiềm lực: tiềm lực đó có thể tạo ra một kết quả bất cứ lúc nào. Trong phần nghiệp-duyên (*kamma-paccaya uddesa*) của Bộ Duyên Hệ (*Paṭṭhāna*), tiềm lực này được gọi là nghiệp (*kamma*).⁶⁷⁰ Trong khi các hành có chủ ý (*saṅkhāra*) và Nghiệp được gọi là vòng nghiệp hay nghiệp luân (*kamma-vatṭa*): nghiệp tạo ra vòng tái sinh (luân hồi).

Tất cả có năm nhân cho vòng tái sinh:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| 1. vô minh.....(<i>avijjā</i>) | 4. hành(<i>saṅkhāra</i>) |
| 2. ái.....(<i>taṇhā</i>) | 5. hữu |
| 3. thủ.....(<i>upādāna</i>) | (nghiệp lực).....(<i>bhava</i>) |

⁶⁶⁸ Xem thêm ‘Mong Muốn Tái Sinh’, trang 30/Tập I

⁶⁶⁹ Phước điền vô thượng ở thế gian: đây là một trong chín ân đức qua đó Đức Phật mô tả Tăng Chúng (Saṅgha). Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 39 trang 50/Tập I.

⁶⁷⁰ tiềm lực: xem ghi chú 4 trang 2/Tập I

Nguyên tắc này cũng được áp dụng khi chúng ta bàn về sự chín mùi của nghiệp.

Nghiệp cúng dường mạnh mẽ của Nanda còn được củng cố thêm bởi thiền tâm từ (*mettā jhāna*) đầy năng lực của ngài. Thiền tâm từ này trở nên mạnh mẽ và đầy năng lực như thế nào? Một lý do là khi hành thiền chỉ và thiền minh sát, ngài đã chú trọng việc phát triển thiền tâm từ. Dựa trên thiền này, ngài hành minh sát: theo đó minh sát trí của ngài trở nên rõ ràng, thâm sâu, mạnh mẽ và đầy năng lực.[246] Và ngược lại, nhờ minh sát trí mạnh mẽ của ngài, thiền tâm từ cũng trở nên vững chắc, mạnh mẽ, và đầy năng lực. Theo Paṭṭhāna (Bộ Duyên Hệ), thiền chỉ và thiền minh sát là những thân y duyên (*upanissaya paccaya*)⁶⁷¹ mạnh mẽ hỗ trợ lẫn nhau. Như thế nào? Ngài nhập thiền tâm từ. Xuất thiền ấy, ngài liền quán các hành của bậc thiền là vô thường, khổ, và vô ngã. Rồi ngài lại nhập thiền tâm từ, và xuất khỏi nó, và quán các hành của bậc thiền như vô thường, khổ và vô ngã như trước. Đây là phương thức được ngài thực hành thường xuyên. Do thực hành đi thực hành lại nhiều lần như vậy, thiền tâm từ và thiền minh sát của ngài trở nên vững chắc, mạnh mẽ và đầy năng lực. Hơn nữa, thiền tâm từ là đối nghịch trực tiếp của sân hận, và đây là lý do tại sao tâm ngài thường không có sân. Khi ngài hành thiền chỉ và thiền minh sát, không chỉ sân, mà những phiền não khác cũng bị đè nén

⁶⁷¹ Thân y duyên: xem ghi chú 544, trang 435.

lâu dài. Chúng cũng bị đè nén bằng năng lực thần thông của ngài. Nói chung hai loại pháp hành này làm cho tâm của ngài rất trong sạch, và nhờ sự trong sạch thù thắng ấy, chắc chắn quyết định của ngài trở thành một vị Tỳ kheo tinh thông thiền tâm từ và xuất chúng trong việc thọ nhận của cúng dường sẽ thành công. Cuối cùng, vì Nanda đã hành thiền chỉ và thiền minh sát trong khoảng một trăm ngàn năm, nên năng lực ý chí của ngài rất mạnh. Bất cứ ước nguyện nào ngài phát ra đều có thể trở thành sự thật nhờ sức mạnh ý chí này: sức mạnh ý chí là tư (cetanā), và tư chính là nghiệp.

Đức Phật Padumuttara thọ ký rằng Nanda sẽ trở thành một vị Tỳ kheo tinh thông thiền tâm từ và xuất chúng trong việc thọ nhận cúng dường trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta. Về sau Nanda tái sanh làm con của một người đàn ông giàu có tên Sumana, một nam cư sĩ (*upāsaka*) có tín tâm của Đức Phật, và là em của Anāthapiṇḍika (Cấp-cô-độc), một đại hộ pháp của Đức Phật. Nanda kiếp đó được gọi là Subhūti (‘người có sắc đẹp’). Sắc đẹp của ngài là kết quả của thiện nghiệp tiền kiếp, không bị phiền não, nhất là sân chi phối.

Vào cái ngày trưởng giả Cấp-cô-độc (*Anāthapiṇḍika*), anh trai ngài, dâng cúng ngôi chùa Kỳ Viên (*Jetavana*) cho Đức Phật và Tăng Chúng, Subhūti lắng nghe bài pháp khích lệ của Đức Phật với sự chú tâm và tôn kính. Những lời dạy của Đức Phật đã làm cho niềm tin trong Pháp của ngài ngập tràn đến độ ngài muốn xuất gia. Là con trai của một người đệ

tử tín tâm của Đức Phật, ngài đã rời bỏ căn nhà của người có đức tin ấy để sống đời không nhà. Sau khi xuất gia, ngài tinh thông hai Bộ Luật (*Luật Tỳ kheo* và *Luật Tỳ kheo Ni*). Và sau khi nhận đề mục thiền từ nơi Đức Phật, ngài đi vào rừng sống để hành thiền. Ở đó ngài phát triển minh sát và đắc A-la-hán Thánh Quả dựa trên thiền tâm từ. Là người dạy Pháp không phân biệt⁶⁷² hay giới hạn, ngài được Đức Phật tuyên bố là vị Tỳ kheo đệ nhất (tối thắng) về hạnh sống trong trú xứ xa vắng và an tịnh (*araṇa-vihārī*), và xứng đáng thọ nhận cúng dường (*dakkhiṇeyya*)⁶⁷³ Thiền tâm từ mạnh mẽ và đầy năng lực này đã giúp cho ngài sống trong an tịnh và lánh xa khỏi các phiền não trong một thời gian dài.

Kinh điển Pāli nói rằng khi ngài đi khất thực trong làng, ngài thường nhập thiền tâm từ trước mỗi cửa nhà, điều này có nghĩa là mọi cúng dường cho ngài đều có phước thù thắng.

Một lần, trên bước đường du hoá, ngài đi đến thành Vương-Xá (*Rājagaha*). Và đức vua Bimbisāra (*Tần-bà-sa-la*), đã hứa xây cho ngài một nơi trú ngụ trong những tháng mưa. Nhưng đức Vua quên mất, Tôn-giả Subhūti phải hành thiền ngoài trời. Hậu quả là không có cơn mưa nào rơi trên vùng Rājagaha. Khi đức Vua khám phá ra lý do tại sao, ngài đã tức tốc cho xây dựng một thảo am. Ngay khi Tôn-giả

⁶⁷² Không phân biệt: dạy pháp không có sự thiên vị đối với người nghe.

⁶⁷³ A.I.XIV.ii.201-202 ‘*Ētaḍ-Āgga Vagga: Dutiya-Vaggo*’ (‘Chương “Người Tối Thắng” Chương Hai’)

Subhūti bước vào thảo am, và ngồi xuống đệm cỏ, trời mưa. Tâm của ngài đã được tịnh hoá với thiền tâm từ, và trí siêu thế đến độ ngay cả các vị chư thiên cũng giúp bảo vệ ngài không để cho mưa làm ướt. Vận hành của nghiệp là thế. Chính vì điều này mà Đức Phật nói trong Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai':⁶⁷⁴

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

TÔN GIẢ MAHĀKACCĀNA GIỐNG NHƯ VÀNG

Một ví dụ điển hình khác là Tôn-giả Mahākaccāna (Ca-chiên-diên).⁶⁷⁵ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ngài sanh ở Ujjenī, trong gia đình của một vị giáo sĩ của vua Caṇḍapajjota. Sở dĩ ngài được gọi Kaccāna là vì nước da giống như vàng của ngài, và cũng bởi vì Kaccāna là họ (gotta-姓: tính) của ngài. Ngài trở thành một trong những vị đệ tử xuất sắc nhất của Đức Phật, được tuyên bố là tối thắng trong việc diễn giải chi tiết những pháp Đức Phật thuyết tóm tắt. Tại sao nước da ngài lại giống như vàng? Và

⁶⁷⁴ S.III.I.x.8 'Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttaṃ' ('Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai'), đã trích dẫn trang 58/Tập I.

⁶⁷⁵ AA.I.xiv.1 'Mahākaccāna-Tthera-Vatthu' ('Chuyện Trưởng Lão Mahākaccāna')

ngài đã thành tựu được danh hiệu ấy như thế nào? Tất nhiên, những nghiệp đã hoàn thành của ngài chịu trách nhiệm cho vấn đề ấy.

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁶⁷⁶ ngài sanh ra trong một gia đình rất giàu. Một hôm, ngài đi đến chùa, và đứng bên lề hội chúng đang nghe Đức Phật thuyết pháp. Ngài thấy Đức Phật ban cho một vị Tỳ kheo (cũng tên Kaccāna) địa vị xuất chúng trong số những vị Tỳ kheo diễn giải chi tiết và phân tích Pháp Đức Phật giải thích một cách tóm tắt. Ấn tượng sâu sắc về điều này, ngài quyết định sẽ đạt được địa vị xuất chúng ấy trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật tương lai. Với ý định này, ngài cung thỉnh Đức Phật và một trăm ngàn Chúng Tăng đến nhà và thực hiện một cuộc Đại Thí kéo dài bảy ngày. Vào ngày thứ bảy, ngài phủ phục dưới chân Đức Phật và nói: *‘Bạch Đức Thế Tôn, do kết quả của cuộc đại thí bảy ngày này, con không ước nguyện phước báu nào khác. Mà con chỉ nguyện được bảo đảm địa vị của vị Tỳ kheo mà bảy ngày trước đã được tuyên bố là tối thắng trong những vị giảng rộng cũng như phân tích được những pháp Đức Phật dạy một cách tóm tắt.’*

Một nguồn giải thích khác về quá khứ của Mahākaccāna⁶⁷⁷ giải thích rằng trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara, ngài cho xây dựng một bảo tháp hình hoa sen⁶⁷⁸ gọi là Tháp Paduma (Tháp hoa sen). Tháp được

⁶⁷⁶ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’ cuối Tập II.

⁶⁷⁷ Ap.I.iv.3 ‘Mahākaccāna-Tthera-Apadānam’ (‘Câu Chuyện Về Trưởng Lão Mahākaccāna’)

⁶⁷⁸ Cetiya: từ Pāli chỉ ngôi tháp hay bảo tháp.

phủ vàng, và bên trong có một bảo toạ với mái che bằng vàng, nạm ngọc quý và lông đuôi ngựa camarī.⁶⁷⁹

Trong Giáo Pháp hơn một trăm ngàn năm đó, Mahākaccāna cũng đã hoàn thành rất nhiều thiện nghiệp khác, chẳng hạn như:

- Tinh thông Kinh Điển (*pariyatti*): học thuộc lòng những Lời Dạy của Đức Phật (*Buddha-Vacanasapariyāpuṇanam*), tụng đọc tiếng Pāli (*pālyāsajjhāyo*).
- Nghe (*savana*): ở đây là học thấu đáo Pháp, với sự thận trọng và tôn kính.
- Hỏi (*paripucchā*): bàn luận những đoạn gút mắc trong Kinh Điển, Chú Giải...
- Thực hành trong quá khứ (*pubba-yoga-tiennỗ lực*): hành thiền chỉ và thiền minh sát đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*).⁶⁸⁰

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa,⁶⁸¹ ngài là một gia chủ trong kinh thành Bārāṇasī.⁶⁸² Sau khi Đức Phật Bát Niết Bàn (*Parinibbāna*), một bảo tháp tráng lệ đã được xây dựng bên trên xá lợi của Đức Phật, có dạng khối đá vàng ròng. Tôn-giả Mahākaccāna đã cúng dường số gạch bằng vàng giá trị một trăm ngàn?: và

⁶⁷⁹ Ngựa-camarī, thực ra là một giống bò Tây Tạng sống ở núi Himalayan (Himalayan Yak), đuôi của nó rất quý.

⁶⁸⁰ Hành Xả Trí: xem trang 222/Tập I.

⁶⁸¹ Xem Phụ Lục 2: ‘Dòng Đồi Chư Phật’ cuối Tập II.

⁶⁸² AA.I.xiv.1 ‘Mahākaccāna-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Mahākaccāna’)

ngài phát nguyện rằng trong các kiếp sống tương lai ngài sẽ có một màu da giống như vàng.

Như chúng ta đã thấy, tất cả thiện nghiệp Tôn-giả Mahākaccāna làm trong các kiếp sống quá khứ này hoàn toàn trong sạch, không bị chi phối bởi sân hận hay bất kỳ phiền não nào khác. Một số nghiệp trong đó đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, một số như trì nghiệp, và hầu như tất cả đều được cảm thọ quả trong một hậu kiếp nào đó. Một số trong đó đã chín mùi để làm nhiệm vụ như sanh nghiệp trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta.

Ở đây chúng ta có thể phân tích trường hợp của Tôn-giả Mahākaccāna theo những vận hành của nghiệp.

Một ‘Nghiệp cúng dường gạch’ đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh kiếp chót của ngài, như một con người. Nghiệp này tạo ra năm uẩn quả vào lúc tái sanh, và những nghiệp đồng nhất đã duy trì năm uẩn của ngài suốt kiếp sống. Những nghiệp đồng nhất cũng làm nhiệm vụ như trì nghiệp thiện, để tạo ra một kiếp sống trường thọ, giàu sang, hạnh phúc, và một màu da đẹp như vàng. Tuy nhiên những thiện nghiệp trách nhiệm cho tất cả quả báo ấy đều dựa vào vô minh, tham ái và chấp thủ của ngài trong quá khứ.

Khi ngài gặp Đức Phật Gotama của chúng ta, Đức Phật thuyết cho ngài một pháp thoại ngắn. Vào cuối thời pháp, Mahākaccāna đắc A-la-hán thánh quả cùng với tứ tuệ phân tích (*paṭisambhidā*):⁶⁸³ thiện nghiệp hay các ba-la-mật đã hoàn thành trong Giáo Pháp của Chư Phật trước cũng như trong Giáo Pháp của Đức Phật hiện tại của ngài đã chín mùi.

⁶⁸³ tứ tuệ phân tích hay bốn vô ngại giải: xem ghi chú 625 trang 592.

Sau đó, khi Đức Phật ban tặng những danh hiệu xuất chúng cho các Tỳ kheo, Ngài tuyên bố:⁶⁸⁴

Này các Tỳ kheo, tôi thắng trong số các đệ tử Tỳ kheo của ta có thể diễn giải lời dạy tóm tắt, và phân tích ý nghĩa là Mahākaccāna.

Lời phát nguyện Mahākaccāna thực hiện trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara giờ đây đã được hoàn thành.

Quý vị có muốn được đẹp người và tốt sắc như vậy không? Quý vị có muốn được màu da giống như vàng không? Nếu muốn, quý vị phải cố gắng làm một người nam hay nữ không bao giờ nổi sân hay khó chịu: ngay cả khi bị chỉ trích nhiều, quý vị phải không có làm lỗi, không nóng giận, không oán thù, và không phẫn uất bực bội. Nếu quý vị muốn đẹp người và tốt sắc, quý vị phải không biểu lộ sự nóng giận, sân hận và gắt gỏng. Những biểu lộ ấy là những phiền não, chúng không bao giờ tạo ra sắc đẹp: chúng chỉ tạo ra sắc xấu.

Dựa trên giới, quý vị nên tu tập thiền chỉ và thiền minh sát, và đặc biệt tra dồi bốn phạm trú (*cattāro-brahma-vihārā*): từ, bi, hỷ và xả. Bốn phạm trú này sẽ đè nén sân hận và những phiền não khác. Đức Phật nói rằng đó là cách để quý vị đạt đến đẹp sắc.

⁶⁸⁴ A.I.XIV.i ‘Etad-Agga Vagga: Paṭhaā-Vaggo’ (‘Chương nói về “Người Tối Thắng”’: Chương Thứ Nhất’) Chú giải giải thích rằng lời tuyên bố của Đức Phật chủ yếu nhằm vào sự diễn giải của Tôn-già Mahākaccāna về: 1. M.I.ii.18 ‘Madhu-Piṇḍika-Suttam’ (‘Kinh Mật Hoàn’), 2. M.III.iv.3 ‘Mahā-Kaccāna-Bhadd-Eka-Ratta-Suttam’ (‘Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất Dạ Hiền Giả’), 3. SuN.v ‘Parāyana Vagga’ (‘Chương Cuối Cùng’)

Tuy nhiên, quý vị cũng không nên quên rằng các hành là vô thường. Tất cả hành đều vô thường, khổ và vô ngã, như vậy chúng đẹp hay xấu, hấp dẫn hay không hấp dẫn? Do đó, quý vị không nên chỉ cố gắng để có được sắc đẹp và một màu da như vàng ròng thôi, mà quý vị cũng nên cố gắng để có được một cái tâm trong sạch, tốt đẹp nữa, đó là, quý vị phải cố gắng để đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Nếu quý vị làm được như Tôn-giả Subhūti, và Tôn-giả Maha-kaccāna, quý vị sẽ thành công. Vận hành của nghiệp là thế. Đó là lý do tại sao Đức Phật nói trong Kinh Pháp Cú:⁶⁸⁵

*Không dễ duôi là đường Bất Tử
Dễ duôi là đường Chết;
Không dễ duôi không chết;
Dễ duôi (dù còn sống) như đã chết.*

Bây giờ, chúng ta hãy lắng nghe lời giải thích thứ bảy của Đức Phật cho thanh niên Subha.

NGƯỜI ÔM LÒNG ĐỐ KỶ

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông là người hay đố kỵ. Đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, anh ta hay cô ta thường sanh tâm tật đố, ghen tị, ôm lòng đố kỵ. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh

⁶⁸⁵ DhP.ii.1. ‘A-Ppamāda-Vaggo’ (‘Phẩm Không Dễ Duôi’)

vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy sanh làm người trở lại, thời chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy là người quyền thế nhỏ (ít có ảnh hưởng).⁶⁸⁶

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến quyền thế nhỏ (ít có ảnh hưởng), đó là, là người ôm ấp lòng đố kỵ. Đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, danh lễ, cúng dường, thường sanh tâm tật đố, ghen tị, ôm ấp lòng đố kỵ.

Đố kỵ gây ra rất nhiều vấn đề trong xã hội.[247] Người nam hay nữ nào không kiểm soát được tâm đố kỵ và ghen tị của mình thì không hành xử tốt đẹp được, không cư xử hợp theo pháp được.

TRƯỜNGÃO TISSA ĐỐ KỴ

Một ví dụ điển hình của đố kỵ dẫn đến tái sanh trong địa ngục, và nếu tái sanh làm người thì không có ảnh hưởng hay quyền thế, là Trường Lão Losaka Tissa.⁶⁸⁷ chúng ta đã đề cập sơ lược về ngài trong phần nói về sanh thú thất bại (*gati-vipatti*).⁶⁸⁸ Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật

⁶⁸⁶ Đức Phật cũng giải thích điều này cho Hoàng Hậu Mallikā: xem ‘Hoàng Hậu Mallikā’ trang 375/Tập I.

⁶⁸⁷ JA.I.v.1 (41) ‘Losaka-Jātaka-Vañṇanā’ (‘Mô Tả Tiền Thân Losaka’)

⁶⁸⁸ Xem ‘Sanh Thú Thất Bại Cho Phép Các Bất Thiện Nghiệp’, trang 473.

Kassapa⁶⁸⁹, ngài làm một vị Tỳ-kheo. Và ngài sống trong một ngôi chùa do một người đàn ông giàu có xây dựng: người này cũng là thí chủ chính của ngài. Ngày nọ, một vị A-la-hán đi đến. Người nhà giàu này cảm mến phong thái của vị A-la-hán nên đã thỉnh ngài lưu lại trong chùa, và hứa sẽ chăm lo cho ngài: vị A-la-hán đồng ý ở lại.

Buổi chiều, người nhà giàu mang hương, hoa, ... đến cho vị Tỳ-kheo mới và lắng nghe vị ấy dạy pháp. Rất hoan hỷ, ông thỉnh hai vị Tỳ-kheo đến nhà ông để thọ trai ngày hôm sau. Khi Trưởng lão Losaka Tissa thấy vị A-la-hán nhận được quá nhiều sự quan tâm như vậy, ngài trở nên đố kỵ.

Hôm sau, Trưởng lão Tissa không muốn vị A-la-hán đến dự bữa trai phạn. Vì thế ngài chỉ lấy đầu móng tay gõ nhẹ vào chuông, và rồi đi đến nhà thí chủ một mình. Nhưng vị A-la-hán đọc được tâm địa của Trưởng lão, nên đã đi khỏi tu viện vào lúc rạng đông. Khi người nhà giàu hỏi vị Tỳ-kheo kia đâu, Trưởng lão Losaka nói vị ấy là một vị Tỳ-kheo lười biếng, vô tích sự. Sau khi Trưởng lão đã dùng xong, người nhà giàu rửa bát cho ngài, rồi lại bỏ đầy thức ăn vào đó, và thỉnh cầu Trưởng lão Tissa hoan hỷ đem phần đó về cho vị Tỳ-kheo khách. Nhưng trên đường về chùa, Trưởng lão Tissa đã quăng bỏ phần ăn ấy vào trong một cái hồ và lấy than hồng ở thừa ruộng mới cháy gần đó phủ lên: hành động đố kỵ này là một bất thiện nghiệp.

Khi Trưởng lão Tissa về đến chùa, ngài khám phá ra rằng vị A-la-hán đã bỏ đi. Ngài cảm thấy vô cùng hối hận, và

⁶⁸⁹ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

không lâu sau đó, ngài chết. Vào lúc chết, ‘nghiệp đố kỵ’ của ngài đã làm nhiệm vụ như cận tử nghiệp để tạo ra tái sinh trong địa ngục. Điều này có nghĩa rằng tất cả thiện nghiệp khi là một vị Tỳ-kheo, hơn hai ngàn năm, ngài đã hoàn thành, đã bị cắt đứt bởi nghiệp đố kỵ này, và không thể tạo ra quả của chúng. Một khi ngài đã ở trong địa ngục, nhiều ‘nghiệp đố kỵ’ có cùng tính đồng nhất đã làm nhiệm vụ như trì nghiệp, để gia tăng cường độ và kéo dài những khổ đau của ngài trong địa ngục.

Cuối cùng, khi ngài thoát khỏi địa ngục, những ‘nghiệp đố kỵ’ khác lại chín mùi, để làm nhiệm vụ như sanh nghiệp bất thiện được cảm thọ quả trong kiếp sau. Do sanh thú thất bại (*gati-vipatti*),⁶⁹⁰ ngài trở thành một dạ-xoa (*yakkha*) trong năm trăm kiếp liên tục: mỗi kiếp như vậy, ngài không bao giờ được đủ ăn. Rồi năm trăm kiếp kế khác, ngài phải làm chó, và cũng lại không có đủ thức ăn để ăn. Mỗi kiếp sinh ra, chẳng những ngài không có đủ ăn, mà còn phải chịu đựng nhiều gian khổ khác. Quý vị cứ thử nhìn những vận hành của nghiệp xem!

Tuy nhiên, trong kiếp chót của mình, những thiện nghiệp mà ngài đã hoàn thành trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa gặp được những điều kiện thoả đáng để chín mùi: chúng làm nhiệm vụ như những sanh nghiệp để tạo ra tái sinh như một con người. Nhưng chúng vẫn bị cắt đứt bởi nghiệp đố kỵ của ngài. Như thế nào?

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ngài sanh làm con của một người đánh cá trong ngôi làng Kodala.

⁶⁹⁰ Xem ‘Sanh Thú Thất Bại Cho Phép Những Bất Thiện Nghiệp’, trang 473

Và ngài được đặt tên Losaka Tissa. Từ lúc mang thai ngài, mọi người dân trong làng phải gánh chịu đủ mọi gian khổ. Khi dân làng khám phá ra lý do tại sao, họ đã đuổi gia đình Losaka ra khỏi làng. Khi ngài vừa biết đi, người mẹ đã đặt vào tay ngài chiếc chén bẻ, và để cho ngài tự đi xin ăn. Là một đứa bé con, ngài đã phải lang thang đây đó không người chăm sóc, nhặt từng hạt cơm rơi giống như một con quạ. Ngày nọ, khi ngài mới vừa bảy tuổi, Tôn giả Xá-lợi-phất nhìn thấy ngài. Cảm thấy thương xót cho thân phận của ngài, Tôn giả Xá-lợi-phất cho ngài xuất gia làm một Sa-di. Nhưng Lossaka Tissa luôn luôn không may mắn: bất cứ chỗ nào ngài đi khát thực, ngài chỉ nhận được một chút ít. Cũng như trong kiếp đó, ngài chẳng bao giờ có được một bữa ăn thích đáng. Mặc dù vậy, ngài vẫn thực hành ba loại tăng thượng học (giới, định và tuệ), và cuối cùng trở thành một bậc A-la-hán. Tại sao? Trong Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, hơn hai ngàn năm, ngài đã hoàn thành đủ Ba-la-mật để đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Nhưng, ngay cả khi là một bậc A-la-hán, ngài cũng chẳng có được một bữa ăn no lòng. Khi người ta đặt thức ăn vào bát ngài, thức ăn ấy biến mất: ba-la-mật của ngài cho ngài nhận được thức ăn, nhưng nghiệp đồ ký lại ngăn chúng lại, và thức ăn biến mất. Nguyên nhân là vì ngài đã quăng bỏ thức ăn cúng dường cho một bậc A-la-hán, do ganh tỵ: ngài đã ôm lòng đồ ký đối với một bậc A-la-hán được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, từ nhà giàu.

Một hôm, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy rằng Trưởng lão Lossaka Tissa đêm đó sẽ nhập Bát-Niết-Bàn (*Parinibbāna*). Vì thế ngài quyết định phải làm sao để Trưởng lão Lossaka Tissa có được một bữa ăn thoả đáng trong cái ngày cuối

cùng ấy. Tôn giả đã đi cùng với Trưởng lão đến Sāvatti để khát thực, nhưng không ai chú ý đến họ. Do đó Tôn giả đành phải bảo Trưởng lão Lossaka quay lại chùa và chờ ở đó. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất đi khát thực một mình, nhận được thức ăn, ngài liền nhờ người gởi nó về chùa cho Trưởng lão Lossaka Tissa. Nhưng người này đã ăn hết phần ăn ấy, thế là Trưởng lão Lossaka Tissa trưa hôm đó vẫn không có vật thực để ăn. Và khi Tôn giả Xá-lợi-phất biết chuyện, thì đã quá ngo. Vì thế Tôn giả đi đến cung điện của đức Vua, và nhận được một tô Catu-madhura (tứ vị: mật, dầu, bơ và đường).⁶⁹¹Ngài quay về chùa, và yêu cầu Trưởng lão Lossaka Tissa dùng hết tô tứ vị đó trong khi một tay ngài phải giữ nó: nếu không những món ăn ấy sẽ biến mất. Do lòng bi mẫn và sự nỗ lực của Tôn giả Xá-lợi-phất mà ngày hôm đó, lần đầu tiên trong đời, Trưởng lão Lossaka Tissa được no lòng. Và đêm hôm ấy ngài nhập Bát-Niết-Bàn (sự diệt tối hậu).

Trong mỗi kiếp sống Losaka đều không có ảnh hưởng hay quyền thế, do sức mạnh của nghiệp đồ kỵ của ngài. Nghiệp này làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra những tái sanh bất hạnh (sanh trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh...), và trong mỗi lần tái sanh bất hạnh như vậy, nghiệp đồ kỵ còn làm nhiệm vụ như trì nghiệp để tước đi thức ăn của ngài. Cuối cùng khi một thiện nghiệp đã làm nhiệm vụ như sanh

⁶⁹¹ Catu-madhura: Theo luật, các vị Tỳ-kheo không được phép ăn sau ngo. Tuy nhiên, các vị được phép ăn bốn món này như thuốc trị bệnh. Điều này cũng áp dụng cho sa-di, tu nữ, và những người cận sự nam hay nữ giữ tám giới, chín giới, hay mười giới.

nghiệp để tạo ra tái sinh làm người, và thiện nghiệp ấy chín mùi để cho ngài cơ hội có được thức ăn, nhưng nghiệp đố kỵ của ngài liền làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp khiến cho thức ăn ấy bằng cách nào đó biến mất đi. Tuy nhiên, các ba-la-mật quá khứ và hiện tại của ngài đã chín mùi: đó là, những nghiệp hành thiện chí và thiện minh sát của ngài chín mùi, và ngài đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Không lâu sau khi ngài đắc đạo quả A-la-hán, ngài nhập Vô Dư Niết Bàn (*Parinibbāna*), và nghiệp đố đã cắt đứt tất cả những nghiệp có khả năng làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sinh. Như vậy mọi khổ thân và khổ tâm của ngài đều diệt không còn dư tàn, và ngài sẽ không còn tái sinh lại nữa. Một điện thờ đã được dựng trên tro cốt của ngài.

Vận hành của nghiệp là thế. Có thể nói, những vận hành như vậy của nghiệp là lý do tại sao Đức Phật dạy trong kinh “Dây Trói Buộc”:⁶⁹²

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si làm cho ô nhiễm. Do tâm ô nhiễm, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị ô nhiễm. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

Bây giờ chúng ta sẽ nghe tiếp lời giải thích thứ tám của Đức Phật cho thanh niên Subha.

⁶⁹² S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttaṃ’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’), đã trích dẫn trang 58.

LÀ NGƯỜI KHÔNG ÔM LÒNG ĐỐ KỶ

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có tâm đố kỵ, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, người này không tật đố, không ghen tỵ, không ôm lòng đố kỵ. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy ảnh hưởng lớn (quyền thế lớn).

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến có ảnh hưởng lớn, đó là không có tâm đố kỵ, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, người này không tật đố, không ghen tỵ, không ôm lòng đố kỵ.

URUVELA KASSAPA HOANHỸ

Một ví dụ điển hình của không-đố kỵ dẫn đến có ảnh hưởng lớn là Tôn-giả Uruvela Kassapa. Ngài là một trong ba vị đạo sĩ thờ lửa đã cùng với các đệ tử của mình xuất gia dưới Đức Phật.

Trong Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁶⁹³ ngài là một gia chủ.⁶⁹⁴ Một hôm đi nghe pháp, ngài thấy Đức Phật

⁶⁹³ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Đồi Chư Phật’, cuối Tập II.

⁶⁹⁴ ApA.Liv.8 ‘Uruvela Kassapa-Tthera-Apadānam’ (‘Chuyện Trưởng-lão Uruvela Kassapa <Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp’)

tuyên bố Tỳ kheo Sīhaghosa là đệ tử tối thắng trong lãnh vực có đông đồ chúng (*mahā-parivārāna*). Khi ngài nghe rằng vị Tỳ kheo này đã nhận được nhiều quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, và cúng dường, Uruvela Kassapa chẳng những không cảm thấy tỵ hiềm, ghen tị, và ôm lòng đố kỵ đối với việc đó, mà ngược lại, toàn thân của Uruvela Kassapa còn tràn ngập một niềm hoan hỷ và hạnh phúc đối với vị ấy: đây là những gì chúng ta gọi là *muditā* (hỷ). Thái độ của tâm này có lợi ích rất lớn đối với Uruvela Kassapa. Nó đã giúp ngài đạt đến những trạng thái tái sinh cao hơn sau đó. Và ở lần tái sinh cuối cùng của ngài, nó đã giúp ngài đạt đến A-la-hán Thánh Quả.

Thực vậy, niềm hoan hỷ của Uruvela Kassapa đối với Tỳ kheo (Sīhaghosa, người được tuyên dương là tối thắng trong lãnh vực có đông đồ chúng) mãnh liệt đến nỗi ngài đã phát nguyện có được danh dự như vậy trong Giáo Pháp của một Đức Phật tương lai. Cho đến ngày ấy ngài đã hoàn thành rất nhiều thiện nghiệp:⁶⁹⁵

- Ngài đã thanh tịnh giới hạnh của mình, bằng cách giữ ngũ giới.
- Cúng dường Đức Phật và Tăng Chúng.
- Ghi nhớ Những Lời Dạy của Đức Phật, học pháp một cách thấu đáo, với sự thận trọng và tôn kính; bàn luận những điểm gút mắc trong Kinh, Chú Giải,...
- Thực hành thiền minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa*).

⁶⁹⁵ Đây là việc thực hành tiêu chuẩn, đòi hỏi phải có đề đặc tứ tuệ phân tích: xem lại trang 592.

Ngang đây tôi muốn phân tích điều này theo nguyên lý duyên sanh (*paṭicca samuppāda*) cho quý vị hiểu. Nếu Uruvela Kassapa biết rằng Tỳ kheo Sīhaghosa được tạo thành bởi danh và sắc, thì đó là Chánh Kiến, vì theo thực tại (*yathā-bhūta*), chỉ có danh và sắc chân đế: không có cái gì được xem là một vị Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni. Như vậy, do vô minh (*avijjā*), ngài đã nhìn Tôn-giả Sīhaghosa như một vị Tỳ kheo với đồng đồ chúng. Dựa trên vô minh ấy, ngài nguyện trở thành một vị Tỳ kheo với đồng đồ chúng trong Giáo Pháp của Đức Phật tương lai: đó là tham ái (*taṇhā*) hay khát khao có được kiếp sống làm một vị Tỳ kheo như vậy. Tham ái lập đi lập lại là thủ (*upādāna*). Để đạt được mục đích ấy, ngài đã hoàn thành nhiều thiện nghiệp, bằng cách cúng dường, thanh tịnh giới, học hỏi Pháp, và thực hành thiền chỉ cũng như thiền minh sát; tất cả những thứ này là thiện hành (*saṅkhāra*). Nhưng những thiện hành ấy là vô thường. Ngay khi chúng sanh lên, chúng liền diệt. Tuy nhiên, trong tương tục danh sắc của vị ấy, nghiệp lực (*kamma satti*)⁶⁹⁶ vẫn tồn tại.

Cả thầy có năm nhân quá khứ cho tái sanh:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| 1. vô minh.....(<i>avijjā</i>) | hành..... (<i>saṅkhāra</i>) |
| 2. ái.....(<i>taṇhā</i>) | hữu |
| 3. thủ.....(<i>upādāna</i>) | (nghiệp lực).....(<i>bhava</i>) |

Rồi một số thiện nghiệp (thiện hành) trong đó làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, một số như trì nghiệp, và một số

⁶⁹⁶ nghiệp lực: xem ghi chú 4, trang 2/Tập I.

như chương nghiệp: hầu hết tất cả thiện nghiệp ấy đều là những hậu báo nghiệp (*aparāpariya-vedanīya-kamma*), sẽ được cảm thọ quả trong những kiếp sống tương lai. Và, thực sự như vậy, trong những kiếp sống tương lai ngài có được ảnh hưởng hay quyền thế rất lớn.

Trong một kiếp sau đó, Uruvela Kassapa sanh làm em cùng cha khác mẹ của Đức Phật Phussa: cha của họ là Đức Vua Mahinda.⁶⁹⁷ Ngài cũng có hai người em khác. Một lần, ba anh em dẹp tan được những biến loạn trên vùng biên giới. Đức Vua đã cho phép họ được hộ trì Đức Phật và Tăng Chúng trong ba tháng như một phần thưởng. Lúc đó Tăng Chúng gồm một trăm ngàn vị Tỳ kheo: một phước điền vô thượng ở thế gian. Họ đã chỉ định ba vị quan cận thần của họ đảm trách mọi công việc.⁶⁹⁸ Riêng bản thân họ thì giữ mười giới, ở cận kề bên Đức Phật, nghe ngài dạy Pháp, và hành thiền chỉ và minh sát bất cứ khi nào họ có thể.

Những nghiệp này tạo ra những kết quả thù thắng, và ba anh em lúc thì tái sanh làm chư thiên, lúc tái sanh làm người, qua nhiều kiếp sống. Trong kiếp chót của họ, họ tái sanh trong một gia đình Bà-la-môn, thuộc dòng họ Kassapa (Ca-diếp). Họ học tinh thông ba tập Vệ-Đà (Vedas), và trở thành những đạo sĩ bện tóc thờ lửa, mỗi người có một số đệ tử đi theo. Họ hành pháp khổ hạnh (*atta-kilamatha: tự hành hạ thân xác*), và thờ ngọn lửa thiêng.

⁶⁹⁷ AA.I.xiv.4 ‘Uruvela Kassapa-Tthera-Vatthu’ (‘Trường Họp của Trường Lão Uruvela Kassapa’)

⁶⁹⁸ Trong Giáo Pháp của Đức Phật Gotama, ba vị này thành Vua Tần-bà-sa-la, gia chủ Visākha, và Tôn-giả Raṭṭhapāla.

Uruvela Kassapa là người lãnh đạo, Ngài sống tại Uruvela trên bờ sông Nerañjara, cùng với năm trăm người đệ tử. Xa xuống phía cuối sông người em của ngài, Nadī Kassapa (*Na-đề Ca-diếp*) sống với ba trăm người đệ tử. Và phía dưới hạ lưu sông, Gayā Kassapa (*Già-da Ca-diếp*), sống với hai trăm người đệ tử: như vậy, ba anh em có cả thảy một ngàn đạo sĩ thờ lửa.

Không lâu sau khi thành đạo, Đức Phật đến thăm Uruvela Kassapa.⁶⁹⁹ Tại đây Đức Phật đã hỏi Kassapa xem ngài có thể ở lại trong phòng thờ lửa được không. Kassapa cảnh báo Đức Phật không nên ở đó, vì có một con rồng (*nāga*) rất hung dữ có thể phun ra lửa và khói. Nhưng bằng mọi cách Đức Phật đã ở lại đó. Với năng lực thần thông của mình, Đức Phật trước tiên trấn áp con rồng ấy và sau đó trấn áp một con rồng khác ở kế bên. Uruvela Kassapa rất khâm phục năng lực thần thông của Đức Phật. Ông thỉnh Đức Phật ở lại và hứa sẽ cung cấp thức ăn cho ngài mỗi ngày. Đức Phật ở lại trong một khu rừng gần đó trong ba tháng. Trong thời gian ở đây, ngài đã phô diễn năng lực thần thông của mình nhiều lần, và mỗi lần như vậy Kassapa đều bị ấn tượng. Nhưng ông vẫn nghĩ mình là một bậc A-la-hán, còn Đức Phật không phải, do đó ông không cố gắng học bất cứ điều gì từ Đức Phật. Đức Phật có thể đọc được tâm Kassapa, nhưng vẫn phải chờ cho đúng thời: ngài đã chờ cho đến khi Kassapa phải sẵn sàng để chịu học hỏi nơi ngài.

Cuối cùng, khi thấy đã phải thời, Đức Phật nói với Kassapa rằng ông không phải là một bậc A-la-hán, và ông

⁶⁹⁹ Vin.Mv.i.12 ‘Uruvela-Pāṭihāriya-Kathā’ (‘Luận Về Những Phép Thần Biến Ở Uruvela’)

cũng không biết con đường để đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Kassapa rất lấy làm kinh ngạc. Nhưng bởi vì lúc này ông đã có đức tin nơi Đức Phật, ông nghĩ điều đó có lẽ đúng. Ông khiêm tốn thỉnh cầu Đức Phật cho xuất gia. Đức Phật yêu cầu ông nói quyết định này cho những đệ tử của ông biết và để họ tự quyết định: tất cả mọi người đều quyết định trở thành Tỳ kheo như ông. Cả năm trăm người đều cắt bỏ bện tóc của họ, và ném chúng xuống dòng Sông Nerañjara, cùng với những vật dụng thờ lửa. Sau đó Đức Phật cho họ xuất gia. Nhìn thấy tóc và những vật dụng trôi xuống dòng sông, Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp vội đi đến để hỏi thăm xem chuyện gì xảy ra, và rồi họ và những người đệ tử của họ cũng được cho xuất gia. Sau đó họ cùng du hành với Đức Phật. Tại Gayāsīsa Đức Phật dạy cho họ bài kinh ‘Bị Bốc Cháy’ (*‘āditta-Suttam’*),⁷⁰⁰ qua bài kinh ấy tất cả một ngàn vị Tỳ kheo đều đắc A-la-hán Thánh Quả.

Từ Gayāsīsa, Đức Phật và các vị A-la-hán mới này du hành đến Rājagāha (Vương Xá).⁷⁰¹ Lúc bấy giờ, trước mặt đức Vua Tần-bà-sa-la và đông đảo quần chúng, Uruvela Kassapa đã tuyên bố mình là đệ tử của Đức Phật.

Sở dĩ Uruvela Kassapa được gọi như vậy là vì ông xuất gia tại Uruvela (Ưu-lâu-tần-loa), và để phân biệt ông với các vị Ca-diếp khác.⁷⁰² Khi Uruvela Kassapa còn là một đạo sĩ thờ lửa, ngài có một ngàn đệ tử. Và khi ngài xuất gia

⁷⁰⁰ Ibid., cũng trong S.IV.I.iii.6 ‘āditta-Suttam’ (‘Kinh Bị Bốc Cháy’)

⁷⁰¹ Vin.Mv.i.13 ‘Bimbisāra-Samāgama-Kathā’ (‘Luận Về Cuộc Gặp Gỡ với Vua Tần-bà-sa-la’)

⁷⁰² thực ra Kassapa chỉ là tộc tánh hay họ tộc, và có một số vị Tỳ kheo trong Giáo Pháp của Đức Phật cũng thuộc dòng họ đó.

dưới Đức Phật, tất cả mọi người đều theo ngài. Chẳng hạn, một trong những đệ tử của ngài là Belatṭhasīsa. Vị này đã theo gương Uruvela Kassapa xuất gia làm Tỳ kheo, và sau đó trở thành thầy tế độ của Tôn-giả Ānanda. Nhiều vị đệ tử của Uruvela Kassapa cũng đã cho những người khác xuất gia như thế. Theo cách này, đồ chúng của ngài ngày càng trở nên đông hơn. Vì lẽ đó, khi Đức Phật tuyên bố các vị Tỳ kheo tối thắng, ngài đã tuyên bố Tôn-giả Uruvela Kassapa là vị Tỳ kheo tối thắng trong lãnh vực có đông đồ chúng.⁷⁰³

Quý vị muốn có được ảnh hưởng lớn như vậy không? Nếu muốn, quý vị phải cố gắng để là một người đàn bà hay đàn ông không có tâm tị hiềm, đố kỵ, ghen ty với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường. Thay vào đó quý vị phải hoan hỷ. Những vận hành của nghiệp là vậy.

Đó là lý do vì sao Đức Phật nói với thanh niên Subha, con trai của Toddeya.⁷⁰⁴

Nghiệp phân loại các chúng sanh, đó là có người hạ liệt và người ưu thắng.

Bây giờ chúng ta sẽ nghe lời giải thích thứ chín của Đức Phật cho Subha.

NGƯỜI KHÔNG BỐ THÍ (CÚNG DƯỜNG)

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn

⁷⁰³ A.I.XIV.iv.224 ‘Etad-Agga-Vagga: Catuttha-Vaggo’ (‘Chương nói về “Người Tối Thắng” Phẩm Thứ Tư’)

⁷⁰⁴ Xem lại phần trích dẫn, trang 579.

uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy là người nghèo khổ.⁷⁰⁵

Đây là con đường, này thanh niên đưa đến nghèo khó, đó là không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc.

Ở đây, phải hiểu là mặc dù một người có đủ điều kiện để làm việc cúng dường, nhưng họ không làm vì bòn xén, vì ích kỷ (*macchhariya*): thậm chí người này có thể là người giàu có, nhưng họ không bao giờ thực hiện bất kỳ một cúng dường nào. Nghiệp bòn xén như vậy sẽ tạo ra tái sanh trong một ác thú (địa ngục, ngạ quỷ...), và nếu có tái sanh làm người, người này cũng sẽ là người nghèo khổ.

BÀ LA MÔN TODEYA KEO KIẾT

Một ví dụ điển hình của thói ích kỷ, keo kiệt dẫn đến một tái sanh bất hạnh là cha của người thanh niên mà Đức Phật đang nói đến ở đây, thanh niên Bà-la-môn Subha. Ông

⁷⁰⁵ Đức Phật cũng giải thích điều này cho Hoàng Hậu Mallikā: xem ‘Hoàng Hậu Mallikā’, trang 369/Tập I.

là giáo sĩ bà-la-môn, cố vấn cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala, và là người cực kỳ giàu có.

Bà-la-môn Todeyya, trong quá khứ, đã hoàn thành nhiều thiện nghiệp, và một trong những thiện nghiệp ấy đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, khiến ông được giàu có trong kiếp này. Mặc dù hiện tại ông rất giàu, nhưng ông cực kỳ ích kỷ và bòn xén.⁷⁰⁶ Ông thường nói với Subha là hãy ky cốp tài sản giống như con ong, gom góp từng giọt, từng giọt mật, hay giống như con kiến, gom góp từng hạt cát, để làm thành một ô kiến. Vì vậy, mặc dù Đức Phật và Tăng Chúng luôn trú tại Sāvatti, Todeyya chẳng bao giờ cúng dường thứ gì. Và (như đã nói ở trước) do sự dính mắc quá mức vào tài sản của mình, Todeyya lúc chết đã tái sanh làm một con chó ngay trong căn nhà của ông.

Khi con chó chết, nó tái sanh vào địa ngục. Một nghiệp bòn xén đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh như một con chó, và lúc này một nghiệp bòn xén khác có tính đồng nhất đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để cắt đứt quả của sanh nghiệp, và làm cho quả riêng của nó khởi lên: tái sanh vào địa ngục.

Quý vị có muốn tránh bị tái sanh làm chó không? Quý vị có muốn tránh bị tái sanh vào địa ngục không? Nếu muốn, quý vị phải cố gắng để là một người đàn bà hay người đàn ông không bòn xén, keo kiệt hay ích kỷ. Và quý vị phải cố gắng để loại bỏ bất kỳ sự dính mắc nào mà quý vị có thể có

⁷⁰⁶ Người không thể hưởng được tài sản như thế này cũng là quả của bố thí với tâm keo kiệt: xem ghi chú cuối chương 248, trang 691.

vào tài sản của quý vị bằng cách thực hành thiền chỉ và thiền minh sát.

Hãy nhớ đến câu chuyện Trưởng Lão Lossaka Tissa đố kỵ. Ngài không chỉ ghen tỵ thôi, mà còn ích kỷ nữa: ngài không muốn chia sẻ thiện ý của người hộ độ cho mình với người khác. Hậu quả là, dù thoát khỏi địa ngục, mỗi kiếp tái sinh làm người ngài luôn luôn nghèo khổ. Vận hành của nghiệp là thế.

Đó là lý do vì sao Đức Phật nói trong kinh ‘Dây Trói Buộc’⁷⁰⁷ thứ hai:

‘Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: “Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô.”

Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh.’

Bây giờ chúng ta hãy nghe lời giải thích thứ mười của Đức Phật cho thanh niên Subha.

NGƯỜI THƯỜNG HAY BỐ THÍ, CÚNG DƯỜNG

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông thường hay bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phân sáp, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc.⁷⁰⁸ Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại

⁷⁰⁷ S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’), đã trích dẫn ở trang 68.

⁷⁰⁸ Mười khoản này được gọi là mười thí sự (dasa dāna vatthu)

mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được giàu sang.

Này thanh niên, đây là con đường đưa đến giàu sang, đó là, thường hay bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc.

TÔN GIẢ SĪVALI

Một ví dụ điển hình của bố thí dẫn đến giàu sang là Tôn-giả Sīvali.⁷⁰⁹ Trong Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁷¹⁰ ngài quyết định trở thành vị Tỳ kheo tối thắng trong lãnh vực thọ nhận tứ sự cúng dường, giống như Tôn-giả Sudassana, một trong những đệ tử tối thắng của Đức Phật Padumuttara. Để hoàn thành mục đích này, Sīvali đã đặt bát cúng dường Đức Phật và Tăng Chúng gồm một trăm ngàn vị Tỳ kheo, trong bảy ngày. Quả của nghiệp cúng dường này thực sự là rất lớn. Tại sao?

Vào thời đó, thọ mạng của con người là một trăm ngàn năm, phần lớn mọi người đều giữ giới, và thanh tịnh giới hạnh của mình. Và Sīvali hiểu rằng, do sự thanh tịnh của giới, ước nguyện của một người đức hạnh sẽ trở thành

⁷⁰⁹ AA.I.xiv.2 ‘Sīvali-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Sīvali’)

⁷¹⁰ Xem ‘Phụ Lục 2: Đồng Đối Chư Phật’ cuối Tập II.

hiện thực.⁷¹¹ Để hoàn thành mục đích ấy, ngài đã cúng dường đến Đức Phật và Tăng Chúng; ghi nhớ những Lời Dạy của Đức Phật; học thông suốt Giáo Pháp, với sự thận trọng và tôn kính; bàn luận những đoạn gút mắc trong Kinh, Chú Giải, ...; và thực hành thiền chỉ cũng như thiền minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*). Đây là tiêu chuẩn thực hành của những người mong muốn đắc chứng A-la-hán Thánh Quả cùng với tứ tuệ phân tích (*paṭisambhidā*)⁷¹² Vì thế, nếu phân tích việc cúng dường kéo dài bảy ngày của Sīvali chúng ta thấy:

- Cúng dường ấy được phối hợp với giới (*sīla*), định (*samādhi*), và tuệ (*paññā*).
- Những người thọ nhận là Đức Phật và Tăng Chúng gồm một trăm ngàn vị Tỳ kheo: một phước điền vô thượng ở thế gian.
- Những vật cúng dường có được một cách chân chánh.
- Tâm của Sīvali hoan hỷ, trong sạch, và không cầu uế, trước khi cúng dường, trong khi cúng dường và sau khi cúng dường. Ngài không trông đợi đáp trả bất cứ điều gì từ Đức Phật và Tăng Chúng.

⁷¹¹ Xem trích dẫn ở trang 611.

⁷¹² tứ tuệ phân tích hay bốn vô ngại giải: 1) nghĩa vô ngại giải (*atthapāṭisambhidā*), 2) Pháp vô ngại giải (*Dhamma-pāṭisambhidā*), 3) từ vô ngại giải (*nirutti-pāṭisambhidā*, và 4) trí (*pāṭisambhidā-pāṭisambhidā*: biện tài vô ngại) vô ngại giải, trí hiểu biết về ba trí trước. (VsM. Xiv.428 ‘Paññā-Pabheda-Kathā’ (‘Luận Về Sự Phân Loại Tuệ’) PP.xiv.21-26), cũng xem ghi chú 625, trang 591.

- Do Sīvali đã thực hành thiền minh sát, ngài hiểu được pháp duyên sanh. Điều đó có nghĩa là ngài có đức tin đầy đủ nơi nghiệp và quả của nghiệp, đó là tin rằng quả của nghiệp cúng dường này sẽ rất lớn.[248]

Vì những lý do ấy, đức bố thí hay cúng dường của Sīvali lớn đến nỗi ước nguyện của ngài chắc chắn sẽ trở thành hiện thực. Do đó, Đức Phật Padumuttara đã thọ ký rằng, trong Giáo Pháp của Đức Phật Gotama, Sīvali sẽ trở thành vị Tỳ-kheo tối thắng trong lãnh vực thọ nhận của cúng dường.

Trong Giáo Pháp của Đức Phật Atthadassī,⁷¹³ Sīvali là Vua Varuṇa.⁷¹⁴ Khi Đức Phật nhập Bát-Niết-Bàn (*Parinibbāna*), Sīvali làm một cuộc đại thí đến cây Bồ-Đề, và về sau chết dưới cây ấy. Vào lúc chết, ngài được tái sanh trong cõi Hoá Lạc Thiên (*Nimmānaratī*).[249] Ba mươi bốn lần ngài làm vua cõi người, với tên Subāhu.

Trong Giáo Pháp của Đức Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi), Sīvali là một gia chủ sống gần Bandhumatī.⁷¹⁵ Có lần, dân chúng tranh đua với nhà vua trong một lễ hội cúng dường hoành tráng nhất đến Đức Phật và Tăng Chúng gồm sáu mươi ngàn vị Tỳ-kheo. Trong lễ hội này, Sīvali đã cúng dường mật ong, bơ đặc, và đường đến tất cả người thọ nhận. Và ngài nói với Đức Phật: ‘Bạch Đức Thế Tôn, do phước

⁷¹³ Xem ‘Phụ Lục 2: ‘Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

⁷¹⁴ TGA.I.vi.10 ‘Sīvali-Tthera-Gāthā-Vaṇṇanā’ (Mô Tả Những Bài Kệ của Trưởng Lão Sīvali’)

⁷¹⁵ AA.I.xiv.2 ‘Sīvali-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Sīvali’).

báu này con không nguyện quả báo nào khác ngoại trừ rằng trong một Giáo Pháp của Đức Phật tương lai nào đó, con cũng sẽ trở thành vị Tỳ-kheo tối thắng trong lãnh vực tài lộc (giống như vị Tỳ-kheo đã được chỉ định là tối thắng của ngài).’

Đến thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ngài sanh trong gia tộc của một Licchavi Mahāli. Mẹ ngài là con gái của vua Kosiya, và được gọi là công chúa Suppavāsā. Được sanh trong một gia đình giàu có như vậy, là kết quả của một sanh nghiệp thiện mạnh mẽ thuộc một hậu báo nghiệp (*aparāpariya-vedanīya-kamma*). Nhưng thiện nghiệp ấy đã bị một nghiệp bất thiện làm mất tác dụng. Như thế nào? Sīvali đã trải qua bảy năm, bảy tháng trong bụng mẹ.⁷¹⁶ Trước khi chào đời, mẹ ngài đã phải lâm bồn trong bảy ngày. Bà nghĩ chắc mình sắp sửa chết. Vì thế bà đã yêu cầu chồng đi đến đánh lễ Đức Phật nhân danh bà. Đức Phật đọc lời chúc phúc:

Cầu mong cho công chúa Suppavāsā con gái vua Koliya được an vui, hạnh phúc; cầu mong cho công chúa sinh một bé trai khoẻ mạnh, được thoã mái.

Ngay khi Đức Phật vừa nói lên những lời này, Suppavāsā liền sanh một bé trai khoẻ mạnh, Sīvali. Sau đó, bà làm phước bảy ngày cúng dường đến Đức Phật và Tăng Chúng.

Do sự củng cố của hậu báo nghiệp thiện, Sīvali từ lúc sanh ra đã cực kỳ thông minh. Trong dịp trai tăng bảy ngày, Tôn-giả Xá-lợi-phất được nói chuyện với Sīvali, và với sự cho phép của người mẹ, Tôn-giả đã làm lễ xuất gia cho

⁷¹⁶ DhPA.xxvi.32 ‘Sīvali-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Sīvali’)

ngài.⁷¹⁷ Đẻ tài thiên của Sīvali là nổi thống khổ suốt bảy năm mà ngài phải chịu đựng trong bụng mẹ. Như vậy, vào lúc cạo đầu, khi lộn tóc thứ nhất rơi; Sīvali đã đắc Đạo Quả Nhập Lưu (*Sot-Āpatti*), khi lộn tóc thứ hai rơi; ngài đắc Đạo Quả thứ hai, Nhất Lai Thánh Đạo và Nhất Lai Thánh Quả (*Sakad-Āgāmī*), và Ngài đắc Đạo Quả thứ ba, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả (*An-Āgāmī*), khi lộn tóc thứ ba rơi. [250].

Sau khi xuất gia, ngài rời xa gia đình và sống trong một ngôi tịnh thất. Tại đây, ngài cũng lại thiên quán trên nổi thống khổ dài bảy năm trong bụng mẹ, và trở thành một bậc A-la-hán với tứ tuệ phân tích (*pañisambhidā*).⁷¹⁸ Tất nhiên, sự chứng đắc này là do Ba-la-mật của ngài: ngài đã hành thiên chỉ và thiên minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāna*) trong Giáo Pháp của các vị Phật trước.⁷¹⁹

Như chúng tôi vừa giải thích, Sīvali đã trải qua bảy năm trong bào thai người mẹ, và để sinh ngài ra người mẹ cũng phải mất bảy ngày lâm bồn: đó là nổi thống khổ lớn đối với ngài và mẹ ngài. Điều này là do bất thiện nghiệp cho quả bất định trong quá khứ đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp.

Ngày xưa, khi đức Bồ-tát của chúng ta là vua xứ Ba-la-nại (*Bārāṇasī*), vua của nước Kosala đã gây chiến với ngài.⁷²⁰ Vua nước Kosala giết được đức Bồ-tát, và chiếm lấy hoàng hậu. Nhưng con trai của đức Bồ-tát đã thoát được nhờ chui qua một ống cống. Sau đó, hoàng tử quay trở lại với

⁷¹⁷ ApA.Iv.3 ‘Sīvali-Tthera-Apadābam’ (‘Chuyện Trưởng Lão Sīvali’)

⁷¹⁸ Tứ tuệ phân tích (*pañisambhidā*): xem ghi chú 625, trang 591.

⁷¹⁹ Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāna*), xem trang 222/Tập I.

⁷²⁰ JA.I.x.10 (100) ‘A-Sāta-Rūpa-Jātaka-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Tiền Thân Không Tâm Cầu Sắc Dục’).

một đội binh lớn để chiến đấu. Người mẹ, nghe được dự định của hoàng tử, gởi tin đến khuyển ngài nên phong toả kinh thành thay vì đánh. Sau bảy ngày, dân chúng trong kinh thành đã bắt được vua Kosala, cắt lấy đầu của ông, và đem nộp cho hoàng tử.

Vị hoàng tử đó, theo tương tục danh sắc, về sau được biết là Sīvali trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, và người mẹ lúc đó bây giờ là mẹ của ngài. ‘Nghiệp phong toả’ của họ là chướng nghiệp đã kéo dài thời gian ở trong bụng mẹ của Sīvali, và thời gian lâm bồn của người mẹ.

Đức Phật liên hệ lại câu chuyện này để giải thích cho các vị Tỳ-kheo biết lý do tại sao sự thai nghén của công chúa Suppavāsā phải kéo dài lâu đến như vậy. Vận hành của nghiệp là thế, và đây là lý do tại sao Đức Phật đã lập đi lập lại trong Kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai:⁷²¹

‘Do vậy, này các Tỳ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: “Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô.”

Do tâm nhiễm ô, này các Tỳ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh.’

Về sau, Tôn giả Sīvali được Đức Phật tuyên bố là vị Tỳ-kheo tối thắng trong lãnh vực thọ nhận cúng dường.⁷²² Có lần, khi Đức Phật và Tăng Chúng đi thăm Tôn giả Khadira-Vaniya Revata (Ly-bà-đa ở Rừng Keo’), người em út của

⁷²¹ S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttaṃ’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’), đã trích dẫn ở trang 68.

⁷²² A.I.XIV.ii.207 ‘Etad-Agga Vagga: Dutiya Vaggo’ (‘Chương Nói Về “Người Tối Thắng”’: Chương Thứ Hai’)

Trưởng-lão Xá-lợi-phất, ngài đã đưa Tôn giả Sīvali đi theo, bởi vì đoạn đường đi rất gian khó, không dễ có được đồ ăn khất thực: nhưng (Đức Phật biết) với ‘trì nghiệp thiện bố thí’ của Tôn giả Sīvali, sẽ luôn luôn có đủ thức ăn cho mọi người.⁷²³

Một lần khác, để thử phước của mình, Tôn giả Sīvali đã đi đến vùng núi Himalayas (Hy-ma-lay-ya) cùng với năm trăm vị Tỳ kheo.⁷²⁴ Các vị chư thiên đã cung cấp cho họ thật dồi dào. Ở ngọn núi Gandhamadana, có một vị chư thiên gọi là Nagadatta đã dâng cho các vị món cơm sữa trong bảy ngày. Việc luôn luôn có được vật thực của Sīvali này là quả của thiện nghiệp bố thí trong tiền kiếp của ngài, đây là trì nghiệp thiện được cảm thọ quả từ kiếp thứ hai đổ đi. Vận hành của nghiệp là vậy.

Bây giờ chúng ta sẽ nghe lời giải thích thứ mười một của Đức Phật cho thanh niên Subha:

NGƯỜI NGẠO NGHỀ, KIÊU MẠN

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông ngạo nghề, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ

⁷²³ DhPA.vii.8 ‘Khadira-Vaniya-Revata-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Tôn giả Revata ở Rừng Keo’)

⁷²⁴ AA.I.xiv.2 ‘Sīvali-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng-Lão Sīvali’) & TGA.I.vi.10 ‘Sīvali-Tthera-Gāthā-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Những Bài Kệ của Trưởng Lão Sīvali’) & ApA.Lv.3 ‘Sīvali-Tthera-Apadānam’

đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không bị tái sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy được trở lại làm Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải sanh trong gia đình hạ liệt.

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến thọ sanh gia đình hạ liệt, đó là ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường.

Vậy, ai là người đáng được tôn trọng, đáng được tôn kính, và đánh lễ? Đó là những bậc cao niên và có nhân cách hơn mình. Trước nhất, phải kể đến các vị Phật Chánh Đẳng Giác, Phật Độc Giác, và các vị Thánh Đệ Tử (Ariya-Sāvaka).⁷²⁵ Đối với một người tại gia, những người cao niên và nhân cách hơn bao gồm cha, mẹ của mình, các vị sa-môn, bà-la-môn, các vị trưởng tộc.[251]

NGƯỜI QUÉT RÁC SUNĪTA

⁷²⁵ Xem chú giải bài kinh đang bàn luận.

Một ví dụ điển hình của kiêu mạn đưa đến tái sinh địa ngục, và thọ sanh làm người hạ liệt là Tôn-giả Sunīta. Trong một kiếp quá khứ, có lần ông gặp một vị Phật Độc Giác (*Pacceka Buddha*) đang đi khất thực trong làng. Khi nhìn thấy Đức Phật, ông đã nói với sự khinh miệt và chỉ trích lối sống của ngài. Ông nói: *‘Ông có tay có chân giống như mọi người. Ông nên làm việc để kiếm sống như chúng tôi chứ!. Nếu ông không có nghề nghiệp gì, thì đi lượm rác và các đồ phế thải mà ăn.’*

Sunīta chẳng những không đánh lễ người đáng đánh lễ, không kính trọng người đáng kính trọng, không cung kính người đáng đáng cung kính, mà còn nói lời khinh miệt đối với một vị Phật Độc Giác. Như vậy, ông đã hoàn thành rất nhiều bất thiện nghiệp. Một số nghiệp ấy đã làm nhiệm vụ như những sanh nghiệp, một số như những chướng nghiệp. Khi ông chết, một sanh nghiệp thuộc loại như vậy thực sự đã tạo ra tái sinh của ông trong địa ngục. Vì thế, chúng ta có thể hiểu rằng trong cuộc lang thang vô định của tử sanh luân hồi, không cung kính, không đánh lễ, không tôn trọng những người đáng kính trọng là điều rất nguy hiểm.

Cuối cùng, khi Sunīta thoát khỏi địa ngục, và lại được tái sinh như một con người, trong rất nhiều kiếp sống, ông đã phải tái sinh trong những gia đình thuộc giai cấp hạ liệt nhất: mỗi kiếp sinh ra, ông đều sinh vào một gia đình của người quét rác. ‘Nghiệp-khinh rẽ một vị Phật Độc Giác’ ấy đã làm nhiệm vụ như những chướng nghiệp, để đem sự bất hạnh vào mỗi kiếp sống làm người của ông. Mỗi kiếp như vậy, ông đã trải qua một cuộc sống khốn khổ của một người quét rác, nhặt nhạnh những thứ bỏ đi trong thùng rác. Và trong quá khứ ông đã đối xử với Đức Phật Độc Giác như thế

nào, giờ đây người ta cũng nhìn ông với sự ghê tởm, và đối xử với ông với sự khinh miệt y như vậy. Ông phải cung kính, tôn trọng, và đánh lễ mọi người, già cũng như trẻ, với thái độ hạ mình, nhẫn nại, bởi vì sự sống của ông lệ thuộc vào thiện chí và từ bi của họ.

Tuy nhiên, trong quá khứ Sunīta cũng đã hoàn thành đủ thiện nghiệp và Ba-la-mật để đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Khi những thiện nghiệp này chín mùi, một nghiệp trong đó đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người của ông trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta.

Trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ông cũng lại sanh vào trong một gia đình người quét rác, ở Rājagaha. Và một lần nữa, người ta đã nhìn ông với thái độ ghê tởm, và đối xử với ông một cách khinh miệt. Tuy nhiên, một ngày nọ, Đức Phật thấy rằng Sunīta đã hoàn thành đủ Ba-la-mật để đạt đến A-la-hán Thánh Quả. Vì thế, vào lúc rạng đông, Đức Phật cùng với năm trăm vị Tỳ kheo cố tình đi qua chỗ Sunīta đang quét rác và dọn dẹp đường phố. Khi Sunīta nhìn thấy Đức Phật, trong lòng ông tràn ngập một niềm hoan hỷ và kính sợ. Không thể nào tránh đi đâu được, ông đứng dựa lưng vào tường, với đôi tay chấp lại trong thái độ cung kính.

Đức Phật tiến đến gần Sunīta và với giọng thân thiện, dịu dàng ngài hỏi xem ông có thích trở thành một vị Tỳ kheo không. Sunīta bộc lộ một niềm hoan hỷ cực độ, và Đức Phật cho ông xuất gia bằng những lời:

***Hãy đến này Tỳ kheo! (Ehi bhikkhu! Thiện lai Tỳ kheo!)
Pháp đã được khéo thuyết giảng! hãy sống đời Phạm hạnh
vì mục đích đoạn tận khổ đau!***

Rồi Đức Phật đưa Tôn-giả Sunīta về chùa, và dạy cho ngài một đề mục thiền. Tôn-giả Sunīta đã phát triển tám thiền chứng, và năm thần thông (*abhiññā*): với thiền minh sát ngài đạt đến thần thông thứ sáu, lậu tận thông, tức A-la-hán thánh quả.⁷²⁶ Sau đó, nhiều vị Phạm Thiên, cũng như chư thiên và con người đã đến đảnh lễ ngài, và ngài dạy cho họ kinh nghiệm chứng thiền và đạo quả của ngài. Vận hành của nghiệp là thế.

Những vận hành như vậy của nghiệp là lý do khiến Đức Phật nói trong ‘Kinh Kokālika’:⁷²⁷

*Khi con người đã sanh,
sanh với búa trong miệng,
kẻ ngu si nói bậy,
tự chặt đứt lấy thân.*

THỌ CAO TÓC UPĀLI

Một ví dụ điển hình khác về việc bất kính dẫn đến tái sanh hạ liệt là Trưởng lão Upāli. Trong Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁷²⁸ Upāli là một người Bà-la-môn rất giàu tên Sujāta. Ông sống tại Hamsāvati, nơi đây cũng là nơi thọ sanh của Đức Phật Padumuttara.⁷²⁹ Lần nọ, Đức Phật đi đến

⁷²⁶ Tám thiền chứng gồm bốn thiền sắc giới và bốn thiền vô sắc; về thần thông, xem ghi chú 207, trang 161/Tập I.

⁷²⁷ Xem ghi chú 656, trang 615

⁷²⁸ Xem ‘Phụ Lục II Dòng Dõi Chư Phật’ cuối Tập I&II

⁷²⁹ Ap.II.iii.6 ‘Upāli-Tthera-Apadānam’ (‘Những Mẫu Chuyện về Trưởng-lão Upāli’)

Hamśāvātī thăm và dạy Pháp cho Ānanda, cha của ông, một người thuộc giai cấp quý tộc. Tại đây, Sujāta nhìn thấy sa môn Sunanda đứng cầm một cây lọng hoa che cho Đức Phật trong bảy ngày. Ông cũng được nghe Đức Phật tuyên bố rằng Sunanda này trong Giáo Pháp của Đức Phật Gotama, sẽ trở thành Tôn-giả Puṇṇa Mantāniputta nổi tiếng.⁷³⁰ Và Sujāta phát khởi một ước muốn được gặp Đức Phật Gotama tương lai. Rồi khi nghe Đức Phật Padumuttara tuyên bố vị Tỳ kheo Pātika là đệ nhất trong số những người tinh thông về giới luật (*Vinaya-dhāra*), Sujāta đã nguyện cho mình có được vinh dự này trong Giáo Pháp của Đức Phật Gotama.

Để thành tựu mục đích ấy, ông đã làm phước cúng dường đến Đức Phật và Tăng Chúng. Đặc biệt, ông đã cho xây một ngôi tự viện gọi là Sobhana, rất tốn kém. Ngoài làm phước cúng dường ra, Sujāta còn ghi nhớ những lời dạy của Đức Phật, học hỏi Pháp, với sự thận trọng và tôn kính; ông đã luận bàn những đoạn gút mắc trong kinh điển, chú giải,...; và thực hành thiền minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa*).⁷³¹

⁷³⁰ Tôn-giả Puṇṇa Mantāniputta được Đức Phật Gotama tuyên bố là đệ nhất về thuyết Pháp (*Dhamma-kathika*) (A.I.XIV.i.196 “*Etad-Agga Vagga: Paṭhamo-Vaggo*” (‘Chương Nói Về “Người Tối Thắng”: Chương Thứ Nhất’). Trong M.I.iii.4 ‘*Ratha-Vinīta-Suttam*’ (‘Kinh Trạm Xa’), ngài giải thích cho Tôn-giả Xả-lợi-phát biết rằng đạo lộ tu tập để đạt đến A-la-hán Thánh Quả là bảy bước thanh tịnh. Bộ Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhi-Magga*) đã được trình bày theo bảy bước này.

⁷³¹ Đây là pháp hành tiêu chuẩn đòi hỏi phải có để đắc tứ tuệ phân tích: xem lại ghi chú 625, trang 592.

Tuy nhiên, hai đại kiếp trước, Upāli lúc đó là con trai của nhà quý tộc với tên Sunanda, đã tạo một bất thiện nghiệp nghiêm trọng. Một hôm, đang cưỡi voi đi đến công viên, ông gặp Đức Phật Độc Giác Devala. Do kiêu hãnh về thọ sanh cao quý của mình, ông đã ăn nói một cách thô lỗ với Đức Phật Độc Giác này. Và ngay lập tức ông cảm thấy thân mình nóng như thiêu như đốt. Sau đó, ông cùng với đám tùy tùng đi đến gặp Đức Phật và xin sám hối. Chỉ khi đó cảm giác nóng bức trên thân ông mới dứt. Trong lần tái sanh cuối cùng của mình, ‘nghiệp thô lỗ’ này đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp, và sanh nghiệp thiện của ông chỉ có thể tạo ra một sự tái sanh hạ liệt trong xã hội loài người. Ông thọ sanh trong một gia đình người thợ cạo tóc ở Kapilavatthu, và làm công việc hớt tóc cho các hoàng tử dòng Thích Ca.

Khi Đức Phật rời Kapilavatthu và đến trú tại khu rừng Anupiya. Tại đó, nhiều thanh niên dòng họ Thích Ca đã đi đến xin xuất gia làm Tỳ-kheo.⁷³² Trong số đó có sáu hoàng tử Thích Ca: Bhaddiya,⁷³³ Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimila, và Devadatta. Upāli cùng đi với các hoàng tử Thích Ca, nhưng họ để lại tất cả những vật có giá trị cho ngài, và bảo ngài quay trở về. Nhưng ngài nhận ra rằng nếu ngài quay trở về Kapilavatthu với những vật quý giá ấy, những người trong dòng họ Thích Ca có thể nghĩ ngài đã giết những hoàng tử kia (để tước đoạt tài sản). Vì thế ngài bỏ lại những vật ấy trong rừng, và gia nhập với các hoàng tử Thích Ca để được trở thành Tỳ-kheo. Vào lúc xuất gia của họ, các vị

⁷³² Vin.Cv.vii.1.331 ‘Cha-Sakya-Pabbajjā-Kathā’ (‘Luận Về Sự Xuất Gia Của Sáu Hoàng Tử Thích Ca’)

⁷³³ Câu chuyện của Bhddiya được bàn đến ngay dưới đây.

hoàng tử thỉnh cầu Đức Phật cho Upāli được xuất gia trước, để làm giảm sự kiêu ngạo của họ.

Sau khi trở thành một vị Tỳ-kheo, một hôm Tôn-giả Upāli thỉnh cầu Đức Phật cho một đề tài thiền để ngài có thể đi vào trong rừng sống một mình.⁷³⁴ Nhưng Đức Phật từ chối không muốn để ngài đi. Đức Phật giải thích rằng ở trong rừng Upāli sẽ chỉ học được thiền, nhưng nếu ngài sống với Tăng Chúng gần bên Đức Phật, ngài cũng sẽ học được Pháp nữa. Vì thế Tôn-giả Upāli đã sống gần bên Đức Phật, hành thiền, và học Pháp. Đúng thời, ngài đắc A-la-hán Thánh Quả cùng với tứ tuệ phân tích (*paṭisambhidā*).⁷³⁵ Và chính Đức Phật đã dạy cho Upāli toàn bộ ‘Tạng Luật (*Vinaya-Piṭika*)’: Vinaya là những luật lệ dành cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni. Tôn-giả Upāli được xem là vị Tỳ-kheo đã đạt đến sự xuất chúng trong lĩnh vực luật, và được Đức Phật tuyên bố là tối thắng về luật.⁷³⁶ Tại cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất, ở Rājagaha, Tôn-giả Ānanda đã trùng tuyên về Pháp (*Dhamma*), và Tôn-giả Upāli trùng tuyên về Luật.⁷³⁷ Tất cả những vấn đề liên quan đến luật đã được ngài giải quyết. Vận hành của nghiệp là như thế⁷³⁸. Đó là lý do tại sao Đức Phật lại nói với thanh niên Subha, con trai của Todeyya:

⁷³⁴ AA.I.xiv.4. ‘Upāli-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng-lão Upāli ‘), và ApA và TGA.

⁷³⁵ Tứ tuệ phân tích: xem ghi chú 625, trang 592.

⁷³⁶ A.I.XIV.ii.228 ‘Etad-Agga Vagga: Paṭhamo Vaggo’ (‘Chương Nói Về “Người Tối Thắng”’: Chương Thứ Nhất)

⁷³⁷ Vin.Cv.XI.i.439 ‘Saṅgīti-Nidānam’

⁷³⁸ về một trường hợp tương tự của việc bất kính đối với các bậc tôn trưởng, nhân cách cao quý, xem ‘Nữ Tỳ Khujjuttarā’ trang 398.

Nghiệp phân biệt các chúng sanh, đó là có (người) hạ liệt, (người) cao quý.

Bây giờ chúng ta hãy nghe lời giải thích thứ mười hai của Đức Phật cho thanh niên Subha.

NGƯỜI KHÔNG NGẠO NGHỄ, KIÊU MẠN

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có ngạo nghễ, kiêu mạn. Đối với người đáng đánh lễ, người này đánh lễ; đối với người đáng đứng dậy, người này đứng dậy; đối với người đáng mời ngồi, người này mời ngồi; đối với người đáng nhường chỗ đi, người này nhường chỗ đi; đối với người đáng tôn trọng, người này tôn trọng; đối với người đáng cung kính, người này cung kính; đối với người đáng cúng dường, người này cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được thọ sanh cao quý.

Đây là con đường, này thanh niên, đưa đến thọ sanh cao quý, đó là, không phải là người kgaọ nghễ, kiêu mạn. Đối với người đáng đánh lễ, người này đánh lễ; đối với người đáng đứng dậy, người này đứng dậy; đối với người đáng mời ngồi, người này mời ngồi; đối với người đáng nhường chỗ đi, người này nhường chỗ đi; đối với

người đáng tôn trọng, người này tôn trọng; đối với người đáng cung kính, người này cung kính; đối với người đáng cúng dường, người này cúng dường.

TÔN GIẢ BHADDIYA THỌ SANH CAO QUÝ

Ở đây, Tôn-giả Bhaddiya là một ví dụ điển hình cho chúng ta thấy rằng việc đánh lễ, cung kính, tôn trọng, cúng dường đối với những người đáng đánh lễ... cúng dường đưa đến thọ sanh cao quý như thế nào. Ngài là con của Kāḷigodhā, một nữ nhân dòng họ Thích Ca cao quý: đó là lý do tại sao ngài còn được gọi là Kāḷigodhā-Putta-Bhaddiya (Bhaddiya con bà Kāḷigodhā). Đức Phật tuyên bố ngài là tối thắng trong số những vị Tỳ-kheo thuộc gia đình cao quý (*uccā-kulika*).⁷³⁹ Ngài đã quyết định để nhận được danh hiệu này⁷⁴⁰ trong Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara.⁷⁴¹ Thời kỳ ấy ngài được thọ sanh trong một gia đình rất giàu có. Trong kiếp đó, ngài làm phước cúng dường đồ ăn và những vật dụng khác đến Đức Phật và Tăng Chúng, lúc nào ngài cũng giữ thái độ cung kính, tôn trọng, đánh lễ đối với Đức Phật và Tăng Chúng. Ngài ghi nhớ những Lời Dạy của Đức Phật, học hỏi Pháp với sự thận trọng và tôn kính; luận bàn những đoạn khúc mắc trong Kinh Điển, Chú giải...; và thực

⁷³⁹ A.I.XIV.i.193 ‘Etad-Agga Vagga: Paṭhamo Vaggo’ (‘Chương Nói Về “Người Tối Thắng”’: Chương Thứ Nhất)

⁷⁴⁰ Ap.I.v.3 ‘Kāḷigodhā-Putta-Bhaddiya-Tthera-Apadānam’ (‘Những Mẫu Chuyện về Trưởng Lão Bhaddiya Con Bà Kāḷigodhā’)

⁷⁴¹ Xem ‘Phụ Lục II: Dòng Đời Chư Phật’, cuối Tập I&II

hành minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*).⁷⁴²

Trong khoảng thời gian giữa Đức Phật Kassapa và Đức Phật Gotama có lần ngài sinh làm một gia chủ trong kinh thành Bārāṇasī.⁷⁴³ Khi ngài nghe nói các vị Phật Độc Giác thường thọ thực trên bờ sông Hằng (Ganges), ngài đã cho làm bảy chỗ ngồi bằng đá, và đem đặt tại bờ sông ấy cho các vị ngồi. Theo cách đó, ngài đã cung kính, tôn trọng và đánh lễ các vị Phật Độc Giác, và cúng dường chỗ ngồi cho các vị đáng có chỗ ngồi. Thực ra đó chỉ là một trong nhiều thiện nghiệp mà sau đó đã tạo một sự thọ sanh cao quý mà thôi.

Trong kiếp cuối, ngài sanh ra trong một gia đình cầm quyền của vương tộc Thích Ca (*rājā*) ở Kapilavatthu, nơi thọ sanh của Đức Phật. Chính Baddiya là người cai trị một lãnh địa của dòng họ Thích Ca. Lúc bấy giờ Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) là bạn thân của ngài. Khi Anuruddha xin phép mẹ để trở thành một vị Tỳ-kheo, mẹ ngài nói chỉ khi nào Bhaddiya cũng xuất gia Tỳ-kheo thì bà mới cho phép. Và ngài đã khéo léo thuyết phục Bhaddiya từ bỏ cuộc sống vương giả của mình trong bảy ngày.⁷⁴⁴ Kinh nói rằng Bhaddiya đã đạt đến

⁷⁴² Đây là việc thực hành tiêu chuẩn đòi hỏi phải có để đắc tứ tuệ phân tích: xem lại ghi chú 625, trang 592 để biết về tứ tuệ phân tích.

⁷⁴³ *Ibid.* và TGA.II.xvi.7 ‘Kāḷigodhā-Putta-Bhaddiya-Tthera-Gāthā-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Về Những Văn Kệ của Trưởng Lão Bhaddiya con bà Kāḷigodhā’).

⁷⁴⁴ Bhaddiya là một trong năm hoàng tử Thích Ca đã bỏ lại tất cả những vật giá trị của họ cho Upāli, người thợ cạo của họ. Xem ‘Thợ Cạo Tóc Upāli’ trang 661.

quả vị A-la-hán cùng với tam minh (te-vijjā)⁷⁴⁵ ngay mùa hạ đầu tiên sau khi xuất gia.⁷⁴⁶

Không lâu sau khi đắc A-la-hán, dưới một gốc cây ở nơi vắng vẻ, an trú trong lạc của Niết-Bàn, Tôn-giả Bhaddiya thường thốt lên lời này:⁷⁴⁷

Ôi, hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!

Các vị Tỳ-kheo bạn của ngài cho rằng ngài đang nghĩ về quá khứ khi còn là một hoàng tử sống trong cung điện, nên đã trình việc này lên Đức Phật. Nhưng trước mặt Đức Phật ngài giải thích rằng khi còn làm vua, ngài luôn luôn lo sợ và căng thẳng thần kinh, cho dù có lính canh bên trong và bên ngoài cung điện. Nhưng bây giờ, sau khi đã từ bỏ tất cả, ngài thoát khỏi mọi sợ hãi.

Do những thiện nghiệp tiền kiếp, Bhaddiya đã được làm vua trong năm trăm kiếp và nhận được địa vị nổi bật trong kiếp chót này. Mặc dù có những người khác thuộc tầng lớp quý tộc cao hơn, nhưng Đức Phật vẫn tuyên bố ngài là vị tối thắng trong số những Tỳ-kheo thọ sanh cao quý bởi vì người sanh ra ngài là một nữ nhân lãnh đạo dòng tộc Thích Ca, và bởi vì ngài đã từ bỏ địa vị làm vua của mình để đi xuất gia, và cũng vì ngài từng làm vua trong năm trăm kiếp liên tục.⁷⁴⁸

⁷⁴⁵ Vin.Cv.vii.1.331 ‘Cha-Sakya-Pabajjā-Kathā’ (‘Luận về sự Xuất Gia của Sáu HT Thích Ca’)

⁷⁴⁶ Ibid; tam minh: xem ghi chú 207, trang 162/Tập I.

⁷⁴⁷ ibid

⁷⁴⁸ A.I.XIV.i.193 ‘Etad-Agga Vagga: Paṭhamo Vaggo’ (‘Chương Nói Về “Người Tối Thắng”’: Chương Thứ Nhất’)

Quý vị có muốn được thọ sanh cao quý không? Nếu muốn, quý vị phải cố gắng để là một người nam hay nữ không ngạo nghễ, kiêu mạn. Nếu quý vị muốn một thọ sanh cao quý:

- Đối với những người đáng cung kính, quý vị phải cung kính.
- Đối với những người đáng đứng dậy, quý vị phải đứng dậy.
- Đối với những người đáng nhường chỗ ngồi, quý vị phải nhường chỗ ngồi.
- Đối với những người đáng nhường đường đi, quý vị phải nhường đường đi.
- Đối với những người đáng kính trọng, tôn kính, và đánh lễ, quý vị phải kính trọng, tôn kính và đánh lễ.

Trước hết là những bậc tôn trưởng và cao quý hơn,⁷⁴⁹ như chư Phật Chánh Đẳng Giác, Phật Độc Giác, và các vị Thánh Đệ Tử (*Ariya-Sāvaka*).[252] Và đối với một người cư sĩ, những bậc cao niên và nhân cách tốt hơn chúng ta, như mẹ, cha, các sa-môn, bà-la-môn, và trưởng tộc.⁷⁵⁰

Hãy ghi nhớ đừng quên, ngạo nghễ và kiêu mạn là những phiền não. Phiền não không tạo ra thọ sanh cao quý, mà chỉ tạo ra thọ sanh hạ liệt. Những vận hành của nghiệp là thế. Và đó là lý do tại sao Đức Phật nói với thanh niên Subha:

⁷⁴⁹ Xem chú giải bài kinh đang bàn luận.

⁷⁵⁰ Về sự không-tôn kính các bậc trưởng thượng, cao niên, và nhân cách hơn trong tương lai, như tiên đoán của Đức Phật, xem lại ghi chú cuối chương 251, trang 692.

Nghiệp phân loại các chúng sanh, đó là có (người) hạ liệt, (người) cao quý.

Bây giờ, chúng ta hãy nghe lời giải thích thứ mười ba của Đức Phật cho Subha:

KHÔNG PHẢI LÀ NGƯỜI HAY HỎI

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn (samaṇa-brahmaṇa), không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội?[253] Thế nào là không phạm tội? Điều gì cần phải thực hành? Điều gì không cần phải thực hành? Điều gì, nếu tôi làm sẽ đem lại sự tổn hại và đau khổ lâu dài? Hay điều gì, nếu tôi làm sẽ được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy trở lại làm Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy trí tuệ yếu kém.

Này thanh niên, đây là con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, đó là, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn (samaṇa-brahmaṇa), không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Điều gì cần phải thực hành? Điều gì không cần phải thực hành? Điều gì, nếu tôi làm sẽ đem lại

sự tổn hại và đau khổ lâu dài? Hay điều gì, nếu tôi làm sẽ được lợi ích và an lạc lâu dài?’

Ở đây, không phải do không hỏi những câu hỏi về chánh hạnh mà một người tái sanh trong một sanh thú xấu. Mà họ tái sanh trong một sanh thú xấu vì họ cư xử xấu. Và họ cư xử xấu là vì thiếu trí, không biết được sự khác nhau giữa hạnh xấu và hạnh tốt, không biết được hậu quả của những hạnh xấu và hạnh tốt ấy. Họ không biết những điều này vì họ không hỏi. Do không hỏi, họ không biết làm thế nào để cư xử cho tốt, vì thế họ cư xử xấu, cư xử ngược lại với Pháp (*Dhamma*). Do cư xử ngược lại với Pháp, họ phạm những bất thiện nghiệp làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp bất thiện hay chướng nghiệp bất thiện, để cắt đứt và làm chướng ngại những quả đáng mong muốn của thiện nghiệp.

Như vậy chúng ta có thể hiểu rằng lời giải thích thứ mười ba Đức Phật đưa ra cho thanh niên Subha thực sự bao gồm những tất cả những bất thiện nghiệp mà từ trước đến giờ chúng ta đã bàn luận: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu&bia,... nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô lỗ, nói chuyện nhằm nhí, vô ích, ý tham, ý sân, và chấp giữ tà kiến. Sở dĩ chúng ta làm tất cả những điều xấu này là vì thiếu trí, vì chúng ta không biết chúng là xấu, vì chúng ta không có niềm tin nơi những vận hành của nghiệp hay không có trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Đĩ nhiên, ở đây, những ví dụ điển hình là tất cả những ví dụ mà từ trước đến giờ chúng ta đã bàn tới, đó là những ví dụ về những người làm những điều bất thiện, những điều được xem là có tội, những điều lẽ ra không nên làm, những điều mà do làm nó, đã đưa đến sự tổn hại và đau khổ lâu dài

cho họ. Chúng ta đã bàn về sự đoán thọ của Tôn-giả Mục-kiền-liên: trong một kiếp quá khứ, ngài đã cố tình đánh đập cha mẹ của ngài đến chết. Do nghiệp đó ngài đã đi đến địa ngục trong một thời gian rất dài. Sau đó, ngài còn bị đánh cho đến chết trong nhiều kiếp sống, ngay cả trong kiếp cuối cùng (trở thành A-la-hán) của ngài. Kế tiếp, có ví dụ về dạ-xoa (*yakkha*) Nanda: dạ-xoa này đã đánh vào đầu Tôn-giả Xá-lợi-phất. Do nghiệp đó, Nanda đã bị đất nuốt chửng và tái sinh trong địa ngục. Rồi ví dụ về căn bệnh khủng khiếp của Tôn-giả Pūṭigattatissa: trong một kiếp quá khứ, ngài đã bẻ gãy cánh và chân của nhiều con chim để ngăn không cho chúng chạy thoát đi. Do nghiệp đó, ngài đã đi đến địa ngục trong một thời gian lâu dài. Sau đó, ngài được tái sinh làm người, và trở thành một vị Tỳ-kheo. Nhưng ngài đã phát triển những ung nhọt ở khắp toàn thân, và xương của ngài bị phân rã ra rất hôi thối và đau đớn. Và sự xấu xí của Pañcapāpī: trong một kiếp quá khứ, cô đã ném cho Đức Phật Độc Giác một cái nhìn giận dữ. Do nghiệp đó, cô sinh ra rất xấu xí. Và sự xấu xí của Suppabuddha: trong một kiếp quá khứ, là con trai của một viên trưởng khố, ngài đã lãng mạ một vị Phật Độc Giác. Do nghiệp đó, ngài đã đi xuống địa ngục trong một thời gian rất lâu. Và trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ngài sinh làm người, nhưng là một người cùi rất xấu xí và khốn khổ. Rồi việc không có ảnh hưởng hay quyền thế nhỏ của Tôn-giả Losaka Tissa: trong một kiếp quá khứ, ngài đã không thể kiểm soát được thói ganh tỵ của mình đối với một vị A-la-hán, và ném bỏ thức ăn của vị A-la-hán ấy đi. Do nghiệp đó, ngài đã đi đến địa ngục trong một thời gian dài. Và trong mỗi kiếp sau đó, ngài còn chịu đựng rất nhiều gian khổ, không bao giờ có đủ thức ăn để ăn. Ngay cả

trong kiếp cuối cùng, khi ngài đã trở thành một vị Tỳ-kheo và một bậc thánh A-la-hán, ngài cũng chẳng bao giờ có đủ thức ăn để ăn. Chúng ta cũng đã bàn đến cha của thanh niên Subha, cảnh nghèo nàn của Bà-la-môn Todeyya giàu có. Ông là một con người keo kiệt, chẳng bao giờ bố thí cho ai một thứ gì. Do nghiệp đó, ông phải tái sinh làm chó. Hết kiếp làm chó, ông còn bị tái sinh trong địa ngục. Và sự thọ sanh thấp hèn của Tôn-giả Sunīta: trong một kiếp quá khứ, ngài cũng nói lời thô lỗ đối với một Đức Phật Độc Giác. Do nghiệp đó, ngài đã đi xuống địa ngục. Hết kiếp ở địa ngục, ngài cứ tái sinh đi tái sinh lại làm người trong giai cấp thấp hèn nhất, một người quét rác. Và sự thọ sinh thấp hèn của Tôn-giả Upāli nữa: trong một kiếp quá khứ, ngài cũng xỉ vả một vị Phật Độc Giác. Do nghiệp đó, khi ngài tái sinh lại làm người trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, ngài phải sanh trong một gia đình người thợ cạo tóc. Tất cả những người đó đã làm những điều xấu do thiếu trí.

ĐỨC VUA SUPPABUDDHA THIẾU TRÍ

Chúng ta có thể lấy Suppabuddha, một đức Vua dòng họ Thích, làm ví dụ về sự thiếu trí. Ông là em của Hoàng Hậu Mahāmāyā, mẹ của Đức Phật và là cha của công chúa Yasodharā, vợ của Thái Tử Siddhatta. Ông cũng còn là cha của Devadatta.

Vua Suppabuddha thọ sanh trong một gia đình hoàng tộc. Như chúng ta vừa bàn luận ở trên, Đức Phật nói con đường đưa đến thọ sanh cao quý là không ngạo nghễ, kiêu mạn, và biết cung kính, tôn trọng, và đánh lễ những người

đáng được cung kính, tôn trọng và đánh lễ. Do đó, chúng ta có thể hiểu rằng Vua Suppabuddha đã hoàn thành những thiện nghiệp như vậy trong quá khứ, và rằng một trong những nghiệp ấy đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra sự tái sanh trong hoàng tộc của ông ta. Nhưng vào cuối đời, sanh nghiệp thiện đó đã bị cắt đứt bởi một bất thiện nghiệp, và nghiệp này tạo ra tái sanh trong địa ngục. Như thế nào?

Vua Suppabuddha đã mang hai mối hiềm thù đối với Đức Phật.⁷⁵¹ Một là vì con gái ông, Công chúa Yasodharā (Gia-du-đà-la), vợ của Thái-tử Siddhatta. Vì để thành Phật, Thái-tử Siddhatta đã bỏ vợ con, ra đi xuất gia. Mối hiềm thù khác mà Vua Suppabuddha nặng mang đối với Đức Phật là vì con trai ông, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Khi Đề-bà-đạt-đa khởi lên ước muốn làm người lãnh đạo Tăng Chúng, Đức Phật đã cách ly ông khỏi Tăng Chúng.

Vì thế, để tạo mối bất hoà, Vua Suppabuddha đã quyết định cản đường đi khát thực của Đức Phật. Trên con đường Đức Phật đã được mời để nhận thức ăn đặt bát, Vua Suppabuddha đã ngồi ở đó uống rượu. Khi Đức Phật và Tăng Chúng đi tới, các vị Tỳ-kheo nói với Suppabuddha rằng Bạc Đạo Sư đã đến. Nhưng Suppabuddha không chịu nhường đường cho Đức Phật. Các vị Tỳ-kheo đã nói với ông nhiều lần, nhưng mỗi lần như vậy ông đều từ chối.

Tại sao Vua Suppabuddha lại phạm vào bất thiện nghiệp này? Bởi vì ông không biết việc làm đó là bất thiện. Tại sao ông không biết đó là bất thiện? Bởi vì ông không bao giờ đi đến một sa-môn hay Bà-la-môn nào để tìm hiểu xem điều gì là bất thiện và điều gì là thiện, điều gì là có tội và

⁷⁵¹ DhP.ix.12 ‘Suppabuddha-Sakya-Vatthu’

điều gì là không có tội, điều gì sẽ đem đến sự tổn hại và khổ đau cho ông và điều gì sẽ đem lại lợi ích và hạnh phúc cho ông. Vua Suppabuddha chưa bao giờ bỏ nỗ lực ra theo cách đó. Kết quả là ông thiếu trí. Do thiếu trí, ông đã từ chối nhường đường đi cho một vị Phật Chánh Đẳng Giác: ông đã từ chối cung kính, tôn trọng và đánh lễ Đức Phật. Do thiếu trí, ông đã hoàn thành rất nhiều nghiệp bất thiện.

Đức Phật quay về. Và Suppabuddha cho người đến nghe ngóng xem Đức Phật đã nói gì. Trên đường về, Đức Phật mỉm cười. Và Tôn-giả Ānanda hỏi lý do tại sao ngài cười. Đức Phật giải thích rằng trong bảy ngày nữa, Suppabuddha sẽ bị đất nuốt ngay dưới chân cầu thang của ông. Người của Suppabuddha nghe được những gì Đức Phật nói, liền quay về báo cho Suppabuddha biết. Suppabuddha quyết định phen này sẽ chứng minh cho mọi người thấy là Đức Phật sai. Vì thế ông đã cho người mang hết những vật dụng cá nhân của ông lên tầng cao nhất của ngôi nhà, tầng thứ bảy. Sau đó ông cho lấy cầu thang đi, và khoá hết mọi cánh cửa lại. Ở mỗi tầng, ông đặt hai lính canh khoẻ mạnh đứng gác. Ông nói với họ rằng nếu ông có đi xuống, họ phải buộc ông quay lên.

Bảy ngày sau khi Suppabuddha cản đường đi khát thực của Đức Phật, con ngựa chiến của Suppabuddha sống chuồng. Con ngựa này chỉ có Suppabuddha mới có thể kiềm chế được nó. Vì thế ông lao ra cửa. Tự động các cánh cửa mở, cầu thang trở về chỗ cũ của nó, và những người lính canh (thay vì đẩy lên) đã xô ông xuống cầu thang, từ tầng trên cùng xuống dưới đất. Và ngay tại dưới chân cầu thang, ông bị đất nuốt chửng, và tái sinh vào địa ngục A-tỳ (*Avīci*). Thiệt nghiệp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra sự tái

sanh làm người của ông, và duy trì kiếp sống làm người của ông, đã bị cắt đứt bởi bất thiện nghiệp không nhường đường cho người đáng nhường đường của ông: trong trường hợp này là một vị Phật Chánh Đẳng Giác, bậc giới đức nhất trong tất cả chúng sanh. Nghiệp bất thiện đó đã tạo ra quả của nó, là tái sanh trong địa ngục A-tỳ.

Ở đây cũng vậy, chúng ta cần hiểu rằng việc tái sanh trong địa ngục của Vua Suppabuddha không phải là quả của bất cứ điều gì do Đức Phật làm:[254] Thực ra Đức Phật không mỉm cười vì ác ý; ngài không vui sướng gì khi thấy Suppabuddha phải chịu khổ. Đức Phật chỉ cười vì thấy rằng nghiệp Suppabuddha đã làm chắc chắn sẽ đem lại quả báo của nó, dù Suppabuddha có làm gì (để tự bảo vệ mình) chẳng nữa. Và quả báo đến là do sức mạnh của bất thiện nghiệp mà Suppabuddha đã làm mà thôi. Vận hành của nghiệp là thế. Những vận hành như vậy của nghiệp là lý do khiến Đức Phật đã lập đi lập lại trong ‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’:⁷⁵²

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

Bây giờ chúng ta hãy nghe lời giải thích thứ mười bốn của Đức Phật cho thanh niên Subha.

⁷⁵² S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’) đã trích dẫn trang 57/Tập I.

LÀ NGƯỜI HAY HỎI

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn (samaṇa-brahmaṇa), thường hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Điều gì cần phải thực hành? Điều gì không cần phải thực hành? Điều gì, nếu tôi làm sẽ đem lại sự tổn hại và đau khổ lâu dài? Hay điều gì, nếu tôi làm sẽ được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới.

Nhưng nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, nếu người ấy trở lại làm Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy rất trí tuệ.

Này thanh niên, đây là con đường đưa đến trí tuệ lớn, đó là, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn (samaṇa-brahmaṇa), có thưa hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Điều gì cần phải thực hành? Điều gì không cần phải thực hành? Điều gì, nếu tôi làm sẽ đem lại sự tổn hại và đau khổ lâu dài? Hay điều gì, nếu tôi làm sẽ được lợi ích và an lạc lâu dài?"

Ở đây cũng vậy, một người tái sanh trong một sanh thú tốt đẹp (cõi trời, cõi người ...) vì họ có hỏi về chánh hạnh. Mà một người tái sanh trong một sanh thú tốt đẹp vì họ hành xử đúng. Và họ hành xử đúng là nhờ có trí tuệ, biết

được sự khác nhau giữa hạnh xấu và hạnh tốt, và biết những hậu quả của hạnh xấu và hạnh tốt ấy. Tất nhiên họ biết được những điều này là nhờ họ có hỏi về chúng. Theo đó, họ biết cách làm thế nào để cư xử cho tốt, hợp với Pháp (*Dhamma*), nhờ vậy họ hoàn thành những thiện nghiệp làm nhiệm vụ như sanh nghiệp thiện để tạo ra những kết quả mong muốn, hay làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp thiện, hoặc chương nghiệp thiện, để cắt đứt và chống lại những kết quả không đáng mong muốn của bất thiện nghiệp.

Như vậy chúng ta có thể hiểu rằng lời giải thích thứ mười bốn này của Đức Phật cho thanh niên Subha thực sự bao gồm những hành động thiện mà từ trước đến đây chúng ta đã bàn luận: không sát sanh đồng thời có lòng từ ái và bi mẫn đối với các chúng sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu & bia, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, ăn nói một cách nhã nhặn, lễ độ, không nói chuyện nhảm nhí, vô ích, không tham, không nuôi dưỡng ác ý, và giữ vững Chánh Kiến. Sở dĩ chúng ta làm được những điều tốt này là vì chúng ta biết chúng là tốt, là vì chúng ta có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp hay nói khác hơn chúng ta có trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Tất nhiên, trong trường hợp này những ví dụ điển hình là những ví dụ mà từ trước đến đây tôi đã nêu ra về người làm điều thiện, làm những điều không có tội, những điều nên làm, những điều mà do làm chúng sẽ đưa đến lợi ích và an lạc lâu dài cho họ: không sát sanh, không làm tổn hại đến các chúng sanh khác, không nóng giận và khó chịu, không ghen tỵ, thường hay bố thí, cúng dường, và không ngạo nghễ, kiêu mạn.

Chúng ta đã bàn về Tôn-giả Pañcasīla Samādāniya giới đức, và cậu bé Āyuvaḍḍhana Kumāra trường thọ. Chúng ta đã bàn về Tôn-giả Bakula: người không bao giờ bị bệnh, và nhập Vô Dư Niết Bàn khi ngài một trăm sáu mươi tuổi. Rồi chúng ta cũng bàn về Tôn-giả Tu-Bồ-Đề (*Subhūti*): ngài rất đẹp sắc, và tinh thông trong thiền tâm từ. Tôn-giả Mahākaccāna cũng rất đẹp người, và là một vị đệ tử tối thắng trong việc phân tích và giảng rộng Pháp đã được Đức Phật giải thích một cách vắn tắt. Chúng ta cũng đã bàn về Tôn-giả Uruvela Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp): ngài là vị đệ tử tối thắng trong lãnh vực có đông đồ chúng. Và Tôn-giả Sīvali: ngài là vị đệ tử tối thắng trong lãnh vực thọ nhận của cúng dường. Tôn-giả Bhaddiya, vị đệ tử tối thắng về thọ sanh cao quý. Tất nhiên đây chỉ là một vài ví dụ trong số rất nhiều người đã đạt được lợi ích và an vui qua muôn vạn kiếp sống: lúc họ tái sanh làm người, lúc như chư thiên. Và quan trọng hơn cả là được thực hành dưới các vị Phật quá khứ.

Việc thực hành của họ gồm những gì?

- Giữ giới,
- Thanh tịnh hành vi cư xử (hạnh),
- Dựa trên giới, họ cúng dường đến các sa-môn và bà-la-môn,
- Học thuộc lòng những Lời Dạy của Đức Phật,
- Học Pháp (Dhamma) một cách thấu đáo, với sự thận trọng và tôn kính Pháp,
- Luận bàn những điểm khúc mắc, và những giải thích trong Kinh Điển, Chú giải,...

- Thực hành thiền chỉ và thiền minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*).⁷⁵³

Việc thực hành này cũng là những gì được gọi là minh và hạnh (*vijjā-carāṇa*). Chúng ta đã bàn ở trước:⁷⁵⁴

1. Hạnh (*carāṇa*) có mười lăm pháp: giữ giới, chế ngự các căn, tiết độ trong ăn uống, luôn luôn tỉnh thức, đức tin (bao gồm việc thực hành thường xuyên pháp bố thí – *dāna*), chánh niệm, tâm, quý, đa văn (cả về lý thuyết lẫn thực hành), tinh tấn, trí tuệ, và bốn bậc thiền sắc giới.
2. Minh (*Vijjā*) cũng là minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*). Đó là, biết và thấy tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của danh và sắc chân đế, thuộc quá khứ, hiện tại, và vị lai, bên trong và bên ngoài, thô và tế, cao thượng và hạ liệt, xa và gần. Minh sát trí hiệp thể cao nhất là Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*).

Như chúng ta đã bàn đến ở trên, thiền minh sát còn tạo ra tái sanh được kể trong nhóm hạnh (*carāṇa*), và thiền minh sát không còn tạo ra tái sanh được kể trong hóm minh (*vijjā*).

Tại sao những người này làm được tất cả những điều tốt ấy? Bởi vì có trí tuệ. Và trí tuệ đó xuất phát từ việc đã thường xuyên hỏi cho biết về sự khác nhau giữa hạnh tốt và hạnh xấu: tóm lại, trí tuệ xuất phát từ việc đã hỏi cho biết về những vận hành của nghiệp với đức tin và lòng kính trọng.

⁷⁵³ Đây là pháp hành tiêu chuẩn đòi hỏi phải có để chứng đắc tứ tuệ phân tích (*pañisambhidā*): xem lại trang 592.

⁷⁵⁴ Về chi tiết, xem ‘Minh và Hạnh’ trang 277/Tập I

Kết quả, dưới thời Đức Phật của chúng ta, những người này cũng đã thực hành, và đạt được lợi ích cao tột nhất, đó là A-la-hán Thánh Quả.

TÔN GIẢ MAHĀKOṬṬHIKA HAY HỎI

Ở đây, chúng ta sẽ lấy thêm một ví dụ nữa về người có được lợi ích cao tột nhất trong số đó: Tôn-giả Mahākoṭṭhika hay hỏi. Trong Giáo Pháp của Đức Phật Padumuttara,⁷⁵⁵ ngài là một gia chủ giàu có.⁷⁵⁶ Một hôm, ngài nghe Đức Phật tuyên bố một vị Tỷ-kheo nọ là tối thắng trong lãnh vực tinh thông tứ tuệ phân tích (*paṭisambhidā*).⁷⁵⁷ Và ngài đã nguyện có được vinh dự tương tự như thế cho chính mình trong một Giáo Pháp của Đức Phật tương lai. Để hoàn thành mục đích ấy, ngài đã thỉnh Đức Phật và một trăm ngàn vị Tỷ-kheo đến nhà đặt bát trong bảy ngày. Cuối buổi lễ, ngài cúng dường mỗi vị một bộ tam y.

Hơn nữa, ngài còn ghi nhớ Lời Dạy của Đức Phật; học Pháp thấu đáo với sự thân trọng và tôn kính; bàn luận những điểm khúc mắc, và những giải thích trong Kinh Điển, các bản Chú Giải, ...; và ngài đã hành thiền minh sát lên đến Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*). Vào thời đó thọ mạng của con người là một trăm ngàn tuổi. Như vậy trong một trăm ngàn năm, ngài đã hoàn thành những nghiệp thù thắng hay Ba-la-mật ấy. Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhi-Magga*) giải

⁷⁵⁵ Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

⁷⁵⁶ AA.I.xiv.3 ‘Mahākoṭṭhika-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Mahākoṭṭhika’)

⁷⁵⁷ tứ tuệ phân tích: xem ghi chú 625, trang 592.

thích rằng đây là cách thực hành của những người sế đặc A-la-hán Thánh Quả cùng với tứ tuệ phân tích.⁷⁵⁸ Và Tôn giả Mahākoṭṭhika được xem là tối thắng trong những vị A-la-hán như thế.

Trong kiếp cuối cùng, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu ở Sāvatti. Lớn lên, ngài rất thiện xảo trong ba tập Vệ-đà (*Vedas*). Nhưng sau khi nghe một bài Pháp do Đức Phật thuyết, ngài liền xuất gia Tỳ-kheo. Sau đó ngài hành thiền, và chẳng bao lâu chứng đắc A-la-hán Thánh Quả cùng với tứ tuệ phân tích. Sau khi được hỏi những câu hỏi của Đức Phật và các bạn đồng phạm hạnh, ngài trở nên cực kỳ thiện xảo trong tứ tuệ phân tích.⁷⁵⁹ Đức Phật tuyên bố ngài là bậc tối thắng trong số những vị thiện xảo về tứ tuệ phân tích (*catasso patisambhidā*).⁷⁶⁰ Điều này chính yếu là do sự luận bàn có tính phân tích và hết sức thiện xảo của ngài về Pháp với Tôn giả Xá-lợi-phất trong ‘*Mahā-Vedalla-Suttam*’ (‘Đại Kinh Phương Quảng’). Trong bài kinh này, Tôn giả Mahākoṭṭhika đã hỏi những câu hỏi cực kỳ thâm sâu: chẳng hạn, ngài hỏi về liệt tuệ và trí tuệ; ngài hỏi về trí tuệ và thức; ngài hỏi về thức, thọ, và tưởng; ngài hỏi về trí tuệ, thắng tri và liễu tri; và ngài hỏi về tại sao (một mặt) những loại giải thoát khác nhau có thể được thấy như khác nhau về ý nghĩa,

⁷⁵⁸ Xem lại ghi chú 625 trang 592 ở trên.

⁷⁵⁹ A.I.XIV.i.218 ‘*Etad-Agga Vagga: Tatiya-Vaggo*’ (‘Chương “Vị Tối Thắng”: Chương Thứ Ba’)

⁷⁶⁰ M.I.v.3 ‘*Mahā-Vedalla-Suttam*’ (‘Đại Kinh Phương Quảng’)

và khác cả về tên gọi, và (một mặt) chúng lại được thấy như cùng một ý nghĩa, và khác tên gọi. Trong Kinh Điển Pāli chúng ta sẽ còn thấy nhiều trường hợp khác nữa, ở đây Tôn giả Mahākotṭhika bàn luận Pháp với Tôn giả Xá-lợi-phất: thường thì ngài sẽ hỏi những câu hỏi, nhưng cũng có lúc Tôn giả Xá-lợi-phất sẽ hỏi những câu hỏi. Cũng có những bài kinh ở đây Tôn giả Mahākotṭhika luận bàn Pháp với chính Đức Phật, hoặc một bài kinh Tôn giả Ānanda hỏi ngài những câu hỏi, và một bài kinh ngài bàn luận Abhidhamma (Vi-Diệu Pháp) với các vị Tỳ-kheo khác.

Tôn-giả Xá-lợi-phất, chỉ đứng thứ hai sau Đức Phật, rất kính mến Tôn-giả Mahākotṭhika. Ngài đã bộc lộ sự kính trọng này trong ba vần kệ:⁷⁶¹

Bạc tịch tịnh, chế ngự,
Thuyết pháp, không cống cao,
Quét sạch các ác pháp,
Như gió quét lá cây.

Bạc tịch tịnh, chế ngự,
Thuyết pháp, không cống cao,
Đoạn trừ các ác pháp,
Như gió quét lá cây.

⁷⁶¹ TG.xvii.2 ‘Sāriputta-Tthera-Gāthā’ (‘Những Bài Kệ của Trưởng Lão Xá-lợi-phất’)

Bậc an tịnh, thoát triền.
 Thanh tịnh và vô nhiễm,
 Bậc giới đức, trí tuệ,
 Bậc đã dứt khổ đau.

Quý vị có muốn được trí tuệ như vậy không? Nếu muốn, quý vị phải cố gắng làm như Tôn-giả Mahākotṭhika đã làm. Quý vị phải cố gắng để là một người nữ hay người nam thường thăm viếng các bậc sa-môn và Bà-la-môn:

- Quý vị nên hỏi họ: ‘Thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện?’
- Quý vị nên hỏi họ: ‘Thế nào là có tội? Thế nào là không có tội?’
- Quý vị nên hỏi họ: ‘Điều gì nên hành? Điều gì không nên hành?’
- Quý vị nên hỏi họ: ‘Nghiệp gì đem lại sự tổn hại và khổ đau lâu dài cho tôi? Nghiệp gì đem lại đem lại sự lợi ích và an vui lâu dài cho tôi?’

Tại sao quý vị cần phải làm điều này? Bởi vì nếu quý vị không hiểu thế nào là điều thiện nên làm và thế nào là điều bất thiện nên tránh, quý vị sẽ không cố gắng để làm những điều thiện, và cố gắng để tránh những điều bất thiện. Có thể có những lần gặp điều thiện để làm, nhưng quý vị đã không làm, vì không hiểu rằng chúng là thiện, có đúng không? Và có thể có những lần gặp những điều bất thiện, nhưng quý vị lại làm đi làm lại nhiều lần, vì không hiểu rằng chúng là bất thiện. Nếu quý vị hiểu rằng làm điều đó là bất thiện, quý vị cũng không muốn tránh nó, đúng không? Vì

thế, là một đệ tử Phật, điều quan trọng là phải hiểu thế nào là thiện, thế nào là bất thiện; thế nào là có tội, thế nào là không có tội; điều gì nên hành, và điều gì không nên hành, ... [255]

Như vậy, khi quý vị đã học hỏi để biết được sự khác nhau giữa thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, quý vị nên cố gắng để tuệ tri nó với minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*) trực tiếp của mình. Điều này có nghĩa là:

- Quý vị phải cố gắng tự chế mình để không tạo tác những nghiệp bất thiện bằng thân, khẩu, và ý.
- Quý vị phải cố gắng tự chế mình để không làm những gì có tội, bằng thân, khẩu và ý.
- Quý vị phải cố gắng tự chế mình để không thực hành những pháp không nên hành, bằng thân, khẩu, và ý.

Thay vào đó, quý vị nên cố gắng làm những điều đem lại sự lợi ích và an vui lâu dài cho quý vị. Những điều ấy là gì? Đó chính là những thiện nghiệp.

- Quý vị phải giữ giới và thanh tịnh hành vi cư xử (hạnh) của mình.
- Dựa trên giới ấy, quý vị làm phước cúng dường đến các sa-môn, Bà-la-môn.
- Quý vị phải học thuộc lòng những Lời Đức Phật dạy.
- Quý vị phải học Pháp một cách thấu đáo, với sự thận trọng và tôn kính.
- Quý vị phải luận bàn những điểm khúc mắc, và những giải thích trong Kinh Điển, các bản chú giải, ...

- Quý vị phải thực hành thiền chỉ và thiền minh sát cho đến Hành Xả Trí (*Saṅkhāra-Upekkhā-Nāna*).

Theo cách đó, trước tiên quý vị sẽ hiểu thiện và bất thiện bằng trí văn (văn tuệ, tuệ do học mà có), và rồi bằng minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*) trực tiếp. Tiếp đến quý vị sẽ hiểu được rằng tất cả những điều này đều là thiện nghiệp; chúng tạo ra trí tuệ và hạnh phúc. Tất nhiên, chúng chỉ tạo ra trí tuệ và hạnh phúc thế gian. Nếu quý vị muốn có trí tuệ và hạnh phúc cao tốt nhất, nếu quý vị muốn thành tựu hạnh phúc miên viễn, quý vị phải cố gắng để đắc A-la-hán Thánh Quả: đây là hạnh phúc cao tốt nhất.

KẾT LUẬN

Bây giờ, chúng ta sẽ nghe Đức Phật tóm tắt lại mười bốn lời giải thích mà ngài đưa ra cho thanh niên Subha.

Thực sự là vậy, này thanh niên,

[1] ***thực hành đưa đến đoản thọ sẽ đưa đến đoản thọ.***

[2] ***thực hành đưa đến trường thọ sẽ đưa đến trường thọ.***

[3] ***thực hành đưa đến đa bệnh sẽ đưa đến đa bệnh.***

[4] ***thực hành đưa đến vô bệnh sẽ đưa đến vô bệnh.***

[5] ***thực hành đưa đến xấu sắc sẽ đưa đến xấu sắc.***

[6] ***thực hành đưa đến đẹp sắc sẽ đưa đến đẹp sắc.***

[7] ***thực hành đưa đến ít ảnh hưởng (quyền thế nhỏ) sẽ đưa đến ít ảnh hưởng.***

[8] ***thực hành đưa đến nhiều ảnh hưởng (quyền thế lớn) sẽ đưa đến nhiều ảnh hưởng.***

[9] *thực hành đưa đến nghèo hèn sẽ đưa đến nghèo hèn.*

[10] *thực hành đưa đến giàu sang sẽ đưa đến giàu sang.*

[11] *thực hành đưa đến thọ sanh hạ liệt sẽ đưa đến thọ sanh hạ liệt.*

[12] *thực hành đưa đến thọ sanh cao quý sẽ đưa đến thọ sanh cao quý.*

[13] *thực hành đưa đến thiếu trí sẽ đưa đến thiếu trí.*

[14] *thực hành đưa đến trí tuệ sẽ đưa đến trí tuệ.*

Và Đức Phật đã lập lại lời giải thích tóm tắt của ngài về nghiệp:

Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa

Nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

Chúng tôi đã nêu ra những ví dụ về những kết quả của mười bốn cách hành xử này. Trong những ví dụ ấy, quý vị thấy có những vị Đại Trưởng Lão xuất chúng đã hoàn thành ba-la-mật trong những kiếp quá khứ của họ. Các vị đã hoàn thành những thiện nghiệp như thanh tịnh giới, bố thí hay cúng dường, học hỏi Kinh Điển, và tu tập thiền chỉ và thiền minh sát. Như chúng tôi đã giải thích nhiều lần, nhân của những thiện nghiệp này là vô minh, tham ái, và chấp thủ. Và do vô minh, tham ái và chấp thủ khác nhau (sai biệt), nên các thiện nghiệp cũng khác nhau. Với sự khác nhau của nghiệp thức (*kamma-viññāṇa*) hay nói khác hơn với sự khác nhau của

thức phối hợp với tiềm lực nghiệp, có một sự khác nhau tương xứng trong cách người ta trải nghiệm (an vui): hoặc trong kiếp hiện tại này, hoặc trong một kiếp sau nào đó. Nguyên tắc của sự khác nhau này cũng áp dụng cho cách chín mùi của những bất thiện nghiệp.

Chúng tôi hy vọng rằng, sau khi nghe hết những câu chuyện này, quý vị có thể hiểu được con người chúng ta khác nhau là do sự sai biệt của nghiệp quá khứ như thế nào. Chúng tôi cũng hy vọng quý vị có thể hiểu được rằng sự khác nhau của nghiệp bắt nguồn từ sự sai biệt của vô minh, tham ái, và chấp thủ ra sao.⁷⁶²[256] Sự sai biệt của nghiệp bắt

⁷⁶² VsM.xvii.593 ‘Avijjā-Paccayā-Saṅkhāra-Pada-Kathā’ (‘Luận Về Giai Đoạn Vô Minh-là Nhân cho các Hành’) PP.xvii.63 giải thích: ‘Đặc biệt sự không từ bỏ vô minh của người ấy về bốn chân lý còn ngăn che không cho họ thấy loại khổ được gọi là "quả báo của công đức" đầy những nguy hại khởi từ sanh già bệnh chết, là khổ, bởi thế họ lao vào các hành công đức (phước nghiệp) thuộc thân, khẩu, ý để chuốc lấy cái khổ kia, như người vì khát khao thiên nữ mà nhảy qua khe đá. Cũng vậy, vì không thấy quả báo của phước được xem là vui ấy, cuối cùng sẽ sanh ra cái khổ lớn do sự thay đổi của nó (hoại khổ), và rằng nó cho được chút thỏa mãn mà họ lao vào các phước hành thuộc loại đã tả, vốn là điều kiện cho chính cái khổ do biến hoại đó, giống như con thiêu thân lao vào đèn, như kẻ tham giọt mật liếm lưỡi dao (có dính mật ấy). Cũng vậy, vì không thấy nguy hiểm trong năm món dục và hậu quả của đam mê, vì bị phiền não thảng lớt, người kia lao vào các hành phi công đức bằng thân, lời, ý như đứa trẻ bốc phân mà chơi, như kẻ muốn chết ăn độc dược. Cũng vậy, vì không biết khổ do các hành và khổ do biến dịch tiềm ẩn trong nghiệp dị thực ở vô sắc giới, nhận lầm đó là thường, lạc, người ta lao vào các bất động hành vốn là ý hành, hết như kẻ lạc đường đi vào đô thị của ma quỷ. Bởi vậy, hành chỉ hiện hữu khi có mặt vô minh, hành không hiện hữu khi vô minh không hiện hữu.’ Cũng xem ‘Duyên Sanh’, trang 214/Tập I, và ghi chú cuối chương 74 và 76 trang 510.

nguồn từ vô minh, tham ái và chấp thủ, tạo ra sự khác nhau của các chúng sanh, mà theo thực tại (*yathā-bhūta*) không gì khác ngoài năm uẩn.

GHI CHÚ CUỐI CHƯƠNG-CH NGIV

(NHỮNG TRÍCH DẪN và THAM KHẢO KINH ĐIỂN...)

[241] VsM.viii.167 ‘Maraṇa-Ssati-Kathā’ (*‘Luận Về Niệm Sự Chết’*) PP.viii.2-3 giải thích rằng có hai loại chết.

1. chết đúng thời (*kāla-maraṇam*): **1.1**) do hết phước (*puñña-kkheyena*), có nghĩa là do sự cạn kiệt của quả nghiệp tạo ra tái sanh, mặc dù những điều kiện để đạt đến thọ mạng (đầy đủ) vẫn còn. **1.2**) do hết tuổi thọ (*āyu-kkheyena*), nghĩa là do sự cạn kiệt của thọ mạng 100-năm của kiếp người hiện tại, vì lẽ i) sanh thú thành tựu (*gati-sampatti*) không tồn tại ở đó (VsMT: như ở cõi chư thiên); ii) thời kỳ thành tựu (*kāla-sampatti*) (như vào lúc bắt đầu của địa kiếp); iii) vật thực thành tựu (*āhāra-sampatti*) (vật thực tối thắng như vật thực ở xứ Bắc Cu Lô Châu- Uttarakurus,...), v.v... cũng không tồn tại ở đó (xem lại ‘Sự Thành Tựu’ trang 442). Và **1.3**) do cả hai (phước và thọ mạng) đều hết (*ubhaya-kkheyena*).

2. chết phi thời (*akāla-maraṇam*): do nghiệp-cắt đứt nghiệp (*kamm-upaccheda-ka-kamma-vasena*) (= đoạn nghiệp: *upaghātaka-kamma*). **2.1**) cái chết của những người mà dòng tương tục của họ bị cắt đứt bởi một nghiệp có khả năng khiến cho họ rơi khỏi địa vị của họ ngay sát-na ấy, như Ác-Ma Dūsi, Vua Kalābu, v.v..(VsMT: cũng gồm luôn trường hợp của Da-Xoa Nanda (đánh vào đầu Tôn giả Xá-lợi-phất) và thanh niên Nanda (hiếp dâm Tỳ-kheo Ni Uppalavaṇṇa).

2.2) cái chết của những người mà dòng tương tục của họ bị một kẻ giết người tấn công,...(hay bởi một tai nạn, bệnh hoạn,...) cắt đứt. Những thí dụ trong trường hợp 2.1 là một số người bị đất nuốt (đất rút) do ác nghiệp liền trước đó của họ. Dhpa.V.10 ‘Uppalavaṇṇa-Ttherī-Vatthu’ (Chuyện Trưởng Lão Ni Uppalavaṇṇa) mô tả việc đất rút này xảy ra với thanh niên Nanda, sau khi anh ta đã hiếp dâm A-la-hán Ni Uppalavaṇṇa: về các ví dụ còn lại, xem mục lục...ở đầu sách)

[242] Kinh Điển Pali đưa ra hai cách giải thích về câu chuyện này. DhPA.x.9-12 ‘Daḍḍa-Vagga’ (‘Phẩm Trưng Phạt hay Dao Trượng’) giải thích rằng ngài đã giết chết cha mẹ mình ngay cả khi họ kêu lên cho ngài biết để tự cứu mình (vì họ tưởng gặp cướp thực chứ không nghĩ ngài giả dạng). JA.v.522 ‘Sarabhaṅga-Jātaka-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Tiền Thân Sarabhaṅga’ giải thích rằng ngài đã hối hận khi nghe cha mẹ kêu lên như vậy, và không giết họ.

[243] Điển này được bàn luận trong MiP.iv.i.1 ‘Katādhikāra-Saphala-Paṇho’ (‘Câu Hỏi Về Sự Hoàn Thành Của Quả Đầy Đủ’). Cũng được bàn đến trong trường hợp của Vua Suppabuddha, người đã ngăn không cho Đức Phật đi bát (khất thực): xem ‘Vua Suppabuddha Thiểu Trí’, trang 671.

[244] Đức Phật nói về bốn phạm trú trong D.i.13 ‘Te-Vijja-Suttam’ (‘Kinh Tam Minh’), và A.III.II.ii.5 ‘Kesamutti-Suttam’ (‘Kinh Kesamutti’).

[245] Trong tiếng Miến, ‘thời giờ quý giá’ là thời giờ mà người thiện làm những việc thiện. Nó xuất phát từ A.III.III.v.10 ‘Pubbaṅha-Suttaṃ’ (‘Kinh Buổi Sáng’). Trong bài kinh này Đức Phật giải thích rằng những người thân làm điều thiện (*Su-caritaṃ caranti*) miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, vào buổi sáng, buổi trưa, và buổi chiều, thời buổi sáng, buổi trưa, và buổi chiều của họ là thiện. Điều đó có nghĩa rằng chòm sao của họ, vận may của họ, ... là thiện (*su*): sát-na thiện (*su-khaṇo*), khoảnh khắc thiện (*su-muhutto*). Cũng trong SuN.ii.4 ‘Maṅgala-Suttaṃ’ (‘Hạnh Phúc Kinh’), Đức Phật nói về ‘vận may’ như thân thiện nghiệp, khẩu thiện nghiệp và ý thiện nghiệp như vậy.

[246] Đức Phật giải thích cách bốn phạm trú có thể dùng như căn bản cho thiền minh sát trong M.II.ii.4 ‘Mahā-Mālukya-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Mālukya’: xem ghi chú cuối chương 268, ở sau), và A.VIII.II.ii.3 ‘Saṃkhitta Suttaṃ’ (‘Kinh Pháp Lược Thuyết’), cũng như trong M.II.i.2 ‘Aṭṭhakanāgara Suttaṃ’ (‘Kinh Bát Thành’), một bài kinh do Tôn giả Ānanda thuyết.

[247] Trong bài ‘Hướng Tới Hoà Bình Trường Cửu’, được soạn để thuyết trình tại Liên Hiệp Quốc, Ngài Pa Auk Tawya Sayadaw đã giải thích các cuộc chiến tranh do ganh tị và đố kỵ gây ra như thế nào: bài thuyết trình được dựa trên những giải thích của Đức Phật cho Sakka (vua Trời Đế Thích),

trong D.ii.8 ‘Sakka-Pañhā-Suttam’ (‘Kinh Đế Thích Sở Vấn’).

[248] Trong A.V.III.v.8 ‘Sa-Ppurisa-Dāna-Suttam’ (‘Kinh Bồ Thí Bạc Chân Nhân’ Đức Phật giải thích năm cách một bậc Chân Nhân bố thí hay cúng dường. Quả chính của tất cả năm cách bố thí ấy là giàu sang, nhưng cũng có những quả phụ. Đó là, 1) nếu một người bố thí hay cúng dường với đức tin (AA: trong hiệu quả của cúng dường và trong quả của nó), cúng dường ấy sẽ dẫn đến đẹp sắc; 2) nếu một người bố thí hay cúng dường với tâm cung kính, và các con trai, các bà vợ, các người nô tỳ, các người đưa tin, các người làm công, những người ấy đều sẵn sàng vâng theo người ấy, họ lóng tai và phục vụ với tâm hiểu biết; nếu một người bố thí hay cúng dường đúng thời (AA: không chờ cho đến khi tuổi già), nhiều tài sản sẽ đến với người ấy lúc đầu đời; 4. nếu một người bố thí hay cúng dường hết sức mình (hào phóng), họ sẽ được hưởng các dực lạc tối thắng; 5. nếu một người bố thí hay cúng dường không làm tổn hại mình và người khác, họ sẽ không bị thất thoát tài sản vì các yếu tố (lửa, nước)/vua chúa tịch thu/trộm cắp/con cái phá sản. Tất nhiên nếu bố thí hay cúng dường ngược lại (với năm cách trên), kết quả cũng sẽ ngược lại.

[249] Hoá Lạc Thiên (*Nimmānaratī*): cõi thứ năm trong sáu cõi trời dục giới. Đức Phật có đề cập đến cõi này, chẳng hạn

trong A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttam’ (‘Kinh Các Lễ U-pô-sá-tha’).

[250] Theo luật, ngay trước khi xuất gia, tóc và râu của một người phải được cạo sạch sẽ. Và người giới tử (người sắp xuất gia) thường được hướng dẫn để quán tính chất bất tịnh của tóc, lông, móng (tay, chân), răng và da, khi đang cạo tóc. Nếu Ba-la-mật của người giới tử đã tới thời, đề tài thiền đầu tiên này sẽ cung cấp những điều kiện thích đáng cho nghiệp ấy chín mùi nhờ đó họ sẽ đắc được Đạo Quả. Tuy nhiên, ở đây Sīvali được hướng dẫn hành thiền trên nỗi thống khổ bảy năm của ngài trong bụng mẹ.

[251] Trong D.iii.3 ‘Cakka-Vatti-Sīha-Nāda-Suttam’ (‘Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống’) Đức Phật giải thích rằng: *‘Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với người cầm đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương. Này các Tỷ kheo, như hiện nay những ai hiếu hạnh với cha mẹ, kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính đối với những người cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với các vị cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương.’*

[252] Cúng dường với tâm cung kính không chỉ dẫn đến giàu sang mà còn nhận được sự kính trọng của mọi người trong gia quyến và bè bạn: xem lại ghi chú cuối trang 248 ở trên.

[253] Phạm tội (*sāvajjam*)/không phạm tội (*an-avajjam*): trong M.II.iv.8 ‘Bāhitika-Sutta’ (‘Kinh Bahitika’) Tôn-giả Ānanda giải thích các hành có tội là thân hành, khẩu hành, ý hành bị người có trí khiển trách, bất thiện, đưa đến tự hại mình, hại kẻ khác, hoặc hại cả hai, làm tăng trưởng các bất thiện pháp, tổn giảm các thiện pháp, và đưa đến quả khổ đau. Hành không phạm tội thì ngược lại. Trong A.IV.V.iv.4 ‘Sāvajja-Suttam’ (‘Kinh Có Tội’), Đức Phật định nghĩa có tội là những hạnh nào đưa người ta vào địa ngục, bao gồm cả kiến chấp có tội. Không có tội thì ngược lại, tức hạnh nào đưa người ta lên thiên giới. Và trong A.X.III.iv.7 ‘Sāvajja-Suttam’ (‘Kinh Có Tội’), ngài xác định có tội là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định và ngược lại là không có tội.

[254] Điềm này đã được bàn luận trong MiP.IV.i.1 ‘Katādhikāra-Saphala-Parho’ (‘Câu Hỏi về Sự Hoàn Thành của Quả’). Và cũng được bàn luận trong trường hợp của Da-xoa đánh vào đầu của Tôn-giả Xá-lợi-phất. (Xem ‘Nanda Tinh Quái’), trang 598 ở trên.

[255] Trong M.I.v.6 ‘Mahā-Dhamma-Samādāna-Suttam’ (‘Đại Kinh Pháp Hành’), Đức Phật giải thích: ‘Ở đây, này các Tỳ-kheo, kẻ vô văn phạm phu, không đi đến (gặp) các Bạc Thánh [v.v...]...không tuệ tri các pháp nên tu tập

(*sevitaḅbe dhamme najānāti*); không tuệ tri các pháp không nên tu tập (*a-sevitaḅbe dhamme najānāti*); không tuệ tri các pháp nên dự phần, không tuệ tri các pháp không nên dự phần... [do không tuệ tri những pháp này] người ấy tu tập các pháp không nên tu tập, không tu tập các pháp nên tu tập; dự phần vào các pháp không nên dự phần, không dự phần vào các pháp nên dự phần.’ Ngược lại vị Thánh Đệ Tử đi đến (gặp) các Bậc Thánh... Và rồi Đức Phật giải thích bốn cách thực hành pháp (*dhamma-samādānāni*): 1. pháp hành hiện tại khổ (*paccuppannā-dukkham*), tương lai quả báo cũng khổ (*āyatiñ-ca-dukkha-vipākam*). 2. pháp hành hiện tại lạc (*paccuppannā-sukham*), tương lai quả báo khổ. 3. pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc (*āyatim sukha-vipākam*). 4. pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc. Và Đức Phật giải thích rằng bởi vì kẻ vô văn phạm phu không hiểu được loại pháp nào nếu thực hành sẽ dẫn đến một quả khổ, loại pháp nào nếu thực hành dẫn đến quả lạc, nên họ tu tập pháp theo đó, mà không tránh nó (*a-parivajjayato*), để rồi cảm thọ quả khổ. Và vị Thánh Đệ Tử thì ngược lại.

[256] Đức Phật giải thích điều này, chẳng hạn trong A.IV.IV.iii.1 (171) ‘Cetanā Suttam’ (‘Kinh Tư’): ‘Này các Tỷ-kheo, khi nào có hành động về thân, do nhân thân-tư tâm sở, khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về lời, do nhân tư tâm sở về lời, khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về ý, do nhân ý tư tâm sở, khởi lên lạc khổ nội tâm: và với vô minh là nhân.’

CHƯƠNG V - TẠO RAM MỘT CON NGƯỜI

GIỚI THIỆU

Đến đây, chúng ta đã luận bàn khá chi tiết về những vận hành của nghiệp, và đã có được sự hiểu biết tương đối về đề tài này, bây giờ chúng ta hãy trở lại với những bài kinh mà chúng ta đã luận bàn ở trước, đó là các kinh **‘Dây Trói Buộc’**, nói về con chó bị trói buộc. Chúng ta trở lại những bài kinh này để chấm dứt việc luận về chúng.⁷⁶³

Điều đầu tiên chúng ta cần nhớ là, trong cả hai bản kinh ‘Dây Trói Buộc’, Đức Phật đều bàn về vòng luân hồi (*samsāra*), sự luân lưu của các chúng sanh trong lục đạo, hết tái sanh ở chỗ này đến tái sanh ở chỗ khác. Chúng tôi sẽ dẫn lại lời của Đức Phật về vấn đề này:

Vô thử, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Bây giờ có lẽ quý vị đã hiểu rõ hơn những gì Đức Phật muốn nói với những lời này. Như chúng ta biết, trong bài kinh **‘Dây Trói Buộc Thứ Nhất’** lúc đó Đức Phật giải thích rằng trong tương lai xa xôi những biển lớn của thế giới

⁷⁶³ S.III.I.x.7 và S.III.I.x.8. ‘Gaddula-Bhadda-Suttam’ *Gaddula* (dây xích)+ *baddha* (trói buộc) và S.III.I.x.8 ‘*Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam*’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’)

sẽ khô cạn và bốc hơi, Núi Tu-di (Sineru), vua của các quả núi, sẽ bốc cháy và bị tiêu huỷ, và rồi tới đất lớn (địa cầu) tự nó cũng sẽ bốc cháy, và bị tiêu huỷ. Và Đức Phật giải thích rằng ngay cả như vậy sự tử sanh luân hồi của các chúng sanh cũng sẽ không đi đến chấm dứt:

Ngay cả như vậy, này các Tỳ-kheo, cái khổ của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc (phải lưu chuyển và luân hồi) cũng không đi đến chấm dứt, Như Lai tuyên bố.

Và trong cả hai bài kinh ‘**Dây Trói Buộc**’, Đức Phật đều nói về một con chó bị xích, và trói chặt vào một cây cột hay cột trụ vững chắc:

Ví như, này các Tỳ-kheo, một con chó bị xích, và bị trói buộc vào một cây cột hay cây cột trụ vững chắc.

Trong kinh ‘**Dây Trói Buộc**’ thứ nhất, Đức Phật giải thích con chó chỉ có thể đi quanh và chạy vòng quanh cây cột trụ như thế nào. Và ngài giải thích kẻ vô văn phạm phu cũng chỉ đi quanh và chạy vòng quanh năm uẩn theo cách tương tự ra sao. Lý do là vì kẻ vô văn phạm phu xem năm uẩn như tự ngã theo hai mươi cách khác nhau: xem sắc là tự ngã, xem tự ngã như có sắc, xem sắc như ở trong tự ngã, xem tự ngã như ở trong sắc, và đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng xem như vậy. Hai mươi cách nhìn năm uẩn này là một sự thể hiện của những gì Đức Phật gọi là thân kiến (*sakkāya-ditṭhi*).

Do vô minh (*avijjā*), và tham ái (*taṇhā*), chúng ta chấp vào thân kiến này. Vì vậy, chúng ta chỉ có thể đi quanh và chạy vòng quanh năm uẩn, mà vốn chỉ là đi quanh và chạy vòng quanh khổ (*dukkha*). Tình trạng này gọi là luân hồi (*samsāra*).

Trong kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai, một lần nữa Đức Phật mô tả một con chó bị xích và trói chặt vào cây trụ cột vững chắc. Nhưng quý vị nhớ rằng ở đây, thay vào đó, ngài mô tả con chó luôn luôn đi gần cây cột hay cây cột trụ ấy, luôn luôn đứng gần, nằm gần, và ngồi gần nó. Và một lần nữa Đức Phật so sánh con chó với kẻ vô văn phàm phu. Song lần này, Đức Phật giải thích rằng kẻ vô văn phàm phu xem năm uẩn như: ‘**Cái này (năm uẩn) là của tôi**’ do tham ái; ‘**Cái này là tôi**’ do ngã mạn; và ‘**Cái này là tự ngã của tôi**’ do thân kiến. Như vậy, chính do vô minh, tham ái, và thân kiến này, khi kẻ vô văn phàm phu đi, đứng, nằm và ngồi, họ chỉ đi, đứng, nằm và ngồi gần năm uẩn.

Sau đó Đức Phật liên hệ đến bức tranh tưởng tượng mà một số du sĩ ngoại đạo luôn đem theo trên đường du hoá: vì thế nó cũng được gọi là ‘**bức tranh du hành**’. Đức Phật giải thích rằng bức tranh ấy chỉ do tâm tưởng tượng ra. Và ngài giải thích thêm rằng tâm thậm chí tưởng tượng còn hơn cả bức tranh do tâm tạo ấy nữa. Rồi Đức Phật nói đến tính đa dạng tưởng tượng của các chúng sanh trong thế giới loài vật (coĩ súc sanh), ngài nói tính đa dạng tưởng tượng này cũng do tâm tạo, và tâm thậm chí còn tưởng tượng hơn thế nữa. Ở

mỗi ví dụ, Đức Phật đều khuyên các vị Tỳ-kheo hãy quán sát những vận hành của tâm. Đức Phật thường lập đi lập lại là:

"Do đó, này các Tỳ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau:

Trong một thời gian dài, tâm này bị tham (rāga), sân (dosa), si (moha) nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô (citta-samkilesā), này các Tỳ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh (citta-vodānā), chúng sanh được thanh tịnh".

VÍ NHƯ, NÀY CÁC TỶ-KHEO, MỘT NGƯỜI HOẠ SĨ

Sau khi đã giải thích bản chất ảo tưởng của tâm với ví dụ bức tranh du hành, và ví dụ về thế giới loài vật, Đức Phật tiếp tục mô tả một người họa sĩ có thể vẽ một bức tranh như thế nào:

Ví như, này các Tỳ-kheo, một người họa sĩ, với sơn hay với cánh kiến đỏ, với củ nghệ hay với chàm xanh hoặc đỏ thẫm,⁷⁶⁴ trên một tấm bảng khéo đánh bóng, hay trên bức tường hay trên khung vải, vẽ ra hình ảnh một người đàn bà hay hình ảnh một người đàn ông, có đầy đủ đường nét và tay chân.

⁷⁶⁴ Cánh Kiến (Lac): một loại màu đỏ do một số côn trùng tiết ra; Củ nghệ (Tumeric); màu nâu vàng lấy từ củ nghệ; Chàm (Indigo): chàm xanh từ cây cối; chàm đỏ từ một số côn trùng.

Bây giờ, Đức Phật so sánh người hoạ sĩ với kẻ vô văn phạm phu (*assutavāputhu-jjano*):

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, kẻ vô văn phạm phu,
 [1] có tạo ra [bất cứ thứ gì], người ấy chỉ tạo ra sắc,
 [2] có tạo ra [bất cứ thứ gì], người ấy chỉ tạo ra thọ,
 [3] có tạo ra [bất cứ thứ gì], người ấy chỉ tạo ra tưởng,
 [4] có tạo ra [bất cứ thứ gì], người ấy chỉ tạo ra hành,
 [5] có tạo ra [bất cứ thứ gì], người ấy chỉ tạo ra thức.

Một người đàn bà vô văn phạm phu, hay một người đàn ông vô văn phạm phu mỗi khoảnh khắc trong ngày, và đều đặn mỗi ngày đều tạo tác những hành động bằng thân, bằng lời nói, và bằng ý nghĩ. Khi những hành động như vậy có chủ ý, chúng sẽ tạo ra những hành bất thiện hoặc hành thiện có một tiềm lực nghiệp. Chúng bắt nguồn từ những phiền não vô minh (*avijjā*), tham ái (*taṇhā*) và chấp thủ (*upādāna*). Và bao lâu kẻ vô văn phạm phu này còn không thực hành con đường dẫn đến sự diệt không còn dư tàn của những phiền não ấy (không thọ trì tam học: giới, định, và tuệ), chừng đó nghiệp lực của những hành nghiệp khác nhau ấy sẽ luôn tiếp tục tạo ra quả của nó.⁷⁶⁵ Và quả của những hành nghiệp đó là gì? Đó chỉ là năm thủ uẩn (*pañc-upādāna-kkhandha*):

- | | |
|------------------------------|---------------------------------|
| 1. sắc.....(<i>rūpa</i>) | 4. hành.....(<i>saṅkhāra</i>) |
| 2. thọ.....(<i>vedanā</i>) | 5. thức.....(<i>viññāṇa</i>) |

⁷⁶⁵ Liên quan đến điều này, xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 312, ở sau.

3. tướng.....(*saññā*)

Năm thủ uẩn này là sự thực cùng tốt hay chân đế (*paramattha-sacca*). Nhưng theo sự thực chế định hay tục đế (*sammuti-sacca*), năm thủ uẩn là một người đàn bà hay một người đàn ông. Và cũng theo tục đế, người đàn bà hay người đàn ông ấy có thể là đẹp hay xấu: các bất thiện nghiệp tạo ra một người đàn bà hay đàn ông xấu, trong khi thiện nghiệp tạo ra một người đàn bà hay đàn ông đẹp.

Như vậy,⁷⁶⁶ khi một người hoàn thành những bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp, họ cũng giống như một người họa sĩ tạo ra hình ảnh của một người đàn ông hay người đàn bà trên tấm ván khéo đánh bóng, hay trên tường, hoặc trên khung vải. Người họa sĩ vụng tạo ra hình ảnh của một người đàn bà hay đàn ông xấu xí, dang dở, trong khi một người họa sĩ khéo léo tạo ra hình ảnh của một người đàn bà hay đàn ông đẹp đẽ, hoàn chỉnh. Theo cách tương tự, kẻ vô văn phạm phu, ngu si hoàn thành những bất thiện nghiệp, trong khi vị Thánh Đệ Tử hoàn thành những thiện nghiệp. Cả hai đều tạo ra hình ảnh của họ trên khung vải của vòng luân hồi (*samsāra*), nhưng một người thì vẽ trên khung vải thô của sự tái sinh gian khó trong cõi nhân loại, và tái sinh bất hạnh trong cõi súc sanh, ngạ quỷ, và địa ngục..., trong khi người

⁷⁶⁶ sự giải thích sau lấy từ chú giải và phụ chú giải bài kinh ‘Dây Trói Buộc’.

kia vẽ trên khung vải mượt mà của sự tái sinh may mắn trong cõi nhân loại, và tái sinh an vui trong cõi chư thiên.

Chúng ta hãy nhìn vào một số ví dụ về những hình ảnh mà con người tạo ra xem.

BỨC TRANH CỦA TÔN GIẢ JAMBUKA ĐỒ KÝ

Đó là bức tranh do Tôn-giả Jambuka,⁷⁶⁷ một vị Tỳ-kheo vẽ. Cũng giống như Tôn-giả Losaka Tissa, mà chúng ta đã bàn đến ở trước,⁷⁶⁸ Tôn-giả Jambuka từng là một vị Tỳ-kheo trong Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa. Ngài cũng sống trong một tu viện, ở đây một người hộ tăng địa phương chăm sóc cho ngài. Và cũng chính ở đây, một hôm, một vị A-la-hán đã đến. Người hộ tăng rất yêu mến phong cách của vị A-la-hán, và quan tâm tới vị này nhiều hơn. Ông cúng dường cho ngài một bữa ăn thịnh soạn, và những bộ y quý giá. Ông cho thợ hớt tóc đến để cạo đầu cho ngài, và đem một cái giường đến cho ngài ngủ. Khi Tôn-giả Jambuka thấy vị tăng khách nhận được quá nhiều sự quan tâm như vậy, ông rất đố kỵ: ông không thể kiểm soát được tâm của mình và để cho lòng đố kỵ áp đảo. Ông đi đến chỗ ở của vị A-la-hán và mắng nhiếc ngài thậm tệ. Ông nói:

⁷⁶⁷ DhPA.v.11 ‘Jambuka-Tthera-Vatthu’ (‘Chuyện Trưởng Lão Jambuka’)

⁷⁶⁸ Xem ‘Tôn-giả Losaka Đồ Kỳ’, trang 632.

- Ông nên ăn phần tốt hơn là ăn thức ăn trong nhà người cư sĩ này;
- Ông nên lấy cây nhíp bằng bẹ thốt nốt để nhổ tóc hơn là để cho thợ hớt tóc của cư sĩ ấy cạo đầu cho ông;
- Ông nên ở trần ở trường hơn là mặc y áo mà người cư sĩ ấy cúng dường;
- Ông nên ngủ dưới đất hơn là ngủ trên giường người cư sĩ ấy cúng dường.’

Vị A-la-hán, không muốn mình là nhân sanh ra những hành vi sai trái của Jambuka, nên ngày hôm sau đã đi khỏi tu viện.

Do sự đố kỵ này, Jambuka đã hoàn thành hàng tỷ bất thiện nghiệp. Đúng thời những bất thiện nghiệp ấy sẽ chín mùi, và tạo ra quả tương xứng của chúng, một số như những chướng nghiệp bất thiện, và một số như những đoạn nghiệp bất thiện. Không thể kiềm chế tâm của mình, Jambuka đã vẽ nên bức tranh của một người đàn ông xấu xí trên khung vải của sự tái sanh bất hạnh trong địa ngục, và sự tái sanh gian khó trong cõi người.

Vào lúc chết, thiên mà Jambuka đã hành trong hai mươi ngàn năm, không có lợi ích gì cả, vì nghiệp đố kỵ của ông đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp bất thiện để tạo ra tái sanh trong địa ngục A-tỳ. Ở đó ông phải trải qua cái khổ khủng khiếp mà những chúng sanh trong địa ngục này phải chịu. Ông ở đó trong một thời gian rất dài giữa thời kỳ Giáo

Pháp của Đức Phật Kassapa và Giáo Pháo của Đức Phật Gotama chúng ta. Cuối cùng, khi ông thoát khỏi địa ngục ấy, và được tái sinh làm người, nghiệp đổ ky lại làm mất tác dụng thiện nghiệp tạo ra tái sinh làm người của ông.

Thiện nghiệp mà ông hoàn thành trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa đã tạo ra tái sinh làm người của ông trong một gia đình giàu có ở Rājagaha. Nhưng nghiệp đổ ky đã vô hiệu hoá nó, vì thế ngay từ tám bé ông chỉ biết ăn phân. Ông không bao giờ mặc quần áo, mà đi đâu cũng trần truồng như đứa con nít mới sanh. Ông cũng không bao giờ ngủ trên giường, chỉ ngủ dưới đất. Và khi lớn lên, cha mẹ ông đã cho ông xuất gia với những đạo sĩ loã thể: họ đã nhổ tóc của ông bằng một cái nhíp làm bằng bẹ thốt nốt. Nhưng khi họ khám phá ra việc ông ăn phân, họ đã đuổi ông ra khỏi chỗ ở. Vì thế ông phải sống như một đạo sĩ loã thể ở ngoài trời, hành đủ mọi loại khổ hạnh. Ông khiến cho người ta nghĩ rằng ông sống nhờ không khí, và rằng ông chỉ nhận chút đỉnh bơ và mật ong, dùng cọng cỏ nhúng vào rồi để trên lưỡi ông, như những vật cúng dường. Tuy nhiên, nhờ hành theo cách này ông lại trở nên rất nổi tiếng. Nhưng thực sự, vào ban đêm, ông vẫn lén đi ăn phân từ những hố xí công cộng.

Ở đây, quý vị có thể so sánh nghiệp quá khứ của ông với quả hiện tại. Jambuka đã nói tất cả những điều xấu xa ấy với vị A-la-hán. Nhưng bất kể những gì ông nói, vị A-la-hán đã không ăn phân; không nhổ tóc bằng nhíp làm từ bẹ thốt

nốt; không ở trần truồng; và vị A-la-hán cũng không ngủ dưới đất. Tuy nhiên, giờ đây Jambuka đã làm tất cả những điều ghê tởm ấy như một hệ quả trực tiếp của việc đã nói như thế với một vị A-la-hán.

Khi Jambuka năm mươi lăm tuổi, Đức Phật thấy rằng Ba-la-mật của Jambuka đã sẵn sàng để chín mùi. Và ngài đi đến nghỉ lại đêm trong một hang động gần nơi cư ngụ của Jambuka. Suốt đêm hôm ấy, Jambuka đã thấy những vị phạm thiên và chư thiên đầy quyền năng đi đến để đánh lễ Đức Phật. Jambuka bị ấn tượng mạnh đến nỗi qua ngày hôm sau ông đã đến thỉnh cầu Đức Phật dạy pháp cho ông. Đức Phật nói cho ông biết về những ác nghiệp quá khứ mà ông đã phạm buộc ông phải hành khổ hạnh lâu dài cho đến hôm nay, và ngài khuyên ông nên từ bỏ những ác hạnh đó đi. Khi Đức Phật đang nói như vậy, Jambuka cảm thấy hổ thẹn về sự trần truồng của mình, Đức Phật biết được điều này đã đưa cho ông một tấm y choàng tắm để mặc. Vào lúc kết thúc pháp thoại, Jambuka chứng đắc A-la-hán Thánh Đạo và A-la-hán Thánh Quả Trí. Sau đó, khi những người dân ở Anḡa và Magadha đến để đánh lễ ông và cúng dường. Ông đã phô bày năng lực thần thông, và rồi đánh lễ Đức Phật, nhìn nhận mình là đệ tử của Ngài. Vận hành của nghiệp là thế. Và đó cũng là lý do tại sao Đức Phật nói trong kinh ‘Kokālika’.⁷⁶⁹

⁷⁶⁹ S.I.VI. i.10 ‘Kokālika-Suttam’ (‘Kinh ‘Kokālika’). Kokālika là một vị Tỷ-kheo đã chi trích Tôn giả Xá-lợi-Phất và Tôn giả Mục Kiền Liên. Do nghiệp đó ông đã bị một chứng bệnh về da khủng khiếp: “Tỷ-kheo Kokālika ra đi không

‘Phàm con người đã sanh, Sanh với búa trong miệng, Kể ngu khi nói bậy, Tự chặt đứt lấy thân.’

Bây giờ, chúng ta hãy nghe nàng Ciñcamāṇavikā xinh đẹp vẽ nên bức tranh của mình như thế nào.

BỨC TRANH CỦA CIÑCA-MANĀVIKA

Ciñcamāṇavikā là một nữ du sĩ ngoại đạo (*paribbājikā*) rất xinh đẹp và thông minh.⁷⁷⁰ Khi Giáo Pháp của Đức Phật ngày càng lớn mạnh, Đức Phật và các đệ tử của ngài đã nhận được sự kính trọng và yêu mến từ phía dân chúng. Kết quả là, các vị đạo sư khác và môn đồ của họ ngày càng nhận được ít đi, trong đó có giáo đoàn du sĩ của Ciñcamāṇavikā. Vì thế họ thuyết phục cô cố gắng làm mất uy tín Đức Phật, bằng cách giả bộ lên lút thăm Đức Phật tại chùa Kỳ Viên.

được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụn nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh (*mugga*). Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn (*kalāya*). Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng *rolatthi* (hột cây *jujube*, cây táo). Từ hột *rolatthi*, chúng lớn lên bằng hột *kolama*. Từ hột *kolama*, chúng lớn lên bằng hột *amala* (a-ma-la quả). Từ quả *amala*, chúng lớn lên bằng quả *beluva* chưa chín. Từ quả *beluva* chưa chín, chúng lớn lên bằng quả *billa*. Từ hình lớn bằng quả *billa*, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mù. Rồi Tỷ-kheo *Kokālīka* do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo *Kokālīka* sanh trong địa ngục *Sen hōng*, với tâm hận thù đối với Tôn giả *Sāriputta* và *Moggallāna*.”

⁷⁷⁰ DhPA.xiii.9 ‘Ciñcamāṇavikā-Vatthu’ (‘Câu Chuyện về Ciñcamāṇavikā’)

Trước tiên, Ciñcamāṇavikā để cho mọi người thấy cô đi đến chùa vào buổi chiều, và ngủ qua đêm ở những khu vực của ngoại đạo kế đó. Sáng hôm sau, cô lại để cho mọi người thấy như thể mình vừa từ trong chùa đi ra. Khi người ta hỏi đêm qua cô ở đâu, cô nói rằng cô đã ở lại đêm với Đức Phật. Theo cách này, cô bắt đầu vẽ nên bức tranh của một người nữ xấu xí, trên khung vải thô của địa ngục.

Vài tháng sau, cô buộc một khúc cây vào bụng, giả như đang có thai. Rồi, để hoàn tất bức tranh của mình, cô đi đến Đức Phật ngay lúc ngài đang dạy pháp cho một hội chúng đông người, và trách cứ ngài đã không quan tâm chăm sóc thích hợp lúc cô thai nghén thể này. Đức Phật trả lời:

Này chị, những gì chị nói không biết là thực hay không thực, điều này chỉ có ta và chị biết mà thôi.

Lúc ấy, Sakka (vua trời Đế Thích) thấy rõ những gì đang xảy ra, và phái bốn vị chư thiên đi xuống. Dưới dạng bốn con chuột, các vị chư thiên đã cắn đứt những sợi dây buộc khúc cây ở bụng Ciñcamāṇavikā. Khúc cây rơi xuống tiện đứt những ngón chân của cô. Hội chúng thấy vậy bèn đuổi cô ra khỏi chùa, và khi cô vừa bước ra khỏi cổng, mặt đất mở ra, cô bị nuốt chửng bởi những ngọn lửa của địa ngục A-tỳ. Bức tranh của cô kể như hoàn tất, đó là năm uẩn của một chúng sanh trong địa ngục.

Thiện nghiệp mà Ciñcamāṇavikā hoàn thành trong một kiếp quá khứ đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp để tạo ra tái sanh làm người trong Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta.

Nhưng ‘Nghệp phi báng một vị Phật’ của cô mãnh liệt hơn và giờ đây đã làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp, khiến cho quả riêng của nó sanh khởi: tái sanh trong địa ngục. Ngoài ra, những nghiệp bất thiện có tính đồng nhất sẽ làm nhiệm vụ như trì nghiệp, để gia tăng và kéo dài những thống khổ của cô trong địa ngục.⁷⁷¹ Vận hành của nghiệp là thế.⁷⁷²

Những vận hành như vậy của nghiệp là lý do tại sao Đức Phật nói trong Kinh Dây Trói Buộc thứ hai:⁷⁷³

"Do đó, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau:

Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô (citta-saṃkilesā), này các Tỷ-kheo,

⁷⁷¹ Xem ‘Nguyên Tắc Đồng Nhất’, trang 427.

⁷⁷² Trong Ap.XXXIX.x.70-72 ‘Pubba-Kamma-Pilotika-Buddha-Apadānaṃ’ (‘Những Mẫu Chuyện Về Tiền Nghiệp Của Đức Phật’), Đức Phật giải thích rằng sở dĩ Ngài phải chịu sự buộc tội này là vì trong một tiền kiếp, lúc đó tên là Nanda (đệ tử của một vị Phật Độc Giác tên Sabbābhibhu) ngài đã cố gắng buộc tội như vậy đối với thầy của ngài.

Cũng nguồn tài liệu này, trong ‘Great Chronicle Of Buddhas’ (Biên Niên Sử Chư Phật) do Ngài Mingun Sayadaw Bhaddanta Vicittāsarābhivamsa biên soạn, thì giải thích: sở dĩ ngài bị buộc tội này là do trong một tiền kiếp (trước khi nhận được lời thọ ký xác định thành Phật từ Đức Phật Nhiên Đăng), ngài là một thanh niên hư hỏng. Có lần ngài đã vu cáo một vị A-la-hán tên Nanda, đệ tử của Đức Phật Sabbābhibhu, bằng cách buộc tội vị này quan hệ bất chính với một phụ nữ. Do nghiệp này phải bị tái sanh trong các cõi khổ rất lâu. Sau đó, khi được tái sanh làm người, trong nhiều kiếp ngài còn bị người ta vu cáo, và đến kiếp cuối cùng là một vị Phật, Cīṅcamāṇavikā đã vu cáo ngài trước tứ chúng. xem Duyên Có Buộc Tội của nàng Cīṅcamāṇavikā, ibid, trang 633.

⁷⁷³ S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttaṃ’, đã trích dẫn trang 57/Tập I

chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh (*citta-vodānā*), chúng sanh được thanh tịnh".

Kinh giải thích rằng, trong trường hợp này Đức Phật đã bị buộc tội phá giới, bởi vì chính bản thân ngài trong một tiền kiếp cũng vu oan một vị Phật Độc Giác.⁷⁷⁴

Bây giờ chúng ta hãy nghe một vị Tỳ-kheo ni trong một kiếp quá khứ đã vẽ nên một bức tranh của mình. Quý vị có thể quyết định xem đó có phải là một bức tranh đẹp hay không.

BỨC TRANH CỦA CŪLASUBHADDĀ HIỀM HẠN

Thời Đức Phật, có vị Tỳ-kheo Ni kia đặc được Túc Mệnh Trí (*Jāti-Ssara-Nāṇa*): trí nhớ được các tiền kiếp. Và cô thấy rằng cô đã có lần làm vợ của đức Bồ Tát chúng ta. Rồi cô muốn thấy xem cô có phải là một người vợ hiền của đức Bồ Tát không. Nhưng cô thấy rằng thực sự cô đã từng gây ra cái chết của đức Bồ Tát. Và thế là cô bật khóc giữa hội chúng đông người. Nhân đó đức Đức Phật liên hệ lại những gì đã xảy ra.⁷⁷⁵

Trong kiếp đó, Bồ Tát là một voi chúa, tên là Chaddanta, cai quản một bầy voi tám ngàn con. Và ngài có hai hoàng hậu: Mahāsubhaddā và Cūlasubhaddā. Cả bầy voi

⁷⁷⁴ UA.iv.8 ‘Sundarī-Sutta-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Kinh Sundarī’)

⁷⁷⁵ JA.I.xvi.4 (414) ‘Chaddanta-Jātaka-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Về Tiền Thân Chaddanta’)

sống trong hang Kañcanagūhā trên bờ Hồ Chaddantā.⁷⁷⁶ Hang này nằm trong dãy núi Himalaya. Vào thời đó Himalaya được bao phủ bởi những khu rừng già dày đặc.

Một ngày đầu xuân, khi những con voi đang vui đùa trong khu rừng cây sala, voi chúa Chaddantā dùng thân húc mạnh vào một cây sala, vô tình Cūlasubbhaddā lại đang đứng ngược gió, nên lãnh đủ một trận mưa những cành, lá cây khô, và lũ kiến đỏ, còn Mahāsubhaddā đứng xuôi chiều gió nên nhận được một trận mưa hoa. Đó là một sự tình cờ, nhưng cho dù là vậy, Cūlasubbhaddā vẫn thấy khó chịu, ca cẩm, và ôm một mối hiềm hận với Chaddanta.

Một lần khác, những con voi đang đùa chơi trong hồ. Có con voi bứt lấy một bông hoa sen thật lớn và dâng nó cho Chaddanta. Tiện tay ngài lại trao nó cho Mahāsubhaddā. Điều này cũng làm đảo lộn Cūlasubbhaddā, và cô nàng ôm mối hận thứ hai đối với Chaddanta. Với nguyên nhân là hai mối hận này, Cūlasubbhaddā nguyện giữ giới. Vì luôn mong muốn cho mọi sự được tốt đẹp, cô nàng đã giữ giới rất trong sạch. Oán hận đối với Chaddanta chỉ biểu lộ như ý sân, chứ không như một sự phạm giới.

⁷⁷⁶ Kañcanagūhā: một cái hang lớn nằm trong dãy núi Himalaya, đã được đề cập đôi lần trong Kinh Điển Pali; Chaddantā: một hồ nước nằm kế bên (cũng được Đức Phật đề cập, chẳng hạn như trong A.VII.vii.2 ‘Satta-Sūriya-Suttaṃ’ (‘Kinh Bảy Mặt Trời’); xem ghi chú 21 trang 9/Tập I.

Rồi một hôm Chaddanta và bảy voi được dịp dâng cúng trái cây rừng và những thứ vật dụng khác đến năm trăm vị Phật Độc Giác. Khi Cūlasubbhaddā cúng dường phần trái cây của mình, cô nàng lập một lời nguyện; nàng đã vẽ ra một bức tranh:

Trước tiên, phải nói rằng cúng dường của cô hội đủ bốn yếu tố của một cúng dường cao thượng.

- *Cô hiểu rằng chư Phật Độc Giác là những vị có giới đức cao tột, một phước điền vô thượng (của chúng sanh).*
- *Cô và những con voi khác cũng có giới.*
- *Vật cúng dường của cô có được một cách chân chánh, hái từ trong rừng.*
- *Cô có đức tin đầy đủ nơi nghiệp và quả của nghiệp, biết rằng quả của nghiệp cúng dường này là rất lớn, và suy xét về nó trước, trong và sau khi cúng dường.*

Cô cũng hiểu rằng lời nguyện của một người có giới sẽ trở thành hiện thực do sự thanh tịnh của giới.⁷⁷⁷ Do đó, cô đã vẽ ra hình ảnh hoàn hảo của một người nữ, hoàn hảo trong từng đường nét của nó. Cô nguyện năm điều:

Bạch ngài, do phước báu này, vào lúc chết:

⁷⁷⁷ ‘Này các Tỳ kheo, ước nguyện trong tâm của một người đức hạnh được thành tựu nhờ sự trong sạch của giới.’ Xem lại trích dẫn trang 603.

[1] Nguyên cho con được tái sanh làm công chúa trong gia tộc của Vua Madda!

[2] Nguyên cho tên của con sẽ là Subhaddā!

[3] Nguyên cho con trở thành chánh cung hoàng hậu của vua Bārāṇasi!

[4] Nguyên cho con có thể thuyết phục được vua Bārāṇasi thoả mãn mọi ước muốn của con!

[5] Nguyên cho con có thể phá được một người thợ săn đi cắt cặp gà của Chaddanta!’

Tại sao cô lại muốn được tái sanh làm công chúa trong gia tộc của vua Madda? Cô hiểu rằng sắc đẹp rất cần thiết đối với địa vị xã hội cao, và nếu cô muốn thuyết phục một người đàn ông thoả mãn mọi ước muốn của mình thì sắc đẹp còn là điều rất quan trọng: tái sanh vào gia tộc Madda sẽ có được cả hai. Cô muốn trở thành chánh cung hoàng hậu của vua Bārāṇasi, bởi vì cô biết ông là vị vua có quyền lực nhất trong các vị vua. Vì thế, có thể nói, bức tranh về một người nữ, hoàn hảo trong mọi đường nét của nó, chỉ có thể xuất hiện trong cõi người theo ước muốn của người hoạ sĩ mà thôi.

Quả thực cô được tái sanh làm công chúa trong gia tộc của Vua Madda, và được đặt tên là Subhaddā, như kết quả của phước sự mà cô đã làm. Sau đó cô trở thành chánh cung hoàng hậu của vua Bārāṇasi. Giờ đây, sau khi đã trở thành chánh cung hoàng hậu của một vị vua quyền lực nhất, ai cũng nghĩ cô sẽ từ bỏ mối hận đối với một con vật sống ở

trong rừng sâu năm xưa. Nhưng, cô không thể tha thứ cho Chaddanta, không thể kiểm soát được tâm của mình: cô nuôi dưỡng mối hiềm hận đó, và vẫn muốn cắt cho bằng được cặp ngà của người chồng cũ.

Do đó, bất cứ khi nào hoàn thành một nghiệp bất thiện, quý vị hãy cố gắng nhớ lại câu chuyện này. Tại sao? Bởi vì khi nghiệp chín mùi, chiến thắng được nó không phải dễ.

Subhaddā đã cho triệu tập hết thầy mọi thợ săn trong nước lại. Và thợ săn Sonuttara được chọn cho công việc: ông chính là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) tương lai.⁷⁷⁸ Và, vì nàng biết Chaddanta rất kính trọng các vị Phật Độc Giác đắp y vàng, nên Subhaddā bảo Sonuttara mặc vào chiếc y vàng: theo cách đó Chaddanta sẽ không làm hại ông ta.

Sau bảy năm, bảy tháng, và bảy ngày lặn lội, cuối cùng Sonuttara đã đến được nơi trú ngụ của Chaddanta. Ông đào một cái hố, che lại, và nằm chờ bên trong. Khi Chaddanta đi ngang qua cái hố, ông bắn vào ngà một mũi tên độc. Lập tức Chaddanta tấn công Sonuttara, nhưng nhìn thấy tấm y vàng, ngà kìm chế lại. Khi nghe xong câu chuyện của Sonuttara, ngà đã chỉ cho ông ta cách làm thế nào để có thể cắt đứt cặp ngà của ngà. Tuy nhiên Sonuttara không có đủ sức mạnh để cưa đứt chúng. Vì thế Chaddanta đã dùng vòi của mình nắm lấy cây cưa. Và cho dù đang bị thương, và

⁷⁷⁸ Xem ‘Tôn-giả Devadatta’ trang 306/Tập I.

phải chịu đựng một sự đau đớn khủng khiếp từ những vết cắt sâu tận quai hàm, ngài vẫn cưa đứt cặp ngà của mình, và trao chúng cho người thợ săn, rồi chết. Bức tranh của Subhaddā giờ đây kể như đã hoàn tất.

Năng lực thần thông của cặp ngà đã cho Sonuttara khả năng trở về Bārāṇasī trong bảy ngày thay vì phải mất bảy năm như trước. Khi Subhaddā nghe rằng dự định của nàng đã đưa đến cái chết của người chồng yêu dấu cũ, nàng vỡ tim ra chết.

Từ câu chuyện này, chúng ta có thể hiểu được rằng ước muốn trả thù chỉ đem lại tâm trạng lo âu, thậm chí tự huỷ hoại mình. Vì thế chúng ta nên tu tập lòng tha thứ, và buông bỏ mọi oán thù. Ôm ấp oán thù tự hại mình nhiều hơn là kẻ khác làm hại mình. Vận hành của nghiệp là thế.

Những vận hành như vậy của nghiệp là lý do tại sao Đức Phật luôn lặp lại trong Kinh ‘Dây Trói Buộc’:⁷⁷⁹

Do đó, này các Tỳ-kheo, các ông cần phải luôn luôn quán xét tâm của mình như sau:

‘Trong một thời gian dài tâm này đã bị tham, sân, si làm cho ô nhiễm.’

Do phiền não của tâm, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh bị ô nhiễm; do sự thanh tịnh của tâm, các chúng sanh được thanh tịnh.’

⁷⁷⁹ S.III.I.x.8 ‘Dutiya Gaddula-Baddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc’), đã trích dẫn ở trang 58.

BỨC TRANH CỦA ĐỨC PHẬT ĐỘC GIÁC MAHĀPADUMA

Kế tiếp, chúng ta có bức tranh do Mahāpaduma, Đức Phật Độc Giác tương lai, vẽ.

Trong Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa,⁷⁸⁰ ngài là một vị Tỳ-kheo. Lúc đó ngài đã phát triển được các ba-la-mật để trở thành một Đức Phật Độc Giác hơn hai a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trước. Và khi là một Tỳ-kheo trong Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, ngài còn phát triển những ba-la-mật ấy trong hơn hai mươi ngàn năm nữa.

Một trong những thiện nghiệp của ngài đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, để tạo ra tái sanh làm con trai của một viên trưởng khố trong kinh thành Bārāṇasi. Lớn lên ngài cũng nối nghiệp cha làm trưởng khố, và trong kiếp đó ngài phạm vào tội tà dâm. Vào lúc chết, một ‘nghiệp tà dâm’ đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, để tạo ra tái sanh trong địa ngục. Và cuối cùng khi thoát khỏi địa ngục, một hậu báo nghiệp thiện đã làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, để tạo ra tái sanh, và lúc này như con gái của một viên trưởng khố. Trong khi cô còn nằm trong bào thai của người mẹ, một nghiệp tà dâm đã làm nhiệm vụ như chướng nghiệp bất thiện, vì thế cô và mẹ cô phải chịu những cảm thọ nóng bức như thiêu như đốt. Cô luôn luôn nhớ đến những thống khổ này. Lại nữa,

⁷⁸⁰ Xem ‘Phụ Lục 2: ‘Dòng Dõi Chư Phật’, cuối Tập II.

cho dù thiện nghiệp tạo cho cô một dáng vẻ xinh đẹp, song nó lại bị nghiệp tà dâm làm cho vô hiệu vì thế mà cô gặp phải rất nhiều sự căm ghét, ngay cả từ chính cha mẹ cô. Rồi sau đó, khi cô đi lấy chồng, nghiệp tà dâm lại làm nhiệm vụ như chướng nghiệp, vì thế mặc dù cô xinh đẹp, thông minh, và kiên nhẫn, chồng cô cũng ghét bỏ và không quan tâm chăm sóc gì đến cô.

Quý vị hãy luôn luôn ghi nhớ câu chuyện này, vì những khổ đau mà cô gặp phản ánh chính xác nỗi khổ của những người từng là nạn nhân của tội tà dâm.

Do sự căm ghét của người chồng đối với cô, một hôm người chồng đi dự hội chợ với một người phụ nữ khác. Thấy vậy, cô khóc lóc và nói với anh ta: *‘cho dù một người phụ nữ có là con gái của vua chuyển luân vương, cô ta vẫn phải sống vì hạnh phúc của chồng. Thế tại sao chàng lại làm tan nát cõi lòng thiếp. Nếu chàng không muốn chăm sóc thiếp, hãy cho thiếp trở về với cha mẹ của thiếp. Còn nếu chàng thực lòng thương yêu thiếp, hãy quan tâm săn sóc thiếp. Chàng không nên cư xử như vậy.’* Và cô đã van xin người chồng đưa cô đi hội chợ, và lần này người chồng bảo cô hãy sửa soạn. Cô nghe lời chồng sửa soạn, nhưng đúng vào ngày lễ hội, cô nghe người ta nói rằng chồng cô đã đi trước rồi. Vì thế cô cùng với các tỳ nữ vội đuổi theo anh ta, mang theo những món ăn mà cô đã sửa soạn. Trên đường đi, cô gặp một

vị Phật Độc Giác vừa xuất khỏi diệt thọ tướng định (*nirodha-samāpatti*).⁷⁸¹

Cô xuống xe, xin lấy bát của ngài, bỏ đầy thức ăn vào đó và dâng cúng nó đến cho ngài. Khi cúng dường của cô đã được Đức Phật Độc Giác thọ nhận, cô cầm lấy một bó hoa sen, và vẽ ra một bức tranh bằng cách nguyện năm điều:

‘Bạch Ngài,

[1] mỗi kiếp con sanh ra trong tương lai, nguyện cho con được tái sanh trong một đoá hoa sen!

[2] mỗi kiếp con sanh ra trong tương lai, nguyện cho con có màu da như hoa sen!

[3] mỗi kiếp con sanh ra trong tương lai, nguyện cho con được trở thành một nam nhân!

[4] Nguyện cho mọi người ai thấy con đều yêu mến con như yêu mến đoá sen này!

[5] Nguyện cho con tuệ tri được Pháp mà ngài đã tuệ tri!’

Tại sao cô lại nguyện năm điều này? Sở dĩ, cô muốn được tái sanh trong hoa sen bởi vì cô đã nếm trải quá nhiều đau khổ trong bào thai của mẹ mình. Cô muốn có màu da như hoa sen, bởi vì cô rất thích màu của hoa sen. Cuộc sống làm người nữ đã khiến cho cô bị nhiều sầu khổ, vì thế cô muốn trở thành một người nam. Không người nào thương yêu cô, kể cả cha mẹ, vì thế cô muốn được mọi người yêu

⁷⁸¹ Diệt thọ tướng định hay diệt tận định: xem chi chú 387 trang 318/Tập I

mến khi nhìn thấy cô. Cuối cùng, cô đã tu tập ba-la-mật đủ để trở thành một vị Phật Độc Giác, vì thế cô có một ước muốn mãnh liệt trở thành Phật Độc Giác. Theo cách này, cô đã vẽ ra bức tranh của một người đàn ông hoàn hảo trong mọi đường nét của nó trên khung vải của vòng luân hồi (*samsāra*).

Thiện nghiệp cúng dường của cô đã làm nhiệm vụ như sanh báo nghiệp (*diṭṭhadhamma vedanīya kamma*) cắt đứt chướng nghiệp tà dâm, và tạo ra quả riêng của nó. Chồng cô, thành linh nhớ đến cô, cho người đi đón cô về, và từ đó trở đi, không chỉ anh ta mà mọi người khác đều tỏ ra yêu mến cô nhiều hơn.

Thiện nghiệp cúng dường của cô còn làm nhiệm vụ như sanh báo nghiệp (*upapajja-vedanīya-kamma*) để cho cô được tái sanh làm một thiên nam trong đoá hoa sen trên thiên giới. Lúc này ngài được gọi là Mahāpaduma. Mahāpaduma tái sanh đi tái sanh lại trong thế giới chư thiên nhiều lần, có khi như một vị chư thiên thọ sanh cao quý, có khi như một vị chư thiên thọ sanh thấp hèn. Trong lần thọ sanh cuối cùng, theo đề nghị của vua trời Đế Thích (*Sakka*), ngài sanh trong một đoá sen ở một hồ nước trong hoa viên của đức vua Bārāṇasī. Hoàng hậu của vua không có con. Một hôm nhìn thấy đoá sen trong hồ bà liền ngắt lấy và phát hiện đứa bé nằm trong đó như thể đang nằm trong một chiếc hộp đựng đồ nữ trang. Bà nhận đứa bé làm con, và nuôi dưỡng nó trong cuộc sống cực kỳ xa hoa. Mọi người nhìn thấy ngài

đều hết lòng yêu mến. Đức vua truyền lệnh rằng bất kỳ cung nữ nào có thể làm cho Hoàng tử Mahāpaduma ăn sẽ được lãnh một ngàn đồng tiền vàng. Vì lý do đó, có rất nhiều buổi tiệc chiêu đãi trong cung điện, hai mươi ngàn cung nữ luôn túc trực tiếp đãi hoàng tử. Sự thọ sanh của Hoàng tử Mahāpaduma trong gia đình hoàng tộc cũng là một trong những thiện nghiệp ‘cúng dường đến Đức Phật Độc Giác’ của ngài, nghiệp này làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, còn tất cả những hạnh phúc mà ngài thọ hưởng là những nghiệp có tính đồng nhất đã làm nhiệm vụ như trì nghiệp.

Khi hoàng tử sắp tròn mười ba tuổi, ngài trở nên nhàm chán tất cả những cuộc chiêu đãi, do những ba-la-mật quá khứ mong muốn chứng đắc Phật Quả Độc Giác của ngài giờ đây đã chín mùi, sẵn sàng tạo ra quả của chúng.

Một hôm, trong khi đang chơi đùa ngoài công thành, cậu nhìn thấy Đức Phật Độc Giác. Cậu cảnh báo ngài không nên đi vào cung điện vì bất kỳ ai vào đó đều bị ép phải ăn uống. Đức Phật Độc Giác liền quay lui. Sau đó, cậu cảm thấy hối hận, vì đã phạm tội (nói dối) với Đức Phật. Vì thế cậu cưỡi voi đến chỗ của Đức Phật Độc Giác để xin sám hối. Khi gần tới nơi, cậu xuống voi và đi bộ vào. Gần đến cốc của Đức Phật Độc Giác, cậu giải tán đám tùy tùng và đi vào một mình. Thấy cốc của Đức Phật Độc Giác trống không. Cậu liền ngồi xuống, phát triển minh sát, và trở thành một vị Phật Độc Giác. Các lậu hoặc đã đoạn tận. Tâm giải thoát bất động đã được thành tựu. Những vận hành của nghiệp là thế. Và đó

là lý do tại sao Đức Phật lập lại trong bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai:⁷⁸²

Do đó, này các Tỳ-kheo, các ông cần phải luôn luôn quán xét tâm của mình như sau:

‘Trong một thời gian dài tâm này đã bị tham, sân, si làm cho ô nhiễm.’

Do phiền não của tâm, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh bị ô nhiễm; do sự thanh tịnh của tâm, các chúng sanh được thanh tịnh.’

BỨC TRANH CỦA CÔNG CHÚA SUMANĀ

Kế tiếp chúng ta có bức tranh do Công chúa Sumanā⁷⁸³ vẽ. Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Vipassī,⁷⁸⁴ nàng có lần sanh vào một gia đình rất giàu có. Và, sau khi người cha qua đời, dân chúng được phép của đức vua tiếp đãi Đức Phật và một trăm ngàn vị Tỳ-kheo của ngài. Người đầu tiên được vinh dự (tiếp đãi Đức Phật) này là viên tướng (senāpati), và cũng vì lý do đó mà mẹ của Sumanā không vui. Vì thế, Sumanā đã hứa với mẹ rằng gia đình nàng vẫn sẽ là những người đầu tiên được tiếp đãi Đức Phật và Chúng Tăng.

⁷⁸² S.III.I.x.8 ‘Dutiya Gaddula-Baddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc’), đã trích dẫn ở trang 58.

⁷⁸³ AA.V.I.iv.1 ‘Sumanā-Sutta-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Bài Kinh Sumanā’)

⁷⁸⁴ Xem ‘Phụ Lục 2: Đồng Đối Chư Phật’, cuối Tập II.

Sumanā bỏ đầy món cơm sữa thơm ngon vào một cái tô bằng vàng, và đặt lại bằng một cái tô bằng vàng khác. Sau đó cô khéo léo cột những râu hoa lài quanh cả hai tô, và đi đến nhà viên tướng cùng với nhóm tỷ nữ.

Trên đường đi, cô bị những người của viên tướng này chặn lại, nhưng cô đã thuyết phục được họ để cho cô đi qua. Khi Đức Phật đến gần, cô nói với ngài rằng cô muốn cúng dường cho ngài một vòng hoa nhài, và tiện tay bỏ luôn cả hai cái tô vào trong bình bát Đức Phật. Đức Phật nhận bát, và đưa nó cho một người thiện nam để mang đến nhà viên tướng. Sumanā lúc đó đã vẽ ra hình ảnh của một người phụ nữ đức hạnh, hoàn hảo trong mọi đường nét của nó trên khung vải của nhân giới và thiên giới. Cô nguyện ba điều:

1. ‘Cầu mong cho mỗi kiếp con sanh ra con không phải lo lắng về sanh kế!’
2. ‘Cầu mong mọi người ai cũng yêu mến con như họ yêu những bông hoa nhài vậy!’
3. ‘Cầu cho tên của con được là Sumanā!’

Khi Đức Phật đến nhà viên tướng, Ngài là người đầu tiên được phục vụ món súp. Nhưng Ngài đặt bát lại, và nói ngài đã nhận món cơm sữa rồi. Khi ấy người thiện nam đem hai cái tô bằng vàng đựng cơm sữa mà Sumanā dâng đến cho Đức Phật và các vị Tỳ-kheo. Món cơm sữa đủ để phục vụ cho Đức Phật và một trăm ngàn vị Tỳ-kheo. Phép lạ này xảy ra do tư thiện mạnh mẽ của Sumanā. Sau khi Đức Phật và Tăng Chúng đã dùng xong món cơm sữa, lúc đó các vị mới

ăn bữa chính, do viên tướng cúng dường. Cuối bữa ăn viên tướng hỏi ai là người đã cúng dường cơm sữa. Sau khi nghe mọi người kể lại sự việc, ông mời Sumanā tới nhà và phong cho cô làm chánh thiếp.

Trong mỗi kiếp sống sau đó, cô được đặt tên là Sumanā, và vào ngày sanh của cô, một trận mưa hoa nhài đổ xuống ngập đến đầu gối, tất cả đều do thiện nghiệp quá khứ của cô làm nhiệm vụ như sanh nghiệp và trì nghiệp được cảm thọ quả trong những kiếp sống tiếp theo (hậu báo nghiệp).

Lần sanh cuối cùng của cô, trong Giáo Pháp của Đức Phật Gotama, cô sanh làm công chúa Sumanā, em gái của Vua Pasenadi nước Kosala. Khi trưởng giả Cấp-cô-độc (*Anāthapindika*) dâng cúng ngôi chùa Kỳ Viên đến Đức Phật và Tăng Chúng, Sumanā lúc đó mới bảy tuổi. Cô tham dự buổi lễ cùng với năm trăm người bạn: họ mang theo bình hoa, hoa và các vật dụng khác để cúng dường cho Đức Phật. Sau bài Pháp thoại của Đức Phật, Sumanā trở thành bậc Thánh Nhập Lưu (*Sot-Āpanna*).

Một dịp nọ, cùng với năm trăm thiếu nữ trong hoàng tộc, trên những cỗ vương xa, cô đi đến gặp Đức Phật, và hỏi ngài về những vận hành của bố thí (*dāna*). Tôi sẽ giải thích vắn tắt những câu trả lời của Đức Phật này.

Cô hỏi Đức Phật là có sự khác nhau nào giữa hai người đệ tử cùng có đức tin, giữ giới và trí tuệ như nhau, nhưng một người có bố thí và người kia không. Đức Phật

giải thích rằng khi tái sanh thiên giới và nhân giới, người có bố thí sẽ thù thắng hơn về thọ mạng, sắc đẹp, sự an vui, vinh dự và sức mạnh. Và nếu họ trở thành Tỳ-kheo, người có bố thí được mời nhận tứ vật dụng nhiều hơn. Nhưng nếu cả hai đều đạt đến A-la-hán Thánh Quả, sẽ không có sự khác nhau nào giữa sự chứng đắc này của họ.

Sumanā muốn trở thành Tỳ-kheo ni, nhưng phải trì hoãn nhiều lần để chăm sóc bà nội.⁷⁸⁵ Về sau, khi Sumanā lớn tuổi, bà nội cũng đã qua đời. Sumanā cùng đi với đức Vua Pasenadi đến chùa Kỳ Viên, để xuất gia. Cô mang theo nào thảm, nào mền, để làm quà cho Chư Tăng. Dịp này, Đức Phật dạy Pháp cho cô và Vua Pasenadi, sau thời Pháp cô trở thành một bậc Thánh Bất Lai (*An-Āgāmi*), và xin được xuất gia. Thấy rằng trí của cô đã chín mùi, Đức Phật đọc lên một bài kệ. Và vào cuối bài kệ đó, Sumanā đắc A-la-hán Thánh Quả.

KẾT LUẬN

Đó là ví dụ cuối cùng của chúng tôi về việc tại sao hoàn thành những thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp cũng giống như một người họa sĩ vẽ ra hình ảnh của một người nam hay người nữ trên khung vải. Người họa sĩ vụng sẽ tạo ra một hình ảnh xấu xí và không hoàn chỉnh của một người

⁷⁸⁵ TiGA.i.16 ‘Vuddha-Pabbajita-Sumanā-Therī-Gāthā-Vaṇṇanā’

đàn bà hay đàn ông, trong khi người hoạ sĩ khéo tay sẽ tạo ra hình ảnh đẹp đẽ và hoàn hảo của một người đàn bà hay người đàn ông. Tương tự, kẻ vô văn phạm phụ tạo tác những nghiệp bất thiện, còn bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử (*sutavā Ariya Sāvaka*) thì tạo tác các thiện nghiệp. Cả hai đều tạo ra hình ảnh của họ trên khung vải của vòng luân hồi, song một người thì vẽ trên khung vải thô của sự tái sinh gian khó trong cõi người, và tái sinh bất hạnh trong cõi súc sanh, ngã quỷ và địa ngục..., trong khi người kia vẽ trên khung vải mượt mà của sự tái sinh may mắn trong cõi người, và tái sinh an vui trong các cõi chư thiên. Tất nhiên đó chỉ là nói theo sự thực chế định hay tục đế (*sammuti-sacca*).

Còn theo sự thực tối hậu hay chân đế (*paramattha-sacca*), hoặc theo thực tại (*yathā-bhūta*), thì tất cả cái được tạo ra chỉ là khổ (*dukkha*), là năm thủ uẩn (*pañc-upādāna-kkhandha*):⁷⁸⁶

[1] sắc.....(<i>rūpa</i>)	[4] hành.....(<i>saṅkhāra</i>)
[2] thọ.....(<i>vedanā</i>)	[5] thức.....(<i>viññāṇa</i>)
[3] tưởng.....(<i>saññā</i>)	

Đó là những gì Đức Phật giải thích trong kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai:

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, kẻ vô văn phạm phụ,

[1] có tạo ra [bất cứ thứ gì], y chỉ tạo ra sắc,

⁷⁸⁶ Trong bài Pháp đầu tiên của ngài, (S.V.XII.ii.1 Dhamma-Cakka-Ppavattana-Suttaṃ) (‘Kinh Chuyển Pháp Luân’), Đức Phật giải thích: ‘Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ (dukkha)’.

- [2] có tạo ra [bất cứ thứ gì], y chỉ tạo ra thọ,
 [3] có tạo ra [bất cứ thứ gì], y chỉ tạo ra tưởng,
 [4] có tạo ra [bất cứ thứ gì], y chỉ tạo ra các hành,
 [5] có tạo ra [bất cứ thứ gì], y chỉ tạo ra thức,

Theo sự thực chế định, trong cõi người, năm thủ uẩn này là một người đàn bà, hay một người đàn ông. Và theo sự thực chế định, một người đàn bà hay đàn ông có thể là đẹp hoặc xấu: những bất thiện nghiệp tạo ra một người đàn bà hay đàn ông xấu, trong khi những thiện nghiệp tạo ra một người đàn bà hay đàn ông đẹp. Nhưng dù cho chúng có đẹp hay xấu, có cao thượng hay hạ liệt, trong mọi trường hợp, chúng đều là vô thường, khổ và vô ngã.

Bao lâu tư (*cetana*) của một người còn tạo ra nghiệp, bao lâu họ vẫn còn tiếp tục chạy quanh vòng luân hồi, chùng đó những bất thiện nghiệp vẫn đưa đến tái sanh và hoạch đắc các uẩn, đó là, khổ; các thiện nghiệp cũng vẫn đưa đến tái sanh, và hoạch đắc các uẩn, cũng chỉ là khổ. Nhưng Đức Phật ở đây đang nói về những nghiệp hiệp thể (*lokiya-kamma*). Nghiệp này khác với nghiệp siêu thể (*lokuttara-kamma*). Tại sao? Bởi vì những nghiệp siêu thể dẫn đến sự diệt không còn dư tàn của nghiệp: đó là sự không vận hành của nghiệp. Vì thế bây giờ chúng ta sẽ bàn luận về đề tài ấy. Tuy nhiên, trước tiên, chúng ta sẽ trở lại bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai.

CHƯƠNG VI- SỰ KHÔNG VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP⁷⁸⁷

Sau khi bàn xong việc kẻ vô văn phạm phu chỉ có thể tạo ra các uẩn như thế nào, kế tiếp Đức Phật bàn đến những đặc tính của năm uẩn.

SẮC LÀ THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG?

Bây giờ chúng ta hãy nghe Đức Phật nói về sắc (*rūpa*):

Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường (*nicca*) hay vô thường (*anicca*)?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ (*dukkha*) hay lạc (*sukha*)?

- Khổ, bạch Thế Tôn.

Vậy cái gì vô thường, khổ, một pháp biến hoại (*vipariṇāma-dhamma*), có thích hợp chăng để xem cái đó như: ‘Cái này là của tôi (*etaṃ mama*), cái này là tôi (*es-oham-asmī*), cái này là tự ngã của tôi (*eso me attā*)’.

- Chắc chắn không, bạch Thế Tôn.

Đối với bốn uẩn còn lại (thọ, tưởng, hành, và thức) Đức Phật cũng hỏi theo cách tương tự. Và tất nhiên, trong mọi trường hợp, các vị Tỷ-kheo đều xác nhận rằng sẽ là

⁷⁸⁷ sự không vận hành của nghiệp, sự phá hủy nghiệp, làm cho nó không còn hiệu lực, đưa nó đến chỗ không còn kết quả, có ý nghĩa như nhau.

không thích hợp để xem một uẩn nào trong các uẩn ấy như: ‘Cái này là của tôi; cái này là tôi; cái này là tự ngã của tôi.’ Đó gọi là cách kẻ vô văn phạm phu xem năm uẩn.

Thế thì, năm uẩn vô thường, khổ và vô ngã như thế nào?

VÔ THƯỜNG

Đặc tính vô thường (*anicca*) là sự sanh, diệt và thay đổi của các hành: có rồi không.⁷⁸⁸ Như trước chúng ta đã bàn đến,⁷⁸⁹ sắc uẩn bao gồm các hạt hạ nguyên tử mà Pāli gọi là các tổng hợp sắc (*rūpa-kalapas*). Nếu chúng ta phát triển được bậc thiền hay cận định, ánh sáng của trí tuệ sẽ phát sanh.⁷⁹⁰ Với ánh sáng của trí tuệ ấy, người hành thiền có thể phân biệt các yếu tố của tổng hợp sắc, và thấy rằng ngay khi sanh, chúng liền diệt. Thọ, tưởng, và các hành bao gồm các tâm sở (*cetasika*): chúng sanh và diệt cùng với thức, thức uẩn (*viññāṇa khanddha*). Và như đã được đề cập nhiều lần,⁷⁹¹ trong một cái búng tay, rất nhiều ngàn tỷ tâm sanh lên và diệt. Với thiền minh sát đúng đắn, dựa trên bậc thiền hay cận định, người hành thiền có thể thấy sự kiện này một cách trực tiếp

⁷⁸⁸ VsM.XXI.740 ‘Upakkilesa-Vimutta-Udaya-Bbaya-Nāṇa-Kathā’ (‘Luận Về Trí Sanh Diệt Thoát Khỏi Tùy Phiền Não’)

⁷⁸⁹ Xem ‘Sắc Chân Đề’, trang 182/Tập I

⁷⁹⁰ Xem ‘Ánh Sáng của Trí Tuệ’, trang 172/Tập I.

⁷⁹¹ Chẳng hạn, xem ‘Những Vận Hành của Tâm’, trang 80/Tập I.

với mình sát trí của mình. Đó là họ sẽ trực tiếp thấy năm uẩn thực sự không là gì ngoài trạng thái vô thường như thế nào. Không thể tìm thấy lạc trong cái được xem là vô thường như vậy. Đó là lý do tại sao Đức Phật nói năm uẩn là khổ (*dukkha*).[257]

KHỔ

Đặc tính của khổ (*dukkha*) là sự bức bách liên tục bởi sanh và diệt.⁷⁹² Những cảm thọ đau đớn của thân là khổ và những cảm thọ đau đớn của tâm là khổ. Nhưng những cảm thọ lạc cũng là khổ, bởi vì chúng là vô thường, nghĩa là chúng sẽ thay đổi: khi chúng thay đổi, sẽ có khổ. Đối với các thọ xả cũng thế. Thọ xả cũng vô thường, và điều này hàm ý rằng chúng sẽ thay đổi.[258] Và theo sự thực chế định, nếu năm uẩn xuất hiện vào lúc tái sanh, thì vô thường xuất hiện như tuổi già, bệnh, [259] và chết. Và ở lần tái sanh kế, nó lại già, bệnh, và chết, v.v... Như vậy, năm uẩn là vô thường, và lúc nào cũng thay đổi: điều này có nghĩa rằng chúng là khổ. Cuối cùng thì, chúng không bao giờ có thể bao gồm lạc. Đó là lý do vì sao Đức Phật nói năm uẩn là gánh nặng (*bhāra*):⁷⁹³ Thậm chí ngài còn nói chúng là Ma (*Māra*).⁷⁹⁴

⁷⁹² VsM.ibid

⁷⁹³ S.III.I.iii.1 ‘Bhāra Suttam’ (‘Kinh Gánh Nặng’)

⁷⁹⁴ S.III.II.i.1 ‘Māra-Suttam’ (‘Kinh Māra’)

VÔ NGÃ

Đặc tính của vô ngã (*an-natta*) là năm uẩn nằm ngoài quyền kiểm soát.[260] Một người không thể quả quyết, chẳng hạn: ‘Tôi muốn năm uẩn như thế này, không như thế nọ!’ Hay, ‘Trong cuộc sống này, Tôi muốn chỉ thấy, nghe, ngửi, nếm, và xúc chạm những vật vừa ý! Vui lòng đừng có đau, đừng có thay đổi, và đừng có già, bệnh và chết!’ Chúng ta không thể kiểm soát được năm uẩn theo cách đó. Vậy thì làm thế nào chúng ta có thể nói rằng có một cái ngã? Đó là lý do tại sao Đức Phật hỏi các vị Tỳ-kheo là có thích hợp chăng để xem năm uẩn như: ‘*Cái này là của tôi (etam mama); cái này là tôi (es-oham-asmi); cái này là tự ngã của tôi (eso me attā).*’ Và các vị Tỳ-kheo đều nói rằng chắc chắn sẽ là không thích hợp để xem năm uẩn theo cách đó.

CHẤP THỦ NĂM UẨN

Ở đây chúng ta cần hiểu rằng khi một người hoan hỷ trong năm uẩn, điều đó có nghĩa rằng họ thực sự hoan hỷ trong khổ.[261] Khi một người xem năm uẩn như kết hợp với tự ngã, điều đó có nghĩa rằng họ thực sự xem khổ là tự ngã:[262] họ lấy khổ làm nơi nương tựa. Do lấy khổ làm nơi nương tựa, họ không thể nào hiểu được Khổ Thánh Đế. Nếu một người không hiểu Khổ Thánh Đế, họ không thể nào hiểu được Tập Thánh Đế, hay Diệt Thánh Đế: điều đó có nghĩa

rằng họ sẽ không bao giờ thoát khỏi khổ đau. Giống như con chó bị buộc vào cây cột, họ sẽ luôn luôn bị buộc vào năm uẩn. Họ sẽ tiếp tục bị tái sinh đi tái sinh lại nhiều lần để làm mới lại sanh, làm mới lại già, làm mới lại bệnh, làm mới lại chết... [263] Vì thế không khó để hiểu rằng việc xem năm uẩn như phối hợp với một tự ngã là điều không thích hợp.

DO ĐÓ, NÀY CÁC TỖ-KHEO, PHẠM CÓ SẮC GÌ...

Sau khi đã xác định năm uẩn không nên được xem như thế nào, kế tiếp Đức Phật giải thích năm uẩn phải được chân chánh quán sát đúng theo thực tại (*yathā-bhūta*), với Chánh Trí Tuệ (*Sammā-Paññā*), đó là, với mình sát trí ra sao.

Do đó, này các Tỳ-kheo, phạm có sắc nào,

[1-3] ***quá khứ, tương lai, hay hiện tại*** (*atit-ānāgata-paccupannam*),

[4-5] ***bên trong hay bên ngoài*** (*ajjhataṃ vā bahiddhā vā*),

[6-7] ***thô hay tế*** (*oḷārikam vā sukhumam vā*)

[8-9] ***hạ liệt hay cao thượng*** (*hīnam vā paṇitam vā*)

[10-11] ***xa hay gần*** (*yam dūre santike vā*),

tất cả sắc ấy (*sabbam rūpam*), ***phải được xem đúng theo thực tại và với Chánh Trí Tuệ như: ‘Cái này không phải là của tôi*** (*n-etam mama*), ***cái này không phải là tôi*** (*n-eso-ham-asmi*), ***cái này không phải tự ngã của tôi*** (*na meso attā*).’

Theo cách tương tự, Đức Phật giải thích các uẩn còn lại phải được xem với minh sát trí: mười một loại của thọ uẩn, mười một loại của tưởng uẩn, mười một loại của hành uẩn, mười một loại của thức uẩn,⁷⁹⁵ Tất nhiên, để có thể phân biệt được chúng, người ta cần phải phát triển ánh sáng của trí tuệ, và ánh sáng này phát sanh cùng với bậc thiền hay cận định.⁷⁹⁶ Nếu không thì họ không thể nào phân biệt được năm uẩn, vì năm uẩn chỉ có thể phân biệt bằng tuệ nhãn (*paññā Cakkhupāla*).[264]

Mười một loại này có ý nghĩa gì? Chúng ta sẽ bàn luận chúng theo từng loại một, trước tiên liên quan đến mười một loại sắc uẩn (*rūpa*).⁷⁹⁷

SẮC

Sắc bao gồm:⁷⁹⁸

- Bốn đại chủng hay tứ đại (*mahā-bhūtā*): địa đại, thủy đại, hỏa đại, và phong đại.

⁷⁹⁵ Cũng xem trích dẫn ở mục ‘Năm Thủ Uẩn’, trang 179/Tập I

⁷⁹⁶ Về chi tiết, xem ‘Ánh Sáng của Trí Tuệ’, trang 172/Tập I.

⁷⁹⁷ Tất cả những chi tiết này được rút ra từ những giải thích của Đức Phật trong VbhA/VbhT; VsM.xiv.447 ‘Rūpa-Kkhandha-Kathā’ (‘Luận Về Sắc Uẩn’) PP.xiv.73&VsM.ibib.493-503 ‘Atīt-Ādi-Vibhāga-Kathā’(‘Luận Về Sự Phân Loại Quá Khứ,...’) PP.ibid.185-210.

⁷⁹⁸ Về chi tiết, xem ‘Sắc Chân Đế’, trang 182/Tập I.

- Sắc y đại sanh (*mahā-bhūtānam upādāya-rūpaṃ* - sắc phát sanh từ tứ đại):⁷⁹⁹ gồm hai mươi bốn loại sắc, như màu, mùi, vị, dưỡng chất, mạng căn, sắc ý vật, sắc tánh, và sắc thần kinh.

1-3] SẮC QUÁ KHỨ, TƯƠNG LAI, HAY HIỆN TẠI

Khi dùng ***phàm bất cứ sắc nào*** (*yam kiñci rūpaṃ*) Đức Phật muốn nói đến tất cả sắc không ngoại trừ. Khi dùng ***phàm bất cứ sắc, quá khứ, tương lai hay hiện tại*** (*atīt-ānāgata-paccuppanam*), Ngài muốn nói sắc quá khứ, tương lai, hay hiện tại được thấy theo bốn cách:

1. Theo phạm vi (*addhā*), sắc xuất hiện trước thức tái sanh của kiếp này là sắc quá khứ (sắc của những kiếp sống quá khứ). Sắc sanh sau sự khởi sanh của tâm tử trong kiếp này là sắc tương lai (sắc của các kiếp sống tương lai). Và sắc sanh ở giữa (thức tái sanh và tử tâm) là sắc hiện tại (sắc trong thời bình nhật của kiếp này).⁸⁰⁰

⁷⁹⁹ Sắc y đại sanh: sở dĩ được gọi như vậy là vì nó phát sanh từ tứ đại, dựa vào tứ đại. Kinh Điển thường so sánh nó với các loại cây cối, phát triển được nhờ dựa trên đất.

⁸⁰⁰ Giải thích phạm vi hiện tại, VsM.xiii.416 ‘Pakiṇṇaka-Kathā’ (‘Luận Về Những Điểm Linh Tinh’) PP.xiii.114 nhắc đến M.III.iv.1 ‘Bhaddeka-Ratta-Suttaṃ’ (‘Kinh Nhất Dạ Hiền Giả’), tuy nhiên hãy xem ghi chú cuối chương 147, trang 540.

2. Theo tương tục (*santati*), sắc của một chuỗi các thể hệ tổng hợp sắc do thời tiết sanh hay vật thực sanh là hiện tại; của một chuỗi trước đó là quá khứ; và của một chuỗi tiếp theo là tương lai.⁸⁰¹ Sắc do tâm sanh của một tiến trình tâm hay một tiến trình chứng đắc sanh là hiện tại, của một tiến trình tâm trước là quá khứ, của một tiến trình tiếp theo sau là tương lai. Sắc do nghiệp sanh là quá khứ, tương lai, và hiện tại tùy theo sắc hỗ trợ nó.
3. Theo giai đoạn (*samaya*), sắc khởi lên như một tương tục trong một phút, suốt buổi sáng, buổi chiều, trong ngày,...là hiện tại. Sắc trước đó là quá khứ, và tiếp theo sau là tương lai.
4. Theo sát-na (*khana*), sắc của (giai đoạn) sanh, trú, và diệt là hiện tại. Sắc trước đó là quá khứ, và tiếp sau đó là tương lai.

Ở đây, lẽ đương nhiên, để thực hành minh sát thì chỉ sắc quá khứ, hiện tại, và tương lai theo sát-na được áp dụng.⁸⁰² Thấy được sắc đúng theo thực tại là chỉ thấy sắc

⁸⁰¹ Chuỗi các thể hệ: về chi tiết, ‘Bốn Loại Nguồn Gốc của Sắc’, trang 191/Tập I.

⁸⁰² VsM.xiv.494 ‘Atīṭ-Ādi-Vibhāga-Kathā’ (‘Luận Về Sự Phân Loại Quá Khứ...’) PP.ibib.191 giải thích rằng chỉ có (sắc theo) sát na là không cần minh họa (ni-ppariyāya-luận thuyết), vì nó là như chân, như thực. Còn những sắc khác cần minh họa (sapariyyāya), vì chúng chỉ dùng để làm sáng tỏ hay chỉ để giải thích.

chân đế: yếu tố riêng biệt của mỗi loại tổng hợp sắc khi nó sanh lên, an trú, và diệt. Điều đó có nghĩa rằng vị Thánh Đệ Tử phân biệt tính chất vô thường, khổ và vô ngã của sắc từ sát na này đến sát na khác trong kiếp sống hiện tại, trong những kiếp sống quá khứ đã được phân biệt, và trong những kiếp sống tương lai đã được phân biệt.⁸⁰³ Đối với sắc do thời tiết sanh, vật thực sanh, và tâm sanh theo từng sát na cũng thế, và trong những giai đoạn nhỏ hơn của hiện tại, quá khứ, và tương lai cũng theo cách tương tự.

4-5] SẮC BÊN TRONG HAY BÊN NGOÀI

Sắc bên trong hay bên ngoài (*ajjhattam vā bahidhā vā*): ở đây, Đức Phật đang nói đến sắc của tự thân kể như bên trong, và sắc của người khác kể như bên ngoài. Cũng vậy, các nội xứ (*nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, và thân xứ*) là sắc bên trong, trong khi các đối tượng của chúng (*các ngoại xứ: sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, và xúc xứ*) là bên ngoài. Và ở đây cũng vậy, chúng ta cần nhớ rằng nhãn xứ không phải là cục thịt đặt trong hốc mắt, vì đó là một khái niệm. Theo thực tại, nó không hiện hữu.⁸⁰⁴ Người ta không thể hành

⁸⁰³ VsT.XX.725 ‘Udaya-Bbaya-Nāṇa-Kathā-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả Luận Về Sanh Diệt Trí’) giải thích rằng sau khi đã thấy sự sanh và diệt của các hành trong hiện tại, lúc đó người ta cũng thấy nó trong quá khứ và tương lai.

⁸⁰⁴ ‘Thay vì gọi miếng thịt lỏm đóm những vòng tròn đen và trắng, có bề dài và rộng, và buộc chặt vào hốc mắt bằng những sợi gân, mà thế gian đặt tên là

minh sát trên những pháp không thực hiện hữu. Khi Đức Phật nói về nhãn (con mắt), nhãn giới, nhãn môn, và nhãn xứ, ngài muốn nói đến tịnh nhãn hay thần kinh nhãn (*cakkhu-pasāda*): yếu tố thứ mười của tổng hợp nhãn mười sắc: đó mới là con mắt thực sự hiện hữu.⁸⁰⁵ Đối với các xứ khác cũng tương tự.

6-7] SẮC THÔ HAY TẾ

Sắc thô hay tế (*olārikam vā sukhumam vā*): ở đây, Đức Phật đang nói về mười hai xứ thô: (nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiết xứ, vị xứ, thân xứ, và xúc xứ). Chúng là thô bởi vì chúng tác động lẫn nhau: một cảnh sắc tác động trên con mắt (nhãn xứ), và nhãn thức phát sanh,... Các loại sắc còn lại (chẳng hạn như dưỡng chất, mạng căn, sắc ý vật, và sắc tánh) không có sự tác động, điều này có nghĩa là chúng được thấy như (sắc) vi tế.

8-9] SẮC HẠ LIỆT VÀ CAO THƯỢNG

“con mắt”, ngài xác định nó là “nhãn giới” tịnh nhãn thuộc loại đã mô tả trong số các loại sắc y đại sinh... đối với nhĩ giới, và các giới còn lại cũng áp dụng theo phương pháp (giải thích) này.’ Xem lại ghi chú 241, trang 185/Tập I.

⁸⁰⁵ Trong Vbh.II.156 ‘Āyatana-Vibhaṅgo’ (‘Xứ Phân Tích’), Đức Phật giải thích: ‘Ở đây, thế nào là nhãn xứ? Nhãn là tinh chất (sắc thần kinh nhãn) nương bốn đại chủng, thuộc cá nhân, không thể thấy được, phải có sự tác động,... là nhãn, đây là nhãn giới, đây là nhãn quyền, đây là một môn.

Sắc hạ liệt và cao thượng (*hīnam vā paṇītam vā*): ở đây, Đức Phật đang nói về sắc của các chúng sanh hạ liệt hay cao thượng: sắc của một vị Phạm thiên cao thượng hơn sắc của một vị chư thiên dục giới; sắc của một con người hạ liệt hơn sắc của một vị chư thiên dục giới, nhưng cao thượng hơn sắc của ngựa quý, mà sắc này lại cao thượng hơn sắc của một con vật, ... Điều này cũng áp dụng cho sắc bên ngoài trong những cảnh giới hay cõi sống của chúng. Và những vật chất mà người văn minh xem như khả ý và vô hại là cao thượng, trong khi những vật họ xem như không khả ý và kinh tởm là hạ liệt.⁸⁰⁶ Tuy nhiên, dưới dạng thực hành minh sát thì sắc phát sanh do bất thiện nghiệp là sắc hạ liệt, trong khi sắc sanh do thiện nghiệp là sắc cao thượng.

10-11] SẮC XA HAY GẦN

Sắc xa hay gần (*yam dūre santike vā*): ở đây, Đức Phật đang nói đến sắc dưới dạng hư không (*okāsa*).⁸⁰⁷ Như vậy, sắc của tự thân là gần, trong khi sắc ở bên ngoài trên nền tu viện

⁸⁰⁶ VbhA. *ibid* ở đây muốn nói đến những viên thủ khó, đại thần, lãnh chúa, người có tài sản, và thương nhân. Và bộ luận giải thích rằng mặc dù những con heo có thể sung sướng khi được ăn phân, và không vui khi phải nằm trên giường cao tốt đẹp, chúng lầm lẫn sự khả ý với không khả ý này là do điên đảo-tướng. Xem ‘Bốn Điên Đảo Tướng’ ở sau.

⁸⁰⁷ sắc vi tế là (sắc) xa, bởi vì nó khó phân biệt, và sắc thô là gần, bởi vì nó dễ phân biệt.

là xa. Sắc trên nền tu viện là gần, trong khi sắc ở bên ngoài (tu viện) là xa. Sắc trong một xứ sở là gần, trong khi sắc bên ngoài xứ sở là xa,...

Điều đó đã kết thúc phần giải thích của chúng tôi về mười một loại sắc tạo thành sắc uẩn. Người hành thiền cần phải quán tất cả mười một loại sắc này là vô thường, khổ, và vô ngã. Kế tiếp, có mười một loại thọ tạo thành thọ uẩn.

THỌ

Đức Phật nói về các thọ theo nhiều cách. Cách chính vẫn là ba loại thọ (*vedanā*):⁸⁰⁸

1. Thọ lạc (*sukha-vedanā*)
2. Thọ khổ (*dukkha-vedanā*)
3. Thọ không khổ không lạc (*a-dukkha-ma-sukha-vedanā*): đó là thọ trung tính hay thọ xả.

1-3] THỌ QUÁ KHỨ, TƯƠNG LAI, HAY HIỆN TẠI

Phạm thọ quá khứ, tương lai, hay hiện tại (*atīt-ānāgata-paccuppanā*) **nào**: ở đây một lần nữa, Đức Phật đang nói đến tất cả thọ không ngoại trừ. Khi dùng ***quá khứ, tương lai, và hiện tại***, ngài ngụ ý bốn cách giống như với sắc (đó là theo phạm vi, tương tục, giai đoạn và sát-na).

⁸⁰⁸ M.II.i.9 ‘Bahu-Vedaniya-Suttaṃ’ (‘Kinh Đa Thọ’)

1. Theo phạm vi (*addhā*), những thọ sanh trước sự sanh khởi của thức tái sanh trong kiếp này là những thọ quá khứ (tức những thọ thuộc các kiếp sống quá khứ). Những thọ sanh sau sự sanh khởi của tâm tử trong kiếp này là những thọ tương lai (những thọ thuộc các kiếp sống tương lai). Và những thọ khởi lên ở giữa là những thọ hiện tại (những thọ trong thời bình nhật của kiếp này).
2. Theo tương tục (*santati*), những thọ thuộc một tiến trình tâm hay tiến trình chứng đắc, hoặc với một đối tượng, là hiện tại; của một tiến trình tâm trước..., là quá khứ, của một tiến trình tâm tiếp theo là tương lai. Chẳng hạn, thọ sanh trong lúc nhìn hình tượng Đức Phật, trong khi tác sự cúng dường, trong khi nghe thuyết pháp,... là hiện tại.⁸⁰⁹ Những sự kiện trước (những sự kiện này) là quá khứ, và những sự kiện sau đó, là tương lai.
3. Theo giai đoạn (*samaya*), những thọ khởi lên trong một phút, suốt buổi, buổi chiều, cả ngày..., là hiện tại. Những thọ trước đó là quá khứ, và sau đó là tương lai.
4. Theo sát na (*khana*), thọ thuộc một (giai đoạn) sanh, trụ, và diệt của tâm là hiện tại. Trước thọ đó là quá khứ, và sau thọ đó là tương lai.

⁸⁰⁹ VsMṬ nói nó là hiện tại ngay cả nếu nó kéo dài cả ngày chẳng nữa.

4-5] THỌ BÊN TRONG HAY BÊN NGOÀI

Thọ bên trong hay bên ngoài (*ajjhatā vā bahiddhā vā*): ở đây, Đức Phật đang nói tới những thọ của cá nhân mình là bên trong, và thọ của người khác là bên ngoài.

6-7] THỌ THÔ HAY TẾ

Thọ thô hay tế (*olārikā vā sukhumā vā*): Ở đây, Đức Phật muốn nói tới những thọ được thấy theo bốn cách:

1. Theo sanh loại (*jāti*): chẳng hạn, những thọ bất thiện là thô, trong khi những thọ thiện là vi tế. Nhưng những thọ thiện là thô so với những thọ thuộc về quả, trong khi thọ của bậc A-la-hán (vốn là duy tác) lại vi tế hơn.
2. Theo tự tánh (*sabhāva*): thọ khổ là thô, trong khi thọ lạc và thọ trung tính là vi tế. Nhưng thọ khổ và thọ lạc là thô, trong thọ trung tính (bất khổ bất lạc thọ) là vi tế.
3. Theo người (*puggala*): những thọ của một người có thiện là vi tế bởi vì chỉ có một đối tượng, trong khi những thọ của một người không có thiện là thô vì có nhiều đối tượng.
4. Theo hiệp thể và siêu thể (*lokiya-lokuttara*): những thọ phối hợp với phiền não là thô, trong khi những thọ không phối hợp với phiền não là vi tế.

Khi phân biệt các thọ theo cách này, người hành thiền phải không được lầm lẫn các loại: chẳng hạn, theo sanh loại, thọ khổ thuộc thân là một thọ vi tế vì nó bất định (không phải thiện cũng không phải bất thiện), nhưng theo tự tánh nó là thô vì nó là thọ khổ.

Có nhiều cách khác để người hành thiền có thể phân loại các thọ là thô hay tế. Chẳng hạn:

- Những thọ phối hợp với sân là thô, trong khi những thọ phối hợp với tham là vi tế.
- Những thọ phối hợp với sân kéo dài là thô, trong khi những thọ phối hợp với sân ngắn là tế.
- Những thọ phối hợp với tham và tà kiến là thô, trong khi những thọ với tham không có tà kiến là tế.
- Những thọ thuộc dục giới là thô, trong khi những thọ thuộc sắc giới là tế, mặc dù thọ này là thô so với những thọ thuộc vô sắc giới.
- Những thọ phối hợp với bố thí là thô trong khi những thọ phối hợp với trì giới là tế, và tất nhiên thọ này là thô so với những thọ phối hợp với thiền.
- Những thọ phối hợp với bố thí, trì giới, hay tu thiền hạ liệt là thô, trong khi những thọ phối hợp với bố thí, trì giới, tu thiền cao thượng là tế.

- Những thọ thuần khổ trong địa ngục là thô, trong khi những thọ khổ trong cõi súc sanh là tế, nhưng những thọ này lại thô so với những thọ khổ trong cõi ngạ quỷ, và cứ như vậy cho đến các cõi chư thiên dục giới cao nhất ở đây những thọ khổ chỉ là thọ vi tế. Đối với những thọ lạc cũng vậy, tế dần từ cõi súc sanh cho đến cõi Phạm thiên sắc giới thứ tư, và những thọ thuần xả của cõi phạm thiên cao nhất, đó là cõi ngũ thiên sắc giới, và các cõi vô sắc.

8-9] THỌ HẠ LIỆT HAY CAO THƯỢNG

Thọ hạ liệt hay cao thượng (*hinā vā paṇītā vā*): ở đây, những thọ thô là hạ liệt, và những thọ vi tế là cao thượng.

10-11] THỌ XA HAY GẦN

Thọ xa hay gần (*yā dūre santike vā*): ở đây, những thọ thô và hạ liệt là xa với những thọ vi tế và cao thượng. Nhưng những thọ thô và hạ liệt lại gần với những thọ thô và hạ liệt khác; và những thọ vi tế và cao thượng thì gần những thọ vi tế và cao thượng khác.

Điều này đã kết luận sự giải thích của chúng tôi về mười một loại thọ tạo thành thọ uẩn. Người hành thiền cần quán tất cả mười một thọ ấy như vô thường, khổ, và vô ngã.

Đối với mười một loại tướng, mười một loại hành, và mười một loại thức cũng nên hiểu theo cách tương tự như mười một loại thọ trên.

Đức Phật dạy mỗi uẩn gồm mười một loại này là để chúng ta thấy (*daṭṭhabbam* - đương kiến-當見) đúng theo thực tại (*yathā-bhūtam*), với Chánh Trí Tuệ (*Samma-Ppaññā*) như: **‘Cái này không phải của tôi, không phải là tôi, không phải tự ngã của tôi.’** Đó là những hướng dẫn hành thiền minh sát của ngài.

TRÍ HIỂU RÕ (TAM TƯỚNG)

Trí (biết) về tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của năm uẩn, là những gì chúng ta gọi là Trí Hiểu Rõ Tam Tướng (*Sammasana-Nāṇa*- thường dịch là trí thẩm sát tam tướng, và Hán dịch Tư Duy Trí-思惟智, tuy nhiên nếu dịch đúng thì phải dịch là Trí Hiểu Rõ hay Trí Lĩnh Hội Tam Tướng): trí này chúng tôi đã nói ở một phần trước.⁸¹⁰ Đó là trí hiểu rõ ba đặc tính của mọi nhóm:

- hiểu rõ tính chất vô thường, khổ và vô ngã của sáu nội xứ (nhãn xứ, nhĩ xứ..., và ý xứ);
- hiểu rõ tính chất vô thường, khổ và vô ngã của sáu ngoại xứ (sắc xứ, thanh xứ, ..., và pháp xứ);

⁸¹⁰ Các minh sát trí (*vipassanā nāṇa*) luận bàn ở đây được tóm tắt dưới mục ‘Mười Sáu Tuệ Minh Sát’, trang 219/Tập I.

- hiểu rõ tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của mười tám giới (nhãn giới, nhĩ-, tỷ-, thiệt-, thân-, và ý giới; sắc giới, thanh-, hương-, vị-, xúc-, và pháp giới; nhãn thức giới, nhĩ-, tỷ-, thiệt-, thân-, và ý thức giới);
- hiểu rõ tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của mười hai chi phần duyên sanh (vô minh, hành, thức, danh-sắc,...).

Người hành thiền sẽ quán đi quán lại ba đặc tính hay tam tướng của năm uẩn theo cách này càng nhiều càng tốt.

TRÍ QUÁN SỰ SANH&DIỆT

Khi minh sát trí của một người càng lúc càng trở nên thâm sâu hơn, lúc đó Trí Quán Sự Sanh&Diệt (*Udaya-Bbay-Ānupassana Nāṇa*) sẽ khởi lên. Với trí này, người hành thiền biết và thấy được sự sanh và diệt theo nhân duyên và sát-na của năm uẩn ở từng sát na tâm từ thức tái sanh cho đến tâm tử của mỗi kiếp quá khứ họ đã phân biệt. Người hành thiền cũng biết được như vậy đối với kiếp hiện tại, và tất cả những kiếp tương lai họ phân biệt, cho đến thời điểm Bát-Niết-Bàn của họ. Theo cách này, người hành thiền biết và thấy được năm uẩn có bản chất vô thường, khổ, và vô ngã như thế nào. Và họ cũng biết tâm minh sát mà nhờ đó họ biết và thấy được điều này cũng có cùng bản chất như vậy. Ở khắp mọi nơi họ nhìn, trong toàn vũ trụ, họ chỉ thấy sự sanh và diệt

của các uẩn: tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của chúng. Một lần nữa, người hành thiền sẽ quán đi quán lại sự sanh và diệt của năm uẩn theo cách này càng nhiều lần càng tốt. Khi minh sát trí của hành giả trở nên sắc bén và rõ nét, lúc đó hành giả chỉ tập trung vào sự hoại diệt của năm uẩn thôi.

TRÍ QUÁN SỰ HOẠI DIỆT

Với Trí Quán Sự Hoại Diệt (*Bhaṅg-Ānupassanā-Nāṇa*), người hành thiền không còn chú ý đến giai đoạn sanh của năm uẩn nữa, mà chỉ tập trung vào giai đoạn diệt của chúng. Ở đây cũng vậy, người hành thiền thực hành đi thực hành lại sự quán này nhiều lần. Nhờ quán các uẩn theo cách này, người hành thiền có được trí hiểu biết mạnh mẽ hơn về cách tại sao các uẩn lại có tính chất vô thường, khổ và vô ngã như vậy. Ở khắp mọi nơi người ấy nhìn vào, trong toàn vũ trụ này, tất cả cái người ấy thấy chỉ là sự hoại diệt. Và người hành thiền cũng chú ý đến sự hoại diệt của tâm minh sát biết sự hoại diệt của năm uẩn nữa.⁸¹¹

Khi người hành thiền quán đi quán lại nhiều lần năm uẩn theo cách này, minh sát trí của người ấy càng lúc càng trở nên mãnh liệt hơn, và cuối cùng năm uẩn xuất hiện thật đáng sợ đối với người ấy, bởi vì chúng luôn bề vỡ như món

⁸¹¹ VsM.xxi.724 ‘Bhaṅg-ānupassanā-Nāṇa-Kathā’ (‘Luận Về Trí Quán Sự Hoại Diệt’) PP.xxi.13 giải thích: ‘Vi vậy các bậc Cổ Đức nói: “Với minh sát trí (vipassanā nāṇa) vị ấy thấy cả hai: cái được biết (sở tri) và trí biết (năng tri)”’.

đồ gốm, và luôn phân tán như vi trần. Nếu quý vị quan sát bề mặt của một con sông trong cơn mưa lớn, quý vị sẽ thấy những bong bóng nước cứ liên tục xuất hiện rồi vỡ tan ra: năm uẩn lúc này cũng xuất hiện đối với người hành thiền như thế.⁸¹² Ở đây cũng vậy, người hành thiền quán sự hoại diệt của năm uẩn theo cách này, tới lui nhiều lần. Khi minh sát trí của họ càng lúc càng trở nên thâm sâu hơn, người hành thiền thấy năm uẩn liên tục hoại diệt trở lại, và cuối cùng trở nên nhàm chán (vỡ mộng) đối với năm uẩn.[265]

THẤY NHƯ VẬY, NÀY CÁC TỖ-KHEO

Sự nhàm chán hay yếm ly (厭離) đối với năm uẩn là giai đoạn kế được Đức Phật mô tả trong Kinh Dây Trói Buộc thứ hai:⁸¹³

Thấy như vậy, này các Tỳ-kheo, vị đa văn Thánh Đệ Tử (*sutavā Ariya-Sāvako*)

[1] với chính sắc này đã được nhàm chán (*rūpasmim-pi-nibbindati*);

[2] với chính thọ này đã được nhàm chán (*vedanāya-pi-nibbindati*);

[3] với chính tưởng này đã được nhàm chán (*saññāya-pi-nibbindati*);

⁸¹² Những ảnh dụ này được rút ra từ VsM.ibid.748/PP.ibid.27.

⁸¹³ S.III.I.x.8 ‘Dutiya-Gaddula-Bhaddha-Suttam’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’)

[4] với chính hành này đã được nhằm chán (*sankhāresu-pi-nibbindati*);

[5] với chính thức này đã được nhằm chán (*viññāṇasmim-pi-nibbindati*).

Khi vị đa văn Thánh Đệ Tử trở nên nhằm chán đối với năm uẩn, có nghĩa là vị ấy không còn thoả mãn với chúng. Vị ấy không còn thích thú trong năm uẩn, có nghĩa là năm uẩn, dù là của một con người, một vị chư thiên, một vị Phạm Thiên, cũng không làm cho vị ấy say mê nữa.[266] Với sự sanh khởi của ý thức nhằm chán như vậy, tâm khuynh hướng về Niết-Bàn. Bây giờ chúng ta sẽ thấy xem điều này xảy ra như thế nào.

VỊ ĐA VĂN THÁNH ĐỆ TỬ NHẪM CHÁN

Sự nhằm chán đối với năm uẩn có ba phương diện.⁸¹⁴

⁸¹⁴ VsM.xxi.755 ‘Nibbid-Ānupassanā-Ñāṇa-Kathā’ (‘Luận Về Trí Quán Sự Nhằm Chán, hay Yểm Ly Trí’) giải thích rằng thấy các hành như đáng sợ hãi và nguy hiểm là một với sự nhằm chán đối với chúng: ‘Do đó các bậc Cổ Đức nói: “Trí Hiện Khởi Sự Đáng Sợ hay Bồ Úy Hiện Khởi Trí chỉ một trong khi lại có tới ba tên: nó thấy tất cả hành là đáng sợ, vì vậy tên ‘Hiện Khởi sự Đáng Sợ’ phát sanh; nó làm khởi lên [sự hiện khởi của] sự nguy hiểm trong các hành ấy, như vậy tên ‘Quán Sự Nguy Hiểm’ phát sanh. Nó làm khởi lên sự nhằm chán đối với các hành ấy, vì vậy tên “Quán Sự Nhằm Chán’ phát sanh.” Điều này cũng được nói đến trong Vô Ngại Giải Đạo [PsM.I.v.227/PD.I.v.81]: “Tuệ về Sự Hiện Khởi Như Đáng sợ Hãi, Trí về Sự Nguy Hiểm và Nhằm chán: ba trí này về ý nghĩa là một, chỉ khác mặt chữ.

1. Năm uẩn xuất hiện như đáng sợ hãi: đó là Trí Hiện Khởi Sự Đáng Sợ, hay Bồ Úy Hiện Khởi Trí (*Bhayat-Upatthāna-Ñāṇa*).
2. Do năm uẩn là đáng sợ, người hành thiền nhận thức được chúng là nguy hiểm: đó là Trí Quán Sự Nguy Hiểm hay Quá Hoạn Tùy Quán Trí (*Ādinav-Ānupassanā-Ñāṇa*).
3. Do năm uẩn xuất hiện như đáng sợ hãi và nguy hiểm, người hành thiền trở nên nhàm chán đối với chúng: đó là Trí Quán Sự Nhàm Chán (*Nibbid-Ānupassanā-Ñāṇa* — Hán dịch: *Yếm Ly Tùy Quán*).

Năm uẩn quá khứ, tương lai, và hiện tại, của tất cả thế gian (tam giới), xuất hiện như đáng sợ hãi, bởi vì chúng chắc chắn phải tan hoại. Thánh Tịnh Đạo giải thích điều này với một ví dụ.⁸¹⁵ Ví như ba đứa con của một người đàn bà nọ đã xúc phạm đức Vua, và vị này ra lệnh xử tử chúng. Và người đàn bà đi đến nơi hành quyết. Khi họ đã chặt đầu đứa con trai lớn, và sắp chặt đầu đứa thứ hai. Chứng kiến đầu đứa lớn đã bị chặt, đầu đứa thứ hai sắp bị chặt, người mẹ mất hết hy vọng về đứa con út. Bà biết đầu nó cũng sẽ phải bị chặt mà thôi. Ở đây, đầu đứa con trai lớn đã bị chặt giống như người hành thiền thấy các uẩn quá khứ đã diệt. Đầu đứa

⁸¹⁵ VsM.xxi.750 ‘Bhayat-Upatthāna-Ñāṇa — Trí Hiện Khởi Sự Đáng Sợ Hãi-
Hán dịch ‘Bồ Úy Hiện Khởi Trí’

con trai thứ đang bị chặt giống như người hành thiền thấy các uẩn hiện tại đang diệt. Và trí của người mẹ biết rằng đầu đứa con út cũng sẽ bị chặt giống như cái biết của người hành thiền rằng các uẩn tương lai rồi cũng sẽ diệt. Đó là lý do tại sao Trí Hiện Khởi Sự Đáng Sợ (*Bhayat-Upatthāna-Ñāṇa*) phát sanh.

Điều này không có nghĩa rằng sự sợ hãi và khiếp đảm khởi lên nơi người hành thiền:⁸¹⁶ mà chỉ có trí (hiểu biết) về sự tan hoại của năm uẩn chắc chắn sẽ xảy ra mà thôi. Nếu một người nhìn thấy ba hố than hừng, chúng nhìn thật đáng ghê sợ: người ấy biết rằng bất kể rơi vào hố nào, người ta chắc chắn sẽ phải chịu khổ đau cùng cực cho đến chết. Nhưng tự thân trí đó sẽ không làm cho họ sợ. Cũng vậy, các uẩn quá khứ, tương lai, và hiện tại nhìn thật đáng sợ, nhưng người người hành thiền không vì lý do đó mà sợ. Bất cứ uẩn nào người hành thiền quán, uẩn đó đều xuất hiện thật đáng sợ, bởi vì họ thấy nó như bị bức bách bởi sự tan hoại. Năm uẩn xuất hiện như sự nguy hiểm cũng vì lý do đó.⁸¹⁷

Bất cứ chỗ nào người hành thiền nhìn vào, người ấy không tìm thấy có sự an toàn nào ở đó. Ba cõi hữu (dục hữu, sắc hữu, và vô sắc hữu) xuất hiện xuất hiện sự nguy hiểm, bốn đại chủng (đất, nước, lửa, và gió) xuất hiện sự nguy hiểm, sáu nội xứ (nhãn-, nhĩ-, tỷ-, thiệt-, thân-, và ý xứ) xuất

⁸¹⁶ VsM.ibid.751/PP.ibid.32

⁸¹⁷ VsM.ibid.752 ‘Ādinav-Ānupassanā-Ñāṇa-Kathā’ (‘Luận Về Trí Quán Sự Nguy Hiểm’) PP.ibid.35-36

hiện sự nguy hiểm, và sáu ngoại xứ (sắc-, thanh-, hương-, vị-, xúc-, và pháp xứ) xuất hiện sự nguy hiểm. Các sanh thú xuất hiện sự nguy hiểm: bốc cháy với những gì Đức Phật gọi là mười một loại lửa.[267] Đó là, cõi địa ngục, cõi súc sanh, cõi nạ quý, cõi A-tu-la, cõi người, cõi chư thiên dục giới, cõi Phạm Thiên, cõi Phạm Thiên vô sắc, dù cho thức tái sanh sanh khởi ở đâu, tất cả những sanh thú ấy xuất hiện đối với người hành thiền như đang bốc cháy, rục cháy, cháy đỏ với lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh, già, chết, và lửa sầu, bi, khổ, ưu, và não. Các uẩn xuất hiện như các uẩn của sự nguy hiểm, không có bất cứ thứ gì thoả thích, không có bất cứ thứ gì chắc chắn. Đức Phật nói chúng xuất hiện như một cơn bệnh (*roga*), như một ung nhọt (*ganḍa*), như một mũi tên (*salla*), như bệnh tật (*agha*), như một tai hoạ (*ābādha*), như một mối nguy hiểm (*ādīnava*):[268]chứ không có gì khác. Đó là lý do tại sao Trí Quán Sự Nguy Hiểm hay Quá Hoạn Tuỳ Quán Trí (*Ādinav-Ānupassanā-Nāṇa*) khởi lên.

Bây giờ tôi sẽ hỏi quý vị một câu hỏi. Tất cả những điều nguy hiểm này là gì? Chúng ta có thể mô tả chúng chỉ như một điều duy nhất được không? Được, chúng ta có thể làm được. Chúng ta có thể nói rằng tất cả những điều này chỉ là những vận hành của nghiệp. Đó là, sự hoàn thành của nghiệp, và quả của nghiệp: danh-sắc quả.⁸¹⁸ Thực sự đó là

⁸¹⁸ Trong Vbh.vi.234 ‘Paṭicca-Samuppaada-Vibhaṅgo’ (‘Phân Tích về Duyên Sanh’), Đức Phật giải thích điều này như nghiệp hữu (kamma-bhava): phước hành nghiệp, phi phước hành nghiệp, và bất động hành nghiệp. Nó tạo ra sanh

những gì bây giờ xuất hiện như sự nguy hiểm đối với người hành thiền.

SỰ NGUY HIỂM NẪM TRONG NHỮNG VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP

Chúng ta sẽ làm gì khi chúng ta gặp nguy hiểm? Chúng ta tìm nơi an ổn, nơi trú ẩn, và nơi che chở để tránh khỏi sự nguy hiểm. Những vận hành của nghiệp giờ đây xuất hiện như đáng sợ hãi và đau khổ đối với người hành thiền. Bởi thế, họ thấy chúng như những mối nguy hiểm, và họ tìm sự an ổn (*khema*) và an lạc (*sukha*) như một nơi nào đó không có những vận hành của nghiệp. Và nơi duy nhất không có những vận hành của nghiệp là trong Trạng Thái Tịch Tĩnh (*Santi-Pada* - Tịch Diệt Xứ 寂滅處), Niết-Bàn.[269]

Trong ngôn ngữ thực tiễn, người hành thiền thấy cái gì là đáng sợ hãi và khổ, và cái gì là an ổn, an lạc, và Niết-bàn?⁸¹⁹

- Sự sanh (*uppāda*) trong kiếp này do nghiệp quá khứ (*purima-kamma*) là đáng sợ hãi, và khổ, trong

hữu (*upapatti-bhava*), vốn là nền tảng của thức tái sanh trong cõi tương ứng: cõi người/cõi trời sắc giới, các cõi khổ, và các cõi vô sắc. Cũng xem những trích dẫn ở ghi chú cuối chương 65, trang 507.

⁸¹⁹ Bảng liệt kê này được trích từ PsM.I.8 ‘Ādīnava-Ñāṇa-Niddeso’ (‘Giải Về Trí (Quán) Sự Nguy Hiểm’) PD.I.viii.300-305: đã trích dẫn trong VsM.ibid.752 ‘Ādinav-Ānupassanā-Ñāṇa-Kathā’ (‘Luận Về Trí Quán Sự Nguy Hiểm’) PP.ibid.37. Những diễn giải chi tiết được lấy từ VsM.ibid.753/PP.ibid.38-42.

khi sự không-sanh (*an-uppāda*) trong kiếp này là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.

- Sự chuyển khởi (*pavatta*) của những nghiệp quả này là đáng sợ hãi, và khổ, trong khi sự không-chuyển khởi (*a-pavatta*) của những nghiệp quả này là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.
- Tướng (*nimitta*) của các hành là đáng sợ hãi, và khổ, trong khi vô tướng (*animitta*) là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.
- Sự tích lũy (*āyūhana*) nghiệp là đáng sợ hãi, và khổ, trong khi không tích lũy (*an-āyūhana*) nghiệp là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.
- Kiết sanh (*paṭisandhi*) vào kiếp sống kế là đáng sợ hãi và khổ, trong khi không kiết sanh (*a-ppaṭisandhi*) vào một kiếp sống tương lai là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.
- Sanh thú (*gati*) của kiết sanh là đáng sợ hãi và khổ, trong khi không sanh thú (*a-gati*, không đi đến nơi tái sanh) là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.
- Sự sanh thành (*nibbatti*-生成 sanh thành) của các uẩn là đáng sợ hãi và khổ, trong khi sự không sanh thành (*anibbatti*) của các uẩn là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.
- Sự tái khởi (*upapatti*) của các quả nghiệp là đáng sợ hãi và khổ, trong khi sự không tái khởi (*an-*

upapatti) của các quả nghiệp là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.

- Sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, và não là đáng sợ hãi và khổ, trong khi không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu, không bi, không khổ, không ưu, và không não, là an ổn, an lạc, và Niết-bàn.

Một khi sự sanh, trú, diệt của năm uẩn được thấy theo cách này như đáng sợ hãi và khổ đau, và sự không sanh, không trụ, và không diệt được thấy như an ổn, an lạc, và Niết-bàn, thì có nghĩa rằng người hành thiền đã thực sự nhàm chán đối với các hành, và tâm người ấy khuynh hướng về Niết-bàn một cách tự nhiên.[270] Đó là lý do vì sao có sự sanh khởi của Trí Quán Sự Nhàm Chán hay Yêm Ly Trí (*'Nibbid-Ānupassanā-Nāṇa'*).

Tôi khi người hành thiền tiếp tục quán tính chất vô thường, khổ, và vô ngã của năm uẩn quá khứ, tương lai, hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô hay tế, hạ liệt hay cao thượng, xa hay gần, cuối cùng người hành thiền phát triển được trí xả đối với năm uẩn.

XẢ ĐỐI VỚI NĂM UẨN

Xả đối với năm uẩn có ba phương diện:⁸²⁰

⁸²⁰ VsM.xxi.778 'Saṅkhā-Upekkhā-Nāṇa-Kathā' ('Luận Về Hành Xả Trí') PP.xxi.79 giải thích: '...các bậc Cổ Đức nói: "Trí hành xả này chỉ một nhưng

1. Khi ước muốn và khát khao từ bỏ năm uẩn phát sanh: đó là Dục Thoát Trí (*Muñcitu-Kamyatā-Nāṇa*).
2. Với ước muốn giải thoát có sự tư duy được lập đi lập lại và càng lúc càng thâm sâu trên năm uẩn như rỗng không thường, rỗng không lạc, rỗng không ngã, và rỗng không tịnh: đó là Tư Duy Trí (*Paṭisaṅkh-ānupassanā-Nāṇa*). Đó là những phương tiện cho giải thoát.
3. Với ước muốn giải thoát và tư duy càng lúc càng sâu trên sự rỗng không của năm uẩn, người hành thiền thấy rằng chúng đầy những khuyết điểm: đó là Hành Xả Trí (*Saṅkhā-Upekkhā-Nāṇa*). Ở giai đoạn này, người hành thiền không còn nhìn năm uẩn với thái độ thích thú hay sợ hãi, mà nhìn vào chúng với thái độ xả, điều này có nghĩa là cuối cùng người hành thiền đã dứt bỏ chúng.

Chúng tôi đã đề cập đến Hành Xả Trí (*Saṅkhā-Upekkhā-Nāṇa*) này rất nhiều lần. Tất cả các bậc A-la-hán mà chúng ta bàn đến trong tập sách này đều đạt đến A-la-hán Thánh Quả nhờ họ đã phát triển được trí hành xả này nhiều lần trong quá khứ, dưới các vị Phật trước. Nó là minh sát trí hiệp thế cao nhất. Nếu Ba-la-mật của một người đã chín mùi,

có ba tên. Lúc đầu, nó có tên là Dục thoát trí. Chặng giữa nó có tên là Tư duy trí. Chặng cuối, khi đã đạt đến tột đỉnh của nó, nó được gọi là Hành xả trí.”

bước kế tiếp sẽ là sự chứng đắc Niết-bàn thực sự, với Nhập Lưu trí.

BỐN ĐIÊN ĐẢO

Hiểu biết giai đoạn giác ngộ này là điều hết sức quan trọng. Tại sao? Bởi vì giai đoạn này đánh dấu một sự thay đổi lớn từ là kẻ vô văn phàm phu (*as-sutavā puthu-jjana*) trở thành một bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử (*sutavā-Ariya-Sāvako*): Quý vị hẳn còn nhớ Đức Phật nói về hai loại người này ngay phần mở đầu của cả hai bài kinh ‘Dây Trói Buộc’⁸²¹ rồi chứ.

Kẻ vô văn phàm phu vui thích với năm uẩn, xem chúng như thường, lạc, ngã, và tịnh. Do vô minh (*avijjā*), sự hiểu biết của kẻ vô văn phàm phu về thế gian (của năm uẩn) bị bóp méo, xuyên tạc bởi bốn tướng điên đảo (*saññā-vipallāsa*), bốn tâm điên đảo (*citta-vipallāsa*), và bốn kiến điên đảo (*diṭṭhi-vipallāsa*).⁸²² Những điên đảo ấy là:[271]

1. Tưởng, tâm, và kiến cho rằng trong vô thường (*anicca*) có thường (*nicca*).
2. Tưởng, tâm, và kiến cho rằng trong khổ (*dukkha*) có lạc (*sukha*).⁸²³

⁸²¹ Xem ‘Kẻ Vô Văn Phàm Phu’, trang 11/Tập I, và ‘Bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử’, trang 31/Tập I.

⁸²² Điên đảo (*vipallāsa*): ‘Với sự hiểu biết méo mó về các đặc tính (vô thường-khổ-vô ngã) là điên đảo.’ Nettippakaraṇa-Pāḷi IV.52 ‘Desanā-Hāra-Sampāto’

⁸²³ Xem ghi chú 806, trang 736.

3. Tưởng, tâm, và kiến cho rằng trong vô ngã (*anatta*) có ngã (*atta*). Ở một phần trước, chúng ta đã bàn về những phân tích của Đức Phật về hai mươi kiến chấp về tự ngã của kẻ vô văn phàm phu.⁸²⁴
4. Tưởng, tâm và kiến cho rằng trong bất tịnh (*asubha*) có tịnh (*subha*).

Do đó, kẻ vô văn phàm phu đi tìm sự an ổn và an lạc trong tự thân họ (đó là năm uẩn bên trong), trong mẹ hay cha của họ, trong chồng, vợ, con trai, con gái, bè bạn, tài sản... của họ (năm uẩn bên ngoài). [272] Như vậy, kẻ vô văn phàm phu đã hiểu một cách điên đảo về thực tại làm cho Niết-bàn (trở thành) không đáng mong muốn: họ không muốn dừng lại.

QUÁN TÍNH CHẤT RỖNG KHÔNG

Tuy nhiên, ở giai đoạn cao hơn của thiền minh sát này, người hành thiền hướng đến việc thấy năm uẩn với Chánh Trí Tuệ (*Samma-Ppaññā*). Người hành thiền quán năm uẩn đúng theo thực tại (*yathā-bhūta*) như rỗng không (*suñña*). [273] Ở đây, khi nói ‘rỗng không’, Đức Phật không muốn nói rằng năm uẩn, mười hai xứ, ... không thực hiện hữu; ngài không hàm ý rằng mọi thứ đều là ảo tưởng: đó là tà kiến. [274] Thực sự những gì năm uẩn không có là thường

⁸²⁴ Xem ‘Hai Mươi Loại Thân Kiến’, trang 23/Tập I

hằng, vững bền, bất diệt, và không phải chịu thay đổi mà thôi.[275] Điều đó có nghĩa là năm uẩn không có thường, không có lạc, không có ngã, và không có tịnh.

NĂM ẢNH DỤ VỀ SỰ RỘNG KHÔNG

Trong kinh ‘Pheṇa-Piṇḍ-Ūpama’, Đức Phật dùng năm ảnh dụ để giải thích cách vị Tỳ kheo quán tính chất rộng không của năm uẩn.⁸²⁵ Trước tiên ngài giải thích rằng nếu một người nhìn thấy một đám bọt nước trôi trên sông Hằng, và xem xét nó một cách cẩn thận, họ sẽ thấy rằng nó chỉ là trống rỗng, không có thực chất. Và ngài so sánh nó với việc hành thiền minh sát trên sắc:

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, phàm có loại sắc gì thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô hay tế, hạ liệt hay cao thượng, xa hay gần; nếu vị Tỳ-kheo thấy nó (passeyya), quán nó (nijjhāyeyya), và thẩm sát nó một cách cẩn thận (yoniso upaparikkheyya). Do vị Tỳ-kheo nhìn chuyên chú sắc ấy, quán sắc ấy, và thẩm sát cẩn thận sắc ấy, nó sẽ hiện rõ chỉ là rộng không, hiện rõ chỉ là trống rỗng, hiện rõ ra là không có thực chất. Làm sao, này các Tỳ-kheo, lại có thực chất trong sắc được?

Đó là cách Đức Phật dạy một người nên thực hành minh sát trên sắc uẩn. Rồi ngài mô tả việc nước mưa rơi trên mặt nước tạo ra những bong bóng. Nếu một người xem xét

⁸²⁵ S.III.I.x.3 ‘Pheṇa-Piṇḍ-Ūpama-Suttaṃ’ (‘Kinh Ví Dụ Bọt Nước’)

cẩn thận những bong bóng nước ấy, họ thấy rằng một bong bóng sanh, rồi vỡ tan, không có thực chất nào cả. Và ngài so sánh nó với việc hành thiền minh sát trên thọ uẩn:

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, phàm bất cứ loại thọ nào thuộc quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô hay tế, hạ liệt hay cao thượng, xa hay gần; nếu vị Tỳ-kheo thấy nó, quán nó, và thẩm sát nó một cách cẩn thận. Do vị Tỳ-kheo nhìn chuyên chú sắc ấy, quán sắc ấy, và thẩm sát cẩn thận sắc ấy, nó sẽ hiện rõ chỉ là rỗng không, hiện rõ chỉ là trống rỗng, hiện rõ ra là không có thực chất. Làm sao, này các Tỳ-kheo, lại có thực chất trong thọ được?

Đó là cách Đức Phật dạy một người nên thực hành thiền minh sát (*vipassanā-bhāvanā*) trên thọ uẩn. Rồi ngài giải thích cách vị Tỳ-kheo thực hành minh sát trên mười một loại tướng: chúng xuất hiện như một ảo ảnh, rỗng không, trống rỗng, không có thực chất, đối với vị ấy. Và khi vị Tỳ-kheo quán mười một loại hành, chúng hiện ra rỗng không như một thân cây chuối đối với vị ấy. Quý vị biết, cây chuối có một cái thân giả: nó chỉ gồm nhiều cuộn kết thành. Nếu người ta bóc hết những cuộn ấy ra, họ sẽ thấy không có gì bên trong cả. Cuối cùng, Đức Phật giải thích rằng khi vị Tỳ-kheo thực hành thiền minh sát trên mười một loại thức, chúng hiện ra với vị ấy rỗng không như sự đánh lừa của một ảo thuật gia, một trò bịp bợm thuần tuý, không có thực chất. Đó là cách Đức Phật dạy một người nên thực hành thiền minh sát trên năm uẩn.

Ở giai đoạn này, minh sát trí của một người phát triển rất mạnh mẽ nhờ đã quán năm uẩn như đáng sợ hãi, và nguy hiểm, và trở nên nhàm chán đối với chúng.

RỒNG KHÔNG TỰ NGÃ VÀ NHỮNG GÌ THUỘC VỀ TỰ NGÃ

Kế tiếp, khi người hành thiền quán năm uẩn là rỗng không, họ hiểu được rằng chúng không có tự ngã (*‘Cái này là tự ngã của tôi’*) cũng như không có bất cứ thứ gì thuộc về tự ngã (*‘Cái này là của tôi’*).⁸²⁶ Họ không thấy có cái ngã của mình (*‘tự ngã của tôi’*),⁸²⁷ họ không thấy có cái ngã thuộc người khác, chẳng hạn, mẹ ta (*‘Tôi là con của mẹ tôi’*), anh tôi (*‘tôi là em của anh tôi’*), hay một người bạn (*‘Tôi là bạn của bạn tôi’*). Họ không thấy người khác có cái ngã thuộc về họ, chẳng hạn, mẹ tôi (*‘Đây là mẹ tôi’*), anh ta (*‘Đây là anh tôi’*), hay một người bạn (*‘Đây là bạn tôi’*). Tương tự, họ không thấy có một tự ngã thuộc về bất cứ sở hữu nào, cũng như không có bất cứ sở hữu nào có một tự ngã.⁸²⁸

Sau khi hiểu rõ tính rỗng không của tự ngã, rỗng không của ngã sở (sở hữu của tự ngã), rỗng không không có thực chất, ... này, người hành thiền mở rộng đến thế gian: [276] đó là, sáu nội và ngoại xứ, năm uẩn, sáu loại thức, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, tâm, sáu loại tứ, sáu giới, mười kasiṇa, ba

⁸²⁶ Ở đây, VsM.ibid.760/PP.ibid.53 trích dẫn M.III.i.6 ‘āneñjasappāya-Suttam’ (‘Kinh Bất Động Lợi Ích’): ‘Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây, hay đi đến một nơi thanh vắng, và suy nghĩ như sau: "Rỗng không là tự ngã này hay những gì thuộc về tự ngã này".

⁸²⁷ Ở đây, VsM.ibid. một lần nữa trích dẫn lại bài kinh trên: “Ta không ở nơi đâu trong sở hữu của người nào, và cũng chẳng có ai ở nơi đâu trong sở hữu của ta [Ta không thuộc về ai, và cũng không ai thuộc về ta].”

⁸²⁸ VsA.ibid, và MA.ibid. giải thích rằng điều này muốn nói đến sự rỗng không của tự ngã và ngã sở trong cả các uẩn bên trong lẫn bên ngoài.

mười hai thân phần, mười tám giới, mười hai chi phần duyên sanh,...thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại.[277]

NÀY MOGHARĀJA, HÃY NHÌN ĐỜI RỒNG KHÔNG

Khi một người nhìn đời hay thế gian theo cách này, Đức Phật nói diêm vương (Māra) không thể thấy họ được. Có lần Đức Phật đã giải thích điều này cho một du sĩ khổ hạnh tên là Mogharāja.⁸²⁹[278] Ông đã hỏi Đức Phật là ông nên nhìn đời như thế nào, để thoát khỏi thân chết. Đức Phật trả lời ông bằng một bài kệ.

*Này Mô-gha-ra-ja,
Hãy nhìn đời trống không (suññato),
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhỏ lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Ai nhìn đời như vậy,
Thần chết không thấy được.*

Đời hay **thế gian** (*loka*) ở đây là năm thủ uẩn. Hãy nhìn đời trống không (*Suññato*) : có nghĩa là hãy nhìn năm thủ uẩn như không có thường, không có lạc, không có tự ngã, và không có tịnh.

⁸²⁹ VsM.xxi.765 ‘Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa Kathā’ (‘Luận Về Hành Xả Trí’) PP.xxi.60 trích dẫn bài kệ này từ SuN.v.15 ‘Mogharāja-Māṇava-Pucchā’ (‘Những Câu Hỏi Của Thánh niên Bà-la-môn Mogharāja’)

Luôn luôn giữ chánh niệm có nghĩa là phải luôn luôn nhớ đến việc thấy bốn loại rỗng không này trong năm thủ uẩn. Nếu một người quán thể gian theo cách này, họ bỏ được ngã tùy kiến (*attānu-ditṭhi*, hay thân kiến- *sakkāya-ditṭhi*), và lúc đó họ có thể vượt qua (chạy nhanh hơn) thần chết. Ai nhìn thể gian như vậy, diêm vương không thấy được : [279] diêm vương (*Māra*) không thể thấy được người nhìn thể gian theo cách này. [280]

Khi người hành thiền quán năm uẩn theo cách này nhiều lần, minh sát trí của vị ấy sẽ cải thiện, và dần dần vị ấy bỏ được hai thái độ: sợ hãi và thích thú đối với năm uẩn : thay vào đó, vị ấy nhìn chúng với thái độ xả. Vị ấy nhìn năm uẩn như không có ‘Tôi’, như không phải ‘của tôi’, như không phải ‘tự ngã’ của tôi. Để giải thích điều này, Đức Phật dùng ảnh dụ một người đàn ông đã ly dị vợ, và do đó đứng đưng với cô ta.⁸³⁰

LY DỊ NĂM UẨN

Giả sử người đàn ông kia lấy được một cô vợ duyên dáng, đáng mơ ước, đáng yêu. Và giả sử anh ta yêu cô ta đến nỗi không thể chịu đựng được nếu không có cô ta dù chỉ trong thoáng chốc. Nếu anh ta thấy cô ta nói chuyện, cười

⁸³⁰ Ảnh dụ được đưa ra trong VsM. *ibid.* 766/PP. xxi. 61-62. Ví dụ này được trích ra từ M.III.1 ‘Devadaha-Suttam’ (‘Kinh Devadaha’). Trong bài kinh này Đức Phật đưa ví dụ ấy ra để minh họa sự phát triển thái độ xả của vị Tỳ-kheo đối với những thứ làm phát sanh khổ não.

đùa với một người đàn ông nào khác, anh ta sẽ cảm thấy lo âu, bất mãn, thậm chí đau khổ. Tại sao thế ? Bởi vì anh đã xem cô ta như ‘nàng là của tôi’, và hạnh phúc của anh ta tùy thuộc vào một mình cô ta vậy.

Rồi sau đó anh ta khám phá ra rằng cô ta có nhiều khuyết điểm. Và anh sẽ ly dị cô ta. Một khi đã ly dị, anh sẽ không còn xem cô ta như ‘của tôi’ nữa. Và nếu bây giờ anh ta có thấy cô ta nói chuyện, cười đùa với một người đàn ông nào khác, anh ta sẽ không cảm thấy lo âu, bất mãn, mà hoàn toàn dửng dưng và lãnh đạm. Tại sao ? Bởi vì anh ta không còn xem cô ta như ‘nàng là của tôi’ nữa. Hạnh phúc của anh ta giờ đây không còn lệ thuộc vào cô ta nữa.

Theo cách tương tự, người hành thiền quán năm uẩn như vô thường, khổ, và vô ngã. Rồi, sau khi đã thấy rằng không có gì để xem như ‘Tôi’ hay ‘Của Tôi’ hay ‘Tự ngã’ của tôi, người hành thiền không còn thấy chúng như đáng sợ hãi hay thích thú nữa. Thay vào đó, người ấy trở nên dửng dưng, và nhìn vào chúng với thái độ xả.

TÂM NGƯỜI ẤY RÚT LẠI, CO LẠI, DỘI LẠI

Khi một người biết và thấy theo cách này, tâm của họ rút lại, co lại, và dội lại với ba loại hữu (bhāva, dục hữu, sắc hữu, và vô sắc hữu). Ví như những giọt nước rút lại, co lại, và dội lại trên một lá sen hơi nghiêng thế nào, ở đây cũng vậy tâm một người rút lại, co lại, và dội lại không chỉ khỏi các cảnh giới địa ngục, súc sanh, và ngạ quỷ, mà còn khỏi cả nhân giới, mười một cõi trời dục giới, các cõi phạm thiên sắc giới, và vô sắc giới. Ví như chiếc lông chim hay một sợi gân

quăng vào lửa, rút lại, co lại và dội lại như thế nào, tâm một người cũng vậy, rút lại, co lại, và dội lại khỏi bất cứ nơi đâu thức tái sinh có thể sanh. Theo cách này trong vị ấy khởi lên cái gọi là Hành Xả Trí (Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa).[281]

THẤY NIẾT-BÀN LÀ TỊNH LẠC

Ở giai đoạn này, nếu ba-la-mật của một người đã sẵn sàng chín mùi, tâm họ có thể rút lại, co lại, và dội lại khỏi năm uẩn, không còn chú ý tới năm uẩn nữa, và tiến tới trạng thái tịnh lạc, thấy Niết-bàn như sự tịnh lạc, lấy Niết-bàn làm đối tượng. Nếu không, người hành thiền phải quán đi quán lại năm uẩn là vô thường, khổ, và vô ngã nhiều lần.⁸³¹ thậm chí trong nhiều năm. Nhờ làm như vậy, cuối cùng ngũ căn của hành giả sẽ trở nên thành thực, và minh sát trí sẽ chỉ lấy Niết-bàn làm đối tượng, lúc đó Đạo Quả thứ nhất sẽ khởi lên.

Bây giờ chúng ta hãy bàn về những vận hành của Đạo và Quả.

⁸³¹ VsM.ibib.767/PP.ibid.65 giải thích rằng bao lâu Hành Xả Trí chưa chín mùi, nó có thể được đạt đến rất nhiều lần trong quá khứ vô định. Cuối cùng khi đã chín mùi, nó được gọi là Minh Sát Đưa Đến Xuất Khởi (Vutṭhāna-Gāminī-Vipassanā, thường dịch Tuệ Xuất Khởi 出起), vì nó xuất khỏi các hành để lấy Niết-bàn làm đối tượng. Điều này có thể so sánh với con chim bỏ câu đi tìm-đất. Nếu thấy đất, con chim sẽ bay về hướng đó; không thấy đất, nó quay trở lại chiếc tàu: cũng vậy, trí minh sát chín mùi thấy Niết-bàn như tịnh lạc, sẽ xuất khỏi (các hành) để bắt lấy Niết-bàn; trí minh sát chưa chín mùi không thấy Niết-bàn là tịnh lạc nên vẫn ở lại với các hành.

ĐẠO VÀ QUẢ

Có bốn Đạo Trí (Maggā-Ñāṇa) cùng với bốn Quả Trí (Phala-Ñāṇa) tương ứng. Chúng là những tốc hành tâm (javana) siêu thế, vốn chỉ lấy Niết-bàn làm đối tượng. Như đã nói ở trước, tốc hành tâm là các hành (saṅkhāras): chúng thực hiện Nghiệp (kamma). Trong khi mỗi hành sanh lên rồi liền diệt, thì nghiệp lực (kamma-satti) vẫn tồn tại trong cùng tương tục danh sắc đó. Tiềm lực này có thể cho yếu tố tư (cetanā) của các hành ấy khả năng chín mùi như một nghiệp quả (kamma-vipāka) trong tương lai: hoặc trong kiếp này hoặc trong kiếp khác. Một Đạo Trí làm nhiệm vụ như hiện báo nghiệp, với quả của nó phát sanh trong sát-na tâm kế như Quả Trí (Phala Ñāṇa) tương ứng của nó: Chẳng hạn, Nhập Lưu Thánh Quả Trí là quả nghiệp của Nhập Lưu Thánh Đạo Trí.

Tuy nhiên, nghiệp của một Tâm Đạo là độc nhất vô nhị. Vì sao? Hãy lấy tư của một tâm hiệp thế: dù đó là tư của dục giới (như tư bất thiện của sát sanh, trộm cắp, tà dâm...), hay tư thiện của bố thí, trì giới, tu thiền), hoặc đó là tư thiện của sắc giới, vô sắc giới, thì tư ấy vẫn có nghiệp lực. Tiềm lực này có thể chín mùi để tạo ra tái sanh vào một hiện hữu mới. Nó cũng có thể chín mùi để tạo ra những quả tốt hoặc xấu trong quá trình của một hiện hữu. Nhưng tư của Tâm Đạo không vận hành theo cách đó. Bởi vì nó lấy Niết-bàn siêu thế làm đối tượng (Vô Vi Giới-Asaṅkhata-Dhātu), nó đoạn diệt các phiền não, đoạn diệt nghiệp lực của tư (cetanā) theo từng giai đoạn: với A-la-hán Thánh Đạo Trí, tất cả phiền não sẽ bị đoạn trừ, nghiệp lực của tư (cetanā) cũng sẽ

bị đoạn trừ hoàn toàn. Tư của vị A-la-hán lúc đó là tư duy tác thuần túy.[282] Nó được xem là kỳ diệu nhất.

Khi chúng ta hành thiền định (jhāna), những nghiệp thiền này sẽ đè nén phiền não trong một thời gian lâu dài: một giờ, hai giờ v.v... Và khi chúng ta hành thiền minh sát cao thượng, những nghiệp thiền minh sát cũng đè nén phiền não như vậy. Đây là những gì Đức Phật gọi là tâm giải thoát (ceto-vimutti) có hạn kỳ (sāmāyika).[283] Nhưng sau một thời gian những phiền não này sẽ xuất hiện lại. Đúng không? Ngay cả những nghiệp minh sát cao thượng mà chúng ta vừa bàn đến, như Hành Xả Trí (Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa) chẳng hạn: nó được xem là một thiện nghiệp cao thượng nhất, và khi nó sanh, sẽ không có phiền não. Nhưng như đã nói, người ta có thể tiến đến mức minh sát trí ấy trong Giáo Pháp của nhiều vị Phật, tuy nhiên những vẫn sẽ quay trở lại, và họ sẽ phải bị tái sanh vô số lần.

Tại sao phiền não sanh trở lại? Bởi vì chúng chỉ bị đè nén mà thôi. Thực sự chúng vẫn hiện hữu như những lực ngủ ngầm hay tùy miên (anusaya).⁸³² Vì vậy, thiền định và thiền minh sát chỉ giải thoát tạm thời khỏi các phiền não và sự giải thoát này được gọi là giải thoát hiệp thế (lokiyo vimokkha).⁸³³

Tuy nhiên, các Nghiệp Đạo (Magga Kammās) không đè nén phiền não: bởi vì các Nghiệp Đạo lấy Vô Vi Giới làm đối tượng, chúng huỷ diệt những phiền não. Khi một phiền não, như tà kiến chẳng hạn, đã bị huỷ diệt bằng Nhập Lưu Thánh Đạo Trí, tà kiến ấy sẽ không khởi lên trở lại trong

⁸³² tùy miên: xem ghi chú 122, trang 108/Tập I.

⁸³³ PsM.I.v.213 ‘Vimokkha-Kathā’ (‘Luận Về Giải Thoát’) PD.I.v.3

tương tục danh-sắc của chúng ta. Trong quãng đời còn lại, trong kiếp kế, và ngay cả nếu chúng ta có phải tái sanh trong bảy kiếp khác, phiền não ấy cũng không bao giờ khởi.

Khi chúng ta tiến từ một Đạo Trí này đến một Đạo Trí khác, càng lúc càng nhiều các kiết sử, triền cái, phiền não, v.v... bị huỷ diệt: từ những phiền não rất thô đến những phiền não rất vi tế. Cuối cùng, tất cả những phiền não bị huỷ diệt hoàn toàn không còn tàn dư. Vào lúc sanh khởi của A-la-hán Thánh Đạo Trí (Arahatta-Magga-Ñāṇa), sẽ không còn bất cứ loại phiền não nào khởi lên trở lại nữa.

BỒN ĐẠO TRÍ

Kể đến chúng ta sẽ bàn về việc các Đạo Trí giải thoát một người khỏi các phiền não theo từng giai đoạn như thế nào, cho đến khi họ hoàn toàn giải thoát khỏi các phiền não vào lúc đắc A-la-hán Thánh Quả.⁸³⁴

NHẬP LƯU

Đạo Trí thứ nhất, Nhập Lưu Thánh Đạo Trí (Sot-Āpatti-Magga-Ñāṇa), huỷ diệt ba kiết sử (saṃyojana): thân kiến (sakkāya-diṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā), và giới cầm thủ (sīlabbata-parāmāsa). Bậc Thánh Nhập Lưu giờ đây có niềm tin bất động nơi Tam Bảo (Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo). Bậc Thánh Nhập Lưu giờ đây có niềm tin bất động nơi tam học (giới, định, tuệ), có niềm tin bất động nơi các kiếp quá

⁸³⁴ VsM.xxii.830 ‘Pahātabba-Dhamma-Pahāna-Kathā’ (‘Luận Về Sự Đoạn Trừ Các Pháp Cần Phải Đoạn Trừ’) PP.xxii.64-75.

khứ, có niềm tin bất động nơi các kiếp tương lai, có niềm tin bất động nơi các kiếp quá khứ và tương lai, và có niềm tin bất động nơi pháp duyên sanh.⁸³⁵ Điều này có nghĩa rằng bậc Thánh Nhập Lưu không thể còn chấp giữ một tà kiến nào về những vận hành của nghiệp nữa.⁸³⁶

Hơn nữa, cùng với sự sanh khởi của Nhập Lưu Thánh Đạo là sự sanh khởi của Bát Thánh Đạo (Ariya Aṭṭhaṅgika Magga): điều đó có nghĩa rằng Chánh Ngữ (Sammā-Vācā), Chánh Nghiệp Sammā-Kammantā), và Chánh Mạng (Sammā-Ājīva) đã sanh.[284] Điều này có nghĩa bậc Thánh Nhập Lưu không thể nào còn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, và không thể nào còn uống rượu và bia. Vị ấy cũng không thể nào còn bòn xén, ích kỷ (macchariya).

Những tâm tham và sân có thể dẫn đến một sự tái sanh bất hạnh như vậy đã được đoạn trừ: vị ấy không thể nào còn tạo tác những nghiệp bất thiện thuộc loại có thể dẫn đến tái sanh bất hạnh nữa.

Vả lại, Nhập Lưu Thánh Đạo Trí còn làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để cắt đứt tất cả những bất thiện nghiệp (đã làm trước đây trong kiếp này, và vô lượng kiếp quá khứ) nào có thể chín mùi vào lúc chết để tạo ra một tái sanh bất hạnh:⁸³⁷ đó có thể là một sanh báo nghiệp bất thiện, hoặc một hậu báo nghiệp. Những nghiệp như vậy sẽ hoàn toàn trở thành vô hiệu lực nghiệp.

⁸³⁵ Xem những trích dẫn ở ghi chú cuối chương 32, trang 47/Tập I, và 54, trang 55/Tập I.

⁸³⁶ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 51, trang 54/Tập I.

⁸³⁷ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 56, trang 56/Tập I

Tuy nhiên, Nhập Lưu không phải là cứu cánh của sự tu tập. Bậc Thánh Nhập Lưu vẫn còn là một vị hữu học (sekha),⁸³⁸ và Đức Phật nói vị ấy phải không tự mãn với địa vị Nhập Lưu của mình, mà một nỗ lực phải được thực hiện trong kiếp này để đạt đến A-la-hán Thánh Quả.[285]

Như vậy phận sự của vị Nhập Lưu là gì? Là làm như trước:[286] Tức là vị ấy phải quán năm uẩn như không có thường, lạc, ngã, và tịnh. Rồi khi ba-la-mật của vị ấy chín mùi, vị ấy có thể tiến tới Đạo Trí thứ hai.

Tuy nhiên, nếu một người chết như một bậc Thánh Nhập Lưu, duy nhất chỉ một thiện nghiệp có thể tạo ra tái sanh: hoặc trong cõi người hoặc trong một cõi chư thiên nào đó. Dù cho sanh ở đâu, người ấy vẫn phải quán năm uẩn như không có thường, lạc, ngã, và tịnh trở lại. Và chắc chắn vị ấy sẽ đắc A-la-hán Thánh Quả trong tối đa bảy kiếp, hoặc như một con người, hoặc như một vị chư thiên hay Phạm thiên. Nhanh chậm như thế nào tùy thuộc vào nỗ lực và Ba-la-mật của người ấy. [287]

NHẤT LAI

Đạo Trí thứ hai, Nhất Lai Thánh Đạo Trí (Sakad-Āgāmi-Magga-Ñāṇa), không huỷ diệt phiền não mà chỉ làm yếu thêm hai kiết sử tham dục và sân, kể cả hối hận. Với Nhất Lai Thánh Đạo, người ta không thể nào còn vướng vào tà hạnh trong các dục, nói lời vu không, nói lời thô ác, hoặc ác ý, sân hận. Và bậc Thánh Nhất Lai chắc chắn sẽ đạt đến A-la-hán Thánh Quả trong hai kiếp, hoặc như một con

⁸³⁸ Cũng xem ‘Tám Bậc Thánh Nhân’, trang 32/Tập I.

người, chư thiên, hay Phạm thiên. Nhanh chậm thế nào tùy thuộc vào nỗ lực và ba-la-mật của vị ấy.[288]

Và cũng vậy, dù sinh trong nhân giới, hay thiên giới, phạm sự của bậc Thánh Nhất Lai (Sakad-Āgami) là quán các hành như không có thường, lạc, ngã và tịnh. Rồi, khi ba-la-mật của vị ấy chín mùi, vị ấy có thể tiến đến Đạo Trí thứ ba.

BÁT LAI

Đạo Trí thứ ba, Bát Lai Thánh Đạo Trí (An-Āgāmi-Magga-Ñāṇa), huỷ diệt những dục tham, và sân còn lại, kể cả hối hận. Vị Thánh Bát Lai không thể nào còn phạm vào dục hạnh, hay nói lời vu khống, lời thô lỗ, hay ác ý, sân hận.

Sở dĩ được gọi Thánh Bát Lai (An-Āgāmi) là vị Bát Lai Thánh Đạo Trí làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp để cắt đứt tất cả nghiệp (đã làm trước đó trong kiếp này, và trong những kiếp quá khứ vô tận) có thể chín mùi vào lúc chết để tạo ra tái sinh trong cõi dục giới: hoặc sanh báo nghiệp thiện, hoặc hậu báo nghiệp thiện. Tất cả những nghiệp ấy sẽ trở thành vô hiệu lực. Bậc Thánh Bát Lai sẽ không bao giờ còn quay trở lại cõi người hay những cõi trời dục giới.

Vào lúc chết của bậc Thánh Bát Lai, chỉ một nghiệp thiện (jhāna) mới có thể tạo ra tái sinh: trong Phạm Thiên giới. Và vị ấy⁸³⁹ chắc chắn sẽ đắc A-la-hán Thánh Quả như một vị Phạm Thiên trong một kiếp sau. Nhanh như thế nào tùy thuộc vào nỗ lực và ba-la-mật của vị ấy.[289] Và cũng

⁸³⁹ Các vị Phạm Thiên chỉ là người nam: theo Đức Phật, việc một vị Phạm Thiên là người nữ là điều không thể xảy ra: xem ghi chú 111, trang 40. Về lý do tại sao, xem ghi chú 106, trang 88/Tập I.

vậy, phạm sự của vị Thánh Bất Lai là quán các hành như không có thường, lạc, ngã, và tịnh. Rồi khi ba-la-mật của vị ấy chín mùi, vị ấy có thể tiến đến Thánh Đạo Trí thứ tư. Và cũng vậy, phạm sự của bậc Thánh Bất Lai là quán các hành như không có thường, lạc, ngã và tịnh. Rồi, khi ba-la-mật của vị ấy chín mùi, vị ấy có thể tiến đến Đạo Trí thứ tư.

A-LA-HÁN

Đạo Trí thứ tư, A-la-hán Thánh Đạo Trí (Arahatta-Magga-Ñāṇa'), huỷ diệt mọi tham ái đối với sắc hữu và vô sắc hữu (rūpa-bhava, arūpa-bhava- tham muốn tái sanh cõi sắc giới và vô sắc giới), hôn trầm-thuy miên (thina-middha), mạn (māna), trạo cử (uddhacca), và vô minh (avijjā). Vị A-la-hán không thể nào còn dự phần vào những chuyện nhảm nhí hay tham muốn.[290] Tóm lại, A-la-hán Thánh Đạo Trí đã huỷ diệt hoàn toàn tham (lobha), sân (dosa), và si (moha),⁸⁴⁰ huỷ diệt hoàn toàn vô minh (avijjā) và tham ái (taṇhā).

Như đã nói ở trên, để có nghiệp, cần phải có vô minh và tham ái: không có vô minh và tham ái, không có nghiệp. Vì thế những hành động của vị A-la-hán không tạo ra nghiệp: không tạo ra bất thiện nghiệp cũng không tạo ra thiện nghiệp; không tạo ra hiện báo nghiệp, cũng không tạo ra sanh báo nghiệp, và hậu báo nghiệp. Tư (cetanā) của vị A-la-hán là duy tác (kiriya) thuần túy.

⁸⁴⁰ điều này đã được Đức Phật giải thích nhiều lần; chẳng hạn, xem những trích dẫn ở ghi chú cuối chương 33, trang 47/Tập I; và 173, trang 553.

A-la-hán Thánh Đạo Trí làm nhiệm vụ như đoạn nghiệp nhằm cắt đứt những nghiệp còn lại nào có thể chín mùi vào lúc chết để tạo ra bất kỳ một loại tái sinh nào. Tất cả những nghiệp như vậy sẽ trở thành vô hiệu lực. Vào lúc chết của một vị A-la-hán, không có sự tái sinh, dù ở bất cứ nơi đâu.⁸⁴¹ Không trong cõi dục giới, không trong cõi sắc giới, và cũng không trong cõi vô sắc giới: và ở đây chúng ta phải nhớ rằng một vị Phật cũng là một bậc A-la-hán.⁸⁴²

SỰ KHÔNG VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP

Vị A-la-hán được gọi là một bậc vô học (a-sekha),⁸⁴³ hay một vị đã tinh thông, bởi vì vị ấy đã hoàn tất tam học: giới (sīla), định (samādhi), và tuệ (paññā). Khi tam học được hoàn tất, tâm một người được tịnh hoá khỏi các phiền não. Có thể nói tam học là toàn bộ Giáo Pháp của Đức Phật (Buddhāna Sāsanaṃ).

Đức Phật giải thích điều này trong một bài kệ.⁸⁴⁴

⁸⁴¹ Xem bảng '3e: Duyên Sinh Từ Kiếp Này Sang Kiếp Khác', trang ...sau.

⁸⁴² Giải thích về chín ân đức của một vị Phật Chánh Đẳng Giác (Sammā-Sambuddha), Đức Phật đưa ân đức A-la-hán (Úng Cúng) lên đầu tiên hết (D.II.3 'Mahā-Parinibbāna-Suttam' (Kinh Đại Niết Bàn). Ân đức này của Phật được giải thích trong VsM.vii.125-130 'Buddh-Ānussati' ('Tuỳ Niệm Phật) PP.vii.4-25 "Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đầy đủ minh và hạnh, đáng thiện thế, đáng hiểu rõ thế gian, bậc vô thượng đạo sư điều phục những người đáng điều phục, bậc thầy của chư thiên và loài người, Phật, Thế Tôn"

⁸⁴³ Trong cách phân loại này, kẻ vô văn phạm phu được gọi là **phi hữu học phi vô học** (n'eva-sekha-n-ā-sekha).

⁸⁴⁴ DhP.xiv.5 'Buddha Vaggo' ('Phẩm Phật Đà')

Sabba-pāpassa a-karaṇaṃ,
Kusalassa upasampadā,
Sa-citta-pariyodapanaṃ,
etaṃ Buddhāna Sāsanaṃ.

Không làm mọi điều ác,
Tích tạo các điều thiện,
Giữ cho tâm thanh tịnh:
Đây Lời Dạy Chư Phật.

Chư Phật dạy người ta không làm điều ác. Đó là giới học và cũng là thiện nghiệp (kusala kamma). Và chư Phật dạy người ta tịnh hoá tâm của mình. Đó là định học, và tuệ học: định là thiện nghiệp, và tuệ cũng là thiện nghiệp. Như chúng tôi đã giải thích nhiều lần, việc thoát khỏi khổ đòi hỏi một người phải hoàn thành ba loại thiện nghiệp này qua nhiều kiếp sống. Rồi, khi ba-la-mật của một người chín mùi, tâm họ được tịnh hoá theo từng giai đoạn bằng bốn Thánh Đạo Trí: chúng được xem là mạnh mẽ nhất trong tất cả thiện nghiệp, bởi vì chúng huỷ diệt tất cả những bất thiện nghiệp và thiện nghiệp vốn có thể tạo ra tái sanh. Khi tâm của một người được tịnh hoá bằng Đạo Trí cùng tột, A-la-hán Thánh Đạo Trí, những hành động của họ không còn bất kỳ một tiềm lực nghiệp nào nữa: những hành động của họ lúc đó chỉ là duy tác thuần tuý (kiriya).

Như vậy, chúng ta có thể nói rằng nhờ hoàn thành những thiện nghiệp qua nhiều kiếp sống, cuối cùng một người huỷ diệt được nghiệp.⁸⁴⁵ Và chúng ta cũng có thể nói rằng nhờ những vận hành của thiện nghiệp mà một người thành tựu sự không vận hành của nghiệp.[291] Lúc đó kể

⁸⁴⁵ Đây là lý do tại sao Đức Phật nói thiện nghiệp dẫn đến chấm dứt nghiệp: cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối trang 88, trang

Những Ghi Chú cho Bảng 5e ‘Tiến Trình Đạo’

- Một tâm kéo dài một sát na tâm (*citta-kkhaṇa*), với ba giai đoạn: sanh (*uppāda*)↑, trú (*ṭhiti*)|, diệt (*bhaṅga*)↓.
- Trước và sau một tiến trình tâm, một số tâm hữu phần sanh khởi.⁸⁴⁶
- Tiến Trình Nhập Lưu Đạo không sanh trong cõi vô sắc (Xem giải thích ở trang 355, phần nói về Āḷāra Kālāma và Uddaka). Nhưng Tiến Trình Nhất Lai Đạo, Bất Lai Đạo và A-La-Hán Đạo phát sanh ở cả ba cõi: dục giới, sắc giới, và vô sắc giới.
- Sự nhận thức diễn ra theo một phương thức cố định hợp theo quy luật tự nhiên của tâm (*citta-niyāma*). Như vậy, phương thức diễn tiến của Tiến Trình Đạo là.⁸⁴⁷
 1. Một ý môn hướng tâm: tâm này bắt cùng đối tượng minh sát như Hành Xả Trí đi trước.
 - 2-4. Ba tốc hành tâm chuẩn bị với cùng một đối

⁸⁴⁶ Tâm hữu phần: để biết thêm chi tiết, xem ghi chú 262, trang 209/Tập I.

⁸⁴⁷ Để có một sự luận bàn đầy đủ về sự chín mùi của Hành Xả Trí (Saṅkhā-Upekkhā-Ñāṇa), xem ghi chú 831, trang 762.

tượng:

- i. Chuẩn bị (*parikamma*)⁸⁴⁸
- ii. Cận hành (*upacāra*)
- iii. Thuận Thứ Trí (*anuloma*)

Sự lập lại của ba tâm chuẩn bị này dọn đường cho việc chuyển từ minh sát trí với hữu vi (các hành) làm đối tượng sang các Đạo Quả Trí với Vô Vi (Niết Bàn) làm đối tượng. Vì vậy, chúng có thể được nói là làm nhiệm vụ như sự chuẩn bị cho, tiếp cận với và thuận theo Trí Chuyển Tộc (từ phàm sang Thánh).

5. Trí Chuyển-Tộc:⁸⁴⁹ trí này lấy Niết-bàn làm đối tượng, và đánh dấu sự chuyển tiếp của trí từ phàm tộc (*putthu-jjana-gotta*) sang thánh tộc (*Ariya-gotta*).
6. Đạo Trí:⁸⁵⁰ trí này lấy Niết-bàn làm đối tượng, và là sự khởi sinh đầu tiên của Bát Thánh Đạo siêu

⁸⁴⁸ Nơi một người các căn nhạy bén, tâm chuẩn bị không sanh: chỉ có ba tốc hành tâm trước Chuyển Tộc. Trong trường hợp này, ba Tâm Quả sẽ sanh. (VsM.xxii.811/PP.xxii.16)

⁸⁴⁹ Trí Chuyển Tộc: Trí này lấy Niết-bàn làm đối tượng, nhưng nó vẫn không phải trí siêu thế, vì nó không huỷ diệt các phiền não. Và trong việc chuẩn bị cho một đạo cao hơn, nó được gọi là *vodāna* (淨化, tịnh hoá), bởi vì trong trường hợp này một người đã là bậc Thánh rồi vậy.

⁸⁵⁰ Đạo Trí: quả đầu tiên của trí này là Quả Trí. Quả thứ hai là sự huỷ diệt các phiền não (VsM.xxii ‘Nāṇa-Dassana-visuddhi-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Tri Kiến Thanh Tịnh’ PP.xxii.) Cũng xem ‘Nhập Lưu’, trang 765.

thể trong tương tục danh-sắc của một người, nhờ đó một số phiền não bị huỷ diệt: với A-la-hán Thánh Đạo các phiền não bị huỷ diệt hoàn toàn. Tâm Đạo là một tâm an chỉ, tối thiểu cũng phải là sơ thiền.⁸⁵¹ [292]

7-10. Hai hay ba tâm quả: những tâm quả này cũng lấy Niết-bàn làm đối tượng, và là kết quả trực tiếp của Nghiệp Đạo. Với sự thực hành, một người có thể nhập vào quả chứng trong một thời gian lâu hơn: cho đến bảy ngày (Xem bảng 5d: Tiến Trình Chứng Thiền' trang 359/Tập I.

1e: Tâm Quả Siêu Thế (Lokuttara-Vipāka-Citta)*

MÔN	TÂM QUẢ	PHỐI HỢP VỚI	ĐỐI TƯỢNG
Ý MÔN	1. Nhập Lưu 2. Nhất Lai 3. Bất Lai 4. A-la-hán	Sơ thiền siêu thế nhị thiền siêu thế tam thiền siêu thế tứ thiền siêu thế	Niết-Bàn

Mặc dù chúng là quả của thiện nghiệp, những loại tâm quả này không bao giờ được gọi là những tâm quả thiện (kusala-vipāka), vì lẽ từ ấy chỉ để nói đến những tâm quả thiện vô nhân: xem bảng, trang 124/Tập I.

TÂM QUẢ: Tâm Quả là kết quả của Tâm Đạo (*Magga-*

⁸⁵¹ Về chi tiết, xem bảng '1e Tâm Quả Siêu Thế', trang sau.

Citta) tương ứng và đi liền trước nó: chẳng hạn, Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm là tâm thiện siêu thế, và Nhập Lưu Thánh Quả Tâm là tâm quả siêu thế tương ứng. Xem ‘Tiến Trình Tâm Đạo’ ở trên.

PHỐI HỢP VỚI: các tâm quả siêu thế sanh lên phối hợp với các tâm sở của một trong năm bậc thiền .

- sơ thiền siêu thế: nếu đối tượng của minh sát trí là một pháp sơ thiền, Đạo&Quả sẽ là sơ thiền siêu thế (Đạo tám chi). Nếu đối tượng là một sắc pháp hay danh pháp dục giới, lúc đó mặc dù đối tượng tách khỏi các thiền chi, song Đạo&Quả vẫn phối hợp với năm chi của sơ thiền siêu thế, ngay cả nếu người ấy không có thiền hiệp thế trước đó.
- nhị thiền siêu thế: nếu đối tượng là một tâm hành nhị thiền, Đạo&Quả sẽ là nhị thiền với một Đạo chỉ có bảy chi, vì không có tâm (*vitakka*), (tâm là một chi của sơ thiền, và tương ứng với Chánh Tư Duy (*Sammā Saṅkappa*), một chi Đạo).
- tam thiền/tứ thiền/ngũ thiền siêu thế: tương tự, nếu đối tượng của minh sát trí là một hành tam thiền, Đạo&Quả sẽ là tam thiền,...

(DhSA.1.277-358 ‘Lokuttara-Kusala-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả về Thiện Siêu Thế’) E.289-319). Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 292, trang sau.

Khi các tâm siêu thế được tính theo năm bậc thiền, chúng tạo thành hai mươi tâm thiện siêu thế và hai

mười tâm quả siêu thế.

Đức Phật chấm dứt bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai bằng cách giải thích vị đa văn Thánh Đệ Tử (sutavā-Ariya-Sāvako) đã làm xong những gì cần làm như thế nào. Bây giờ chúng ta hãy nghe lời giải thích của ngài.

ĐÃ LÀM XONG NHỮNG GÌ CẦN PHẢI LÀM

Chắc quý vị còn nhớ trước tiên Đức Phật giải thích rằng vị đa văn Thánh Đệ Tử thực hành minh sát trên mười một loại của năm uẩn, quán chúng đúng theo thực tại với Chánh Trí Tuệ như: *‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.’* Thấy chúng là rỗng không theo cách này, vị đa văn Thánh Đệ Tử trở nên nhàm chán đối với năm uẩn:

Thấy như vậy, này các Tỳ kheo, vị đa văn Thánh Đệ Tử

- [1] với chính sắc này đã được nhàm chán;
- [2] với chính thọ này đã được nhàm chán;
- [3] với chính tưởng này đã được nhàm chán;
- [4] với chính các hành này đã được nhàm chán;
- [5] với chính thức này đã được nhàm chán;
- Do nhàm chán, vị ấy ly tham; do ly tham, vị ấy được giải thoát.

- Trong giải thoát, trí khởi lên: ‘Ta đã được giải thoát.’
- Vị ấy biết ‘Sanh đã tận; đời phạm hạnh đã thành (đã được sống); những gì cần làm đã làm xong; vượt qua điều này không có gì thêm nữa.’

Trong ngôn ngữ của pháp hành, nó có nghĩa là gì?⁸⁵²

- **Vị ấy ly tham** (*virajjati*): ở đây, Đức Phật đang nói tới Đạo Trí.
- Do ly tham, vị ấy được giải thoát (*virāgā, vimuccati*): ở đây, Đức Phật đang nói tới Quả Trí.
- Trong giải thoát, trí (*ñāṇa*) khởi lên: ‘Ta đã giải thoát (*vimuttam*)’: ở đây, Đức Phật đang nói đến Trí Phản Khán hay Trí Suy Xét (*Paccavekkhaṇa-Ñāṇa*). Sau sự sanh khởi của các Đạo&Quả Trí, luôn luôn có Phản Khán Trí: duyệt lại những gì đã thành tựu.⁸⁵³
- **Vị ấy biết: ‘Sanh đã tận; phạm hạnh đã thành; những gì cần làm đã làm xong, vượt qua điều này không còn gì thêm nữa** (*n-āparam itthattāya*):⁸⁵⁴ Trong bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ

⁸⁵² Những phân tích sau đây được rút ra từ SA.II.I.vii.1 ‘Assutavā-Suttam’ (‘Vô Văn Kinh’)

⁸⁵³ Xem ‘Phản Khán Trí’, trang ...

⁸⁵⁴ DA.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttam’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’) giải thích: SANH ĐÃ TẬN: sự tái sanh mà lẽ ra sẽ khởi lên nếu A-la-hán Thánh Đạo Trí không

nhất, Đức Phật giải thích sự việc này theo một cách khác.⁸⁵⁵ Ở đó ngài nói:

[1] Vị ấy được giải thoát khỏi sắc (*parimuccati rūpamhā*);

[2] Vị ấy được giải thoát khỏi thọ (*parimuccati vedanāya*)

[3] Vị ấy được giải thoát khỏi tưởng (*parimuccati saññāya*)

[4] Vị ấy được giải thoát khỏi hành (*parimuccati saṅkhārehi*).

[5] Vị ấy được giải thoát khỏi thức (*parimuccati viññāṇamha*);

Vị ấy được giải thoát khỏi sanh, khỏi già&chết, khỏi sầu, khỏi bi, khỏi khổ, khỏi ưu, và khỏi não (*parimuccati jātiyā jarāmaṇena sokehi paridevehi dukkhehi domanassehi upāyāsehi*).

‘Vị ấy được giải thoát khỏi khổ’ Ta tuyên bố (*Parimuccati dukkasmā’ti vadāmi*).

Đây là A-la-hán Thánh Quả.

sanh đã bị tiêu huỷ. PHẠM HẠNH ĐÃ THÀNH: Trong khi hàng phàm nhân giới đức và bảy bậc Thánh Hữu Học đang ‘sống’ đời phạm hạnh, bậc A-la-hán ‘đã sống’ hay đã hoàn thành đời phạm hạnh. ĐÃ LÀM XONG NHỮNG GÌ CẦN LÀM:những công việc cần phải làm bằng Thánh Đạo Trí đã được làm (đã chứng ngộ Tứ Thánh Đế). VƯỢT QUA ĐIỀU NÀY KHÔNG CÒN GÌ THÊM NỮA: đối với việc tu tập Đạo không còn gì để phải làm thêm nữa, hay, vượt qua các uẩn hiện tại này không còn các uẩn nào thêm nữa.

⁸⁵⁵ Xem ‘Vị Ấy Không Chạy Vòng Quanh Năm Uẩn’, trang 37/Tập I

Quả vị này có cao quý không? Có, quả vị này rất cao quý! Nó được xem là cao quý nhất, là hạnh phúc cao tột hay an lạc tối thượng nhất (*parama sukha*).⁸⁵⁶ Cũng vì lý do này mà chư Phật xuất hiện ở đời. Đó là lý do tại sao chư Phật giảng dạy Pháp cao thượng (*Buddhānaṃ sāmukkamsikā Dhamma-desanā*).[293] Pháp chỉ được tìm thấy trong Giáo Pháp của chư Phật Chánh Đẳng Giác.[294] Chính vì điều này mà chư Phật giảng dạy Tứ Thánh Đế.⁸⁵⁷ Bởi vì chỉ có tuệ tri Tứ Thánh Đế người ta mới có thể thành tựu được sự giải thoát vĩnh viễn, hay phi thời giai thoát (*a-sāmāyikam*): đó là, giải thoát siêu thế (*lokuttaro vimokkho*), mà A-la-hán Thánh Đạo và Thánh Quả Trí là cao nhất.

Bây giờ tôi sẽ hỏi quý vị: phận sự của vị Thánh A-la-hán là gì? Trong khi chờ đến thời để nhập Bát-Niết-Bàn vị A-la-hán vẫn giữ Giới Luật,[295] học và giảng dạy Pháp như Đức Phật đã dạy,[296] nhờ vậy những người khác có thể có cơ hội học Pháp, và tự mình chứng đắc một Đạo Quả nào đó:[297] đó là những phận sự của bậc A-la-hán.

Để ngăn ngừa những sự hiểu lầm, có lẽ chúng ta nên bàn về sự kiện Bát-Niết-Bàn của vị A-la-hán.

HAI LOẠI BÁT NIẾT BÀN

⁸⁵⁶ DhP.xv.8 ‘Sukha Vagga’ (‘Phẩm An Lạc’)

⁸⁵⁷ Tứ Thánh Đế được xem là Giáo Pháp cao tột nhất của Đức Phật, xem trang 276/Tập I.

Đức Phật nói về hai loại Bát-Niết-Bàn (*parinibbāna*):[299]

1. Niết-bàn giới hữu dư y (*sa-upādisesā Nibbāna dhātu*): ở đây, như chúng tôi đã đề cập, bốn Đạo Trí lấy Vô-Vi Giới (*Asaṅkhata-Dhātu*) làm đối tượng. Khi lấy Niết-Bàn làm đối tượng như vậy, chúng huỷ diệt các phiền não theo từng giai đoạn. Và với Đạo Trí thứ tư, A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Ñāṇa*), có sự diệt không còn dư tàn của các phiền não: đó là, các phiền não mãi mãi không còn khởi lên nữa.⁸⁵⁸ Vì vậy, loại Bát-Niết-Bàn (*parinibbāna*) này cũng được gọi là phiền não Bát Niết-bàn (*kilesa-Parinibbāna*).⁸⁵⁹

Với phiền não Niết-bàn có sự đoạn tận của dục tham (*rāga-kkhayo*), sự đoạn tận của sân (*dosa-kkhaya*), và sự đoạn tận của si (*moha-kkhayo*).⁸⁶⁰ Điều đó có nghĩa là năm nhân khiến cho có sự tái sanh trong tương lai đã bị đoạn diệt:

⁸⁵⁸ Điều này có nghĩa rằng các (phiền não) tùy miên đã bị huỷ diệt: xem ghi chú 122, trang 109/Tập I.

⁸⁵⁹ phiền não Niết Bàn: trong VbhA.XVI.x.809 ‘Paṭhama-Bala-Niddeso’ (‘Giải Thích Về Lực Thứ Nhất’) DD.XVI.x.2173. Thiên Sư Pa Auk chỉ ra cho thấy rằng đây thực sự không phải là Niết-Bàn, nhưng đã được giải thích như vậy bởi Đức Phật như một pháp môn phương tiện (*pariyāya-方便說*) vậy thôi.

⁸⁶⁰ Đức Phật đã giải thích điều này nhiều lần. Chẳng hạn, xem trích dẫn ở ghi chú cuối trang 33, trang 48/Tập I.

vô minh, các hành, ái, thủ, và sự hiện hữu của nghiệp lực đã chấm dứt không còn hiện hữu, vì vậy tư của vị A-la-hán chỉ là duy tác (*kiriyā*).[300] Tất cả những nghiệp đã hoàn thành trước A-la-hán Thánh Quả, có sức mạnh hay tiềm lực để tạo ra một hiện hữu mới trở thành vô hiệu lực.[301] Nhưng các uẩn của vị A-la-hán không diệt; chúng vẫn tồn tại. Nếu vị A-la-hán là một con người hay một vị chư thiên dục giới, thì vẫn có thức, danh-sắc, lục nhập, xúc, và thọ. Vị A-la-hán là người thì vẫn có thức được an trú trong cõi người, trong cõi dục, và thân vẫn cảm thọ những thọ khổ, thọ lạc, và thọ xả. Nhưng do tất cả phiền não đã được đoạn trừ, tâm vị ấy không còn cảm nghiệm những cảm thọ ưu (*domanassa-vedanā*).[302]

2. Niết-Bàn giới vô dư y (*an-upādisesā Nibbāna dhātu*): trong Niết Bàn này các uẩn diệt hoàn toàn. Vì vậy, nó cũng được gọi là ngũ uẩn Bát-Niết-Bàn (*khandha-Parinibbāna*). Nhưng nếu vị A-la-hán đó là một con người, thì vẫn còn lại một loại sắc uẩn, đó là sắc do thời tiết sanh (*utuja-rūpa*), hay tử thi: nếu tử thi này được hoá thiêu, có thể sẽ còn lại xá-lợi (*dhātu*).[303]

Năm quả thể hiện sự tái sanh hiện tại giờ đây đã diệt. Đối với vị A-la-hán là người hay chư thiên dục giới thì đó là sự diệt không còn dư tàn của

thức, danh-sắc, lục nhập, xúc, và thọ. Ở đây cũng vậy, ‘sự diệt không còn dư tàn’ có nghĩa là (diệt rồi) không còn sanh thêm nữa. Thức của vị A-la-hán sanh lên, trụ và diệt, và rồi không còn sanh thêm nữa. Sự kiện này có nghĩa rằng tất cả những cảm thọ khổ (khổ thân và khổ tâm), những cảm thọ lạc, và những cảm thọ trung tính, đã diệt không còn dư tàn. Sự diệt không còn dư tàn của những phiền não và nghiệp lực là nhân, và sự diệt không còn dư tàn của năm uẩn là quả.⁸⁶¹[304]

Phiền não Bát Niết-Bàn của Đức Phật chúng ta xảy ra tại Uruvelā, bên bờ Sông Ni-Liên-Thiền (*Nerañjarā*) dưới cội cây Bồ-Đề: tại đó, ngài đã chứng Niết Bàn Giới Vô Vi với bốn Thánh Đạo và Bốn Thánh Quả của ngài. Ngài tiếp tục sống trong bốn mươi lăm năm để giảng dạy Pháp (*Dhamma*). Nhiều lần ngài cũng phải chịu đựng sự đau đớn và không thoải mái của thân, do những vấn đề tiêu hoá. Và khi Đề-bà-đạt-đa (lăn đá) khiến một mảnh đá văng vào chân, Ngài cũng phải chịu cái đau rất lớn của thân.⁸⁶² Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, ngài kham nhẫn cái đau, chánh niệm và tỉnh giác, không bị khổ tâm.⁸⁶³ Rồi khi Đức Phật của chúng ta tám mươi tuổi, giữa hai hàng cây Sala ở Kusināra, ngũ uẩn Bát-Niết-Bàn của ngài xảy ra.

⁸⁶¹ Xem bảng ‘3e: Duyên Sanh từ Đời Này Sang Đời Khác’, trang 791 sau.

⁸⁶² Xem ‘Tôn-giả Đề-Bà-Đạt-Đa’, trang 306/Tập I.

⁸⁶³ S.I.IV.ii.3 ‘Sakalika-Suttaṃ’ (‘Kinh Mảnh Đá’)

Chỉ với sự chứng đắc ngũ uẩn Bát-Niết-Bàn một người mới có thể chấm dứt mọi khổ đau, do không có sự tái sinh của các uẩn nữa: vị A-la-hán đạt đến Bát-Niết-Bàn với thức không an trú (*apatiṭṭhita*).

Để ngăn những sự hiểu lầm, tôi sẽ nói qua về thức an trú (*patiṭṭhita*) và thức không an trú (*apatiṭṭhita*).

THỨC AN TRÚ VÀ THỨC KHÔNG AN TRÚ

THỨC AN TRÚ

Chúng ta hãy bắt đầu bằng việc đọc lại phần mở đầu của hai bài kinh ‘Dây Trói Buộc’:

Vô thỉ, này các tỳ kheo, là khởi đầu của vòng tử sinh luân hồi (saṃsāra)⁸⁶⁴. Khởi điểm (của luân hồi) không thể biết được đối với những chúng sinh bị vô minh che đậy (avijjā-nīvaraṇānaṃ sattānaṃ), bị tham ái trói buộc (taṇhā-saṃyojanānaṃ), phải lưu chuyển (sandhāvataṃ) và luân hồi (saṃsāratāṃ).

Như đã đề cập, ở đây Đức Phật đang nói về vòng tái sinh hay luân hồi (*saṃsāra*). Đó là sự luân chuyển từ cõi này đến cõi khác (lúc sanh làm người, lúc sanh chư thiên, lúc sanh làm thú, và rồi làm người trở lại...).

⁸⁶⁴ *saṃsāro*: danh từ *saṃsāra* xuất phát từ động từ *saṃsāreti*, vốn từ ngữ căn *saṃ* (theo cách tương tự) + *sāreti* (chạy vòng vòng), và như vậy nó có nghĩa là chạy vòng vòng theo cách tương tự (luân hồi).

SANH

Sanh là gì? Đó là sự xuất hiện của các uẩn quả:[305] chúng sanh khởi như kết quả của của nghiệp quá khứ.⁸⁶⁵ Đức Phật nói về sanh cũng như nhập thai (okkanti-入胎 nhập thai ở đây là sự đi vào (bào thai) của thức).[306] Và ngài nói về sanh như thức an trú (*viññāṇa patitṭhita*), một từ có cùng ý nghĩa: sự xuất hiện và an trú của thức tái sanh (*paṭisandhi-citta*). Thức tái sanh là một tâm quả (*vipāka-citta*), và nó lấy đối tượng là một nghiệp (*kamma*), nghiệp tướng, hay thú tướng do tiến trình cận tử của kiếp trước nhận thức.⁸⁶⁶

Như trước đã giải thích, thức (tâm) không thể sanh một mình. Nó luôn luôn sanh cùng với ba danh uẩn khác, đó là thọ, tưởng, và các hành: chúng được gọi chung là các tâm sở (*cetasika*).⁸⁶⁷[307] Khi một người sanh trong cõi dục (cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh, cõi người, và chư thiên các cõi trời dục giới) hay trong cõi sắc giới (cõi Phạm Thiên), thức tái sanh nương vào sắc (*rūpa*): để làm thành năm uẩn (*pañca-kkhandha*).[308]

NGŨ-TỨ-VÀ NHẤT UẨN HỮU

Trong các Kinh Pali,⁸⁶⁸ sự tái sanh của một chúng

⁸⁶⁵ Xem ‘Các Pháp Quả’ trang 87/Tập I

⁸⁶⁶ Xem bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 102/Tập I.

⁸⁶⁷ Xem thêm ‘Những Điều Không Thế Xây Ra đối với Tâm’, trang...sau

⁸⁶⁸ VsM.xvii.647 ‘Upādāna-Paccayā-Bhava-Pada-Vitthāra-Kathā’ (‘Luận Chi Tiết Về Giai Đoạn Thủ Duyên Hữu’) PP.xvii.253-255. Bộ luận trích dẫn lời

sanh trong các cõi dục và sắc được gọi là ngũ uẩn hữu (*pañca-vokāra-bhavo*). Trong trường hợp như vậy, thức hay tâm tái sanh (*paṭisandhi-citta*) được an trú cùng với danh-sắc quả (*vipāka-nāma-rūpa*). [309]

Tuy nhiên, khi một chúng sanh sanh trong cõi vô sắc, thức tái sanh chỉ an trú cùng với thọ, tưởng, và hành: không có sắc. Do đó, sự tái sanh như vậy được gọi là tứ uẩn hữu (*catu-vokāra-bhavo*).

Và khi một chúng sanh tái sanh trong cõi vô tưởng, thì chỉ sắc được an trú. Do đó sự tái sanh này được gọi là nhất uẩn hữu (*eka-vokāra-bhavo*). Nhưng vì chúng sanh vô tưởng (*asaññā-satta*) vẫn chưa bừng gốc được các phiền não tùy miên, nên sự hiện hữu của chúng sanh vô tưởng này vẫn được theo sau bởi sự tái an trú của thức. Như thế nào? Khi sắc mạng căn của chúng sanh vô tưởng bị cắt đứt, trong sát-na tâm kế sẽ có sự chín mùi của một hậu báo nghiệp bất định nào đó từ quá khứ của chúng sanh ấy: thường thì nó thiết lập một thức tái sanh trong cõi người vốn là cõi ngũ uẩn hữu.⁸⁶⁹ [310] Đó là lý do vì sao có sự an trú của thức (tái

giải thích của Đức Phật trong Vbh.vi.234 ‘Paṭicca-Samuppāda-Vibhaṅgo’ (‘Những Phân Tích Về Duyên Sanh’)

⁸⁶⁹ Đối tượng cận tử của chúng sanh vô tưởng trong kiếp trước là một đối tượng kasiṇa, với sự khiếp sợ mãnh liệt đối với danh. Và do đó chỉ có sắc tái sanh: không có danh, không có thức tái sanh hay thức diệt, cũng không có tiến trình cận tử (về chi tiết, xem ghi chú cuối chương 310, trang sau. ‘Pañca-Ppakaraṇa Anu-Tika’ (‘Phụ Sớ Giải Về Năm Giải Thích’) ‘Paccaya-Paccanīy-Ānuloma-Vaṇṇanā’ §190 giải thích rằng nguyên tắc này áp dụng cho cả hiện hữu vô tưởng hay vô tưởng hữu, (vốn luôn luôn được theo sau bởi dục hữu) lẫn vô sắc hữu (vốn có thể được theo sau bởi vô sắc hữu khác trong cùng cõi ấy hay trong

sanh) trong ba cõi hữu: cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc.

Có sự tái sanh ở nơi đâu khác không? Không. Đức Phật nói rằng sự hiện hữu cao nhất là tái sanh trong cõi cao nhất của vô sắc giới: cõi phi tưởng phi phi tưởng.⁸⁷⁰

Sau khi thức tái sanh đã an trú, thì điều gì xảy ra?

DÒNG TÂM THỨC

Sau khi thức tái sanh đã an trú, tâm hữu phần (*bhavaṅga-citta*) sanh lên nối tiếp nhau: chúng bắt cùng một đối tượng quá khứ như kiết sanh thức, và chúng cũng là những tâm quả. Dòng tâm hữu phần chỉ dừng lại khi có một tiến trình tâm (*citta-vīthi*) phát sanh: hoặc một tiến trình ngũ môn (*pañca-dvāra-vīthi*), hoặc một tiến trình ý môn (*mano-dvāra-vīthi*). Một tiến trình tâm như vậy bao gồm những tâm quả (*vipāka-citta*), tâm duy tác (*kiriya-citta*), và tốc hành (*javana*). Như đã nói trước đây, tâm tốc hành của một người không phải A-la-hán sẽ tạo ra nghiệp, vì thế chúng cũng được gọi là tâm nghiệp hay thức nghiệp (*kamma-viññāṇa*).

Theo cách đó, từ lúc bắt đầu của một kiếp sống (tính từ thức tái sanh [*paṭisandhi-citta*] cho đến lúc chết của kiếp

một cõi vô sắc cao hơn), hay bởi dục hữu. Xem bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’, trang 102/Tập I.

⁸⁷⁰ Trong M.III.i.6 ‘Āneñjasappāya-Suttaṃ’ (‘Kinh Bất Động Lợi Ích’) Đức Phật giải thích rằng thù trước tối thượng (*upādāna-seṭṭham*) là thù trước vào sự hiện hữu trong cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ. MA.ibib. giải thích rằng điều này muốn nói tới sự tái sanh ở cõi đó: nó là cõi cao nhất và tối thượng nhất của hiện hữu. Trong Vbh.ibid., Đức Phật cũng nói như vậy về sự hiện hữu vô tướng (vô tướng hữu).

đó (khi tâm tử [*cuti-citta*] sanh lên), có sự an trú của một dòng tâm thức (*viññāṇa-sota*). Và cùng với mỗi tâm sanh lên còn có các tâm sở (thọ, tưởng, và các hành), cũng như sắc. Như vậy, chúng ta có tâm (thức), các tâm sở, và sắc sanh lên và diệt nối tiếp theo nhau giống như một dòng sông.[311]

Thức hay tâm cuối cùng trong một đời người là tâm tử (*cuti-citta*): nó bắt cùng một đối tượng quá khứ như tâm tục sanh và hữu phần, và nó cũng là một tâm quả. Và, bao lâu một người vẫn là một trong những **chúng sanh bị vô minh che đậy và tham ái trói buộc**, tâm tử vẫn được theo sau bởi một tâm tục sanh khác: ngay trong sát-na kế tiếp. Dòng tâm thức không bị đứt quãng hay gián đoạn. Nó tự an trú trong một danh-sắc mới: đó là sự tái sanh của một ‘chúng sanh’ mới. Chẳng hạn, tâm tử của một người sanh lên và diệt, và liền theo đó một thức tái sanh mới được an trú trong thế gian khác, có thể trong cõi súc sanh, hay cõi chư thiên: đó là sự lưu chuyển từ thế gian này sang thế gian khác. Thức tái sanh cũng có thể được an trú trong bào thai của một người mẹ mới, trong trường hợp này nó được gọi là chạy vòng quanh trong một thế gian. [312]

Theo cách này, khi nói một chúng sanh lưu chuyển và loanh quanh trong luân hồi thực sự đó chỉ là sự an trú của một dòng tâm thức mà thôi. Chẳng hạn, nó có thể được an trú trong đục giới, và trôi chảy ở đó có khi qua nhiều kiếp sống. Có khi nó an trú như danh-sắc của một con người, và rồi như danh-sắc của một vị chư thiên, v.v...Sau đó nó có thể dừng chảy trong đục giới, và tự an trú trong sắc giới, và cũng trôi chảy ở đó qua nhiều kiếp sống. Rồi, dừng chảy trong cõi đó, và tiếp tục trôi chảy trong cõi người trở lại, v.v...[313]

Hai nhân chính khiến cho có sự an trú của thức là vô minh và tham ái. Không có vô minh và tham ái, nghiệp lực (*kamma-satti*) không thể an trú thức ở bất kỳ cõi nào. Điều này chúng ta đã bàn đến nhiều lần.

Với A-la-hán Thánh Đạo Trí, có sự diệt không còn dư tàn của vô minh và tham ái. Điều này hàm ý vô minh và tham ái sẽ không bao giờ khởi lên trở lại: đây là phiền não Bất Niết Bàn (*kilesa-Parinibbāna*). Với sự diệt không còn dư tàn của vô minh và tham ái, nghiệp lực của tư (*cetana*) hiện tại cũng ngừng hiện hữu: chúng ta có thể nói đó là sự không vận hành hoàn toàn của nghiệp hiện tại. Tuy nhiên, nghiệp lực của nghiệp quá khứ vẫn vận hành, có nghĩa là dòng tâm thức của vị A-la-hán vẫn tiếp tục (trôi chảy), và thức vẫn được an trú. Và dĩ nhiên, thức chỉ không còn an trú trong việc tạo nghiệp mà thôi.[134] Những tâm tốc hành khởi lên nhưng không còn tạo nghiệp: tư của vị A-la-hán là thuần duy tác.

THỨC KHÔNG AN TRÚ

Như vậy, tôi sẽ hỏi quý vị một câu hỏi. Nếu vô minh và tham ái là lý do khiến thức phải an trú vào một cõi giới nào đó trong tam giới không ngừng; nếu vô minh và tham ái là lý do khiến một chúng sanh cứ tái sanh đi tái sanh lại liên tục (lúc chỗ này, lúc chỗ kia), vậy thì điều gì xảy ra khi vô minh và tham ái bị đoạn trừ? Điều gì xảy ra khi nhân khiến cho có sự an trú của thức đã bị đoạn trừ?

Rất dễ, phải không? khi nhân cho sự an trú của thức đã bị đoạn trừ, thức không còn an trú nữa: khi thức không an

trú, nó được gọi là vô an trú (*appatthita*, 無安住).⁸⁷¹

Vào lúc tâm tử của vị A-la-hán diệt (lúc viên tịch của vị A-la-hán), dòng tâm thức không an trú trong thế gian này hay thế gian khác.⁸⁷² Đó là sự không vận hành hoàn toàn của nghiệp quá khứ, hiện tại, và vị lai.

Khi vị A-la-hán viên tịch, không có sự trôi chảy của dòng tâm thức thêm nữa: sự kiện này gọi là ngũ uẩn Bát-Niết-Bàn (*khandha-parinibbāna*).⁸⁷³ Như Đức Phật đã nói ở cuối bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai, vị Thánh Đệ Tử biết rõ: Sanh đã tận (*khīṇa jāti*).⁸⁷⁴[315]

KHÔNG CÓ SỰ AN TRÚ TRONG NIẾT-BÀN

Như vậy, chúng ta có thể nghĩ dòng tâm thức của vị Thánh A-la-hán đã được an trú trong Niết-Bàn. Nhưng đó là điều không thể xảy ra. Vì sao? Bởi vì

⁸⁷¹ thức vô an trú: xem trích dẫn ghi chú cuối chương 324, trang 826 ở sau.

⁸⁷² Xem ghi chú cuối chương 311, trang 820 sau.

⁸⁷³ VsM.xxii.836 ‘Pahātabba-Dhamma-Pahāna-Kathā’ (‘Luận Về Sự Đoạn Trừ các Pháp Cần Đoạn Trừ’) PP.xxii.88 giải thích: ‘... thiện nam tử khi cảm thấy chán ghét sự sanh của các uẩn, khởi sự tu tập bốn đạo lộ trong tương tục (danh-sắc) của vị ấy. Lúc đó, tính tương tục của các uẩn nơi vị ấy được làm cho không còn khả năng kéo dài sự tương tục đến một hiện hữu tiếp theo. Bây giờ nó không sanh ra hữu vị lai, vì tất cả loại nghiệp bắt đầu với thân nghiệp bây giờ chỉ là duy tác... Do không chấp thủ, vị ấy đương nhiên đạt đến sự diệt của thức cuối cùng, viên tịch Niết bàn, giống như ngọn lửa đã hết nhiên liệu.’

⁸⁷⁴ Xem bảng ‘3e: Duyên Sanh Từ Đời Này Sang Đời Khác’ trang sau

- Theo Lời Dạy của Đức Phật, Niết Bàn rỗng không ngũ uẩn hữu, tứ uẩn hữu, và nhất uẩn hữu;
- Theo Lời Dạy của Đức Phật, Niết-Bàn không có đến, đi, và trụ, và không có sanh và diệt.[316]
- Theo Lời Dạy của Đức Phật, trong Niết Bàn tứ đại vô an trú (appatthita, 無安住), và danh cũng như sắc hoàn toàn dừng lại.[317] Đó là sự diệt của thế gian (loka-nirodha), là sự bất sanh của năm uẩn, bất sanh của sáu nội ngoại xứ,...[318]

3e: Duyên Sinh Từ Kiếp Này sang Kiếp Khác*

(một kiếp) KHÔNG PHẢI A-LA-HÁN	(kiếp kế) KHÔNG PHẢI A-LA-HÁN	(kiếp cuối) TỪ KHI ĐẮC A-LA-HÁN	BÁT NIẾT BÀN
» quá » ‡ nhân » ♣	» quá » nhân »	» quá » nhân »	QUÁ
thức	VÔ MINH HÀNH » THỨC	Vô minh hành » thức	VÔ MINH HÀNH THỨC
Danh-sắc	DANH-SẮC	Danh-sắc	DANH SẮC
lục nhập	LỤC NHẬP	lục nhập	LỤC NHẬP
xúc	XÚC	xúc	XÚC
thọ » ái	Thọ » Ái	thọ » ái	THỌ
(SANH GIÀ&CHẾT) »	thủ (sanh Già&chết) »	THỦ (SANH GIÀ&CHẾT) »	thủ Sanh (già&chết

* Ví dụ, trong A.III.II.ii.1 ‘*Titth-Āyatana-Suttaṃ*’ (‘*Giáo Lý Bộ Phái*’). Ở đây Đức Phật dạy theo hai cách: theo tập quán

ngũ (*vohāra-desanā*), và theo sự thực tuyệt đối hay chân đế (*param-attha-desanā*). Sanh/già&chết là theo tập quán ngũ. Chúng tương ứng với năm pháp: thức/danh-sắc/lục nhập/xúc/thọ vốn là sự thực tuyệt đối hay chân đế. Về tiến trình đi từ kiếp này sang kiếp khác, xem lại lời giải thích của Đức Phật ở ghi chú cuối chương 313.

‡ Quả trong cuộc sống của người không phải A-la-hán và của vị A-la-hán: những hành nghiệp trong một kiếp quá khứ đưa đến sự sanh khởi của một thức tái sanh, và những thức tiếp theo sau trong kiếp đó, cũng như sự khởi sanh đồng thời của danh-sắc, lục nhập, xúc, và thọ. Trong D.ii.2 ‘Mahā-Niddāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Duyên’), Đức Phật giải thích rằng trong một kiếp người ta chỉ có thể đi lui trở lại cho đến sự sanh khởi của danh-sắc và thức lúc tái sanh: ‘Vòng [tái sanh] chỉ có thể được quán (phân biệt) trong kiếp này tới mức như vậy, đó là tới danh sắc và thức.’

♣ Các nhân trong kiếp sống của người không phải A-la-hán: người không phải A-la-hán bị vô minh chi phối. Vì vậy, khi có thọ, thời có ái, và thủ, do ái và thủ nên có sự hiện hữu của nghiệp lực, của hành nghiệp. Điều này có nghĩa rằng vào lúc người này chết có sự sanh khởi của một thức tái sanh.’

⊗ Các nhân trong kiếp sống của một vị A-la-hán: do không có vô minh, nên không có ái, và không có thủ, điều này có nghĩa rằng không còn sự hiện hữu thêm nữa của nghiệp lực, không còn các hành nghiệp. Và vào lúc chết không có sự sanh khởi của thức tái sanh. Tất nhiên, cho đến lúc đó, năm quả vẫn hoạt động.

NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ XẢY RA ĐỐI VỚI THỨC

Bây giờ, điều quan trọng là không để vướng vào tà kiến về sự kiện này: quý vị phải hiểu rằng **thức vô an trú** không có nghĩa là thức có mặt nhưng không an trú ở bất kỳ nơi đâu; nó không có nghĩa rằng Niết-Bàn là vô vi thức, là cái biết hay tâm; cũng không có nghĩa rằng Niết-Bàn là vô duyên thức (thức không do duyên khởi ≠ vô vi thức) hay cái biết không do điều kiện tạo thành, là vô vi tâm, thuần tịnh tâm hay cái biết độc lập với một đối tượng. Vì theo Lời Dạy của Đức Phật, sự việc như vậy không hề có.

Tôi sẽ tóm tắt lại những sự kiện không thể xảy ra đối với tâm, theo Lời Dạy của Đức Phật:

- Theo Lời Dạy của Đức Phật, việc thức (tâm) sanh không có một đối tượng, độc lập với một đối tượng, độc lập với các duyên là điều không thể xảy ra; thức sanh dựa vào một nội xứ (nhãn xứ, nhĩ xứ,...hay ý xứ), và một ngoại xứ (sắc xứ, thanh xứ,...hay pháp xứ).[319]
- Theo Lời Dạy của Đức Phật, việc thức sanh lên một mình là điều không thể xảy ra; thức luôn luôn sanh phối hợp với các tâm sở.⁸⁷⁵

⁸⁷⁵ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 307, trang 818 sau

- Theo Lời Dạy của Đức Phật, việc thức (tâm) thường hằng là điều không thể xảy ra; thức là hữu vi (*saṅkhata*), và do đó có một giai đoạn sanh, một giai đoạn trụ, và một giai đoạn diệt.[320]
- Theo Lời Dạy của Đức Phật, việc thức hay tâm là Niết-Bàn là điều không thể xảy ra, vì thức có ba đặc tính: vô thường, khổ và vô ngã. Trong khi Niết-Bàn cũng vô ngã, nhưng nó lại không vô thường và khổ.⁸⁷⁶ Thức là một trong năm uẩn, là Khổ Thánh Đế.[321] Như vậy, Niết-Bàn không thể là thức, vì Niết-Bàn là Diệt Thánh Đế.[322]

Nếu chúng ta nhớ được những sự kiện đơn giản này về thức, chúng ta sẽ không cảm thấy khó hiểu khi Đức Phật nói vị A-la-hán nhập diệt với thức vô an trú, nghĩa là thức của vị ấy không còn sanh khởi nữa⁸⁷⁷.

Quý vị cũng nên nhớ lại những gì Đức Phật đã nói về vị A-la-hán Tỳ-kheo trong bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ nhất:⁸⁷⁸

- [1] Vị ấy được giải thoát khỏi sắc (*parimuccati rūpamhā*);
- [2] Vị ấy được giải thoát khỏi thọ (*parimuccati vedanāya*);
- [3] Vị ấy được giải thoát khỏi tưởng (*parimuccati saññāya*);
- [4] Vị ấy được giải thoát khỏi hành (*parimuccati saṅkhārehi*)
- [5] Vị ấy được giải thoát khỏi thức (*parimuccati viññāṇamhā*)

⁸⁷⁶ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 270, trang 802.

⁸⁷⁷ Xem bảng ‘3e: Duyên Sanh Từ Kiếp Nay Sang Kiếp Khác’, trang 792.

⁸⁷⁸ Đã dẫn ở mục ‘Vị Ấy Không Chạy Vòng Quanh Năm Uẩn’, trang 37/Tập I

Vị ấy được giải thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, khỏi bi, khỏi ưu, và khỏi não.

‘Vị ấy được giải thoát khỏi khổ’, Ta tuyên bố như vậy.

VỊ A-LA-HÁN ĐI VỀ ĐÂU?

Liên quan đến điều này, có một câu hỏi khá phổ biến: ‘Sau khi Bát Niết Bàn, vị A-la-hán đi về đâu?’ ‘Sanh thú (nơi thọ sanh) của vị ấy là gì?’ Để trả lời, Tôi sẽ hỏi quý vị một câu hỏi khác: nếu quý vị thắp đèn lên thì sẽ có một ngọn lửa phải không? Khi cây đèn (cây) đã cháy hết, ngọn lửa ấy đi về đâu? Câu trả lời của quý vị là thế nào? Ngọn lửa chẳng đi về đâu cả: sáp và bấc đã cháy hết và ngọn lửa tắt. Chẳng đi về đâu cả: vị A-la-hán cũng vậy không đi về đâu cả.[323]

Khi chúng ta nói Đức Phật hay các vị A-la-hán khác ‘nhập vào Bát-Niết-Bàn (*Parinibbāna*)’, điều đó không có nghĩa rằng các vị đi vào một nơi nào mà đó chỉ là một hình thái tu từ mà thôi. Cũng như khi chúng ta nói, ‘Tôi đi ngủ’, thì không có nghĩa là chúng ta đi đâu (để ngủ). Bát Niết-Bàn của vị A-la-hán ngụ ý rằng không có sự sanh khởi của thức sau khi tâm tử diệt: thức được xem là vô an trú.[324] Đó là lý do vì sao Đức Phật nói về bậc A-la-hán:

Ayaṃ, bhikkhave, bhikkhu na katthaci upapajjati

(Vị Tỳ-kheo ấy, nay các Tỳ-kheo, không tái sanh ở bất cứ nơi đâu).

Māra (Ma-vương) không biết được sự đến đi của vị A-la-hán, bởi vì Ma vương không tìm thấy thức tái sinh an trú ở nơi đâu.[325] Chẳng hạn, chúng ta tìm một chữ nào đó trên một trang giấy. Nhưng nếu chữ ấy không được viết trên trang giấy đó, thử hỏi chúng ta có thể thấy nó không?

Vui lòng nhớ lại vần kệ cuối cùng của kinh ‘Châu Báu’ (*Ratana*) mà chúng tôi đã trích dẫn ở trước. Khi Đức Phật đang tụng bài Kinh Châu Báu này, một ngọn đèn gần bên ngài tắt. Và trong vần kệ cuối của bài kệ, ngài so sánh các vị A-la-hán với ngọn đèn tắt (*padīpo*) ấy. Ngài nói:⁸⁷⁹

Nibbanti dhīrā yath-āyam padīpo.

(vị ấy chứng Niết-Bàn) giống như ngọn đèn tắt (này).

KẾT LUẬN

Qua sự giải thích này chúng tôi hy vọng quý vị sẽ không có gì phải hoài nghi về **thức vô an trú** nữa. Nếu còn bất kỳ hoài nghi nào, cho phép chúng tôi đề nghị rằng quý vị nên thấy vấn đề với trực giác trí của mình. Trước hết, hãy giữ giới (*sīla*). Kế tiếp tu tập định (*samādhi*), cho đến khi tâm của quý vị bừng sáng, và toả chiếu với ánh sáng của trí tuệ. Rồi dùng ánh sáng ấy để hành thiền quán sắc (*rūpa-kamāṭṭhāna*) và quán danh (*nāma-kamāṭṭhāna*) một cách hệ thống.

⁸⁷⁹ Bài kệ cuối của kinh ‘Châu Báu’ đã được trích dẫn ở trang 310/Tập I.

Khi hoàn tất công việc đó, quý vị sẽ đạt đến Danh Sắc Xác Định Trí (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*). Kế tiếp phân biệt duyên sanh, và đắc Nhân Duyên Phân Biệt Trí (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*).⁸⁸⁰ Với trí đó quý vị sẽ vượt qua tất cả hoài nghi liên quan đến sự an trú của thức trong tam giới: đó là lý do vì sao trí ấy được gọi là Đoạn Nghi Thanh Tịnh (*Kaṅkhā-Vitarāṇa-visuddhi*).[326]

Sau đó, nếu quý vị hành minh sát trên năm uẩn quá khứ, tương lai, và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, hạ liệt và cao thượng, xa và gần, ba-la-mật của quý vị có thể chín mùi, và quý vị sẽ đạt đến một Đạo & Quả. Rồi tiếp tục thực hành cho đến khi quý vị đạt đến A-la-hán Thánh Quả: những phiền não sẽ Bát Niết-Bàn (*Parinibbāna*).

Vào cuối kiếp sống đó, quý vị sẽ đạt đến ngũ uẩn Bát-Niết-Bàn. Lúc đó quý vị sẽ tự biết ý nghĩa đích thực của ‘Thức Vô An Trú’ cho chính mình.

VÍ NHƯ, NÀY CÁC TỶ-KHEO, MỘT HOA SEN XANH, ĐỎ, HAY TRẮNG

Bao lâu thức A-la-hán của quý vị vẫn còn an trú, quý vị có thể trú trong thế gian giống như một đoá sen. Quý vị có biết trú trong thế gian giống như một đoá sen có nghĩa là gì

⁸⁸⁰ Những trí này đã được giải thích dưới mục ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’, trang 177/Tập I.

không? Nếu không biết quý vị hãy lắng nghe Đức Phật giải thích việc an trú của Phật hoặc các vị A-la-hán khác trong thế gian.⁸⁸¹

Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai [327] sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm.

Quý vị có muốn được giống như một đoá sen không? Nếu muốn, quý vị nên biết cần phải làm gì.

Việc đầu tiên phải làm là phát triển một đức tin mạnh mẽ, và đầy năng lực⁸⁸² nơi những vận hành của nghiệp như đã được Đức Phật giải thích. Với đức tin và sự hiểu biết ấy, lúc đó quý vị có thể hoàn thành những thiện nghiệp cao thượng. Với sự vận hành của những thiện nghiệp cao thượng, cuối cùng quý vị có thể đạt đến sự không vận hành của nghiệp.

Cầu mong quý vị sớm thành tựu sự không vận hành của nghiệp.

Cầu mong quý vị sớm đạt đến thức vô an trú.

⁸⁸¹ S.III.I.x.2 ‘Puppha-Suttam’ (‘Kinh Hoa’) đã dẫn ở trang 310/Tập I.

⁸⁸² Đức tin hay tín (saddhā) là pháp thứ nhất trong ngũ căn tinh thân (indriya)

Cầu mong quý vị sớm trở thành giống như một đoá sen.

NHỮNG GHI CHÚ CUỐI CHƯƠNG — CHƯƠNG VI

[257] cũng xem, chẳng hạn, trong S.III.I.ii.4 ‘Yad-Anicca-Suttaṃ’ (Sắc [thọ, tướng, hành, thức], này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã.’ Cũng đề cập trong VsM.ibid./PP.xxi.7.

[258] Đây là ba loại khổ được Đức Phật trình bày trong S.V.I.vii.5 ‘Dukkhatā-Suttaṃ’ (‘Kinh Khổ’), điều này cũng đề cập ở mụcj ‘Thiền Minh Sát’, trang 173/Tập I.

[259] Trong S.III.I.i.1 ‘Nakulapitā-Suttaṃ’ (‘Kinh Nakulapīta’), Đức Phật giải thích rằng: *‘Ai mang cái thân này, này Gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một giây phút; người ấy phải là người ngu (bālyam)’*.

[260] Đức Phật bàn về phương diện này của năm uẩn trong M.I.iv.5 ‘Cūla-Saccaka-Suttaṃ’ (‘Tiểu Kinh Saccaka’).

[261] Đức Phật giải thích điều này trong S.III.I.iii.8 ‘Abhinandana-Suttaṃ’ (‘Kinh Hoan Hỷ’): ‘Này các Tỷ-kheo, người nào hoan hỷ trong sắc [v.v...], người ấy hoan hỷ trong khổ.’

[262] Trong M.I.iv.5 ‘Cūla-Saccaka-Suttaṃ’ (‘Tiểu Kinh Saccaka’), Đức Phật hỏi Saccaka: ‘Ông nghĩ thế nào, này Aggivessana? Ai dính mắc khổ, chấp trước khổ, trung thành với khổ, và xem khổ như: ***"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"***. Người ấy có thể liễu tri cái

khổ của tự mình hay có thể sống với khổ đã được trừ diệt hoàn toàn không?’ **‘Làm thế nào được, thưa Tôn-giả Gotama? Quả thực là không được, thưa Tôn-giả Gotama.’** Saccaka cũng được đề cập ở ghi chú cuối chương 186, trang 558.

[263] Đức Phật giải thích điều này trong S.III.I.iii.9 ‘Uppāda-Suttam’ (Kinh ‘Sanh’): ‘Này các Tỷ-kheo, bất cứ sắc [thọ, tưởng,...] nào sanh, trú, khởi, thể hiện; cái ấy là sự sanh của khổ, sự trú của bệnh, và sự thể hiện của già và chết.’ Cũng xem những phân tích của Đức Phật về Thánh Đế Thứ Nhất trong D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’).

[264] Trong Iti.III.ii.2 ‘Cakkhu-Suttam’ (‘Kinh Nhãn’), Đức Phật giải thích: ‘Có ba loại nhãn, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Nhục nhãn, thiên nhãn, và tuệ nhãn.’

[265] Đức Phật giải thích điều này trong A.Vi.x.7 ‘Anavatthika-Suttam’ (‘Kinh Không Vững Bền’), Đức Phật giải thích: ‘Do thấy sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường (*anicca-saññā*), không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu? “[1]. Tất cả hành hiện ra với tôi, không có vững bền, [2] Tâm tôi không tìm thấy gì thích thú trong tất cả thế gian này, [3] tâm của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế gian; [4] tâm của tôi sẽ nghiêng về Niết-bàn, [5] các kiết sử của tôi sẽ đi đến đoạn diệt, [6] và tôi sẽ thành tựu tối thượng Sa-môn hạnh (*sāmañña*).”

[267] Đức Phật dùng ẩn dụ mười một loại lửa trong Vin.Mv.i.12 ‘Uruvela-Pāṭihāriya-Kathā’ (‘Luận Về Những Phép Lạ ở Uruvela’), và S.IV.I.iii.6 ‘Āditta-Suttam’ (‘Kinh “Bốc Cháy”’). Và trong S.V.XII.v.3 ‘Mahā-Pariḷāha-Suttam’ (‘Kinh Đám Cháy Lớn’), Ngài giải thích rằng những sa-môn và bà-la-môn nào không tuệ tri Tứ Thánh Đế hoan hỷ trong những nghiệp đã thành tựu đưa đến sanh, già, chết,... Sau khi đã tái sanh như vậy, họ bị đốt cháy bởi mười một đám cháy lớn ấy.

[268] Những phép ẩn dụ này được đề cập trong VsM.ibid. Đức Phật dùng chúng trong M.II.ii.4 ‘Mahā-Mālukya-Suttam’ (‘Đại Kinh Mālukya’), khi Ngài giải thích cách vị Tỳ-kheo tu tập các thiện sắc giới và vô sắc giới, và rồi thực hành Minh Sát trên sắc và danh phối hợp với sắc. Rồi vị ấy trở nên nhàm chán đối với chúng, và tiến triển (qua những giai đoạn minh sát) như đã giải thích ở đây. Hơn nữa, xuyên suốt những Lời Dạy của Đức Phật, chúng ta thấy Ngài luôn luôn nói về vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự giải thoát khỏi dục lạc, các giới, và năm uẩn. Chẳng hạn, trong S.III.I.iii.5 ‘Assāda-Suttam’ (‘Kinh Vị Ngọt’), Đức Phật giải thích: "Phàm lạc, hỷ nào phát sanh do duyên sắc [v.v...]; đây gọi là vị ngọt của sắc. Bất cứ sắc nào [v.v...] cũng phải chịu sự vô thường, đau khổ, biến hoại; đây gọi là sự nguy hiểm của sắc [v.v...]. Sự nhiếp phục dục và tham đối với sắc, sự đoạn tận dục và tham; đây là sự xuất ly của sắc." Và trong bài kinh sau, Đức Phật giải thích rằng bao lâu Ta chưa như thật thắng

tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly khỏi năm uẩn, chùng đó, Ta không tuyên bố rằng Ta đã giác ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác. Cũng xem ghi chú cuối chương 272, ở sau.

[269] Đức Phật giải thích điều này trong A.VI.x.8 ‘Ukkhittāsika-Suttam’ (‘Kinh Thanh Gươm Đưa lên’): ‘Do thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ (*dukkha-saññā*), không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu? [1]Tưởng nhàm chán (*nibbidā-saññā*) trong tất cả hành, sẽ được an trú trong tôi, ví như kẻ giết người đang đưa thanh kiếm lên chém; [2] và tâm của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; [3] tôi sẽ trở thành một người thấy được tịnh lạc (*santa*) trong Niết-bàn; [4] các tùy miên trong tôi sẽ được nhổ lên; [5] tôi sẽ trở thành một người đã hoàn thành phận sự của mình; [6] tôi sẽ hầu hạ bậc Đạo Sư (*Satthā*) với việc thực hành tâm từ.’” Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 272, ở sau.

[270] Trong A.III.I.v.7-8 ‘Saṅkhata [-A-Saṅkhata]-Lakkhaṇa-Suttam’ (‘Hữu Vi-[Vô Vi] Tướng Kinh’), Đức Phật giải thích: Có ba tướng hữu vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi. Thế nào là ba? Sanh được biết rõ, diệt được biết rõ, sự biến dị khi đang trú được biết rõ. Có ba tướng hữu vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi.

- Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi. Thế nào là ba? Sanh không được biết rõ, diệt không được biết rõ, sự biến dị khi đang trú không được biết

rõ. Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi.’ Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 34, trang 47/Tập I.

[271] Đức Phật giải thích bốn điên đảo trong A.IV.I.v.9 ‘Vipallāsa-Suttam’ (‘Kinh Điên Đảo’): ‘Này các Tỷ-kheo, có bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này. Thế nào là bốn? [1] có thường trong vô thường...[2] trong khổ có lạc...[3] trong vô ngã có ngã...[4] trong bất tịnh có tịnh.’

[272] Trong M.I.iii.6 ‘Pāsa-Rāsi-Suttam’ (cũng gọi ‘Ariya-Pariyesanā-Suttam’ – Kinh Thánh Cầu), Đức Phật mô tả điều này như phi thánh cầu (*an-ariyā pariyesanā*): ‘Và này chư Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tầm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sâu... tự mình bị ô nhiễm lại tầm cầu cái bị ô nhiễm. Và Đức Phật giải thích đối tượng của phi thánh cầu: vợ con; đầy tớ nam, đầy tớ nữ; dê và cừu; gà và heo; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái; vàng và bạc. Và thánh cầu, ngược lại, ngài giải thích như một người, hiểu được sự nguy hiểm (*āddīnava*) trong những vật ấy, đi tìm cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu, an ổn vô thượng khỏi các ách phược, Niết-bàn. Liên quan đến điều này, xem thêm “Sự Nguy Hiểm Nằm Trong Vận Hành Của Nghiệp’ trang 750.

[273] Đây là một trong nhiều cách Đức Phật dạy người ta nên quán năm uẩn trong M.II.ii.4 ‘Mahā-Mālukya-Suttam’ (‘Đại Kinh Mālukya’): xem thêm ở ghi chú cuối chương 268, trang 801 trên.

[274] Trong S.II.I.ii.5 ‘Kaccānagotta-Suttam’ (‘Kinh Kaccānagotta’), Đức Phật giải thích rằng tất cả những tà kiến có thể phân thành hai: “Tất cả là có”, này Kaccāyana, là một cực đoan. “Tất cả là không có” là cực đoan thứ hai.’ Rồi ngài dạy pháp theo trung đạo, đó là duyên sanh.

[275] Đức Phật giải thích sự hiện hữu và không hiện hữu trong S.III.I.x.2 ‘Puppha-Suttam’ (‘Kinh Hoa’): ‘Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc [thọ...] là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thì Ta cũng nói là "không". Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc [thọ...] là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thì Ta cũng nói là "có" vậy.’

[276] Đức Phật giải thích thế gian trong S.IV.I.viii.9 ‘Loka-Pañhā-Suttam’ (‘Kinh Thế Gian Vấn’): ‘Nhãn, này các Tỷ kheo, đang sụp đổ, các sắc đang sụp đổ, nhãn thức đang sụp đổ, và bất cứ thọ nào (khổ, lạc, hay bất khổ bất lạc) phát sanh do duyên nhãn xúc, thọ đó cũng đang sụp đổ,...nhĩ...tỷ...thiệt...thân...ý...đang sụp đổ, này các Tỷ kheo, đó là lý do vì sao nó được gọi là thế gian.’

[277] Đức Phật giải thích điều này trong, A.VI.x.9 ‘A-Tammaya-Suttam’ (‘Kinh Không Quan Tâm’): ‘Do thấy

sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu? [1]. Tôi sẽ không quan tâm đến toàn thể gian; [2] cái "tôi"-làm sẽ được chặn đứng trong tôi; [3] và cái làm ấy "của tôi" sẽ được chặn đứng trong tôi; [4] tôi sẽ thành tựu phi thường trí; [5] Nhân (hetu) sẽ hiển lộ rõ ràng đối với tôi, [6] và các pháp do nhân sanh được tôi khéo thấy.”

[278] Mogharāja là học trò của Bāvarī, giáo sĩ Bà-la-môn của đức Vua Pasenadi. Bāvarī đã quá già không thể đi đến gặp Đức Phật, nên phái mười sáu người học trò của ông đi đến Đức Phật và hỏi những câu hỏi cho ông, trong đó có câu hỏi của Mogharāja này.

[279] Trong DhP.xiii.4 ‘Loka Vagga’ (‘Phẩm Thế Gian’), Đức Phật cũng nói điều này trong liên hệ với hai ảnh dụ vừa đề cập:

Hãy nhìn như bong bóng (nước),

Hãy nhìn như ảo ảnh!

Ai nhìn đời như vậy,

Thần chết không thấy được.

[280] Mô tả vị A-la-hán trong M.I.iii.2 ‘Alagadd-Ūpama-Suttam’ (‘Kinh Ví Dụ Con Rắn’), Đức Phật giải thích: ‘Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm giải thoát như vậy, chư Thiên ở Đế thích Thiên giới (*Indā*), Phạm thiên giới (*Brahma*), Sanh chủ giới (*Pajāpati*) sẽ không tìm được dấu vết của Tỷ-kheo ấy, nếu nghĩ: "thức của như-lai [*Bậc A-la-hán*]

duyên vào cái này". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, Ta nói ngay ở hiện tại, như lai [*thức của vị A-la-hán*] không thể nào biết được". Chú giải giải thích rằng chư thiên không thể khám phá ra đối tượng của tâm minh sát cũng như tâm Đạo & Quả của vị A-la-hán.

[281] Trong A.VII.v.6 ‘Dutiya-Saṅṅā-Suttam’ (‘Kinh Tưởng Thứ Hai’), Đức Phật giải thích cách làm thế nào để tu tập tưởng bất tịnh (*asubha-saṅṅā*) một cách đúng đắn để chống lại những tư duy dâm dục (*mathuna-dhamma*); tu tập tưởng sự chết (*marāṇa-saṅṅā*) chống lại tâm ái luyến sự sống (*jīvita-nikanti*); tu tập tưởng nhàm chán đối với các món ăn (*āhāre paṭikūla-saṅṅā*) chống lại tâm tham đắm vị (*rasa-tañhā*); tu tập tưởng không hoan hỷ đối với các thế giới (*sabba-loke-anabhirata-saṅṅā*) (AA. *ibid*: dục giới/sắc giới/vô sắc giới) chống lại những tư duy về sự kỳ diệu của thế giới (*loka-citresu*); và tu tập tưởng vô thường (*anicca-saṅṅā*) chống lại những tư duy về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng (*lābha, sakkāra-siloka*). Trong mỗi trường hợp, ngài giải thích rằng khi tưởng được tu tập đúng đắn, thì, giống như một chiếc lông chim, hay là dây gân quăng vào lửa sẽ rút lại, co lại, và dỗi lại, cũng vậy, tâm người hành thiền sẽ rút lại, co lại, dỗi lại khỏi đối tượng; làm phát sanh thái độ xả (*upekkhā*) hoặc ghê tởm (*pāṭikūlyatā*). Và cũng trong mỗi trường hợp ngài thêm rằng khi tưởng này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử (*Amatogadha*), lấy bất tử làm cứu cánh (*Amata-pariyosāna*). Đoạn

kinh này được trích dẫn một phần trong VsM.ibid.766/PP.xxi.63. Để biết những ví dụ về cách thực hành này, xem ‘Māra Dūsī’, trang 418.

[282] Trong A.IV.V.iv.2 ‘Vitthāra-Suttam’ (‘Kinh Nghiệp Với Chi Tiết’), Đức Phật nói về bốn loại nghiệp, dùng phép ẩn dụ về đen/trắng: 1. Một người hoàn thành nghiệp tổn hại, bị tái sinh trong một thế giới tổn hại, và trải nghiệm những xúc và thọ tổn hại, như những chúng sanh trong địa ngục trải nghiệm, đây là nghiệp đen cho quả đen; 2. Một người hoàn thành nghiệp vô hại, được tái sinh trong một thế giới vô hại, và trải nghiệm những xúc và thọ vô hại, như những chúng sanh trong Phạm Thiên giới trải nghiệm, đây là nghiệp trắng cho quả trắng; 3. Một người hoàn thành nghiệp vừa tổn hại vừa vô hại, tái sinh trong một thế giới tổn hại và vô hại, và trải nghiệm những xúc và thọ tổn hại và vô hại, như những chúng sanh trong cõi người, một số cõi chư thiên, và một số chúng sanh thấp hơn, trải nghiệm, đây là nghiệp đen và trắng cho quả đen và trắng; 4. Một người hoàn thành tư (*cetanā*) [AA= Tư Đạo (*magga-cetanā*) để đoạn diệt nghiệp đen, nghiệp trắng, nghiệp đen và trắng và quả của nó, dẫn đến sự tuyệt diệt của nghiệp (*kamma-kkhaya*), đây là nghiệp không đen không trắng cho quả không đen không trắng. Cũng xem sự giải thích của Đức Phật ở ghi chú cuối chương 300, trang 818 và 315, trang 825, và những ví dụ của ngài về các hạt giống gieo trồng trong một thửa ruộng, ghi chú cuối chương 237, trang 577.

[283] Trong M.III.iii.2 ‘Mahā-Suññata-Suttam’ (‘Kinh Đại Không’), Đức Phật giải thích rằng một vị Tỳ-kheo thích thú quần tụ với những vị Tỳ-kheo khác sẽ không có khả năng nhập vào tâm giải thoát có hạn kỳ (*sāmāyika: thời giải thoát*), hay không có hạn kỳ (*a-sāmāyika: phi thời giải thoát*).

[284] Tôn-giả Ānanda giải thích điều này trong M.II.i.3 ‘Sekkha-Suttam’ (‘Kinh Hữu Học’) ‘Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học các học pháp. Này Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh.’ Và trong A.VIII.ii.9 ‘Pahārāda-Suttam’ (‘Kinh Pahārāda’), Đức Phật giải thích việc vị Thánh Đệ Tử không bao giờ vượt qua những giới ngài đã ban hành: ‘Phàm những giới nào đã được Ta giải thích rõ cho các vị đệ tử, những giới đó họ không dám vượt qua dù cho nhân sinh mạng.’ Hơn nữa, trong A.VIII.iv.9 ‘Abhisanda-Suttam’ (‘Kinh Nguồn Nước Công Đức’), Đức Phật giải thích: ‘Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Thánh Đệ Tử từ bỏ sát sanh, tránh sát sanh...trộm cắp...tà dâm...nói dối...vị ấy tranh xa rượu&bia, là nhân sanh sự dễ duôi, [khi vị ấy giữ giới như vậy] vị ấy đem lại sự an ổn ...sự thân thiện...nhân từ, cho vô lượng chúng sanh.’

[285] Trong M.I.iii.9 ‘Mahā-Sār-Opama-Suttam’ (‘Đại Kinh Ví Dụ Lỗi Cây’), Đức Phật giải thích: ‘Như vậy,

này các Tỷ-kheo, phạm hạnh này không phải vì lợi ích lợi dưỡng, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu thiền định, không phải vì lợi ích tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, tâm giải thoát bất động chính là mục đích của phạm hạnh này, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh.

[286] Trong S.III.I.xii.10 ‘Sīlavanta-Suttam’ (‘Vị Trì Giới’), Tôn-giả Xá-lợi-phất giải thích rằng vị Tỷ-kheo giới đức cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã. Do như lý tác ý như vậy, vị ấy có thể đắc Nhập Lưu. Và vị Nhập Lưu, Nhất Lai, Bất lai cũng phải như lý tác ý như vậy để đạt đến Thánh Đạo kế tiếp. Ngay cả vị Thánh A-la-hán, ngài nói, vẫn phải hành như vậy, mặc dù không có gì cần phải làm thêm, song vì nó dẫn đến hiện tại lạc trú trong đời này (chứng diệt/ chứng quả hay để nhập thiền diệt và thiền quả, đời đời phải thực hành minh sát đi trước).

[287] Trong S.V.IV.iii.4 ‘Eka-Bījī-Suttam’ (‘Kinh Nhứt Chủng Tử’), Đức Phật giải thích ba loại Thánh Nhập Lưu: 1. Vị đắc A-la-hán Thánh Quả vào cuối của bảy kiếp tái sinh trong cõi người và cõi trời; 2. Vị đắc vào cuối của hai đến sáu kiếp tái sinh trong một gia đình hiền lương; 3. Vị đắc chỉ sau một lần tái sinh trong cõi người hay cõi trời (cũng được giải thích trong A.III.II.iv.7 ‘Dutiya-Sikkhā-Suttam’ (‘*Kinh Hữu Học Thứ Hai*’)).

[288] Nhất Lai: có năm loại: 1. một người đắc Đạo Quả Nhất Lai, và đạt đến A-la-hán Thánh Quả trong kiếp kế như một con người; 2. một người đắc Đạo Quả Nhất Lai, và đạt đến A-la-hán Thánh Quả trong kiếp kế như một vị chư thiên; 3. một vị chư thiên đắc Đạo Quả Nhất Lai, và đạt đến A-la-hán Thánh Quả trong kiếp kế như một vị chư thiên; 4. một vị chư thiên đắc Đạo Quả Nhất Lai, và đạt đến A-la-hán Thánh Quả trong kiếp kế như một con người; 5. một người đắc Đạo Quả Nhất Lai, trải qua kiếp kế như một vị chư thiên, và chỉ đắc A-la-hán Thánh Quả trong kiếp sau như một con người. (PuPA.ii.34 ‘Ekaka-Niddesa-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả về Sự Giải Thích Thứ Nhất’) & VsMT. xxii.814 ‘Tatiya-Magga-Nāṇa-Kathā-Vaṇṇanā’ (‘Luận Về Đạo Trí Thứ Ba Mô Tả’)). Nhưng khi Đức Phật nói về một bậc Nhất Lai, ngài thường ngụ ý đó là người quay trở lại hiện hữu làm người (và đắc A-la-hán ở đây): coi số 5 ở trên. Cũng xem sự giải thích từ VbhA trong ghi chú cuối chương trước.

[289] Thánh Bất Lai: tất cả đều tái sinh trong cõi sắc giới (Phạm Thiên giới). Có năm loại: 1. vị đắc A-la-hán Thánh Quả ở nửa đầu của kiếp Phạm Thiên đó; 2. vị đắc A-la-hán Thánh quả ở nửa sau của kiếp Phạm Thiên đó, thậm chí vào lúc chết; 3. vị đắc A-la-hán Thánh Quả không cần gắng sức; 4. vị đắc A-la-hán Thánh Quả phải gắng sức; 5. vị đi từ cõi Phạm Thiên này đến cõi Phạm Thiên khác, mỗi lần sống hết thọ mạng (từ một phần ba đại kiếp cho đến 16.000 đại kiếp, do một nghiệp Thiên (*jhāna*) trong một kiếp sống

nào đó làm nhiệm vụ như sanh báo nghiệp cho vị ấy được tái sanh Phạm Thiên kiếp kế), và đạt đến cõi cao nhất trong năm cõi tịnh cư, Sắc Cứu Cánh Thiên (*Akaniṭṭha*). Tại đó vị ấy đắc A-la-hán Thánh Quả và nhập Niết Bàn (S.V.IV.iii.4.v.v..., như ghi chú cuối chương 295, ở sau)

VbhA.xviii.1028 ‘āyu-Ppamaṇam’ (‘Tính Thọ Mạng’) DD.xviii.2593 giải thích thêm rằng một người đắc Bất Lai trong cõi chư thiên dục giới không ở lại đó, mà tái sanh cõi sắc giới: bởi vì không có nơi nào khác thích hợp cho một vị không còn dục vọng. Cũng xem ghi chú cuối chương 295, ở sau.

Trong D.ii.1 ‘Mahā-Padāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Bản’), Đức Phật nói về cuộc viếng thăm của ngài đến các cõi tịnh cư thiên, và được các vị Thánh Bất Lai vẫn còn đang sống ở đó kể về giáo pháp của Đức Phật quá khứ mà trong thời kỳ ấy các vị đã đắc Đạo & Quả.

[290] Trong D.iii.6 ‘Pāsādika Sutta’ (‘Kinh Thanh Tịnh’), Đức Phật giải thích chín pháp mà một vị A-la-hán không thể nào làm: ‘Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã diệt trừ các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc sau đây: Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc, không thể cố ý tước đoạt sanh mạng của loài hữu tình; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể lấy của không cho, tức là ăn trộm; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu

hoặc không thể hành dâm; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc, không thể biết mà nói láo; vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể cất chứa tiền của để hưởng thọ dục lạc, như khi còn tại gia; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể làm một điều gì vì tham; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể làm một điều gì vì sân; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể làm một điều gì vì si; vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể làm một điều gì vì sợ hãi.’

[291] Vì vậy, Đức Phật giải thích rằng nghiệp với ba căn thiện làm nhân sẽ dẫn đến sự chấm dứt nghiệp: xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 88, trang 517. Trong A.IV.IV.i.9 ‘Bhikkhunī-Suttaṃ’ (‘Kinh Bhikkhunī’), Tôn-giả Ānanda giải thích cách (y cứ vào) ái (*taṇhā*) để đạt đến A-la-hán Thánh Quả đoạn tận ái như thế nào. Và trong S.V.VII.ii.5 ‘Uṇṇābha-Brāhmaṇa Suttaṃ’ (‘Kinh Uṇṇābha’) ngài giải thích (y cứ vào) dục (*chanda*) để đắc A-la-hán Thánh Quả đoạn tận dục ra sao.

[292] Trong M.III.v.7 ‘Mahā-Saḷ-āyatanika-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Sáu Xứ’), Đức Phật giải thích rằng khi Bát Thánh Đạo sanh, ‘hai pháp này xuất hiện liên kết một cách song hành: Chỉ [*Chánh Định*] và Quán [*Chánh Kiến*]. Chú giải giải thích rằng chúng sanh đồng thời.

[293] Đức Phật giải thích điều này trong M.I.iv.5 ‘Cūḷa-Saccaka-Suttaṃ’ (‘Tiểu Kinh Saccaka’): "***Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều***

phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn”.

[294] Trong D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttam’ (‘Đại Kinh Bát Niết Bàn’) Đức Phật giải thích ‘Trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. ... Nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

[295] Trong M.II.iii.1 ‘Te-Vijja-Vacchagotta-Suttam’ (‘Kinh Vacchagotta Tam-Minh’) Đức Phật giải thích rằng một vị cư sĩ A-la-hán hoặc là phải xuất gia hoặc là phải nhập Bát-Niết-Bàn: *‘Này Vaccha, không có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau.’* VbhA.xviii.1028 ‘Āyup-pamāṇam’ (‘Ước Tính-Thọ Mạng’) DD.xviii.2539 cũng giải thích rằng vì lẽ cõi chư thiên dục giới là không thích hợp cho một vị A-la-hán (và vì một vị chư thiên không thể trở thành một vị Tỷ kheo hay Tỷ kheo-ni), nên chư thiên dục giới khi đắc A-la-hán Thánh Quả thì cũng nhập Bát-Niết-Bàn (hai sự kiện xảy ra đồng thời).

[296] Đức Phật giải thích điều này trong D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttam’ (‘Đại Kinh Bát Niết Bàn’): ‘Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Thánh Đạo. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Người phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh (*brahma-cariya*) được thiết lập, được trường tồn, vĩnh cửu, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Những pháp này cũng được gọi là Ba Mươi Bảy Pháp Trợ Bồ Đề (*Satta-Timsa-Bodhi-Pakkhiya-Dhamma*’).

[297] Trong D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttam’ (‘Đại Kinh Bát Niết Bàn’), Đức Phật giải thích cho du sĩ ngoại đạo Subhadda: ‘Và nếu, này Subhadda, những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh (*sammā-vihareyyum*), thời đời này không vắng những vị A-la-hán.’ Chú giải giải thích rằng ‘sống chơn chánh’ có nghĩa là vị Thánh Nhập Lưu giảng dạy cho người khác biết cách làm thế nào để đạt đến Đạo & Quả Nhập Lưu, vị Thánh Nhất Lai giảng dạy cho người khác biết cách làm thế nào để đạt đến Đạo & Quả Nhất Lai, v.v... Và người vẫn chỉ đang hành thiền chỉ và thiền minh sát để chứng đắc một Đạo & Quả nào đó thì nên dạy cách mình đang hành. Trong Vin.Mv.I.8 ‘Māra-Kathā’ (‘Luận về Māra’) cũng thế, Đức Phật nói với sáu mươi vị Thánh Đệ Tử A-la-hán đầu tiên của ngài: ‘Ta đã được giải thoát, này các Tỷ kheo, khỏi mọi cạm

bẫy của chư thiên và loài người. Và các vị cũng vậy, đã được giải thoát khỏi mọi cạm bẫy của chư thiên và loài người. Hãy du hành, này các Tỷ kheo, vì sự an lạc của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự lợi ích, sự an vui, vì hạnh phúc của chư thiên và con người. Chớ đi chung (đường) với nhau. Hãy giảng dạy Pháp, này các Tỷ kheo, hoàn hảo ở đoạn đầu, hoàn hảo ở đoạn giữa, và hoàn hảo ở đoạn cuối.’

[298] Tôn-giả Xá-lợi-phất giải thích điều này trong TG.xvii.2 (1002) ‘Sāriputta-Tthera-Gāthā’ (‘Những Vần Kệ của Trưởng-lão Xá-lợi-phất’): ‘Ta không hoan hỷ sống, Ta không hoan hỷ chết; Ta chờ thời Niết-Bàn, như công chức chờ lương.’

[299] Đức Phật giải thích về hai loại Niết-Bàn giới trong Iti.ii.8 ‘Nibbāna-Dhātu-Suttam’ (Kinh Niết Bàn Giới): [1] Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại, thông qua các căn ấy, vị ấy cảm nghiệm các cảm thọ khả ý, không khả ý, chịu đựng lạc và khổ. Trong vị ấy, sự đoạn diệt của tham, sân, và si, được gọi là “Niết-bàn với các uẩn còn tồn tại (*hữu dư y Niết-Bàn*)... [2] Ở đây, vị Tỷ kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, ... Trong vị ấy, ngay trong kiếp sống này, các pháp được cảm giác [*sắc/thanh/hương/vị/xúc/ và các pháp khác*] không còn thích thú

đổi với vị ấy: chúng đã trở nên nguội lạnh. Đây gọi là Niết-Bàn [*các uẩn*] không còn tồn tại (*vô dư Niết-Bàn*).

[300] Trong A.X.IV.ii.8 ‘Kamma-Nidāna-Suttam’ (‘Kinh Nghiệp Duyên’) Đức Phật giải thích: ‘Với tham-, ...sân-, ...si đoạn diệt, có sự đoạn diệt của nghiệp duyên (*kamma-nidāna-saṅkhayo*).’ Cũng xem ghi chú cuối trang 282 ở trên.

[301] Trong M.I.iv.9 ‘Mahā-Assapura-Suttam’ (‘Đại Kinh Assapura’) Đức Phật giải thích rằng một vị Tỷ kheo là sa-môn khi đã làm cho dừng lại các ác, bất thiện pháp, những pháp làm ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai.

[303] Trong S.III.I.i.1 ‘Pari-Vīmaṃsana-Suttam’ (‘Kinh Thăm Sát Thấu Đáo’), Đức Phật giải thích rằng ‘chỉ có thân còn lại được thấy.’

[304] Tuy nhiên, có những trường hợp một người đạt đến hai loại Bát Niết-Bàn cùng một lúc. Đức Phật giải thích những trường hợp như vậy trong A.VII.ii.6,7,8 ‘Anicca...Dukkhā...Anatt-Ānupassī-Suttam’ (Kinh Vô Thường Tuỳ Quán, Khổ Tuỳ Quán, Vô Ngã Tuỳ Quán).

[305] Đức Phật giải thích về sanh trong D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’) ‘Này các Tỷ kheo thế nào là sanh? Sự ra đời của các hạng chúng sanh khác nhau trong các giới loại chúng sanh khác nhau, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của họ, sự xuất hiện các

uẩn, sự hoạch đắc các căn. Nay các Tỷ kheo, như vậy gọi là sanh.’

[306] Đức Phật giải thích điều này trong D.ii.2 ‘Mahā-Nidāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Duyên’): ‘Ta nói: ‘Do (duyên) thức, có danh-sắc (*viññāṇa-paccayā nāma-rūpaṃ*), và cần phải hiểu nó theo cách này. Nay Ananda, nếu thức không đi vào trong bụng của người mẹ, thì danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không?’- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt, thì danh sắc có thể hình thành trạng thái này, trạng thái khác không?- Bạch Thế Tôn, không!- Nay Ananda, nếu thức bị đoạn trừ trong đờn con nít, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thì danh sắc có thể lớn hơn, trưởng thành và thành mãn được không?- Bạch Thế Tôn, không!- Do vậy, nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của danh sắc, tức là thức.

[307] Tôn giả Xá-lợi-phất giải thích điều này trong M.I.v.3 ‘Mahā-Vedalla-Suttam’ (‘Đại Kinh Phương Quảng’): ‘Thọ, tưởng, và thức, này Hiền giả: những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không thể tách những pháp này khỏi nhau để mô tả sự khác nhau giữa chúng. Vì, này Hiền giả, điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là nhận thức được.’ Cũng xem ghi chú cuối chương kế tiếp.

[308] Đức Phật giải thích điều này trong ‘Upaya-Suttam’ (‘Kinh Sự Giả Định’): ‘Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, nói rằng: “Khi tách khỏi sắc, tách khỏi thọ, tách khỏi tưởng, tách khỏi các hành, ta sẽ nêu rõ sự đến và đi của thức, nêu rõ sự diệt hay sự sanh, sự tăng trưởng, sự phát triển, hay sự hoàn thành của thức,” đó là điều không thể xảy ra.’ Cũng xem lại ghi chú cuối chương trước.

[309] Đức Phật giải thích điều này trong D.ii.2 ‘Mahā-Nidāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Duyên’): ‘Như Ta đã nói: "Do duyên danh sắc, thức sanh (*nāma-rūpa-paccayā viññāṇam*)", và đây là cách ‘thức’ nên được hiểu. Nếu thức, này Ānanda, không có được sự an trú trong danh sắc (*nāma-rūpe-patiṭṭham na labhissatha*), thì liệu có một sự khởi sanh và hiện hữu của sanh, lão, tử, khổ không? - Bạch Thế Tôn, không!’ Ở đây, Đức Phật đang nói đến nhân của danh-sắc trong một đời (xem trích dẫn ghi chú cuối trang + dưới bảng ‘3e: Duyên Sanh Từ Kiếp Này Sang Kiếp Khác’ ở sau): nếu một người đi qua một kiếp khác, nhân của thức là hành, vốn là nghiệp lực của một nghiệp đã tạo trong kiếp quá khứ.

[310] Trong D.i.1 ‘Brahma-Jāla-Suttam’ (‘Kinh Phạm Võng’), Đức Phật giải thích rằng khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia

đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói : **"Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình"**. Và trong A.IX.I.iii.4 'Satt-Āvāsa-Suttam' ('Kinh Chỗ Trú Của Các Hữu Tình') Đức Phật đề cập đến các chúng sanh vô tưởng như một trong chín loại trú: 'Này các Tỷ-kheo, có những loại hữu tình không có tưởng, không có thọ như Vô Tưởng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm (trong chín hữu tình trú).' Còn trong Vbh.XVIII.ii.3 'Asañña-Sattā' ('Chúng Sanh Vô Tưởng') BA.XVIII.ii.1017, ngài giải thích: 'Vào sát-na sanh của chư thiên vô tưởng, chỉ một uẩn hiện khởi, đó là sắc uẩn. Hai xứ hiện khởi: sắc xứ, pháp xứ. Hai giới hiện khởi: sắc giới, pháp giới. Một đế hiện khởi: khổ đế. Một căn (quyền) hiện khởi: sắc mạng quyền. Các chư thiên vô tưởng hiện khởi không có nhân, không vật thực, không xúc, không thọ, không tưởng, không tư, không thức.' Và Vbh.xviii.1027 'Āyu-Ppamāṇam' ('Thọ Mạng') DD.xviii.2588 giải thích thêm: 'Đối với một số người, sau khi xuất gia trong một giáo phái nào đó và thấy một khuyết điểm trong thức do tham dục, sân và bị thức đánh lừa, nghĩ rằng: "trạng thái vô thức này là tốt, đây là Niết-Bàn ngay trong kiếp sống hiện tại," và sự suy giảm của tham đối với tưởng được họ làm cho phát khởi và phát triển thiên chứng

thứ năm thuận theo đó, họ được tái sanh ở đó. Vào sát-na tái sanh của họ, chỉ một mình sắc uẩn sanh. Nếu họ sanh đứng, họ chỉ có đứng; nếu sanh ngồi, họ chỉ có ngồi; nếu sanh nằm, họ chỉ có nằm. Họ duy trì như vậy trong năm trăm đại kiếp giống như những bức tượng vẽ. Cuối kiếp sống đó sắc thân của họ biến mất; tướng dục giới khởi lên. Do sự khởi lên của tướng đó ở đây [trong cõi dục này] những chư thiên ấy nhận ra rằng họ đã chết từ thân đó.'

[311] Trong D.iii.5 'Sampasādanīya-Suttam' ('Kinh Tự Hoan Hỷ'), Tôn-giả Xá-lợi-phất giải thích cách Đức Phật dạy người hành thiền quán sát để biết cả hai: dòng tâm thức (*viññāṇa-sota*) không gián đoạn (*abbocchinnam*) trong đời này đã an trú, và trong đời sau đã an trú.

[312] Trong, S.II.I.ii.9 'Bāla-Paṇḍita-Suttam' ('Kinh Hiền&Ngu') Đức Phật giải thích rằng do kẻ ngu bị vô minh che đậy và bị tham ái hệ phược, thân này của người ngu được sanh khởi. Vô minh ấy, người ngu không đoạn tận. Tham ái ấy, người ngu không tận trừ. Vì sao? 'Bởi vì người ngu sống Phạm hạnh không phải vì chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy người ngu, khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác (*kāy-ūpago*). Do đi đến một thân khác, người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi đau khổ". Nhưng, đoạn tận vô minh, người hiền không còn tái sanh lại nữa: 'Bởi vì, người Hiền trí sống Phạm hạnh, vì mục đích chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy, người Hiền trí, khi thân

hoại mạng chung, không đi đến một thân khác. Do không đi đến một thân khác, vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Vị ấy thoát khỏi đau khổ". Cũng xem những trích dẫn ở ghi chú cuối trang 191, trang 560, và 315, trang sau

[313] Đức Phật giải thích điều này trong A.III.II.iii.6 ‘Paṭhama-Bhava-Suttam’ (‘Kinh Hiện Hữu Thứ Nhất’): Này Ananda, nếu Dục giới [quả nghiệp dục giới] quả của nghiệp dục giới và nghiệp không hiện hữu thời dục hữu có thể hiện được không? - Thưa không, bạch Thế Tôn....quả của nghiệp sắc giới...và nghiệp không hiện hữu...quả của nghiệp vô sắc giới, và nghiệp không hiện hữu...như trên. ‘Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Đối với chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an trú trong giới thấp kém...trong giới trung bình (sắc giới)...trong giới cao thượng (vô sắc giới). Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

[314] Trong S.II.I.vii.4 ‘Atthi-Rāga-Suttam’ (‘Kinh Có Tham’), Đức Phật giải thích rằng đối với đoàn thực/thức thực/xúc thực/tư niệm thực, có hỷ, có ái, thời thức được an trú ở đó do nghiệp có thể tạo ra tái sanh. Chỗ nào có thức quả tái sanh được an trú, chỗ ấy có sự đi vào của danh sắc sanh. Chỗ nào danh sắc đi vào, chỗ ấy có sự tạo tác của nghiệp mới. Chỗ nào có sự tạo tác của nghiệp, chỗ ấy có sự tạo ra tái hiện hữu (*atthi āyatim puna-bbhav-ābhinibbatti-tái*

sanh trong tương lai). Trái lại, đối với vị A-la-hán, thức không còn an trú trong bốn loại thức ăn do nghiệp, điều này hàm ý thức quả tái sanh không còn an trú ở bất cứ nơi đâu. Thức quả tái sanh không an trú thời sự tái hiện hữu không được tạo ra (*natthi āyatim puna-bbav-ābhinibbatti*).

[315] Đức Phật cũng giải thích điều này trong S.II.I.vi.1 ‘Pari-Vīmaṃsana-Suttaṃ’ (‘Kinh Thăm Sát Thấu Đáo’): ‘Nhưng khi một vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ vô minh và làm khởi lên chánh trí... vị ấy không hoàn thành một phước hành (của nghiệp), hay một phi phước hành, hay một bất động hành... Khi hoàn toàn không có các hành, với sự diệt của các hành, liệu thức [tái sanh] có phân biệt (quán) được không? (‘Không, Bạch Thế Tôn’) ‘Khi hoàn toàn không có thức... không có danh&sắc... không có lục nhập... không có sanh, với sự diệt của sanh, liệu già & chết có phân biệt được không? (‘Không, Bạch Thế Tôn’) Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 191, trang 561; 282, trang..., 351, và 355 ở trên.

[316] Trong U.viii.1 ‘Paṭhama Nibbāna Paṭisaṃyutta-Suttaṃ’ (‘Kinh Phần Liên Quan Đến Niết Bàn Thứ Nhất’), Đức Phật giải thích: ***‘Thực sự, có một xứ, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Xứ này Ta gọi là không có đến, không có đi,***

không có trú, không có diệt, không có sanh. Xứ này hoàn toàn không có an trú, không có tương tục, và không có đối tượng.

[317] Trong D.i.11 ‘Kevatta-Suttam’ (‘Kinh Kevatta’) Đức Phật mô tả Niết-Bàn như "Nhận thức không thể thấy được, vô biên, chỗ đáp ở khắp mọi nơi. Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng. Ở đây, dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh. Ở đây sắc và phi sắc (danh) tiêu diệt hoàn toàn. Với sự diệt của thức, mọi thứ đều diệt tận". DA giải thích: Nhận Thức Không Thể Thấy Được Niết-Bàn, phải hiểu theo nghĩa rằng Niết-Bàn chỉ có thể được nhận thức bằng Những Thánh Đạo Trí, chứ không phải bằng nhãn thức; vô biên= Niết Bàn không bị giới hạn bởi sanh, trú, diệt, không bị giới hạn bởi (phương hướng) Bắc, Nam, Đông, và Tây; Chỗ Đáp ở Khắp Mọi Nơi (bờ kia [pārima tīra] = bất kỳ chỗ nào cũng có thể đến được, nghĩa là có thể dùng bất cứ một trong bốn mươi đề mục thiền để làm nền tảng; Với Sự Diệt Của Thức: sự diệt của những thức nghiệp hay tâm nghiệp, và sự diệt của thức cuối cùng của vị A-la-hán. Liên quan đến điều này, trong A.VIII.ii.9 ‘Pahārāda-Suttam’ (‘Kinh Pahārāda’), Đức Phật giải thích: ***‘Cho dù có nhiều bao nhiêu Tỳ-kheo đắc Niết-Bàn giới vô dư, thì cũng không vì đó mà thấy có đầy hay vơi trong Niết-Bàn giới.’***

[318] Trong S.I.II.iii.6 ‘Rohitassa-Suttam’ (‘Kinh Rohitassa’) Đức Phật nói đến năm uẩn như thế gian (*loka*), và nói đến A-la-hán Thánh Quả như sự diệt của thế gian. Và

trong S.II.I.v.4 ‘Loka-Sutta’ (‘Kinh Thế Gian’) Đức Phật giải thích nguồn gốc hay tập khởi của thế gian: ***‘Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Sự gặp gỡ của ba pháp này gọi là xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh, nên có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi. Và ngài cũng nói như vậy đối với sáu loại nội xứ, sáu ngoại xứ, và thức. Ngược lại, với sự ly tham và đoạn diệt không còn dư tàn của ái, các pháp ấy diệt, và, ‘Đây là sự diệt của thế gian.’*** Cũng xem trích dẫn ghi chú cuối chương 50, trang 55/Tập I.

[319] Đức Phật giải thích điều này trong M.I.iv.8 ‘Mahā-Taṇhā-Saṅkhaya-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Đoạn Tận Ái’): Trong nhiều bài pháp Ta đã nói là thức do duyên sanh, vì không có duyên, thức không hiện khởi... Thức là do duyên sanh, dựa vào duyên để khởi lên.’ Rồi Đức Phật giải thích nhãn thức dựa vào con mắt và cảnh sắc, ... như thế nào. Và ‘Khi thức sanh dựa vào ý và các pháp (dhamma), nó được gọi là ý thức ra sao.’ Niết Bàn là một pháp khác hơn năm ngoại xứ vật chất (sắc-, thính-, hương-, vị-, xúc xứ). ***Nói cách khác Niết-Bàn là một pháp thuộc ngoại xứ thứ sáu (pháp xứ), do ý thức nhận thức.***

[320] Trong S.III.I.x.2 ‘Puppha-Suttaṃ’ (‘Kinh Hoa’), Đức Phật giải thích: ‘Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không

chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là điều đó không có.’ Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 143, trang 540; và 270, trang 802.

[321] Đức Phật đã nói điều này xuyên suốt trong Giáo Lý của ngài, chẳng hạn, trong bài Pháp đầu tiên, (S.V.XII.ii.1 ‘Dhamma-Cakka-Ppavattana-Suttam’ (‘Kinh Chuyển Pháp Luân’), ngài nói: **‘Tóm lại, chấp thủ năm uẩn là khổ (dukkha)’**.

[322] Trong S.V.IV.v.10 ‘Āpaṇa-Suttam’ (‘Kinh Āpaṇa’), Đức Phật bàn về việc tu tập ngũ căn của vị Thánh Đệ Tử với Tôn-giả Xá-lợi-phất. Và ngài nói: ‘Quả thực, này Xá-lợi-phất, Với vị Thánh đệ tử có lòng tin, kiên trì tinh tấn, an trú chánh niệm, với tâm có định, được chờ đợi là vị ấy sẽ tuệ tri như vậy: “vô thủ là luân hồi. Khởi điểm đầu tiên không thể chỉ rõ đối với những chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi. Nhưng với sự sự ly tham, đoạn diệt không có dư tàn của vô minh, của khối tâm tối ấy, thì đây là nơi tịch tịnh, đây là nơi là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y (căn cứ cho tái sanh), sự đoạn tận tham ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Trí tuệ đó, này Xá-lợi-phất, là tuệ căn của vị ấy.”’ Cũng xem duyên sanh theo chiều nghịch, đã dẫn trang 214/Tập I.

[323] Một du sĩ ngoại đạo tên Vacchagotta cũng hỏi câu hỏi này trong M.II.iii.2 ‘Aggi-Vacchagotta-Suttam’ (‘Kinh Lửa&Vacchagotta’): ‘Khi tâm của một vị Tỳ-kheo được giải thoát như vậy, thưa Tôn-giả Gotama, vị ấy tái sanh

ở đâu?...Hay vị ấy không tái sanh...vừa tái sanh vừa không tái sanh...không phải tái sanh cũng không phải không tái sanh, thưa Tôn-giả Gotama?’ Trong mọi trường hợp, Đức Phật đều nói câu hỏi không áp dụng được. Đó đơn giản là vì không có sự tái –sanh khởi của thức: nói về một vị A-la-hán không còn tái sanh là một trường hợp của đoạn kiến. Sau đó Đức Phật giải thích với một ví dụ về ngọn lửa. Trong S.IV.x.9 ‘Kutūhala-Suttaṃ’ (‘Kinh Luận Nghi Đường’) cũng vậy, Đức Phật giải thích: ‘Ví như một ngọn lửa chỉ cháy đỏ khi có nhiên liệu (*saupādāna*), không phải không có nhiên liệu. Cũng vậy, này Vaccha, Ta tuyên bố tái sanh chỉ đối với người có nhiên liệu, không phải với người không có nhiên liệu [*nhiên liệu của tái sanh là vô minh và tham ái*].’

[324] thức vô an trú: Đức Phật dùng từ này trong S.I.IV.iii.3 ‘Godhika-Suttaṃ’ (‘Kinh Godhika’). Bài kinh mô tả việc Tôn-giả Godhika đã đạt đến Bát-Niết-Bàn như thế nào, Đức Phật và một số vị Tỷ kheo cùng đi đến nơi trú ngụ của vị ấy. Tại đây có một làn khói đen đang di chuyển quanh chỗ đó. Đức Phật nói: ‘Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy làn khói đen tối ấy đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới không?-- Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy như vậy. -- Này các Tỷ-kheo, đó là Ác ma đang đi theo dõi thức của thiện nam tử Godhika: "Thức của thiện nam tử Godhika được an trú ở đâu?". Và này các Tỷ-kheo, thiện nam tử Godhika đã nhập diệt, với thức không an trú ở đâu cả.’ Sự việc này cũng

xảy ra sau khi Tôn-giả Vakkali nhập Bát-Niết-Bàn, được đề cập ở kinh... Vì Māra không biết sự đến và đi của vị A-la-hán, xem ‘Ác Ma Dūsī’, trang 418.

[325] Trong D.i.1 ‘Brahma-Jāla-Suttaṃ’ (‘Kinh Phạm Võng’), Đức Phật giải thích: ‘Ví như, này các Tỷ kheo, khi cuống của một chùm xoài bị cắt đứt, tất cả những trái xoài treo trên (cuống) đó đều đều bị chung một số phận với nhau. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, mỗi liên kết với hiện hữu của Như Lai đã bị cắt đứt. Bao lâu thân của Như Lai còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy Như Lai. Nhưng khi Như Lai thân hoại mạng chung, thọ mạng đã dứt, thời chư Thiên và loài Người sẽ không còn thấy Như Lai nữa.’

[326] Trong S.II.I.ii.5 ‘Kaccānagotta-Suttaṃ’, Đức Phật giải thích rằng với trí hiểu biết về duyên sanh người ta không còn hoài nghi việc những gì sanh chỉ là khổ, và những gì diệt cũng chỉ là khổ: xem trích dẫn ghi chú cuối chương 166, trang 550. Và ngài nói : **‘Trí hiểu biết của vị ấy về điều này không phải do dựa vào người khác (a-para-paccayā). Theo cách này, này Kaccāna, một người được gọi là có Chánh Kiến (Sammā Ditṭhi hoti).’**

[327] Tathāgata (Như Lai): Đức Phật dùng từ này để nói đến chính Ngài, mặc dù trong một số ngữ cảnh khác, ngài dùng để nói đến bất kỳ vị A-la-hán nào, như ở đây, và trong trích dẫn ở ghi chú cuối chương 280, trang 806. Trong S.III.I.ix.4 ‘Anurādha-Suttaṃ’ (‘Kinh Anurādha’), từ ấy là ‘tathāgato, bậc thượng nhân (uttama-puriso), bậc tối cao

(parama-puriso), bậc đã đạt đến chỗ cùng tột *(parama-pattipatto)*.⁷

PHỤ LỤC 1: BỐN MƯƠI ĐỀ MỤC THIỀN

Bốn mươi đề mục thiền này được Đức Phật dạy,⁸⁸³ để tu tập thiền định, với một số tham khảo kinh điển.⁸⁸⁴

Kasina + Bất Tịnh + Tuỳ Niệm + Phạm Trú + Vô Sắc + Tướng + xác												
Định = TC												
10	+	10	+	10	+	4	+	4	+	1	+	1
= 40												

Mười Kasinas

D.ii.2 ‘Mahā-Nidāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Duyên’)

M.II.iii.7 ‘Mahā-Sakuludāyi-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Sakuludāyi’)

Mười Bất Tịnh

D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Patṭhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

Mười Tuỳ Niệm

Tuỳ Niệm Phật, Pháp, Tăng

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

S.I.XI.i.3 ‘Dhajagga Suttaṃ’ (‘Kinh Đầu Lá Cờ’)

Tuỳ Niệm Giới

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttaṃ’ (‘Kinh Các Lễ Uposatha’)

Tuỳ Niệm Bồ Thí

⁸⁸³ VsM.iii.47 ‘Kamma-Tthāna-Ggahaṇa-Niddeso’ (‘Giải Thích về Việc Nhận Một Đề Mục Thiền’) PP.iii.104-105.

⁸⁸⁴ những tham khảo kinh điển được nêu ra chỉ như những ví dụ: vì còn nhiều bài kinh nữa đề cập đến những đề mục thiền này.

A.VI.i.10 ‘Mahānāma-Suttaṃ’ (‘Kinh Ma-ha-nam’)

Tuỳ Niệm Thiên

A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttaṃ’ (‘Kinh Các Lễ Uposatha’)

A.VI.i.10 ‘Mahānāma-Suttaṃ’ (‘Kinh Ma-ha-nam’)

Tuỳ Niệm Sự Chết

A.VI.ii.9 ‘Paṭhama-Maraṇa-Ssati-Suttaṃ’ (Kinh Tuỳ Niệm Chết Thứ Nhất’)

A.VI.ii.10 ‘Dutiya-Maraṇa-Ssati-Suttaṃ’ (Kinh Tuỳ Niệm Chết Thứ Hai’)

Thân Hành Niệm⁸⁸⁵

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

Niệm Hơi Thở

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

Niệm Sự Bình Yên⁸⁸⁶

M.II.ii.4 ‘Mahā-Mālukyāputta-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Mālukyāputta’)

A.X.I.i.6 ‘Samādhi-Suttaṃ’ (‘Kinh Định’)

⁸⁸⁵ Trong phần liệt kê của Thanh Tịnh Đạo, *thân hành niệm* đặc biệt đề cập đến thiền trên ba mươi hai thân phần (quán ba mươi hai thể trực). Tuy nhiên, từ *thân hành niệm* được Đức Phật dùng theo nhiều cách. Chẳng hạn trong M.III.ii.9 ‘*Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ*’ (‘Thân Hành Niệm’), Đức Phật giải thích nó chính xác như mười bốn đề tài quán thân (bao gồm cả thiền trên ba mươi hai thân phần) mà ngài đã giải thích trong D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’), cũng như bốn thiền sắc giới: ở mỗi đoạn giải thích, ngài nói: ‘Đây cũng là cách vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.’

⁸⁸⁶ Đây là pháp tuỳ niệm những ân đức của Niết-Bàn.

Bốn Phạm Trú

Từ

- M.I.iii.1 ‘Kakac-Ūpama-Suttaṃ’ (‘Kinh Ví Dụ Cái Cưa’)
A.IV.II.ii.7 ‘Ahi-Rāja-Suttaṃ’ (‘Kinh Xà Vương’)

Từ, Bi, Hỷ, Xả

- D.i.13 ‘Te-Vijja-Suttaṃ’ (‘Kinh Tam Minh’)
M.II.iv.3 ‘Maghadewa-Suttaṃ’ (‘Kinh Maghadewa’)
A.III.II.ii.5 ‘Kesamutti-Suttaṃ’ (‘Kinh Kesamutti’)⁸⁸⁷

Bốn Thiền Vô Sắc

Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ

- D.ii.2 ‘Mahā-Nidāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Duyên’)
M.I.iii.6 ‘Ariya-Pariyesanā-Suttaṃ’ (‘Kinh Thánh Cầu’)⁸⁸⁸
M.III.i.6 ‘Āneñjasappāya-Suttaṃ’ (‘Kinh Bất Động Lợi Ích’)
A.IX.I.iv.5 ‘Jhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Jhāna <Thiền>’)

Một Tướng

Vật Thực (Bất Tịnh)

- S.V.II.viii.3 ‘Āhāre-Paṭikūla-Suttaṃ’ (‘Kinh Vật Thực Bất Tịnh’)
A.X.II.i.6 ‘Paṭhama-Saññā-Suttaṃ’ (‘Kinh Tưởng Thứ Nhất’)
A.X.II.i.7 ‘Dutiya-Saññā-Suttaṃ’ (‘Kinh Tưởng Thứ Hai’)

Một Xác Định

Tứ Đại

- D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)
M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

⁸⁸⁷ Cũng được biết đến như ‘Kinh Kālāma’.

⁸⁸⁸ Cũng gọi ‘Pāsa-Rāsi-Suttaṃ’ (‘Kinh Đa Bẫy’)

PHỤ LỤC 2: DÒNG DỐI CHƯ PHẬT

Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trước, đạo sĩ Sumedha đã quyết định trở thành một vị Phật. Ngài thực hiện quyết định này trước mặt Đức Phật Dīpaṅkara (Đức Phật Nhiên Đăng). Đức Phật Dīpaṅkara thọ ký rằng cuối cùng ngài sẽ thành Phật hiệu là Gotama. Từ đó cho đến khi đắc thành Phật Quả, đức Bồ Tát đã phát triển các Ba-la-mật của mình. Việc phát triển các ba-la-mật này gồm luôn cả sự tu tập dưới hai mươi bốn vị Phật khác nhau: đôi khi (ngài) như một đạo sĩ, đôi khi như một Tỳ kheo, hay một bà-la-môn, một vị Vua, một gia chủ, một con thú ưu thắng, một chư thiên, hay một dạ-xoa (yakkha).

Hai mươi bốn vị Phật được giải thích trong Bộ Phật Tông (Buddha-Vaṃsa-Pāḷi). Bộ này giải thích tỉ mỉ sự thọ sanh, tuổi thọ, địa vị, tên cha mẹ, tên vợ con, thọ mạng của họ, cách xuất gia, thời gian thực hiện nỗ lực để thành Phật, việc dạy ‘Kinh Chuyển Pháp Luân’ (‘Dhamma-Cakka-Ppavatthana-Suttam’),⁸⁸⁹ và tên của các vị Đại Đệ Tử và cư sĩ ưu tú của các ngài. Mỗi bản mô tả cũng giải thích nơi các vị nhập Vô Dư Niết Bàn, và xá lợi của các vị được phân phối như thế nào.

Trong Bộ Phật Tông cũng có lời thọ ký của Đức Phật về vị Phật kế tiếp, đó là Đức Phật Di-Lạc (Metteya).⁸⁹⁰

[24] Đức Phật Dīpaṅkara

[23] Đức Phật Koṇḍañña

[22] Đức Phật Maṅgala

[11] Đức Phật Atthadassī

[10] Đức Phật Dhammadassī

[9] Đức Phật Siddhattha

⁸⁸⁹ Bản Kinh này của Đức Phật Gotama được thấy trong S.V.XII.ii.1.

⁸⁹⁰ Đức Phật Gotama cũng đề cập sự xuất hiện của Đức Phật Metteya (Di-Lạc) trong D.iii.3 ‘Cakka-Vatti-Sīha-Nāda-Suttam’ (‘Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống’)

[21] Đức Phật Sumana	[8] Đức Phật Tissa
[20] Đức Phật Revata	[7] Đức Phật Phussa
[19] Đức Phật Sobhita	[6] Đức Phật Vipassī
[18] Đức Phật Anomadassī	[5] Đức Phật Sikhī
[17] Đức Phật Paduma	[4] Đức Phật Vessabhū
[16] Đức Phật Nārada	[3] Đức Phật Kalusandha
[15] Đức Phật Padumuttara	[2] Đức Phật Koṇāgamana
[14] Đức Phật Sumedha	[1] Đức Phật Kassapa
[13] Đức Phật Sujāta	Đức Phật Gotama
[12] Đức Phật Piyadassī	Đức Phật Metteya

Sáu vị Phật trước Đức Phật Gotama cũng đã được chính Đức Phật của chúng ta giải thích trong ‘Mah-āpadāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Phật Tông’). Chẳng hạn⁸⁹¹, ngài giải thích:

Danh Hiệu	Sự Xuất Hiện	Địa Vị	Tuổi Thọ Con Người
[6] Vipassī	91 đại kiếp trước	Vua Chúa	80.000 năm
[7] Sikhī	31 đại kiếp trước	Vua Chúa	70.000 năm
[4] Vessabhū	31 đại kiếp trước	Vua Chúa	60.000 năm
[3] Kakusandha	Kiếp hiện tại	Bà-la-môn	40.000 năm
[2] Koṇāgamana		Bà-la-môn	30.000 năm
[1] Kassapa		Bà-la-môn	20.000 năm
Đức Phật Gotama		Vua Chúa	100 năm

⁸⁹¹ (D.ii.1) Đức Phật biết điều này bằng chính trí của ngài, và cũng nhờ các bậc Thánh Bất Lai trong các cõi tịnh cư thiên mô tả họ đã đắc Đạo Quả trong giáo pháp của Đức Phật quá khứ cho ngài như thế nào.

Chữ Viết Tắt Các Nguồn Tham Khảo

A.	Āṅguttara-Nikāya (Tăng Chi Kinh)
AA.	Āṅguttara-Nikāya-Aṭṭhakathā ⁸⁹² (Chú Giải Tăng Chi Kinh)
AbS.	Abhidhammattha-Saṅgaho (Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa)
Ap.	Apadāna-Pāḷi (Thanh Văn Sứ)
ApA.	Apadāna-Aṭṭhakathā (Chú Giải Thanh Văn Sứ)
AṬ.	Āṅguttara-Nikāya Tikā (Phụ Chú Giải Tăng Chi Kinh)
CMA.	A Comprehensive Manual of Abhidhamma ⁸⁹³
D.	Dīgha-Nikāya (Trường Bộ Kinh)
DA.	Dīgha-Nikāya-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trường Bộ Kinh)
DD.	Dispeller of Delusion ⁸⁹⁴
DhP.	Dhamma-Pada (Pháp Cú)
DhPA.	Dhamma-Pada-Aṭṭhakathā (Chú Giải Pháp Cú)
DhS.	Dhamma-Saṅgaṇī (Bộ Pháp Tụ)
DhSA.	Dhamma-Saṅgaṇī-Aṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Pháp

⁸⁹² Những tựa sách Pali cho các bản chú giải là: AA= Manoratha-Pūraṇi; DA = Su-Maṅgala-Vilāsinī; DhSA = Aṭṭha-Sālinī; MA = Papañca-Sūdanī; SA = Sārattha-Ppakaasinī; VbhA = Sa-Mmoha-Vinodanī.

⁸⁹³ CMA: Bản dịch Anh ngữ của tác phẩm Abhidhammattha-Saṅgaha (Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa) do Bhik. Bodhi, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, hiệu đính và chú thích.

⁸⁹⁴ DD: Bản dịch Anh ngữ của Bộ Vibhaṅga-Āṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Phân Tích), do Bhik Nāṇamoli, Pāḷi Text Society, Oxford, England.

	Tụ)
DhST.	Dhamma-Saṅgaṇī-Mūla-Tikā (Phụ Chú Giải Góc Bộ Pháp Tụ)
E.	The Expositor ⁸⁹⁵
Iti.	Iti-Vuttaka-Pāḷi (Như Thị Thuyết)
J.	Jātaka-Pāḷi (Chuyện Tiên Thân)
JA.	Jātaka-Aṭṭhakathā (Chú Giải Chuyện Tiên Thân)
KhP.	Khuddaka-Pāṭha-Pāḷi (Tiểu Bộ Kinh)
KhPA.	Khuddaka-Pāṭha-Aṭṭhakathā (Chú Giải Tiểu Bộ Kinh)
M.	Majjhima-Nikāya (Trung Bộ Kinh)
MA.	Majjhima-Nikāya-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trung Bộ Kinh)
MiP.	Milinda-Paṇha-Pāḷi (Kinh Milinda Vấn Đạo)
MR	The Minor Readings ⁸⁹⁶
MṬ.	Majjhima-Nikāya-Ṭika (Phụ Chú Giải Trung Bộ Kinh).
P.	Paṭṭhāna-Pāḷi (Duyên Hệ)
PaD.	Param-Attha-Dīpanī ⁸⁹⁷ (Chân Đế Tường Giải)
PD.	Path of Discrimination ⁸⁹⁸
PED.	The Pāḷi Text Society's Pāḷi-English Dictionary ⁸⁹⁹

⁸⁹⁵ Exp: Bản dịch Anh ngữ của Dhamma-Saṅgaṇī-Aṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Pháp Tụ), do Professor Pe Maung Tin M.A., Pāḷi Text Society, Oxford, England, soạn dịch.

⁸⁹⁶ Bản dịch Anh ngữ của Khuddaka-Pāṭha-Aṭṭhakathā (Chú Giải Tiểu Bộ Kinh), do Bhik. Pāḷi Text Society, Oxford, England, dịch.

⁸⁹⁷ PaD: ‘Tường Giải’ bởi Đại Trưởng Lão Ledi Sayadaw (1846-1923).

⁸⁹⁸ PD: Bản Dịch Anh Ngữ của Bộ Pāṭisambhidā-Magga (Vô Ngại Giải Đạo), do Bhik. Pāḷi Text Society, Oxford, England, dịch.

PP.	Path of Purification ⁹⁰⁰
PsM	Pāṭisambhidā-Magga (Vô Ngại Giải Đạo)
S.	Saṃyutta-Nikāya (Tuong Ứng Kinh)
SA.	Saṃyutta-Nikāya-Aṭṭhakathā (Chú Giải Tuong Ứng Kinh.
SuN.	Sutta-Nipāta (Kinh Tập)
TG.	Thera-Gāthā-Pāḷi (Trưởng Lão Tăng Kệ)
TGA	Thera-Gāthā-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trưởng Lão Tăng Kệ)
TiG	Therī-Gāthā-Pāḷi (Trưởng Lão Ni Kệ)
U.	Udāna (Cảm Hứng Ngữ)
Vbh.	Vibhaṅga (Bộ Phân Tích)
VbhA.	Vibhaṅga -Aṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Phân Tích)
VbhṬ	Vibhaṅga-Ṭika ⁹⁰¹ (Phụ Chú Giải Bộ Phân Tích)
Vin.Cv.	Vinaya Cūḷa-Vagga (Luật Tạng: Tiêu Phẩm)
Vin.Mv.	Vinaya Mahā-Vagga (Luật Tạng: Đại Phẩm)
Vin.Pāc.	Vinaya Pācittiya-Pāḷi (Luật Tạng: Ứng Đối Trị)
Vin.Pār	Vinaya Pārājika-Pāḷi (Luật Tạng: Bất Cộng Trụ)
VsM.	Visuddhi-Magga (Thanh Tịnh Đạo)
VsMṬ.	Visuddhi-Magga-Ṭikā (Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo)

⁸⁹⁹ PED: do T.W. Rhys Davids, F.B.A., D.Sc., Ph.D., LL.D.D.Litt., và William Stede Ph.D., Pāḷi Text Society, Oxford, England.

⁹⁰⁰ PP: Bản dịch Anh ngữ của bộ Visuddhi Magga (Thanh Tịnh Đạo) do Bhik. Pāḷi Text Society, Oxford, England, dịch, bản tiếng Việt do Sư Cô Thích Nữ Trí Hải dịch.

⁹⁰¹ Tựa Pāḷi cho các bộ phụ chú giải là: VbhṬi = Mūla-Tikā; VsMṬ = Param-Attha-Mañjūsā.

Danh Sách Hùn Phước Ấn Tổng



- Su Dhamma Dhara; ĐĐ Pháp Từ; Su Thiện Hào; Su Hồng Việt; Su Pháp Tín; Su Minh Vinh; Su Thanh Tâm; Su Pháp Tuệ; Su Từ Quảng; Su Pháp Quý; Su Minh Thông (BYT);
- Tu Nữ Diệu Thủy; SC Trí Hạnh; Tu Nữ Diệu Linh; SC Giác Đức; SC Giác Minh; SC Huyền Nghi; SC Liễu Tâm; SC Huyền Châu; SC Vô Niệm; SC Huyền Đăng, SC Huyền Phương, SC Từ Nguyên, SC Từ Nguyên, SC Diệu Từ (PS); SC Huệ Lành (Phước Viên); TN Minh Giới;
- Anh Phan Bình; GĐ Nhật Đẩu; GĐ cô PT Tâm Đức; Tuệ Tâm; Trần Thị Thúy; Tín Phước; Đương P Trương + Trần Đại Năng; GĐ Huệ + Mỹ Hoa + Uyên; Cô Thúy; GĐ Bá Học (cần an mẹ Bạch Thị Đức); Lê Thị Hồng; Thạch Thị Liên; Phạm Thị Huệ; Nguyễn Thị Điệp; Lê Vương Quang Thiện; GĐ Thủy Nhi; GĐ Kiều Nhi; Bửu Chi + Thanh Tuyền; Hạnh Mỹ; Nguyễn Thị Kim Hồng; Nguyễn Thị Hồng; Cao Kim Hiệp; Hồ Thị Nga; Châu Ngọc Tuyết; Nguyễn Thị Ngôn; Trần Bạch Yên; Huỳnh Minh Tuấn; Nguyễn Thị Sang; Nguyễn Thị Vân & Nguyễn Thị Thanh Thúy; Thái Văn Tâm (Lệ Trí); Trung Lan – Trung Vân; Lệ Sang – Viên Khai; Nguyễn Thị Trúc Ly; Trịnh Miên Chánh; Trần Ngọc Vũ; Huỳnh Thị Phương Mai; GĐ Trần Công Hào + Cô Nguyệt (Long Thành); Cô Lê Thị Huệ, Đặng Thị Nga (Thụy Sĩ);

Phạm Lý Thanh Thủy, Hà Như, Anh Duy; GD Phúc Trang (BH)+Nguyễn Thủy Trung Dung; GD Vương Ngọc Châu; GD Thủy (Tịnh Ngọc); Diệu Ngọc; nhóm Phật tử An Giang; Phương Linh; GD Hạnh Hoàng; GD Ma Thị Nhung; GD Lang & Hoa (HH mẹ Hồng Thị Nhơn); GD Nguyễn Thị Tuyền; GD Thanh Khuê; GD Thanh Tuyền (chị 7 Hà); Nguyễn Thị Kim Hoàn; Cô Trinh (Úc); GD Minh Giới (ĐN); Viên Châu, Nguyễn Hiền; Lâm Thị Nguyệt Hồng; GD Luân Mai; Vô Danh; Một số Phật Tử không đề tên; GD Sang Nghiêm, Tùng, Thủy Oanh; GD Công Du; GD Thanh Đạo (USA), PT Minh Lộc (HCM); GD Lực Hoa (Pháp); PT Trần Thị Hiền (HH Trần Quang Tiến); PT Khánh Lan (Tân Bình); Micheline; Bà Nguyễn Từ Thiện; Lê Văn Kim (HH Nguyễn Thành Danh); Nguyễn Bạch Liên (HH Nguyễn Thành Danh); Mỹ Phương; Minh Tâm; Nguyễn Thị Hương; Bác Diệu Hải; GD Trang Đê (USA); Huyền Tôn Nữ Kim Cương; Kusala Dhamma; Anatta (GD Diệu Phương); Anicca (GD Hoa Thông); Chân Hiền Nhân (Úc); Thảo (em Như Pháp); GD Đào Điều; Cô Thu (An Giang); Huỳnh Văn Tuấn; Thanh Hùng + Kim Thà; Hoa Thị Xuyên; Bà Võ Hoàng và các con; GD Châu Tâm; GD Trinh; GD Hồng; Loan Lực; GD Thủy, GD Trang; GD Chú Dậu; GD Di Út, Cậu Năm; GD ông Tám; GD Thầy Mười (BH); Hùng Minh+Cầm Vân; Thanh Thủy, Hữu Trí; Hằng+Triết+Tuông; GD Thiện Hạnh, Tín Hỷ, Diệu Phúc, Diệu Lạc (Ô-Môn); GD Cương Hào; GD Hựu Huyền, Nhật Thiện, Nhật Minh (ĐN); GD Minh Phương; Đoàn Ngọc Mỹ Linh; GD Lan Danh; Lê HoàngThịnh (ĐN); Cô Phương (HCM); GD Thủy Bích; cô Hoa + Thôi (Garland, Texas, USA); em cô Thủy; GD Trần Thị Năm; GD Trần Thị Mỹ Phương, Nguyễn

Thanh Liêm, Lê Thị Hiền Muội; Nguyễn Thị Bảy; Cô Luu (Sobhana)+GD Hồng Trâm+GD Lê Quang Vinh+GD Lê Vinh Quang+Lê Quang Vũ+ Lê Thị Hồng Viên; GD Cô Tuyết, GD Nguyễn Hỷ, Nguyễn Thủy, Nguyễn Ngọc; GD Đinh Kim Phương Thủy (Úc), GD chị Lan Hương; nhóm PT Hà Nội: Đỗ Thị Nguyên Lý, Trung; GD Trần Thanh Hằng; BS Phạm Văn Nam (Cầu an: mẹ Võ thị Nhung; Phạm thị Xuân Lan, Phạm Văn Đông, Phạm Duyên, Phạm văn Hùng, Phạm thị Xuân Nữ, Phạm Thanh Tâm, Đặng Mạnh Thanh Tùng, Đặng thị Quỳnh Yên, Nguyễn Phạm Thiên Phúc, Vũ Quỳnh Vân Anh, Vũ Quỳnh Vân Thy); Cao Tất Tuấn (HH cha Cao Văn Quang); GD Huệ Đặng; PT Hồ Ngọc Dinh; GD Thới Tuyết (An Giang); GD Trần Đại Nhân; Vân La (đệ tử ngài Kim Triệu); PT Tâm Hương, Diệu Kim (Đức); Trung và Thủy Tiên; GD anh Thịnh, cô Liễu, cô Kiều, cùng nhóm Phật tử Thủ Đức; Cô Liễu Vân, GD Cô Hằng; Ngọc Uyên; Nguyễn Thị Kim Hoàn (PD Chơn Tánh); GD Ma Thị Nhung; Nguyễn Hương, Nhật Như, Diệu Ngọc, Đỗ Ng Tuyết, Ma Thuý Nga; GD Thanh Khuê (Mỹ Thành) GD Hoằng Đê+Thanh Giảng, Bùi Thị Thu Vân, Nhân Sa Kim+Đỗ Ngọc Tiết, GD Nhật Đâu; Nhóm cô Hồng Diễm; Phan Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thu (Biên Hoà) Cô Hạnh; Hoàng Thị Chín, Nguyễn Huỳnh Ngọc Tú, Nguyễn Huệ, Nguyễn Phương, Nguyễn Xuân, Nguyễn Thị Mười, Tô Thị Thu Ba, Huỳnh Phạm Minh Siêng, Trịnh Ngọc Tiến, Tô Duy Đương, Nguyễn Đồng Tâm, Nguyễn Thị Rạng, Huỳnh Trọng Kha, Lê Tấn Hà, Lê Tấn Đạt, Lê Tấn Hoà, Nguyễn Đạo, Nguyễn Khánh, Lâm Hữu.

- GD Tuệ Giác Khiêm+Tùng Bi Hạnh, Nguyễn Thiên Kim, Lê Ngọc Thanh; Thiên Tân, Nhóm PT Thủ Đức+Úc,

GĐ Nhân Thủy, Trương Thị Phương Chi+ Myng Điền (USA); GĐ Tâm Minh+Tâm Duyên Văn (HH mẹ Nguyễn Thị Mão PD Diệu Ngô); Diệu Đạo (cô Bình); Cô Huệ Lành (chùa Phước Viên); Nguyễn Hồng Mai Thủy; Hải Châu; Nguyễn Hồng Hiền (HN); Đỗ Thanh Hà HH ông Vũ Đức Mạc; Tập Thể Thí chủ HH Mẹ Trần Thị Nhan, Lê Thị Hiệp, Anh Vũ (Tôn Hoa Sen); GĐ Chánh Kiến; Đinh Thị Bích Thủy; Hoàng Thị Bên; GĐ Chánh Lý; Viễn Tuấn (PD Minh Anh); Trần Thị Lệ Thu; Lê Thu Nguyệt (Đà Nẵng); Ly Hương+Hoàng Anh; GĐ Phạm Văn Hội+Đương Thị Lao (cô Hồng); cô Nguyễn Ngọc Điệp (Long Thành)

- Thành thật cảm ơn các Phật tử Trương vĩ Hùng, Thiên Tân, Sumanā Kim Lan, đã hết lòng đóng góp cho sự hoàn thiện của cuốn sách này.

Vận Hành Của Nghiệp Tập II

Pa Auk Tawya Sayadaw
Tỳ-kheo Pháp Thông dịch



Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Công Oánh

Biên Tập:

Sửa bản in: Tỳ kheo Pháp Thông

Bìa: Sumanā (Kim Lan)

Đối tác liên kết: Trương Vĩ Hùng-43R/16 Hồ Văn Huê
P.9 Quận Phú Nhuận TP Hồ Chí Minh.

Tel: 0903900768

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT: 04.37822845-04.37822842—Fax: (04) 37822841
